



Văn nghệ

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

VÌ TỔ QUỐC, VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

TẾT NHÂM THÌN

NĂM THỨ 65

SỐ 2 - 3 - 4 (2012)





DNRC



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY CAO SU ĐỒNG NAI
DONG NAI RUBBER CORPORATION

Địa chỉ: Xã Xuân Lập - Thị xã Long Khánh - Tỉnh Đồng Nai

Tel: (0613) 724444 * Fax: (0613) 724123

Website: www.donaruco.vn * Email: dn@donaruco.vn

VP đại diện: 39 Bến Vân Đồn, Q4, TP HCM

Tel: 08.39400345 * Email: donaruco@hcm.vnn.vn

ĐƠN VỊ: * ANH HÙNG LAO ĐỘNG

*** ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN**



Chủ tịch HĐQT
Ông LÊ XUÂN HÒE
 Tổng Giám Đốc
Bà NGUYỄN THỊ GÁI



Văn phòng Tổng Công ty



Lễ ra mắt Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc - TCty



C.ty CSDN đón nhận AHLĐ



Công nhân khai thác mủ



Chế biến mủ latex

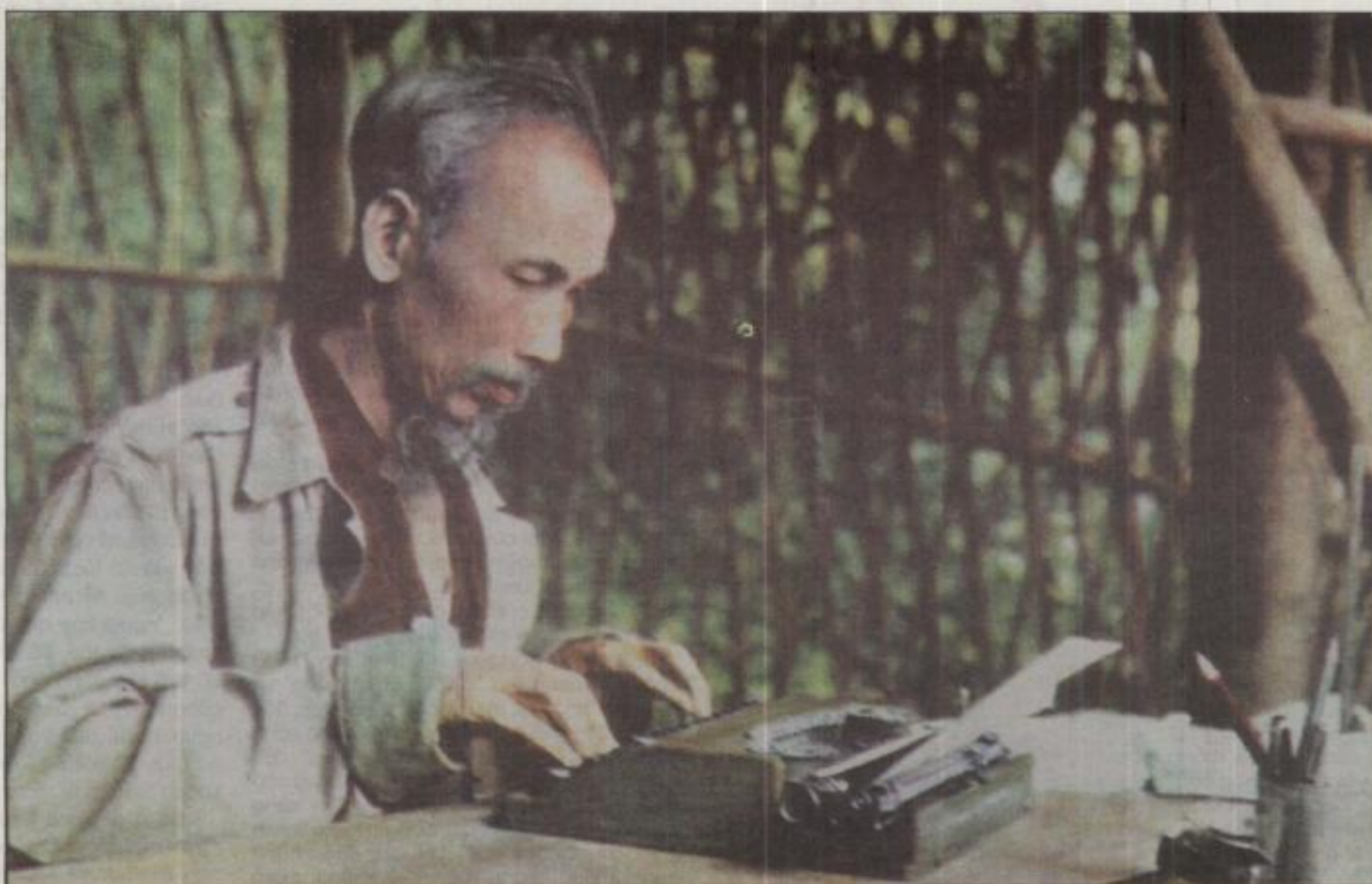


Dây chuyền sản xuất cao su khối

LĨNH VỰC SXKD

- * Trồng và khai thác cao-su thiên nhiên.
- * Thương nghiệp bán buôn.
- * Sản xuất các sản phẩm bằng hạt PE.
- * Sản xuất các sản phẩm bằng nguyên liệu cao su.
- * Xây dựng cơ sở hạ tầng, cụm dân cư, kinh doanh địa ốc.
- * Xây dựng dân dụng, công nghiệp và giao thông.
- * Xây lắp thủy lợi.
- * Chế biến các loại đá xây dựng.
- * Sản xuất bao bì và các sản phẩm mộc gia dụng.
- * Dịch vụ vận tải hàng hóa.
- * Chế tạo, gia công sửa chữa thiết bị và sản phẩm cơ khí.
- * Thiết kế thi công hệ thống điện sinh hoạt và công nghiệp.

Tổng công ty cao su Đồng Nai sẵn sàng hợp tác với mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước trên các lĩnh vực: Sản xuất hàng hóa từ sản phẩm cao su; Thương mại xuất khẩu cao su; Khoa học kỹ thuật về cao su và một số lĩnh vực kinh doanh dịch vụ khác.



CHÚC MỪNG NĂM MỚI NHÂM THÌN - 2012

Văn nghệ
HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM
Số 2 - 3 - 4 (2012)
TẾT NHÂM THÌN
NĂM THỨ 65

Với sự tham gia của các tác giả sau:

Truyện ngắn: Ma Văn Kháng; Hồ Anh Thái, Vũ Tú Nam, Bích Ngân, Nguyễn Lệ Ba, Phạm Thái Quỳnh.

Bút ký: Chu Lai, Phạm Phát, Phạm Dương, Trần Huy Quang, Nguyễn Duy, Kiều Vượng, Vũ Phạm Chánh.

Lý luận, phê bình văn học: Nguyễn Chí Hoan, Lê Thành Nghị, Tấn Phong, Huỳnh Như Phương...

Chân dung văn nghệ sỹ: Đỗ Chu, Thiên Sơn, Đặng Tiến, Đào Đức Tuấn, Nguyễn Văn Thọ, Chu Bá Nam...

Văn học ngược ngoài: Bái Trì, Vũ Thị Huế, Lê Thủy, Lê Mỹ, Lê Sơn, Đàm Ngọc Xuyên, Nguyễn Trọng Nghĩa...

Thơ: Giang Nam, Nguyễn Xuân Thâm, Vũ Duy Thông, Thi Hoàng, Nguyễn Khoa Điểm, Trúc Thông, Trần Ninh Hồ, Trần Quang Quý, Hồng Thanh Quang, Bùi Ngọc Trinh, Nguyễn Đức Mậu, Nguyễn Hoa, Đoàn Xuân Hòa, Mai Văn Phấn, Trần Vũ Long, Dương Kỳ Anh, Dương Thuần, Inrasara, Mai Liễu, Y Phương, Hoàng Vũ Thuật, Đặng Thị Thanh Hương, Đoàn Thị Kỳ, Phan Thị Thanh Nhân, Trần Đăng Khoa...

Các chuyên mục khác: Nguyễn Khắc Phê, Nguyễn Đức Hạnh, Bổng Lai, Thanh Thảo, Bích Thuận, Lê Hoài Lương, Tương Lai, Phạm Thành Hưng, Ngô Minh, Nguyễn Quang Thiều, Trần Bá Giao, Phong Điệp, Trần Nguyệt Diệu, Nguyệt Tú, Nguyễn Hiệp, Văn Công Hùng, Đỗ Bích Thủy, Thạch Quý...

Các họa sĩ minh họa: Thành Chương, Phạm Minh Hải, Lương Xuân Đoàn, Hoàng Đình Tài, Tô Chiêm, Khánh Toàn, Phạm Quang Vinh, Phạm Hà Hải...

Cùng Phụ trợ 10 truyện ngắn dự thi chọn lọc năm 2011.

THẾ là mùa Xuân y hẹn lại về!
Chẳng giống với vạn vật trong vòng quay bất tận của tạo hóa, mỗi thời khắc trôi qua là không quay trở lại; mỗi độ Xuân về không chỉ là sự phượng trường của thời gian, mà ở còn là một sự hồi sinh, với bao thành tựu phía sau và tương lai phía trước...

Một năm Tân Mão bế bộn nhưng rộn rã vừa đi qua với những buồn vui được mất của thiên nhiên, của con người, của nhận thức và của cả những hành vi ứng xử: Những cơn thịnh nộ của thiên nhiên; những cuộc chiến tranh, khủng bố đánh vào những con người lương thiện, những cuộc tranh chấp cả trên bộ lẫn trên biển; sự nghèo khó và tật bệnh vẫn dày vò loài người... âu cũng là lẽ đời. Song qua tất cả những biến thiên đó, phẩm chất và tinh thần Việt Nam luôn được khẳng định: mạnh mẽ, quyết liệt nhưng cũng vô cùng nhân văn... Giờ nhìn lại những thành tựu mà chúng ta vừa có được trong hành trang bước sang mùa Xuân mới Nhâm Thìn này, dù chưa đủ để gọi là bế thế, nhưng ắt hẳn không ai là không cảm thấy cả quyết, vững tin. Thành công của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, cùng với tinh thần, tư duy và quyết tâm mới của một nhiệm kỳ Quốc hội mới, nhiệm kỳ khóa XIII, không chỉ khẳng định hướng đi đúng đắn của Cách mạng Việt Nam, mà từ đó đã mở ra một tầm nhìn mới với bản lĩnh mới, quyết sách mới, chiến lược mới, để từ đó đưa đất nước và dân tộc vững vàng bước sang một giai đoạn mới, với một vị thế mới, sẵn sàng đối diện với những cơ hội mới cùng những thách thức mới...

Bắt nhịp hài hòa với dòng chảy chung của Thế giới, cũng đồng nghĩa với việc chúng ta luôn phải đối diện và đón nhận những cơ hội cùng thách thức của một môi trường kinh tế và chính trị với những tác động toàn

cầu, mà suốt một thời gian dài vừa qua đã có những ảnh hưởng không mấy thuận lợi tới sự phát triển của đất nước. Dù rằng còn biết bao nhiêu điều chưa thể hài lòng so với những gì chúng ta mong muốn, nhưng với một đất nước vẫn giữ được sự an bình trước một thế giới nhiều nơi bất ổn, với một nền kinh tế đang có nhiều dấu hiệu phục hồi và giữ được nhịp độ tăng trưởng, chúng ta có quyền tự tin vào một năm mới tốt đẹp hơn. Tất cả những điều đó phải chăng cũng chính là một sự phượng trường và hồi sinh, giống như một mùa Xuân mới đang bắt đầu và luôn bắt đầu...

Không khí mới, niềm tin mới sẽ tạo nên niềm hứng khởi và trở thành năng lượng cho nhà văn có thêm sức sáng tạo mới...

Có điều gì đó dường như đang cựa mình trong nách lá, nơi đầu cành, dưới những tầng đất xốp để làm nên những màu xanh, làm nên những hương thơm tỏa lan vào gió, làm nên những mùa vàng ngày sau.

Và làm nên cả sự trẻ trung, phơi phới trên nét mặt, trong ánh mắt bao người...

Nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân. Mỗi ngày trôi qua luôn là những ngày mới. Và ngày hôm nay, khi ánh bình minh bắt đầu ló rạng, trên khắp đất nước ta, từ Hoàng Sa, Trường Sa phía cực Đông Tổ quốc, tới ngút ngát Trường Sơn hùng vĩ phía Tây, từ hiên ngang địa đầu Lũng Cú cho tới miệt mài Đất Mũi cực Nam; từ đồng bằng phù sa bồi bãi bên những dòng sông hiền hòa chiu chắt, đến mệnh mang hào phóng cao nguyên, thâm u rừng thẳm... đâu đâu cũng tràn đầy cảm xúc. Cảm xúc về một sự mới mẻ trường tồn.

Xin được chia sẻ cảm xúc thiêng liêng đó cùng bạn đọc.

VĂN NGHỆ

ĐỂ XỨNG LÀ CON RỒNG CHÁU TIÊN

NGUYỄN KHẮC PHÊ

BIEU tượng của năm Thìn là con Rồng - "con vật tượng trưng, mình rắn có chân, tượng trưng cho uy quyền của nhà vua trong chế độ phong kiến". Từ điển Tiếng Việt đã ghi như vậy. Thực ra thì con Rồng không hẳn chỉ "tượng trưng cho uy quyền của nhà vua..." Ca dao cổ có câu:

"Mấy khi rồng gặp mây đây / Để rồng than thở với mây vài lời.
Nửa mai rồng ngược mây xuôi / Biết bao giờ lại nổi lên nước non."

Con Rồng ở đây chẳng đáng gì đến vua chúa cả mà là lời tâm sự của một đôi tình nhân hoặc là đôi bạn tri âm, mặc dù thuộc hàng thượng lưu (nên mới tự ví mình là "rồng" với "mây"), nhưng xem ra cuộc sống cách trở và không hạnh phúc. Thì cuộc đời thường thế, mấy khi hiện thực diễn ra như trong tưởng tượng. Cho dù vậy thì con người vẫn luôn có ước vọng và tưởng tượng - và Rồng là con vật "hình tượng hóa" những ước vọng, mơ mộng về một cuộc sống cao sang, đẹp đẽ của con người.

"Lâm gái lấy được chồng khôn / Cẩm bang cá vượt Vũ Môn hóa rồng!"

Có lẽ đây là ước vọng của hầu hết các cô gái đến tuổi thành hôn vì mấy ai lại muốn có bạn đời là một kẻ đại kờ. Có điều, ở đời, "khôn-dại" còn tùy thời, tùy quan niệm sống; ví như có kẻ cho rằng biết dựa thế người cầm quyền là khôn, nhưng có vị lại cho như thế là đại vì "quan nhất thời, dân vạn đại", khi người cầm quyền bị thất sủng thì mình chớ vợ; ấy là chưa nói núp bóng kẻ khác, có lợi lộc cũng chỉ là "đầu thừa đuôi thẹo" và coi như tự tước mất quyền tự do...

Đời làm "nèo" như thế, nhưng cuộc sống

dân chúng thường khốn khổ, nên vẫn ước vọng "đổi đời", không được "hóa rồng" thì cũng "ăn theo" hoặc ghé chút vinh dự. Vậy nên, được xem là may mắn khi "Rồng đến nhà tôm" hay "Mả táng hàm rồng", "Như rồng gặp mây". Người không có may mắn như thế thì cũng tự hào có một cử chỉ nào đó như...rồng: "Ăn như rồng cuốn", "Thêu phượng vẽ rồng"... Tuy vậy, cũng có một cách đánh giá khác. Đừng tưởng ai cũng



nghĩ "rồng đến nhà tôm" là điều may mắn cho "tôm". Chuyện xưa có nhà nho đã nói rằng "vua đến tôi thì vua được tiếng là tôn trọng người hiền, kẻ sĩ". Gần hơn, có thầy giáo Trần Quốc Nghệ, khi một Bộ trưởng vốn là bạn cũ tới thăm, ông ra đón nhưng rồi buột miệng nói: "Đến thăm bạn cũ, thật vinh dự thay cho Bộ trưởng!"

Trong hạnh phúc gia đình thì có kẻ ao ước "một ngày dựa mạn thuyền rồng / Cũng bằng muốn kiếp ở trong thuyền chài"; nhưng lại có chị em lại coi đời sống vương giả, ăn sung mặc sướng không phải là đảm bảo cho hạnh phúc đôi lứa:

"Dầu ngồi cửa sổ chạm rồng / Chân loan gổ phượng không chống cũng hư."

Hình như trong xã hội hôm nay, cũng không ít "nàng" có "cửa sổ chạm rồng" và nay cập "bổ" này, mai được đại gia khác đón nhưng làm sao có thể cho đó là cuộc sống hạnh phúc? (Xin nhắc trong "Kiểu" của Nguyễn Du có câu "Nào người phượng chạ loan chung" để chỉ những kẻ sẵn sàng chung chạ với nhiều đối tượng. Do đó "chân loan gổ phượng" chủ yếu nói đến những nàng không chung thủy, chứ không nhằm người giàu sang.)

Một cách nhìn khác lại muốn so sánh cái hạnh phúc giản dị mà cũng thiêng liêng của người phụ nữ với điều may mắn ít người đàn ông đạt được:

"Trái ơn vua ngồi võng đôn rồng / Gái ơn chồng ngồi võng ru con."

Hoặc là:

"Trái ơn vua lúc đưa thuyền rồng / Gái ơn chồng lúc bóng con thơ..."

Giữa cặp so sánh này cũng có mấy cách nghĩ có thể diễn đạt bằng cách thêm vào giữa hai câu từ "không bằng" hoặc

"cũng như". Có thể sẽ có người "chất vấn": Người giỏi giang, đại phước mới đậu đạt cao, được làm "quan", được "ngồi võng đôn rồng" sao lại "không bằng" chị em có chồng, ngồi ru con - chuyện thường tình ở đâu cũng có? Tuy vậy, ngắm kỹ, người phụ nữ sinh thành nên những đứa "con thơ", mỗi đứa một vẻ mặt, một tính cách, không trùng lặp bao giờ, là sự sáng tạo kỳ diệu của tạo hóa, không bộ máy điện tử - dù tinh xảo đến đâu - sánh được; còn những anh chàng giỏi giang kia thì chỉ thuộc lầu kinh sách, chứ đã làm nên trò trống gì!

Cho dù vậy, hình ảnh con Rồng luôn được trọng vọng, chính vì cuộc sống luôn cần trí tưởng tượng và mơ mộng. Chúng ta từng biết nhiều phát minh khoa học lớn, nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật nổi tiếng ra đời chính là nhờ những con người có trí tưởng tượng mạnh mẽ và biết mơ mộng. Vậy mà có lúc, có nơi người ta coi những người giàu trí tưởng tượng là "kẻ chỉ giỏi phịa", người hay mơ mộng là "kẻ sống phi thực tế"; đại thể, đó là những kẻ "lãng mạn, vô tích sự, đáng phải lên án", nếu không, cũng là người mắc bệnh tâm thần! Từ đó, người ta chỉ xem trọng những người "có đầu óc thực tế", dẫn đến mọi sự cứ thấp lè tè, không "cất cánh" được.

Đã đánh, con người ta không phải cứ ngửa mặt mơ tưởng chuyện "trăng sao" là nghĩ ra được kế sách lớn hay ho. Hiểu biết sâu sắc thực tiễn cũng có vai trò rất quan trọng trong mọi sự thành bại ở đời. Không có con rắn trườn bò sát mặt đất thì chắc gì đã có hình ảnh rồng bay. Nhưng vào năm con Rồng, chợt nghĩ tổ tiên ta từ cuộc sống hẳn còn khốn khổ, lạc hậu đã biết tưởng tượng ra một hình ảnh đẹp bay lượn được cùng mây trời, thì lớp hậu sinh trong thời đại mới, được thừa hưởng biết bao thành tựu kỳ diệu của nhân loại, lẽ nào lại không dám tưởng tượng và mơ mộng đến những điều cao đẹp cho xứng là "con Rồng cháu Tiên".■

Bạn ơi, chiến tranh màu gì?

CƠN gió nào thoảng qua khiến anh giật mình. Gió của mùa xuân đang đến hay gió từ miền kỷ ức đang vùn vụt trời xuôi? Khép nhẹ cánh cửa, anh bước vào nhà tìm đến một ngăn tủ cũ và lôi ra từ đấy những thứ đồ còn cũ kỹ hơn: Một chiếc bi đồng gắn tróc hết sơn, vẫn nhớ anh từng gọi nó là "toang hời". Một phần chiếc dù Mỹ mà anh thu được - sau đem chia cho mọi người để làm tấm đắp - thời ở ngã ba chiến trường Xê bằng hiêng. Cái ba lô này, ôi có lẽ nó là vật quen thuộc nhất, lúc nào cũng nằm trên lưng anh, giữ hộ anh nào thuốc sốt rét, băng cá nhân, lương khô, bàn chải đánh răng, những lá thư tình và cả mùi mồ hôi nữa, cái mùi quen thuộc mà một lần anh gửi ba lô về nhà, mẹ vừa đưa lên đã muốn khuyu xuống: "Thằng..." Anh cầm lấy chiếc quai rồi trái ba lô ra bàn và hốt nhiên, sững sờ.

- Bác đang làm gì đấy? Thằng Bi - đứa cháu con chú út vừa sang chơi - chợt ủa đến hỏi.

- À bác đang xem lại những vật kỷ niệm thời chiến tranh cu ạ.

- Cháu ghét chiến tranh! Thằng bé chạy đi.

"Hả?" Anh chuyển từ sững sờ sang bối rối. Thằng bé tí hiu mới bảy tám tuổi này dám trở thành một chiến sĩ hòa bình nhỏ tuổi lắm, ngạc nhiên chưa, ngạc nhiên thật.

- Tại sao cháu lại ghét chiến tranh - Anh đuổi theo câu hỏi.

- Cháu ghét vì ... chiến tranh không có màu!
"Hả?" Anh không thể không thêm một lần bối rối, rồi như đồ lùa ngay trước mặt ...

Màu. Đã thấy quá nhiều màu trong chiến tranh, nhưng anh nhớ nhất một lần ... ấy là năm 1967, không quân Mỹ mở chiến dịch "Sấm rền" suốt một dải phía nam Đường 1. Đầu tiên là Hàm Rồng. Lấy màu Hàm Rồng xong, chúng chuyển ra cầu Phủ Lý. Trung đoàn học tốc hành quân từ Hàm Rồng ra Phủ Lý. Bầy xong trận địa, vừa kịp bắn rơi chiếc máy bay chiến tranh thứ mấy của Miên Bắc không nhớ nữa - nhưng chưa kịp nhận "tạ thưởng" đến không phiêu" là quả của tỉnh - thì lại phải thu pháo trở lại Ninh Bình. "Sấm rền" đang hoành hành ở đấy. Từ cơ quan tham mưu trung đoàn, anh tự nhận lãnh nhiệm vụ xuống Bến Nứa, trận địa ác liệt nhất mà "Xe-ba-năm-bảy-ly" đang chiến đấu. Một quả tên lửa trùm lên khẩu đội 2. Anh lao đến. Máu, máu và thân thể vương khắp nơi. Pháo thủ số 2 vừa thều thào gọi vừa dùng tay ấn vào đám lòng ruột đã xổ hết ra ngoài ...

Đỏ máu là màu đặc trưng của chiến tranh hẳn rồi. Nhưng cũng còn một màu đỏ khác ...

Vào sâu, đơn vị anh nhận nhiệm vụ bảo vệ ngầm Chà Li - A Trốc, một cửa khẩu mới mở của Đường dây

THẤY, NGHĨ VÀ VIẾT

MÀU CỦA CHIẾN TRANH

BỔNG LAI

559. Mới mở mà tơi bởi kinh hoàng đổ đất, đổ đá buổi ngày, đổ những quảng cháy và pháo sáng buổi đêm. Đổ tan hoang một vùng nửa cây số, lật tung lòng Xê bằng hiêng nước cạn mùa khô, chém cháy đỉnh A Trốc không chứa một ngọn cỏ. Đơn vị đặt ở đấy một vọng quan sát. Anh vẫn nhớ B., một trong số những chiến sĩ làm nhiệm vụ. Thính tai và sợ chết, chưa ai hay gì thì B. đã kêu lên "máy bay" rồi tụt ngay vào hang, trời sụp cũng không ra. Trời chưa kịp sụp nhưng hang sụp - một lần hừng trọn trái bom xuyên phá - B. ở lại đấy mãi mãi.

Đường 16, đường 9, đường 12, đường 128 kéo dài; và những con đường kín giữa rừng già ... Bao nhiêu trận đánh, bao nhiêu người ngã xuống, nhưng vẫn - và mãi mãi -ngút ngàn Trường Sơn ngút ngàn xanh. Một lần anh lạc trong rừng. Có la bàn dấy mà đi mãi, đi mãi không thấy lối ra, chẳng một dấu đường mòn. Treo lên, treo lên thăm thẳm; đi xuống, đi xuống không cùng. Chỉ thấy xanh là xanh. Cứ ám ảnh những câu thơ của Vũ Quần Phương mà anh từng rất yêu, lúc này lại hoảng: "Chúng tôi đi trong màu xanh bất tử! Xanh bít bùng, xanh như khóa như bùng ..."Anh đã ở đấy bao lâu? Sáu năm. Quá đủ để thấy, chiến tranh là sắc xanh che chở của bộ quân phục vĩ đại. Màu xanh ở đấy thật khấp khểnh, khấp khểnh ở sự trường tồn của nó. Sau chiến tranh, anh từng đi lại, tìm lại những con đường xe chạy, những bến bờ lở loét. Không còn, không thấy, xanh đã đứng lên che ngự hết thảy, đầy tất cả vào cổ tích để thế hệ ngày nay bắt đầu kể, không phải về một câu chuyện chiến tranh mà về một huyền thoại ...

Sáu năm. Chừng ấy thời gian cũng là đủ để anh biết rằng nơi này không chỉ có xanh đại ngàn mà còn xám mặt người nữa. Những cơn đói, những cơn sốt rét. Ai cũng xám xanh như đá sỏi, xám tái như mưa rừng. Chao là mùa mưa Trường Sơn. Trời mang hết nước thế gian đổ xuống đây chẳng trời? Cả tuần, cả tháng xám xịt, gào nhau bóng cỏ qua màn nước xe. Bom B52 rung rần rất đất rừng đất núi mà nghe lục đục như bị ám nước. Lần đó, anh không nhớ ở Giảng hay Bến Hiên, anh đã suýt đặt đồ của mình lên người mấy chiến sĩ gái Quảng Đà. Khuôn mặt anh có lẽ may còn chút sinh khí. Chứ mấy em mấy chị, xám hết cả người, xám hết cả đoàn như đá phiến ló

nhỏ nơi mấy em mấy chị dừng chân.

Anh đặt tay lên chiếc ba lô, đặt vào chỗ có thêu chữ "hát hoa" (H) bằng chỉ đỏ, thứ đã hốt nhiên khiến anh sững người. Cũng như buổi ấy anh đã sững người lúc gặp nàng. Hình như nàng cũng cảm nhận điều gì thì phải, khi ứng lên đôi má khẽ cất tiếng chào anh rồi chầm chậm qua cửa. Tất cả chỉ có vậy. Và nếu muốn thêm thì vị cho hồi tưởng thì: bãi bồi ven sông Hồng vùng Thanh Thủy, xóm nhỏ, chuối ngút ngàn một ngày xuân. Tất cả chỉ có vậy, thậm chí anh cũng chưa kịp nói với nàng một lời. Các anh hành quân đến đấy lúc chiều muộn, rồi hội ý hội báo rút kinh nghiệm, trở về nơi trú thì đã gần nửa đêm. Thời để sớm mai, lúc chia tay - anh tự nhủ. Dậy sớm, anh loay hoay vào ra, loay hoay xếp đồ, vẫn chưa thấy bóng nàng. Rồi đến giờ lên đường, đưa "con cóc" ra ngoài thêm anh mới chợt nhìn thấy chữ "hát" thêu trên một nắp túi. Bác chủ nhà bảo: cô giáo nói và hộ chú thứ gì đó, cô đến trường rồi! Thì ra nàng là giáo sinh sư phạm, về đây thực tập, "hát" là chữ đầu tên của nàng. Anh nhớ sẽ quay lại đây một ngày gần, nhất định như vậy. Nhưng chiến tranh cuốn anh đi mãi, càng ngày càng xa, đến lúc rồi kẻ Bắc người Nam ngàn trùng cách trở. Anh không có điều kiện quay lại nơi ấy được nữa, nhưng chưa bao giờ thôi hy vọng. Tất cả chỉ có vậy, mà cứ dày mãi trong anh niềm hy vọng. Lại thật đấy, với anh, màu của chiến tranh là màu hy vọng. Mà đâu chỉ với anh. Với bao nhiêu người lính, với tất cả những người lính, chiến tranh có màu hy vọng. Không thể thì chúng ta đã chiến đấu để làm gì?

Anh gọi thằng Bi lại. Thằng cu thật thông minh mà cũng thật con trẻ. Nó chẳng là "chiến sĩ hòa bình" gì hết, nó chỉ giải trí qua kênh ti vi. Nơi ấy mịch mịch với nó rằng "chiến tranh không có màu" vì nó đâu hay cái thuở chiến tranh xa xôi ấy người ta chỉ có thuốc phim đen trắng! Anh bảo Bi:

- Chiến tranh có màu đấy cháu ạ, màu hy vọng!
- Thế hy vọng ... màu gì bác?

Anh cười xòa, mở cửa dẫn Bi ra ngoài. Không thấy cơn gió nào thoảng đến, nhưng mùa xuân, hơi thở mùa xuân thì đã ở bên thềm ...■

LÀM BÁO, LÀM NGƯỜI THEO TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

TS. NGUYỄN ĐỨC HẠNH

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương lớn đối với các thế hệ nhà báo cách mạng Việt Nam. Kế thừa di sản tư tưởng đạo đức của Người cũng tức là lĩnh hội từ đó cái tâm, cái đức của người làm báo. Từ cái tâm, cái đức ấy sẽ định hướng cho việc học hỏi suốt đời, cho tính trung thực, dũng cảm của người chiến sĩ trên mặt trận văn hóa, tư tưởng của Đảng. Hay như cách nhà văn Nguyễn Khải đã diễn đạt một cách cụ thể, sinh động là: "Người làm báo cũng có một quyền lực nhất định, vì đã được giao trọng trách làm cái gạch nối giữa Dân với Đảng, giữa Đảng với Dân. Chỉ đứng về một phía, chỉ biết có một phía, lập tức mọi xét đoán, kết luận sẽ phiến diện, bài viết sẽ thiếu hẳn sức thuyết phục, hướng dẫn. Cũng vì vậy mà xã hội có quyền đòi hỏi báo chí và người làm báo phải tuyệt đối trong sạch, phải khách quan, phải nhân hậu và phải hết sức cương trực" (Nguyễn Khải - Bớt ngưng khi đôi mắt với độc giả - Văn nghệ, Hội Nhà văn Việt Nam, số 27, ngày 4-7-1987).

Công cuộc đổi mới đất nước của chúng ta đòi hỏi nếu cao tầm quan trọng của đạo đức nghề nghiệp báo chí. Trong những ngày đầu xuân này, nhìn lại những di sản tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc cũng chính là một việc làm thiết thực của những người làm báo nhằm trau dồi bản lĩnh chính trị của mình, góp phần vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân, khẳng định được vị thế của dân tộc và đất nước ta trong cộng đồng nhân loại tiến bộ...

CÁC nhà nghiên cứu đều có chung nhận định rằng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh bắt nguồn từ truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam, đồng thời kế thừa những tư tưởng đạo đức phương Đông, những tinh hoa đạo đức của nhân loại và đặc biệt quan trọng là tư tưởng đạo đức của chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong lĩnh vực đạo đức, Hồ Chí Minh có sử dụng một số khái niệm và mệnh đề tư tưởng đạo đức của Nho giáo, nhưng trên cơ sở mới, chuyển tải những nội dung mới, và vì vậy, về thực chất, đó là đạo đức mới - đạo đức cách mạng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm đạo đức là "gốc", là nền tảng của người cách mạng. Trong cuốn *Đường cách mệnh*, Người đã dành chương đầu tiên để bàn về tư cách người cách mệnh, sau đó mới nói về lý luận và đường lối cách mạng, Người khẳng định: "Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì..."

Xét về lịch sử, quan niệm "đức là gốc" của con người đã xuất hiện từ xa xưa trong học thuyết "đức trị" của Nho giáo. Tuy nhiên, chữ "đức" mà Nho giáo nói đến lại xuất phát những chuẩn mực đạo đức phong kiến trời buột con người vào lễ giáo, phục vụ cho chế độ đẳng cấp, tôn ti hà khắc của xã hội phong kiến. Sự khác biệt giữa đạo đức cũ với đạo đức mới đã được Bác Hồ chỉ rõ: "... Đạo đức cũ như người đầu ngựa xuống đất chân chống lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững dưới đất, đầu ngẩng lên trời". Đó chính là thứ đạo đức "... không phải vì danh vọng cá nhân, mà vì lợi ích chung



Chủ tịch Hồ Chí Minh tại lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng (1960). Cũng tại đây khi nói đến việc phải lấy "Đức" làm gốc trong xây dựng Đảng, Người nói:

Đảng ta vĩ đại như biển rộng, như núi cao,
Ba mươi năm phấn đấu và thắng lợi biết bao nhiêu tình.
Đảng ta là đạo đức, là văn minh

của Đảng, của dân tộc, của loài người"...

Nhiều nhà nghiên cứu cũng chỉ ra những đặc điểm nổi bật trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh qua các mệnh đề như:

TRUNG VỚI NƯỚC, HIẾU VỚI DÂN

Đây là phẩm chất quan trọng nhất, bao trùm nhất và chi phối các phẩm chất khác. Từ quan niệm "trung với vua, hiếu với cha mẹ" trong đạo đức truyền thống của xã hội phong kiến phương Đông, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa vào đó một nội dung mới cao, rộng hơn là "Trung với nước hiếu với dân". Đây thực sự là một cuộc cách mạng trong quan niệm đạo đức.

YÊU THƯƠNG CON NGƯỜI

Tình yêu thương con người được Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định là một trong những phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất. Người từng viết: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành".

CẦN KIỂM LIÊM CHÍNH, CHÍ CÔNG VÔ TƯ

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh thì: Cần tức là lao động siêng năng, sáng tạo, có năng suất cao; lao động với tinh thần tự lực, không

lười biếng, không ỷ lại, không dựa dẫm.

Kiểm là tinh thần tiết kiệm trong mọi hoàn cảnh. Tiết kiệm sức lao động, thời gian, tài sản của dân, của nước, của bản thân mình; không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi.

Liêm là liêm khiết. Không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tặng bốc mình...

Chính, "nghĩa là không tà, thẳng thắn, đứng đắn". Không tự cao, tự đại, luôn chịu khó học hỏi cầu tiến. Không nịnh hót người trên, không xem khinh người dưới, luôn giữ thái độ chân thành, khiêm tốn, thật thà. Luôn biết đặt lợi ích công lên trước việc tư.

Chí công vô tư, Người nói: "Đem lòng chí công vô tư mà đối với người, với việc". "Khi làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước, khi hưởng thụ thì mình nên đi sau"; phải "lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ"...

Một điều đặc biệt đáng suy nghĩ khi Bác đòi hỏi phải lấy "Đức" làm gốc, đã đặt đạo đức lên vị trí hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng. Bởi thế, một đảng nếu xa rời mục tiêu lý tưởng cách mạng, nếu thoái hóa về đạo đức thì tức là đã hỏng từ "gốc". Ngoài đạo đức cách mạng là yêu cầu tiên quyết, Đảng còn phải có trí tuệ, có năng lực nhận thức quy luật và hành động cách mạng đúng đắn, Đảng còn phải "là văn minh", phải tiêu biểu cho trí tuệ của cả dân tộc...

Vấn đề xây dựng đạo đức cách mạng, xây dựng Đảng tiến phong của Chủ tịch Hồ Chí Minh không ngoài mục tiêu thực hiện thắng lợi sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân. Phẩm chất đạo đức của người làm báo cách mạng cũng vậy, không gì khác hơn là sự tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng của Đảng, chiến đấu cho sự thắng lợi của chân lý cách mạng, hết lòng phục vụ nhân dân...

BÀI THƠ CHÚC TẾT NHÂM THÌN CỦA BÁC HỒ 60 NĂM TRƯỚC

HẢI THANH

NẾN độc lập tự do mà dân tộc vừa giành được chưa được bao lâu thì thực dân Pháp lại đã tằm cướp nước ta một lần nữa. "Dù có đốt cả dãy Trường Sơn, chúng ta cũng phải giành cho được độc lập tự do của dân tộc". Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói như thế và Người đã hiệu triệu toàn Đảng, toàn quân, toàn dân lên đường làm cuộc trường chinh kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược: "Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc thuổng, gậy gộc. Hồ là người Việt Nam thì hãy đứng lên cứu nước!" (Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến - 1946).

Cả dân tộc xuống đường. Cả dân tộc xốc tới. Sáu năm sau, cuộc kháng chiến chống Pháp đã bước sang giai đoạn "phòng ngự", chuẩn bị bước sang giai đoạn 3, giai đoạn "phản công". Đứng trên đỉnh cao của chiến thắng này, Xuân Nhâm Thìn (1952), Bác Hồ lại viết thơ chúc tết đồng bào trong cả nước:

Xuân này, xuân Nhâm Thìn
Kháng chiến vừa sáu năm
Trường kỳ và gian khổ
Chắc thắng trăm phần trăm.

Chiến sĩ thì giết giặc
Đồng bào thì tăng gia
Năm mới thì đua mới
Thắng lợi ắt về ta.

Mấy lời thành thật nôm na

Vừa là kêu gọi, vừa là mừng xuân.

Bài thơ với lời thơ giản dị, nhưng đã gieo vào lòng người dân đi kháng chiến những niềm tin chiến thắng cháy bỏng. Bác Hồ khẳng định "Chắc thắng trăm phần trăm", "Thắng lợi ắt về ta". Và cả bao lần chúc tết hoặc viết thư sau này nữa, ngay cả khi phải chống lại cả một guồng máy xâm lược hiếu chiến của đế quốc Mỹ và các thế lực chư hầu, trang bị bao vũ khí hiện đại, tối tân, với những tiềm lực quân sự, kinh tế dồi dào, Bác vẫn "Bỗng nghe vắn "thắng" vút lên cao" (Vô đề - 3/1968). Tất cả ấy là sự biểu hiện của chủ nghĩa lãng mạn cách mạng cao đẹp của Người, của dân tộc Việt Nam.

60 năm, xuân Nhâm Thìn (năm nay) lại đến. Một chu kỳ thời gian tết lại về. Bác Hồ đã đi xa 43 năm, nhưng lời chúc tết trong dấu mốc lịch sử 60 năm trước vẫn còn thời sự với dân tộc chúng ta. Thắng Mỹ, rũ bỏ đói nghèo bằng chủ trương "mở cửa", dân tộc ta đã vững vàng bước lên đài cao, sánh vai với các quốc gia giàu mạnh khắp năm châu, giữ một vị thế xứng đáng trong khối ASEAN và cùng các nước khác, bắt tay, đi tới. Uy tín và vị thế của dân tộc ta ở Đông Nam Á, ở châu Á, càng ngày được khẳng định và ảnh hưởng đến nhiều đất nước, dân tộc khác trên thế giới. Xuân Nhâm Thìn lại về. Đọc "Thơ chúc tết Nhâm Thìn" (1952) của Bác, mỗi một chúng ta càng thấy tình cảm ấm áp của Người đã động viên, cổ vũ tất cả, phát huy thắng lợi chặng đường đã qua mà vững vàng đi lên phía trước.

Nhân nghĩa tôn vinh, Tổ quốc ngàn xuân ngời nhật nguyệt

Đức tài trọng dụng, Non sông vạn Tết rạng càn khôn.

CẢNH NGUYÊN

TRƯỜNG SA VẪN MÃI LÀ HOÀNG HÔN MÀU LÁ MẠ

CHU LAI

HAI mươi năm, gần một phần tư thế kỷ trôi qua mới có dịp trở lại Trường Sa, dầu rằng chỉ một năm, một tháng, một ngày không trở lại một địa danh nào đó thôi là mọi mọi sự đã đổi thay nhiều lắm nhưng đổi thay đến như Trường Sa đang nhô lên tiến hiện ra thế kia thì đúng là ngỡ ngàng, hết cái ngỡ ngàng này nổi sang cái ngỡ ngàng khác, là ngoài sức hình dung của tôi, một người lính già mà mọi cảm nhận dường như không còn độ tung tăng, sôi sục như xưa.

Trong kỷ ức xa xôi, Trường Sa, quần đảo bảo tổ đối với tôi là một quần đảo đầu hiu, cỏ lậu, ngổn ngang, trần trụi, bạc màu, nắng khét, thiếu thốn đủ đường mà cái nổi lên bao trùm tất cả là sự cô đơn hút魂魄 của người lính. Cô đơn giữa mịt mù biển xanh. Sáng xanh, trưa xanh, chiều xanh, sớm mai tỉnh dậy lại vẫn xanh, cái màu xanh rờn rợn ma quái như kéo giật tâm hồn con người xuống lòng đại dương bao la, vô định. Cô đơn đến nỗi họ phải lấy tên của những ca sĩ, diễn viên nổi tiếng trong đất liền đặt tên cho những chú chó, con heo để mỗi khi gọi lên nó có độ âm vang thao thiết, ngưỡng mộ, sát kế, đỡ nhớ giữa ngàn trùng khơi.

Đến nỗi một năm chỉ có một đoàn văn công ra đảo, sáng ra tất cả các đồ lót phơi trên dây của các cô đều biến mất, không biến mất hẳn mà nó hóa thành những mảnh vụn được cắt ra chia đều cho từng chiến sĩ bí mật nhét vào gối mà kẻ đầu bếp lại phải hết 365 ngày đêm nửa nơi này sẽ tịnh không có một bóng hình, một giọng nói xôn xao con gái nào xuất hiện.

Đến nỗi trên nóc nhà dân đêm giao thừa ấy, chỉ có ba người lính nhỏ nhoei, không biết làm gì họ thì nhau cầm những vật nặng phang chí chập vào thân sắt cho lấp đầy im lặng nhưng phang đến đâu cái âm thanh đó lại dội ngược vào lòng, càng cô đơn, để rồi một người lính không chịu nổi đã đứng trên độ cao 30 thước hú gọi vào hướng bờ mờ mịt sương đêm: "Vợ ơi... Con ơi... Anh về với mình, bố về với con đây..." rồi lao đầu xuống, chỉ có biển lạnh giá nuốt chửng lấy nỗi niềm khao khát ấy và lát sau, người lính lại ngoi lên với đồng đội, cười khi khi.

Đến nỗi tại cái Pongtong tiến tiêu đó, cũng chỉ có ba người lính và thêm một chú heo con. Chú heo bỗng thành cây kiểng, thành điểm tựa tinh thần cho con người giữa mịt mù sóng nước thế rồi bỗng một ngày sóng to bão lớn, thực phẩm không ra được, người đối heo đối nhưng người lại chẳng thể nhẫn tâm ăn thịt heo, lại không đành lòng nhìn heo gầy mòn chết dần. Thế là một nghị quyết chỉ bộ ba người kịp được hình thành: Quyết định thả heo xuống biển và người bí thư được cử ra làm cái công việc khó nhọc này. Nửa đêm anh dong chủ heo ra ngoài vòng quần hải lưu, thả tay rồi trở về cả đêm cả ba đều thao thức không ngủ được. Bất ngờ khi ánh trời hực lên, họ lại thấy chú heo lóp ngóp bơi vào, ướt sũng, mồm kêu khụt khịt, tãi ngắt...

Nhiều lắm về một miền hoàng hôn màu lá mạ rợn sóng buồn miên man đã lặn sâu khắc khoải vào trong kỷ ức của tôi.

Để bây giờ, một ngày cuối năm trở lại, nói đúng hơn là nhờ có chuyến đi ngắn ngày do bộ tư lệnh biên phòng cùng với đài truyền hình Việt Nam tổ chức nên tôi mới có dịp trở lại, từ trên trục thẳng lượn vòng nhìn xuống, tôi ngỡ ngàng không còn nhận ra cái ốc đảo ngày nào trơ trọi một màu bạc phéch ấy nữa. Như đi nhầm, như lạc vào miền cổ tích, như ảo giác không có thật. Xanh mướt, xum xuê, mái ngói tươi đỏ, nhà cửa khang trang, sóng vờn bãi cát, êm ả, thanh bình cứ tưởng chừng mình sắp đáp xuống một khu Ressorotte độc đảo hay một an dưỡng dành cho những đại gia muốn chơi ngông giữa biển rộng cồn cào sóng nước nào đó.

Và cái gì kia, nếu ngày trước một bóng hình, một bước chân, giọng nói con gái thường chỉ nằm trong ước mơ ám ảnh thì giờ đây, có rất nhiều tà áo dài phụ nữ đang phát phơ đón đoàn ở đường băng. Một đoàn văn công hay một đoàn đại biểu phụ nữ, phóng viên nào từ đất liền ra trước à? Không, người đảo trưởng trả lời, đó



Vóc dáng phong ba.

là cư dân của gần chục căn hộ đang sinh sống ở đây. Nằm bàn tay ấm nóng, thuần phác của các chị, các em mà thấy trong lòng vỡ òa một cảm xúc khó tả. Lại chạnh nhớ cái chuyến đi có thượng tướng Đặng Vũ Hiệp ngày nào. Đoàn ra bất ngờ quá nên bộ đội trên đảo chìm không kịp cất giấu những bức tranh con gái mặc Bikini trên những bia lịch được ghim cứng trên tường, chỉ vội lấy những tờ nhật trình dán đè lên. Thượng tướng vào, ông nhìn thấy chỗ này thì hờ ra một mảng đùi trắng nõn, chỗ kia vênh lên một cặp vú cong vênh và thay vì một cái chau mày hoặc một lời khiển trách như anh em đang lo lắng mừng rỡ ra thì ông lại khẽ lắc đầu, rơm rớm nước mắt: "Các đồng chí... các con cứ bóc ra mà xem"

Tha thần đi sâu vào nữa, về phía những căn hộ được xây cất khá xinh xắn, khang trang nằm chìm trong màu xanh tươi mơn, ướt rượt của mướt, khổ qua, mồng tơi, cải, bí...tôi bỗng riu rít cả người khi nghe thấy tiếng trẻ học ă bên kia rặng Phong Ba, rồi lại tiếng một em bé bụ bẫm nằm dẹt trên võng khóc vang đòi mẹ. Âm thanh đời thường, cuộc sống bình dị, yên hàn đang hiện diện như đã hiện diện cả ngàn năm nay từ cái thuở các đạo hùng binh của ông cha ta giông buồm vượt qua ngàn trùng giông bão để tìm ra được quần đảo thân yêu này. Ngoài kia, những chú chó, chú heo mang vóc dáng mạnh mẽ, tự nhiên, lành hiền rất riêng của thú đảo vẫn đi lại tìm mỗi nhón nhơ, yên bình bên những gốc Cha, gốc bàng vuông nhưng đã được người lính trả lại cái tên vốn có của chúng bởi lẽ những cái tên ca sĩ, nghệ sĩ thân yêu thần tượng ấy đã và đang hiện diện trên màn ảnh nhỏ ti vi có tới đủ 50 kênh mỗi tối thì hà cớ chi phải vay tên mượn họ cho đỡ nhớ làm gì.

Gặp một cô mẫu giáo có nước da mận mòi, tôi hỏi cô đã ra đây được mấy năm rồi? Cô nói giọng Phú Yên thật ngọt: dạ, hai năm. Mấy năm thì hết hạn? Dạ, năm năm. Hết hạn, cô giáo có trở về bờ không? Dạ, không, ở đây quen rồi, gần bó với các cháu rồi. Bà con ở đây sống ổn không? Tôi lại hỏi. Quá ổn ạ, cháu dạy học không nói làm gì nhưng những người khác trồng rau, bắt cá, cá ở đây to lắm, quý lắm, bắt được đem bán cho bộ đội, tháng cũng được vài triệu. Câu hỏi này của tôi là thừa vì nhắc trông vào ngăn bếp, cả một dãy song nổi, chảo được treo la liệt trên tường.

Và lạ chưa, biết tôi là người cầm bút, cô ngược đời mắt như mang màu nước biển lên hỏi: Mấy anh mấy chú ra đây có mang theo sách ra không? Tụi cháu ở đây chỉ đối sách thôi. Tôi bảo, ti vi chưa đủ sao? Cô cười, ti vi là tivi, sách là sách chứ ạ. Có những cuốn sách cháu phải đọc đi đọc lại vài lần. Tôi thoáng lặng người. Thì ra nơi đây tưởng như con người chỉ lo âm thầm vật lộn với sinh nhai, với bảo tổ thì cái sự đọc, cái văn hóa đọc vẫn được tôn vinh thật tự nhiên, chân thật khi trong kia giữa xô bồ cuộc sống tưởng như rất hiện đại, rất văn minh lại đã có mấy ai dám nói rằng mình thêm sách, đối sách.

Cả nước hướng về Trường Sa! Cả nước hướng trái tim và tâm hồn của mình về người lính đảo! Điều đó đã không chỉ còn nằm trong ý tưởng mơ hồ, trong mọi lời hô hào, hiệu triệu rồn rảng mà nó đã biến thành những khu nhà chỉ huy sở, khu nhà khách khang trang, rộng rãi và hơn thế nó đã khoác lên đảo nhỏ một ánh sáng tâm linh huyền hoặc khi trước mặt chúng tôi chợt hiện lên ngôi đền thờ tổ tiên để nhớ đến công sức của ông cha đã có mặt đầu tiên trên đảo, đến thờ Bác Hồ và khu tưởng niệm các chiến sĩ hải quân nhân dân đã bỏ mình vì nước qua các thời kỳ liệt oanh đang nghi ngút khói nhang.

Trường Sa bây giờ không còn thiếu nước ngọt. Khách đến đảo, nhất là phụ nữ, có thể mặc sức tắm gội mà không cần phải nhìn sau ngó trước xem mình có phạm vào tiêu chuẩn nước ngọt quý hiếm của anh em không. Và bữa cơm đãi khách chiều nay sao lại có nhiều rau như thế. Gắp miếng rau muống, rau lang đưa lên miệng bỗng ghen ngào nhớ lại năm xưa khi đến phải chúng kiến cả đảo mắc chứng kiệt lý mãn tính không trị được khi bữa cơm nhiều ngày thiếu cái món mang màu xanh rười rượi này.

Chiều muộn. Ngoài xa hoàng hôn lại đang nhuộm màu lá mạ như ngàn năm vẫn một màu non tơ lạ mắt như thế. Chỉ có con người là thay đổi. Vị thượng tướng đa cảm thương lính cháy lòng nay đã không còn nữa. Ông nhạc sĩ thời danh Thuận Yến năm ấy dẫn các cô gái văn công đồng rừng xuống thăm các chàng trai lính biển cũng đã ra đi. Và chàng thượng úy hải quân tên Vương đang bước lặng lẽ bên cạnh tôi ngày nào dẫn đoàn đi còn nhìn con gái vô cùng ngỡ ngàng lúc này đã trở thành một ông trung niên mang hàm đại tá phó chính ủy hải đoàn có cái nhìn về phía hai cô ca sĩ cùng đi đã ra chiều trẻ nai.

Qui Xuân, chiến sỹ hải quân giữ yên biển đảo, sóng reo vui nở đầy hoa Tết

Đón Tết, bộ đội biên phòng bảo toàn biên giới, reo cao mừng ấm áp trời Xuân

MAI MỘNG TƯỢNG

BIỂN TRONG TÔI

THANH THẢO

NĂM lên 8 tuổi, lần đầu tôi mới thấy biển. Biển Qui Nhơn, khi tôi với má tôi xuống tàu Ba Lan đi tập kết ra Bắc. Lần đầu gặp biển, tôi ngợp và sợ. Lại say sóng nữa, nên chỉ mong thoát biển. Sau hai ngày lênh đênh trên biển, con tàu chở chúng tôi cập bến Cửa Hội-Nghệ An. Gọi là cập bến, nhưng tàu đậu tít ngoài xa, chúng tôi phải chuyển sang thuyền nhỏ vào bờ. Kể từ đó, tôi xa biển.

Bao nhiêu năm sau, đã vượt Trường Sơn, đã qua "biển nước" Đồng Tháp Mười, tôi vẫn chưa thật gặp lại biển. Nhưng kể từ đó, biển bắt đầu sống trong tôi như muối mặn, như một niềm khao khát. Khao khát biển là khao khát ngày hòa bình, mà nếu may mắn trở về, đi dọc đường số 1, thế nào mình cũng gặp biển. Bây giờ, biển sống trong tôi như một biểu tượng của ngày kết thúc chiến tranh, của ngày đoàn tụ.

Tháng 5 năm 1975, từ Sài Gòn mới giải phóng, tôi và nhà thơ Ngô Thế Oanh xuống Vũng Tàu. Tôi đã gặp lại biển! Có một nỗi gì bối rối khó tả khi hai chúng tôi cứ mặc nguyên quần đùi áo may-ô nhào xuống tắm biển. Hóa ra, biển không hẳn đáng sợ hay dữ dằn như tôi nghĩ ngày thơ bé. Từng ngọn sóng biển tung bọt trắng xóa, tràn qua chúng tôi nhưng không hề đe dọa. Ngay lúc ấy, biển đã động vào ký ức của tôi, để khi đi qua Tuy Hòa tôi viết được bài thơ "**Phút chốc Tuy Hòa**" trong đó có câu "**Biển trào lên phút chốc Tuy Hòa**". Dù chỉ phút chốc, nhưng biển đã bắt đầu trào lên trong tôi. Đầu năm 1976, khi về Sơn Mỹ chung sống với bà con và chuẩn bị viết trường ca "**Trẻ con ở Sơn Mỹ**" song song với trường ca "**Những người đi tới biển**", tôi đã có hàng tháng trời được sống bên biển. Hàng ngày, buổi sáng tôi thường tha thẩn ra bờ biển Mỹ Khê chơi với đám trẻ con làng chài, hay cùng chung tay kéo lưới với bà con. Dân biển Sơn Mỹ có kiểu đánh cá gần bờ rất tiện, đó là dùng thuyền bơi ra một đoạn, thả lưới, rồi những người trên bờ bắt đầu

kéo lưới. Không cần ở trên thuyền vẫn kéo lưới được, vẫn đánh bắt được cá. Dĩ nhiên, chỉ là những chú cá con, những chú cá vẫn vơ sát gần bờ. Mỗi lần tôi nặng tay kéo lưới cùng bà con, khi chia cá, bao giờ tôi cũng được chia một phần. Nhỏ thôi, vì cá đánh được đâu có nhiều! Tôi cười cười và xin biếu lại bà con phần cá của mình. Nhưng các bác "ngư dân trên bờ" này không chịu. Có làm có ăn, đã kéo lưới là được chia phần. Vậy là, chúng tôi quơ lá dương khô, nổi lửa ngay trên bờ cát, luộc mớ cá tuy nhỏ nhưng tươi roi rói, ăn ngọt lừ lừ, và...uống rượu. Có lẽ đời tôi chưa bao giờ sung sướng như vậy, khi mình được ăn ngay những chú cá mình vừa góp sức cùng bà con kéo lên từ biển.

Trở về trại sáng tác quân khu Năm, tôi bắt tay viết trường ca "**Những người đi tới biển**" và chuẩn bị tư liệu để viết "**Trẻ con ở Sơn Mỹ**". Ở trường ca đầu tay của tôi, biển đã chiếm hẳn một chương, chương vĩ thanh "**Tới biển**". Đó là khúc coda cho trường ca được tôi viết liền một mạch với tất cả niềm hứng khởi như là kết quả của những ngày tôi lang thang trên bờ biển Mỹ Khê-Sơn Mỹ, nhưng lại có nguyên nhân sâu hơn từ khát khao suốt những năm chiến tranh của tôi mong một ngày về với biển:

*"cho anh về với em một buổi sáng thường
đi kéo lưới và đi gánh cá
nói chuyện lợp nhà trống lại hàng dương
hoa muống biển tím lúc mình xúc động
anh muốn kêu ngược tiếng hò reo
của sóng*

phút này đây anh là của biển rồi"
(**Những người đi tới biển**)

Có một niềm vui vừa vấp vừa ghen ngào, ấy là niềm vui khi ta gặp

biển, cũng là niềm vui khi ta được "*sống cùng nhân dân chết giữa nhân dân*". Bởi, nhân dân chính là biển. Và nhân dân không muốn một tấc đất tấc biển nào của Tổ quốc mình bị mất vào tay ngoại bang: "*nơi trôn lặn mặt trời muối mặn đời ta
Tổ quốc kiên trì nhồi ra phía biển
ôm những quần đảo trong vòng tay
thương mến*

mắt dõi nhìn hút cánh hải âu bay"
(**Những người đi tới biển**)

Lúc bấy giờ, tôi mới bắt đầu biết chút ít về Hoàng Sa và Trường Sa. Xin thông cảm cho những người lính chúng tôi mới từ rừng ra về sự chậm thông tin này. Nhà thơ Đỗ Nam Cao, bạn cùng đi chiến trường với tôi, cũng có tâm trạng như vậy, khi vào tháng 4 năm 1988 anh đã viết một bài thơ cực kỳ xúc động "**Gửi Trường Sa**", lúc hay tin đảo Gạc-ma của chúng ta bị mất vào tay ngoại bang, và 64 chiến sĩ hải quân của chúng ta đã bị tàn sát khi quyết giữ đảo này cùng hai đảo Cỏ-lin và Len-đao. "Hãy để máu chúng ta hòa vào biển Đông!", sau này tôi mới được nghe những người lính sống sót trên đảo Gạc-ma kể về phút cuối cùng của người thủ trưởng anh hùng mà họ xiết bao yêu mến, khi anh quẩn lá cờ đỏ vào thân mình, và đứng thẳng trước những làn đạn bắn thẳng của quân thù. Máu của anh đã ướm đầm lá cờ, đó là dòng máu của Tổ quốc ta đã đổ ra trên biển Đông để giữ lấy từng tấc biển, từng bãi đá ngầm mà có kẻ gọi là "bãi hoang chim ỉa".

Trở lại với bài thơ "**Gửi Trường Sa**" của nhà thơ Đỗ Nam Cao:

*"Trường Sa ư với ngày thường xa thật
Đảo ở đâu tôi có hỏi đâu mà
Điều khôn nạn là chỉ khi máu đổ
Đảo mới gần mới thật đảo của ta"*

Đó cũng là một cảm giác rất thật của nhiều người chúng ta mà nhà thơ đã thay mặt để nói lên như một lời hối lỗi. Nhưng khi máu đồng đội ta đã đổ, thì khi ấy:

*"Tôi hôn con ghì Trường Sa vào ngực
Bãi đá ngầm cào nát thịt da"*

(**Gửi Trường Sa** - Đỗ Nam Cao)

Đau lắm, đau thấm thía. Vì chỉ khi ấy, Hoàng Sa và Trường Sa mới thật sống trong ta, mới thật là máu thịt của ta. Yêu biển cũng là một quá trình nhận thức. Không chỉ nhận thức về biển, mà cái chính, là nhận thức về chủ quyền biển đảo của một đất nước có hơn 3000km bờ biển cùng hàng trăm hòn đảo và quần đảo. Càng hiểu sâu thì càng yêu lắm, hiểu càng "tới bến" thì yêu càng "tới biển".

Cách đây mấy ngày, tôi mới được ngồi với "sói biển" Mai Phụng Lưu mà tôi coi như một biểu tượng của tình yêu Hoàng Sa. Anh ngư dân Lý Sơn này quá thật thà, thật như biển, và lành hiền, không biết có lành hiền như biển? Mai Phụng Lưu hẳn nhiên kể với tôi những lần đi đánh cá ở Hoàng Sa, về từng hòn đảo nhỏ, từng rạn san hô nơi "Quần đảo Cát Vàng" mà anh thuộc như thuộc lòng bàn tay mình. Vậy mà Lưu đã 4 lần bị bắt, bị giam cầm, bị hành hạ, bị tịch thu ngư lưới cụ. Nhưng đứa con của biển Đông, người dân chài bình dị của đảo Lý Sơn này vẫn cứ quay mũi thuyền trực chỉ Hoàng Sa mỗi khi xuất bến. "Làm như ai "dẫn" vậy anh à! Cứ xuống thuyền ra khơi là mũi thuyền lại nhằm hướng Hoàng Sa. Có lẽ tổ tiên em vạch đường chỉ lối cho mình, hay vì mình không thể xa cách được Hoàng Sa, nơi tổ tiên mình đã đặt cột mốc chủ quyền ở đó."

Cứ mỗi ngày, tôi lại học thêm được những bài học từ biển, biển của mình. Cứ mỗi ngày, nhân dân lại cho tôi hiểu sâu hơn về biển. Vì nhân dân cũng là biển, nên khi mình sống giữa nhân dân, là mình đang giữa biển:

*"lại bắt gặp chân trời ngay trên cát
cả người tôi hòa trong biển vô cùng"*
(**Trẻ con ở Sơn Mỹ**)

Bóng chiếu ở đảo xuống nhanh hơn ở đất liền. Cuối đảo bật lên một tiếng chó sủa nhẹ. Một tiếng sủa thật ầm. Ôi chao, chỉ một tiếng chó sủa thôi mà cứ có cảm giác mình đang ở trên bờ, giữa bản làng thôn xã, giữa láng giềng bà con họ mạc, giữa mùi rơm rạ tro trấu ngai nồng. Thoảng băng khuâng. Đã đành cuộc sống nó phải vận hành như thế, biển cương hải đảo hôm nay không thể không xích rất gần lại với bờ nhưng sao vẫn cứ thấy nôn nao nuối tiếc cái lãng mạn, cái phiêu bồng thăm thẳm của dặm dài xa ngái ngày xưa để cho trí tưởng tượng được thỏa sức miên man.

Đem suy nghĩ này ra tâm sự với thiếu tướng đoàn trưởng Tập, phó chính ủy bộ tư lệnh biên phòng, một người rất yêu và am hiểu văn chương, anh cười: "Tại mình đi trực thẳng mắt có ba tiếng chứ nếu ngồi tàu mất hai ngày một đêm thì đảo vẫn xa mờ lắm và đầu óc nghệ sĩ các anh vẫn không mất đi sự mơ mộng, lãng mạn vốn có đâu." Tôi nhìn anh gật đầu nhưng lại bắt giác nghĩ sang một chuyện khác. Lấn ra đảo cuối năm này có bốn vị tướng cùng đi. Thiếu tướng chuẩn đô đốc Hải quân, thiếu tướng phó chính ủy Phòng không không quân, thiếu tướng tổng giám đốc kiểm bí thư đảng ủy tập đoàn viễn thông Viethel, thiếu tướng quân hàm xanh đồng hươg Hưng Yên này và cả bốn đều mang trên mình những cái tên rất ư là khiêm nhường, mộc mạc: Thật, Cách, Tập, Tĩnh. Chỉ có một điều lạ là, cả bốn vị suốt chặng đường đi hoặc đứng trước bộ đội chỉ thấy họ cười vui, pha trò, thỉnh thoảng lại đem vào một câu chuyện tiêu lâm rất lính khiến cho hai cô gái đi cùng cứ thay nhau đỏ mặt chứ tình không nghe thấy ở họ, những chỉ huy lãnh đạo cao cấp những câu nói răn dạy, vu quát, nghiêm trọng, căng thẳng, đao to búa lớn gì một khi vấn đề biển đông, câu chuyện biển đảo, câu chuyện ở đây đang nằm trong tầm chú ý quá ư nhạy cảm và mang tính chiến lược của thế giới, của các nước liên quan. Tất cả những điều thiêng liêng ấy tôi hiểu họ không quên, không bao giờ quên nhưng không phải lúc nào, ở đâu họ cũng nói ra bởi lẽ điều đó nó đã ăn sâu vào lục phủ ngũ tạng của họ rồi. Đó cũng chính là căn cốt, hình ảnh, phong độ siêu thoát của người lính đảo một thời và muôn thời. Nó giống như tình yêu, càng nói nhiều lại càng trống rỗng, kể yêu thật lòng có bao giờ

phải ngoa ngôn ngoa ngữ gì đâu.

Trời bắt đầu tối. Trong hội trường giọng hát trầm ấm của nghệ sĩ ưu tú thượng tá Vi Hoa cùng giọng hát chói chang, cao vút của ngôi sao nhạc Pop Phương Thanh đang được quện hòa với tiếng hát người lính, cả tiếng hát trầm khàn còn sai nhịp sai nốt nhưng say đắm chân thành của bốn vị tướng đại diện cho bốn quân chủng hải lục không quân đêm nay cũng có mặt. *Đời mình là một khúc quân hành...* Có ở đâu giai điệu về người lính lại vang lên trầm sâu như ở đây, một cánh lục bình mỏng manh dập dềnh cách đất liền cả bốn trăm hải lý, như một sự kết tụ phẩm chất, phong độ, ý chí, khát vọng của lịch sử đa đoan, của con người Việt Nam luôn đứng ở nơi đầu sóng ngọn gió!

Ngoài kia, biển vẫn ngàn năm là biển, cồn cào và giăng xé nhưng biển hôm nay lại có thêm tiếng vù vù, dàn dạt của những cây phong điện làm giai điệu bổ sung. Chính những cây quạt gió mà mỗi cây có thể tạo ra một công suất chạy đủ 50 chiếc ti vi do ngành dầu khí lắp cho này đây làm cả hòn đảo sáng bừng lên như sắp có hội diễn nghệ thuật rộn ràng. Ánh sáng xua đi màn đêm đang bao phủ đại dương, xua đi cả nỗi cô đơn lính đảo chiếu về.

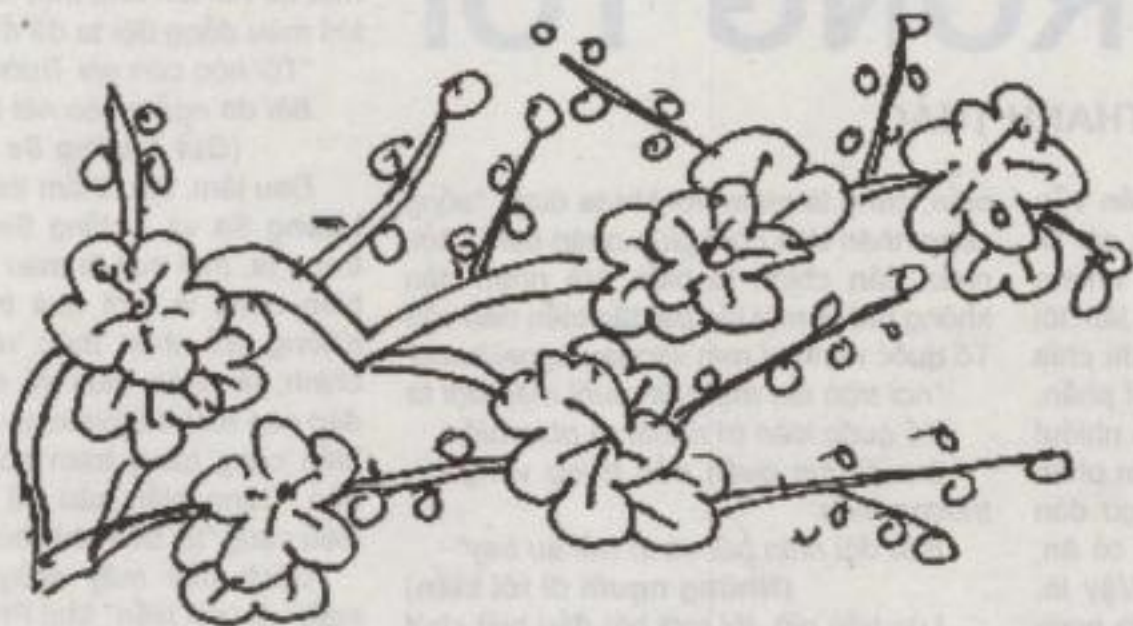
Chưa hết, khi đêm về khuya, tiếng keng báo ngủ đã vang lên, thật bất ngờ thay, anh chàng binh nhì mới nhập ngũ ra đây được gần một năm đang khe khẽ gọi điện về nhà bằng chiếc điện thoại di động Samsung nhỏ xíu. Hỏi ra mới biết bộ đội trên đảo hôm nay đều được trang bị miễn phí loại máy chạy bằng sim của Viethel này và chỉ có Viethel mới có sóng bởi sự hiện diện của những cây ăng ten mang nhãn mác Quân Đội đang sừng sững đứng ở góc đảo kia. Đó cũng lý do để vị thiếu tướng tổng giám đốc tập đoàn Viethel cũng có mặt hôm nay. "Mẹ ơi... Nghe đài nói ở quê mình đang có áp thấp, mẹ có đau lưng nhiều không?" "Trời trở lạnh, đưa con đi học, em nhớ mặc ấm cho thằng bé nhé. Ngoài này cũng mưa suốt. Càng mưa càng thương mẹ con em. Lại sắp tết rồi..." "Em... Anh vẫn khỏe, vui và đếm từng ngày để được về phép gặp lại em. Buồn cười quá, mấy đứa cứ trêu anh có người yêu đẹp để ở nhà khác nào cái xe máy để ở ngoài đường không khóa nhưng anh không tin, làm sao mà tin phải không em?". Trời đêm, những lời tâm tình

hòa vào gió vào sóng ngọt ngào, rút ruột, khe khẽ bay vào đi đâu mà chân thật, nồng nàn đến thế! Chạnh lòng, cuộc đời được cái này khuyết cái kia, phải chăng tình yêu, tình vợ chồng, tình gia đình của người lính nói chung và người lính đảo xa nói riêng mới có thể mặn nồng, xoắn bện và đa diết và quá đỗi thiêng liêng như thế mà những người khác khó có thể cảm nhận được.

Tôi đi đến gần một pháo thủ cao lớn, đội nón sắt, có khuôn mặt và cái miệng cười đẹp như một tài tử xi nê đóng vai lính đảo đang đứng lặng phắc như một mốc chủ quyền sống bên ụ súng cao xạ 12 ly 7, hỏi cái câu đã định hỏi nhưng chưa tiện hỏi và không thể không hỏi: "Chàng trai! Tình hình biển đông của mình lúc này đang có chuyện nọ kia, tất cả mọi người trong bờ đều hướng ra Trường Sa với một sự lo lắng mơ hồ, còn tại đây, cháu có cảm nghĩ gì không?" "Cảm nghĩ gì kia ạ?" Chàng trai với vẻ ngây thơ hỏi lại. "Tức là... cháu và bạn bè của cháu cũng có một chút băn khoăn lo lắng gì không?" Và được nghe một câu trả lời bình thản đến bất ngờ: "Lo lắng gì thủ trưởng. Tụi con ở đây là cứ khỏe re, chả sợ gì cả, làm sao phải sợ khi đất của mình mình đứng, cả nước lại đang ở phía sau chúng con, ai dám động đến mà có động cũng chả được". Thế là đủ hấu bao cho một chuyến đi và thế cũng là đủ cho một định nghĩa đích thực thế nào là lòng yêu nước.

Tuổi già khó ngủ, khoác thêm chiếc áo ấm, tôi lang thang ra mép sóng hướng về phía mặt mù bóng tối ngời linh tinh. Cách bờ 600 cây số, hòn đảo đêm nay vẫn thức trong tiếng chân tuần tra lặng lẽ của chiến sĩ hải quân. *Không xa đâu Trường Sa...* Bất giác lời bài hát quen thuộc như một câu tiên tri chợt vang lên trong đầu. Trường Sa bỗng trở thành nhịp đập, thành trái tim của cả nước những ngày gần đây khi những con sóng ngoài kia đã có lúc không còn là những chuyển động vô hồi vô hạn bình thường.

Ấu ơ... Con ơi con ngủ cho ngoan...Lúc ấy từ trong khu nhà dân có một giọng ru con theo làn điệu dân ca miền trung vang ra, nhẹ nhàng, ngọt ngào, tan hòa vào sóng nước, tan hòa vào bóng đêm lất phất mưa bụi bay như một âm thanh dịu dàng, vĩnh cửu của cuộc đời, của kiếp người. Đêm nay Trường Sa...■



GIANG NAM

Lên Yên Tử, nghĩ về đất nước

Lên Yên Tử

Cội nguồn thiên phái Trúc Lâm
Cội nguồn những nghĩ suy, trần trở
Về đạo, về đời, về hạnh phúc, tai ương
Thời gian như dừng lại
Suối Giải Oan thương xót những linh hồn
Tháp Phật hoàng in lên trời mây trắng
Chùa Hoa Yên còn vọng mãi những hồi chuông.

Lên Yên Tử

Để lại sau lưng những lo lắng đời thường
Nghe quả khứ hiện về hào hùng, dữ dội
Đuổi giặc xâm lăng, giữ yên bờ cõi
Lại trở về với rừng trúc, đối thông
Lại trở về với cốt cách Việt Nam
Không tham phú quý quyền uy
không tham ngai vàng, điện ngọc
Lòng vẫn sáng đạo từ bi của Phật
Thương dân biết mấy cho vừa...

Lên Yên Tử

Tôi hiểu thế nào là nhập thế
Từng đêm, từ đỉnh cao này
Tôi thấy đôi mắt Người nhìn xa, rất xa
Canh giữ bình yên cho đất nước
Can giữ mùa xuân

cho muôn đời con cháu về sau.

NGUYỄN XUÂN THÂM

Nhớ nhà thơ Xuân Diệu

Cửa sổ

Ánh trăng thượng tuần sáng
Bóng cây hoàng lan
Tiếng là mùa xê dịch

Căn phòng mờ

Những bóng hồng ngày qua
Mùi hương những bài thơ tình ai

Ánh đèn bàn lặng im

Ông ngồi viết
Thỉnh thoảng đưa mắt nhìn
Người bạn nhỏ đọc Điều tàn
Chế Lan Viên để tặng:
"Thơ em đây anh Diệu đọc đi"
Ơi Quy Nhơn cái thuở
Tháp Đôi, Bà Hỏa mù sương
Trưa eo biển ran ran tiếng sóng
Những đám mây xa xăm
Những con mòng biển
Những hoàng hôn Chàm

Ông ngồi viết

Rồi vội ra đi
Để lại bên những cánh hoa hồng mỏng
Quyển sổ một trăm bài thơ tình.

VŨ DUY THÔNG

Khau Vai

Biết khô còn dịp lên đây nữa

Thôi cũng một lần biết Khau Vai
Rượu ngô lứt khướt bên lều chợ
Người tỉnh chắc gì hơn người say

Chung thủy chắc gì đã tử tế

Chợ họp suốt đêm lại suốt ngày
Ai bảo chợ họp là có chợ
Mình ta lủi thủi biết tìm ai

Nên đêm qua rồi sáng nay nữa

Ta ngồi uống rượu với trời mây
Tuổi già hay tưởng mình còn trẻ
Bát rượu vừa vui đã rót đầy

Uống cho người ấy không yên được

Dầu đã chống con, đã vẹn bẻ
Uống cho trăng lặn bên kia núi
Bật khóc thương người trong cơn mê

Uống cho Khau Vai xa thăm thẳm

Thăm thẳm trời xa thăm thẳm buồn
Mai người xuống núi người ở lại
Cầm chắc chân trời mưa gió tuôn.

THI HOÀNG

Nể cháu

Cho cu Tùng

Mùa xuân ngoài kia chắc ấm

Có hơi hai ông cháu mà
Muốn trèo trở nên thân thiết
Cũng là trong cõi người ta

Cháu è a... rất nhiều nghĩa

Cả tượng thanh lẫn tượng hình
Biết là chữ nghĩa khó tôi
Cho nên vừa viết vừa kinh

Vô lý để lâu cũng lại

Ông nghe giờ mới vỡ ra:
"Sinh con rồi mới sinh cha
sinh cháu giữ nhà
Rồi mới sinh ông"

Chỗ này chỗ kia cao giọng

Đầu non cuối bể chuyện trò
Cháu chỉ nhìn ông toét miệng
Là ông không dám nói to

Ông thêm hít hơi của cháu

Cái mùi thơm cõi nhân sinh
Bà bế ru cu Tùng ngủ
Ruổi bay, ông cũng giật mình!

NGUYỄN KHOA ĐIỂM

Năm tháng

Những tưởng sau khi có A-crô-pôn*,
Những trang ngọc ngà l-li-át, Ô-đi-xê*,
Người ta sẽ không còn nợ nần, tham nhũng,
Ấy thế mà bùn vẫn vấy lên cẩm thạch ...
Những tưởng sau ngày kỷ niệm Một Ngàn Năm,
Chúng ta không còn nhìn nhau nhức nhối
Trên ngã ba, ngã bảy Hà Nội ...
Những tưởng không nở được nụ cười
Các em vẫn sáng bừng chồi loli.

* Công trình kiến trúc và tác phẩm văn chương nổi tiếng của Hy Lạp

TRÚC THÔNG

Nét nhớ Cà Mau

Dáng mềm mại áo học trò thật trắng
các em ngồi mấy khoang thuyền dài
sông cứ chảy bởi bởi sông đục
trôi đôi bờ thấp thoáng bông mai

Ấm lại những bãi bờ hoang dã

bao xòe xa cha mẹ mắt lòng
khoang thuyền chật các em ngồi thương quá
quê hương mình ngang dọc những vàm sông

muốn vấy những sớm chiều qua lại

hãy thưa thôi nước nổi lũ tràn
tất cả nỗi đời xin dịu xuống
khi tóc mềm áo trắng lướt ngang...

TRẦN NINH HỒ

Như chiều

Tôi lại nhớ rồi, em ơi, khôn khuấy
Sao em chẳng biết để về đây
Chiều nay tôi ngóng hoài bên cửa
Không thấy em về. Mưa cứ bay.
Mưa bay. Mưa bay. Khuất mất đường rồi
Về nơi ấy tôi không về được
Tôi cũng chẳng dám bao giờ hẹn trước
Mà em đi tôi vẫn cứ chờ!
Cứ chờ. Cứ chờ như chiều nay
Như chiều mai, như chiều mãi mãi
Ôi thương nhớ cứ như chiều trở lại
Mà người đầu cứ vắng như chiều!

PHẠM ĐÌNH ÂN

Cỏ may

Áo quần còn đang lạnh lặn
Cớ gì may vá hộ ta?
Đâu chỉ là hoa, là hạt
Cây người gieo vãi thật xa.

Thăm thẳm thương bà, nhớ mẹ
Cô mình, chị gái mình kia
Khéo tay đường kim, mũi chỉ
Rách lành vá víu, chỗ che.

Muôn kim bận dày thâm cổ
May rồi, chưa thỏa, lại may!
Cỏ ơi, gan lì đến thế
Từng năm, từng tháng, từng ngày.

SẼ CÒN LẠI MÃI VỚI THỜI GIAN

BÍCH THUẬN

NHỚ lại, mùa thu năm 1987, Hà Nội sôi nổi về những đêm nhạc Văn Cao. Đêm nhạc Văn Cao lôi cuốn hàng nghìn khán giả, thính giả thưởng thức những bản nhạc trữ tình của nhạc sĩ tài hoa: *Thiên Thai, Suối Mơ, Buồn tàn thu* và cả những ca khúc hào hùng lãng mạn: *Làng tôi, Trường ca Sông Lô, Bắc Sơn* và đặc biệt là *Ca ngợi Hồ Chủ tịch, Mùa xuân đầu tiên*.

Đêm nhạc thứ 37, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng phu nhân đến dự. Đại tướng muốn gặp nhạc sĩ Văn Cao nhưng không thấy ông. Đại tướng hỏi bà Thúy Băng:

- Sao tôi không thấy anh Văn Cao đâu cả?

Bà Thúy Băng đáp:

- Dạ, thưa Đại tướng, anh Văn Cao bị ốm đang nằm bệnh viện Việt - Xô ạ.

Đại tướng đã dành thời gian đến thăm nhạc sĩ.

Biết Văn Cao bị đau cột sống nặng, liệt nửa người, Đại tướng đã viết thư giao cho thư ký đưa đến tận tay bác sĩ Anh hùng Lao động Lê Thế Trung ở Quân y viện 103. Bác sĩ Lê Thế Trung sẵn sàng tiếp nhận nhạc sĩ Văn Cao về chữa trị tại Quân y viện 103. Bác sĩ Lương - Giám đốc bệnh viện Việt - Xô, nay là bệnh viện Hữu Nghị, làm thủ tục cho nhạc sĩ được chuyển viện ngay.

Bác sĩ Anh hùng chữa bỏng Lê Thế Trung tập trung các giáo sư, bác sĩ giỏi để chạy chữa cho nhạc sĩ Văn Cao, trong đó có giáo sư Bùi Tùng.

Các giáo sư, bác sĩ đã dùng các phương pháp đặc trị đông-tây y kết hợp, dành các thứ thuốc quý cho ông, cho ông chườm nến paraffin ở phần cột sống.

Một tuần lễ bảy ngày, bà Thúy Băng ở bên chồng sáu ngày, nâng giắc cho ông ăn uống. Chủ nhật, các con được nghỉ vào chăm nom bố, bà mới về nhà.

Sau một tháng được chăm sóc tận tình, nhạc sĩ Văn Cao đã ngồi dậy đi lại được. Mọi người đều mừng. Ca sĩ Quý Dương tổ chức ngay một "Đêm nhạc Văn Cao" để cảm ơn các giáo sư, bác sĩ, Anh hùng Lao động chữa bỏng Lê Thế Trung. Sức khỏe Văn Cao dần dần hồi phục. Ông trở lại làm việc bình thường.

Một sáng mùa xuân năm 1991, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng phu nhân Đặng Bích Hà, nhà văn Đặng Anh Đào đến thăm gia đình nhạc sĩ Văn Cao tại 108, Yên Kiêu.

Đại tướng tươi cười hỏi nhạc sĩ:

- Sức khỏe anh hồi này thế nào. Anh có sáng tác thêm được nhiều ca khúc không?

Nhạc sĩ Văn Cao vui vẻ thưa với Đại tướng:

- Thưa anh, sức khỏe tôi dạo này khá. Tôi mới làm nhạc cho bộ phim "Người chiến sĩ biển Đông" của xưởng phim Quân đội, đạo diễn phim là anh Ngô Đăng Tuất. Tôi đã xem những bức họa, qua mỗi bức họa tôi đem vào đây nội dung bài hát từ *Làng tôi, Sông Lô* đến *Chiến thắng Điện Biên Phủ*.

Đại tướng cười hài lòng.

- Vậy, anh phải có nhiều suy nghĩ mới có cảm hứng làm nhạc như vậy.

Văn Cao khiêm nhường đáp:

- Vâng. Thưa anh, tôi phải đi thực tế mới sáng tác được. Như bài *Làng tôi*, tôi viết trong một nhà thờ bên một cái làng cổ, có dòng sông nước trong xanh chảy hiền hòa, tôi viết *Trường ca Sông Lô* sau khi đã gặp các



Nhạc sĩ Văn Cao chúc thọ Đại tướng

Ảnh: QUANG PHÙNG

anh Siêu Hải, Doãn Tuế. Anh Doãn Tuế chỉ huy pháo binh đã đưa tôi đi dọc theo bờ sông Lô nơi trận đánh vừa xảy ra, những vạt lau hai bên bờ sông vẫn còn ám khói súng.

Văn Cao đã thưa với Đại tướng nỗi xúc động của ông thấy pháo binh ta còn non trẻ mà đã chiến thắng oanh liệt, bắn cháy hai tàu chiến Pháp, bắn bị thương hai cái khác, tiêu diệt hàng trăm tên địch, bẻ gãy hoàn toàn cuộc tiến công lên Việt Bắc của quân Pháp, bảo vệ

được căn cứ của ta. Nhờ vậy mà ông đã có *Trường ca Sông Lô*.

Chuyến thăm của Đại tướng là một niềm vui, niềm cổ vũ lớn đối với nhạc sĩ và gia đình.

Nhạc sĩ Văn Cao có lần cùng nhà văn Sơn Tùng lên thăm Đại tướng được Đại tướng ân cần tiếp đón. Đại tướng lại nói chuyện với nhạc sĩ về những ca khúc của ông. Đại tướng nói:

- Tôi rất tâm đắc với anh về bài *Bắc Sơn*, nhất là những câu:

Dân quân du kích cách mạng bùng

mùa thu

Sao vương bóng cờ bay trên chiến khu

Trên rừng núi Việt Bắc có những cây cổ thụ rất đẹp, giờ lại có cả lá cờ đỏ sao vàng bay phấp phới trên ngọn cây, thật là một cảnh tượng hào hùng và lãng mạn.

Đại tướng đến ngồi trước chiếc đàn dương cầm dạo bản nhạc *Bắc Sơn*. Nhạc sĩ Văn Cao cầm bút phác họa chân dung Đại tướng bên cây đàn.

Đại tướng nói thêm:

- Nhạc của Văn Cao rất gần với đời thường. Như bài *Ca ngợi Hồ Chủ tịch*, anh đã có câu mà tôi rất thích như: "Vời tiếng Người còn dịu dàng như tiếng đất trời"

Nhận xét của Đại tướng khiến nhạc sĩ Văn Cao không thể nào quên trong cuộc đời làm âm nhạc của ông. Nhờ sự quan tâm của Đại tướng đích thân viết thư cho giáo sư, bác sĩ Lê Thế Trung chữa cho Văn Cao khiến Văn Cao đã sống thêm tám năm nữa.

Năm 1995, Văn Cao lại bị bệnh tràn dịch màng phổi. Năm 1988, ông đã từng bị bệnh này, chụp phổi, phổi có nước, bác sĩ đã phải mổ, rạch một chỗ bên sườn, luồn ống nhựa vào tận phổi hút nước ra. Sau bảy năm, bệnh cũ tái phát, nhưng tuổi đã cao, bác sĩ không thể mổ lần nữa. Ông nằm tại phòng đặc biệt. Hằng ngày bà Thúy Băng lại vào, hết lòng chăm sóc chồng. Các bạn của ông đến thăm ông, đều lo cho ông. Bà Thúy Băng nói với các bạn:

- Anh Văn Cao không chịu ăn uống một tí gì các anh ạ.

Sức khỏe ông mỗi ngày một cạn kiệt.

Văn Cao đã ra đi vào ngày 10 tháng 7 năm 1995, thọ 73 tuổi.

Đám tang nhạc sĩ Văn Cao được tổ chức trọng thể tại cơ quan Văn học - Nghệ thuật, 51 Trần Hưng Đạo, Hà Nội. Tòa nhà đồng nghệt người đến phúng viếng: Tổng Bí thư Đỗ Mười, Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh, Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh v.v... và các đoàn nhạc sĩ, nghệ sĩ từ Thành phố Hồ Chí Minh ra: Trịnh Công Sơn, Chánh Tín, Thương Tín, Bảo Yến... Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đến viếng, đặt vòng hoa, ghi vào sổ tang.

Nhân 49 ngày mất của nhạc sĩ, Đại tướng lại đến 51, Trần Hưng Đạo thắp hương cho ông.

Tấm lòng Đại tướng đối với nhạc sĩ Văn Cao là một phần thưởng vô giá trong cuộc đời nghệ sĩ của nhạc sĩ Văn Cao.■

(Theo phu nhân nhạc sĩ Văn Cao)

Tháng 12-2011

Văn Cao đã ra đi!
Chúng ta vô cùng nhớ đến người
nghệ sĩ tài ba xuất chúng.
Những tác phẩm của anh, đặc biệt là
bài *Trường ca*,
những bài ca hùng tráng, những bài
nhạc trữ tình, - từ sông nước với thời
gian, với dân tộc, như một tiếng
đang trong nền nghệ thuật Việt Nam

Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Lưu bút của Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong sổ tang viếng
nhạc sĩ Văn Cao

Đất Hùng Văn sinh lắm Văn Nhân khi giặc đến Văn Nhân thành Võ Tướng

Dân Thượng Võ có nhiều Võ Tướng lúc thù tan Võ Tướng hóa Văn Nhân

HOÀNG HIẾU

BỒI HỒI CHIỀU CUỐI NĂM

Bút ký của PHẠM PHÁT

1. Ai Tết mình kể cũng lắm cái lạ. Mỗi năm một lần, Tết đến rồi Tết đi, để lại trên mỗi đời người một cái gì như chất muối, như mùi hương, cứ mỗi ngày một ngấm, một đọng.

Như người bạn đời thân thiết xa đã năm trời nôn nao không chịu nổi, Tết đã đến sớm vậy tay ngoài ngõ từ chiều Ba mươi.

Ngày quá trưa, chiều như xuống chậm. Tám bốn năm giờ đổ đi, chợ ba mươi đã vắng. Đường vắng người dần. Nhà cửa, cây cối mơ màng trong sương. Không khí sục sục hương trầm. Trời cứ hiu hiu như nỗi niềm chi. Người cứ lơ lửng, như vẩn vơ, như mong đợi một cái gì không nói ra được nhưng rõ ràng đang lẩn khuất trong tâm khảm, lại như đang chấp chờn trước mắt.

Vào thời khắc đó, như đã thành lệ, tôi thường dong xe một vòng phố. Cứ hăm nhỏ ga, thả xe rài rài qua những nơi còn lưu lại những kỉ niệm không thể nào quên trong đời mình. Thường phải ra xe dừng lại một lúc, để nhìn ngược lại sáu mươi năm về trước, chính chỗ này đây, hồi đó... người cứ ngẩn ngơ, bồi hồi nhớ, bồi hồi nghĩ trước những đổi thay của cuộc đời - đời mình, đời phố.

2.

Giữa 1950, tôi được trên cho đi học ở Trung Quốc, theo các chuyến ghe bầu vượt biển sang Hải Nam. Đã có những chuyến trót lọt. Đến lượt chúng tôi thì bị giặc Pháp bắt đưa về Đà Nẵng. Tra khảo chán chường moi được gì, chúng giam không ăn, bắt đi làm cỏ-vê. Nơi giam chúng tôi là Trại quân thú Tú-ran, dân mình gọi là lao Con Gà. Làm cỏ-vê là nhai tiếng Tây tức là phu phen tạp dịch. Thôi thì đủ. Nhẹ thì lau chùi quét dọn, phụ bồi phụ bếp. Nói là nhẹ nhưng đâu phải không nhọc, lắm lúc ẻo le nữa. Có ông bạn bị gọi đến làm cho nhà viên sếp lao, bị vợ hăm gọi vào buồng tắm bắt... kì lưng. Kì lưng hay kì gì nữa, có trời biết.

Nhưng phần lớn là những việc nặng nhọc như phu hồ, phu đường, phu bốc vác... Nguy hiểm nhất là phu ráp. Cứ mỗi lần đưa quân đi bố ráp, chúng lại lôi tù theo, đẩy đi trước để đỡ đạn nếu bị đánh. Rồi thì thấy gà bắt gà, thấy heo xúc heo, thấy bò bắt bò, bắt tù làm, tức là chúng biến bọn tôi thành những tên cướp quai đũa: khi không lại đi cướp của bà con mình vác về cho bọn cướp, khác nào tự xẻo thịt mình xào nấu cho chúng ăn. Tức không chịu được.

Nặng nhọc nhất, cực nhọc và khủng khiếp nhất là bị chúng bắt đi đổ thùng. Ba mươi Tết năm đó, kẻo nhà lao vắng đánh thức sớm như thường lệ. Trong sam đàn ông, nhiều tiếng chửi vang lên "Tổ cha chúng nó, Tết nhất cũng bắt con người ta đi làm". Chửi thì chửi nhưng phải vội vã chuẩn bị ra sân sắp mớ. Chậm chân thế nào cũng bị roi nên vào lưng. Cửa vừa mở đã nghe tiếng rống như bò của thằng Tây đen cầm roi cật bỏ hươ vùn vụt trong không khí "Mau lên! Mau lên!"

Lúc nhúc lủi nhủi một đàn người gầy gò, bần thủ, khom lưng chạy ra ngồi xếp hàng giữa sân.

Một chiếc xe nhà binh chạy xộc vào, phả xuống đám đông mùi hôi thối phát lộn mửa. Có tiếng rì rầm đằng sau "chết rồi! đổ thùng tất niên cho mà mẹ chúng nó rồi!"

Viên thư kí nhà lao mở giấy ra xướng to khoảng mười cái tên. Gọi đến ai người đó phải nhảy ra ngay, đứng sau xe. Tôi có trong số đó. Khi đã gọi đủ, tên lính áp giải xua chúng tôi lên xe. Vừa vịn được thành xe bước lên ai nấy đều rùng mình. Giữa xe là những cái thùng phuy rỗng trống miêng, dính đầy phân người. Chúng tôi vội đưa tay bịt mũi, tất cả đều quay ra nhìn hai bên như cố tránh xa những cái thùng ghê tởm đó. Xe đưa chúng tôi đến một nơi có mấy dãy nhà hai tầng trên đường Trần Phú bây giờ. Thấy toàn sĩ quan và binh lính Pháp, nhiều tên đeo lon ba, bốn vạch trên vai. Chúng tôi đoán đây là cơ quan đầu não

của giặc tại Đà Nẵng. Vừa vào cổng, xe chạy nhanh ra sau đến bên cái hầm phân đã khai sẵn. Tên lính coi tù da chì, có lẽ là người Ma rốc, vai khoác tiểu liên, lăm lăm cây roi trên tay, mặt bịt kín chỉ chừa hai con mắt. Hắn ú ớ gì đó sau cái khăn và đưa roi ra dấu, chỉ bảo chúng tôi phải làm gì. Khó gì mà không hiểu nổi: dùng những cái gáo là những cái mũ sắt cũ được hàn vào một cái cán sắt, múc nước phân lên đổ vào xô, người ở dưới xách xô đến cửa xe đưa lên, người trên xe cúi xuống đổ, đổ vào thùng. Khi những cái thùng phuy đã đầy phân, phải theo xe đứng giữ cho thùng khỏi nghiêng đổ ra dọc đường.

Khắc nhớ chỉ chỗ xong, tên Ma rốc lùi nhanh ra đứng ngoài xa, thỉnh thoảng trệt khăn ra thét "Mau lên! Mau lên!" như chó sủa đồng.

Tiền sư cha mày, có giỏi thì lại đây mà "mau lên" với tao, có tiếng chửi giận dữ trong đám chúng tôi. Mà kinh thật: mới ghé mắt nhìn cái miệng hầm đã nổi da gà. Lúc đầu còn rón rén, nhón nhí nhưng chỉ trong chớp lát, tưởng như mũi không còn biết mùi, tay không còn thấy ghê, chúng tôi cứ lạng lẽ múc múc, chuyển chuyển, muốn nói gì phải dùng tay, miệng ngậm cứng, y như những thằng câm... Quần áo chân tay đều ướt rượt cái thứ nước đen lén kinh khủng đó.

Tối hôm đó, tối 30 Tết, khi về trại tắm rửa ăn uống xong thì vừa kẻo ngủ, ở tù sướng cái là... phải ngủ sớm. Dứt tiếng kẻo phải nhanh chóng thót lên sạp, quần chiếu, nằm sấp lớp như cá mè. Tôi lẩn về chỗ, vừa chui vào chiếu anh Ba, đã ôm chầm lấy anh khóc rưng rức, tức tưởi như hồi nhỏ ra đường bị ăn hiếp về nhà khóc với mẹ. Anh Ba cũng xây qua ôm chặt lấy tôi. Chao ôi, ai đã qua cái cầu này mới thấy hết được cái hơi người nó ấm áp, nó nồng nàn biết chừng nào!

Hôm đó sau khi an ủi tôi, anh bảo sáng nay khi nghe chúng gọi tên tôi, anh đã chồm dậy định đi thay nhưng bị thằng lính chỉ roi hăm, bắt ngồi xuống "thương em chân tay học trò, sợ không chịu nổi".

Nói rồi, anh đưa ra một lát bánh nổ lớn hơn cái thùng diêm, bảo: "Phần em đây, phần anh có cái bánh in, khoan ăn, dành chút nữa anh em mình đón giao thừa". Anh nói: các chị bên sam nữ đi quyền góp từ các bạn tù có gia đình đến thăm rồi đem chia lại cho bọn xa nhà như lũ mình để ai cũng được một xí Tết, đỡ tủi.

Tôi cảm miếng bánh trên tay mà rưng rưng nhớ mẹ. Hồi tôi còn nhỏ, cứ sắp đến Tết là nghe mẹ bảo "Thôi Tết này không bánh trái chi hết, mệt đuổi đờ". Nói là nói vậy nhưng hễ Tết đến, cứ sau ngày đưa ông Táo về trời lại tất bật làm bánh làm mứt. Không thể nào quên được dáng mẹ khom người, ôm cái nồi rang trước bụng lắc tròn thật lực, nhanh dần, nhanh dần như thế người lên đồng, mớ hồi mớ kê như tằm, nếp trong nổi lụp bụp nổ như pháo dây. Mẹ nói: "Một thì một chữ Tết nhất, nhìn sắp nhỏ mình thấy con nít hàng xóm cầm cái bánh trên tay mà hẳn không có, phải nhịn thềm, ai mà chịu nổi". Giờ đây, nhờ các chị bạn tù mà tôi có được miếng bánh Tết. Ra, phụ nữ mình sao mà ở mô cũng một tấm lòng như vậy. Chỉ kịp nghĩ được thế là đã lẩn ra ngủ như chết chẳng còn biết giao thừa giao thiếp đến vào lúc nào.

3.

Giao thừa năm ấy đến giao thừa này rứa mà đã gần hết đời người! Nhớ chiều ba mươi Tết cách đây mấy năm, dọn dẹp nhà cửa xong tôi dắt xe ra cổng. Đến trước trụ sở Bộ chỉ huy quân sự thành phố, tôi rà xe vào bờ lề rồi dừng lại trước cổng. Hai khẩu thần công chĩa ra hai bên càng làm cho Đại bản doanh của lực lượng vũ trang vừa mới được nâng cấp, thêm uy nghi. Tôi ngồi trên xe chống chân nhìn mê mải khung cảnh đang hoàng, to đẹp của doanh trại quân đội mình, lòng nôn nao trong một cảm giác kì cục như chính mình đã có đóng góp gì đó vào công trình này.

Một lát sau, một sĩ quan cấp úy đeo băng đỏ bước ra. Chưa kịp hỏi han, anh đã chạy đến ôm chầm lấy tôi. Hóa ra anh biết tôi. Tôi nói như phản trần rằng: hồi Đà Nẵng còn nằm trong tay giặc, đây là chỉ huy sở của chúng. Đùng ba mươi Tết, cũng chính tại nơi này, chúng đã đẩy dọa chúng tôi như thế, như thế... Giờ đến ba mươi Tết cứ muốn đến đứng ngắm nhìn lại nơi này để... sướng. Anh ta cầm động vốn và dắt xe cho tôi, mời tôi vào chơi với anh em. Bất ngờ quá, tôi vui vẻ theo. Bước vào phòng khách, chậu mai cảnh rất lớn đặt giữa phòng, thế đẹp, hoa đều, tỏa hương thoang thoang. Mấy sĩ quan đang ngồi chuyện phiếm thấy tôi vào đứng dậy chào như khách quý, nhất là khi được nghe sĩ quan trực giới thiệu lại, anh em liền lấy sam-panh rót tràn ly xin chạm cốc. Chưa giao thừa mà Tết đã đến. Tôi xin anh em cho tôi nhìn lại nơi tôi từng chịu nhục hình ngày trước. Thật không thể nhận ra nữa, chỗ đó bây giờ là một dãy nhà khang trang ba tầng. Ánh điện nê-ông từ trong những khung cửa buông rèm hoa hắt ra sáng choang. Những tiếng vui đùa và tiếng hát của đám lính trẻ dội ra thật trẻ trung. Chắc là đang liên hoan cuối năm.

Ra khỏi Thành đội, mới hay trời đã nhập nhoạng tối. Đến ngã tư Trưng Vương, tôi quẹo xe lên sân bay. Đây là con đường chúng tôi từng theo xe thùng đi đổ xuống các ruộng nước, quãng trên đường Hoàng Hoa Thám bây giờ. Ngày đó, phố xá làm gì đã mọc ra đến đó. Anh lính lái xe người mình bảo: chỗ cái thứ cút này, xe cứ phải chạy thật chậm để trảy trét ra đường thì hàng phố coi như hết Tết. Đứng trên xe chúng tôi cũng khua thùng ầm ĩ, như thể quảng cáo cho nổi ề chế của mình, để bà con biết mà đóng cửa cho nhanh. Giờ đây, ngồi trên xe máy, thả chậm chậm trong làn sương mỏng, tôi như còn nghe văng vẳng tiếng sấm sập của những cánh cửa gỗ đóng mạnh đuổi theo sau lưng. Còn nhớ, trên chuyến xe cuối cùng từ ngoại thành về, chúng tôi như đã biến thành những sinh vật hồi thối, đứng vịn thành xe nhìn hai bên phố giờ này đang lên hương đèn rước ông bà. Cái khứu giác tội nghiệp



Minh họa của LƯƠNG XUÂN ĐOÀN

của chúng tôi như dần dần hồi lại. Không ai bảo ai, tất cả ngửa mặt lên trời, cố hít cho đầy lồng ngực mùi thơm Tết nhất, cái mùi thơm thân thuộc của chiều cuối năm, chỉ cần thoáng ngửi thấy là cổ đã tắc nghẹn. Và chính ở ngã tư Ngõ Gia Tự - Hùng Vương nầy đây, khi xe chúng tôi chạy chậm lại, một cái bọc lớn từ dưới hè phồng được dúi lên. Mở ra thấy bánh trái, quần áo, một bánh xà-bông thơm với rất nhiều khăn mặt. Ôi, Người Đà Nẵng mình! Chúng tôi im lặng nhìn nhau, nước mắt chảy dài, kẻ những vạch dọc trên những khuôn mặt hốc hác, bẩn thỉu.

Theo đường Lý Thái Tổ tôi lên sân bay. Từ Bến xe cũ lên Ngã Ba Huế, trước là hành lang phía Bắc của sân bay, hoàn toàn trống trải, trắng một màu cát thông thoáng ra tận chân đèo Hải Vân. Giặc bắt từ chúng tôi lên đây làm hàng rào kẽm gai. Ra đến cây tận đồn Nhứt, đưa về đóng cọc. Những ru-lô kẽm gai nặng hàng chục cân, từ chúng tôi phải khệ nệ rình, giăng dọc, giăng ngang, giăng chéo từ đầu cọc này sang đầu cọc khác thành một bãi rào bao quanh sân bay. Rào đi rào lại, rào quanh năm, dưới nắng lửa, mưa dầm. Cực nhất là vào mùa lạnh. Gió bắc cứ thổi thông thốc từ biển Xuân Thiều vào, những thân tù gãy gò cứ run lên căm căp. Anh Ba đã tìm được những mảnh vải kaki cũ, tháo từ áo quần nhà binh ra, tự tay chằm lại thành cái yếm dài hai bộ. Anh một cái và cho tôi một cái. Chúng tôi mặc lót trong người, như các bà các chị ngày xưa. Nhờ nó mà anh em tôi vượt qua được những ngày rét mướt. Bây giờ đứng ở đây mà nhớ thương anh Ba đứt ruột. Sau Tết năm đó ít lâu, trong một lần lên đến cây trên đèo, anh đã bỏ trốn. Khi biết thiếu anh, chúng bản như vãi trấu vào rừng. Không biết anh có hề gì không?

Có lần anh kể với tôi: trước khi đi rồi bị bắt, anh được về thăm nhà. Đêm đó được "truy lĩnh" hơi quá, sáng dậy một phở. Vội mà, ngồi trong nhà nhìn ra thấy chị vớt tàu lá chuối xuống, ghé răng cắn cái ngọn để lột vỏ rồi đi chợ, thấy "dễ ghét" quá, anh liền ngoắc vò, lại... Nói nửa chừng anh lại lăn ra cười, miệng thì cười sằng sặc mà mặt lại đầy nước mắt. Anh bảo: trước khi đi anh được tin chị có bầu, rồi trong tù anh cứ xòe tay tính ngày tính tháng. Trước Tết, anh bảo: chắc chị ba em "nằm nơi" rồi, không biết... Anh có tật thường nói bỗ lũng như thế, để thờ dài. Nếu có con thì con anh nay cũng đã lục tuần chứ ít gì. Còn anh, hồi đó nếu thoát được thì giờ cũng đã trên dưới chín mươi, còn sống không ở một nơi nào đó của tỉnh Bình Định. Ước chi anh có thể chỉ một lần được nhìn lại cảnh đổi thay nhanh chóng của Đà Nẵng tôi: trên vùng đất trống ngày ấy, anh và tôi may yếm đi rào kẽm gai cho sân bay giặc, giờ đã mọc lên những khu phố mới nguy nga, cạnh con đường hai chiều thênh thang chạy vào thành phố.

Ba mươi Tết năm rồi, tôi không đi xe máy lòng vòng nữa mà bắt taxi ra 84 Hùng Vương. Lao Con Gà ngày ấy là đây. Mấy năm trước, còn là Trung tâm thông tin văn hóa của thành phố, thường mở triển lãm. Nay đang khởi công một công trình lớn. Tôi đứng nhìn sững vào nơi tôi đã từng trải qua những ngày đen tối, một ngày mấy bận đi về, ngang qua cái chốt gác lúc nào cũng lấp lóa hàng rào trắng nhồn của tên Tây đen. Rồi quay nhìn ra nơi hồi đó là vườn hoa Con Gà, nghe nói giữa vườn có tượng con gà Gô-loa, biểu trưng của nước Pháp. Giờ đây, nhà hầm lớn để ô tô đang được thi công. Chỉ còn mấy tiếng nữa đến giao thừa, những cành mai từ vùng ven vẫn cứ tiếp tục đổ về chờ những khách chơi kỹ tính. Như mọi Tết, tôi cố tìm một nhánh nhỏ có thể đẹp, nhiều búp sẽ nở đúng giao thừa về cắm lọ. Và chính chỗ chợ mai Tết này, ngày đó có một xe bán nước giải khát không gas, gọi là li-mô-nát. Đây xe ra bán là một cô gái mặc áo dài trắng như nữ sinh trung học, tóc xõa ngang vai hao hao giống cô bạn gái học cùng lớp với tôi ở Trường Trung học Lê Khiết. Hàng ngày đi làm về, thấy cô hàng nước lại nhớ "cô Lê Khiết" của mình. Ngày tôi

XUÂN VỀ TRÊN NHỮNG MIỀN QUÊ BẢO LŨ

LÊ HOÀI LƯƠNG

MỌI thứ bắt đầu từ nắng và gió. Nắng rất vàng rất mới trên lông lánh chồi non. Gió vẫn còn bắc nhưng cuối chập đã hây hây nồm, "Tháng giêng đông dài, tháng hai đông tố, tháng ba nồm rộ, tháng tư nam non"- cái gió nồm miền Trung hào phóng mãi sau này mới rộ nhưng giờ vẫn kịp theo nắng ấm rất chừng mực, đánh thức bướm ong. Ai mà biết được lũ bướm ong trốn tiết nơi nào suốt mùa đông, lúc này nhất loạt ủa về, và con người chợt nhận ra dưới cánh chúng, nhiều lắm, đủ các loài hoa bùng nở. Cỏ bên đường đã lại non tơ. Mùa xuân đang tràn ngập đất trời.

Mùa xuân vẫn tràn ngập đất trời dù mới vài tháng trước, trên những vùng đỉnh lũ miền Trung này, như mọi năm, những cuộc mưa bão nối nhau ầm ào quàng quật cùng thủy nạn xà lũ, mang sống người chấp chới. Tất cả ngập tràn, nhà và người và vật trôi bồng bồng, trôi bằng băng như đại hồng thủy áp tăn những ngoại vi nhiều thành phố. Trên những thường xuyên các khái niệm rất cũ về đỉnh lũ lịch sử, về trận lụt thế kỷ, phương tiện truyền thông mấy năm qua có những hình ảnh theo kịp với thiên nhiên cuồng nộ. Những cánh tay mọc ra trên mái nhà vẩy vẩy cầu cứu, những bàn tay chia ra chụp vội gói mì tôm rồi xé nhai ngẫu nhiên, hai mẹ con người rúc bên món ăn duy nhất nhiều ngày qua là nòng nọc.... Dẫu biết rằng nhiều khi mạng người bé nhỏ, nhưng tới năm nay cuộc điều chỉnh xả lũ có báo trước hai giờ chưa giúp dân thoát khỏi thảm họa, và khá lí bí khi, trừ dân chơi với những tín hiệu sinh tử ấy, chưa thấy có kết luận cá nhân, đơn vị nào sai để có hướng sửa hiệu quả hơn. Mà thôi, ngay cả với thiên nhiên, người ta cũng đã tìm được chữ để diễn tả rằng đó là chủ ý, là sự trừng phạt con người gieo mầm họa tàn phá môi trường, thì kiếp nạn này phải gánh chịu là điều khó tránh khỏi. Thật nhẹ nhàng nhiều nỗi chung chung!

Mà thôi, dẫu gì, mùa xuân cũng đang tràn ngập đất trời... Trên ngàn bùn còn chưa phai, bắt ngờ màu cỏ mới xanh non đến thơ ngây! Chợt nhớ câu thơ Xuân Quỳnh: "Ngỡ như là lá ngọt/ ngỡ như là lá thơm...". Nhấn nha nhấm nháp ngọn cỏ, lá tơ, ừ nhỉ, cái "ngỡ như" của nữ sĩ đáng yêu quá! Mùi lá ủ trong lùm bụi ven đường, mùi rạ mục vườn nhà ai ngai ngái trong không khí thoảng nhẹ hương cây. Tưởng như nghe được cái cựa mình của chồi non, lộc biếc...

Những con bướm vàng những con bướm trắng hình như cũng bị đánh lừa: chúng thường nhón nhơ trên các tầng cây, vạt cỏ- không sắc sỡ sắc màu, đôi cánh nhỏ ăm nằng của chúng khi bay có vẻ lững lờ, non nớt lắm. Và thật hiển. Chúng quần quanh bên hoa rất hồn nhiên. Loài nho dại mọc ở khắp các rào giậu, lá xanh đậm, hoa ngũ sắc sáng lên dưới nắng. Những cuống hoa nhỏ đầy mật lúc nào cũng nhộn nhịp đám bướm to với các loài ong, còn chúng, lũ bướm vàng bướm trắng cứ thoảng qua nhẹ nhàng và có vẻ ham chơi như con trẻ. Chúng bay ra bờ sông.

Dòng sông nước đã bắt đầu xanh. Những vạt cải hai bên bờ, ngồng đã vàng tươi sắc hoa. Những bông hoa nhỏ xiu, giản dị và thanh thoát với cuống hoa thật mảnh lằm cho màu nắng thêm tinh tế.

Trước mỗi sân nhà đã đơm đầy hoa vạn thọ đủ màu: vàng trắng, vàng tươi, vàng nghệ, vàng sẫm. Hoa mào gà, hoa đuôi chồn đỏ tia, vàng mơ. Hoa móng tay trắng, hồng, cam, mọng mọng tươi tắn theo nách lá. Bông trang đỏ ăm ắp, bông trang trắng đượm hương. Từng chùm bông điệp lặn lẽ trên cây... Những loài hoa cũng mọc mọc chất phác như người trồng. Để cắm bàn thờ Phật, bàn thờ ông bà. Cái mục đích giản dị như cách người nông thôn chia dùm hạt giống cho hàng xóm. Vải xuống rêu đất nào đó là hoa mọc, nhỏ trống như cái. Năm nào sơ ý để chuột gián nhấm mất chùm hoa khô, thì ra phiên chợ quê mua. Những cây hoa giống được bọc trong lá môn, lá chuối. Là có hoa chơi. Quảng đưa ông táo về trời, người ta chọn cây bông đẹp nhất bung trống vào chậu đất, chiếu ba mươi lấy giấy sạch bao chậu, bê vào nhà trưng tết. Đến thăm

nhau trầm trở khen đẹp. Mới biết, dù niềm vui, niềm hạnh phúc của từng người từng cảnh có khác nhau nhưng cái thoải mái của khoảnh khắc ấy không thể bảo là hơn, kém.

Lũ bướm vàng bướm trắng đôi khi ngưng ngẩn quanh quất bên nia bánh in, bánh cốm hong nắng. Lũ trẻ ngồi chờ bên cạnh chỗ làm, có cái bánh nào sứt bể bà, mẹ cho ăn. Mấy ngày này, mùi nếp rang, mùi bánh thuẫn mới vớt thơm lừng lỏi ngổ vừa được đẩy cỗ, quét dọn. Trên bếp lò thường liu riu lửa sên mứt gừng, mứt dừa. Người ta thích bỏ phẩm màu xanh đỏ vào mứt dừa cho tươi tắn ngày xuân. Bánh mứt quê kiểng vậy thôi, cũng làm một chút, không tội lỗi nhỏ. Khách thăm xuân có cái để dọn, gọi là.

Ngày ba mươi vội vã và gấp gáp hoàn thành những việc cuối năm. Bàn thờ sạch sẽ tinh tươm *đồng bình tây quả*. Đêm chăm chăm và yên ắng khác thường. Có thể nghe được từng bước chân thời gian: trầm lắng và trang nghiêm giờ phút chuyển giao cũ và mới, kết thúc và bắt đầu - công việc muốn thuở của tuần hoàn vũ trụ mà con người bao giờ cũng đối diện bằng những rung cảm bối rối. Và chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi những tín hiệu đã ngập tràn, sau khoảnh khắc cùng ông bà giao thừa, lại nghe, trong mệnh mỏng đất trời, trong tĩnh lặng đến lạ lùng, rõ mồn một bóng dáng chúa xuân!

Sáng đầu năm, mặt trời chưa lên, trên những nẻo đường quê đã thấy đầy trẻ nhỏ xúng xính quần áo mới. Chúng chỉ đi lòng vòng. Nhưng nhất thiết phải đi. Cha mẹ dặn với theo: "đừng vào nhà ai!". Chuyện xông đất đầu năm còn nhiều kiêng cử. Cũng phải thôi, ai mà giải thích được những rủi may trong đời. Mà bao đời qua, sau lũy tre làng, người nông dân còn nhọc nhằn lắm! Tuy nhiên, lời căn dặn của cha mẹ là thừa: lũ trẻ chẳng hề có nhu cầu vào nhà ai. Chúng chỉ muốn ra đường vì có quần áo mới. Những bộ đồ in hoa nhiều sắc màu nổi bật trên đường quê. Chúng khác lũ bướm vàng bướm trắng ở chỗ sắc sỡ hơn.

Trên đường đầy điện qua những cánh đồng, qua các thôn, những con chim én đậu thành hàng dài. Không biết trước đây chúng ở đâu. Không rõ những sợi dây nhỏ xiêu ấy có gì hấp dẫn chúng. Nhưng lạ lắm: hình như chúng có vẻ biếng chao lượn, hình như chúng hiểu rằng bây giờ không có đối cánh của chúng, mùa xuân cũng về. Đã có họa sĩ vẽ tranh nhấn mạnh họa tiết này, bức tranh có tên: nông thôn ngày nay. Dẫu sao, cái thực tế bé nhỏ nghìn năm qua vẫn còn đó. Và trăm năm sau, bức tranh quê thêm nhiều đổi khác nhưng chắc còn con én của ngày xưa.

Tiếng trống chầu giục già. Đêm hát bội sắp mở màn. Các nghệ- sĩ- nông- dân đã vẽ mặt xong và mặc áo thêu rồng phượng. Những ngày trước họ đã rang qươ xong củ lúa cho mấy ngày tết yên tâm lưu diễn qua các xã huyện khác. Tiến bồi dưỡng không nhiều, niềm đam mê được hát, được sắm vai trong tiếng nhạc tuồng đã thành máu thịt, chỉ có thể giải thích bằng chữ nghiệp. Và người xem, dù đã có nhiều ti vi, video với các hình thức giải trí phong phú hấp dẫn, vẫn vội vàng gấp bước theo hồi trống thúc. Họ tìm thấy gì ở Liễu Nguyệt Tiên, Đào Phi Phụng, Kim Lân, Dịch Thanh...? Người già gặp lại những kỷ ức thời trẻ khi xem vở tuồng quen thuộc. Lớp thanh niên gặp nhau. Đêm hát bội đã góp phần nuôi dưỡng hồn làng!

Bây giờ là mùa xuân. Tưởng có thể sờ được làn hương trên lối ngõ. Lúa đã xanh thì con gái. Những người đàn ông đã tiếp tục vãi những hạt giống chắt chiu cứu được hay từ hỗ trợ của chính quyền các cấp, ngay khi mùa lũ đi qua. Họ đã nghìn năm qua kiên trì gieo hạt với hy vọng mùa màng. Gió bắc vẫn còn nhưng nắng đã vàng, đã mới, hoa đã nở và lá đã non tơ. Trong những nếp nhà bình yên, chuyện khổ nghèo chừng vơi đi trước những tính toán và hy vọng.

Bất giác cúi xuống bông đại vàng trên cỏ. Những con bướm nhỏ thật hiển đã lặn quần bay lên...■

đi, cô tặng tôi cây bút bi có nắp đây rất xinh. Hồi đó còn gọi là viết... nguyên tử. Cây bút bị chúng tước mất. Nhưng còn một tặng vật nữa không thể mất đó là mụn và trên vai áo do chính tay cô mạng cho tôi. Qua mấy ngày tôi bị tra tấn, chiếc áo rách teng beng. Tôi đã cắt miếng vá giữ lại. Ngó không ra chỉ rứa mà thiệt lạ: hần như một liều thuốc giảm đau đã giúp tôi vượt qua được mấy trăm ngày lao lung giữa tuổi mười bảy, mười tám, trong nhà tù giặc. Người bạn gái ngày xưa ấy nay đã là một cụ bà ngoài bảy mươi, nghe nói tết này sang chơi với con cháu đang định cư ở nước ngoài, chuyện cũ chắc chỉ còn nhớ. Sự đời vậy đó.

Miền man hồi tưởng, tôi cảm cảnh mai lũng thưng ra bờ sông, tự mìm cười với cái tuổi trẻ không mấy suôn sẻ của

mình. Ra đường Bạch Đằng, chọn một chỗ đẹp để chiêm ngưỡng gương mặt rực rỡ nhất, lãng mạn nhất của thành phố vào đêm cuối năm. Dòng sông Hàn thơ mộng đoạn chảy qua cầu không lủ nào lung linh như lúc này. Nhìn sang bên tả Hà Thân, mới mấy năm mà nay phố xá đã nghinh ngang lắm, đâu còn kém mấy so với bên n.

Tôi đứng giữa dòng chảy nườm nượp người, nườm nượp xe, ngược nhìn tháp dây vàng rực sáng điện ngũ sắc của cầu sông Hàn. Trên đỉnh tháp, thợ trang trí đã khéo chạy điện, ngó như một cái nút sầm-panh khổng lồ, thỉnh thoảng lại phụt lên những tia sáng vàng như bọt rượu trào ngược rồi bất tỉnh linh bung xòa ra trong trời đêm.

Trong bầu không khí kì ảo Tết Đà

Nẵng này, tôi bồi hồi nhớ đến ba mươi Tết năm nào trong Lao Con Gà, nhớ anh Ba, nhớ các bạn tù khốn khổ của tôi ngày ấy.

Từ Tân Mão đó (1951) đến Tân Mão này (2011), lịch Trời đã quay một vòng tròn kì diệu đúng sáu mươi năm trong đời tôi và trong đời thành phố thân yêu.■

Xuân Tân Mão - Xuân Nhâm Thìn
2011-2012

P.P

* sam (chambre): phòng

**sắp-mãng (rassemblement): tập hợp

***ca dao Đà Nẵng:

Đứng bên nì sông Hàn ngó sang bên
tê sông Hàn, nước xanh như tàu lá

Đứng bên nì sông Hàn ngó sang bên
tê sông Hàn, phố xá nghinh ngang...

Tay ôm khăn gói sang sông
Mẹ gọi mẹ theo chồng cứ theo.

Vừa nghe tiếng xe máy đồ xích ở sân, Hằng ngoảnh ra, chưa kịp chào, đã thấy tiếng chị Loan nên giầy cao gót cồm cộp và đánh tiếng: - Cái Hằng phải không? Cái Hằng sang đây, hả?

Anh Phan, anh rể Hằng vóc người cao ráo, mặt trái soan ló đầu ra từ gian trong, sân đón:

- Loan đã về đây à? Anh đi khám bệnh, tạt qua phòng nhì, thấy hai mẹ con nó ôm nhau nhếch nhác chờ đợi mà con bé thì nóng như rang nên đeo xe nó về đây đây!

Chị Loan cởi áo chống nắng, vắt lên giá đỡ, bước vào gian trong. Gian trong, trên cái giường con kê ở cạnh buồng ăn, con bé Tý Tý bảy tháng tuổi đang nằm, tay giang rộng, tóc bết thái dương, mắt như hai hột nhãn lờ lờ đưa đây.

- Em chào chị ạ.

Hằng lí nhí. Chị Loan nhắc cái quạt nan, thốc mấy cái vào khuôn mặt trái tròn vành đỏ hồng vì đi nắng, rồi khoát rộng cánh tay phe phẩy cho con bé Tý Tý, mặt bỗng sa sầm:

- Tao biết ngay mà! Người ta con chúa chúa yêu, con triệu triệu dấu. Còn mày sao cái số lại khốn khổ thế, hả Hằng?

Mắt ầng nước, nghe chị gái cao ráo oán thán, Hằng sụt sịt chưa biết nói gì thì anh Phan đã quay vào, mặt nhăn nhó, khổ ái:

- Trách gì nó! Có trách thì trách bố mẹ nhà chồng nó ấy chứ.

- Thế còn thằng Dũng chống nó? Là bụt mọc hay sao mà không biết mở mồm ra bênh che cho vợ con?

Đưa mắt nhìn Hằng, anh Phan hất hàm, ào ẻo:

- Thôi, Hằng! Chị mày đây, mày nói cho chị mày nghe. Chứ tao thấy cảnh mày và con mày thật nào lòng quá đây!

Hằng nói được gì bây giờ?

Nói được gì nữa. Vì chị Loan đâu có phải bây giờ mới biết. Bây giờ mới biết, mới nhận ra sự thế, có lẽ là chỉ có mình Hằng thôi. Thật là thế. Thật là Hằng không thể ngờ bên nhà chồng lại đối xử như thế với Hằng! Hằng không thể ngờ. Cuối hôm trước, hôm sau bữa cơm đầu tiên ăn ở nhà chồng chưa xong, thì ông Chi bố chồng Hằng đã đặt chén rượu đang uống dở xuống, hà hà một hồi, rồi hể hể nói rằng, từ nay thế là tao nhẹ gánh; thằng Dũng lấy vợ rồi thì vợ chồng liệu mà thu vén, quần tùm và trang trải cho nhau.

Hằng còn đang mơ chưa hiểu ý tứ cụ thể gì ẩn ở sau những câu nói nọ thì mẹ chồng Hằng đã chêm chẹp miệng phân tỏ ngôn ngữ. Ôi chao, thì ra theo bà Chi mẹ chồng Hằng thì bố Dũng bảo rằng, từ nay là con dâu thì giang sơn nhà chồng nặng gánh nhẹ Hằng phải mang. Hằng phải buông dầm cầm chèo. Cụ thể là từ hôm nay, Hằng phải đóng tiền ăn hàng tháng cho chồng nàng. Rằng ngoài ra, nàng phải đóng góp cho các chi tiêu khác trong gia đình. Chẳng hạn, tiền điện, tiền nước hàng tháng từ nay sẽ xé đôi, vợ chồng Hằng đóng một nửa, bố mẹ chồng đóng một nửa, vân vân và vân vân...

Hằng còn đang choáng váng thì ông Chi đưa tay gãi gãi chòm râu đầy rụng gần hết tóc, trắng hếu ề ề:

- Tao năm nay bốn chín chưa qua năm ba đã tới. Đi làm nhà thầu xây dựng, việc thổ mộc không học màu cũng học cơm. Nói đại, đang leo dần giáo, bỗng hoa mắt, trượt chân, rơi ịch xuống đất! Hoặc đang đi bỗng choang một viên gạch từ tầng năm rơi một phát trúng thóp. Thì ôi thôi! Vậy nên, vô tác gác mỏ, làm lấy mà ăn!

Và miếng cơm, Hằng nghen ằng. Nghen ằng, vì cứ nghĩ, lấy chồng thì ai cũng thế thôi, trước hết là phải dựa cây vào nhà chồng, rồi sau cùng cát đất mới có thể tự lập được. Chứ mới mười tám tuổi đầu, cha mẹ mất sớm, ở với gia đình chị gái, mới lập nghiệp bằng chân bán hàng ở shop Thời Trang Mỹ Duyên, thăng lĩnh chín trăm ngàn tiền công, tiêu pha sầm sưa cho cá nhân còn phải xin thêm anh chị, thì lấy đâu mà cung đốn cho chồng và chi tiêu các khoản khác trong gia đình chồng!

Hằng bị bất ngờ quá! Vì chị Loan, chị gái Hằng con người tươi đẹp lông lộng, khôn ngoan, sắc sảo và vô cùng quyết đoán, đã thăm vắn rồi mới bán thuyền, đã dò la thăm hỏi chán chê, yên tâm hoàn toàn về gia đình tương lai của chồng Hằng mới bằng lòng cho Hằng đi làm dâu nhà người ta. Chứ đâu có phải là nông nổi trong việc gả chồng cho Hằng!

Đấy, ông Chi bố chồng Hằng! Ngày đám ngõ, ông ngồi bành choè trên cái xe máy SH mới cóng, đen bóng, giá ngang chiếc ô tô con. Mặc bộ com lê lễ hội, áo trắng, nơ đen, giầy đen bít tất trắng, thắt lưng gài điện thoại di động, ông hơi ba hoa một tí, nhưng xem ra có vẻ thật thà và nhất là khẩu khí nghe ra cũng là của con người biết làm ăn, biết trọng nghĩa khinh tài, ra dáng ra dạng một doanh nhân đang ở thời kỳ phát đạt chứ thường. Trong khi đó, bà Chi áo vét xám khoác ngoài áo dài lụa mờ gà, đi hài thêu, ăn nói hờn hèn, một lời một thưa gửi, ý tứ phân minh phép tắc. Chứ đâu phải hạng đàn bà giá áo túi cơm, ngồi xổm ăn bốc. Chỉ hơi buồn là Dũng. Dũng, tóc chải gôm, áo sặc sỡ hình hoa, đặc ca sĩ đang ăn khách, nhưng bên la bên lén, Dạ, anh chị không chê em ít học là em mừng lắm rồi. Ấy thế, không ngờ nghe Dũng nói vậy, chị Loan và anh rể Phan đều tỏ vẻ hài lòng. Tất nhiên, chị Loan là kế toán trưởng, anh Phan là tiến sĩ xã hội học, giá như

THEO CHỒNG

Truyện ngắn của MA VĂN KHÁNG

Dũng có học vấn cao hơn, gia đình Dũng là gia đình trí thức thì vẫn yên tâm hơn. Nhưng, chuyện dựng vợ gả chồng không phải là việc vẽ người lên giấy rồi chọn lựa. Huống hồ, Hằng cũng là đứa không có chí học hành, ỉ ạch mãi mới học hết trung học cơ sở. Thành ra lúc này đây, đến tuổi lập gia đình mà Hằng được gửi thân vào một gia đình lao động lương thiện thật thà là may rồi. Chị Loan và anh Phan đều nghĩ vậy và lấy làm mừng. Mừng nữa là tính ra, gia đình Dũng không giàu có, nhưng cũng thuộc loại trung lưu. Một mảnh đất tám chục mét vuông, trên đó đã có một căn nhà hai tầng lợp ngói. Một cái giếng khơi. Một vườn sân rộng rinh, gà chó đi lại nhộn nhịp. Không thật sang hoàng, nhưng cũng đâu có phải hạng lúi xùi, ăn xó mó niều. Dạ, gì chứ chúng tôi dứt khoát là không để em Hằng của ông bà khổ sở ạ. Trong bối cảnh ấy, lời ông bà Chi nói lúc đón dâu là có vàng đảm bảo còn gì! Còn bé bạn một tốp mười cô đồng loạt áo dài đỏ chót đi phù dâu cho Hằng, nhìn tận mắt gia cơ nọ thì ghé tai Hằng, rúc rích: "Hằng ơi, hay ăn hay tiêu đùa nơi có tiền là mày đấy", nghe như là có ý ghen tị với Hằng đấy còn gì!

Thế mà bây giờ thì thế!

Thế mà bây giờ thì tính toán chi ly, thắt buộc Hằng. Thế mà bây giờ hoá ra là người kì kiết, đo lọ nước mắm, đếm củ dưa hành, nanh nọc và nhẵn tâm quá đáng. Nấu cơm thừa mấy miếng cháy là bà Chi đã dài mồm ra tri chiết. Thấy Hằng hứng chậu nước máy đầy để giặt cái áo trắng cho Dũng, bà cũng la: "Phung phí thế đến khi hai tay úp bẹn thì đến cổ hậu sự cũng chẳng có đâu, cô à".

Ôi chao! Thì ra bây giờ mới hiểu. Rằng họ chỉ được cái mẹ bế ngoài đánh lừa thiên hạ thôi. Chiếc xe máy SH là đi mượn. Ông Chi vốn chỉ là anh thợ xây quen, trở mã thành nhà thầu khoán nửa mùa, nhưng làm ăn gian dối, nên mất dần khách hàng, gần nửa năm nay hết việc nằm khàn ở nhà. Bà Chi có một cửa hàng nhỏ nho ở chợ phường, lải lờ chẳng vừa đứt miệng. Còn Dũng thì đúng như lời tự thú, học hết lớp bốn, trước toàn đi phụ việc cho bố, giờ thì thoảng có tốp thợ nào gọi phụ hồ hay công trường nào cần chân bảo vệ thì đi làm ít bữa, nên về căn bản vẫn là ăn nhờ bố mẹ, vào bữa cơm là cầm mặt xuống ăn mà vẫn không thoát được lời xỉ vả là quân ăn bám; có bữa đang ăn cũng bỏ bát cơm đấy, chịu nhìn đối vì tui hổ.

Tính cách là do hoàn cảnh tạo nên. Anh Phan nói vậy. Nhưng chị Loan thêm: Thì cũng không có lý gì, đám cưới vừa xong hai vợ chồng ông bà ấy đã ôm cái hòm đựng tiền mừng về, rồi đồ ra đếm đếm, được bao nhiêu giữ dít lấy, con trai hỏi thì sáng, rằng của tao chứ, của mày à. Ấy là chưa kể, Hằng sinh được một đứa con là mất một hôm máu, tả phù hữu bất bù chỉ bù chít còn chẳng ăn ai, thế mà chẳng hề ngo ngàng, lo cho từ miếng cơm đến viên thuốc bổ, nghỉ chưa hết tuần đã giục đi làm, bữa trưa cho độc một gói mì ăn liền *millikét*, để đến nỗi Hằng rộc rạc như cái que, để đến nỗi phải về nhà anh chị xin từng cân gạo, từng chục nghìn để xây bột cho con. Khổ thế đấy! Năm giờ sáng bước chân xuống giường là bề đóng quần áo của bố mẹ chồng của chồng ra giếng. Chiều về, sau một ngày chài chài đứng bán hàng, con chưa kịp cho bú đã phải lần lừng vào bếp nấu nướng, ra sân quét quây dọn dẹp. Bữa nào về chằm là hết cơm. Tháng nào đóng không đủ tiền là ghi sổ nợ. Tuần trước giỗ ông nội thì bảo, lẽ ra là dâu trưởng mày phải căng đáng tất, nhưng thôi năm nay vì mới về nhà chồng nên chị yêu cầu góp giỗ hai triệu đồng thôi. Hai triệu đồng, những hơn hai tháng lương đi làm, Hằng lấy đâu ra! Ở đâu ra loại ông bà ki bo bom bóm thế! Châu nội mình đối mà bỏ ra nghìn bạc mua cho nó bát cháo hoa cũng tiếc. Và bây giờ để con bé Tý Tý xanh xao, còi cọc, ốm yếu thế là tội ở ai? Chưa kể, cùng với tính ki kiết bòn mót, còn là thói gia trưởng ghê người. Động có ý định thanh minh hay cãi lại là lên giọng áp chế, không cho con dâu con trai có quyền nói năng giải tỏ chút nào!

- Thật không ai như mày, Hằng ạ! Thế mày thấy nó sốt, nó thờ khô khề từ hôm nào?

- Dạ, bốn hôm rồi. Mấy hôm trước mưa gió, không cho nó đi cùng đến cửa hàng được, em để nó ở nhà với bà nội. Trưa tạt về, thấy con bé nằm lơ lơ tai hoải, tả không quần, chân không đắp, người như nung như nấu, hỏi thì bà nội nó bảo, trẻ con nó hu hi, vàng mình sốt mấy là chuyện thường, làm gì mà như công chúa phải gai thế!

- Thế bố nó đâu?

- Bố cháu đi làm bảo vệ công trường ở tận Bắc Giang cơ ạ

- Thôi, thế thì ôm con lên! Tao đi bác sĩ tư cho nhanh!

Chị Loan vút tạch cái quạt xuống giường, vợ mái tóc xoã ra sau, gay gắt. Hằng hiểu, chị là người xót xa nhất cho tình cảnh của Hằng lúc này. Hơn nữa, chị còn đang rất cay uất, chị mang cảm giác một người bị mắc lừa.

Con bé Tý Tý sốt xịch xịch ba ngày nữa. Nó bị viêm phổi nặng và xung Amidan. May, nhờ thuốc tiêm và thuốc uống đặc hiệu, bốn hôm sau cơn sốt lui, mặt mũi nó tươi tỉnh dần.

Bé nó trên tay, thấy nó gầy tọp, lợt thỏm, nhẹ bằng mà không cảm nổi nước mắt. Khổ, mới chỉ là một sinh linh yếu ớt, còn đang ư ư chưa biết gì mà đã là nạn nhân của bao tật bệnh, của thói tắc trách, vô tâm vô tình của người đời. Nhìn con bé mà xót quá, mà thương quá! Thương mẹ nghèo, vất vả hay sao mà ngày mẹ đi làm, đặt nằm trên cái ghế cạnh nơi mẹ bán hàng, chẳng bao giờ dám quấy khóc, chỉ lặng lẽ chơi một mình với mấy quả bóng nhựa xanh đỏ treo bung biêng ở trước mặt. Còn bây giờ, suốt mấy ngày ốm đau, mệt nhọc lắm mới ọ ọ vài tiếng, và đã biết thế nào là đau khổ và hạnh phúc mà cứ hơi tỉnh tỉnh lại ho hó cái miệng hồng chuyền và thi thoảng lại rúm rím một nụ cười hoa! Ôi, nụ cười hoa, nụ cười duyên, cái nét riêng cao sang, cái nét quyền rũ của bên ngoại, của mẹ Hằng, của bác Loan. Mẹ Hằng, bác Loan, một vùng hoa nở lồng lộng, tốt tươi. Nhìn con bé cười mà thấy tội nghiệp quá! Có ai hiểu cho hoàn cảnh sống của mẹ nó hiện thời?

- Ở ở... bây giờ Tý Tý *tu ti* mẹ Hằng, rồi con uống nốt một viên thuốc nữa nhé. Thuốc ngọt chứ không đắng đâu, con à. Ừ, rồi con uống thuốc, rồi con ngủ khi. Ngủ khi dậy con ăn một bát bột nữa là con khỏi hẳn, là bác bế con đi chơi nhé!

Trao con bé cho Hằng, chị Loan xoa mặt, kẹp lại tóc, rồi ngồi xuống mép giường cạnh Hằng, giọng đã có phần thanh thoi:

- Hằng này, bây giờ mày nghe chị hỏi đây. Cái xe máy Suzuki anh chị cho đâu rồi mà sao hỏi này đi làm toàn thấy mày đi xe *ôm*?

- Dạ...

- Mày cứ nói thật để anh chị biết.

- Dạ, cái xe máy... ngay hôm đầu về, ông Chi bố anh Dũng nói là cho ông ấy mượn đi Nam Định, rồi ông ấy cứ giữ lấy đi ạ. Cả cái điện thoại di động nữa cũng thế.

- Khốn nạn thân mày chưa! Thế còn cái sổ tiết kiệm năm chục triệu tao cho để phòng thân khi cơ nhỏ, có nghe tao dặn là phải thật bí mật, không cho ai biết, kể cả thằng chồng mày nó có đồ ngon đồ ngọt, nó có cạy rang rang mày, mày cũng phải im, có còn không hay là...

- Dạ...

- Sao? Mày nó hỏi vay mày chứ gì! Trời ơi là trời! Đúng là quân bòn nơi khổ rách, quân chuyên nghề bóp nặn dân lành. Mà mày ăn gì vào mồm mà ngu thế hả, Hằng!

Hằng đối bên vú cho con bé Tý Tý. Chị Loan đứng dậy, chống tay lên sườn, rằng nghiên kèn kẹt, rền rĩ và lồng lộng. Chị đau uất lắm. Chị bảo chị đã nhầm. Chị bảo cả đời chị, đây là lần duy nhất chị đánh giá sai con người, chị bị nó cho *án quá* lừa quá to. Bây giờ chị mới nhớ ra thì đã muộn, chứ chị đã ngờ ngợ từ lần tiếp xúc đầu tiên rồi, từ thế gì cái loại người ấy! Con vợ thì ôn ền, dịu dàng học làm sang, nhưng da mặt sát xương, gò má cao như hai quả núi, rõ quần ăn người, quần phản phúc. Còn thằng chồng thì dái tai nhòm quai hàm, đích thị loại bất nhân, giấu gươm ở đầu lưỡi!

Thông thốc rửa xả bố mẹ chồng Hằng một thôi một hồi, chị mới ngồi xuống bên giường, ứa nước mắt nhìn Hằng, nức nức:

- Hằng ơi, bây giờ mày đã thấy là ngu đại chưa, em! Thằng Trọng, bố mẹ cán bộ, con nhà tử tế, đồ kỹ sư, có công ăn việc làm, nó yêu mày thì mày ruồi ra, để đâm đầu đi lấy thằng phu hồ, thằng bảo vệ, con lão thầu khoán nửa mùa, thất đức.

Cái Tý Tý đã ngủ. Đặt nó xuống giường, Hằng chưa biết nói lại với chị Loan thế nào thì chị đã lại tiếp, giọng càng chua chát:

- Thôi, bây giờ tao không nói xa xôi nữa đâu. Hằng, mày hãy ra soi gương xem, mày sắp thành bà lão chưa? Nào, ra soi gương đi! Xem mặt mũi mày thế thì tao có tội với ba mẹ ở dưới suối vàng không? Nào!

Hằng chớp chớp mắt, nghen ằng. Sự đời lắm khúc ruột sâu kín, nào ai đã hiểu hết và biết nói với chị gái thế nào bây giờ. Phũ phàng xỏ lên người cái Tý Tý, Hằng nghen ngào:

- Thôi, em ngu thì em chịu vậy, chị ạ.

- Chịu chịu là chịu thế nào?

- Nhưng mà...

- Không có nhưng mà gì hết. Hôm qua tao với anh Phan bàn bạc với nhau xong xuôi rồi. Anh ấy đồng ý từ nay hai mẹ con mày ở hẳn đây với anh chị. Vạch vôi vào mặt bố con nhà nó! Quên cái công hàng hùm nọc rần ấy đi! Nhà tao, hai đứa trẻ đi học ở Anh quốc hết rồi. Tao về hưu sớm một năm, tao bế ẵm con Tý Tý cho!

Dùng một lát như lấy hơi, chị tiếp:

- Mà bây giờ người ta quan niệm hôn nhân cũng khác trước nhiều rồi, Hằng ạ. Không hợp thì chia tay.

Anh đi đường anh, tôi đi đường tôi. Thế thôi!

Rồi hạ giọng:
- Đây, cầm cái quạt phe phẩy cho con bé ngủ. Chườm cái khăn ướt lên trán để nó giải nhiệt. Bác sĩ người ta bảo thế đấy. Để tao ra chợ mua mấy thứ về nấu ăn cho con bé. Khổ, gái một con mà sắp thành mẹ rồi!

Con bé Tý Ty thiu thiu ngủ. Hằng nằm xuống là mê thiếp ngay.

Chị Loan ra chợ. Chợ phường họp sáng đã tan, chị phải bắt xe ôm sang chợ quận. Tạt qua hàng rau chị mua mấy mớ cà rốt, rồi qua hàng thịt, mua quả bầu dục, mấy lạng rước về để nấu bột, nấu cháo cho cái Tý Ty. Gặp mấy người bạn trò chuyện, thoáng cái đã thấy nga nga chiều, chị bỗng thấy sốt ruột quá, liền gọi xe ôm vội vã trở về.

Con bé Tý Ty vẫn đang giấc. Hằng đã dậy. Sau giấc chợ, nhưng hai con mắt vẫn ngầu ngầu đỏ. Đầu giường là hai xếp quần áo mới gấp của mẹ con Hằng. Xộc ngay vào căn buồng, chị Loan như buột miệng, hơ hoảng:

- Mày định đi đâu bây giờ, Hằng?
- Không ạ...
- Thế...
- Em vừa lên sân thượng thu quần áo phơi đã khô xuống.

Đặt phịch cái làn đựng đồ ăn xuống đất, mắt chớp chớp, chị Loan dịch lại gần Hằng, giọng bỗng hạ xuống một nấc:

- Đây Hằng, thế ít lâu nay cô và con bé Tý Ty có ngủ riêng không đấy?

- Dạ...
Mặt Hằng ửng ửng đỏ. Chị Loan quay đi, đổi giọng lâu lâu:

- Hay là... Mà tao nói thật, đàn ông trăm thằng giống nhau cả trăm linh một, nhất hạng là cái loại vai u thịt bắp thô lỗ mẫn, nó chỉ biết sướng cái thân nó thôi. Đề được vợ là đề, thỏa mãn được cơn dục là xong, còn chẳng cần biết đến ai đâu. Phải kiên, phải kiên! Ít nhất là sáu tháng. Có thèm cũng phải nhịn. Mà nó có ngọt ngào đồ dành chiều anh một tý thôi nào, thì cũng hầy bằng được nó ra, phải nhớ, để dạ là khôn thân đấy. Rồi ho lao, hâu sần đấy. Mày có nghe tao nói không đấy, hay là bây giờ có chồng có con, có lòng có cánh rồi, coi anh chị như người dưng, hả Hằng?

- Dạ. Em vẫn nghe chị nói đấy chứ ạ!
- Vẫn nghe chị nói!

Quay mặt trở lại, lướt qua mặt em gái một ánh nhìn thất vọng, chị Loan thở một hơi dài buồn bã, thôi, có thân thì tự lo lấy. Không rồi ra lại bảo tao không nói trước. Thì vừa lúc anh Phan đi đâu về ló đầu vào, mắt chớp chớp, giọng nghiêm vẻ lo âu:

- Có phải thằng Dũng lúc anh chị đi vắng nó vừa vào đây không?

Hằng ngắc ngứ, mặt nhợt nhạt. Chị Loan nhìn chồng:

- Anh vừa đi đâu về đấy, anh Phan?
- Anh ra hiệu sách mua quyển *Nuôi dạy trẻ sơ sinh* cho cái Hằng.

Hằng ra liền lấy cái khăn lau mặt, quay trở vào, hai con mắt mừng mừng, nhìn chị gái, giọng rầu rầu:

- Chị Loan ạ, em biết là anh chị rất thương em! Rất lo cho em.

- Cái gì, mày nói cái gì?
- Em nói là em biết anh chị rất thương em.

Thoát một hơi thở dài thượt, chị Loan nói như rên:

- Tao biết ngay mà. Mày lại định trở về cái tổ chầy ấy, cái địa ngục trần gian ấy chứ gì!

Hằng nuốt nước bọt, nghẹn nghẹn:
- Anh chị thương em, thông cảm cho em.
- Không đi đâu cả! Đi thì để con bé ở lại đây cho tôi!

- Em biết là anh chị rất lo cho em.
- Nói thế là tao biết ý mày rồi.
- Em có ý gì đâu ạ.
Phất dậy, chị Loan quàng quắc hai con mắt sắc lẹm, nghiêng rằng:

- Tao nhắc lại: Nếu mày khác ý tao thì từ nay...

Không nói hết câu, người chị gái đã ngắc nghẹn, ngồi thụp xuống, nước mắt tràn ra lưng tròn. Và Hằng lập tức xoay người, úp mặt vào tường, miệng mếu xệch:

- Chị ơi, chị thương em mới chị. Chị ơi, anh Dũng lúc nãy khi chị đi chợ anh ấy có tạt vào đây với em... Chị ơi, mấy đêm nay em có ngủ được đâu. Đêm qua em còn mê thấy ông Chi bố chồng em ở công trường xây dựng bị gạch rơi vào đầu, đang cấp cứu ở bệnh viện, chị ạ...

Đi nằm từ chấp tối, nhưng Hằng có ngủ được đâu. Vì cứ động chợp mắt là lại mê. Mà toàn mê thấy điều dữ. Mê thấy ông Chi bị tai nạn. Mê thấy Dũng kêu bị bỏ đói vì ông bà Chi không cho ăn. Lại thêm con bé Tý Ty lại sức, bú chồm chộp liên hồi. Và trong thâm tâm, Hằng đã quyết rồi. Thành ra, nghe trong buồng anh chị thấy yên ả, chắc là đang vào giấc, Hằng liền xốc cái Tý Ty dậy.

Khe khẽ đẩy cánh cửa, rón rén lọt ra ngoài, tay bế con bé, tay xách làn áo quần, thoáng cái Hằng đã đứng ở vỉa hè đường phố. Chẳng hiểu là mấy giờ đêm hay, đã tang täng sáng mà phố xá mịt mờ sương khói. Và mới chỉ đưa tay lên chưa kịp vẫy vẫy thì một chiếc xe ôm do một gã trai tóc tai bù xù, thò ra cả ria mủ bảo hiểm, mặt mũi lầu lỉnh, như một cánh chim ăn đêm đã về về xấp tới.

- Bệnh viện nào đây? Sốt xuất huyết hay viêm phổi? Mà đức ông chồng đâu lại để thân gái một con một mình lơ vơ giữa đêm trường thế này?

Đang cần thật nhanh chóng rời bỏ căn nhà ẩm áp tình thương yêu của chị gái và anh rể, Hằng không đáp gã trai qua câu hỏi đã biết ngay là dân xe ôm chuyên nghiệp làm đêm và chẳng đứng đắn gì, vì hai con mắt tí hí vừa đầu xe lại đã xoi xoi cái nhìn nhục thể vào hai bầu ngực bù bụ của Hằng.

- Cứ đi đi!
Hằng đưa cái làn cho gã xe ôm, tay trái bế cái Tý Ty, khe khẽ nói rồi ngồi lên phần yên sau xe.

- Ngồi lui lên đi em. Cho con bé chếch sang bên, áp vào lưng anh, cho chắc và cho... ấm!

Hắt về phía sau mấy lời dặn suông sã và ra về thân thiết, gã xe ôm tăng ga, sang số. Chiếc xe giạt cục, vụt đi và Hằng chỉ kịp ngoái lại nhìn vội căn nhà anh chị, rồi đưa tay lên gạt nước mắt. Hằng biết là anh rể và chị gái, nhất là chị gái Hằng sẽ giận Hằng lắm. Nhưng, Hằng không thể làm khác được.

Hằng phải trở về bên nhà chồng như lẽ tự nhiên phải là thế. Hằng trở về vì bốn phận gọi nàng về. Vì bây giờ, nàng đâu chỉ là một cá nhân riêng lẻ, nàng còn con bé Tý Ty, máu huyết của chồng nàng, sợ gây liên hệ với gia tộc chồng nàng. Hằng trở về vì sự ràng buộc vừa chặt chẽ vừa êm ái của một luật tục bất thành văn đã in sâu vào tâm khảm nàng. Hằng trở về vì cuộc sống đã xếp sắp nàng như thế. *Lấy chồng thì phải theo chồng. Chồng đi đường rắn, đường rồng cũng đi.* Vì mỗi người có một số phận. Sung sướng thì được hưởng. Hẩm hiu thì phải chịu. Hằng trở về vì cuộc sống xưa rày vốn là khổ ải trăm luân muôn bể và đã là con người thì phải nhẫn nại và nín nhịn để sống, chứ không thể trốn chạy, không thể bỏ cuộc! Hằng trở về vì hiểu rằng, sống ở đời, nhiều khi cũng cần phải biết tự bằng lòng. Đừng nên đứng núi này trông núi nọ. Minh là phận dâu con, đang lụy người ta nên có bị giam buộc thì cũng là cái lẽ đương nhiên. Mà Hằng có là lá ngọc cành vàng gì mà bắc bực kiêu kỳ, mà có quyền đòi hỏi nọ kia! Làm sao mà Hằng có thể so với chị Loan và vợ chồng Hằng có bao giờ

dám ao ước một cuộc sống như của anh chị mình!

- Vào bệnh viện Nhi Thụy Điển nhé, em gái!
- Không! Anh cứ đi đi!
- Hay là vào Viện Bà mẹ và Trẻ sơ sinh!
- Không!
- Vậy thì vào Bệnh viện Tim Mạch, hở?
- Đã bảo không là không mà!
- Ô hay! Thế thì đi đâu?
- Cứ đi thẳng!

Lần này thì gã xe ôm cho xe chạy chậm lại và ngoái cái nhìn nghi ngờ về phía sau. Rồi ngay sau đó gã có tình dịch lui về phần yên sau và cong tấm lưng gầy của mình để nấp áp chặt hơn nữa vào lưng trên của thân thể Hằng. Nhưng lúc này, Hằng đâu còn tâm sức để ý đến hành vi sàm sỡ ấy của y. Hằng chỉ nghĩ đến hành động trở về bên nhà chồng như là một cuộc chạy trốn bất đắc dĩ nhưng không thể khác được của mình. Trớ trêu, những tình cảm chân thành ở một phía cạnh nào đó nhiều khi lại là những cản trở con người ta sống cho phải lẽ, cho hợp tình hơn.

Thế đấy, Hằng và con bé Tý Ty phải trở về vì bây giờ nàng đã có chồng và con bé Tý Ty đã có cha. Chồng nàng là anh chàng Dũng dần dà, nghề nghề linh tinh. Nhưng hẳn đã đứng tên là chồng nàng trong giấy giá thú. Vừa nãy, lúc anh rể chị gái Hằng đi vắng, Dũng đã lên vào và hẳn đã ôm nàng mà khóc. Khóc suối mướt như đàn bà vì nhớ thương nàng và con bé Tý Ty, vì thấy mình hèn yếu, bất lực. Dũng có vô số nhược điểm. Nhưng hẳn hơn hẳn Trọng kỷ sư, con nhà có học, hơn rất nhiều người khác, ở chỗ hẳn yêu nàng chân thực, không dối trá, không bắt cá hai tay, ở chỗ hẳn say đắm nàng, si mê từ tính nét đến nụ cười hoa, đôi môi, khuôn ngực, mỗi chi tiết trên cơ thể nàng. Nàng nhớ từng cái ôm riết nóng nẩy của hắn. Chà, nàng mới từ nhà họ sinh về được năm hôm, hẳn đã đòi yêu nàng. Và bị nàng đẩy ra thì hẳn cầu, hẳn chửi, hẳn giở bài bầy ăn vờ rồi lại toan gờ tay tát nàng nữa. Nàng nhớ đến từng cử chỉ, từng câu nói của hắn. Hắn là dân lao động, hẳn không biết môn trốn ve vuốt, hẳn hùng hục trong mỗi cử chỉ, thô lỗ ở mỗi câu nói những khi vợ chồng ân ái nhau. Nhưng sao lại có thể gọi thế là thô lỗ để rồi phật lòng nhỉ, một khi hẳn đã là chồng nàng, hẳn yêu nàng thật sự, hẳn thế rằng đi đâu xa là hẳn chỉ tơ tưởng đến cơ thể nàng, hẳn bảo, hẳn có thể chết trên bụng nàng. Nghe hẳn nói thế, nàng vội đưa tay bịt mồm hắn. Thì thủ cái miệng anh đi! Anh là chồng em thì em phải chiều anh chứ! Ấy thế, là chồng nàng thì hẳn có đặc quyền đối với nàng và là đàn bà, là vợ hẳn, nàng sẵn sàng chấp nhận tất. Ăn tùy chủ, ngủ tùy chồng. Thế gian đã chẳng có câu nói đó đấy ư? Thế đấy! Quan hệ đàn ông đàn bà mà cũng đủ vánh đủ kiêu. Hối hẳn nghĩ đâu ra những trò quái quỷ ấy thì hẳn bảo bọn thợ xây ở công trường nó dạy. Khoái quá, hẳn rên, Hằng đi, chạm vào người em là anh cứng đờ như thỏi sắt nguội rồi đây này. Em là ma túy, anh nghiện em rồi. Em có nghiện anh không? Hằng đâm binh bịch lên lưng hắn, cười rúc rích: Đố quỷ sứ nhà trời, lòng và cũng như lòng sung, anh Dũng à. Trời! Hẳn ghì chặt nàng, thì tháo vào tai nàng, rằng không biết ở trên đời còn có cái gì sung sướng hơn là được áp vợ không! Ôi, cái đời sống vợ chồng, cái hạnh phúc ngọt ngào bí ẩn, cái sinh thú tự nhiên nơi trần thế, cái bầu khí quyền quyền rũ quen thuộc của riêng hai người, chỉ riêng hai người được biết thôi, chỉ cần một đôi nét nhắc nhớ là đã nồn nao sung sướng, đã lộn lạo cả ruột gan, là đã có thể quên hết mọi đắng cay, bực bối, nhọc nhằn, kể cả ở chốn địa ngục trần ai, nơi hang hùm nọc rắn rối. Thế đấy, cái thân phận đàn bà éo le nghe thì có vẻ khổ sở mà thực ra đâu có phải chỉ rệt là khổ sở!

Ồi! Hằng đang trở về bên nhà chồng đây. Tâm trạng Hằng lúc này hẳn rằng có khác chi kẻ đang ở thiên đường mà ngày đêm lúc nào cũng bị dày vò bởi nỗi nhớ niềm vui sống nơi trần gian? Dâng lên khuôn ngực Hằng lúc này là cả một bầu năng lượng khát khao yêu đương và dâng tặng. Và gã xe ôm vốn nòi trai lơ từ nãy đang toan tính những ý đồ bợm bãi, đã lập tức nhạy cảm nhận ra ngay cơn xúc động bột phát này của nàng. Thấy cả một mảng lưng mình chợt bùng lên vì một nguồn nóng ấm hồi hồi, gã liền dừng xe; chỗ ấy là vỉa hè một Quán trọ Bình dân còn treo hai chiếc đèn lồng đỏ đón khách đêm.

- Sao anh lại cho xe đỗ ở đây?
- Thì...
- Anh cho chạy tiếp đi! Chạy tiếp đi!
- Thôi, anh hiểu hoàn cảnh của em rồi. Đêm hôm, em không mãn nguyện với đức lang quân chứ gì. Nó bỏ em bơ vơ đói khát chứ gì! Vào đây! Vào đây với anh một lát đi! Mới có ba giờ sáng thôi mà!

Trục xuống sau xe, tay trái bế con bé Tý Ty, tay kia Hằng giật cái làn ngoắc ở tay lái chiếc xe ôm. Từ đây về nhà chồng còn non cây số nữa. Vút trả gã lái xe ôm tờ bạc năm mươi ngàn xong, Hằng liền xốc con lên vai, cầm cùi bực.

Giờ ấy cũng là lúc chị Loan trở mình, sau cả một đêm dài nằm im thao thức, dõi theo từng cử chỉ, hành động của đứa em gái. *Tội nghiệp con em em...* Nói với chồng trong một tiếng thở dài, rồi chị quay lưng, úp mặt vào bờ tường, nấc từng hồi nho nhỏ. Thất bại này, nỗi buồn này thấm thía tới tận tim gan. ■

Hà Nội 2011



Minh họa của HOÀNG ĐÌNH TÀI

Đó là chữ "trí" trong đúc kết mang tính quy luật về sự hưng thịnh của một quốc gia từ lời khuyên cáo của cụ Lê Quý Đôn **"phí nông bất ổn", "phí công bất phú", "phí thương bất hoạt", "phí trí bất hưng"**. Điều cần lưu ý ở đây là, nhà bác học Việt Nam khi tổng kết ý kiến của nhiều bậc thức giả phương Đông bàn về quy luật thịnh suy của một quốc gia, đã xếp chữ **"trí"** vào cuối, khác với trật tự xếp hạng từ dân đặt lên hàng đầu trong thang bậc giá trị: **"sĩ, nông, công, thương"**.

Sự diễn đạt cực kỳ hàm súc mà hết sức chuẩn khi bàn về **nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp** với chữ **"ổn"**, chữ **"phú"** và chữ **"hoạt"** đã giữ vai trò như thế nào trong sự phát triển của một quốc gia, xét thật kỹ, là rất khoa học và khá "hiện đại". Càng kiệm lời, kiệm chữ càng nổi rõ lên vai trò không thể thay thế được của các ngành sản xuất và những con người, chủ thể của những hoạt động ấy. Cách sắp xếp như vậy thể hiện rõ cái logic trong tư duy về kinh tế và xã hội.

một quốc gia. Ở đây nổi bật lên vai trò của trí thức. Chuyện này có lẽ ai cũng thấy. Thông điệp cực kỳ thiết tha của ông cha ta khắc trên văn bia tiến sĩ đầu tiên khoa Nhâm Tuất (1442) dựng tại Văn Miếu cũng là **"...Hiển tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh mà hưng thịnh, nguyên khí suy thì thế nước yếu mà thấp hèn. Vì thế các bậc đế vương thánh minh không đời nào không coi việc giáo dục nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí quốc gia làm công việc cần thiết..."**. Xuyên suốt lịch sử dựng nước và giữ nước, triều đại nào biết quý trọng trí thức, quy tụ và phát huy được sức mạnh trí tuệ trong tầng lớp tinh hoa của dân tộc, triều đại ấy hưng thịnh. Ngược lại là suy vong. Vì thế, đã là **"đế vương, thánh minh"** thì phải hết lòng quy tụ và phát huy vai trò của kẻ sĩ. Ngạo ngược như Lưu Bang nhà Hán, dám đá vào mũi nhà Nho để biểu thị sự coi thường kẻ sĩ, lại dám phách lối: **"Bố mày ngồi trên lưng ngựa mà lấy được**

gia nổi tiếng. Và ngài hỏi: **"Có việc gì mà người cai trị toàn thế giới này có thể làm cho ông không?"** Diogenes trả lời: **"Vâng, xin ông đừng tránh qua một bên, để ánh mặt trời không bị che khuất"**. Thế rồi Alexandros nói với tả hữu rằng: **"Các Người cứ cười nếu muốn, nhưng nếu Ta không phải là Alexandros thì Ta muốn được làm Diogenes"**.

Hiểu được giá trị của mình, giữ mình trung chính, tự tôn tự trọng, đó là đặc điểm nổi bật của người trí thức. Sau Diogenes gần một trăm năm, Mạnh Tử cũng có ứng xử tương tự bằng một quan điểm rất rành mạch: **"Họ cây tước của họ, ta cây đức của ta. Ta có gì thua kém họ?"**. Đông-tây, kim-cổ, người có thực tài và là người trí thức chân chính đều cùng gặp nhau trong cách ứng xử với cuộc đời, với xã hội, với tầng lớp cầm quyền. Và chỉ người cầm quyền có trí tuệ và có bản lĩnh mới có thể chấp nhận được điều đó. Mà thông thường, chỉ thời thịnh trị mới chứng kiến được chuyện đó, còn vào mạt kỳ của mỗi triều đại thì khó thấy.



Chữ Trí.

không tự để đạt thì trăm làm sao biết được?...Khi chiếu này ban ra, các quan hãy đem hết lòng thành, lo việc tiến cử. Còn như kẻ hàn vi ở chốn hương thôn, cũng chờ cho thế là phải đem ngọc bán rao mà hổ thẹn, để trăm phải thở than vì thiếu nhân tài". Phải tầm cỡ văn tài và đức độ của Nguyễn Trãi mới soạn nổi tờ chiếu đó. Dự phòng tránh chuyện **"đem ngọc bán rao"** là để chạm được đến chỗ sâu kín trong **tâm lý tự trọng** của "kẻ sĩ", đòi hỏi sự uyên bác của nhà văn hóa lớn đi liền với sự trải nghiệm sâu sắc của nhà chính trị lớn mới thấu được điều đó.

Bởi vì, xưa nay kẻ sĩ có thực tài và biết tự trọng thường chọn cách ứng xử **"dụng chí tắc hành, xả chi tắc tàng"** (được dùng thì ra làm việc, không được dùng thì lui về). Mà quyết định chuyện "xuất" và "xử" thì gắn liền với thời cuộc. **"Thiên hạ hữu đạo tắc hiện, thiên hạ vô đạo tắc ẩn"**, có đạo thì ra, vô đạo thì ẩn. Vì rằng, **"gặp lúc nước hữu đạo mà nghèo và hèn là đáng thẹn, gặp lúc nước vô đạo mà giàu sang là đáng thẹn"**. **"Thiên hạ hữu đạo"** là thời thịnh trị, **"thiên hạ vô đạo"** là thời suy vong, tan rã của một triều đại. Lật lại lịch sử nước nhà, điều ấy hiện rõ trên từng trang.

Ở vào thời thịnh, đâu chỉ một chiếu cầu hiền của Lê Thái Tổ!

Trước đó non năm trăm năm, Đại Việt Sử ký toàn thư, Kỷ Nhà Lý chép: **Bính Thìn (Thái Ninh) năm thứ 5 (1076). Lý Nhân Tông (1072 - 1127), xuống chiếu cầu hiền. Sử gia Lê Tung viết trong "Việt Giám thông khảo tổng luận": "Nhân Tông tính trời nhân hậu, có tiếng đức tốt, trọng kén chọn danh thần, đặt khoa thi tiến sĩ, có quan hầu kinh diên, xuống chiếu mở đường nói, cầu người hiền, nghe lời can, nhẹ thuế khoá, ít phu dịch cho nên thần được hưởng thái bình, dân trở nên giàu thịnh, đáng gọi là bậc vua giỏi nổi đời thái bình vậy..."**.

Nghĩ kỹ ra, **"mở đường nói, cầu người hiền, nghe lời can, nhẹ thuế khoá, ít phu dịch"** có cái logic nội tại của chúng: có cái này mới có cái kia. Không **"mở đường nói"** mà chỉ tìm cách đóng miệng người nói trái ý mình, bịt miệng dân thì làm sao mà **"cầu hiền"**

BÀN LUẬN THÊM VỀ CHỮ "TRÍ"

TƯƠNG LAI

Dân gian nói một cách dung dị **"nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rồng, nhất nông nhì sĩ"** để rồi các nhà thông thái đưa ra luận điểm **"có thực mới vực được đạo"**. Nói chữ nghĩa ra như Mạnh Tử thì **"có hàng sản mới có hàng tâm"** và giải thích kỹ thế nào là **"hàng sản"**, thế nào là **"hàng tâm"** để rồi cuối cùng thì khẳng định: **"không có hàng tâm thì phóng túng, gian dối, bậy bạ, chẳng cái gì là chẳng làm, đến khi phạm pháp thì người cầm quyền vịn vào đó mà chém giết họ, như vậy không khác gì đặt lưới mà bắt họ"** (Mạnh Tử. Đằng Văn Công. Thượng). Thế là với Mạnh Tử, thì **"hàng sản"** để **"hàng tâm"**, có "hàng tâm" thì "hàng sản" mới đem lại sự hưng thịnh cho một quốc gia.

Nói theo ngôn từ hiện đại phải chăng là: văn hóa, đời sống tinh thần vừa là mục tiêu, vừa là động lực của kinh tế? Càng ngày, người ta càng thấy rõ sức mạnh văn hóa mới là yếu tố quyết định của sự phát triển bền vững đất nước. Hồ Chí Minh thì nói đơn giản hơn nhưng là một khái quát mang tính nguyên lý: **"Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ"**. Mặt khác, **"ngày nay chúng ta đã xây dựng nên nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì"**. Hạnh phúc và tự do thuộc phạm trù văn hóa!

Xem thế thì cụ Lê Quý Đôn đặt chữ **"trí"** vào cuối để khẳng định rằng **"phí trí bất hưng"** quả là chí lý: **ổn định, giàu có và năng động** của đời sống kinh tế, xã hội là tiền đề của sự **hưng thịnh** của



Văn Miếu - Quốc Tử Giám, trường Đại học đầu tiên của Việt Nam.

Ảnh: ND

thiên hạ, đâu phải cần gì đến nhà Nho". Thế nhưng rồi, để xác lập về uy nghiêm của ngôi thiên tử và trật tự ổn định của thể chế, Hán Cao Tổ cuối cùng rồi cũng phải tôn Nho, chiêu mộ kẻ sĩ.

Đây là chuyện phương Đông, còn chuyện phương Tây có thể kể ra cuộc gặp gỡ giữa Diogenes, nhà hiền triết Hy Lạp và Alexandros Đại đế. Chuyện kể rằng, trong khi Diogenes đang nằm thư giãn dưới ánh sáng mặt trời vào buổi sáng, Alexandros hỏi hộp đến gặp triết

Xin dẫn ra đây chiếu chỉ cầu hiền của Lê Thái Tổ: **"Nay trăm gánh vác trách nhiệm nặng nề, sớm khuya kinh cần lo sợ, như đứng bờ vực thẳm, chỉ vì chưa tìm kiếm được người hiền tài giúp đỡ trị nước...Nhân tài ở đời cố nhiên là không ít, nên đường lối tìm người tài không chỉ có một phương. Nếu có ai ôm ấp tài lược kinh bang tế thế, nhưng phải chịu khuất ở hàng quan thấp, không có người tiến cử cho, cùng là những hào kiệt bị vùi dập ở bụi bờ, hay lẫn lộn trong quần ngũ, nếu**

Sáng toả trong đời "Nhật ký trong tù": Thi phẩm thép

Thiênêng liêng hồn nước "Tuyên ngôn Độc lập": Ánh Văn son

TẠ HỮU YÊN

đăng! Không "nghe lời can" thì làm sao mà thực thi được chuyện "nhẹ thuế khóa, ít phu dịch" cho dân được. Vì sao? Vì xu hướng mở rộng đến tối đa quyền lực đã có trong tay, đi đến chỗ chuyên quyền, lạm quyền là thói quen khó bỏ của người cầm quyền. Vì thế, "nghe lời can", thường là lời nói thẳng, thật không dễ! Bởi vậy mới có câu "trung ngôn nghịch nhĩ!"

Sau đó gần năm trăm năm, vị vua thứ hai thời kỳ hưng thịnh của Nhà Nguyễn, Minh Mạng [1791 - 1841], cũng tuyên ngôn "Đạo trị nước phải gây dựng nhân tài". Nhà vua cảnh báo: "Lầu nay cái học khoa cử làm cho người ta sai lầm, Trẫm nghĩ văn chương vốn không có quy củ nhất định, mà nay những văn cử nghiệp chỉ câu nệ cái hư sáo khoe khoang lẫn với nhau, biệt lập mỗi nhà một lối, nhân phẩm cao hay thấp do tự đó. Khoa trường lấy hay bỏ cũng do tự đó. Học như thế thì trách nào nhân tài chẳng mỗi ngày một kém đi. Song tập tục đã quen rồi, khó đổi ngay được, về sau phải dần dần đổi lại". (Việt Sử Toàn Thư, tr. 420)

Sự cảnh báo "Học như thế thì trách nào nhân tài chẳng mỗi ngày một kém đi" cũng đã nói lên cái logic nội tại của giáo dục và nhân tài. Nhìn thấu được cái logic nội tại đó phải là người có trí tuệ và bản lĩnh. Bản thân vua Minh Mạng là một học giả, đã từng làm thơ, soạn sách văn học, khuyến khích biên soạn các loại sách sử, nhất là các sách sử, địa. Các bộ sách quý như: Gia Định thành thông chí, Lịch Triều Hiến Chương loại chí... đều ra đời dưới thời Minh Mạng. Chẳng những thế trong lịch sử chế độ quân chủ Việt Nam, cải cách của vua Lê Thánh Tông năm 1471 và cải cách của vua Minh Mạng năm 1831 - 1832 là hai cải cách hành chính có qui mô toàn quốc và đạt hiệu quả cao nhất (theo Phan Huy Lê).Thì ra, muốn "cấu hiến" không chỉ phải tâm thành mà còn phải có bản lĩnh và tầm nhìn!

Ở đây, ý tưởng của nhà vua bắt gặp được ý tưởng của những bậc danh nho từng nêu ra. Ngô Thì Sĩ (1726-1780) đã từng lo lắng tâu lên nhà vua về cách dạy và cách học "nếu không một phen chấn chỉnh, thay đổi hẳn nếp cũ, thần e rằng trong vài chục năm nữa sẽ rơi vào con đường ti tiện". Ông đòi hỏi "kể đi học phải bỏ lối lầm chương trích cú, mà theo đuổi học rộng biết nhiều". Một trong "năm người tài giỏi" (An Nam ngũ tuyệt) thời bấy giờ, Nguyễn Hành (1771-1824), thì yêu cầu cách học phải thiết thực, gần với đời sống đất nước: "Tôi thường đọc sách của người xưa, tìm hiểu việc làm của người xưa, nói không hết lòng ngưỡng mộ. Nhưng mơ tưởng về người xưa, sao bằng mắt thấy tai nghe về đời này, cầu ở nước ngoài sao bằng tìm ở nước nhà...". ...Liệu đây có phải là một minh chứng cho câu "minh quân lương tướng tạo phùng dĩ"?.

Có thể dẫn thêm câu chuyện về vua Thành Thái với Hoàng Giáp Nguyễn Khắc Niêm. Trong buổi triều kiến các hiền tài vừa thi đỗ đại khoa, ông vua có bản lĩnh và không chịu khuất phục bọn thực dân cướp nước ấy đã yêu cầu họ hiến kế sách để phục hưng quốc gia, Nguyễn Khắc Niêm đã đọc 16 chữ thâm thúy:

Tôn tộc đại quy
Tôn lộc đại nguy
Tôn tài đại thịnh
Tôn nịnh đại suy.

(Để cao nòi giống ắt đại hòa hợp
Coi trọng bổng lộc ắt đại nguy nan
Tôn trọng tài năng, ắt đại phồn thịnh
Ưa thích xiểm nịnh, ắt đại suy vong.)

Rõ ràng đây là một khuyến cáo tường minh về sự hưng thịnh hay suy vong của đất nước.

Tôn trọng tài năng hay ưa thích xiểm nịnh thì đời nào chẳng có! Vì thế, "đường lối tìm người tài không chỉ có một phương". Về điều này người ta hay nhắc đến chuyện Lưu Bị cầu Khổng Minh. Trong cuộc tranh bá đồ vương, người tài đi tìm được minh chủ quả thật là khó. Các bậc danh sĩ trong thiên hạ thường tìm cách ẩn mình để nghe ngóng, chờ thời, chờ người. Muốn cầu người hiền, Lưu Bị phải ba lần gọi tuyệt, đợi gió đến lều cỏ của Khổng Minh là vì thế. Mà đâu chỉ một Khổng Minh. Chỉ riêng trên đất Dĩnh, nơi Khổng Minh ở ẩn, cũng đã có đến bốn người tài, trong đó có Từ Thứ, đây là chưa nói đến Tư Mã Huy, người đã giảng giải cho Lưu Bị nhiều điều về cái lẽ hiền tài nơi đất Dĩnh ấy, và khi ra khỏi cửa đã ngẩng mặt lên trời mà than rằng: "Ngọa Long tuy gặp chủ, nhưng không gặp thời, tiếc lắm thay!". Thật có lý khi người đời cho rằng Tư Mã Huy mới đích thực là một cao danh ẩn tích, đã quá thấu hiểu chữ "thời" nên không chịu dấn thân. Điều này gắn liền với chuyện "xuất" và "xử" của kẻ sĩ: "thiên hạ hữu đạo tắc hiện, thiên hạ vô đạo tắc ẩn", có đạo thì hiện, vô đạo thì ẩn. Vì sao? Vì "gặp lúc nước hữu đạo mà nghèo và hèn là đáng then, gặp lúc nước vô đạo mà giàu sang là đáng then". Gợi lại chuyện xưa cũng chỉ để nói một ý: hiểu cho được nội hàm của chữ "trí" trong mỗi tương tác "hung" và "bất hung" của đất nước quả thật không dễ.

Đơn giản chỉ là vì, theo Các Mác, "trí thức là người nói sự thật, phê bình không nhân nhượng về những gì đang hiện hữu. Không nhân nhượng với nghĩa rằng họ không lùi bước trước kết luận của chính mình, hoặc trước xung đột với quyền lực, bất cứ quyền lực nào". Chẳng những thế, những người phê bình không nhân nhượng về những gì đang hiện hữu này lại hay rơi vào việc vào mình như cách J.P Sartre, triết gia người Pháp định nghĩa về trí thức: "trí thức là người làm những việc chẳng ăn nhập gì đến họ, (s'occupe de ce qui ne le regarde pas). Kỹ sư thì không lo xây cầu, thầy thuốc thì không lo khám bệnh, kinh tế gia thì không lo cộng trừ nhân chia với cái thống kê. Tại sao họ lại xớ rớ vào những chuyện không liên quan gì đến họ vậy, tại vì họ cho đó chính là chuyện của họ. Chuyện không phải là của họ mà họ thấy là của họ. Cái thấy đó làm họ trở thành trí thức".

Đâu chỉ ông triết gia phương Tây nọ, cụ Nguyễn Công Trứ của ta cũng định nghĩa về kẻ sĩ là người xem việc trong trời đất là phận sự của mình, "vũ trụ chi gian giai phận sự" đó thôi! Trong "Luận về kẻ sĩ" ông khẳng định "Có giang san thời sĩ đã có tên". Với tám mươi tuổi đời, tuyên ngôn của ông "trong vũ trụ đã đành phận sự, phải có danh mà đối với núi

sông" đã được sự nghiệp của ông chứng minh. Chính con người "kinh luân khởi tâm thượng, binh giáp tàng hưng trung" [cách sắp xếp việc nước đã định sẵn trong lòng, đồ binh giáp để đánh giặc (tức là trí thức quân sự) đã định sẵn trong bụng] ấy là bậc kinh bang tế thế.

Hoàng Phủ Ngọc Tường trong "Người ham chơi" đã có những dòng thật đẹp khi viết về bậc kinh bang tế thế ấy: "...thọ tám mươi tuổi, làm quan ba chục năm, mà sao Cụ làm được nhiều việc đến thế, tưởng chừng đời cụ dài gấp hai, ba kiếp người. Đẹp cường khẩu ở Lạng Sơn, bắt phiến tặc ở thành trấn tây, trừ hải tặc ngoài Đông Hải, lấn biển mở đất ở Kim Sơn, Tiền Hải, đắp đê ngăn mặn ở Hải Dương, khởi sông Mê Kông ở Long Xuyên, rồi còn xóa nạn mù chữ ở vùng kinh tế mới, chống tham nhũng trong triều đình...Cầm quân đến tài danh tướng, làm thơ đến bậc anh hào...".

Và rồi vị danh tướng ấy đã nằm lần bị cách chức, giáng chức, trong đó có lần bị án "trảm giam hậu", có lần bị cách tuột làm lính trơn đáy đi biên viễn. Con người "Cầm quân đến tài danh tướng, làm thơ đến bậc anh hào" ấy "về hưu năm bảy mươi với hai bàn tay sạch đến không chỗ nương thân, Cụ phải sống nhờ ở chùa trong núi Hồng Lĩnh, sau đó về làng dựng ba gian nhà tre nghèo xác ngồi viết "Hàn nho phong vị phú". Trước khi chết, cụ để lại di chúc từ chối mọi nghi lễ chính sách của triều đình dành cho công thần, dặn chôn ngay tại huyết đã đào sẵn dưới chõng tre, và trồng bên mộ một cây thông...". Phải chăng đó là cây thông trong nỗi bi phẫn: "kiếp sau xin chớ làm người; làm cây thông đứng giữa trời mà reo"?.

Xem ra, thân phận của một đại trí thức sống vào giai đoạn cuối của thời đại phong kiến khó có thể khác được khi ngay từ lúc trẻ, con người tài hoa ấy, đã chấp nhận một cách sống:

Trời đất cho ta một cái tài

Giắt lưng dành để tháng ngày chơi!

Liệu có thể lấy lời tự sự của Nguyễn Khải trong bút ký "Trôi theo tự nhiên" đăng trên Tạp chí của Hội Nhà văn để giải thích cho thân phận ấy không: "Trong mọi cảnh ngộ trở trêu, tính cách và nghị lực con người chỉ làm chủ một nửa, còn một nửa là những rủi ro không thể tính trước"? Quả đúng là: "năm tháng đã qua đi nhưng vẫn

còn lưu lại mùi hương đã nhạt của một thời, và cả những vết nước mắt vừa khô của một thời".

Cái "thời" mà Nguyễn Khải nói đây không là thời của Nguyễn Công Trứ, cũng chẳng phải của Cao Bá Quát, hay ngược về trước, thời của Nguyễn Trãi, Chu Văn An. "Mãn chiếu tồn, khiêm thụ ích" (cái đây gọi cái với, vổng xuống thì được làm cho đầy trở lại) là biện chứng của cuộc sống. "Vong xuống" và "đầy trở lại" cũng không là chuyện dễ thực hiện mà thường gặp phải nhiều trở ngại. Thời buổi nào cũng vậy thôi. Phải chăng vì thế mà Nguyễn Khải đã đòi hỏi: "trong từng cá nhân vẫn còn bao nhiêu năng lực chưa được khai mở, còn bao nhiêu của cải chưa được khai thác, còn bao nhiêu yếu tố của cái phi thường chưa được nuôi dưỡng đúng như nó phải có. Tất cả tùy thuộc vào lòng can đảm ta có dám coi trời cho chính ta không, ta có dám đối mặt với những thơ ngây, lầm lẫn của chính ta không". Để hiểu thêm suy tư này xin gọi lại lời của Nguyễn Hữu Đang (nguyên văn tiếng Pháp) trong buổi gặp mặt tại nhà Phùng Quán đầu những năm 90: "Con người ta sinh ra đi hết từ sai lầm này đến sai lầm khác. Người tốt là người biết sửa chữa sai lầm của mình".

Người trí thức đích thực chính là bộ phận tinh hoa của đất nước. Và đất nước hưng thịnh hay suy vong tùy thuộc vào việc có chiều tập, quy tụ được bộ phận tinh hoa, những người biết hấp thụ vào mình trí tuệ của thời đại, đồng thời cũng góp phần của dân tộc mình vào trí tuệ của thời đại, hay không. Quả đúng là cái chữ "trí" trong mệnh đề "phí trí bất hưng" mà cụ Lê Quý Đôn nhắc nhở giữ một vị trí không thể thay thế trong sự phát triển đất nước! Hoặc nói như cổ Thủ tướng Phạm Văn Đồng: "có nó thì sẽ có tất cả, thiếu nó, thì cái còn lại còn gì là đáng giá"!■

* Dẫn lại theo Cao Huy Thuần

** Phạm Văn Đồng "Văn hóa và Đổi mới. Tác phẩm và Bình luận". Nxb Văn hóa - Thông tin. 1997. Câu nói trên nằm trong cách giải thích của tác giả về câu nói của Nguyễn Trãi "nước ta là một nước văn hiến", điều đó có nghĩa là trọng học vấn, trọng nhân tài, vì đó là những của quý không gì thay thế được của một nước, một dân tộc. Có nó thì sẽ có tất cả, thiếu nó, thì cái còn lại còn gì là đáng giá".



Triển lãm sách Thọ thiên Lý - Trần in trên giấy Dó, tại Văn Miếu năm 2005.

Non sông một dải vẹn toàn, đất Việt lòng tin luôn giữ trọn

Tổ quốc muôn năm sáng chói, trời Nam cờ nghĩa mãi giương cao!

LÊ KHẢ SỸ

TRƯỜNG BỒN 6 GIỜ 10 PHÚT

TRẦN HUY QUANG

1. HÙNG người hết nhiệm kỳ và hoàn thành nhiệm vụ được các Trường trung cấp gọi nhập học ở đại đội 317 trong đợt ấy gồm có Doãn, Đàng, Phúc, Dung, Hiền. Còn Hòa và Tâm ra quân về tổ chức đám cưới vì hai gia đình đang chờ. Bốn về quê vì anh trai vừa hi sinh, cha mẹ không có ai chăm sóc. Tất cả 8 người. Mọi thủ tục giấy tờ đã hoàn tất. Và tối hôm 30 tháng 10, dù là trong thời kỳ địch đánh phá Trường Bồn rất dã man, nhưng đơn vị vẫn tổ chức một bữa cơm rôm rả để tiễn những người bạn từng sống chết sớm mai lên đường.

Nhưng đêm ấy lại là một đêm khó ngủ. Tiếng lẩm rầm trò chuyện giữa các cô gái trong nhà bà Thờm vẫn kéo dài đến khuya lắm. Ba nằm ở cùng nhau, trải qua những ngày đầu xa nhà ở khe Thẩn, rồi kéo phà Phương Tích, ăn cơm trên bãi bom cầu Cấm, một cái thư tình cũng đọc chung, bao nhiêu kỷ niệm không dễ gì quên. Ba nằm hay hơn ba năm, không ai nghĩ đến chữ nhiệm kỳ, chỉ nghĩ đến những chuyến phà đang sang sông, những đoàn xe còn chờ phá bom thông đường. Tâm trạng thật xốn xang. Cũng biết sẽ có người đi kẻ ở nhưng vẫn thấy nao nao buồn. Doãn khi đang ăn cơm đã bảo, dù đi đâu, những người trong tiểu đội ta vẫn phải giữ liên lạc với nhau nhé. Thuận thì nói, khi mô yên hàn, cả bấy ta về nhà o Văn chơi một bữa cho đã. Nhà Văn gần, ở Đồ Lương, về thăm nhà nhau một bữa cho biết. Nói thế thôi, chứ biết khi mô yên hàn? Dung bảo Tâm, mi về cưới chồng, hủ hỉ với nhau đừng quên tiểu đội nhé. Tâm bảo, tau ở gần đây, khi mô nhớ tau lại xuống. Mi đi học, tau sợ mi quên. Bên tiểu đội chị Thông, không thấy Đàng nói gì, tưởng Đàng đã ngủ. Thông bảo, ngủ đi lấy sức mai đi đến trường. Thì thấy giọng Đàng vẫn tỉnh táo, em không ngủ được, nhưng mai em vẫn ra mặt đường, bọn em bàn với nhau rồi, còn một giờ ở đơn vị còn chiến đấu. Làm một buổi cuối cùng để chia tay với cuộc xềng, trước khi ra đi, không làm một buổi ai cũng thấy bạn khoan. Hàng ngàn đêm ngày còn không sợ, sợ gì một buổi mà không ra chia lửa với các chị...

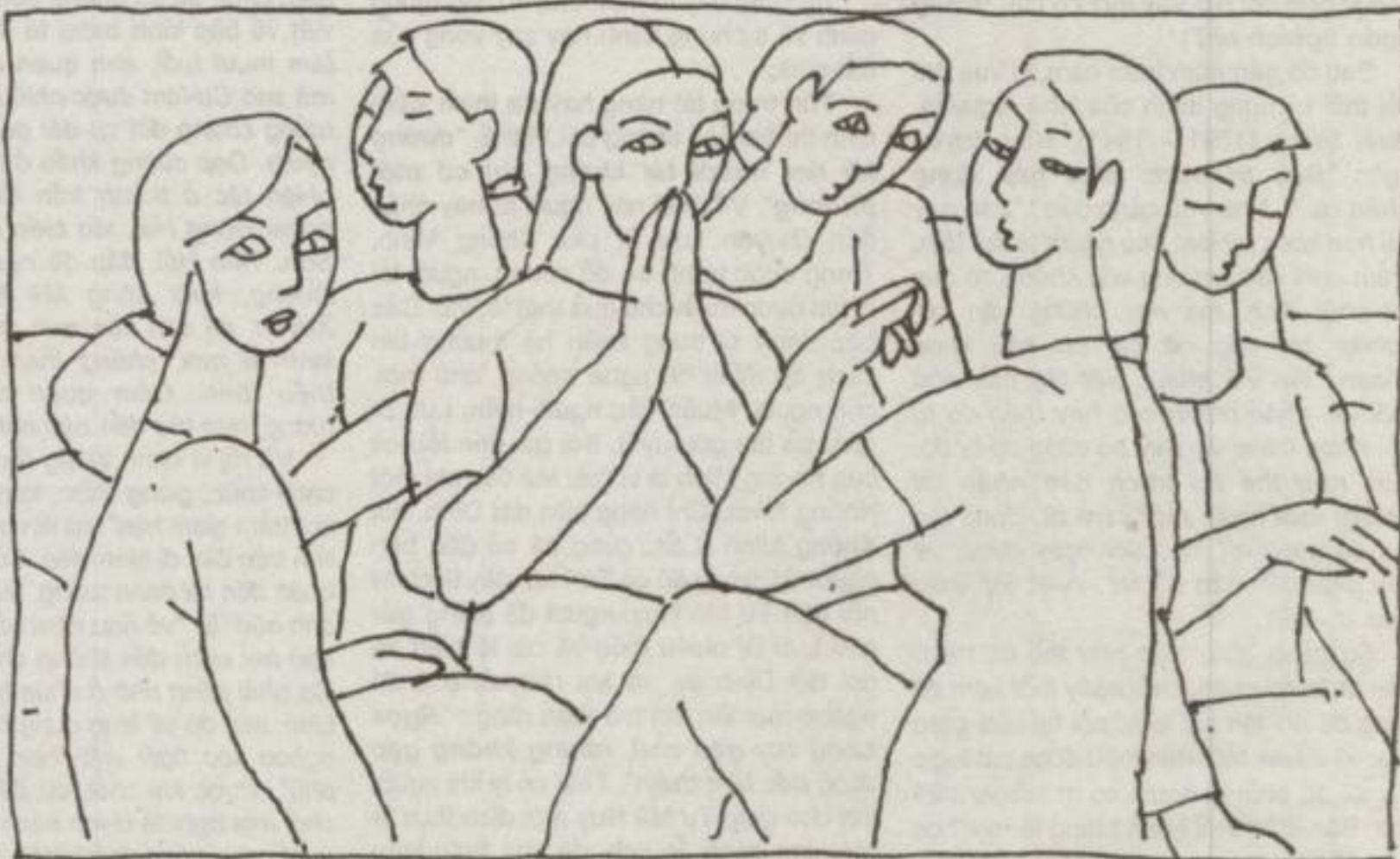
Tất cả đều rất vô tư và hồn nhiên, dường như không một ai nghĩ mình có thể một lúc nào đó, trong một trận đánh nào đó có thể không bao giờ đứng dậy nữa. Mọi người đi ra mặt đường, đến chỗ bom rơi, vẫn bình thần, vừa đi vừa ăn cục mì nguội, vừa đi vừa nặn trứng cá. Mà không phải họ không nghĩ đến cái chết. Họ nghĩ đến cái chết cũng rất hồn nhiên. Đàng từng đùa, "khi mô tau chết, tài sẵn được chia như sau. Đôi dép đút và chiếc ba lô cộc dút một bên quai là phần cha. Mẹ thì được hai cái áo lót, một cái áo mồi và cái áo đại cân có hai cái túi to, tuy sờn bạc nhưng là vải Tô Châu chính hiệu. Anh cả ở quê nhiều muối thì được cái mần. Cậu út cho cái tăng, võng. Còn lại hai cái áo con, thuốc đánh răng, bát đĩa để lại làm quỹ công cho tiểu đội". Sự hồn nhiên đến mức hiếm có trên đời. Họ nghĩ đến cái chết, đến sự hi sinh sao hồn nhiên đến lạ lùng vậy? Có lẽ khó có một lần nữa như thế trong lịch sử.

Sáng hôm sau, mới 4 giờ rưỡi, kèn báo thức đơn vị đã vang lên, Hạp trực ban đại đội đã gần một năm nay. Cả đêm qua dường như anh cũng không ngủ. Các o không ngủ còn vì chuyện trò, vì chiến tranh không biết có còn gặp lần nữa không. Nhưng Hạp, không hiểu sao đã ngồi lặng như một cái bóng hết đêm đó. Hạp vừa cưới vợ được vài tuần, ở với vợ mới được một đêm thì lên Trường Bồn. Mọi đêm không thấy anh như vậy.

Ba mươi phút sau mọi người tục tục ra mặt đường. Đặc biệt, những cô gái đi học cũng chuẩn bị đi ra mặt đường như mọi người. Ai cũng bảo, bay đứng đi, ở nhà chuẩn bị mà lên đường. Nhưng họ, tất cả như một, đây là buổi ra mặt đường quan trọng nhất, buổi đối mặt với máy bay Mỹ cuối cùng để ngày mai xa Trường Bồn, xa cuộc xềng. Là một kỷ niệm nhớ đời với Trường Bồn.

Trời đầu đông không nóng không lạnh, da trời bàng bạc không trong veo như mùa hè. Thời tiết này máy bay rất khó phát hiện xe cộ chạy dưới đất. Mặt đường còn ẩm hơi sương, trời chưa sáng hẳn. Tất cả mọi người rải ra lấp hố bom đoạn dốc Kỳ Lợn. Đây là đoạn dốc nguy hiểm, một bên núi một bên khe, máy bay địch bao giờ cũng nhắm vào chỗ này mà đánh bom. Nếu dốc Kỳ Lợn hỏng là Trường Bồn tắc. Nhưng tất cả những cô gái và chàng trai sắp lên đường đi học, cả Hòa và Tâm, là người hôm nay về cưới, đều có mặt ở chỗ dốc này. Cảnh Hòa có Vinh và Thông. Trên một đoạn nữa có Thao, Hương, Thanh, Minh, Đơn, Thân, Huỳnh, Toan và Quy...

Chợt có tiếng kêu máy bay... Lúc ấy ở Trường Bồn là 6 giờ 10 phút sáng, trời bàng bạc mây trắng. Lúc ấy mọi người đang lấp hố bom ở dốc Kỳ Lợn, có Dung, Nhung, Bồn, các o hôm nay sẽ ra trường nhập học, và Hoài, Văn,



cạnh đó là Thông, Vinh, Hòa, Hạp, Thao, Thuận... Chưa ai kịp nhận ra điều gì thì hàng loạt tiếng nổ khủng khiếp của những loạt bom đã bắt ngờ dội xuống dốc Kỳ Lợn. Lửa, khói và đất bốc lên thành một quầng đen, tụ lại rồi cuộn lên, cuộn lên cao mãi.

Sau gần một tiếng đồng hồ trận oanh kích đầu tiên của ngày hôm ấy mới chấm dứt. Chỉ có tiếng nổ của bom và tiếng gầm rú của máy bay chấm dứt, còn dưới mặt đất là bắt đầu sự chết chóc và tan hoang. Những hố bom đất chưa kịp nguội, những mảnh bom còn rực hơi lửa. Khói bom chưa kịp tan. Những thân cây cháy đen không còn một chiếc lá. Tưởng không còn ai sống sót. Chợt có hai người con gái đội đất nhổm dậy, hốt hoảng hỏi: **Có ai còn sống không? Có ai còn sống không?** Câu hỏi loang dài trên bãi bom đang cháy. Những ai còn sống, nghe tiếng kêu nghẹn ngào ấy, liền đội đất đứng dậy, chạy đi tìm đồng đội. Bộ đội công binh, các đại đội thanh niên xung phong, dân quân và những người dân của Mỹ Sơn, Mỹ Thái. Dường như không ai có thể ngồi yên, trận bom đánh bất ngờ và khốc liệt quá, mọi người bất chấp hiểm nguy, đều đổ dồn về dốc Kỳ Lợn. Chúng đã ném bom trúng vào đội hình các cô gái đang làm nhiệm vụ. Thao và Hương, chính là hai người đã cất tiếng kêu đầu tiên "Có ai còn sống không?" trong khói bom, nhớ chỗ Thông và Hòa làm, tìm đến đó. Đào bới mãi mới lôi được o Thông lên. Chưa chết, còn thoi thóp thở nhưng ngất xỉu.

Vừa cứu được Thông lên thì máy bay lại đến, nhiều tốp, tiếp tục dội bom xuống Trường Bồn. Thông được đưa vào nhà bà Thờm để cấp cứu. Mọi người đang tập trung ở các vị trí chờ đợi. Không khí trầm và căng. Những người bị trong trận bom đã xác định được, gồm Vinh, Hoài, Văn, Bồn, Hiền, Nhung, Phúc, Đàng, Tâm, Dung, Doãn và hai nam thanh niên Hòa và Hạp. Chờ cho trận oanh kích dứt, tất cả lại lao ra mặt đường, những dấu tích lúc này bị trận bom mới xóa hết. Đào bới tìm kiếm trong sự đau thương. Máy bay đến đánh lại rút. Cứ thế, giành nhau từng phút với bom, đến chiều thì tìm được thêm hai người nữa, cùng hăm với Thông. Đó là Cao Ngọc Hòa và Đinh Thị Vinh. **Vinh mới 18 tuổi, còn Hòa và Tâm ngày mai tổ chức cưới.**

Còn những người khác ở đâu, các bạn ở đâu? Cả đêm ấy không những đại đội 317, 304 mà dường như tất cả những ai ở Trường Bồn đều đổ về dốc Kỳ Lợn để đào bới tìm kiếm những người hi sinh. Nhưng cũng phải chờ đến sáng hôm sau, tức là ngày 1 tháng 11, lệnh ngừng bắn đã có hiệu lực, người ta phải dùng máy gạt mới tìm được thêm bốn người nữa, đó là Doãn, Đàng, Phúc và Bồn. Còn 8 người nữa ở đâu? Lúc này đã ngừng bắn nên số người đến Trường Bồn tìm kiếm rất đông. Bằng tất cả mọi biện pháp, máy móc hoặc cuộc xềng, đào bới suốt ngày mồng một chỉ tìm thấy thêm được nửa vành nón có chữ "Tặng Dung" bên trong, biết đó là nón của Dung. Rồi tìm thêm được một cánh tay, trên cánh tay ấy còn nguyên cái khăn mùi soa buộc ở cổ tay. Các bạn mở ra thì thấy có mấy căn tem gạo, một tấm phiếu thực phẩm loại E còn nguyên và giấy gọi nhập học mang tên Vũ Thị Hiền. Tiếp tục tìm kiếm bằng

máy cho hết cả ngày hôm sau nữa, vô vọng, sáu cô gái là Tâm, Nhung, Dung, Hiền, Văn, Hoài và một chàng trai Hạp thì hài họ như biến thành không khí, chỉ còn để lại nửa vành nón và một cánh tay. Chắc tất cả đều biến thành khói, thành gió, thành mây để bay mãi trong trời đất Trường Bồn.

14 cô gái và chàng trai bị bom ném trúng đội hình, chỉ cứu được một mình o Thông, người duy nhất còn sống sót trong tiểu đội thép. Bạn bè đưa cái xác mềm oặt chỉ còn thoi thóp thở vào nhà bà Thờm. Có một đơn vị bộ binh hành quân đi B qua đã cử hai y tá ở lại cứu o Thông. Truyền nước, trợ tim, bằng nhiều biện pháp thì gần trưa o Thông có dấu hiệu tỉnh, ai cũng mừng. Hai anh bộ đội phải lên đường đuổi theo đơn vị, chỉ để lại cho o Thông một mảnh giấy mà ngày nay bà còn thuộc lòng: "Gửi em thanh niên xung phong, Bọn anh vội phải đuổi theo đơn vị, chúc em chồng bình phục và cố gắng ăn nhiều để lấy sức chiến đấu. Hẹn gặp nhau ngày chiến thắng". Mẩu giấy chỉ có vậy, không ký tên, không địa chỉ. Hẹn gặp nhau ngày chiến thắng nhưng ngày chiến thắng đã đến và đi qua rất lâu rồi mà vẫn chưa gặp được nhau. O Thông vẫn chờ mà hai chàng lính đi B vẫn chưa trở lại. Không biết giờ này hai anh sống ở đâu hay đã nằm lại chiến địa nào?

2. Có một tiểu đội trưởng phá bom lừng danh năm 1968 đã bị khuất lấp bao nhiêu năm, đó là Nguyễn Tâm Cồn, là chiến sỹ phá bom duy nhất của lực lượng TNXP dự Hội nghị công binh Quân khu Bốn năm 1968, là nhân vật trung tâm của vài bộ phim tài liệu năm chiến tranh, từng nói chuyện về phá bom trên Đài Tiếng nói Việt Nam và bốn năm liền là Chiến sỹ thi đua của Tổng đội, người đã cùng với tiểu đội của mình đã vô hiệu hóa gần 400 quả bom từ trường và nổ chậm tại Trường Bồn. Năm nay ông đã hơn bảy mươi nhưng vẫn nhanh nhẹn, hóm hỉnh, tiếng cười vẫn sáng khoái như những lần nằm trong bãi bom mà bom tự nhiên phát nổ tưởng đã chết mà vẫn sống.

Trong nhiệm kỳ một, Cồn ba lần được đơn vị về thăm tra lý lịch để kết nạp vào đảng nhưng cả ba lần, đảng ủy địa phương đều không đồng ý vì Cồn thành phần lớp trên. Cồn quyết tâm xung phong đi tiếp nhiệm kỳ hai để được kết nạp. Lúc đó đại đội 317 giải tán, Cồn xin chuyển vào Tổng đội TNXP Quảng Bình, làm ở phà Gianh, Ngã ba Dân chủ và đường 20. Cuối năm 1971 Cồn mới được kết nạp vào đảng, cũng là lúc hết nhiệm kỳ hai. Để được chính thức, Cồn xung phong ở lại tiếp nhiệm kỳ ba, cho đến tháng 12 năm 1975, hòa bình thống nhất đã được tằm thẳng Cồn mới hết nhiệm kỳ ba. Thế là hơn mười năm.

Rồi ông trở về lặng lẽ sống trong sự khuất lấp của cuộc đời. Có lẽ ông là người rời bỏ cuộc xềng đời TNXP muộn nhất so với lứa đi năm 1965. Một số ra sớm hơn, nhưng cũng gần hai nhiệm kỳ, như Trần Thị Thông, Phạm Thị Thuận, vân vân... Thông là người sống sót duy nhất của tiểu đội thép Anh hùng Trường Bồn. Thuận không được may mắn như Thông, không góa bụa mà khổ hơn góa bụa.

TỔ QUỐC BAY LÊN BÁT NGÁT MÙA XUÂN

PHẠM THÀNH HƯNG

LTS: Chủ tịch nước Trương Tấn Sang vừa ký quyết định truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho ba nghệ sỹ, liệt sỹ vì đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đó là các liệt sỹ Lê Chí Trực, tức nhạc sỹ Hoàng Việt; liệt sỹ Ca Lê Hiến, tức nhà thơ Lê Anh Xuân; và liệt sỹ Nguyễn Hoàng Ca, tức nhà văn Nguyễn Thi. Như vậy là sau những ghi nhận về đóng góp của các nhà văn, nghệ sỹ, liệt sỹ trong lĩnh vực Văn học, Nghệ thuật (Nhạc sỹ Hoàng Việt và nhà văn Nguyễn Thi đã được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, còn nhà thơ Lê Anh Xuân được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học - Nghệ thuật), đây có thể coi là những đánh giá xứng đáng, thể hiện sự trân trọng mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân đã dành cho cuộc đời, sự nghiệp của các ông, những văn nghệ sỹ tiêu biểu nhất thời kỳ kháng chiến chống Mỹ trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

Cả ba nghệ sỹ, liệt sỹ Lê Anh Xuân, Nguyễn Thi và Hoàng Việt đều có những nét chung: đều nổi tiếng từ lúc còn rất trẻ, đều hy sinh trên chiến trường miền Nam thời chống Mỹ, và cho đến nay, tên tuổi của các ông đã thực sự gắn liền với đất nước, với lịch sử văn học và nghệ thuật. Chính tài năng, sự dẫn thân và lòng yêu nước trong mỗi người Việt Nam như các ông đã góp phần làm cho Tổ quốc mãi trường tồn và cất cánh bay lên, như trong lời thơ của nhà thơ, liệt sỹ, anh hùng Lê Anh Xuân: *Tổ quốc bay lên bát ngát mùa xuân...*



Nhà thơ Lê Anh Xuân (trái) và nhà văn Anh Đức (phải)

Ảnh: Tư liệu

yêu thương đối với độc giả Tạp chí Văn nghệ giải phóng và đồng bào hai miền Nam, Bắc.

Khát khao cống hiến, khát khao khám phá hiện thực và sáng tạo nghệ thuật, nhà thơ không chịu ngồi yên trong căn cứ địa. Anh tìm mọi cơ hội tham gia các trận đánh, nghe tin chiến dịch nào sắp mở màn, nhà thơ cũng kiên trì thuyết phục Ban Biên tập cho phép mình lên đường giáp trận.

Năm 1968, Lê Anh Xuân bước vào đợt II của chiến dịch Tổng tấn công Mậu Thân. Trước khi xuất phát, anh gửi lại cho Ban

Biên tập Tạp chí Văn nghệ Giải phóng một bài thơ anh đã thức viết thâu đêm. Đó là bài thơ viết về cái chết anh hùng, hiên ngang và bi tráng của một chiến sĩ vô danh trên sân bay Tân Sơn Nhất: Bài thơ *Dáng đứng Việt Nam*.

Thật đau lòng, tác giả đã không bao giờ trông thấy bài thơ của mình in trên mặt báo nữa. Ngày 24 tháng 5 năm 1968, Lê Anh Xuân đã hi sinh trên mặt trận phía tây Sài Gòn.

Lê Anh Xuân ra đi nhưng *Dáng đứng Việt Nam* của anh ở lại. Bài thơ nhanh

chóng trở thành bài ca yêu thích đầu lòng của lớp lớp những người cầm súng. Khi hình dung, tưởng tượng về người giải phóng quân hy sinh trong tư thế đứng bắn ở đường băng, ra đi không để lại tên tuổi..., nhiều cán bộ đồng nghiệp và bạn bè đồng khoa thuộc Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội lại tưởng nhớ tới dáng người thanh mảnh, khuôn mặt tươi sáng của thầy Ca Lê Hiến năm nào trên đất Bắc. Vì Tổ quốc cần, anh đã gác lại một sự nghiệp khoa học. Nhưng bù vào đó anh đã tạo cho mình một sự nghiệp thi ca. Và điều quan trọng nhất, là bằng thơ ca và bằng tấm gương chiến đấu hy sinh, anh đã góp mình "làm nên lịch sử". Nửa thế kỷ qua, trong tâm niệm của hàng triệu học sinh, sinh viên và độc giả thơ Việt Nam, Lê Anh Xuân là một anh hùng.

Không chỉ có *"Dáng đứng Việt Nam"* Lê Anh Xuân còn để lại một cuốn nhật ký. *Nhật kí Lê Anh Xuân* là một kỷ vật vô giá. Nhờ những nỗ lực sưu tầm, tìm kiếm, liên lạc của Hội Cựu chiến binh, của Ban Giám hiệu Nhà trường, nhờ sự hợp tác giúp đỡ của gia đình Liệt sĩ, của Bảo tàng tỉnh Bến Tre, bản thảo Nhật ký Lê Anh Xuân đã lên khuôn ấn loát.

Cũng giống như nhật ký của các liệt sĩ Nguyễn Văn Thạc, Đặng Thùy Trâm và nhiều cuốn nhật ký chiến tranh quen thuộc lâu nay, độc giả lại bắt gặp trong nhật ký Lê Anh Xuân một tâm hồn trong vắt của những con người "một thời hoa đỏ", những người không biết một lẽ sống nào khác ngoài lẽ sống cho tình yêu đất nước và nỗi khát khao vì độc lập - tự do của cả dân tộc. Cùng cái ánh sáng vàng vạc toát ra từ lý tưởng thời đại ấy, Nhật ký Lê Anh Xuân còn có chức năng như một cuốn sổ tay nghiệp vụ, nơi tập hợp những dự đồ sáng tác và những tư liệu hiện thực quý giá cho các tác phẩm tương lai của nhà thơ.

Quyết định truy tặng danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang cho ba liệt sĩ: Nhạc sĩ Hoàng Việt, Nhà văn Nguyễn Thi, Nhà thơ Lê Anh Xuân thực sự là một nguồn động viên lớn không chỉ cho độc giả văn học và công chúng nghệ thuật cả nước, mà còn cho cả thế hệ trẻ hôm nay. Bởi vì, Quyết định đó làm sáng tỏ một quan niệm mình triết về *người anh hùng*, đặc biệt là khái niệm "Anh hùng lực lượng vũ trang": Người anh hùng có thể lập chiến công bằng vũ khí thi ca, nghệ thuật. Bởi vì, những người anh hùng đích thực thì ngay cả khi còn sống cũng không cần các danh hiệu to tát, không cần những thứ phù hoa. Chính chúng ta, những người đang sống, mới cần danh hiệu. Có thêm danh hiệu "Anh hùng Lê Anh Xuân", chúng ta cùng thế hệ trẻ hôm nay có thêm một lá cờ chuẩn, có thêm một ngọn hải đăng để ta tránh lạc đường, để ta tránh những điều ô trọc và bảo toàn nhân cách, để tuổi trẻ những thế hệ sau ta thêm sức mạnh, niềm tin mà giữ gìn biên cương, hải đảo, để hiện thực hóa điều Thi sĩ - Anh hùng Lê Anh Xuân một thời mơ ước: *Tổ quốc bay lên bát ngát mùa xuân.*■

VÀO những ngày cuối năm 1964, có một giảng viên trẻ của Đại học Tổng hợp Hà Nội cùng một đoàn cán bộ 300 người, gồm các ngành văn hoá, giáo dục, y tế, điện ảnh... lên đường vào Nam. Trong đoàn cán bộ dân sự đi B năm ấy, anh thuộc số trí thức tình nguyện cầm súng lên đường nhưng không phải "xếp lại bút nghiên". Ba lô vào trận của anh vẫn nặng vì những cuốn giáo trình, chuyên luận và từ điển nhiều ngôn ngữ. Anh lên đường với tư cách một nhà sư phạm, một nhà sử học để cùng các chuyên gia trong đoàn đảm nhận một trọng trách chung, là: Phát triển giáo dục cho các địa phương vùng giải phóng và xây dựng đội ngũ giảng viên cho một trường đại học chuẩn bị thành lập trên căn cứ địa của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam. Nhiều người nhận ra anh. Đó là Ca Lê Hiến - tác giả bài thơ *Nhớ mưa quê hương*, bốn năm trước - năm 1960, đã nhận Giải Nhì cuộc thi Thơ báo Văn nghệ.

Con đường đi bộ vượt Trường Sơn vào Nam cheo leo, trùng điệp nhưng chính là con đường trở về quê nội của anh. Cuộc chiến đấu gian lao và hy sinh rình rập phía trước buộc mỗi người phải chọn một mặt danh hoặc một bút danh. Ca Lê Hiến đã ghép họ ngoại của mình, bút danh nhà văn Anh Đức và tên người yêu của mình (Bùi Xuân Lan - em gái nhà văn Anh Đức) tạo cho mình bút danh *Lê Anh Xuân*.

Là người con của quê hương Bến Tre, theo cha tập kết ra Bắc, được học hành, đào tạo chu đáo, Lê Anh Xuân rất sớm trưởng thành. Tốt nghiệp khoa Lịch sử, đại học Tổng hợp Hà Nội, anh được giữ lại trường, trong bộ môn Lịch sử thế giới. Vốn là một cán bộ giảng dạy trẻ, thông minh, tài hoa thiên bẩm, con trai của giáo sư Ca Văn Thỉnh - một nhà cách mạng lão thành, anh đã được Nhà nước chọn đi nghiên cứu sinh nước ngoài. Con đường thành đạt cá nhân và một sự nghiệp khoa học đã mở ra thênh thang trước mặt, nhưng Lê Anh Xuân lại từ chối. Anh chọn con đường thứ hai: con đường bí mật vượt Trường Sơn, trở về giải phóng quê hương. Đường ra trận, trong lòng anh, đã thành con đường hội tụ của hai tình yêu lớn: Tình yêu quê hương và tình yêu đất nước.

Năm 1965, Mỹ ồ ạt đổ quân vào miền Nam, châm ngòi cho một cuộc chiến tranh cục bộ hết sức khốc liệt. Cục diện chiến trường thay đổi, Trung ương Cục Miền Nam quyết định gác lại kế hoạch xây dựng trường đại học. Từ Tiểu ban Giáo dục, Lê Anh Xuân chuyển sang Tiểu ban Văn nghệ, bắt đầu làm việc với tư cách một nhà báo, một phóng viên mặt trận.

Từ năm ấy, những nẻo đường giao liên, những dòng thông hào chiến trận bắt đầu in dấu giày nhà báo Bến Tre yêu nước. Nhờ cảm quan sử học và trái tim thi sĩ, Lê Anh Xuân nắm bắt được rất nhanh cái chiều sâu triết học và chiều sâu thơ ca của hiện thực cách mạng miền Nam. Viết báo, làm thơ, viết kí, kể chuyện các anh hùng, bút danh Lê Anh Xuân đã thành cái tên quen thuộc,

Cũng như ông Cồn, ông Thỏ, ông Tài và những người thanh niên xung phong khác, qua cái thời bom đạn khủng khiếp, hai chị trở về làm ăn lặng lẽ giữa cuộc đời hào nhoáng bao nhiêu sắc màu. Không ai biết hai chị là những tiểu đội trưởng kiên cường, là những người con gái từng đội bom đội đạn bao nhiêu năm ở những trọng điểm ác liệt nhất, không ai ngờ những bà già teo tóp, đen đúa, nghèo nàn thế kia lại từng là những cô gái dũng cảm, can trường dám đứng nơi cửa tử, chính ngay lỗ châu mai, giữa trung tâm tọa độ lửa, lúc 6 giờ 10 phút đó, là người tiêu biểu cho nhân cách làm người một thời. **Chính sự lặng lẽ, khuất lấp ấy thể hiện tầm cao nhân cách của họ.** Cũng may, đã có dịp để các chị được trở lại Trường Bốn, mảnh đất chiến trường xưa, được đứng trước những nắm mộ của đồng đội và của những đứa em và mặc cho những giọt nước mắt tủi hờn chất chứa cứ rơi, cứ rơi là chã trên phiến đá lạnh. Và hai người, lâu lắm, đã gần bốn mươi năm, mới được nói thắm thì những điều họ buồn đau với những đứa em cao cả mà như bây giờ mới tìm lại được. Các em ơi, các bạn ơi, Chị là chị Thuần, chị Thông đây. Anh Cồn, anh Tài của các em đây. Và Liên, Thanh, Hương, Thao, Huỳnh, Đơn, Thân, Toàn, Minh của các bạn đây. Đáng lý ra các chị phải đến

thăm các em từ lâu, đến thường xuyên với các em. Đáng lý ra các chị, các bạn không được quên các em, ai ở đâu có thể quên các em nhưng những người ở đại đội 317 năm xưa không được quên. Nhưng lẽ đời nó vốn vậy. Sự mưu sinh hàng ngày không nhẹ nhàng, cuộc đời các chị, các anh sau năm tháng tuổi trẻ cũng không nhẹ nhàng. Nó không khốc liệt như thời ta sống và chiến đấu nhưng cái sự vô cảm của lòng người còn hiểm nguy hơn bom đạn. Gần bốn mươi năm các chị mới đến trước mộ các em, thấp lùn đó nên tâm hương muộn màng. Mà đường không xa, đồ giang không cách trở... Các em ơi, tha lỗi cho các chị và những người đồng đội cũ cũng tàn mả tha phương khắp nẻo trong cuộc đời mà không đến được với các em. Các em của chị ơi, các bạn ơi, các bạn các em xứng đáng hai lần anh hùng. Các chị nói riêng về 8 em được ra quân và đi học. Tại sao các em tự nguyện hi sinh cho đất nước, quê hương? Buổi sáng hôm ấy, 8 người không ra mặt đường cũng không ai bắt các em ra được. Vì các em đã hoàn thành nhiệm vụ, đã giải quyết hết thù tục. Thế mà tất cả các em, tất cả đòi ra mặt đường để san lấp hố bom một buổi cuối cùng cho thật đẹp, cho thật xứng đáng là buổi làm chia tay với đồng đội. Đó là nhân cách. **Và đó là một lần anh hùng.**

Các chị cứ tự hỏi, tại sao 8 người ra quân đi học đều chết cả 8 người, mà không phải sống một hai hoặc chết một hai. Mà tất cả. Mong ước được đi học nung nấu bao nhiêu lâu, không chỉ một Đoàn hay một Đảng mà của cả nhà, cha mẹ, anh em... Có gì nào nức chờ đón bằng ngày cưới của mình hả Tám? Thế mà các em vẫn xung phong ra trận, vào giờ phút cuối cùng, không né tránh. **Đó không phải là một lần anh hùng nữa hay sao các em?**

Mọi người thương tiếc các em hi sinh ở tuổi mười tám, hai mươi. Các chị, các bạn, những đồng đội của các em, hơn cả thương tiếc, xin được ngưỡng mộ nhân cách làm người cao cả của 13 người. Những TNXP còn lại rất ít của đại đội 317 năm xưa, cầu mong những người đã qua chiến tranh hay chưa biết đến chiến tranh, dù sống ở đâu, hãy nghĩ về những nhân cách đang nằm lại dưới mảnh đất Trường Bốn này và ở khắp nơi trên đất nước mà sống để cho những người ngã xuống khỏi phải đau lòng.

Hai người đàn bà, cùng với mấy đồng đội cũ đi ra khỏi Nghĩa trang liệt sỹ Trường Bốn, chột nước mắt lưng tròng. Bây giờ đến lượt họ khóc cho chính cuộc đời mình.■



NGUYỄN VIỆT CHIẾN

Thành phố dưới vòm cây

Giờ thì em đã bỏ đi rồi
Viên bi nhỏ lung linh màu giấy kẹo
Buổi chiều lặn trên một vòng bi méo
Búng từ tay đứa trẻ những chấm vàng

Sẽ lặn đi thành phố nhỏ bên đường
Tất cả bụi của một ngày khô ráo
Tất cả chim của mùa thu còn lại
Tất cả vàng của nắng ấm chiều nay

Sẽ lặn đi lời hát giữa vòng tay
Tất cả kẹo của một ngày sinh nhật
Tất cả lá của những cây già nhất
Tất cả đường của thành phố dưới chân

Giờ thì em chạy trốn những vòng lẩn
Để đuổi theo một viên bi lớn nhất
Cái viên bi được gọi là trái đất
Nửa vòng lẩn nằm giữa bóng đêm dày
Còn nửa vòng nhợt nhạt sáng trên tay

Em không về thành phố dưới vòm cây
Viên bi nhỏ lung linh màu giấy kẹo
Trên vòng lẩn huyền thoại ngỡ xa rồi
Tất cả vàng của nắng ấm và tôi...

DƯƠNG KIỀU MINH

Bên cánh đồng Violet

Ừ, xuân ạ
Tiếng gọi nơi chân trời
Ta đã già rồi
Màu xanh trào nước mắt.

Những bước chân trẻ thơ con đường xuân nao nức
Những cánh đồng Violet dâng ngập màu xuân tím ngát
Dâng niềm nuôi tiếc
Xuân đầy đầy ta lùi về tháng năm xa vời kỷ ức.

Ôi, những cánh đồng Violet nhựa xuân ngập tràn trời đất
Ta đứng lặng trào dâng niềm vinh phúc
Đất đai mạch sống tổ tiên.

ĐẶNG HUY GIANG

Gọi

Gọi đồ
chẳng thấy đồ sang
sông sâu một khúc
nhỏ nhằng
cuộc chơi.

Gọi bà
bà chẳng trả lời
bà lỏ
lỏ nữa
bà bối
bối thêm.

Gọi đêm
đêm lặng yên đêm
chỉ nghe tiếng gió
rất mềm
tiếng mưa...

Gọi người
chẳng thấy người thưa.

TRẦN QUANG ĐẠO

Con chim sâu ở giới tuyến Nam Hàn

Tên những cành cây tôi chưa biết tên
có con chim sâu ngó nghiêng ve mắt
đôi chân như cướng lá bám vào cành dính chặt
gió thổi từ Bắc Hàn từng cơn.

Con chim sâu tìm mối
và lá xanh lật từng nếp trời chào tôi tới
trời trên cành chim sâu không còn ranh giới
te tua lá cỏ và những dải vải bay theo.

Con chim sâu thật hiền
đôi cánh nhỏ bay qua sông có thể về bên kia làm tổ
có thể mang mối từ Nam Hàn cho đàn con nhỏ
giới tuyến xóa nhòa trên đôi cánh chim.

Sao dây thép gai làm bị thương cả tấm nhìn?

TRẦN ANH THÁI

Căn phòng

Một chuyến đi xa vừa trở lại căn phòng
Mang theo về tiếng bước chân mùa thu
Mang theo cả ánh trăng đêm mười bốn
Những giấc mơ trắng như khói bên chiếu
Đặt thật trọng vào một bên ngực trái
Mọi cảm giác nằm bình yên như ngủ.

Những cơn mưa mùa thu thật buồn
Rơi biến biệt vào bầu trời không
Trong căn phòng thời gian trống rỗng
Những ý nghĩ xa xôi hiện về như khói
Tuốt bay đi để lại những vết mờ bất động
Đêm trôi qua ử rử ngoài thềm.

Khuya khoắt ở nơi rất xa
Ngồi chống cằm mắt nhìn không quên được
Tiếng thở dài thườn thượt bên song cửa
Vô lý những đồ vật nằm ngổ như ngủ
Nhớ về nỗi nhớ rất xa
Không có ngọn lửa nào thấp sáng căn phòng.

Đêm đêm căn phòng không thấp sáng
Ngồi lặng im với bước chân mùa thu
Ánh trăng và giấc mơ như khói
Vọng thật sâu lời một bài dân ca
Những kỷ ức trở về lộn xộn
Bóng người in như đá trên tường...

LÊ MẠNH TUẤN

Xuân muộn

Có một lời
đã từ lâu
như lửa nhen nén trong ngọn gió
hôm nay ngày trăng tỏ
em có thể mở lòng
nghe?

Có câu hát
đã từ lâu
như lời chim lẩn giữa tán bàng
hôm nay ngày thu sang
có thể?
Và câu thơ
đã từ lâu
như tia nắng ẩn sau mây trắng
hôm nay ngày đông vắng
mở lòng cho nhau?...

Sắp hết đêm rồi sao chẳng hát lên đi
những ngọn gió tán bàng mây trắng
xuân đã muộn sao người còn dửng dăng
ai nói gì đi chứ, ai nghe!

TRẦN CHẤN UY

Tháng Giêng

Lá bàng đã đỏ cành cây
Mùa xuân đã cạn những ngày tháng Giêng
Bên kia hàng xóm láng giềng
Một nhánh xoan tím đã biêng biếc buồn.

Dấu giày đã vằn đường thôn
Người về ăn Tết có còn nhớ nhau.

Áo xưa dù đã bạc màu
Tình xưa còn thấm, còn đau nỗi người
Mặt mù xóm vắng mưa rơi
Giọt sương tư trắng một trời tháng Giêng.

TRẦN QUANG QUÝ

Từ đất

Tôi đọc trên đất những bước đi ngắn, những bước đi dài
tôi đọc trên đất khi nào bước thấp, khi nào bước cao
bài học i tờ thuở
còn lấm chằm
trang sách mệnh mông đất bày vô tận

Tôi đọc trên đất những mùa hạt mẩy, những vị gừng cay
những cơn gió lép, những hạt sương gầy
những vết chân hanh, ngày mưa tưới mát
tôi đọc trên đất những lời tiến nhân

Tôi biết hành trình có con đường trắng, lại khúc đi vòng
học những bước lùi để thêm bước tiến
học cách nhìn đêm để tỏ mặt ngày
bao nhiêu vực thăm, cạm bẫy trên đường
cũng bao nhiêu cách đất làm mồ chôn

Một đời khát vọng
tìm gió
theo mây
mới hay mọi điều học ngay từ đất

HỒNG THANH QUANG

Tình cờ tôi thấy em ngồi nghiêng

Tình cờ tôi thấy em ngồi nghiêng
Trong bóng chiều sẫm tối
Màu nâu non trong tấm áo em mang
Khiến ánh mắt tôi trở thành bối rối...

Xa quá rồi cánh đồng cuối hạ,
Ngẩn ngơ em tìm kiếm nụ chung tình.
Đám cào cào gió đã ngưng vẫn nhảy
Trong vô âm giai điệu miền hình.

Tôi nhớ lắm đôi môi trăng khuyết
Nón nào đêm những thủ thỉ hoa nhài.
Em nhỏ bé, em dịu dàng cô độc,
Tôi là gì, sao tôi chẳng là ai?!

Thôi buồn nhé, phương nào cũng ấm
Nếu hai ta chung một hướng ân lành.
Anh lạ thế, anh mãi là phiêu lãng,
Giữa sen hồng chỉ muốn giúp em xanh...



PHÁO NỔ PHÁO NANG

Truyện ngắn của HỒ ANH THÁI

Cái đôi ấy chuyển ấy rủ nhau đi về thành phố ấy. Vũng Tàu thì phải. Những phố thị ngoại vi như Vũng Tàu Đà Lạt có khi được cánh sành sỏi gọi là thành phố ngoại tỉnh. Phía bắc thì Đồ Sơn, Tam Đảo, Đại Lải, Sa Pa. Người ở xa đến với nó chỉ là du khách, chơi bởi tạm bợ chút ít rồi phải, ai trở về nhà nấy, không ai ăn đời ở kiếp ở cái chỗ chỉ đến nghỉ dưỡng vui chơi. Chuẩn chuẩn đập nước khơi khơi mà thôi. Cũng còn có nghĩa là những phố thị ngoại vi đô thị ấy là điểm hẹn cho những cặp những đôi không được gán ghép pháp lý, chỉ là trốn cơm đi ăn phở.

Nhưng cũng còn một loại du khách khác, cái đôi mà ta đang nói đến ở đây. Mười tám đôi mươi. Mỗi yêu nhau một thời gian, họ quyết định chấm dứt tình trạng nằm mộng ăn chay, không chọn nhà nghỉ ở đô thị đông đúc mà rủ nhau xuống Vũng Tàu. Một trăm hai mươi cây số. Lúc đi có đủ hai người. Lúc về chỉ có một mình nàng. Xong việc, chàng lập tức biến mất không tăm tích, bốc hơi, đúng kiểu Sở Khanh quát ngựa truy phong. Lúc đi xe khách đủ cả hai người. Lúc về về tàu thủy cao tốc chỉ có một mình nàng.

Mất tích luôn, không một lời nhắn, không một lời giải thích. Nàng đi tìm chàng. Cả năm trời sau đó. Nghĩ rằng mình đã gặp Sở Khanh, đâm cảnh bề hoa xong thì biến. Suốt đêm ấy họ đã ở với nhau, một góc khuất ngoài bãi biển. Gần sáng, chàng lẩn mò đi ra phía sau một ghềnh đá, như là đi vệ sinh, rồi không thấy trở lại. Tìm khắp bãi biển, tìm khắp khu nhà nghỉ, tìm khắp thành phố, tìm suốt cả ngày.

Không bao giờ gặp lại nữa.

Chẳng ai ngờ chỉ một cú đi ra sau ghềnh đá, anh chàng đã đi luôn một mạch sang bên kia đại dương. Nước Mỹ.

Phía sau tảng đá che chắn, anh gặp một nhóm người đang hí húi với một con tàu nhỏ. Nhập bọn, Nhận ra giọng cầu tôm quê em ở ngoài Bắc, nhận đồng hương đồng quê. Xin điếu thuốc hút. Hút hết điếu thuốc thì cả bọn kèm ép anh chàng lên tàu đi luôn. Họ vượt biển. Thằng cha này mà ở lại, nó vào báo công an thì tàu không kịp ra đến phao số không. Cẩn tắc vô áy náy, bắt nó theo, cùng cả bọn vượt biển luôn.

Vài năm trời lang thang trong những trại tỵ nạn vùng Đông Nam Á, cuối cùng anh chàng đến được nước Mỹ. Đang tuổi sinh viên, anh được thu xếp cho vào một trường đại học. Trường đại học tổng hợp lãnh thổ tương đương một quận trong thành phố, trong trường có cả nhà thờ, siêu thị, nhà hát, rạp phim, sân vận động. Trong trường có vài chục trường con. Thư viện hơn một triệu cuốn sách mở cửa suốt đêm, có thể ngồi đấy đọc sách qua đêm. Khuôn viên trường Mỹ thuật có một cái vườn tượng. Toàn bộ là tượng của Rodin. Những phiên bản bằng đồng đen, cỡ người thật, phần lớn là những vóc dáng đàn ông những tư thế đàn ông. Khom người, cong người, cúi người hoặc ngồi tay chống cằm suy tư hoặc bất đúng dậy ngơ ngác. Ai đã thấy cái vườn tượng trong trường Đại học Tổng hợp Stanford thì đấy, trong khuôn viên cái trường ít danh tiếng này cũng có một vườn tượng như thế.

Chàng được trường cho đi rửa tượng. Hàng trăm sinh viên chỉ một người được giải quyết cho làm cái công việc ấy. Hỗ trợ thu nhập cho sinh viên nghèo. Vài ba ngày một lần mang vòi nước vào vườn, phun nước rửa sạch bụi cho mấy chục pho tượng. Xềềềềềề. Rửa từ đầu đến chân. Xềềềềềề. Từ cổ xuống lưng xuống mông. Xềềềềềề. Từ ngực xuống bụng xuống trộm xuống đầu gối mắt cá. Xềềềềềề. Tắm cho tượng. Ông Rodin ở nước Pháp từ cuối thế kỷ mười chín có ý hướng không mặc quần áo cho tượng. Anh

chàng ở cuối thế kỷ hai mươi phải sục vào các hang hốc góc ngách mà ông tạo ra để phun nước. Xềềềềềề. Xềềềềềề. Xềềềềềề. Phun nước xong thì xi hơi cho sạch, để nước bám vào nạch vào hăng sẽ tạo gỉ xanh. Xì xì xì. Xì xì xì. Xì xì xì. Anh thuộc hết từng đường gân thớ thịt, đúng kiểu nhà điêu khắc nghiên cứu cơ thể người, những cơ bắp chỗ nào thả lỏng chỗ nào gồng lên chỗ nào săn chắc chỗ nào đã nhão. Anh thuộc hết. Người đứng người nằm người ngồi trong cái cánh cổng địa ngục mà Rodin lấy cảm hứng từ *Thần khúc* của nhà thơ Ý Dante. The gates of hell. Xềềềềềề. Xì xì xì. Cái thế ngồi của pho tượng người suy tư, tay chống cằm ngồi khom lưng, ngồi tư duy mà thế thì giống dáng ngồi bệ xí bệt. Anh phát hiện ra vậy sau cả năm trời phun rửa xi xèo.

Anh gặp người mà anh lấy làm vợ cũng ở trong cái vườn tượng này. Một cô gái Mỹ tóc vàng mắt xanh da trắng. Anh mang đồ ra chuẩn bị rửa tượng thì thấy hai cô gái lung tung chụp ảnh trước những pho tượng. Anh đành đứng chờ. Cô tóc vàng làm đủ động tác ngả người nghiêng người, ôm vai bá cổ ôm lưng những tượng đàn ông không mạnh quăn. Cười toe cười toét. Mấy bà già đi tập thể dục ngang qua, một bà hỏi, con đi kia nó làm cái trò gì đấy hở bà, bà kia bảo nó đang cảm trym Rodin để chụp ảnh đấy. Con đi kia. Anh nghe rõ. That slut. Không hiểu sao lúc ấy anh lại muốn nhắc hai bà kia cẩn thận cái mồm. Muốn đẻ, tôi mà ghi âm được lời xúc phạm thì hai bà ra tòa.

Sự thể xoay ra đến độ anh lại mê con đi kia. Mà cô kia cũng mê anh, một chàng đầu đen mũi tẹt da vàng đặc sản Đông Á. Mê nhau thì lấy nhau. Đề toan toét ra. Liền một mạch ba đứa con gái trong tám năm trời. Đề tuột tuột như mấy mẹ sế vùng cầu tôm quê châu. Cô còn An Nam Mít hơn anh. Cười sượng, cô cứ khả khả khả như đang ngồi giữa chiếu bạc hút thuốc lảo vật ở vùng đồng chiêm trũng quê châu. Khả khả khả. Bao nhiêu lần anh giết nẩy người vì cái khả khả khả ấy. Anh cũng đã giết nẩy người vì cái cách lái xe hơi của cô. Lùi xe, cô cua một đường vòng cung như tên bắn suýt nữa đâm sang vỉa hè bên kia đường. Đám mèo chó hoang hỗn chạy dạt. Cô rồ máy thật rền phồng đi. Mấy bà hàng xóm lại được dịp

lầm bầm con đi kia. Đám bạn bè thì bảo kiếp trước chắc anh ta ăn cắp cái tivi của nhà cô cho nên kiếp này anh phải bỏ xứ sang đây để trả nợ. Vợ da trắng chồng da vàng. Nó lệ da vàng. Đề ra mấy đứa con, cô không chịu đi làm. Giục năm lần bảy lượt, xin được mấy lần phỏng vấn vào nơi này nơi khác, cô đều không chịu đi. Phụ nữ xứ này hiếm ai không chịu đi làm. Kỳ quặc khác người lập dị. Lại đám bạn anh bảo nó lập dị không ai lấy nó nó mới phải lấy người nước ngoài. Nó bình thường lành lặn thì đàn ông bản địa đã lấy nó rồi.

Anh sinh viên mỹ thuật phải đi rửa bát nhà hàng, thu gom xe đẩy ở siêu thị, sắp xếp xe vào bãi để xe. Công lưng nuôi vợ và một lũ lĩ con gái. Rồi tốt nghiệp đi làm công ty nội thất, sáng sớm đã đi làm tới mịt mịt trở về, lúc đi con còn ngủ, lúc về con đã ngủ, cả tháng không được nói chuyện với con. Chỉ có cô vợ như cái loa phường. Đùng như cái cầu đổ của người Việt: con gì ăn lắm nói nhiều, mau già lâu chết, miệng kêu tiến tiền? Đó là con gì? Khu phố anh đang ở, trị an vừa phải, hể cả nhà đi vắng, người ta phải để có tiếng đài ở trong nhà, làm như trong nhà có người, trộm cắp ngại. Cô vợ nói nhiều của anh ở nhà là thay cho cái đài an ninh. Suốt ngày than thân trách phận lấy phải chồng Ợt. Than thân trách phận đau đầu đau lưng. Nhức răng nhức xương. Không chịu đi làm chỉ ngồi than. Người Mỹ như thế là hiếm.

Gần một cái Tết Á Đông, anh mua hương hoa đèn nến về sắp xếp cái bàn thờ thì cô bỏ đi. Mang theo ba đứa con về nhà mẹ đẻ. Từ bờ Tây nam Thái Bình Dương, cô đưa ba đứa con đi tuốt lên Tây bắc. Mẹ có sống một mình ở bang Oregon, thỉnh thoảng bà vẫn lái xe xuống thăm con thăm cháu. Lúc cao hứng lên cô vẫn thường lái xe chở con đi mấy trăm dặm lên ở nhà mẹ. Lúc chán chường cô cũng lái xe về với mẹ. Lần này thì cả bốn mẹ con đi xe khách lên nhà bà ngoại. Được ăn ở miễn phí nhiều ngày, đỡ được một số khoản phải lo.

Ngày Tết, ngồi nhà một mình, anh lấy đất sét nguyên liệu làm tượng ra, nặn những miếng tròn dẹt như quả mứt hồng. Đưa lên miệng hà hơi một cái rồi quật miếng đất sét xuống nền nhà. Phệt một cái. Ném cái nữa. Phệt. Mấy cái nữa. Phệt phệt

phệt. Trò chơi thời trẻ con. Pháo nổ pháo nang. Những miếng đất đập bẹp xuống nền gạch, nứt toét ra ở chính giữa. Mỗi miếng đất hình tròn vỡ toác ra một lỗ. Nổ to được coi là tài. Nứt to được coi là lợi. Cái đứa chơi sau phải lấy đất của nó dán bù vào chỗ nứt toác rồi mới đến lượt quật miếng đất của nó xuống. Pháo nổ pháo nang, cả làng chịu chưa? Bán nhà bán cửa, mà đến pháo tôi.

Anh nhặt những miếng đất hình tròn, mỗi miếng bị toét một lỗ ở giữa, gắn vào mấy tấm gỗ dán, đem hong khô ngoài vườn. Rồi anh dựng những tấm gỗ lên, đặt ngay trước hiên nhà. Một triển lãm sắp đặt. Nguyên liệu đất sét trên nền gỗ. Những tác phẩm mỹ thuật mới của họa sĩ Á Đông trong ngày Tết nhớ nhà.

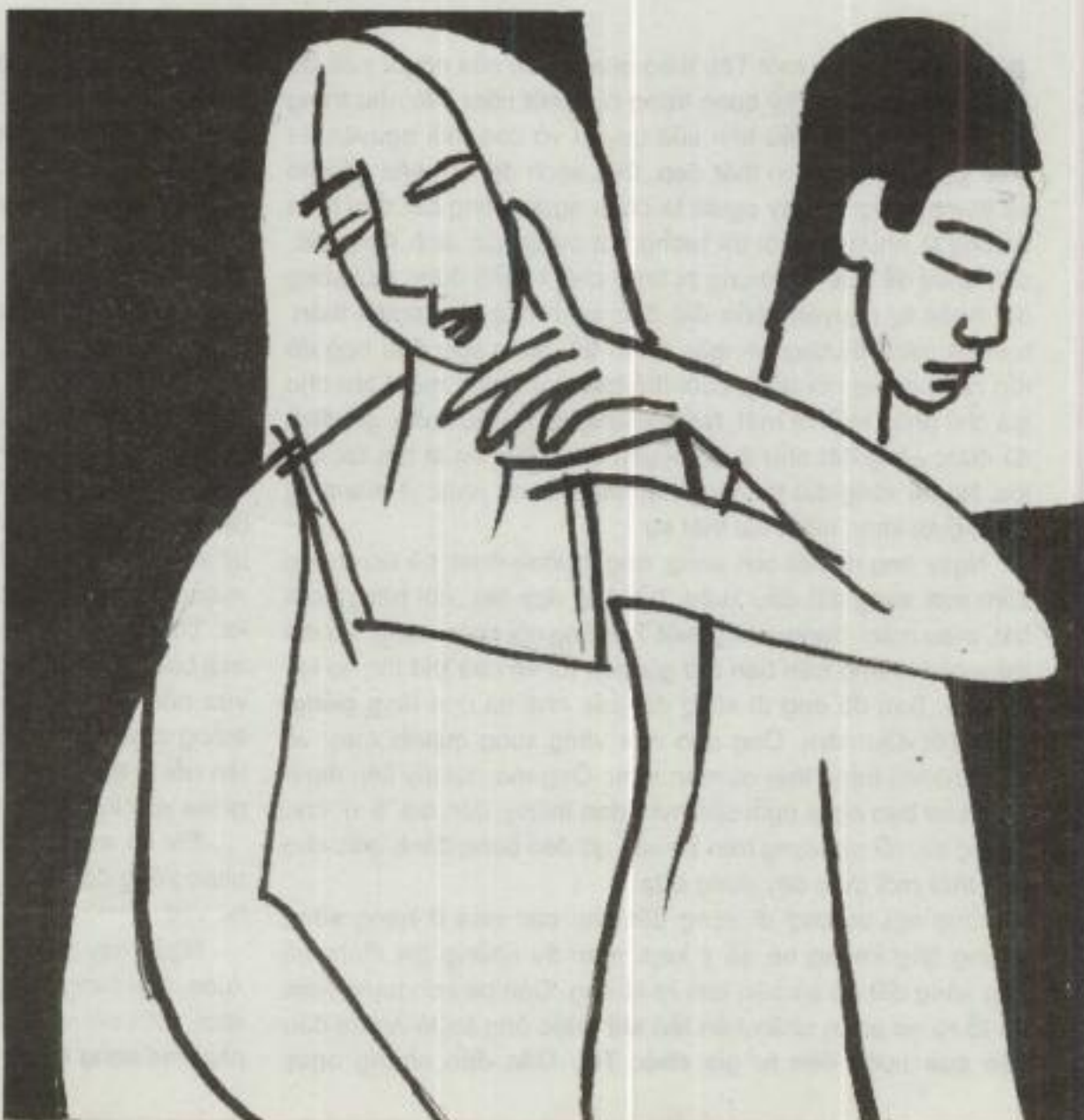
Những cái pháo nổ pháo nang bây giờ mới thực sự lộ hình dạng. Những cái rầm. Nổ bung ra không kiểm chế. Nổ toét mông dít sảng khoái tự do. Pháo nổ pháo nang sao người Việt không ai thấy nó là tượng hình của những cái trung tiện không kìm giữ. Ngày Tết ở đây phải vào phố Tàu mới có thể nghe đôi ba tiếng pháo tép thách thức cớm. Anh ngồi nhà có cái pháo nổ pháo nang của riêng mình. Anh đã tìm ra ý tưởng cho cuộc triển lãm sắp tới. Sẽ toàn là pháo nổ pháo nang, trên mỗi bảng gỗ sẽ là những sắp xếp bố cục khác nhau. Vài chục cái bảng gỗ pháo nổ pháo nang như vậy. Người ta sẽ đọc tờ rơi giới thiệu triển lãm về một trò chơi ở vùng cầu tôm xa xôi. Người ta sẽ đọc lời bình của một số họa sĩ tên tuổi, tán tụng tác phẩm độc đáo. Những miếng đất hình cầu nứt toác ra ở chính giữa là những con mắt vỡ. Hàng chục con mắt thao láo đã đánh mất điểm nhìn. Hàng chục cái bát Á Đông vỡ ngay từ trong lò gốm chưa ra được với đời. Hàng chục khát vọng tròn đầy viên mãn còn dang dở.

Mặc. Nói gì thì nói. Anh biết chỉ có anh mới biết nó thực sự là cái gì.

Vợ đi được đám ba ngày thì mẹ vợ gọi điện lên. Anh bào chúng nó về đi chứ. Không thì anh xuống mà đón chúng nó về chứ. Tôi chỉ có lương hưu. Tôi nuôi nó đến mười tám tuổi là tôi tròn trách nhiệm, sau đó nếu bù chỉ thêm được tí nào là phần lãi suất may mắn của nó mà thôi, lời ăn lỗ chịu. Vợ không chịu đi làm là cái lẽ làm sao. Chồng không bảo được vợ đi làm là cái lẽ làm sao. Chồng không lo được tài chính cho gia đình là cái lẽ làm sao. Lâu lâu chúng nó lại kéo nhau đến nhà bà, bày bữa cả ra. Ba đứa con gái lòi hết xống áo khăn quàng của bà ra bên thành búp bê. Chúng giầy xéo vườn hoa nhà bà. Chúng lấy kéo cắt đuôi con lợn cảnh mà bà vẫn dắt đi dạo chơi. Nồi nhà nó, thế nào rồi ba đứa con gái cũng có đứa lên xe là rồ máy rú máy như mẹ nó. Nghe bà nói một lúc mới càng hiểu tại sao người Âu Mỹ chuyên đời có chuyện tiểu lâm xung đột mẹ vợ chàng rể. Như là chuyện mẹ chồng nàng dâu ở quê anh.

Vài ngày sau, bà mẹ vợ tự tay lái xe chở cả lũ con gái cháu gái về nhà trả cho anh. Nói cho chính xác thì bà chỉ có ý định chở chúng nó ra bến xe khách. Nhưng đến bến xe bà lại nghĩ, nhờ đâu chúng nó đi được một chặng rồi tự nhiên lại lên cơn thích nhà bà, chúng nó rủ nhau quay lại lần nữa. Chúng nó sẽ giẫm nát vườn hoa và lấy kéo cắt đuôi con lợn của bà. Thế là bà tặc lưỡi tiện tay chở chúng nó về nhà luôn, mấy trăm dặm chẳng mùi gì. Ăn chắc.

Anh nghe bà già nói chuyện trên trời dưới đất về thời tiết cổ cây để bà lảng cái chuyện thực chất. Anh ừ anh hử. Rồi anh ngồi thẩn ra một lúc. Rồi như phản ứng máy móc, anh ra dựng lại mấy tấm sắp đặt pháo nổ pháo nang. Chia tất cả ra trước cửa nhà. Như chống mông phổ trường. Như thách thức. Pháo nổ pháo nang. ■



NHỚ lại...tháng 10, năm 2006. Nhóm du khảo ẩm thực xuyên Việt chúng tôi đi từ Nam ra Bắc, mò đến tận lò để nếm những rượu ngon, như Xuân Thanh (Trà Vinh), Phú Lễ (Bến Tre), Gò Đen (Long An), Bầu Đá (Bình Định), Kim Long (Quảng Trị), Làng Vân (Bắc Giang), Mầu Sơn (Lạng Sơn)...Rượu quê chính hiệu, được làm ra từ gạo nếp theo cách làm truyền thống của từng nơi, mỗi loại có hương vị riêng nhưng đều xứng đáng chung hàng danh tửu.

Đã nghe nức tiếng đồn, xứ Lào Cai có rượu ngô Bắc Hà và rượu mấm thóc Shan Lùng tuyệt lắm. Hôm phiên chợ Bắc Hà, chúng tôi đã nhắm rượu ngô với món thắng cố ngựa. Đó là rượu đặc sản của người H'Mông, được nấu bằng ngô, trăm phần trăm ngô, êm ái, đậm đà, nhưng vẫn chỉ là loại rượu nấu khèo, như rượu sắn, rượu mía nấu khèo, đặt vị mà chưa đạt hương, còn thiếu thiếu cái mùi thơm ngào ngạt buộc phải có mới được xếp hạng danh tửu. Chúng tôi quyết làm một cuộc "hành quân lên trời" đi tìm rượu Shan Lùng trên lưng chừng núi cao huyện biên giới Bát Xát.

Nhiều nhà hàng quán nhậu ở Hà Nội và Sài Gòn có bán một thứ rượu màu nâu vàng được quảng cáo là "Shan Lùng hảo hạng" (còn gọi "Sân Lùng" hoặc "Sần Lùng"...), khá đắt, nhưng uống thì không ngon. Thực trạng ấy khiến chúng tôi ngờ rằng cái "Shan Lùng" đại trà kia là rượu mạo danh, cũng như những thứ rượu mạo danh khác, giả Làng Vân ở Bắc, giả Bầu Đá ở Trung, giả Phú Lễ ở Nam... Vậy nên, có hai điều chúng tôi muốn làm rõ qua chuyến đi này: chính danh và phẩm chất rượu Shan Lùng.

Người hướng dẫn chúng tôi tên là Trường, một nhân viên ngành điện lực Lào Cai từng làm việc nhiều năm tại huyện Bát Xát, rất thông thuộc đường đất nơi đây. Trường cho biết, rượu Shan Lùng của người Dao đỏ chỉ được làm ra tại một nơi thôi, đó là bản Shan Lùng, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát. Bản Shan Lùng nằm trên lưng chừng núi cao gần hai ngàn mét, từ gốc là Tam Long, ba con rồng, tên dãy núi.

Xã Bản Xèo cách trung tâm thành phố Lào Cai 31 cây số. Chúng tôi dự tính, cả đi, về, làm việc... mất bốn tiếng đồng hồ. Không ngờ, đường quá xấu lại nhiều dốc cao, chiếc xe Zace của Đài truyền hình thành phố Hồ Chí Minh bỏ lại mất hai giờ mới tới chợ xã. Từ đó lên bản Shan Lùng phải cuộc bộ, leo dốc.

Vào nhà dân hỏi đường. Tính cờ, nhà đó là trụ sở Hợp tác xã rượu đặc sản Shan Lùng vừa bị giải thể. Bà Trần Thị Hoa, nguyên Chủ nhiệm Hợp tác xã từ năm 2001, vốn là cô giáo người Thái Bình lên đây dạy tiểu học, nghỉ hưu, hoạt động hội phụ nữ xã. Thấy chị em Shan Lùng đều nấu được rượu ngon mà nhà nào cũng nghèo, bà Hoa cùng mấy người bạn lập ra một đại lý thu gom và phân phối rượu, với pháp nhân Hợp tác xã. Nhờ cách làm ăn bài bản, giới thiệu rộng rãi, rượu Shan Lùng chính hiệu bán được ngày một nhiều hơn, trung bình khoảng bốn, năm nghìn lít mỗi tháng, thu nhập của các nhà nấu rượu cũng tăng lên, đời sống dân bản khá dần. Rượu Shan Lùng từng tham dự Hội chợ triển lãm toàn quốc năm 2003, được tặng huy chương vàng "Hàng Việt Nam chất lượng cao" hẳn hoi. Bà Hoa sáng tác thơ tuyên truyền rượu khá mùi: "Tục truyền có tự ngày xưa/ Người Dao ở núi bấy giờ Po Sen / Ngáy lành tháng tốt hiện lên/ Ba rồng xuống hút rượu tiên về trời/ Nơi đây được những người đời/ Đặt Shan Lùng nhớ ơn trời Tam Long/ Dân bản lấy nước về cùng/ Men làm bằng thứ lá rừng linh thiêng/ Thóc nương cùng với cao lương/ Đỗ xong men ủ lên hương lạ ki/ Uống tiên tửu khỏe tức thì/ Tiếng thơm truyền tụng bay đi khắp vùng/ Phiêu du với chén Shan Lùng/ An Khang thịnh vượng như rồng gặp mây". Xin ngẫm mà bái phục nữ sỹ Chủ nhiệm rượu, thơ quảng cáo thế thì ăn đứt khối nhà thơ.

Thật oái oăm, chính quyền địa phương bỗng nhiên áp thuế tiêu thụ đặc biệt cho rượu Shan Lùng mức 75 %, cộng 10 % thuế giá trị gia tăng. Hợp tác xã thu mua rượu

KHÔNG CHỈ LÀ CHUYỆN RƯỢU

NGUYỄN DUY

của dân với giá 11.000 đồng/lít, bán ra 12.000 đồng/lít (số liệu năm 2006), mọi chi phí hoạt động cộng lợi nhuận chỉ nằm trong khoảng chênh lệch một nghìn đồng mỗi lít rượu. Nếu chịu tổng mức thuế 85% thế kia, mỗi lít rượu đội giá lên thành hơn 20.000 đồng, không thể bán cho ai khi giá chợ vẫn chỉ 12.000/lít. Thế là Hợp tác xã phải giải thể, hàng nghìn lít rượu của bà con tồn đọng và hàng chục hợp đồng cung cấp rượu bị hủy bỏ. Ai chịu? Dân!

Chợt nhớ, tờ báo Lào Cai đã đăng bài về vụ công an tỉnh phát hiện và xử lý ba mươi nhà làm rượu giả tại thôn Hoà Lạc, xã Gia Phú, huyện Bảo Thắng, chuyên pha chế rượu "Shan Lùng" bằng cồn công nghiệp với số lượng rất lớn, bán đi khắp nơi.

Câu chuyện thơ rượu lần thuế rượu tạm gác lại, để chúng tôi còn đi mò lò rượu. Bà Hoa cử ngay chồng mình, tên là Thịnh, dẫn lối. Ông Thịnh nói, phải đi bộ bốn cây số dốc núi đây, bác nào không đi nổi hãy ngồi đợi tại xe ô tô.

Kiến trúc sư Nguyễn Trọng Huân được nhóm chúng tôi tôn làm "trưởng lão Cái bang" vì anh cao tuổi nhất, bảy mươi hai, mang nhiều các loại túi lỉnh kỉnh nhất, lại hàng mầu nhất. Anh băng băng leo dốc mũi ngựa, được một lúc thì quỵ xuống bờ đường mòn thở dốc. Tay máy Huỳnh Lâm, từng tham dự làm phim "Mê Kông kỳ sự", vác máy quay nặng tám kilogam trên vai, vượt lên trước, vừa leo dốc vừa ghi hình phong cảnh núi non trùng điệp đẹp như mơ. Đạo diễn Lê Vũ Hoàng cặp kè Huỳnh Lâm, vừa chỉ trở vừa chụp ảnh. Tôi lặc lè chân héo chân tươi, tuy thở đứt hơi vẫn bám theo "trưởng lão". Người Dao ở quá cao, thấp thoáng nhà lưng núi, lại thấp thoáng nhà đỉnh núi. Tôi tưởng bác Huân sẽ bỏ cuộc, tụt xuống hạ

giới, chợt nghe tiếng xe máy rồ ga vượt lên, thấy lão trưởng ngồi co quắp sau yên xe cười khàn khạch. Thì ra, lão trưởng chui vào lán công nhân sửa đường nghỉ chân, sẵn máy ảnh chụp loạn xạ, làm quà mấy câu chuyện vui vui, được một chú nhóc trả ơn bằng một cốc xe ôm lên núi.

Xe Win-100 của Trung Quốc leo dốc rất khỏe. Những thanh niên người Dao chạy xe máy leo đường mòn ngoằn ngoèo như làm xiếc. Rượu Shan Lùng từ núi xuống, trước kia đi bằng ngựa, nay đi bằng xe máy. Hầu như nhà nào trong bản này cũng có Win-100. Những con ngựa đứng gỗ móng bên cạnh chiếc xe máy nơi sân nhà lưng chừng núi cao, thật ngộ. Mười một giờ rưỡi trưa chúng tôi mới lên tới ngôi nhà đầu tiên trên bản Shan Lùng ở độ cao hơn một nghìn mét. Nhà đóng cửa. Nhà thứ hai, cũng đóng cửa... Đang mùa gặt lúa, người người ra nương, nhà nhà đóng cửa.

Ông Thịnh đưa chúng tôi tới nhà nấu rượu nhiều nhất thôn, tự động mở cửa vào. Chủ nhà tên Lò Kín Xài, chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã Bản Xèo, vừa đi họp dưới xã về. Dựng xe máy bên đôi ngựa buộc cột hè, ông Xài với cái nhìn cảnh giác, hỏi khách từ đâu tới, việc gì, có giấy giới thiệu của chính quyền không?... Sau khi coi thẻ nhà báo và nghe chúng tôi trình bày mục đích chuyến đi, ông Xài mới chịu tiếp chuyện rồi hô con cháu nhóm lửa lò rượu cho quay phim, chụp ảnh.

Đến đây chúng tôi mới biết, rượu Shan Lùng nấu bằng thóc nếp nương, trộn với một ít hạt cao lương, khoảng năm đến mười phần trăm thôi, ngâm nước qua đêm rồi đổ như đổ xôi. Khi hạt thóc chín nhừ, vỏ trấu nứt ra một vết trắng trông giống như

nảy mấm. Thóc chín, dỡ ra nong, để nguội, rắc bột men, trộn đều, cho vào thùng ủ. Men rượu chế bằng bột gạo nắm với lá rừng, những thứ lá bí truyền của người làm men, gọi là men lá. Mấy ngày sau, tùy theo thời tiết, thóc chín men, thơm mùi rượu, thì đổ nước suối vào ngâm cho ngấu rồi chưng cất. Chưng cất bằng chảo gang lớn, rượu ngưng tụ nhờ chậu nước lạnh để khít trên nồi hơi, mỗi mẻ nằm mười cân thóc cho ra lò hai mươi lít rượu trong vắt, bốn làm - năm mươi độ...

Qui trình nấu rượu thóc Shan Lùng không khác mấy với cách nấu rượu gạo dưới xuôi. Chỉ khác chất nguyên liệu, nước, men, thời tiết và kinh nghiệm. Thóc nếp nương Shan Lùng. Nước suối núi Shan Lùng. Men lá rừng Shan Lùng. Độ cao Shan Lùng. Cách dân gian Shan Lùng. Thế là thành rượu Shan Lùng thôi. Quệt que diêm, li rượu phụt lửa xanh huyền ảo. Nhắm ngum rượu tề tề đầu lưỡi, nuốt ầm ran cổ họng và đọng vị ngọt hậu, thơm ngát mùi hương ngai ngái hoang dại, mùi vỏ trấu mùi núi rừng quện lại.

Bữa trưa, rượu thóc nếp nương nhắm thịt gà thả rẫy, ngon đến ối giới ơi, và say ngà say nghiêng. Say mèm mà không mệt. Lắng lắng xuống núi, đã chiều. Rượu mạnh, uống nhiều, chân nam có hơi xeo chân chiều, nhưng đầu vẫn trong, mắt vẫn sáng. Quả nhiên tiên tửu.

Có trong tay một thứ danh tửu thật quý hiếm như thế, nhưng bà con Shan Lùng còn phải làm gì nữa để thoát hẳn kiếp nghèo khó truyền đời của người trên núi cao? Cái giả đang cơ hội lên ngôi, còn cái thật thì nguy cơ tuyệt chủng, suy cho cùng không chỉ là chuyện rượu.■

TẠP VĂN

NGÀY XUÂN ĐI XÔNG ĐẤT

TRẦN QUỐC CƯỜNG

NGÀY mồng một Tết, theo quan niệm của người xưa, đó là ngày cực kỳ quan trọng của một năm. Nó như trang giấy trắng đầu tiên của quyển vở còn mới nguyên, ta phải viết chữ sao cho thật đẹp, thật sạch để làm tiền đề cho sự thành công. Vì vậy người ta chọn người xông đất đầu năm thường là những người tốt tướng, tốt bụng, gia đình sung túc, con cháu đề huề và không bị tang chế. Người được mời xông đất hoặc tự nguyện xông đất đầu xuân nhà của người thân, bạn bè mình thường ăn mặc tươm tất, bước vào đầu ngõ đã rồn rảng giọng nói tiếng cười thể hiện sự mạnh mẽ. Làm cho gia chủ phần khởi ra mặt. Ngay những ngày đầu xuân, gia đình đã được xông đất như được truyền vào niềm tin ắt tấn tài, tấn lộc. Người xông đất thì cảm thấy mình hạnh phúc vì mang lại cho người khác niềm vui thật sự.

Ngày ông nội tôi còn sống, ông thường được bà con hàng xóm mời xông đất đầu xuân, bởi ông đẹp lão, nói năng hoạt bát, mau mắn. Sáng mồng một Tết, ông nội khăn đóng, áo dài thắp nén nhang trên bàn thờ gia tiên rồi về nhà thờ tộc họ lạy ông bà. Sau đó ông đi xông đất các nhà bà con láng giềng, chúc Tết đầu năm. Ông dạo một vòng xung quanh xóm, về đến nhà với trạng thái có men rượu. Ông móc túi lấy tiền dành dụm sau bao ngày ngồi cân mẫn đan thúng, đan nia "lì xì" cho chúng tôi, rồi ngã lưng trên bộ ván gỗ đen bóng đánh giắc cho đến trưa mới thức dậy dùng bữa.

Ông nội thường đi xông đất cho các nhà ở hàng xóm, nhưng ông không hề để ý xem năm ấy những gia đình mà ông xông đất có ăn nên làm ra không. Còn bà con hàng xóm thì tỏ rõ sự phẫn chấn hẳn lên khi được ông tôi là người đầu tiên qua bước đến tư gia chúc Tết. Gần đến những ngày

tháng cuối năm, nhân lúc trà dư tửu hậu, bà con hàng xóm thường kháo nhau: "Ông Năm xông đất nhà tôi dùng là may mắn thật, làm gì được nấy. Mong sao cụ sống trăm tuổi để còn nhờ". Tất nhiên cũng có những gia đình tiền của không vào như nước. Thậm chí gặp những điều không may, nhưng không ai nữ trách ông tôi, bởi lẽ người xông đất đầu có được lợi lộc gì. Họa hoàn có vài người mang đến gói trà, lon sữa thắm ông tôi lúc ốm đau thể hiện sự biết ơn vì đã xông đất ngày đầu xuân.

Thuở còn thơ bé, tôi có lần vô tình đi xông đất nhà bác Ba Lén. Người ta đi xông đất vui vẻ và oai ra phết, còn tôi sợ vãi mồ hôi. Số là sáng mồng một Tết cha tôi sai tôi mời bác Ba cùng đi về nhà thờ họ Trần lạy ông bà cho có bạn. Tôi quên bém lời mẹ dặn: "Con chỉ đứng bìa rào gọi với vào nhé!". Tôi lại xộc thẳng vào sân. Bác Ba gái nhìn tôi đầy vẻ tức giận, miệng bác ứ hự muốn xua đuổi, nhưng không dám nói thành lời. Tôi sợ hãi vội chạy, hoảng hốt, nói thật to: "Cha cháu mới bác đi lạy ông bà!" rồi vụt cầm đầu chạy một mạch về nhà vừa nói, vừa thở hổn hển: "Mẹ ơi! Con quên lời mẹ bảo, đi thẳng vào nhà bác Ba, giờ biết làm sao?". Về mặt mẹ tôi hiện lên nỗi lo thực sự: "Chết cha! Năm nay nhà bác lỡ có chuyện gì xui xẻo thì khổ!"

Tôi và mẹ lo ngay ngáy, vậy mà suốt năm cái vụ thẳng nhóc xông đất không hề gây tai họa gì cho nhà người ta, thật hù vía!

Ngày nay, người ta không đặt nặng chuyện xông đất đầu xuân. Mới sáng mồng một Tết lũ trẻ con đã sang nhà của nhau chơi, cười nói vô tư. Chuyện xông đất chỉ còn là kỷ niệm khó phai mờ trong ký ức của những người như tôi.■



Nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo sinh năm 1947. Quê quán: Diễn Châu, Nghệ An.
Tác phẩm đã xuất bản: *Tinh yêu sáng sớm* (thơ, 1974); *Gửi người không quen* (thơ, 1989); *Sóng nhà đêm biếc* (thơ in chung, 1984); *Đống gạo cho người lớn* (thơ, 1994); *Con đường của những vì sao* (trường ca, 1981); *Miền quê thơ ấu* (truyện, 1988); *Khoảng khắc thời bình* (truyện, 1987); *Làng quan họ quê tôi*, *Tinh khúc bốn mùa*, *Khúc hát sông quê* (nhạc); cùng nhiều tập thơ, truyện ngắn khác.
Giải thưởng văn học: Giải thưởng thơ hội Văn nghệ Nghệ An (1969); Báo Văn nghệ, báo Nhân dân, báo Văn nghệ Quân đội (1978); Giải thưởng VHNT Cổ Đô (1989 - 1999); Giải thưởng Hồ Xuân Hương với nhiều giải thưởng có giá trị khác.



“KẺ VỐT TRẮNG BAO LẦN TRẮNG VỖ NÁT”

THIÊN SƠN

NGUYỄN Trọng Tạo là một phức thể. Tài năng của anh như viên ngọc lấp lánh nhiều sắc màu và khía cạnh. Trong thơ, nhạc và họa hay phê bình tiểu luận, anh đều ghi được những ấn tượng đậm nét. Nhưng có lẽ hơn hết, anh là nhà thơ. Một nhà thơ xuất phát từ mạch nguồn trong trẻo của thơ ca dân gian, từ những truyền thống đẹp của thơ cách mạng đã vươn thẳng vào hiện đại, tìm ra một lối đi riêng sau rất nhiều tự vấn và trăn trở, sau rất nhiều khúc quanh của định mệnh.

Thơ Nguyễn Trọng Tạo bây giờ đã khác nhiều so với buổi khởi đầu hơn bốn mươi năm trước. Đó là cả một hành trình nhiều thăng trầm. Không hề đơn giản, thơ anh ngồn ngộn những hình tượng và triết lý, nhiều tìm tòi trong hình thức thể hiện với ngôn từ giàu nhạc tính biến hóa, với lối ẩn dụ làm lóe sáng nhiều suy ngẫm và gợi liên tưởng. Nguyễn Trọng Tạo đã trở thành một nhà thơ vượt qua để tài chiến tranh vốn dĩ là chủ đạo của thế hệ nhà thơ chống Mỹ, gạt hái được nhiều thành tựu trong sáng tác thời hậu chiến kể từ thập niên tám mươi của thế kỷ trước đến nay. Anh là người dẫn thân. Sự dẫn thân đã mang đến cho anh sự kính trọng của độc giả và nhiều đồng nghiệp, nhưng cũng vì thế, anh gặp không ít cay đắng.

Tôi đặc biệt chú trọng đến bài thơ “Tàn mạn thời tôi sống” của Nguyễn Trọng Tạo được viết năm 1981, khi đó anh mới ngoài ba mươi tuổi. Theo tôi bài thơ ấy đã trở thành một trong những bài thơ nổi bật của thập kỷ tám mươi thế kỷ trước. Ở đó ta gặp một giọng thơ mới mẻ, một cách nhìn và tái tạo cuộc sống không giống ai, để cập một hiện thực đau đớn, trần trụi, phơi bày cái nghèo nàn, cái hoang mang, sự thất vọng và cả sự sụp đổ thần tượng một thời. Đó thực chất là một cách “nhìn thẳng vào sự thật”, một cách vượt thoát khỏi những dư tưởng thời chiến tranh, vượt thoát khỏi những giáo điều để đưa thơ vào thế tục. Đó là một sự đổi mới trong chất liệu thi ca, hé mở một con đường để thơ tiệm cận hiện thực. Với bài thơ này, Nguyễn Trọng Tạo đã đi xa hơn những nhà thơ cùng thời và hé mở một con đường mới cho thi ca thời hậu chiến.

Cổ lẩn, trong căn phòng chật chội toàn sách là sách của anh trên tầng sáu của một khu chung cư cũ ở phố Phương Mai, tôi đã hỏi anh về hoàn cảnh sáng tác và số phận của bài thơ “Tàn mạn thời tôi sống”. Nguyễn Trọng Tạo nhấp một ngụm rượu nhỏ. Anh lặng đi giây lát. Thoảng một chút buồn khi hồi ức trở về... Rồi anh kể: Bài thơ được viết nhanh trong một đêm ở khu tập thể Văn Hồ năm 1981. Như một kẻ lên đồng, anh đã miệt mài quên cả thời gian, quên cả chính mình. Câu chữ cứ thế tuôn chảy ra đầu ngọn bút. Viết một hơi, khi đặt đầu chấm hết cho bài thơ dài có dáng vẻ trường ca này, anh đọc lại thấy lòng bàng hoàng. Bài thơ làm cho chính anh cũng thấy choáng váng. Biết rằng nó hay, nhưng sao trong lòng vẫn hết sức băn khoăn... Anh gọi người bạn thân cùng phòng là nhà thơ Nguyễn Hoa dậy. Hai người bạn pha trà, ngồi uống và cùng đọc lại bài thơ. Nguyễn Hoa nghe xong im lặng một lúc lâu ra chiều nghĩ ngợi rồi nói chậm rãi: “Hay... nhưng sợ rằng không in được đâu”.

Bài thơ sau đó được “xuất bản miệng” cho nhiều bạn hữu cùng nghe. Rất nhiều người đã gật đầu tán thưởng. Rồi như có một cơ duyên, nhà thơ Hoàng Minh Châu quyết định cho in bài thơ này trên báo Văn nghệ. Vừa in ra, dư luận đã râm ran. Trong văn giới và trong độc giả người ta chuyển tay nhau đọc và bình luận. Nhưng sau đó không lâu là sự phản hồi từ một số người quản lý... Nguyễn Trọng Tạo bắt buộc phải tham gia những cuộc họp... Những định kiến lạ lùng bắt đầu giáng xuống chàng thi sĩ trẻ. Cuộc sống trở nên buồn bã, lạnh giá đến nỗi có lúc Nguyễn Trọng Tạo đã định kết thúc cuộc sống của mình bằng hai khẩu súng ngắn... Anh cầm khẩu súng trên tay, đón đầu với những oan khiên kỳ lạ của lòng mình... Những băn khoăn và se thắt đội lên trong cái khoảnh khắc ngặt nghèo ấy, và tình yêu cuộc sống bỗng dâng tràn cuộn xiết trong tim đã kịp kéo anh

lại sự sống dù nó cùng cực, cay đắng đến tận cùng. Cuối cùng anh đã tra súng vào bao, mím môi lại, tự nhủ: “Minh không thể chạy trốn cuộc sống như thế này được. Minh không thể từ bỏ cuộc sống một cách vô lý như thế. Hãy tiếp tục sống và đón nhận tất cả”.

Rồi chính bè bạn, người thân đã an ủi, ủ ấm cho cuộc sống của anh. Lòng ngưỡng mộ lớn lao của lớp lớp độc giả từ khắp nơi đã làm cho anh có thêm niềm tin và sức mạnh. Sau đó, Nguyễn Trọng Tạo chấp nhận lệnh điều động vào công tác ở Nhà văn hóa quần khu Bốn, anh buộc phải bỏ dở việc học ở trường viết văn Nguyễn Du khi chỉ còn một thời gian ngắn nữa là tốt nghiệp. Đó là những ngày khởi đầu cho chuỗi gian lao của anh suốt mấy năm trời. Những đố vỡ trong cuộc sống gia đình, rồi người em gái bị nhiễm độc máu khiến anh phải dồn hết sức lực xoay xở bằng mọi cách để có tiền chữa bệnh cho em. Cuối cùng Nguyễn Trọng Tạo đã vượt qua và tiếp tục có những sáng tác mới.

Sự nghiệp của Nguyễn Trọng Tạo được bồi đắp thêm những tảng vĩa văn hóa đặc sắc khi anh rời quần khu Bốn vào công tác ở Huế từ những năm cuối của thập niên tám mươi của thế kỷ trước. Bước sang tuổi bốn mươi, Nguyễn Trọng Tạo làm một cuộc đổi mới quyết liệt nhằm lạ hóa thơ, biến đổi nhạc điệu câu thơ và tung ra những thủ pháp nghệ thuật khá độc đáo. Tập “*Đống gạo cho người lớn*” là một nỗ lực của Nguyễn Trọng Tạo trong việc xác lập giọng điệu và thi pháp thơ của riêng mình. Người ta thấy cảm xúc của nhà thơ lặn sâu vào bên trong, câu thơ hoạt, chủ yếu sử dụng nhịp chẵn, ngắn và biến hóa liên tục, thủ pháp điệp và đảo ngữ tự nhiên, điêu luyện, nhiều lúc đạt đến độ thần tình. Dù sự cách tân này dựa trên các loại thể đồng dao của dân gian, song cái đặc biệt của nó là ở chỗ tác giả một mặt vẫn giữ được nhạc tính tràn đầy, sự hồn nhiên trong biểu đạt, đồng thời vươn tới chiều sâu triết lý, gợi mở nhiều vấn đề nhân sinh thời hiện đại và mở ra những liên tưởng bao la với những câu thơ bừng lóe ánh sáng của một tâm hồn sáng tạo. Kỹ thuật sử dụng đảo ngữ biến đổi nhạc thơ, làm mới hình ảnh và ý tưởng thơ đã trở thành một đặc sản riêng của Nguyễn Trọng Tạo trong tập thơ này. Và đúng như một số nhà nghiên cứu đã nói, đến “*Đống gạo cho người lớn*” Nguyễn Trọng Tạo đã hiện rõ một phong cách độc đáo trong bản đồ thơ Việt cuối thế kỷ hai mươi. Sự sáng tạo này còn được tiếp tục trong tập “*Nương thân*” sau đó. Dù vậy, tập thơ lúc đương thời đã không được đánh giá một cách xác đáng với những nỗ lực của tác giả.

Đời Nguyễn Trọng Tạo có nhiều nghịch lý. Chưa đến mười tuổi anh đã phải chứng kiến nỗi đau khi gia đình gặp nạn trong cái cách ruộng đất. Bố anh là một nhà nho thông tuệ, biết tiếng Trung và tiếng Pháp, hiểu văn chương đồng tây, kim cổ, nhưng rồi đã bị thất thế và làm nghề thợ xây cho đến cuối đời. Nhà cửa và tài sản của gia đình anh gần như bị tịch thu hoàn toàn, chỉ còn lại mấy cuốn sách. 14 tuổi, Nguyễn Trọng Tạo đã làm thơ sau khi đọc được cuốn sách viết về Hàn Mặc Tử và những câu thơ thần diệu của Hàn đã làm bật lóe lên tài năng thơ trong anh. Bài thơ đầu tiên thấm đẫm chất thơ mới và mãi gần ba mươi năm sau mới in được. Hồi nhỏ Nguyễn Trọng Tạo học giỏi cả văn và toán. Lẽ ra anh đã là học sinh chuyên toán của Nghệ An, nhưng rồi do địa phương (cố tình) làm thủ tục chậm mà anh phải học tiếp ở quê nhà. Khi thi tốt nghiệp cấp ba, anh được điểm cao nhưng lại bị kỷ luật cho rớt tốt nghiệp vì tội chép bài cho bạn...

Ai gặp Nguyễn Trọng Tạo cũng thấy mình được vui lây. Tình anh hòa đồng, giản dị và hết lòng với bạn bè. Người ta thấy anh hát, anh cười và trò chuyện, sẽ chia sẻ chuyện đời, chuyện thơ. Anh đi dầm và ít khi trầm tư. Giữa đám đông với lòng ngưỡng mộ của mọi người, anh càng thẳng thắn. Ít ai biết anh đã buồn cháy ruột cả một quãng đời thơ ấu. Cả một quãng trung niên đắng đắng phải đối mặt với những định kiến hẹp hòi, những nghi suy lạc hậu của một số người. Và rồi cả những nghèo nàn, cả đố vỡ trong hạnh phúc riêng tư, để lại xiết bao

cay đắng. Những đêm sâu khó ngủ có khi anh giật mình trong nỗi cô đơn vẫy vẫy. Và chính trong tịch lặng cô đơn, trong gào réo của tâm tư, cuộn xiết của những ý nghĩ anh đã cầm bút viết. Những tứ thơ bạo liệt, mới lạ đã xuất hiện trong những giờ khắc như lên đồng đó.

Cuối thập niên chín mươi của thế kỷ trước, Nguyễn Trọng Tạo lại gặp bi kịch gia đình lần thứ hai, anh từ giả Huế và trở lại Hà Nội một lần nữa. Hà Nội là bến đỗ đầu tiên và cũng là sự lựa chọn cuối cùng để anh sống và dựng xây sự nghiệp của mình. Anh tâm sự: “Hồi ở Huế ra, anh chỉ có năm triệu thôi, chính bạn bè đã cho anh vay để mua được căn hộ làm nơi ở ổn định mà sáng tác”. Nguyễn Trọng Tạo làm thơ, làm báo, viết nhạc và vẽ... Chỉ hơn một năm sau anh đã trả được nợ và cuộc sống tạm ổn. Anh lao vào công việc chung với tất cả nhiệt huyết. Nguyễn Trọng Tạo cùng bàn bạc với các nhà văn, nhà thơ có trách nhiệm cho ra đời báo Thơ. Đích thân anh lên maket, vẽ mảng-sét, trình bày báo và làm trưởng ban biệp tập, chọn lựa bài vở cho in. Nguyễn Trọng Tạo cũng là người tích cực đóng góp cho sự ra đời của Ngày thơ Việt Nam vào rằm tháng giêng hàng năm. Anh cũng là người vẽ lá cờ thơ đã trở thành một dấu ấn đáng nhớ trong đời sống văn chương.

Ngoài mảng thơ thể sự, Nguyễn Trọng Tạo rất mạnh ở mảng thơ tình. Anh có hàng trăm bài thơ tình, mà nhiều bài trong số đó được bạn đọc thuộc lòng, ở các trường đại học sinh viên vẫn thường chép thơ anh trong sổ tay. Thơ tình của Nguyễn Trọng Tạo cũng có một hành trình biến đổi khá thú vị. Tuổi đầu đời mười chín hai mươi, thơ tình của anh trong trẻo, e ấp và càng ngày càng sung mãn, càng dữ dội. Điều lạ là khi đã qua tuổi sáu mươi anh vẫn giữ được men say và có những bài thơ tình mãnh liệt, thấm thía.

Ý thức đổi mới liên tục, không né tránh hiện thực là một phẩm chất quan trọng làm nên thành công và bản lĩnh trong sáng tạo của Nguyễn Trọng Tạo. Không chỉ đổi mới chính mình, liên tục hiện đại hóa thơ, Nguyễn Trọng Tạo cũng là một trong những người cổ vũ mạnh mẽ cho xu hướng cách tân thơ của các cây bút trẻ. Phần lớn các cây bút trẻ được dư luận chú ý trong vài chục năm nay đều coi Nguyễn Trọng Tạo như một người anh đáng quý bởi sự phát hiện, nâng đỡ tài năng của họ trong buổi chập chững đầu tiên. Tuy nhiên, Nguyễn Trọng Tạo cũng là người thấy rõ sự quá đà, rồi rầm khi một số cây bút đã đi quá những giới hạn cần thiết, biến thơ thành một cái gì xa lạ và trái với truyền thống dân tộc. Đổi mới thơ là để làm cho thơ hay hơn, phù hợp với thời đại chứ không phải làm cho thơ thành một thứ dị biệt bé tấc.

Nguyễn Trọng Tạo cũng được đánh giá là một nhạc sĩ có nhiều thành công ở các ca khúc trữ tình, được màu sắc dân ca. Đáng nói nhất là hai tác phẩm: “*Làng quan họ quê tôi*” và “*Khúc hát sông quê*”. Những giai điệu ấy hồn hậu, da diết và lắng sâu biết mấy. Anh kể với tôi anh học nhạc qua vài lớp ngắn hạn trong quân đội và chủ yếu là học truyền nghề qua một người anh, người thầy là nhạc sĩ Ngô Trí Thâm. Vậy mà rồi anh đã tự trau dồi, trở thành một nhạc sĩ có danh tiếng, những bài hát của anh vẫn liên tục được hàng triệu người nghe khắp mọi miền đất nước.

Càng có tuổi Nguyễn Trọng Tạo càng hay trở về quê. Anh bảo tình yêu quê hương càng ngày càng thấm sâu hơn. Những lúc cô đơn anh thường trở về căn nhà nhỏ ở làng Trảng Khê, nơi anh đã sinh ra. Ở đó anh như được đối thoại với tuổi thơ xa thẳm, với linh hồn của làng quê đẹp và buồn, và anh như được gặp lại những triu mến thân thương của những tình thân yêu máu mủ bao nhiêu đời dồn tụ lại. Anh thấy mình được an ủi, chỗ che, thấy lòng mình ấm áp. Nguyễn Trọng Tạo yêu quê và cũng được người quê yêu anh hết lòng. Ở Nghệ An, nhất là Diễn Châu, hầu như ai cũng biết đến Nguyễn Trọng Tạo. Ai cũng hát những bài hát của anh. Ai cũng tự hào quê hương mình có một con người tài hoa và nhân hậu đến thế. ■

CÁCH đây không lâu tôi còn đứng nói chuyện với chị ở sân nhà 51 đường Trần Hưng Đạo, sắp lên xe thì chị thoáng thấy tôi đang từ cổng bước vào. Một ngày đầu hạ mấy cây đã hương đưa nhau thả lá vàng, loài cây thay lá trái mùa.

Làm sao mặt thì sáng, miệng thì tươi mà đôi mắt lại lừ lừ thế kia nhỉ, đôi mắt của người giàu nội lực nhưng sâu thẳm là buồn.

Trong phần đầu tập tranh chị tặng tôi thấy có in mấy dòng tiểu sử: Họa sĩ Vũ Giáng Hương sinh năm 1930 tại Hà Nội. Quê gốc Đông Cảo, Gia Lương, Bắc Ninh. Cha là nhà văn Vũ Ngọc Phan. Mẹ là nhà thơ Hằng Phương. Chồng là giáo sư bác sĩ Lê Cao Đài.

Ghi thì cứ ghi chứ đời con người ta khó gói nổi vào mấy dòng đơn giản vậy. Đời người đâu chỉ là hữu hạn, và càng muốn giản hóa nó thì lại càng xa nó. Hình như nó phải là tiếng vang của hồn

ngào, việc của anh Đài xong rồi chú ạ, các anh bên Bộ Quốc phòng vừa cho biết sắp truy tặng anh ấy danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang.

Tôi gật đầu, em mừng cho anh chị, sau tất cả mọi việc đều trọn vẹn, chị đã có thể nghỉ ngơi thanh thản.

Chị lại hỏi, liệu có tâm linh thật không chú? Tôi đáp liêu, làm người là phải có tâm linh, nếu không thì ra cái giống gì chứ đâu phải người. Trần gian chị nghĩ gì, dưới kia anh ấy đều biết, mà dưới kia anh ấy nghĩ gì sao chị lại không biết. Thật ra sống hay chết vẫn chỉ là cái một lúc, cái vững bền bất biến lại là tâm linh. Người khác vật là ở chỗ ấy.

Chị lấy khăn lau vội hai giọt nước mắt. Rồi ngẩng lên chị nhìn tôi, đôi con mắt lừ lừ, nom vừa hiền vừa dữ.

Nhìn theo chiếc xe tôi đưa tay vẫy, những tưởng sẽ còn nhiều dịp gặp nhau.

Khi nhận tin chị Giáng Hương mất, tôi

kia. Cô ấy đã nhớ ra, gạt đầu đi vào bếp.

Chị Giáng Hương có nhiều bạn bè ở khu tập thể chúng tôi, trong số đó có anh hùng Kim Ngọc Quảng. Thời chiến tranh chị có nhiều chuyến đi vẽ, mùa hạ 1971 tôi đã được gặp chị dẫn một đoàn họa sĩ trẻ vào sống ở binh trạm 14, đường 20 tuyến lửa, lúc đó Quảng là một chiến sĩ xuất sắc của một tiểu đoàn vận tải bộ đội Trường Sơn. Trong chuyến đi ấy chị đã vẽ chân dung Quảng bằng màu nước.

Giờ tôi sống trên tầng tư, Quảng ở tầng một. Chị Hương xuống chơi lần này là để mời anh em chúng tôi tới dự buổi khai mạc phòng tranh "Ký ức chiến tranh" của chị sắp bày tại trụ sở Hội Mỹ thuật mà chị đang làm Tổng thư ký. Những ngày đầu về đây thấy có sự lạ, thỉnh thoảng bên dưới lại có tiếng quát tháo ầm ĩ tưởng sắp đổ nhà đổ cửa, ngó đầu ra cửa sổ thấy vắng tanh. Đại tá Đào Trọng Uy sống ở hộ bên cạnh thấy tôi bồn chồn thì tặc lưỡi trấn an, thầy kệ nó,

đấy nghị lực của họa sĩ đã hòa làm một với tâm hồn cả dân tộc trong những năm tháng ấy."

Còn nhà phê bình và lịch sử Mỹ thuật Phan Cẩm Thượng, anh đã được chị mời viết một bài tổng luận để in vào phần mở đầu cuốn sách: *Vũ Giáng Hương tuyển tập tranh* Hà Nội 7/2006. Bằng tấm lòng kính yêu cô giáo thời sinh viên của mình, một cách đầy tự tin, Phan Cẩm Thượng đã cầm bút viết những trang nghiên cứu có sức thuyết phục, kỹ lưỡng và chân thật.

"Có lẽ sở trường và sự thành công nhất trong sáng tác của Vũ Giáng Hương là tranh lụa, một chất liệu gắn bó với tác giả suốt năm mươi năm. Qua những bức họa ấy bà như tìm lại một câu chuyện của chính mình, một nữ họa sĩ trưởng thành từ chiến tranh nhiều may mắn ai cũng biết và nhiều đau khổ không ai biết. Ở tuổi 75 bà vẫn đảm nhận trọng trách trong Liên hiệp các hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam. Và hạnh phúc là họa sĩ luôn ưu ái cuộc sống."

Chị Giáng Hương quả là người được các văn nghệ sĩ lớp trước quý mến, bạn bè tin yêu và những thế hệ đến sau trân trọng. Để trả lại, chị cũng là người biết quý mến, tin yêu và trân trọng với tất cả.

Vào dịp họa sĩ lão thành Lương Xuân Nhị bày tranh lần cuối, chị đã nhắn tôi đến dự. Hôm ấy chị ăn mặc theo lối truyền thống Hà thành, áo dài lụa Hà Đông hoa cúc chim nâu nhạt, áo bông khoác ngoài màu sẫm trầm thướt. Lúc chị đứng ra đọc lời khai mạc thì bên trái là ông Thi, bên phải là cụ Nhị. Ông Thi cầm mũ len đầu cúi lễ độ và lịch lãm. Cụ Nhị chống gậy hèo mặc complet màu ghi sáng cổ có mang cà vạt. Khách đến chật mấy căn phòng thấp, nhiều khách nước ngoài yêu nghệ thuật cũng tìm đến.

Đợt lúc khách đã về, vợ tôi tới bên cụ Nhị, có cả chị Hương. Ông cụ chỉ vào những bức tranh của mình nói rất bằng quơ, tranh chúng tôi vẽ phần nhiều nhỏ, giờ các anh các chị ấy thích vẽ to, thời thì mỗi thời mỗi khác. Rồi cụ nhìn hai chị em, nghiêng đầu cười nhẹ.

Chị Hương cũng chưa bao giờ quên ngày họa sĩ trưởng lão Nguyễn Văn Tý sắp qua đời, đang lúc mơ lúc tỉnh trong bệnh viện, chị đã kéo mấy ủy viên thường trực đến thăm. Lúc chia tay ông cụ nhóm cao đầu chỉ tay ra khung cửa sổ nói gọn ghẽ như sẽ chẳng bao giờ chết, nắng đẹp quá, về đi nhé!

Họ đều là những người thấy khả kính của nhiều thế hệ họa sĩ trong đó có chị và họ cũng là những chiến sĩ đi tiên phong trong sự nghiệp chung xây đắp một nền mỹ thuật nước nhà.

Mùa thu 1997 tôi mới có dịp gặp anh Lê Cao Đài ở thành phố Philadelphia thuộc tiểu bang Pennsylvania. Cuộc gặp mặt do những người bạn Mỹ đứng ra tổ chức, về phía ta thấy có cả pianist lừng danh Đặng Thái Sơn từ Canada bay sang, có anh Ngô Quang Xuân đại sứ tại Liên hợp quốc đến từ New York, có anh Lê Văn Bằng đại sứ đặc mệnh toàn quyền đến từ Washington DC. Anh Đài, trong tư cách nhà khoa học, đã có một bài thuyết trình khá vững vàng về hậu quả chất độc màu da cam mà Mỹ đã ném xuống Việt Nam trong cuộc chiến

SEN HỒNG MỘT ĐÓA

ĐỖ CHU

cuối lần lạnh lạnh trong đây thời gian. Muốn vật ở đời đâu có giữ trong nó một mặt mà ta gọi là lịch sử. Mỗi con người cũng thế, có mang mặt mà lịch sử của mình. Tôi có một anh bạn là chuyên viên cao cấp ngành tổ chức, một hôm đang ngồi với nhau, không ai hỏi tự dưng kêu thất thanh, các ông không hiểu đầu, đời tôi tưởng thế chứ cực lắm, ngồi vào bàn là trông thấy những đồng lý lịch. Tôi cũng kêu lên, sao chúng tôi lại không hiểu, đời anh nhân thế nào được, nhưng nếu anh không ngồi đấy thì lại phải có người khác, nó là một công việc thời nào cũng phải có. Tuy nhiên cũng xin nói, để hiểu đầy đủ một con người thì chỉ nhìn vào những cuốn lý lịch, những đồng hồ sơ lưu trữ là chưa đủ, để tránh buồn tẻ có lẽ còn phải nhìn nhau trong mưa nắng gió bụi, trong vui buồn thành bại, trong may rủi chênh vênh, khi sống lúc chết.

Một đêm nọ ông Chế Lan Viên đã đặt bút viết vào cuốn di cảo: "Anh có cho tôi làm sen không thì bảo, tôi trong lý lịch có bùn, thuở người mẹ ai chả bùn đen, muốn giết một mùi hương ư, dễ thôi, chỉ việc khuấy bùn lên là đủ, đập lên bùn sen vẫn ngát hương sen".

Là một câu mà cũng là một bài, là thơ mà cũng là tâm sự, là lời nhắn nhủ. Vấn đề là ở chỗ anh có phải là sen không cái đã, lắm than là nó mà kiêu hãnh sang trọng cũng là nó.

Sớm ấy trong sân nhà 51 chị Giáng Hương thì thắm trong một chút ghen



Họa sĩ Vũ Giáng Hương

gắt vào trong máy, mắt là mắt thế nào! Đầu bên kia trả lời, ngã trong nhà tắm, cấp cứu không kịp. Tôi đập mấy ngời yên lặng. Được bà vợ đạo này đâm nghe ngãng, động thấy chồng cảm điện thoại là sản vào ngó nghiêng nghe hóng. Chị Giáng Hương họa sĩ vừa qua đời, tôi nói, nhà chị đã đến mình hỏi ta còn đang ở bên Nam Đồng ấy. Mấy cây bút lông chị ấy cho vẫn đang cất trong tủ sách kia

om sòm một lát là yên, tại mấy hôm nay nóng quá đấy mà đầu nó vẫn đang còn mấy viên bi. Ngày đức than tổ ong đêm ngồi vẽ địa đồ xây dựng sân bay vũ trụ chuẩn bị đón người ngoài hành tinh sắp xuống. Tôi nghe hay quá mới hỏi anh Uy, vậy nó đã tìm được đất chưa, anh Uy cười, gửi thư cấp báo cho Trung ương biết rồi, cánh mình nó bàn thêm vào. Con tuần mã Trường Sơn một ngàn đêm không ngủ chính là thằng này chứ còn ai.

Ngày phòng tranh khai mạc, tôi và Quảng rủ nhau cùng đến. Vừa đặt chân vào cửa chợt thấy mình đội mũ sắt hiện ngang ngồi trong tranh, Quảng há hốc miệng òa lên một tiếng rõ to làm mọi người đều giật mình. Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng phu nhân đang chăm chú xem tranh ngoảnh lại ngay, nhìn thấy Quảng thì cười xòa rồi chỉ tay vào bức chân dung treo ở góc tường. Ông cụ nói, giống lắm. Trước khi ra về Đại tướng đã viết vào trang đầu sổ cảm tưởng: "Cuộc triển lãm nội dung phong phú và đẹp quá!". Chị Hương mau mắn tiễn chân khách quý, ai cũng hiểu đấy là một ngày hạnh phúc của chị.

Nhà văn Nguyễn Đình Thi thì viết thế này: "Về triển lãm ký ức chiến tranh. Cảm ơn chị Vũ Giáng Hương, cuộc triển lãm này đã cho chúng tôi được thấy lại những cảnh những nét mặt người của một thời sắt lửa chỉ có một lần trong lịch sử, nay nhìn lại và nghĩ lại thấy xiết bao lớn lao và quý báu. Tâm hồn dịu dàng và

Văn nhân văn hóa văn chương trọng văn cần trọng lễ

Lễ giáo lễ tân lễ nghĩa tôn lễ phải tôn văn

HOÀNG XUÂN KHUYẾN

vừa qua, gây được tiếng vang trong lòng bạn bè.

Chúng tôi lưu lại Philadenphia ít ngày, đi thăm thú chỗ này chỗ nọ, đêm quay về nghỉ ngơi trong ký túc xá một trường đại học. Cỗ rất mượt mà và chim bay rất cao. Chỉ tháng sau là động về, nơi này tuyết nhiều. Hai anh em đi bách bộ trong sân trường, chuyện trò mãi tới khuya, nói đúng ra thì đây là một đêm chúng tôi đã thức để nhớ về cái bếp lửa của mùa đông quê nhà và để nhớ chị Giáng Hương.

Anh Đài hơn chị hai tuổi, hai gia đình là chỗ thân tình từ xưa xưa. Họ gặp lại nhau tại chiến khu Việt Bắc là lúc chị Hương đã rời xa thấy mẹ và bảy đứa em đang tản cư ở Thanh Hóa, để lên nhập vào đội quân văn nghệ kháng chiến. Năm ấy chị hai mươi một tuổi, bắt đầu là vào một lớp bồi dưỡng cấp tốc của trường Mỹ thuật kháng chiến do ông Tô Ngọc Vân làm hiệu trưởng. Sau đó tảo đi phục vụ các chiến trường, hẹn sẽ được gọi về khi nào có điều kiện mở lớp chính thức. Còn anh Đài lúc đó đang phụ trách ban quân y trung đoàn 88, thuộc sư đoàn 308 nổi tiếng. Lâu lâu họ vẫn có dịp gặp nhau, hẹn đến một ngày sẽ làm lễ cưới theo lối đời sống mới. Cái đau nhất đời chị là gặp phải căn bệnh u nang buồng trứng, vào bệnh viện đã chiến chị được làm phẫu thuật, cắt xong u nang bác sĩ gọi lên bảo, trường hợp này không đơn giản, chị sẽ không bao giờ có khả năng sinh nở nữa.

Từ Điện Biên trở về, chị ôm mặt khóc kể rõ sự tình, anh Đài ngồi chết lặng. Rồi anh kêu lên, cũng chưa làm sao cả, chúng ta vẫn lấy nhau và thương nhau suốt đời. Không để con thì nuôi nấng các cháu làm con. Và họ đã nên vợ nên chồng. Sống với nhau được mười năm thì anh Đài nhận lệnh vào Tây Nguyên bám trụ lâu dài, với mối quan tâm chủ yếu là vấn đề tội ác chất độc màu da cam của Mỹ. Chị Giáng Hương ở lại hậu phương vừa dạy học vừa vẽ tranh. Chị vẽ một bức khổ rộng có anh và chị đứng trước một vùng biển đêm mịt mù. Rồi chị vẽ nhiều, rất nhiều trẻ con, đứa đứng đứa ngồi, đứa trên bàn đứa dưới làng, đứa trong thành phố.

Hà Nội bước vào chiến tranh phá hoại, chị theo nhà trường sơ tán lên trung du. Đêm đêm khêu đèn đọc thư của chồng gửi về theo đường quân bưu. Từ mặt trận xa anh viết những dòng thăm thiết nhất, "anh mong em sẽ có nhiều nghị lực để vượt qua mọi khó khăn thương và đem hết sức ra công tác. Trong công tác của em anh nghĩ có hai loại việc, một là dạy học, làm công đoàn, hai là sáng tác. Cả hai đều cần nhưng quan trọng nhất đối với em là sáng tác, hãy dành nhiều thời gian tâm sức cho sáng tác... Em hãy cố gắng để có thể cống hiến thật nhiều, có những tác phẩm xứng đáng với thời đại của chúng ta".

Anh Đài viết hàng trăm lá thư gửi về cho chị, trong anh luôn luôn có hai tình cảm, chị không chỉ là vợ yêu mà còn là một cô em gái anh có bốn phen che chở nâng đỡ suốt đời. Chao ôi là nhớ.

Sau cuộc chiến anh trở về Hà Nội, tiếp tục gắn chặt vào vấn đề chất độc màu da cam như một định mệnh đời mình.

Họ lại sống bên nhau, nồng ấm như ngọn lửa đun và như để bù đắp cho những năm xa cách vừa qua. Được mười năm thì anh ngã bệnh máu, ruột gan đau đớn nổi hòn nổi cục. Sinh ư nghệ tử ư nghệ, anh là một cán bộ khoa học có đầy đủ phẩm chất. Một tấm nhìn xa, ý chí và



Phố cũ Hà Nội của cố họa sĩ Vũ Giáng Hương

niềm tin vững vàng, dám hy sinh cho sự nghiệp chung. Trong đời sống của chúng ta không ít những người trí thức đã sống cao cả như anh. Rất nhiều người trong số họ không có cái may mắn được xuất thân từ các gia đình gọi là thuộc thành phần cơ bản. Thiếu cơ bản thì mang lòng yêu Tổ quốc, thương đồng bào của bản thân mình, cha ông mình trong quá khứ ra mà làm cơ bản, liệu như thế vẫn chưa đủ kiêu hãnh hay sao. Chỉ khi nào lòng dạ thành thực, trong sạch, thẳng thắn, người trí thức mới có thể có bản lĩnh sáng tạo. Trí thức mà thiếu dũng khí thì thâm hại vô cùng. Và như thế ta có thể ung dung thăm hỏi, anh có cho tôi làm sen không thì bảo?

Vào cái đêm tôi thức với anh Đài ở thành phố Philadenphia xa xôi, nghe anh kể một chút tiểu sử và quá trình công tác, bỗng muốn ứa nước mắt. Càng sống càng đi càng ngẫm, càng thấy rõ một sự thật, hóa ra cách mạng cũng chưa hề bao giờ muốn quay lưng lạnh nhạt với sen.

Cha anh là thầy giáo, có đạo cùng dạy một trường với ông Vũ Ngọc Phan. Hai người đều từ Cao đẳng Sư phạm Đông Dương bước ra. Không thể tìm nổi một ai ba đời nghèo khổ đặt chân vào chỗ ấy, nhưng cũng không thể bảo những người từ đấy bước ra đều thiếu lòng yêu Tổ quốc. Cái đám bán nước nó có thể là ba đời giàu sang mà cũng có thể là ba đời nghèo khổ.

Ông Phan sinh ở Đông Cảo, Gia Lương, Bắc Ninh nhưng lớn lên ở kinh kỳ, đi học trường Tây từ nhỏ, cụ thân sinh ra ông làm đốc học Bắc Ninh nhiều năm. Bà Hằng Phương có mẹ là con gái tổng đốc Hoàng Diệu. Hà thành thất thủ lần đầu, cụ Nguyễn Tri Phương hy sinh, vua Tự Đức nghĩ phải lấy ngay cụ Hoàng Diệu về. Trước đó cụ Hoàng Diệu đang làm tuần phủ Bắc Giang. Hà thành thất thủ lần thứ hai, cụ Hoàng Diệu thất cố tự vẫn, để lại lá thư trấn tĩnh gửi về triều, nhà vua vừa đọc vừa gạt nước mắt. Gặp vận nước long đong, tướng cầm binh xộp, thần xuất thân quan văn, không hiểu binh pháp nên để mất thành, xin lấy cái chết nhận tội với vua với nước. Ông cụ đã viết như vậy. Lúc bấy giờ hai gia đình ông Phan và bà Hằng Phương vẫn đều đang ở phố Hàng Đào. Nhà ông Phan đã có thể tạm

gọi là sang trọng chứ nhà bà Hằng Phương thì mới đúng là vương giả. Sau khi ông bà cưới nhau mới tìm xuống Thái Hà ấp tậu đất xây villa ở riêng.

Bà Hằng Phương còn có một cô em gái cũng xinh đẹp lắm, đó là bà Hằng Huân, vài năm sau tản cư vào Thanh Hóa thành vợ tướng Nguyễn Sơn. Rất tình cờ ông Sơn cũng họ Vũ, và cũng là người Kinh Bắc, tên cúng cơm là Vũ Uyên Bác. Trước lúc nghỉ hưu bà Huân làm cán bộ nhà xuất bản Phụ nữ.

Lại nói về cụ Hoàng Diệu, một lần bà Hằng Phương kể chị em bà đều là cháu ngoại của cụ, nhưng là cháu ngoại thuộc dòng bà thứ, bà cả sống trong quê Điện Bàn, Quảng Nam. Và tôi cũng không kịp hỏi xem chị em bà kêu cụ Hoàng là cụ ngoại hay ông ngoại. Nếu là ông thì năm cụ Hoàng mất thân mẫu hai bà phải còn nhỏ lắm, để lúc sinh con chắc đã ngoài ba chục tuổi rồi. Mới đấy mà đã mấy kiếp người. Có lần vào thành tôi đã thấy Võ miếu nằm dưới gốc đa lớn, mái ngói rêu phong rậm rạp một bộ đội vẫn thường xuyên hương khói. Đó là nơi cụ Hoàng yên sinh bằng một vuông lụa trắng trong một chiếc quạnh hiu quân lính thảo chạy tán loạn, chỉ còn mình cụ ở lại cùng người cần vụ đồng hương. Năm ấy cụ Hoàng ở vào tuổi năm bảy.

Vua Tự Đức lệnh cho quân sĩ phải mang linh cữu tổng đốc Hà thành về an táng nơi quê nhà. Đoàn đi gần một tháng mới đến làng. Lúc đó bà cả vẫn đang nhỏ cổ lùa ngoài đồng, có người chạy ra gọi mới biết. Bà cả ôm lấy bà hai mà khóc, cả hai bà đều vận áo xô chít khăn xô quý lạy xi xụp trước cỗ quan tài gỗ Hoàng đàn.

Một lần vào xứ Quảng tôi được anh em đưa lên thăm mộ cụ tổng đốc, được đọc tờ khai cụ gửi về triều may bảo tàng trong đó còn giữ. Đứng trên cánh đồng mênh mông, có những bãi lầy xanh rờn lá pháp phối trong gió, xa xa là con tàu đang chạy ra Bắc, nó sắp đi vào một chiếc cầu sắt bắc qua một con ngòi nhỏ. Mộ cụ đặt trên một vuông đất rộng rãi có thể nở đẹp. Tôi đoán rồi ra nơi này sẽ thành một địa chỉ yêu dấu cho các lớp con cháu cả nước tìm về thắp hương tưởng niệm người anh hùng dân tộc.

Trông vào bức chân dung cụ Hoàng Diệu người xưa vẽ chột giắt mình nghĩ tới

khôn mặt bà Hằng Phương, đầy đặn phúc hậu, trán cao mắt sáng, có những nét hao hao bên ngoài. Rồi đến chị Giáng Hương lại có mang những nét hao hao mẹ mình và đáng nói hơn hết thấy là ở chị có hội tụ cung cách sống, phong độ sống của cả hai dòng tộc, giản dị như không mà sang trọng cũng như không. Đây mới là một thứ lý lịch đầy sinh động, lý thú và linh nghiệm. Phải chăng chính nó là một lát cắt rất khiêm tốn và tự nhiên của dòng chảy lịch sử dân tộc trải dài ngút ngát vô thủy vô chung.

Với chuyện chị qua đời sao tôi không thấy buồn mà chỉ thấy băng khuâng. Hôm viếng chị tôi đã ghi vào sổ tang rằng việc ra đi này chỉ làm đầy thêm tình nghĩa trong lòng tôi mà thôi.

Đúng ra nó phải được xem là sự trở về, sự trở về của một người chị bao năm đường xa gánh nặng.

Vũ gia trang đầu phải tên người, nó chỉ có nghĩa là trang ấp nhà họ Vũ. Đó là ngôi nhà tây nhưng vườn quanh nhà lại là vườn quê Kinh Bắc, hai đầu hồi có mấy cây ngọc lan, sỏi mọc lấp ló ngoài cửa sổ, khoảnh đất sau nhà nuôi một người chuyên lo trồng rau, đủ các loại rau, mặt trước là một cái ao thả sen, quanh ao là rừng ổi đào, mùa sen cũng là mùa ổi hương thơm len lỏi trong nhà ngoài sân chim chóc ríu rần gọi nhau về ăn trái chín.

Cha dành thời gian dạy con gái học chữ đọc sách Hổng, mẹ bảo cách tập nhấm thơ bằng miệng. Lớn lên theo nghề hội họa nhưng vẫn không để mất tình yêu văn học và vẫn lên làm thơ, được bài nào là lẹm giấu vào một chỗ đến chồng cũng chịu. Ngày anh chuẩn bị vào mặt trận xin chị một vài bài mang theo, bấy giờ mới biết thơ mình có người đọc trộm. Chị đã ngồi chép cho anh một bài thơ không vần dài như lối ngũ ngôn tứ thơ: "Xa lắm vườn xưa lướt thướt đàn chim không tổ, lấm chằm thu ổi vàng dự hương, sen hồng những đoá lưu luyến rủ ta về những tháng năm cỏ ăm sớm mai sương"...

Hỏi chị lên sáu lên bảy, một hôm có bác Phúc xuống chơi nhà, bác Phúc bốc thuốc bắc trên phố Phúc Kiến, bạn của cha từ nhỏ. Thấy chị quanh quẩn trong phòng khách, bác liền kéo vào lòng búi tóc xem tay một lúc rồi khế đẩy ra bảo đi chơi. Nhưng chị lại nấp sau cửa nghe lỏm chuyện hai người. Cha mang một bức tranh tàu ra, trong đó có bài thơ Đường viết thảo không đọc nổi phải nhờ bác giảng cho. Xong rồi uống trà. Sắp đứng dậy bác Phúc hỏi cha, anh có để ý đến đôi mắt con bé nhà mình không. Thì để ra nó đã lừ lừ nhìn mình rồi; trong nhà gọi nó là con lừ. Ấy đấy, mề mại là nó mà cứng cỏi cũng là nó. Mắt nó gọi là mắt phượng nhỡn, phượng nhỡn đứng ra phải là mắt con đực, đằng này nó lại là gái, thế mới thành kỳ cách. Phượng là con đực, hoàng là con cái, phải nói đôi phượng hoàng chứ không thể nói con phượng hoàng. Rồi ra nó sẽ có thiên chức của nó, đức cao vọng trọng nhưng cô quả, thân nhàn tâm bất nhàn. Cha lắc đầu, tôi thương cháu, chả sung sướng gì, sao không có anh đàn ông nào ra dáng ghé vai gánh thay con bé công việc xã hội để nó yên thân. Bác Phúc nghe thế thì cười rồi nói lửng lơ cũng có thể, nhưng những như tôi thì tôi lùi lại, chả dám.

Chị lẻo đẻo theo cha tiễn chân bác Phúc. Cổng sâu ngõ vắng, dây tầm xuân tràn lan rồi bởi hai bên lối đi.

Một trưa nhớ chị tôi dặn nhà tôi có ra chợ thì đừng mua các loại hoa khác, mua lấy một bó sen hồng mang về để vào lọ.■

Hà Nội thu 2011

BÙI NGỌC TRÌNH

Thêm xuân dạo gót

Tà tà gót dạo thêm xuân
Bước cao bước thấp bước dần mà say
Trời trôi rớt gió heo may
Thì ta rớt chén xuân này vào đêm
Hàng Bài, Bà Triệu đi lên
Hố Gươm đây! Lại gặp miến mọng mơ
Một đến, một đi, một chờ
Một chia tay, một đầu ngõ tháng năm
Người thành người cũ xa xăm
Ta thành lãnh tử thời thâm lâu Người

Vòng về Quán Sứ mưa rơi
Ai gieo nửa khúc tình di nguyệt cầm
Có gì trong mưa lâm thâm
Chữ Duyên của Phật, chữ Tâm của đời
Bỗng dưng nhớ buổi thiếu thời
Nhớ cha nhớ mẹ nhớ nơi vịn cánh
Sân chùa nhớ quả muỗm xanh
Trèo lên hải trộm để thành ... Ngày Xưa!



NGUYỄN HOA

Đến bạn

Đến bạn tìm nhà khó
Phố Hàng Nâu, Hàng Song
Ngõ Văn Nhân(*) một thuở
Bối hối dáng đầy lòng

Lắm nhảm câu thơ cũ
Ông Tú - Ông Tú Xương
Thơ hay đâu kim cổ?
Cổ non non dọc đường.

Thành Nam - Thành Nam phố
Thời mở cửa đang giầu
Thôi cười như ông Tú
Vận may thường đến sau

Chỉ chút mom sông ấy
Nuôi năm con một chống(**)
Giờ nhà mới, ngôi mới
Chen nhau chật chợ Rống

Đến bạn ngỡ như không
Ngẩng nhìn mây rợp phố
Cây mừng nước mong
Rối mưa xuân - sấm nổ!

(*) Phố ngõ của thành phố Nam Định

(**) Thơ Tú Xương

ĐOÀN XUÂN HÒA

Viết ở suối cá Thần

Gác lại bon chen ồn ã phố
Nẻo về Cẩm Thủy ngút ngàn sương
Lếu ai bắp nường thơm lừng gió
Gọi cả chiều lên thăm thăm hương.

Tay người vượt nước soi vào cá
Cá thần ngàn tuổi rười rong chơi
Thương anh tóc trắng như lên đá
Em nhất chi mai ngã xuống đời.

Ở đây phàm tục bay đi hết
Ta hòa hồn nhiên như cá bơi
Mỏi hay thần cá hay thần núi
Gột sáng lòng nhân giữa đất trời.

TÔ NHUẬN

Biển xuân

Xa biển mấy chục năm trở lại
Bến xuân xưa dưới cát thăm thì
Sóng vỗ vào hồn tôi thơ bé
Nhờ cánh bướm lộng gió chở tôi đi

Con dâ tràng tặng cát những viên bi
Hoa muống biển giấu tím chiều bên sông
Gió biển thổi tạo vân trên cát trắng
Để thời gian đổi diện với mệnh mông

Ta trở về nao nức với mùa xuân
Tóc màu sóng trước biển quê vẫn trẻ
Gió xuân đưa mưa bụi biển mờ
Cánh bướm hiện ngoài xa khơi lạng lẽ...

NGUYỄN ĐỨC MẬU

Khúc thu

Mùa thu có một ít đồ trang sức
Những câu thơ trái chín đỏ đèn
Con đường mùa thu bắt đầu từ đâu nhỉ
Từ xác con ve cuối hè từ cạn kiệt đám sen?

Có một chút mùa thu mất thăm
Pha vào men rượu uống chơi với
Có mây trắng làm trang giấy mỏng
Nhờ về em thư gửi rợp khung trời

Kìa cảnh sầu, quả sầu còn sót lại
Một nửa mùa hè, một nửa mùa thu
Mùa hè vị chua, mùa thu vị ngọt
Còn mùa đông lãnh đẵng phía sương mù

Mượn chút nắng dệt vàng áo mỏng
Gửi cho em nắng mới với tơ tằm
Em thay áo con đường thu chợt sáng
Bước em qua hoa cúc nở trắng rằm...



LÊ QUANG SINH

Chiều cuối năm

Gửi Lợi, Trang

Thêm một tết nóng nản bên xứ Bắc
gió bắc đưa những hoa cải, hoa cà!
Chiều tựa cửa một mình nhớ bạn
nước Tây Hồ từng làn sóng lan xa.

Chiều bên ấy, sấm sanh nhiều chưa bạn?
Sắc mai đà dằm nắng để sang xuân!
Muốn gửi rét về Nam cho đỡ nhớ
mà mong manh thương bạn đến vô ngần.

HẢI ĐƯỜNG

Hai bờ thời gian

Trên tay tờ lịch cuối cùng
gói lại buồn vui quá khứ
trên tay tờ lịch đầu tiên
bến trần gian thêm một tuổi

Đếm từng đêm tờ lịch cuối
bạn tôi sương khói về trời
hừng đông một ngày năm cũ
lòng thuyền tan nát biển khơi

Năm cũ ta người đến sau
năm mới ta người đến sớm
giữa ta điệp trùng sông biển
giữa ta khoảng lặng trong hồn

Lòng ta sao cứ phân vân
lá vàng mùa xưa tê buốt
lá xanh mùa xa rạo rực
chấp chới hai bờ thời gian

MAI VĂN PHẤN

Mùa hoa mạn

Rừng nụ chờ em bước đến mới nở, điệp trùng hoa trắng
lan nhanh.
Anh là cây mạn trắng trong mưa xuân se lạnh, càng
quay quắt nhớ hoa càng trắng muốt. Mắt nhìn, hơi thở
rung rinh. Vắng hoa đang rụng bớt những cánh mỏng.

Mùa hoa lộng lẫy đến ghen thờ. Em đi đứng e ngại làm
đau mặt đất, dù những cánh hoa mong manh sẽ rụng.

Đôi núi úp lên nhau cho hoa nở. Hơi lạnh và gió nhẹ phủ
đều. Anh hình dung một con ngựa bạch đến bên em
hiển từ cúi xuống.

Cứ mùa này đường đất mùa xuân, ta còn yêu nhau hoa
còn nở.

LÊ HUY QUANG

Địa cầu...

Quanh què cung trời mên mưa buông em
bầy sắc cầu vồng đơn ca le lắt
nhìn nhau ta như ghim trái tim.

Mỗi bước đi quay tìm dấu chân.
vút lên không trung hình thái mới.

Địa cầu rộng thêm hơn chờ đón mùa xuân.

CHIẾU chiếu

*Chiếu chiếu chim vịt kêu chiếu**Bằng khuôn nhớ mẹ chín chiu ruột đau**Chiếu chiếu ra đứng ngó sau**Trông về quê mẹ ruột đau chín chiu**Chiếu chiếu nhớ lại. Chiếu chiếu lại nhớ. Lại nhớ chiếu chiếu. . .*

Chiếu chiếu, hồi ký văn học viết xong 1997, xuất bản 1999, sau khoảng 170 đầu sách, gồm có truyện ngắn, truyện dài, truyện cho thiếu nhi, truyện phim, và khoảng mười tự truyện kể từ *Cổ đại*, 1944, đến *Tự truyện*, 1978, *Cát bụi chân ai*, 1992, *Sổ tay viết văn*, 1977, *Những gương mặt*, 1988, *Ba người khác*, 2006. Những dư địa kỳ về Hà Nội và nhiều kỷ sự, du ký ..

Tô Hoài viết cái gì thì cũng ra... tự truyện. Anh nhả nhả kể hết chuyện này sang chuyện khác nhưng mỗi tác phẩm đều mang đến cho người đọc nhiều kiến thức mới lạ và lý thú. Thậm chí giọng kể mỗi lần mỗi khác. Ví dụ *Cát bụi chân ai* đã đem lại nhiều hiểu biết về Nguyễn Tuân, Nguyễn Hồng, Xuân Diệu và một thời đại văn học. Tưởng đến đó là hết chuyện, nhưng *Chiếu chiếu* lại mang lại nhiều ánh sáng mới, rọi chiếu vào một giai đoạn dài và nhiều truân chuyên trong xã hội và văn học từ 1955 đến nay. Ngày nay không thể viết phê bình hay lịch sử văn học mà không đọc đi đọc lại Tô Hoài.

Tô Hoài luôn luôn gửi gắm từng mảng đời thật của mình vào chữ nghĩa, kể cả trong truyện ngắn, truyện dài, và có thể do đó anh không ưa dùng hai chữ "tiểu thuyết".

Mỗi kỷ sự của Tô Hoài đều có sắc thái riêng. Ví dụ mảng hồi ký về thủ đô Hà Nội, từ *Chuyện cũ Hà Nội* (1986) đến *Hà Nội và Hà Nội* (1996) đã đem lại những chứng từ sống động về địa dư, lịch sử, phong tục, tiếng nói của thủ đô, và nhà văn Nga Ni-cu-lin đã tình tứ phát hiện ở nhà văn Tô Hoài một nhà dân tộc học. Viết bao nhiêu về thủ đô Hà Nội mà Tô Hoài vẫn còn "tình thương chưa đã, nhớ chưa bưa" nên thừa mọi cơ hội để tự tình với Hà Nội, từ tiểu thuyết lịch sử *Quê nhà* (1970) đến *Chiếu chiếu*.

Tô Hoài đã viết hàng chục tập du ký. *Chú Đế Mèn* đã mở những trang phiêu lưu kỳ đến khắp các miền đất nước, sang láng giềng Lào, Campuchia, sang các nước Âu Mỹ, Á Phi, mà đỉnh cao là núi Kilimangierô, nơi Đế Mèn đã phiêu lưu đến năm 1989 (*Chiếu chiếu* tr. 501). Du ký của Tô Hoài âm ập tình người và lúc nào cũng đầm ấm lòng quê.

Tiếp theo là hồi ký văn học, đặc biệt là *Những Gương Mặt* (1988) ghi lại chân dung đậm nét về các tác gia bạn bè từ Nguyễn Bình đến Trần Huyền Trân, đậm chất tình nghĩa. Nổi tiếng nhất là *Cát bụi chân ai* (1992) viết sau thời kỳ đổi mới, đã gây tiếng vang lớn. Một mặt vì nó tiết lộ nhiều sự kiện, như thái độ một số nhà văn thời Nhân văn Giai phẩm, mặt khác vì lối viết mới mẻ, ví dụ như những trang về quan hệ đồng tính với Xuân Diệu (1992, tr. 190), những trang nồng nàn tình bạn với Nguyễn Hồng, Nguyễn Tuân qua bao nhiêu sóng gió. Sách được in đi in lại nhiều lần, trong nước và ngoài nước. Khi tái bản, Tô Hoài chăm chút đọc lại và thêm bớt, tùy nhu cầu thông tin hay tình hình cho phép. Ví dụ trong *Cát bụi chân ai*, lần in 1997, trong *Tự truyện*, anh ghi rõ tên Hoàng Huế là người năm 1956 đã mĩa mai Nguyễn Tuân "thất cả vật đồ đi khắp năm châu" trên báo Đất Mới. Cũng trong *Tự truyện*, ấn bản 1997, Tô Hoài thêm một chương dài 15 trang cho Nguyễn Hữu Đang (tr. 360-374). Và nói rõ thêm về các nhà văn theo nhóm Trốt kýt (Đệ tứ), như Lam Kiếu, bút hiệu của Nguyễn Xuân Huy (tr. 282).

Như vậy, khi đọc Tô Hoài, dù một tác phẩm in lại, nếu đọc kỹ, chúng ta vẫn thu hoạch được những kiến thức mới và hiểu

TÔ HOÀI MÃI MÃI KHÔNG GIÀ

ĐẶNG TIẾN



được thời tiết văn nghệ Việt Nam trong khi hậu chính trị Việt Nam

Chiếu chiếu là con sông dài, qua bao nhiêu ghềnh thác vẫn tiếp tục xuôi dòng hồi ức 80 năm của Tô Hoài mà vẫn chưa hề cạn ngày xuống đồng bằng hay đổ ra biển cả.

Vậy *Chiếu chiếu* đã mang lại cho người đọc những cảm thụ gì mới? So với những tự truyện trước, *Chiếu chiếu* nặng phần phê phán thời đại mà tác giả đã trải qua; ở các tác phẩm trước, Tô Hoài thường bao che, bào chữa, như là một hồi ký bao cấp. Đến *Chiếu chiếu*, giọng kể nghiêm nghị hơn về đời sống chính trị và văn nghệ những năm 1955-1970, về những sai lầm trong chính sách Cải cách ruộng đất, về đời sống Hà Nội từ những ngày tiếp thu qua những đợt sơ tán, đặc biệt là những ngày nhà văn Tô Hoài, trưởng khu phố (1965-1972) phải đi mai phục "bắt gái điếm" (tr. 294) và "những người giặt xi-lip thuê cho gái điếm" (tr. 288) "bắt những anh Hà Nội, buổi trưa thuê phòng chơi gái" (tr. 290), hay cảnh diệt chuột, bắt mê tín, thậm chí cả việc "trông nom hơn hai trăm cái hồ xi hai ngàn của thành phố" (tr. 301). Hà Nội thanh lịch của Tô Hoài trong các hồi ký trước, đến *Chiếu chiếu* bỗng sục mùi hôi hám suốt mười trang rất hiện thực mà lần đầu tiên, Tô Hoài đã dành cho "việc là đái của đất Kế Chợ" (tr. 300). Ngôn ngữ này sẽ làm ngạc nhiên nhiều độc giả vì lạ lẫm ở hành văn Tô Hoài, một tác giả duy mỹ, có cả một chủ trương về chữ nghĩa, mà từ 1959 anh đã gọi là "chủ nghĩa tiếng nói". Mới đây anh có bài báo:

"Làm sao cho mỗi chữ là một hạt ngọc trên bản thảo, hạt ngọc mới nhất của ta tìm được, do phong cách văn chương của ta mà có được. Trang sách mà không có "ngọc", trang bản thảo không có chữ thần, không có tình hoa chữ thì cái hồn tác phẩm, từ tư tưởng đến nhân vật, biết lấy gì mà sống được, không có chữ ngon, chữ bổ nuôi nó, trang viết gầy gù trống rỗng rồi chết héo" (*Tâm sự về chữ nghĩa*, Tạp chí Văn học, 12/1998), nhưng bài này viết đã lâu, in trong *Sổ tay viết văn* (1959).

Chữ "lạ đái" không chứng minh, mà cũng không phản biện, "chủ nghĩa tiếng nói" của Tô Hoài; theo tôi, nó chỉ chứng tỏ cụ Tô... bực mình; cụ bất bình về chính sách vệ sinh thời đó, mà phải phớt tình, cho đến *Chiếu chiếu* thì nó bật ra. Sự đời, rồi đến tình người, cụ bực nhiều chuyện lắm; thậm chí cụ gắt gỏng ngay với con sông Tô

Lịch "tuyệt vời nhất châu Á" (!) (tr. 267) mà một đời cụ chắt chiu trong trí tưởng: cái tên Tô Hoài còn có nghĩa là hoài vọng sông Tô.

Tiếng Việt ta không có một từ chính xác tương đương với chữ humour trong tiếng Pháp, tiếng Anh. Ta tuy tiện dùng những chữ hài hước, hóm hình, dí dỏm... Nhưng trí óc Việt Nam rất giàu uy mua (hay u mặc). Ca dao, tục ngữ, truyện dân gian chứng tỏ điều đó. Gặp văn học phương Tây, nó phát triển mạnh: truyện *Vở đẽ* từ thời Phạm Duy Tồn là một ví dụ; *O Chuột* (1943), tập truyện đầu tay của Tô Hoài là một minh chứng về sau.

O Chuột, một hình ảnh, là phản ngữ của động từ *O Mèo*, là một sáng tạo ngôn từ của Tô Hoài (o nghĩa là tán tỉnh, như trong từ o bế). Ngoài Tô Hoài ra, không ai nói: o chuột. Nhưng humour, uy mua, không hợp với văn chương cách mạng. Hiện thực xã hội chủ nghĩa đòi hỏi trào phúng, hài hước chỉ đích danh đối phương; còn uy mua thì không rõ ám chỉ ai, mà nhất định phải là một lỗi văn linh tinh, không đáng tin cậy, nhất là trước một đề tài trọng đại. Lấy Như Phong làm ví dụ, khi ông ấy phê phán cuốn *Mười năm* (1957): "Tại sao Tô Hoài cứ phải giả giọng pha trò khi nói đến những giờ phút nhiệt tình hay cảm động của quần chúng" (sđd, tr. 132). Khổ thân Tô Hoài, theo cách mạng từ tuổi thiếu niên làm sao dám pha trò, đùa cợt, chế diễu (sđd, tr. 104) với cách mạng? Ấy chỉ là cái uy mua, u mặc đặc biệt trong giọng văn và trong cách sống, cách nhìn đời. Sáng tác Tô Hoài luân lưu giữa hai bờ phong cách: u hoài và u mặc. Cuộc đời Tô Hoài là Nụ cười thương nhớ: tên một bài thơ Đinh Hùng, cổ tri và cổ nhân. (Nguyên câu thơ là: Nụ cười thương nhớ nét đan thanh).

Giọng văn dí dỏm khiến người đọc dù nghe chuyện về những nhà văn ít tên tuổi như Sao Mai (sinh 1924) cũng không chán: "Tôi lại khoái ông có máu đa tình mà lại chung thủy. Lềnh tềnh với ai rồi cũng lấy người ta. Nghe nói ông mới có phòng mới (...) vừa cai nghiện (...) bằng một liều thuốc dân gian, mạnh và dữ, phi có nghị lực mới cai được (...) Bài thuốc cai của Sao Mai có gia giảm các vị phụ nữ..." (tr. 25-27).

Tô Hoài không nói rõ là gia hay giảm.

Giọng văn có khi đanh lại, như khi nói chuyện quyền thế, cơ hội, trào trố. Tâm hồn anh thoáng rộng, không cố chấp về luân lý hay chính trị, thậm chí còn bị Như Phong phê phán là hoài nghi chủ nghĩa (!) (Sđd, tr.

132); duy có một điều: Tô Hoài tình nghĩa, như đã viết: tình nghĩa cũng trong lẽ sống tự nhiên (tr. 516) và đã tự nhiên thì mãi mãi (tr. 269)! Và từ đó Tô Hoài không hiểu những thái độ không tình nghĩa; chẳng nhất thiết phải là phản bội hay trào trố. Nói là nhược điểm cũng được đi.

Trong *Cát bụi chân ai*, Tô Hoài có thể xởi lởi với một đại tá Huỳnh Cự trở ảo (1992, tr. 116), nhưng đến hồi ký *Ba người khác*, viết cùng thời 1992, công bố 2006, chuyên đề về thời Cải cách ruộng đất, Tô Hoài mô tả kỹ càng viên đội trưởng ác ôn tên Cự, về sau chính là đại tá Huỳnh Cự hồi chánh tại Miền Nam, giọng Quảng Nam oang oang trên đài phát thanh Sài Gòn. (Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2006, trang 245).

Giọng văn Tô Hoài cũng có lúc cá kè ở phần sau, khi kể những chuyến đi các nước Á Phi, Nga, Đông Âu. Tô Hoài đi thăm con trai, lao động tại Laixich (tr. 409) mấy năm sau đã tử nạn tại đây (tr. 521). Một thăm kịch trong đời, nhưng anh chỉ kể sơ lược. Tô Hoài vốn tiết kiệm những chuyện gia đình, riêng tư. Anh chỉ ghi lại những mảng đời tiêu biểu, có liên quan đến xã hội, văn học, và chỉ đề cập con người cá nhân khi nó "mang hình thái trọn vẹn của thân phận làm người" như lời Montaigne.

Tên sách *Chiếu Chiếu* lấy từ ca dao:

*Chiếu Chiếu lại nhớ chiếu chiếu**Nhờ người quân tử khàn điệu vát vai*

Tô Hoài trích dẫn ở đầu sách, gọi là ca dao cổ. Thật ra nó không cổ, chỉ mới phổ biến hơn trăm năm nay, vì nguyên là một câu thơ của Tương An Quận Vương, con vua Minh Mệnh, kín đáo khóc Hồng Bảo, con trưởng vua Thiệu Trị, là cháu, học trò và bạn tri âm của mình. Hồng Bảo âm mưu tranh ngôi vua với em là Tự Đức nên bị bắt giam và bức tử trong ngục.

Nguyên gốc là:

*Chiếu chiếu lại nhớ chiếu chiếu**Nhờ người đầy gấm khàn điệu vát vai*

Đây gấm là cái hà bao bằng gấm. Bao là cái dây, hà là cây sen, vì đây gồm có hai phần: dây lớn hình lá sen đựng trầu cau, dây nhỏ hình bông sen đựng thuốc. Màu sắc tùy thuộc đẳng cấp: vua dùng dây bằng đoạn màu vàng, hoàng thân, như Hồng Bảo dùng dây bằng gấm màu đỏ (điều) dân thường dùng lụa màu xanh.

Chi tiết nhỏ không quan trọng gì, nhưng tôi vẫn trình bày với Tô Hoài vì anh ưa thảo luận về chữ nghĩa, trong cái anh gọi là "chủ nghĩa tiếng nói" (Có lần anh than với tôi: "ngày xưa còn cụ Hoàng đạo Thụy, thỉnh thoảng mình còn có người nói chuyện về chữ nghĩa. Bây giờ ông ấy qua đời thì... Anh có những câu nhẹ nhàng thế thôi, nhưng nghe ... phát ớn).

Chiếu Chiếu... Tô Hoài dùng chữ theo ý nghĩa, nhưng còn vì âm vang của nó. *Chiếu chiếu* là hồi ký của người cao tuổi, như *Nhờ nghĩ chiếu hôm* của Đào Duy Anh. Nhưng chỉ hiểu như thế thì chưa tri âm. Vì Tô Hoài rất thích âm vang ấy từ hồi còn trẻ, như là lúc 23 tuổi. Tại Sơn Tây, ngày 20 -7-1943, anh đã viết:

"*Chiếu chiếu* Ly thần thơ ra ngoài bờ giếng. Gã muốn nói mãi, nói mãi về những chiếu vô tội ấy. Những buổi chiếu hoa mộng không bao giờ có thể quên, bởi nó ngây ngất mà chẳng mang một nghĩa gì rõ ràng (...). Sao không chỉ có những chiếu thơ đại ấy trong tất cả một đời người..."

Tô Hoài là nhà văn không bao giờ già. Vì con người anh chưa bao giờ trẻ. Tô Hoài miên viễn là "buổi trưa mùa thu" "Mùa thu có những ngày không sáng, mà cũng không chiếu" Nhưng vẫn có những chiếu chiếu. Những chiếu chiếu mãi mãi trong chúng ta.

Thỉnh thoảng lại hanh hao lên một âm hao u hoài, xa vắng ...

Chiếu Chiếu...■

CHÙM TRUYỆN NGẮN CỦA VŨ TÚ NAM

ANH ĐÃ NÓI GÌ VẬY?

NGHE tin Chính ốm nặng, tôi vội vàng đến bệnh viện thăm anh.

Chính với tôi là đồng đội, đồng chí, thân nhau từ năm 1950. Chúng tôi từng cùng học lớp chính trị trung cao cấp của quân đội, từng cùng đi nhiều chiến dịch trong kháng chiến chống Pháp. Chính là chính trị viên tiểu đoàn, đã chiến đấu ở Điện Biên Phủ.

Tôi tìm đến phòng bệnh, nhìn quanh mãi không thấy Chính đâu. Thì ra anh không đeo kính - anh bị cận nặng - nên mặt anh khác hẳn. Tôi nhận ra cái đồng hồ *Pôn Giôt* cũ kỹ anh đeo ở tay. Tôi nói:

- Chính đấy à? Mình đến thăm cậu đây!

Anh nở một nụ cười héo hắt, đưa bàn tay phải đặt lên ngực trái, rồi anh bắt đầu nói. Vì bác sĩ đã mở khí quản của Chính nên anh nói không ra tiếng, cứ ào phào như gió. Anh nắm chặt bàn tay tôi, mắt mở to nhìn vào mắt tôi, anh nói với vẻ mừng rỡ được gặp bạn trong lúc đang phải chống chọi với cái chết.

Tôi xúc động an ủi anh:

- Sắc mặt cậu vẫn hồng hào, hãy cố gắng lên, tin vào bác sĩ.

Không biết anh có nghe thấy gì không. Anh lặng yên một lát rồi lại nói. Giọng nói "vô thanh" như trong một giấc mơ. Tôi lặng người ngồi "nghe" Chính, nhớ nụ cười hóm hỉnh của anh trước kia, và bây giờ cái đầu lưa thưa tóc bạc khiến tôi muốn bật khóc. Một lúc lâu sau, tôi ôm Chính rồi ra về.

Chính mất ngay đêm hôm ấy.

Anh đã nói gì vậy?

Sau đám tang tôi cứ day dứt một câu hỏi. Chính đã dặn dò gì tôi, hay nhờ tôi nhắc lại với vợ con điều gì? Thật tiếc, nếu có máy ghi âm và ghi hình, với công nghệ hiện đại, ta có thể "bắt" được tiếng nói của anh và hiểu rõ anh.

Anh đã nói gì vậy?

Tôi trăn trở mãi với câu hỏi ấy, ngay cả trong giấc mơ. Giữa mộng mị, có tiếng vang sang sảng từ trên cao vọng xuống như tiếng sấm truyên.

Camille des moulins!

Tại sao mấy từ tiếng Pháp ấy lại rơi vào tai tôi trong mơ? Có phải đó là ẩn số cần giải mã? Camille của các cối xay gió. Camille là địa danh hay tên người? *Camille des moulins*. Moulin Ronge, cái quán cổ nổi tiếng của Paris. *Lettres de mon moulin*. "Thư từ cối xay gió của tôi", cuốn sách ta đọc từ nhỏ. Và cái cối xay gió, địch thủ tưởng tượng của Đông Kì sốt... Tất cả chẳng giúp tôi hiểu ra điều gì. Đó chỉ là những ảo ảnh.

Chính, bạn tôi, người đã học qua bậc tú tài trước cách mạng, rất yêu và thuộc thơ Pháp. Trong chiến dịch đường số 8, giữa hai trận đánh, anh đã đọc tôi nghe thơ của Valéry, Mallarmé; anh thích nhất Apollinaire và Paul Eluard. Cái câu "sấm truyên" kia có phải xuất xứ từ thơ ca trừu tượng?

Hôm đi viếng Chính ở nhà tang lễ, tôi chăm chú nhìn mặt anh trong áo quan. Anh không đeo kính, môi má được thoa phấn son, thật trái với tính giản dị của anh. Hơi nước đọng lấm tấm trên lông mày, như anh đang vã mồ hôi vì mệt nhọc. Tôi cúi đầu, vãi anh ba vãi, lòng khấn thầm: "Cậu định nói điều gì vậy?"

Tôi không sao tự trả lời được. Tôi đến nghĩa trang bốn mươi chín ngày sau khi Chính mất. Tấm ảnh anh tươi cười, mặc thường phục (nếu không chuyển ngành ra khỏi bộ đội thì chắc chắn anh đã mang hàm cấp tướng).

Một khóm cúc vạn thọ và một luống hoa mười giờ ở bên mộ, những thứ bình dị hợp với tính tình anh.

Tôi đặt lễ vật, thấp hương và khấn: "Chính ơi, hôm ở bệnh viện cậu đã nói gì, hãy báo mộng cho mình biết".

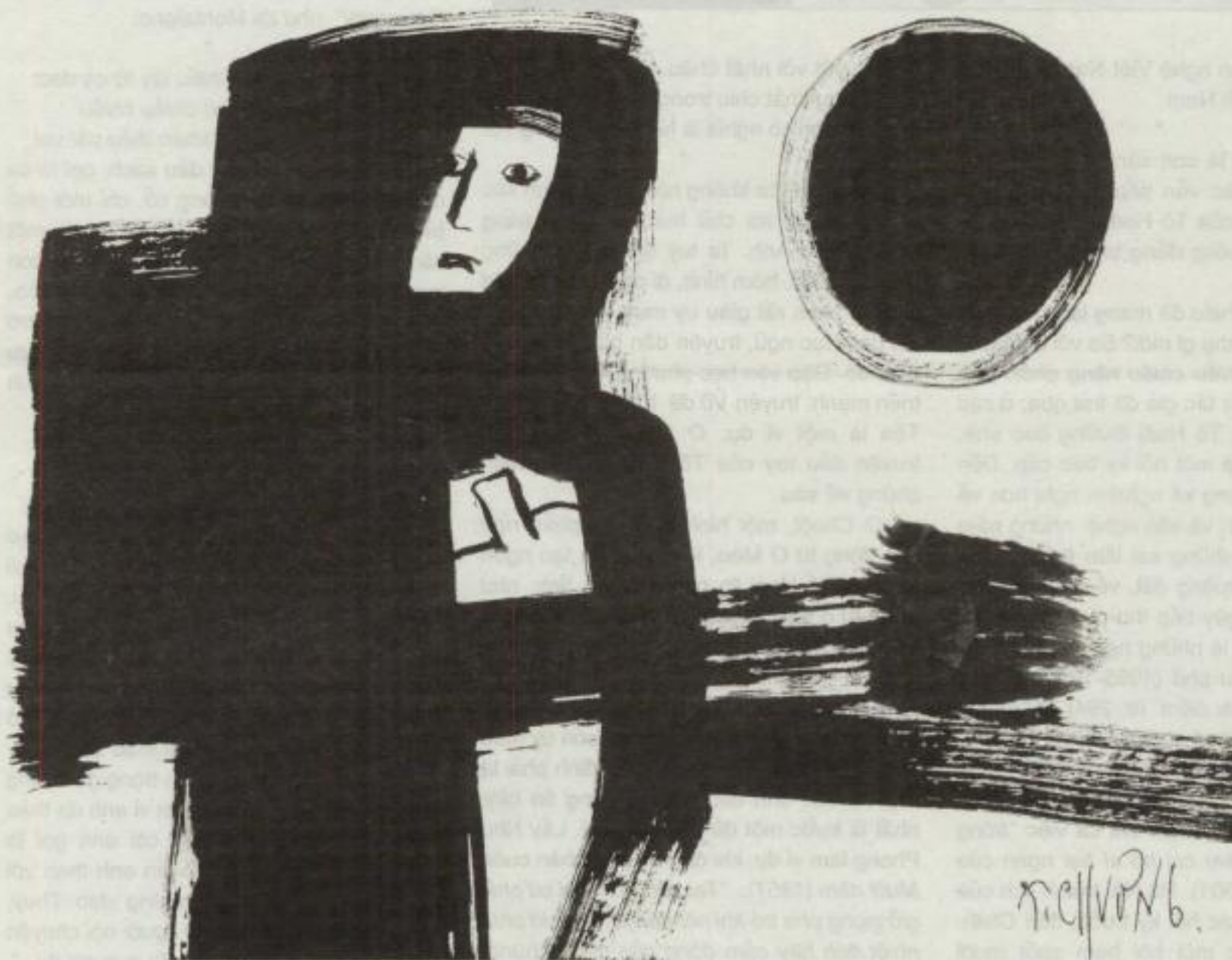
Tôi đã báo tin buồn cho người yêu cũ của Chính nay ở tận Tây Bắc. Chị đã lặn lội về Hà Nội thăm mộ Chính nhưng không đến nhà, tránh gặp vợ anh. Đó là một người đàn bà đến nay đã 80 tuổi mà đôi mắt và đôi môi vẫn đẹp. Hồi trẻ, Chính đã yêu chị một cách rất lãng mạn. Hai người đã cùng ngồi trên đồi ở Việt Bắc ngắm sao đêm. Trước khi Chính ra trận, chị đã cắt một lọn tóc gói vào chiếc khăn khâu để anh mang theo. Thế rồi nước lũ cuốn trôi tất cả. Hai người chia tay vì hoàn cảnh gia đình. Chính thường tâm sự với tôi về chuyện ấy.

Từ ngày Chính mất, tôi luôn nhớ anh. Thăm Cúc Phương, đi bộ trong rừng, nghe chim kêu vượn hót, tôi nghĩ đến anh, những năm về già anh chống gậy đi bộ dọc hè phố và thuộc từng gốc cây bụi cỏ. Nhìn cây hoa mai của tôi xanh tươi trong chậu cảnh lại nhớ đến cây mai gầy guộc của Chính. Anh rất yêu mai nhưng không biết chăm sóc nên cây mai đã chết. Có thể đấy là điềm báo dữ.

"Anh đã nói gì vậy?" Đêm đêm vẫn câu hỏi đó vấy bực tôi.

Sau 5 năm, vợ anh cũng mất rồi, cậu con trai thành ra cô út. Tôi thường gọi điện hỏi thăm cháu, nhưng vẫn không thể biết thêm điều gì mới về Chính.

Có lẽ phải chờ đến khi gặp nhau ở thế giới bên kia - nếu quả có thế giới ấy - thì Chính mới trả lời được câu hỏi của tôi. "Chính ơi, khi sắp mất cậu đã nói với mình những gì vậy?". Và *Camille des moulins* sẽ được giải mã. ■



Minh họa của THÀNH CHUÔNG

Lại sắp đến Tết rồi. Hết năm Thìn sang năm Tỵ thì mình sẽ thành ông lão tám mươi tư. Còn "trẻ" gì nữa đâu. Nhớ năm xưa nhìn con chim sẻ nhảy lách chích quanh gốc cây bàng, mình đã tự nhủ rồi sau này mình sẽ thành một ông cụ già, con chim sẽ vẫn mãi mãi vui tươi như thế.

Năm ấy ông tròn ba mươi tuổi hoạt động rất hăng say, luôn đi đây đi đó. Nay thì chỉ quanh quẩn trong nhà. Đi đâu phải có người đi cùng. Chẳng thăm nom được ai. Có ông bạn già nằm liệt ở khu tập thể không xa là mấy, ông cũng chưa thăm được. Nhớ đến một bạn cũ, dáng người nét mặt hiện lên rõ mồn một, nhưng không biết cậu ấy còn hay mất? Gọi điện thì số điện thoại đã thay đổi hoặc đã bị xóa sổ vì chủ nhân đi xa. Ông thấy thật bơ vơ.

Sớm hôm ấy đột nhiên ông nhận được cuộc gọi lạ từ xa, mãi tận Sa Pa.

- Bác có khỏe không ạ, cháu là con mẹ cháu đây!

- Mẹ nào?...!

- Mẹ đã lấy tên bác đặt cho cháu từ năm một nghìn chín trăm năm bảy. Bác nhớ ra

không ạ?

Giọng người đàn ông gọi điện dịu dàng, vui vui.

Trời ơi, cậu này là con cô ấy. Thế là nó đã biết chuyện mẹ nó từng yêu mình.

Ông lặng đi mấy phút.

- Bác ơi, bác vẫn nghe đấy chứ? Hôm qua, giờ mẹ cháu, tình cờ cháu tìm thấy bốn bức thư mẹ cháu viết cho bác từ năm 1956, viết mà không gửi. Cháu đã mạo phép đọc rồi, hay lắm.

Ông sững sờ, gắng hỏi thăm về người con trai trùng tên với ông. Nó đã có vợ, hai con, làm ăn ở Sa Pa, đất quê mẹ nó. Trong thâm tâm ông rất muốn được đọc bốn lá thư không gửi ấy, nhưng ông ngượng không dám nói.

Thế là mấy đêm liền ông khó ngủ. Hoá ra cô ấy yêu mình đến thế ư? Chỉ là chuyện mai mối không thành ở chiến khu Việt Bắc

năm xưa. Đôi ba lần gặp nhau toàn nói những chuyện băng quơ. Hồi ấy, bắt tay nhau là thân mật nhất rồi. Tuổi hai mươi thật là trong sáng. Có lần lộn qua suối, vai cô ấy chạm nhẹ vào vai ông khiến ông nhớ mãi cái cảm giác lâng lâng khó tả. Rồi vài lần cô ấy đánh trúng đường - món quà sang trọng ở chiến khu - cho ông ăn, cặp môi cô ấy cười sao mà đắm đắm.

Thế rồi cô ấy lấy chồng, ông lấy vợ. Năm 1958 ông bị bệnh nặng, mê mẩn nằm ở quân y. Cô ấy bế thằng con trai đến thăm ông - thằng cu đã mang tên ông do mẹ nó đặt.

Có lần vợ chồng cô ấy đến thăm vợ chồng ông, cô ấy ngồi sát bên ông chuyện trò xoắn xuýt khiến ông phát ngượng.

Nhiều năm sau, ông nghe tin cô ấy bị tai biến, nằm liệt tại nhà. Ông rất muốn đến thăm, nhưng ngại gia đình cô ấy hiểu lầm,

ngại cô ấy không muốn tiếp ông khi cô ấy đang ốm đau xấu xí. Năm tháng trôi qua, rồi ông được tin cô ấy đã mất. Đó là niềm ân hận của ông khi tuổi đã già. Minh thật là tệ quá...

Hôm nay, ông bất ngờ nhận được một lá thư bảo đảm gửi từ Sa Pa. Vợ ông đi vắng, ông run run xé phong bì, và đọc.

"Bác ơi, cháu gửi quà Tết cho bác đây. Cháu đã phò tồ bốn lá thư mẹ cháu viết cho bác; cháu giữ bản sao, biểu bác bản gốc để bác làm kỷ niệm. Cháu sẽ thấp hương khấn mẹ cháu về chuyện này. Mong bác giữ gìn sức khỏe. Thế nào cũng có lần cháu về thăm hai bác, con gái lớn của cháu đang học đại học ở Hà Nội."

Đêm ấy, ông nằm mơ thấy con suôi ở bản Thành Công. Con suôi trong vắt, chảy lênh lênh, ông đi cùng cô ấy dọc theo bờ suối. Lần này vai ông không chạm vai cô ấy. Và ông tỉnh giấc với một niềm luyến tiếc dịu dàng. ■

QUÀ TẾT

RON VỚI SƠN MỸ

Bút ký của PHẠM ĐƯƠNG

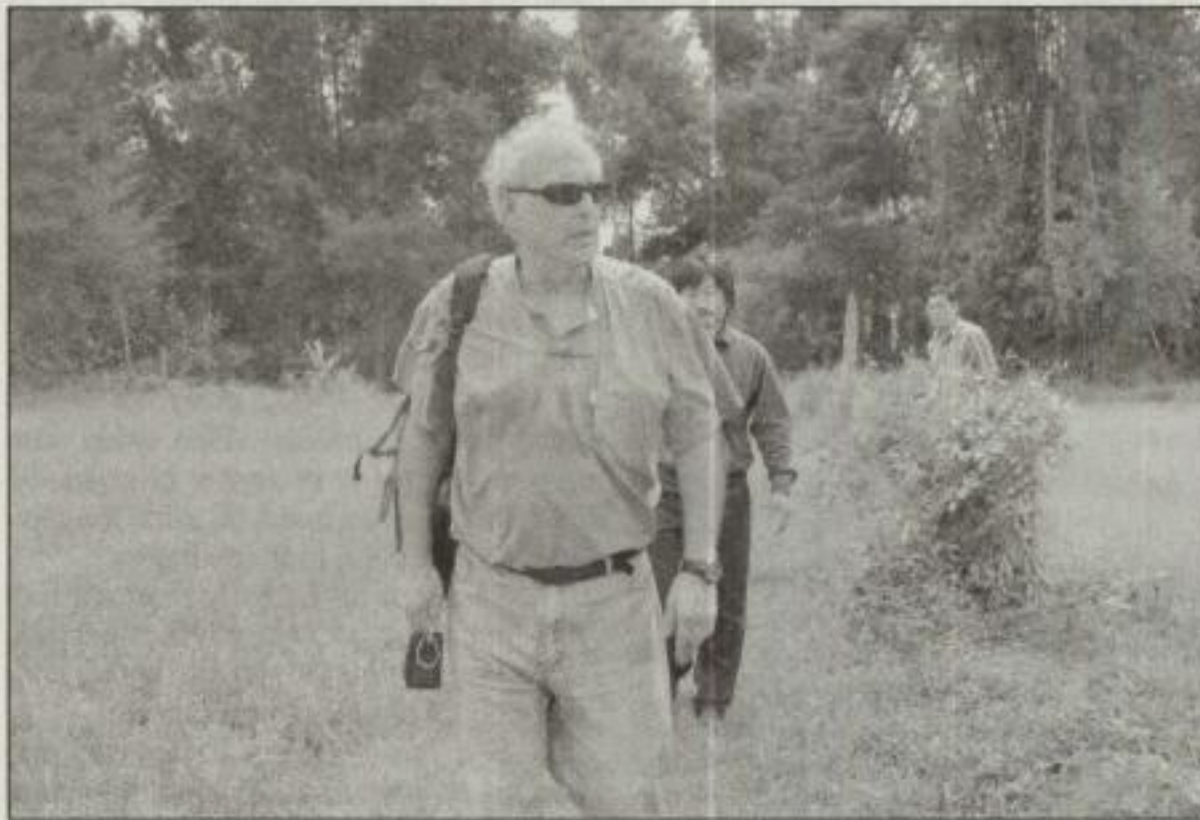
Tên đầy đủ của ông là Ronald Haeberle, gọi thân mật là Ron, tác giả của những bức ảnh làm chấn động lương tri nhân loại qua vụ thảm sát Mỹ Lai ngày 16.3.1968. Ông bắt đầu quay lại Sơn Mỹ vào những ngày cuối tháng 10 năm 2011.

S AU 43 năm, ông lại có dịp đặt chân mình lên những con đường làng đã từng nhuộm máu tội ác, nơi ông đã chứng kiến và ghi lại những khoảnh khắc đau đớn nhất trong đời cầm máy ảnh của mình. Trông Ron trẻ hơn cái tuổi 71 của ông (Ron sinh năm 1940). Người đàn ông ấy đã giấu đi tuổi tác của mình bằng vóc dáng khỏe khoắn của một vận động viên xe đạp đường dài, còn sự trải đời và lịch lãm thì luôn hiển lộ trong từng lời nói, trong mỗi ánh nhìn nơi ông. Được đi lại trên những bờ ruộng hàng nóng mùi cỏ mật, bước chân của ông nửa như reo vui, nửa như ngập ngừng, dè dặt khi chạm phải Sơn Mỹ- một Sơn Mỹ đã xanh hơn trong mắt của nhiều cựu binh Mỹ khi đến nơi này. Nhưng có lẽ, hơn bất cứ một cựu binh Mỹ nào có dịp đến Sơn Mỹ, ông Ron cảm nhận rằng, trong mỗi lá cây ngọn cỏ trên mảnh đất này, dù có tơ non đến bao nhiêu đi nữa, dù có hồi sinh đến thế nào đi chăng nữa thì vẫn luôn gợn lên một vết sẹo của kỷ ức. Đó là một kỷ ức đầm máu và nước mắt mà không có loại thuốc tẩy nào có thể xóa được.

Trong số hơn nửa triệu quân viễn chinh Mỹ có mặt tại Việt Nam thời chiến tranh, số lính đến Sơn Mỹ không nhiều. Ronald Haeberle là một trong số không nhiều ấy. Nhưng chắc chắn, ông là cựu binh Mỹ duy nhất có mặt trong ngày xảy ra vụ thảm sát đầm máu ấy đã trở lại Sơn Mỹ mà không "núp bóng" dưới bất cứ một lớp vỏ bọc nào. Khác với nhiều cựu binh Mỹ đến Sơn Mỹ, luôn phải che giấu dưới lớp áo khách du lịch hoặc doanh nhân, ông Ron đã tự tin để nói với người dân Sơn Mỹ cái điều mà họ đã chờ đợi gần nửa thế kỷ qua: "Tôi đây, nhân chứng của vụ thảm sát Mỹ Lai, tác giả của những bức ảnh đầm máu từ 43 năm trước đây" nếu như ai đó hỏi ông từ đâu đến.

Ron thú nhận: "Để có được sự tự tin ấy, tôi đã nhờ anh Trần Văn Đức (Đức là một "nhân chứng" đặc biệt, tôi sẽ đề cập ở phần sau của bút ký này- PD) làm nhịp cầu, nối tôi với Sơn Mỹ từ hơn một năm nay. Từ rất lâu rồi, tôi không đủ bình tĩnh và tự tin để trở lại Sơn Mỹ và nói với dân làng rằng tôi là tác giả của những bức ảnh đầm máu ngày ấy. Bạn không trải qua những thời khắc kinh hoàng ngày 16.3.1968 nên bạn không hiểu hết được vì sao tôi lại im lặng suốt mấy chục năm qua". Tôi nghĩ, với Ronald Haeberle, im lặng cũng là một cách trò chuyện với lòng mình, đúng hơn là ông luôn tự vấn lương tâm mình trong im lặng, rằng vì sao lại có thể xảy ra vụ tàn sát đầm máu ấy, nói rộng ra, rằng vì sao lại có cuộc chiến tranh ấy. Những câu hỏi như thế đã từng thức ngủ với Ron suốt mấy chục năm qua, nhất là ngay sau khi ông chứng kiến những gì diễn ra vào buổi sáng khùng khiếp cách nay gần nửa thế kỷ. Lương tri của một nhà báo tử tế đã không cho phép Ron im lặng, dù ông biết rằng, một khi hé lộ những bức ảnh ấy ra là đồng nghĩa với việc bôi nhọ thanh danh của quân đội Mỹ- một tổ chức mà ông từng cực lực ủng hộ sự một cách tận tụy và từng giờ tay xin thế sẽ suốt đời trung thành với nó. Cuối cùng thì Ron đã chọn cái cách của một nhà báo có lương tri: công bố toàn bộ những bức ảnh ghi dấu tội ác của lính Mỹ tại Mỹ Lai mà ông có được.

Ron thả những bước chân ngập ngừng trên những con đường làng Sơn Mỹ, vừa



Ronald trên con đường làng Sơn Mỹ.

Ảnh: PHẠM ĐƯƠNG

tua ngược kim đồng hồ thời gian của 43 năm trước: "Năm ấy tôi 28 tuổi, là phóng viên chiến trường của quân đội Mỹ, với nhiệm vụ là ghi lại bằng hình ảnh tất cả những gì diễn ra qua mỗi cuộc hành quân của lính Mỹ. Khoảng 9 giờ sáng ngày 16.3.1968, tôi nhận lệnh lên máy bay trực thăng cùng một tổp lính Mỹ của đại đội Charlie từ núi Chóp Vung (nằm ở phía tây bắc huyện lỵ Đức Phổ, Quảng Ngãi ngày nay- PD) trực chỉ Mỹ Lai. Từ lưng chừng trời, tôi đã nhìn thấy mịt mù khói bụi bởi những trái pháo và cánh quạt của máy bay trực thăng. Khi máy bay hạ dần độ cao, đập vào mắt tôi là những ngôi nhà rạn nứt cháy cùng với cảnh tượng hỗn loạn của dân làng đang tìm chỗ ẩn nấp hoặc chạy giạt ra các cánh đồng gần đó. Việc đốt nhà hay bắn pháo tôi bởi trong mỗi cuộc hành quân là điều không xa lạ gì với một phóng viên như tôi, song buổi sáng hôm ấy, linh tính đã mách cho tôi biết rằng, đó là một buổi sáng không bình thường. Vừa thoát khỏi máy bay, chúng tôi tiến vào xóm, đã thấy ngay cảnh một cụ già bị lính Mỹ lôi xệch từ trong nhà ra. Khi ông cụ vừa bị lôi ra khỏi nhà thì cũng là lúc ngôi nhà trở thành ngọn đuốc khổng lồ. Đó là bức ảnh đầu tiên tôi ghi lại được, mở đầu cho một serie ảnh tại Mỹ Lai sau đó".

Tôi chen ngang dòng hồi tưởng của Ronald Haeberle bằng một chút tò mò từ trong kỷ ức tuổi thơ mình: "Theo tôi được biết, tỉnh Quảng Ngãi của tôi đã từng xảy ra ít nhất là 15 vụ thảm sát, thậm chí có những vụ, số người chết còn vượt quá con số 504 như ở Sơn Mỹ, như vụ thảm sát ở Bình Hòa do lính Đại Hàn thực hiện chẳng hạn, nhưng tại sao chỉ có vụ Mỹ Lai là được đưa ra ánh sáng, phải chăng chỉ có ông mới là người dũng cảm dám đối mặt với sự thật tàn nhẫn ấy, còn những nhà báo khác thì không?". Ronald nhún vai: "Ồ, không hẳn vậy đâu. Không phải cuộc hành quân nào của quân đội Mỹ cũng đều có nhà báo đi theo. Vì vậy, có những "sự thật" có thể còn đau lòng hơn cả Sơn Mỹ nhưng không được phanh phui ra là vậy. Nếu nói việc ghi lại đám ba khoảnh khắc nào đó về sự thật của cuộc chiến tranh Việt Nam là một điều may mắn trong đời làm báo thì tôi là một người may mắn. Vì rằng, nếu không có những bức ảnh của riêng tôi hôm đó thì sẽ không mấy người biết về một Mỹ Lai như toàn thế giới đã biết".

Tôi lại tò mò lần nữa khi nghe ông Ron nhấn mạnh đến mấy chữ "của riêng tôi" bằng một câu hỏi: "Ông có thể giải thích điều đó được không?". Ông Ron chậm rãi: "Đạo ấy, lúc nào tôi cũng mang theo hai chiếc máy ảnh để tác nghiệp. Hôm ở Mỹ

Lai, tôi chụp gần 40 bức ảnh đen trắng, trong đó có bức ảnh đầu tiên sau khi rời khỏi máy bay như tôi đã nhắc trên đây, bằng chiếc máy Leica và 19 bức ảnh màu bằng chiếc máy Nikon-F. Máy Leica là của quân đội Mỹ cấp, vì vậy, theo quy định, sau khi chụp, tôi phải giao lại toàn bộ số phim cho cấp trên của tôi; còn chiếc Nikon-F là máy ảnh của riêng tôi nên những gì tôi chụp, tôi chỉ giữ cho mình, không phải giao cho ai cả". Có thể nói, 19 bức ảnh màu của Ronald như 19 khối thuốc nổ làm rung chuyển cả hệ thống chính trị của Mỹ thời đó.

"Sau khi tôi thoát khỏi máy bay và tiến vào xóm để chụp những bức ảnh đầu tiên của vụ thảm sát, tôi cũng không thể tưởng tượng được rằng, ở phía cánh đồng trước mặt Tháp Canh vừa xảy ra một cuộc tắm máu rừng rợn". Ron lại tiếp tục dòng hồi tưởng của mình. Cánh đồng trước Tháp Canh chính là "điểm nhấn" trong toàn bộ loạt ảnh về Mỹ Lai của Ron với cảnh hàng đồng xác người chết nằm la liệt trên con đường dẫn vào làng.

Đi với ông Ron hai ngày ở Sơn Mỹ, khi nhắc về những bức ảnh ấy, lúc nào tôi cũng nghe ông phàn nàn rằng "đó chỉ là sự ngẫu nhiên", nhưng tôi biết, ông không chỉ là một nhà báo có lương tâm mà còn là người rất có ý thức về nghề, tận tâm tận tụy với những bức ảnh được gọi là "của riêng" ấy. Bằng chứng là, Ron dành phần lớn số phim đen trắng để ghi lại cảnh lính Mỹ "giải lao" sau các cuộc tắm máu bằng chiếc máy Leica, còn cảnh bắn giết dân Sơn Mỹ, ông lại sử dụng chiếc máy Nikon để chụp bằng ảnh màu! Khi Ron công bố những bức ảnh màu ấy lần đầu tiên trên tạp chí Life cuối năm 1969, chính quyền Mỹ mới "tê ngửa" ra rằng, những gì mà họ tưởng như đã giấu kín thì nay bị lộ sáng hoàn toàn.

Có người thắc mắc rằng vụ thảm sát Mỹ Lai xảy ra vào tháng 3.1968 nhưng tại sao mãi đến cuối năm 1969, những bức ảnh rừng rợn ấy mới được công bố? Có phải tác giả của nó chịu một sức ép nào từ chính quyền Mỹ lúc bấy giờ không? Ông Ronald nói rằng, nếu có "sức ép" thì đó chính là sự dằn vặt giữa một bên là lương tri thức tỉnh của nhà báo và một bên là chức phận của một quân nhân. Đạo ấy, đã có nhiều nhân chứng tố cáo vụ thảm sát nhưng chính phủ Mỹ vẫn làm ngơ. Chính những bức ảnh của ông Ron đã nhấn chìm mọi sự lấp liếm mà chính phủ Mỹ cố tình che giấu. Sau hơn một năm "suy nghĩ bạc tóc", cuối cùng Ron đã quyết định gửi loạt ảnh mà ông chụp được bằng phim màu trong chiếc máy Nikon-F của riêng ông cho tạp chí Life mà không cần phải chú thích

bất cứ một dòng nào dưới mỗi bức ảnh. Ông nghĩ rằng, bản thân hình ảnh đã nói lên tất cả sự thật về vụ tắm máu ở Mỹ Lai. Tuy nhiên, chính suy nghĩ đó đã dẫn đến những chuyện lùm xùm "tìm người trong ảnh" để Ronald có mặt tại Sơn Mỹ vào những ngày cuối tháng 10 vừa qua.

Trong 19 bức ảnh màu mà Ron đã chụp vào buổi sáng hôm ấy, có một bức ảnh ghi lại cảnh đứa anh nằm trùm lên đứa em, với dòng chú thích của tòa soạn tạp chí Life: "Bé trai che đạn cho đứa em, sau đó cả hai đã bị giết chết". Sau bao năm phiêu bạt tại trời Âu, vào một ngày cách đây 4 năm, Trần Văn Đức trở lại quê nhà. Anh ghé Nhà chứng tích Sơn Mỹ và nhìn thấy bức ảnh này với dòng chú thích của báo tàng: "Trương Bốn che đạn cho Trương Năm, cả hai đã bị lính Mỹ giết chết". Đức cho rằng, hai đứa trẻ trong ảnh chính là anh và đứa em gái tên Hà chứ không phải Trương Bốn, Trương Năm gì cả. Bức ảnh một phụ nữ bị bắn vỡ đầu, miệng còn ngậm chiếc nón là bà Bốn Tấu, mẹ Trần Văn Đức nhưng báo tàng cũng chú thích sai. Việc "sáng tác" ra hai cái tên Trương Bốn, Trương Năm cũng như tên của người phụ nữ bị bắn chết đã được báo tàng Sơn Mỹ "sửa sai", song phần cuối của chú thích "cả hai đã bị bắn chết" thì vẫn không sửa. Điều đó có nghĩa, Trần Văn Đức cũng không phải là "nhân vật" trong tấm ảnh "anh che đạn cho em"! Sau nhiều năm lần dò tìm kiếm, cuối cùng rồi Trần Văn Đức cũng tìm được địa chỉ của ông Ronald Haeberle tận bên nước Mỹ. Và ông Ronald đã trở lại Sơn Mỹ cùng Trần Văn Đức và đi lại trên những con đường làng mà ông đã từng đi trong mịt mù thuốc súng từ 43 năm trước để "minh oan" cho Trần Văn Đức về bức ảnh nói trên.

Sơn Mỹ đã quá nhiều thay đổi, Ron chỉ có thể đi lại trong kỷ ức của mình, một kỷ ức đầy ám ảnh nhưng cũng đã rong rêu. Cứ đi được một quãng đường làng, Ron lại mở bản đồ ra xem. Ông cứ lần dò từng quãng, không hẳn là để xác định lại vị trí mà ông đã chụp hình hai đứa bé mà cái chính là ông muốn kiểm tra lại bộ nhớ của mình liệu có còn đọng lại một chút gì của 43 năm trước ngoài những ám ảnh đã thức ngủ trong ông bấy lâu nay không. Những con đường làng đầy máu từ 43 năm trước chợt bừng thức trong Ron để ông quỳ sụp xuống trước những hàng hàng bia mộ của những người bị giết oan. Bất ngờ, Ronald tặng chiếc máy Nikon-F- bầu vật của đời ông cho Trần Văn Đức như trao toàn bộ kỷ ức của chính mình cho một trong những nạn nhân còn sống sót trong vụ thảm sát Mỹ Lai. Chiếc máy ấy đã theo ông suốt 43 năm qua mà nó không phải làm nhiệm vụ là ghi thêm bất cứ một tấm hình nào nữa. Cũng như ông Ron, công việc của ông bây giờ là đi vòng quanh châu Á bằng xe đạp cùng với "đội đua" của mình chứ không phải chụp ảnh chiến tranh. Ông đã hoàn thành phận sự của một nhà báo một cách vẻ vang rồi.

Ông nói với tôi lịch trình sắp tới là đi xe đạp từ TP Hồ Chí Minh qua Pnom Penh rồi sang Thái Lan, rẽ xuống Chian Mai rồi qua Lào và trở về đường 9 của Việt Nam. "Hành trang xuyên Đông Nam Á của tôi lần này có nhẹ đi đôi chút đấy!". Tôi hỏi: "Ông bớt đi những gì trong ba lô của mình mà nhẹ?". "Tôi đã trút được phần nào những ám ảnh về ngôi làng ấy. Sơn Mỹ đã bắt đầu xanh lại, những chỗ cho khói bom và thuốc súng đã hằn dấu trong tôi suốt mấy chục năm qua". Nói rồi ông Ron cười hiền lành như chưa từng trải qua những khoảnh khắc đau thương Sơn Mỹ. Tôi chỉ chúc ông lên đường may mắn và cầu mong chiếc xe đạp của ông đừng tuột xích để năm sau, ông sẽ quay trở lại.■

NGƯỜI NUÔI SỐNG LẠI VÙNG RỪNG

Bút ký của KIỀU VƯƠNG

CHÚNG ta thường nhắc từ "Vi dân", tôi đã suy ngẫm nhiều về một con người sống và làm việc xứng đáng với hai chữ ấy, anh hùng lao động thời kỳ đổi mới Lê Văn Tam - Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn Thanh Hóa.

Hai mươi lăm năm trước, khi ông cầm quyết định lên làm giám đốc, nhà máy đường này đang đứng trước bờ vực thẳm của một sự tiêu vong vì thua lỗ kéo dài, vốn trong tay chỉ có 40 triệu đồng với 600 công nhân sống vất vưởng. Nguyên liệu mía chỉ được 5% công xuất nhà máy. Cái gốc gây nên sự khổ ải, đói nghèo khắp cả một vùng rừng là do cơ chế bao cấp trói buộc quá chặt. Cả vùng đất phì nhiêu, bao la mà dân không kiếm được miếng cơm, manh áo.

Đất này, xa xưa anh hùng dân tộc Lê Lợi đã dấy binh với ý thức: **Hung sức dân là kẻ thắng giặc lâu dài.**

Còn hôm nay, anh hùng lao động Lê Văn Tam đặt ra là: **Phải thật lòng lấy dân làm gốc, phát triển bền chặt quan hệ công - nông - trí thức.**

Vùng đất thiêng này đã bao đêm ông lang thang trong sương bạc, trắng mờ ở phía sau nhà máy nhìn thăm thẳm lên đỉnh núi Mục bên bờ sông Chu, chạnh lòng nhớ hồn đá còn in nguyên dấu hình Bình Định Vương Lê Lợi ngồi dạn chân mài mực cho tiên sinh Nguyễn Trãi viết "Cáo Bình Ngô". Lê Lợi luôn tâm niệm: **Tận tâm với dân, với quần thần là hạnh phúc lớn của người làm tướng.**

Những lúc tĩnh lặng với bao nỗi nhớ xưa cũ mà sử sách lưu truyền, ông Tam thấm biết ơn tiên tổ, cảm ơn anh em đồng đội bạn bè đã hết lòng cứu mang mình, giúp đỡ nhà máy vào thời khắc ban đầu đầy cam go và sóng gió.

Ông thường nhắc lại hai người bạn ở Tổng công ty thực phẩm miền bắc Đặng Văn Bảo và Phạm Văn Thực, Tổng giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam đã tin ông để xả thân liều mạng cho vay chỉ bằng tin chấp 500 triệu đồng lúc bấy giờ để công ty có vốn vực lại, mong nhà máy tồn tại và đi lên.

Nguyên Bộ trưởng Bộ nông nghiệp Nguyễn Ngọc Triu, người đã dành nhiều công sức và tâm huyết cứu mang cứu trợ nhà máy trong lúc cơ hàn để có hôm nay. Bộ trưởng đã quyết định cấp máy kéo, chuyển từ Đà Nẵng về hàng chục máy kéo sơn đỏ rực nằm khắp nẻo đường phía tây thành phố Thanh Hóa, làm cả tỉnh dào lên chuyện "Máy kéo của ông Tam".

Ngay lúc gian nan nhất, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã nhận ra vùng đất đầy tiềm năng này nên ký hỗ trợ vốn ban đầu cho công ty một tỷ đồng. Khi trao quyết định vốn, thủ tướng bảo ông Tam: **Cầm vốn phải vì đời sống dân mà chất chịu để lo tồn tại và phát triển.**

Thủ tướng nắm tay ông Tam rất lâu với ánh mắt đầy tin tưởng khi nói ra câu đó.

Ấm u và tĩnh lặng từ bao khó khăn chống chọi buổi ban đầu nhưng tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân và dân vùng



Ông Lê Văn Tam với chiếc cúp Kim cương Ngôi sao chất lượng dành cho nhà lãnh đạo doanh nghiệp xuất sắc nhất toàn cầu, do tổ chức Định hướng sản xuất toàn cầu trao tại Paris tháng 10-2011

mía luôn bên cạnh ông, vượt lên tìm lối thoát đưa công ty từng bước trưởng thành vững chắc. Ngày tháng đầy cam go ấy, hình như có hồn thiêng vua Lê nhập sâu trong lòng đất dẫn dắt từng bước đi của công ty. Ngày tháng ấy Lê Văn Tam đã đi đến một khẳng định: Nhà máy muốn tồn tại phải đủ nguyên liệu. Phải tạo điều kiện tốt nhất cho nông dân làm ra nhiều mía.

Ngày tháng nơi đất thiêng này có hai lần ông phải gục xuống đó là lần ký quyết định kỷ luật một công nhân do sơ suất làm hỏng nồi hơi làm nổ động cơ một vùng. Còn mới đây, khi ông Trịnh Ngọc Châu, bộ đội Miền Nam tập kết, nhiều năm làm giám đốc nông trường Sao Vàng, vừa vĩnh viễn ra đi. Ông gục xuống vì nhớ hình ảnh người giám đốc nông trường bao ngày phải xa xén, âm thầm tận tụy cùng bà con xứ đạo xã Quảng Phú - Thọ Xuân chặt từng đọt mía để ủ mầm, ươm giống.

Năm tháng ấy có lúc ông đã nản lòng trước bao điều ngang trái từ nhiều phía dồn về. Ông đã thức trắng bao đêm chỉ vì một ý định, một dự án đưa cây mía xuống đồng thấp nơi trồng lúa kém hiệu quả, nhưng ý định không thành. Lúc buồn đau ấy, bỗng ông nhớ một câu ai viết về bóng đá: **Thà phải làm cầu thủ dự bị vẫn có cơ vào sân để làm bàn. Nếu anh chân chương định bỏ ra làm cổ động viên tích cực thì chỉ vỗ tay đến rã rời mà thôi.**

Tôi có quá nhiều kỷ niệm với công ty này nhưng nhớ nhất là lần được ông gọi đi dự một hội nghị với toàn dân ở xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, một hội nghị sâu sắc nhất trong đời làm tôi khó quên. Đó là thời điểm gian nan của cơ chế, tổ chức thay đổi nhiều mặt. Nông dân tự phá mía hàng loạt để trồng sắn, trồng ngô.

Hội nghị kéo dài sáu giờ đồng hồ,

hơn hai trăm nông dân không ai chịu ra khỏi nơi ngồi họp. Trong tai tôi như vang vang mãi những tiếng kêu, những câu nói chân tình của bao người dân thật thà, chân chất ở vùng rừng ấy.

- **Bác Tam ơi! Bác cứu dân cả vùng dân đều biết nhưng hôm nay bác đừng hỏi vì sao dân lại phá mía để trồng sắn, trồng ngô. Đói quá bác ạ, không ai quen được với cái đòi bác ạ!**

- **Bác Tam ơi! Bác đừng hỏi vì sao nâng suất cây mía lại thấp. Chiều hôm qua chống tôi đi nhận hai bì phân, về đến đầu bản vào quán tiết canh lòng lợn với ông chủ thầu, mất gọn một bì.**

- **Bác Tam ơi! Công ty thực vật một hay thực vật mười không biết, thuốc sâu nhận về phun ba lần rệp mía không chết còn con tôi phải vào viện cấp cứu.**

- **Bác Tam ơi! Dân cả vùng này nhờ bác mà có hôm nay, có cơm ăn áo mặc, con cái được học hành nhưng làm sao bác hiểu hết mọi sự thật đắng cay ở mỗi kiếp làm người. Chống tôi theo gái vào Nam, ba mẹ con ở nhà làm hơn nửa héc ta mía. Trời đất hôm nay cho được gặp bác để nói, tôi xin nói thật. Nhập mía sớm vào đầu vụ thì độ đường thấp, ít tiền. Nhập vào cuối vụ mía lên bậc làm độ đường cũng thấp càng ít tiền nên ai cũng chạy để được nhập chính vụ. Chạy khổ lắm bác ơi! Bà kế toán, ông thôn trưởng, ông chủ thầu, nhiều cấp lắm... Đến lượt ba mẹ con tôi chặt cả ngày cả đêm được một đống mía cao như núi. Chờ xe ô tô chở thì anh lái bảo: Vác xuống đây, độ dốc lớn xe không leo lên tận đó được. Nghe vậy đành chạy về vay cả bản được hơn trăm ngàn đồng bạc, lúc ấy xe mới vượt dốc lùi lên tận nơi - Khổ đủ đường bác Tam ơi!**

Người nói ồa khóc còn ông Tam thì nhìn cảm xuống mặt đất và cũng rút khăn lau nước mắt.

Quá khứ với bao thăng trầm, bao sự thật, bao nhiều nhượng, bao trở trêu từ xa ập đến vùng đất, vùng rừng này mà mỗi con người phải tự vượt lên. Rồi cả công ty đã chung sức chung lòng với toàn dân bên người anh hùng hôm nay để vượt lên tất cả.

Hôm nay Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn, Thanh Hóa đã thành một tập đoàn kinh tế công nông nghiệp dịch vụ, du lịch, thương mại và bất động sản Látxucô trong топ 20 doanh nghiệp đứng đầu cả nước. Hôm nay hai nhà máy đường với công xuất 10 ngàn 500 tấn mía /ngày đồng nghĩa với một ngàn lượt ô tô tải chở mía vào nhà máy mỗi ngày trong vụ ép. Rồi Nhà máy cồn 27 triệu lít /năm và 12 nhà máy thành viên khác cùng với nông dân 12 huyện có 1, 3 triệu dân cả vùng làm mía sống bằng cây mía. Riêng công ty có 1320 cán bộ công nhân trong đó hiện có 166 kỹ sư, thạc sỹ cùng 973 công nhân kỹ thuật để có doanh số mỗi năm trên 2 ngàn tỷ đồng. Nộp ngân sách cho Nhà nước gần 300 tỷ đồng.

Nơi vùng đất Lam Sơn nghĩa quân dấy binh xa xưa, nay đã hình thành một thị trấn 15 vạn dân sầm uất và mang đậm sắc thái tâm linh và sâu nặng tình nhân văn.

Từ năm 1995 đến nay, Công ty đã góp vào sự nghiệp xóa đói giảm nghèo trên 15 tỷ đồng. Phụng dưỡng suốt đời 89 mẹ Việt Nam anh hùng trong đó có 5 mẹ anh hùng ở tỉnh Long An ..

Những việc làm mang tính nhân văn sâu sắc này khiến nhiều người cảm thấy chỉ là chuyện thường. Nhưng để làm việc từ thiện thì thật khó mà khó nhất vẫn là sự đồng lòng nhất trí của toàn thể những người lao động và từ cái tâm của người đứng đầu có dám chịu trách nhiệm hay không?

Quyết tâm đưa Latsuco thành một tập đoàn kinh tế mạnh đang trở thành hiện thực. Nơi đây sẽ thành một khu du lịch tâm linh, sẽ có 2, 5 triệu tấn mía nguyên liệu để có 300 ngàn tấn đường và 25 triệu lít cồn mỗi năm từ cây mía.

Nơi đây không xa sẽ có Nhà máy nhiệt điện 15MW/h cùng lúc có 100 ngàn tấn dầu sinh học và 60 ngàn tấn phân sinh học. Sẽ có 8 ngàn tỷ đồng /năm, đưa lương binh quân đảm bảo 12 triệu đồng một người /tháng và 5 ngàn lượt thanh niên vùng mía được đào tạo bài bản trở lại phục vụ cho vùng đất thiêng, cho những ước mơ mà bao con người nơi đây hằng mong đợi.

Bây giờ mọi quy trình công việc đã vào guồng quay, một quy trình khép kín để tăng trưởng bền vững và ổn định trong một hoàn cảnh kinh tế toàn cầu đang biến động là một việc làm vô cùng khó mà không phải doanh nghiệp nào cũng làm được.

Người anh hùng duy nhất trong thời kỳ đổi mới trên đất xứ Thanh hôm nay còn nhiều trăn trở về nông dân và nông thôn. Ông cho rằng mô hình nông thôn mới không thể chỉ do nhà nước đầu tư vào trước rồi mới tiến hành các bước sau. Không thể lấy tiền nhà nước ra làm mà nhà nước chỉ nên hỗ trợ một phần khi phối hợp nó. ý nghĩ ấy đã đưa ông đến một huyện nghèo Ba Thước để thực nghiệm. Qua tìm hiểu kỹ càng ông khẳng định: Chỉ có doanh nghiệp mới giúp nông dân làm giàu để phát triển vững chắc mục tiêu xây dựng nông thôn mới được.

Một quyết định của ông đưa ra thông qua hội đồng quản trị là cho ra đời Công ty đầu tư phát triển Lam Sơn tại Bá Thước, với quyết tâm đến năm 2015 huyện Bá Thước thoát nghèo bằng cách xây dựng một vùng nguyên liệu mía 5 ngàn héc ta và một nhà máy đường 5 ngàn tấn /ngày. Khi ấy huyện Bá Thước làm ra 6 trăm ngàn tấn mía để có 70 ngàn tấn đường thì huyện sẽ có 6 ngàn tỷ mỗi năm.

Hiện nay công ty đang xây nhà máy gạch tuy nen 40 triệu viên /năm. Đầu tư vào 50 tỷ để có một vùng công nghiệp tạo nên một diện mạo nông thôn mới ở vùng sâu vùng xa bao đời đói khổ.

Năm 2011, Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn đã xây xong 23 căn nhà cho những hộ nghèo nhất huyện Bá Thước với giá trị 690 triệu đồng. Công ty cũng đã xây xong 18 căn nhà cho người nghèo ở huyện Như Xuân, giá trị mỗi căn nhà 30 triệu đồng, tất cả là 540 triệu. Số tiền nhà cho hộ nghèo năm nay đã thực

*Hướng tới tương lai, bền chí góp phần liệu bề Nước mạnh.
Nhìn về quá khứ, quyết tâm tìm cách lo chuyện Dân giàu.*

VIỆT HÙNG

TẾT TRÊN VAI MẠ

NGÔ MINH

Cứ mỗi dịp Tết về tôi lại nôn nao nhớ hình ảnh mạ tôi xưa suốt mấy chục năm kéo kết triềng giồng, gánh Tết trên vai. Kỳ ức Tết tuổi thơ ấy đã thành máu thịt, thành chất liệu làm nên tâm hồn tôi. Làng Thượng Luật quê tôi ở vùng cát biển nam Quảng Bình. Làng tôi đánh giặc thì giỏi lắm, có đại đội nữ pháo binh Ngư Thủy anh hùng bắn cháy tàu chiến giặc những năm đánh Mỹ, nhưng làng tôi rất nghèo. Có câu hát nhại ca từ Hoàng Văn: "Quảng Bình khoai khoai toàn khoai", hẳn là hát về làng tôi. Khi tôi bảy tuổi thì ba tôi mất trong Cải cách ruộng đất. Chị đầu đi lấy chồng, bốn anh em tôi còn nhỏ. Thế là gia đình không thuyền lưới, không có người đi biển. Sau một thời gian phải cầm rổ đi xin từng con cá dọc bờ biển chang chang nắng gió, rồi đi một túng củ khoai hà, mạ tôi quyết định chuyển sang nghề chạy chợ. Mạ tôi phải tần tảo chạy chợ mấy chục năm liên kiếm gạo nuôi con. Hồi đó ở miền Bắc, ngoài cửa hàng Mậu dịch và Hợp tác xã mua bán, không ai được mở cửa hàng tư, vì thế 'cửa hàng' của mạ là đôi triềng giồng trên vai, không ai bắt phạt được.

Mạ buồn chè xanh, thơm (dứa), quả mận quân, mít xanh, mít chín... từ Chợ Huyện, quê ngoại Vĩnh Linh, gánh về làng biển đổi cá cho bà con trong làng. Cá ngừ, cá thu thì cắt miếng kho, các loại cá cơm, cá đuối, cá nục... thì phơi làm cá khô hoặc làm mắm nêm, nước mắm... rồi gánh đi chợ Tréo, chợ Mai, chợ Hòm Trạm, Chợ Chè khắp huyện Lệ Thủy để bán. Từ làng tôi đi chợ Tréo gần hai mươi cây số, phải trèo đống cát tới sáu cây số, gánh nặng đi năm tiếng đồng hồ mới kịp giờ họp chợ. Nên mạ dậy từ hai giờ sáng, đến tối mới về. Những ngày Mỹ ném bom miền Bắc, đoạn đường mạ tôi đi chợ ngày nào cũng có bom nổ. Mỗi lần nghe bom nổ đầu đó, anh em tôi lo thất ruột. Bữa mỗ bán ế, mạ lại gánh cá, mắm lên chợ Hòm Trạm hay vào các làng ở Liên Thủy, Mỹ Thủy bán cho bằng hết. Vì cuộc sống anh em tôi ở trên vai mạ nên khi mạ về mới có rau, cá, để ăn, có quần áo, sách vở để học. Nhiều bữa cả bốn anh em chờ tới tận mười giờ đêm mạ mới về... Ăn xong anh em tôi lăn ra ngủ, mạ lại lui cui chuẩn bị cá mắm để sáng mai lên chợ... Khi anh em tôi thức dậy thì thấy nổi cơm, xoong cá đã để trên chạn bếp. Đó là thức ăn cho mấy đứa suốt ngày...

Vào mỗi dịp giáp Tết, từ đầu tháng Chạp âm lịch, mạ tôi chạy chợ liên tục, mỗ hỏi mỗ kẻ nhể nhại. Bốn anh em trai chúng tôi thường xuyên ra gốc dương cổ thụ đầu xóm đón mạ mỗi tối. Có lần tôi được đi chợ Huyện (tức chợ Hồ Xá, Vĩnh Linh) vào ngày 26 Tết với mạ. Tôi lẻo đẻo đi bộ theo mạ vượt 26 cây số Trường Nhà Hồ. Đến chợ tôi say mê chạy theo mấy ông bán

tò he, gà đất, chó bột, chân vấp phải hàng nổi đất, vỡ mất chiếc nồi nấu cơm của họ, mạ phải đến. Mạ mắng tôi mà nước mắt lưng tròng.

Tết mạ tôi gánh đến cho người làm ruộng là những chai nước mắm ngon, gọi là nước mắm chắt, nước mắm nhĩ, tức là loại nước mắm cốt từ trong chượp chắt ra, nhĩ ra tự nhiên, ngon lắm. Rồi những con mắm mục, mắm trích thỉnh thoảng phức, những khúc cá ngừ, cá thu kho ngon lụng; Tết mạ gánh về cho bà con làng biển Thượng Luật nghèo là bó chè xanh, quả thơm, quả mít chín, gạo nếp, rồi bao nhiêu thứ kẹo bánh cho trẻ con như: kẹo bi, kẹo bột đậu bọc giấy bóng xanh đỏ tím vàng, kẹo cứt gà (tên kẹo như thế vì kẹo nấu bằng đường thủ công tẩm bột nâu, đen đen trắng trắng như viên cứt gà khô trên cát); rồi các thứ bánh để thờ trên bàn thờ ngày Tết như bánh in bọc giấy bóng xanh đỏ, bánh ít, rồi lá dong, lá chuối để bán cho các nhà gói bánh chưng bánh tét. Chỉ có tối ba mươi Tết là mạ về sớm hơn. Nói là sớm cũng bốn năm giờ chiều. Về để làm cơm cúng tất niên, chuẩn bị bàn thờ đón Giao Thừa. Mạ chợ về trên vai một gánh Tết đầy...

Mạ nấu xôi, chè, làm con gà giò luộc để nhờ thầy xem giò đoán vận hạn, nấu các món thịt xào, thịt phay, canh bún riêu cua... làm mắm cơm cúng tất niên. Mạ vừa nấu cúng vừa bán hàng Tết chịu nợ cho bà con nghèo, vì đến gần giao thừa rồi mà nhiều gia đình vẫn chưa kiếm được tiền sắm Tết. Anh em tôi thì lo soạn bàn thờ, thắp nhang đèn. Cúng tất niên xong là mạ bắt đầu gói bánh chưng bánh tét. Tết nào mạ cũng nấu một nồi lớn bánh chưng sôi sùng sục. Anh em chúng tôi được mẹ phân công rửa thì lau chùi các thứ lư đỉnh ấm chén trên bàn thờ, thay cát thờ mới, riêng tôi thì canh nồi bánh chưng, khi nào cạn nước thì thêm nước. Tôi trải chiếu chiếu rách bên nồi bánh, thắp cây đèn dầu nằm đọc sách, vừa canh nồi bánh vừa đợi giao thừa, rồi có Tết ngủ quên lúc nào không biết.

Còn mạ thì vẫn cặm cuì làm các loại bánh như bánh nố, bánh đúc, bánh ú.v.v. để mai sớm gánh ra bán ở nơi làng tổ chức đánh đu, chơi Tết. Làng tôi hồi đó Tết nào cũng trồng hai cây đu lớn. Hội đu là nơi vui nhất trong mỗi cái Tết. Từ rằm tháng Chạp, người ta đã kéo nhau vào các làng xã miền ruộng để chọn mua tre la ngà về dựng đu. Bắt đầu từ sớm mùng Một Tết, đồng đảo thanh niên nam nữ trong làng đã chen nhau vào chơi đu. Trẻ con chúng tôi thì đứng xem vỗ tay tán thưởng mỗi khi có cặp chơi đu vút lên cao thẳng đứng. Mấy anh thanh niên cứ mỗi lần thấy hai ống quần lùa gió của các chị bay ngược xuống đuôi là vỗ tay rần rần. Tết làng tôi còn có hội đua thuyền. Hơn chục chiếc thuyền đánh cá của các đội sản xuất

được sơn lại như mới, rồi vẽ rồng bay phượng múa. Mỗi thuyền có 16 thanh niên lực lưỡng cầm chèo, một ông già đầu bịt khăn đóng, ngồi trước mũi thuyền đánh sanh, hò dõ rất nhịp nhàng. Cả làng đổ xô ra bờ biển hò hét. Có người giơ nón lên cao, lội ra biển để vẫy. Rồi trò ném vòng cổ chai, ném quả bóng bàn vào giỏ do Đồn biên phòng tổ chức thu hút rất nhiều thiếu niên như tôi.

Chuyện Tết rất ấn tượng nửa thời bao cấp ở làng tôi là xem phim. Những ngày đó ở Quảng Bình có Đội chiếu bóng lưu động số 17. Cứ một năm vài lần Đội lại đem phim về chiếu ở xã tôi, thường vào dịp trước Tết hoặc sau Tết năm bảy ngày. Đó là ngày hội của làng. Các thôn Liếm Lấp, Liếm Vàng, Tây Thôn xa 17 cây số, trẻ con, người lớn cũng bơi cơm ra làng Thượng coi phim. Mỗi lần phim, làng phải cử 12 thanh niên trai tráng vượt đống cát lên Quốc lộ 1A, khiêng vác máy nổ, máy chiếu, màn ảnh vẽ. Hai đêm chiếu phim xong lại khiêng máy lên trả. Khi phim về mạ tôi nấu cơm sớm để anh em tôi đi xem. Chúng tôi ra bãi từ khi chưa tắt mặt trời để giành chỗ ngồi trước. Ngồi mãi đến gần tám giờ tối người ta mới loa "Buổi chiếu bóng xin phép được bắt đầu. Hôm nay Đội chiếu bóng lưu động số 17 sẽ phục vụ bà con hai bộ phim thời sự và phim truyện..."

Sáng mừng một Tết, mạ tôi dọn mâm xôi chè và mấy thứ bánh cúng ông bà, cúng ba tôi, phát áo mới cho bốn anh em, dặn không được sang nhà họ đập đất, lo trong năm có gì xui họ trách, rồi mạ triềng giồng gánh Tết lên vai... Mạ đi "phục vụ Tết" cho bà con" tới chiều tối mừng Một mới về.

Mạ tôi là người nấu ăn giỏi nhất làng. Bởi thế mà suốt mấy chục năm khi xã, hợp tác xã có liên hoan là lại mời mạ tôi đứng bếp. Các thầy giáo trong huyện về Ngư Thủy dạy cấp 1, cấp 2 đều ở nhà tôi, có lẽ một phần vì nhà tôi có tủ sách lớn do ba tôi để lại, phần nữa là do mạ nấu ăn ngon. Mạ tôi làm bánh nố bằng thóc nếp rang nổ, sấy vỏ rồi cho vào nấu với nước đường, thêm tí vani, tí bột đao, ép khuôn cắt thành từng vuông nhỏ, hoặc vát tròn như quả mận. Ăn ngọt mà giòn rụm. Ngày Tết, trẻ con trong làng rất thích loại bánh này. Mạ còn nấu bánh đúc bằng gạo mùa mới gặt. Nấu cho nhuyển, thêm gia vị tiêu hành rồi đổ ra cái mâm thau, đợi bánh nguội, cắt thành từng miếng hình thoi, xếp vào thùng lót lá chuối, gánh đi bán. Bánh đúc chấm nước lèo ăn no vẫn thơm thêm...

Cuộc đời mạ tôi trăm luan vất vả. Nước mắt Mạ nhiều hơn nụ cười. Chỉ có đêm ba Mươi, sớm Mùng Một là có Tết ở nhà. Gọi là Tết nhưng phải lo bao việc sáng đêm quần quật. Trong kỷ ức của tôi, Tết luôn luôn ở trên vai Mạ. ■

hiện ở cả hai huyện là 1 tỷ 230 triệu đồng. Mẫu hình nông thôn mới ở Bá Thước đã vào cuộc - bắt đầu từ cây mía, từ vốn đầu tư cho phát triển chăn nuôi và ngành nghề thủ công truyền thống. Nông dân góp đất, tổ chức lao động do công nhân của công ty quản lý, họ được hưởng 50% lợi tức làm ra mỗi năm.

Cách làm mới này địa phương có ba cái lợi là nông dân còn đất, việc làm đảm bảo ổn định và đưa con em vào trường dạy nghề để thành lao động có kỹ thuật cao.

Ngoài hưởng hoa lợi, hàng năm được bảo đảm việc làm và các khoản phúc lợi khác đã tạo được lòng tin cho dân.

Cách thí nghiệm kiểu nông thôn mới này, công ty cổ phần mía đường Lam Sơn đang đưa mỗi xã 30 lao động trẻ về trường Cao đẳng dạy nghề do công ty đào tạo. Mỗi tháng công ty đài thọ 1, 5 triệu đồng và có nơi ở nội trú. Ngoài việc lo cho một ngàn lao động con em vùng mía mỗi năm được học, công ty còn có phương thức mỗi năm học tại trường 6 tháng còn 6 tháng về địa phương cùng

học và cùng làm với nông dân đang là một mô hình khá ấn tượng của công ty đường Lam Sơn - Một Công ty được phong tặng danh hiệu anh hùng thời kỳ đổi mới từ năm 1999 ở xứ Thanh.

Nơi huyện vùng cao Bá Thước, vùng du lịch Sơn bả mươi ở Lũng Cao sẽ có khách sạn cho khách thập phương đến tham quan du lịch, có chợ và chương trình trồng rau sạch, cà chua, hoa quả cùng lúc đang được tiến hành.

Cách đây ba năm, khi anh Hà Thanh Khứt còn làm trưởng Ban tuyên giáo Huyện ủy Bá Thước đã đến nhà riêng thăm tôi cùng Bí thư Huyện ủy Hoàng, lần ấy anh Khứt bảo:

- Bá Thước khó tìm lối thoát nghèo lắm anh ơi!

Còn lần này gặp lại anh với cương vị Bí thư Huyện ủy, anh vui cười nói:

- Gặp được anh hùng Lê Văn Tam, nhân dân Bá Thước như có một vị cứu tinh để mong thoát đói nghèo cả về kinh tế và văn hóa anh ạ!

Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn, đơn vị anh hùng, hôm nay đang từng

bước thận trọng tìm lối đi để trở thành một tập đoàn kinh tế mạnh. Tôi cũng vừa đến thấp hương ở Đền thờ Phủ Bà mà công ty đang xây dựng sau Nhà máy cồn.

Sao đất trời lại dành riêng một vùng có 5 ngọn núi nổi nhau bao quanh và luôn bừng sáng. Đến Mẫu là nơi thờ bà Trịnh Thị Ngọc Lữ - vợ chính ngôi của Vua Lê. Phần mộ bà còn nguyên nơi xa xưa đã được gìn giữ. Có điều lạ, cạnh ngôi mộ trên lối vào phủ lại mọc lên một cây mít ba thân xanh tốt đứng bệ thế và hoành tráng lạ thường. Tôi đã gặp nhiều loại cây cổ thụ ba thân đều nhau nhưng cây mít ba thân như nơi này thì tôi chưa thấy nơi nào có. Vùng đất Lam Sơn không xa sẽ trở thành một khu du lịch tâm linh là sự thật. Phía tây là hồ Cửa Đạt có Nhà máy thủy điện 97Mkwát vừa mới khánh thành Đền thờ Cửa Đạt, nơi ngàn đời thờ Bà Chúa Thượng Ngàn nổi tiếng linh thiêng và bên cạnh là đền thờ Cẩm Bá Thước - người anh hùng cổ công lớn trong cuộc chống thực dân Pháp xâm lược. Nơi thượng nguồn sông Chu ấy bây giờ là hồ chứa 1, 5 tỷ mét khối nước, sẽ

là điểm du lịch tuyệt vời cho du khách gần xa từ Thành nhà Hồ ngược lên vùng đất thiêng này.

Rồi khách lại về với Khu di tích Lam Kinh, một quần thể di tích đang được trùng tu, tôn tạo với 4 tòa thái miếu trang nghiêm.

Lam Sơn, với hơn ba trăm năm nhà Lê trị vì đã để lại bao dấu tích, bao nhiêu huyền thoại mà đất nước này ai cũng biết một vùng đất có quá nhiều triều vua.

Có lẽ thế nên người anh hùng Lê Văn Tam hôm nay đã dốc toàn tâm, toàn lực suốt một phần tư thế kỷ mong thấp sáng lại một vùng rừng đầy huyền bí.

Một triệu ba dân ở 12 huyện vùng trung du miền núi phía tây bắc tỉnh Thanh có cơm ăn, áo mặc và thoát nghèo đói là tâm nguyện của ông, tâm nguyện của những người từng sống và làm việc ở nơi này.

Quả thật không thể nói khác là chính ông, người đã vượt qua bao thăng trầm biến cố với bao thử thách, hy sinh để nuôi sống lại cả một vùng rừng, làm cả vùng rừng rực sáng trên đất quê Thanh. ■

CON ĐƯỜNG CỦA CÁI ĐẸP

Ngày 11 tháng Giêng năm Nhâm Thìn (2012), Liên hoan thơ Châu Á – Thái Bình Dương lần thứ nhất sẽ chính thức khai mạc tại Hạ Long, Quảng Ninh. Gần 80 nhà thơ quốc tế cùng các nhà thơ Việt Nam sẽ cất tiếng nói của mình về vẻ đẹp của thi ca và về một Châu Á – Thái Bình Dương hòa bình, hữu nghị và phát triển. Nhân sự kiện văn hóa đầy ý nghĩa này, Tuần báo Văn nghệ đã có cuộc trò chuyện với nhà thơ Nguyễn Quang Thiều, Phó Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, thành viên Ban tổ chức.

Phóng viên: Thưa ông, ý tưởng về Liên hoan thơ Châu Á – Thái Bình Dương lần thứ nhất được nảy sinh từ đâu và với mục đích gì?

Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều: Một trong những nhiệm vụ của Ban Chấp hành Hội Nhà văn Khóa VIII là đẩy mạnh hơn nữa việc giới thiệu văn học Việt Nam ra thế giới. Và để làm việc này chúng ta có hai cách. Cách thứ nhất là dịch và giới thiệu thơ Việt Nam trên các báo, tạp chí văn học của các nước trên thế giới cũng như xuất bản các tập thơ Việt Nam ở nước ngoài. Cách thứ hai là giới thiệu thơ ca Việt Nam cho bạn đọc và các nhà thơ quốc tế khi họ đến Việt Nam. Trong khi Hội Nhà văn đang tiến tới thành lập Trung tâm dịch thuật văn học Việt Nam, thì cách thứ hai là một cách có hiệu quả. Không ít các nhà thơ quốc tế đến Việt Nam tìm hiểu con người, văn hóa và thơ ca Việt Nam. Rồi từ đó họ đã dịch và giới thiệu thơ Việt Nam tới công chúng ở đất nước họ. Chính vì vậy mà Ban Chấp hành Hội Nhà văn đã quyết định tổ chức Liên hoan thơ này. Mục đích của Liên hoan thơ lần này là nhằm giới thiệu thơ ca Việt Nam cho các nhà thơ thế giới, đồng thời giới thiệu thơ Châu Á – Thái Bình Dương cho các nhà thơ và bạn đọc Việt Nam. Và qua thơ ca, các nhà thơ tham dự Liên hoan thơ sẽ cùng nhau cất tiếng về vẻ đẹp thơ ca, về đẹp của đời sống tinh thần và về một Châu Á – Thái Bình Dương hòa bình, hữu nghị và phát triển. Các dân tộc có rất nhiều con đường đến với nhau và thơ ca là một trong những con đường huyền diệu nhất. Hình ảnh các nhà thơ đến từ nhiều nền văn hóa khác nhau, từ các tôn giáo khác nhau và từ các quốc gia có nền chính trị khác

nhau để cùng nhau ngợi ca vẻ đẹp của thơ ca và của đời sống là một trong những hình ảnh nhân tính nhất của nhân loại. Hình ảnh đó làm cho chúng ta tin hơn vào tương lai tốt đẹp của một thế giới vẫn còn những hận thù và nhiều bất trắc.

Phóng viên: Và thành phố Hạ Long chính là nơi mà các nhà thơ Châu Á – Thái Bình Dương và các nhà thơ Việt Nam tụ hội? Phải chăng đó cũng là một thông điệp?

Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều: Hạ Long chính là nơi Ban tổ chức chọn lựa để khai mạc Liên hoan thơ bởi đây là một trong những di sản thiên nhiên kỳ diệu nhất trên thế giới và Quảng Ninh là nơi đã tổ chức Ngày thơ rất sớm trước khi có Ngày thơ Việt Nam. Ban tổ chức đã nhận được sự ủng hộ rất lớn của Tỉnh ủy, ủy ban và Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Quảng Ninh. Việc chọn lựa bất cứ địa điểm nào để tổ chức cuộc gặp gỡ của các nhà thơ cũng đều chứa đựng thông điệp của nó. Liên hoan thơ lần này có thể nói được tổ chức ở hai nơi vô cùng đặc biệt: Một nơi là di sản thiên nhiên kỳ vĩ – Hạ Long, một nơi là di sản văn hóa lâu đời – Văn Miếu. Liên hoan thơ lần này sẽ diễn ra vào dịp Hội Nhà văn tổ chức Ngày thơ Việt Nam lần thứ 10. Các nhà thơ quốc tế sẽ tham dự Ngày thơ Việt Nam lần thứ 10 như một phần quan trọng trong chương trình của Liên hoan thơ. Hai địa điểm đó đã gián tiếp nói với chúng ta rất nhiều điều. Và chúng ta cũng đều hiểu rằng: con người chỉ có thể tìm thấy ý nghĩa đích thực của đời sống trong những vẻ đẹp của thiên nhiên và của văn hóa.

Phóng viên: Thưa ông, các hoạt động của Liên hoan thơ có gì đặc biệt?



Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều: Tôi có thể nói rằng: chỉ việc các nhà thơ của hàng chục nước đến Việt Nam cùng với các nhà thơ Việt Nam và cất tiếng về những điều đẹp đẽ nhất của đời sống tinh thần nhân loại đã là một sự kiện đặc biệt. Trong những ngày diễn ra Liên hoan thơ, các nhà thơ sẽ cùng nhau đọc thơ, giao lưu với bạn đọc và nói về con đường mà các dân tộc đã đi và phải đi tới trong tương lai. Không có gì xúc động, sâu sắc và đẹp hơn con đường của thơ ca hay có thể nói chính xác hơn con đường nhân loại đi là một con đường mang tinh thần của thơ ca. Đó là con đường của cái đẹp, của chủ nghĩa nhân văn, của những sáng tạo và những giấc mơ hòa bình. Liên hoan thơ này hòa cùng với Ngày thơ lần thứ 10. Vì vậy, khác với những Ngày thơ trước đây là sẽ có các nhà thơ đại diện cho 10 tỉnh thành trong cả nước đến Văn Miếu. Họ sẽ mang đến những giọng

thơ khác biệt và những vẻ đẹp đặc trưng nhất của văn hóa địa phương mình.

Phóng viên: Ông đã tham dự nhiều Liên hoan thơ quốc tế trên thế giới và ông mang cảm xúc gì về những hoạt động thơ ca như vậy?

Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều: Hành động một nhà thơ âm thầm viết những câu thơ trong căn phòng riêng biệt của mình với khát vọng Tự do và Hòa bình cũng đã nói với thế gian này biết bao điều xúc động và lớn lao. Và hành động các nhà thơ ở nhiều miền trên thế giới đi một chặng đường dài đến một nơi nào đó để hiện diện trước bao con người với bao số phận khác nhau và đọc một bài thơ cho dù chỉ có 3 câu luôn luôn ám ảnh tôi. Đó thực sự là một hành động cứu vớt. Tôi nói điều này với tất cả sự chiêm nghiệm có được của mình.

Phóng viên: Ông có cho rằng Liên hoan thơ cũng là một trong những xúc tác tốt vào đời sống thơ Việt Nam hôm nay đang gặp những vấn đề của nó mà các nhà nghiên cứu, các nhà thơ và bạn đọc đã và đang lên tiếng?

Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều: Mọi điều hay mọi hành động tốt đẹp cho dù nhỏ bé cũng luôn luôn tác động vào sự phát triển. Ngay cả một vẻ đẹp hay một sự xúc động ta nhận ra trong đời sống thường nhật từ những con người vô danh cũng là một xúc tác tốt cho thơ ca. Thơ ca là kết quả không phải của một ngày, không phải của một việc mà là của một quá trình. Mọi tác động của nước, của đất, của gió, của nắng bên bờ và âm thầm trong suốt một năm để một ngày làm nở một bông hoa chỉ bé bằng chiếc cúc áo. Nhưng quan trọng hơn, sự hiện diện của thơ ca hay là các hành động sống mang tinh thần thơ ca cho dù không phải lúc nào cũng nhìn rõ nhưng luôn luôn lan tỏa và giống như một chiếc neo để đời sống không bị trôi vào những vùng chết của tình phi nhân bản.

Phóng viên: Xin cảm ơn ông và xin chúc Liên hoan thơ thành công.

PV

SỐ TAY THƠ



Thời gian qua kẻ tay
Làm khô những chiếc lá
Kỷ niệm trong tôi
Rơi
Như tiếng sỏi
Trong lòng giếng cạn
Riêng những câu thơ còn xanh
Riêng những bài hát còn xanh
Và đôi mắt em
Như hai giếng nước

VĂN CAO
Tháng 2-1987

Lời bình của TRẦN BÁ GIAO

Đã có nhiều bài thơ viết về thời gian, có nhiều cách nhìn cách nghĩ khác nhau về thời gian; và vì thế, viết về thời gian để có những câu thơ sống mãi với thời gian đâu dễ. Văn Cao một tài năng lớn của Việt Nam trong âm nhạc thì đã quá rõ. Văn Cao còn là một nhà thơ với đúng nghĩa là một nhà thơ qua tập *Lá* của ông. Bài thơ *Thời gian* là một trong những bài thơ hay Văn Cao viết vào năm 1987. Đó là thời kỳ đầu công cuộc đổi mới của đất nước, thời kỳ mà nhiều văn nghệ sĩ tài hoa được đánh giá lại đúng với những gì họ đã đóng góp cho văn học nghệ thuật Việt Nam. Là nhạc sĩ - họa sĩ tài hoa, bài thơ *Thời gian* đã thể hiện cảm xúc thơ với những âm thanh hình ảnh ẩn tượng tạo nên nét đặc sắc riêng của thơ Văn Cao.

Mở đầu bài thơ Văn Cao đã chạm khắc được khái niệm rất trừu tượng là thời gian. Đó là thời gian gắn với con người, gắn với thiên nhiên:

Thời gian qua kẻ tay
Làm khô những chiếc lá

Thật đúng là thi trung hữu họa. Ta có thể cảm nhận được rung cảm sâu sắc của nhà thơ. Câu thơ đã thể hiện hình ảnh một thi sĩ già đang nâng ly rượu trên tay (đó là hình ảnh đặc trưng của Văn Cao) nhìn qua kẻ tay mình thấy được thời gian đang trôi đi. Chiếc lá mà Văn Cao hình dung là chiếc lá đã khô. Bản thân chiếc lá tự khô theo thời gian, nhưng Văn Cao đã hình tượng hoá thời gian, nhân cách hoá thời gian để *Thời gian* làm chủ thể tác động đến lá.

Tiếp tục mạch cảm xúc về thời gian, thi sĩ Văn Cao nhắc về kỷ niệm của mình. Kỷ niệm gắn liền với quá khứ. Kỷ niệm được cất giữ trong trí óc và trái tim của nhà thơ.

Kỷ niệm trong tôi
Rơi
Như tiếng sỏi

Trong lòng giếng cạn
Cảm xúc của thi sĩ nhắc đến kỷ niệm là cảm xúc của một nhạc sĩ, một họa sĩ. Vì thế thật dễ hiểu khi ông dựng lên hình tượng *kỷ niệm rơi như tiếng sỏi trong lòng giếng cạn*; tiếng sỏi rơi vào lòng giếng cạn mới có độ vang lớn. Kỷ niệm được trân trọng sẽ còn mãi trong tâm trí những con người không quên quá khứ. Câu thơ ẩn tượng, gợi cảm, cho ta thấy một Văn Cao trân trọng kỷ niệm, những kỷ niệm gắn với những bước thăng trầm trong cuộc đời ông. Nếu cứ chạy theo những kỷ niệm vui buồn chắc Văn Cao sẽ lại nhắc đến ly rượu của mình. Nhưng không, Văn Cao đang nói về thời gian, đang nói về cái không dừng của vòng quay trái đất, nên hai câu thơ tiếp theo ông nói đến những câu thơ, những bài hát - những đứa con tinh thần của mình:

Riêng những câu thơ còn xanh
Riêng những bài hát còn xanh

Thơ và nhạc, nhạc và thơ của Văn Cao đã được thời gian kiểm chứng, đã được công chúng khẳng định, nó sẽ mãi mãi còn xanh, nó đâu khô (như những chiếc lá). Bài thơ chuyển ý nhưng vẫn nằm trong mạch ngầm của tứ thơ đưa người đọc trở về với sự liên tưởng về những tác phẩm nhạc và thơ của Văn Cao. Chắc hẳn hẳn bạn đọc sẽ cùng ý nghĩ với tôi khi liên tưởng đến câu thơ nổi tiếng của Đại thi hào Gớt:

Mọi lý thuyết trên trời đều xám xịt
Chỉ cây đời mãi mãi xanh tươi

Thơ và nhạc của Văn Cao mãi còn xanh. Nó gắn bó những bước đi của cách mạng Việt Nam, nó là cây đời của Văn Cao.

Bài thơ càng sâu sắc và thi vị hơn khi kết thúc bằng hai câu thơ:

Và đôi mắt em
Như hai giếng nước

Kết thúc bài thơ thật bất ngờ khi thi sĩ nói về đôi mắt của một người con gái. Đôi mắt ấy như hai giếng nước đối lập với giếng cạn ở trên. Đó chính là nguồn cảm xúc để Văn Cao có được *những câu thơ còn xanh* và *những bài hát còn xanh*. *Đôi mắt em* ấy vừa cụ thể vừa trừu tượng, nó gắn với người phụ nữ của Văn Cao nhưng nó cũng mang ý nghĩa tượng trưng là "nàng nghệ thuật" là *cái đẹp* trong cuộc sống để thi sĩ và chúng ta soi vào...

Cảm ơn Văn Cao thi sĩ đã đem đến cho chúng ta một bài thơ hay về thời gian. ■

Hà Nội, Thu 2011

THỜI GIAN

MỘT NĂM CHƯA KHÉP

NGUYỄN CHÍ HOAN

KHI trang báo này lên khuôn thì một năm văn học vẫn còn chưa khép lại bởi những giải thưởng văn học quan trọng của năm còn chưa được công bố – (giải thưởng của Hội Nhà văn Hà Nội và của Hội Nhà văn Việt Nam); trong lúc Hội Nhà văn Tp.Hồ Chí Minh đã trao hai Tặng thưởng cho hai tác giả thơ, một Giải thưởng Nhà văn trẻ cho một tác giả văn xuôi (tập truyện ngắn) từ giữa tháng Mười hai vừa rồi – một kết quả gây bất ngờ hăng hực với nhiều người; đặc biệt là có ba tác phẩm thuộc lĩnh vực phê bình - lý luận gửi về dự giải song không lọt được vào vòng chung khảo.

Tuy rằng kết quả giải thưởng văn học nêu trên của đô thị lớn nhất đất nước không phải là lệ ngoại bất thường, sự xôn xao về kết quả đó không lớn lắm, song khía cạnh được lưu tâm trong đó - không có tác phẩm phê bình - lý luận nào được biểu dương - hầu như đã phản ánh một trong những mối quan tâm nổi bật nhất về lĩnh vực văn học trong năm vừa qua khi mà những hoạt động tọa đàm hội thảo văn học ngày càng có vẻ thiết thực và có tính mục tiêu cụ thể, xác định hơn.

Và có thể cũng vì Tết Nhâm Thìn 2012 sẽ đến sớm nên nhiều sự bận rộn đang dồn cho việc chuẩn bị cái khởi đầu của năm văn học mới, một khởi đầu mang tính biểu trưng đang trên đường thành một phong tục mới từ mười năm nay: Ngày Thơ Việt Nam lần thứ mười, sẽ gắn nối với Liên hoan Thơ Châu Á lần thứ nhất được tổ chức theo sáng kiến của Hội Nhà văn Việt Nam - hoạt động sẽ nhấn mạnh sự định hình của phong tục Ngày thơ Việt Nam.

Nhìn lại thì một chuỗi hoạt động văn học đáng chú ý trong năm vừa qua cũng đã khởi đi từ một sự kiện thơ ca chưa từng có: việc chỉ hội Hải Phòng của Hội Nhà văn Việt Nam cùng Hội Nhà văn Hải Phòng tổ chức thành công cuộc hội thảo "Thơ Mai Văn Phấn & Đồng Đức Bốn - Khác biệt và Thành công", vào ngày 15 - 5 - 2011. Hơn năm mươi bản tham luận đã được gửi tới diễn đàn hội thảo này, trình bày một sự đa dạng đáng mong đợi về cách cảm nhận, cách hiểu cùng những phán đoán giá trị đối với di sản lâu nay vẫn được mệnh danh như "sự cách tân" trong thơ đương đại; và có thể còn quan trọng hơn, nhiệt tình thảo luận đó, của những người tham gia từ hầu khắp các miền đất nước và cả từ hải ngoại, đã trở nên một dấu chỉ về tính chất cởi mở, đang gia tăng trong đời sống văn học, cách riêng là trong khu vực được Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức (như đánh giá về hội thảo này của Chủ tịch Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, nhà thơ Hữu Thỉnh: "... những gì đã diễn ra tại đây là hoàn toàn dân chủ, giàu trí tuệ, thoải mái và chân tình.", và coi cuộc hội thảo là đã ghi một cột mốc trong hoạt động phê bình - lý luận.)

Ghi nhận đó của nhà thơ Hữu Thỉnh được đưa ra trong một sự kiện văn học mang tính biểu trưng ít có: hội thảo Thơ Mai Văn Phấn và Đồng Đức Bốn trình ra các luồng ý kiến thẩm định tiêu biểu về hai gương mặt hoàn toàn có thể coi là đại diện cho hai khuynh hướng thơ chủ yếu lâu nay, khuynh hướng cập nhật các tâm tình và suy nghĩ đương đại trên mẫu hình thơ truyền thống (ở đây là lục bát) và khuynh hướng đổi mới đến triệt để chất thơ và các hình thức thơ ca của biểu đạt.

Cuộc hội thảo này bởi vậy đem lại trên một diễn đàn những cảm xúc và suy nghĩ hết sức khác biệt về một lĩnh vực sáng tác văn chương phổ biến nhất - là thơ. Và các nhận xét của nhà thơ Hữu Thỉnh trong bài phát biểu bế mạc hội thảo xác nhận cái thực tế đó với lời kêu gọi "để xử lý những vấn đề như thế này, cần rất nhiều hiểu biết,



Ảnh: HỮU ĐO

trình tế và trân trọng lẫn nhau. Còn phải tính đến đặc điểm lớn của tình hình hiện nay là sự thay đổi hệ giá trị.... Đa dạng hóa trong sáng tác đòi hỏi đa dạng hóa trong tiếp nhận, thẩm định và đánh giá."

Trên hướng xây dựng một nền tảng đồng thuận về hệ giá trị đồng thời không ngừng cập nhật hóa đến mức có thể các công cụ lý luận, những người chủ trì hội thảo - đại diện cho Hội Nhà văn Việt Nam cũng như giới văn học nói chung - đã phải rất khéo léo cân cân nẩy mực giữa ngồn ngang các ý tưởng phê bình nhận định, tất cả đều chân thành và nhiệt tâm không thua kém gì nhau (chẳng hạn, một khẳng định đánh thép của nhà thơ uy tín Thi Hoàng trong tham luận ngắn gọn "Cách tân, như là đẩy thơ vượt qua thảm họa"!).

Hệ vấn đề đó của thơ là một chủ đề lớn đối với hoạt động phê bình - lý luận và Hội Nhà văn cho thấy nỗ lực thúc đẩy việc thảo luận có định hướng mạnh mẽ trên chủ đề này. Hội thảo "Thơ Việt Nam hiện đại nhìn từ Miền Trung" đã được trì hoãn và tiến hành chỉ mấy tháng sau đó, vào đầu tháng 10 - 2011 tại Thanh Hóa.

Một đặc điểm tương tự với cuộc thảo luận hồi tháng Năm nói trên: hội thảo ở Thanh Hóa lần này cũng là một diễn đàn "mở", và tinh thần cởi mở đó được nói rõ trong phát biểu để dẫn của nhà thơ Bằng Việt, người đứng đầu hội đồng thơ của Hội Nhà văn Việt Nam nhiệm kỳ mới, nhấn mạnh tính gợi ý trong tiêu đề của hội thảo cho phép những người tham dự trình bày hết các chiều kích ý kiến của mình.

Hơn ba mươi tham luận đã gửi về ban tổ chức hội thảo; hầu như toàn bộ thời gian làm việc được dành cho trình bày và thảo luận giữa các tham dự viên; và có thể nói đây là một diễn đàn chính thức hiếm thấy mà tại đó các quan niệm rất khác nhau về "thơ Việt Nam hiện đại", về tính hiện đại trong thơ, đã được bộc lộ thẳng thắn và minh bạch.

Coi tính hiện đại là tính liên tục về truyền thống - bởi dù sao thơ cũng luôn đi sát bên lời ăn tiếng nói - gần một nửa số diễn giả đã dành thời gian trình bày những kiến giải và ghi nhận các đặc tính con người và vùng đất miền Trung biểu hiện trong thơ qua suốt các thời kỳ văn học, đặc biệt rõ trong thơ ca hai cuộc kháng chiến cũng như trong những hồi ức và suy ngẫm về lịch sử cách mạng.

Từ phía những góc nhìn xem tính hiện đại của thơ là nằm trong quá trình tự thân đổi mới, có một nhiệt tình quyết liệt đến mức "cách tân" dứt khoát "truyền thống", và do vậy "thơ hiện đại" là thơ luôn ở trong tình thế bị người đọc chất vấn - điều ấy đã trở thành

chủ đề sôi nổi của cuộc thảo luận này.

Hầu hết các tác giả tham luận đều đặt vấn đề từ mặt thực trạng của thơ đương đại. Nhà thơ Vũ Quần Phương nhắc nhở việc nhìn thơ ca thời chiến dưới cái nhìn mới khách quan hơn, thấy được cả những gì trước đây do hạn chế thời cuộc không được xem xét, "vượt qua thiên kiến" để đánh giá đầy đủ hơn các thành tựu cũng như thiếu hụt.

Nhà thơ Vương Trọng, từ một góc độ khác, cho rằng rất nhiều người làm thơ đương đại chưa tìm được tiếng nói thành thực với chính mình, sa vào tình cảnh theo đòi một cách thiếu thực chất lối "hiện đại chủ nghĩa" bề ngoài với nhiều lăm tưởng...

Nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo cụ thể vạch ra tình trạng ngộ nhận trong sáng tác và tiếp nhận thơ ca đương đại bởi những sự "xói mòn" thơ thông qua "về hóa", "thực dụng-bình dân hóa" và "cũ hóa" thơ ca. Và những ý kiến của ông tìm được sự đồng cảm trong các ý kiến của nhà lý luận Lê Thành Nghị, nhà thơ Trần Văn Giã... Trong khi, cũng trên tinh thần phê phán, những tác giả như Đồng Trinh, Lê Thu, Phạm Đức... lại thấy rằng việc xuất bản ồ ạt, trên báo chí hay ấn phẩm, những sáng tác đương đại bất thường trong những tìm tòi hình thức biểu hiện như những dấu hiệu chối bỏ truyền thống một cách vô căn cứ hay ít ra cũng không thuyết phục.

Vậy là hầu như đồng thời với các vấn đề của sáng tác và thưởng thức, từ diễn đàn này, các vấn đề của khu vực phê bình - lý luận đã được phơi lộ tương ứng rõ rệt.

Trong phát biểu đúc kết hội thảo, nhà thơ Hữu Thỉnh khẳng định kết quả đó qua năm vấn đề nổi lên từ diễn đàn này, về thành tựu và vai trò lớn lao của thơ ca miền Trung, về yêu cầu cấp thiết cần đổi mới thơ ca theo hướng đáp lại yêu cầu của người đọc, trong đó vai trò của những người làm phê bình - lý luận phải mạnh hơn, rõ hơn, hiệu quả hơn trong việc khẳng định hay - dở, thật - giả đối với thơ của đương thời.

Tầm nhìn của Hội Nhà văn về thơ Việt Nam hiện đại đặt trên cơ sở một đòi hỏi chung: nhanh chóng kết tinh các giá trị, khẳng định một thể cân bằng mới của tính dân tộc và tính dân tộc trong biểu hiện hiện đại của thơ.

Và tầm nhìn đó cũng định hướng trên khu vực quan trọng của văn xuôi - khu vực tiểu thuyết đương thời.

Hội Nhà văn đã trì hoãn và tiến hành trong bốn tháng cuối năm chuỗi tọa đàm văn học về một số tác phẩm được giải thưởng ở Cuộc thi Tiểu thuyết lần thứ Ba (2006 - 2010) do Hội Nhà văn tổ chức. Danh mục tác phẩm đưa ra tọa đàm đã đặt

trước cử tọa hai vấn đề khá tương đồng với diện vấn đề ở phía thơ ca: tiểu thuyết với những câu chuyện thời chiến, và tiểu thuyết với những vấn nạn xã hội đương thời.

Cách đặt vấn đề này hiển nhiên mang tính lý luận và biểu thị một sự nhấn mạnh đến định hướng nhiệm vụ của văn học trong thời kỳ mới khi mà văn học ấy tựa như nhịp cầu đặc biệt đưa các giá trị truyền thống vào góp liểu thuốc giải độc cho các tình trạng ô nhiễm đương đại.

Các tác phẩm đề tài thời chiến được chọn có "Vùng lôm" của Nguyễn Quang Hà, "Chân trời mùa hạ" của Hữu Phương; đề tài đương đại có "Lửa đắng" của Nguyễn Bắc Sơn, "Thần thánh và Bướm bướm" của Đỗ Minh Tuấn, "Quyên" của Nguyễn Văn Thọ.

Chủ đề phê bình - lý luận luôn được nêu lên trong các yêu cầu hàng đầu ở chuỗi tọa đàm văn học này, như nhà thơ Hữu Thỉnh nhấn mạnh trước các cuộc thảo luận: tác phẩm có đóng góp mới nào cho khu vực để tài được nói đến, và có đóng góp gì về phương diện thể loại tiểu thuyết.

Một trong những vấn đề gây chú ý ở văn chương kể chuyện thời chiến đã được đề cập minh bạch, như ở cuộc tọa đàm về "Vùng lôm", trong ý kiến của nhà văn Nguyễn Trí Huân, mà tiểu thuyết "Chim én bay" của ông được nhà văn Văn Chính viện dẫn như một chứng từ của vận động của tư duy tiểu thuyết thời kỳ "sau 75".

Nhà văn Nguyễn Trí Huân ghi nhận hiện tượng ông gọi là "sự điều chỉnh" trong thể hiện bộ mặt đối phương qua những tác phẩm văn xuôi từ sau chiến tranh, đặc biệt trong sáng tác của những tác giả từng khoác áo lính trận, tuy có một số biểu hiện "qua đã" về nhìn nhận lại đối phương thời chiến nhưng nhìn chung đã tận dụng "độ lùi" hậu chiến để nhìn nhận khách quan về một kẻ địch quá khứ, một kẻ địch trở trêu thay cùng chia sẻ với chúng ta một nền tảng văn hóa lễ nghĩa truyền thống xa xưa. Với tư cách một người viết tiểu thuyết, ông cho rằng việc đổi mới cả về văn chương và tư tưởng cần phải đi đôi với việc tiếp tục dòng chảy sáng tác về đề tài chiến tranh cách mạng, trong đó tinh thần khách quan phải nhìn nhận đúng sự thật: phẩm chất anh hùng là yếu tố nổi trội của thời kỳ lịch sử đó.

Các chủ đề đương thời thì phong phú và phức tạp hơn khi Nguyễn Bắc Sơn bàn về sự đổi mới phương thức lãnh đạo nhà nước của Đảng trong "Lửa đắng", Nguyễn Văn Thọ bàn về tâm tình và bản tính dân tộc thông qua câu chuyện can đảm và bi thiết của những nhân vật người Việt "tha hương vì lý do kinh tế", và Đỗ Minh Tuấn thì, như nhận xét của nhà thơ Hữu Thỉnh về "Thần thánh và Bướm bướm", đã động chạm đến một số vấn đề nhức nhối nhất về nông thôn bị đảo lộn trong đô thị hóa, đặc biệt về những thách thức đạo đức xã hội đặt ra từ hiện thực đó và vấn nạn lợi ích nhóm xói mòn các tài nguyên đất nước và xã hội.

Một điều thấy rõ là, trước tầm vóc các vấn đề mà sáng tác văn chương, đặc biệt là thơ và tiểu thuyết, đã đặt ra như thế, thì bước song hành của phê bình - lý luận quả là còn quá khiêm nhường cả về dung lượng và phẩm chất. Nếu văn chương vẫn hiện diện hàng ngày hàng giờ như một phạm trù xã hội, ta thấy - qua các cuộc tọa đàm và hội thảo nói trên - phê bình và lý luận cũng gần với văn chương ấy như hai mặt của một bàn tay.

Trên góc độ này, một năm văn học năm nay dường như thật sự không khép lại, bởi các hoạt động lý luận của Hội Nhà văn Việt Nam qua các diễn đàn văn học quan trọng đó hầu như đang còn vừa mở ra. ■

ĐOÀN MẠNH PHƯƠNG

Ban mai xuân

Sự ân ái run rẩy
Đang tràn lên gầy guộc khẳng khiu
Cơn mưa xanh
Đã và cũng bao con đường thương tật
Nơi những chiếc lông măng của mùa xuân vừa nhú
âm thầm...

Những con chim non ra ràng
há mỏ đón trời xanh
mừng lên sự hồi sinh ấm ướt
sự ngầy ngất của âm thanh, của ban mai, của
giọt sương vừa chạm đất
Nơi những mầm cây bật dậy bằng hoàng.

Nơi phồng lên
Xôm xốp mùa màng, thánh thót nhịp thời gian
Nơi hồi hộp ban mai tra chia vào ổ khóa
Sự cần mẫn của ốc sên chạm râu vào cánh cửa...

Nom phơ phôi xa xanh về lót ổ
đợi một ngày đỡ để những niềm vui
Ban mai thở nóng ran
trên bậc thềm ô cửa
Nơi từng cánh xuân hồng thơm thảo
ấm bàn tay...



PHAN CUNG VIỆT

Đốm lửa chài

Biển khơi, vang tiếng lão ngư
Đất liền, tiếng lão nông đấu bạc ...
Biển quê tôi, bà con của tôi
Như đảo trùng khơi ruột rà của đất !
Tôi kẻ làm thơ đấu chơm bạc
Lòng dạ nông sâu, chưa hiểu hết sự đời
Nhưng suốt đêm rày, ngọn đèn chong thức
Như những đốm lửa chài buồng lười trùng khơi ...

TRẦN VŨ LONG

Thu và em

Thư tràn
sen
hương phố
Cỏ mềm
như ướt mí
Quay quắt
buồn
tóc nhỏ
Heo may
vừa em đi



KHUẤT BÌNH NGUYÊN

Con tàu trắng

Con tàu thời gian màu trắng
Bay trên mùa xuân bao la
Các toa tàu bình yên dịu dàng màu sữa mẹ
Cùng hạm ghế ngồi
Cho mọi cuộc đời chung chuyển đi xa.
Mùa xuân nước mắt long lanh
Dâng lên nụ cười thấp lửa.
Đất nước tôi
Nhọc nhằn dặm trường từ Nam ra Bắc
Luống cây lặn lội dài hơn
Thánh thót giọt mồ hôi
Chảy dọc đường năm tháng
Hối hả qua triệu ngàn tia nắng
Ước mơ nuôi sống con người.
Con tàu thời gian màu trắng
Qua sân ga đến muộn có một người
Một trong 87 triệu ngọn cỏ hiển trên đất
Người nông dân quê tôi cây luống cây dài nhất
Đến ga tàu vai gánh mạ xuân...

DƯƠNG KỲ ANH

Tĩnh lặng

Ta thật hạnh phúc được đắm mình trong khoảng khắc
tĩnh lặng của mùa xuân.
Năm giờ sáng, ngày mồng một tết.
Ngõ như nghe được tiếng cửa mình của thỉnh không
Vạn vật và con người còn ngủ say sau đêm giao thừa
đủ thứ âm thanh, mùi vị, sắc màu ...

Sự tĩnh lặng mới tuyệt vời làm sao !
Đó là thứ tĩnh lặng từ hư không đến hư không
Từ hạt sương đến màn sương
Từ hạt mầm, đến hạt quả
Từ không đến có.
Mọi sự sinh thành lớn lao trên thế gian này đều bắt đầu
từ tĩnh lặng.
Mọi sự tàn phá điên cuồng nhất trên thế giới này cũng
bắt đầu từ tĩnh lặng!
Trong tĩnh lặng ta thấy cuộc đời trong veo như đôi mắt
trẻ thơ.
Sau bao nhiêu mệt mỏi vì sự ồn ã, nhốn nháo của
cuộc đời
Ta biết, ta yêu sự tĩnh lặng đến nhường nào.

NGUYỄN HỮU HÀ

Kẻ muộn tàu

Anh đến ga
chiếu bóng dung nắng quái
con tàu vô tình không biết đợi
chuyến tàu này nhận một khách thời
Tàu đã chạy
tàu chạy thật rồi!
nắng như mặt rớt mà thiếu đốt
hồn dỗi bùng lên rực cả trời!

PHẠM VĂN ĐOAN

Ngày xưa

Tờ xanh vương nét ngày thơ
Vẽ lên mặt đất những giờ trẻ con
Cúi lòng em nhặt vòng tròn
Chôn vào dĩ vãng tờ non một thời.
Ngày xưa của ngày xưa đi
Hồn nhiên theo suốt một thời đa mang
Trăng tròn, trăng khuyết, trăng tàn
Có vòng ngược được thời gian mà về
Ai giờ theo tỉnh bỏ quê
Ta đang bỏ tỉnh định về với em
Những ngày chân cứng đá mềm
Long đông đã thấm bon chen đã thừa
Lời còn đó, hẹn thì chưa
Hôm nay đang mất ngày xưa vẫn còn
Đánh rằng xưa đã xưa hơn
Vẫn ngồi thơ thần đoán non đoán già
Người ta cau sâu bố ba
Còn em cau sâu bố ra mấy phần?

TRẦN GIA THÁI

Con mưa không mùa

Có cơn mưa mùa hạ
Bơi bơi ngang lưng trời
Chở cả rừng sắc đỏ
Bóng bễ về xa xôi
Có cơn mưa mùa thu
Ưa như là nước mắt
Cứ lấm mưa bóng mây
Kéo lê trong mờ khuất
Có cơn mưa mùa đông
Giận hờn gì cây cỏ
Đuối nắng đi biệt xứ
Ủ cả trời gió giông
Có cơn mưa mùa xuân
Đang đợi ngày thăm lại
Ngọt lành mưa như khói
Những mầm xanh mím cười
Còn cơn mưa trong tôi
Mặn như là nước biển
Đã lâu rồi không đến
Mưa thấm - cơn mưa khô

ĐỖ HÀN

Tết của chị

Từ ngày chị lấy chồng xa,
Mỗi lần sắp bát dư ra một người
Mẹ trông ra cuối chân đống
Cánh cò cựa gió, ngõ lời chị thưa
Tết về, hương thấp cuối trưa
Chai rượu tuột nút, vừa mua cuối làng
Đĩa cam quả tím, quả vàng
Ngượng ngùng chị nhắc chiếc làn lên xe
Ghé ngồi mâm dón công tre
Tay quờ quai nòn, mắt nghe mẹ cười
Bóng chị vừa khuất chân đống
Nhìn tàn hương cháy, mẹ lại ngồi... ngóng tin.



TRÒ CHUYỆN VĂN CHƯƠNG

THƯƠNG HIỆU LÀ MỖI NGÀY BẮT ĐẦU TỪ SỐ 0

ĐÀO ĐỨC TUẤN

Lai rai, rá rích ôm cả nàng Thơ và nàng Văn gần hết đời ruộng rẫy; sang thế kỷ 21, ông dứt hẳn mộng thơ và dồn dập với truyện ngắn, rồi được mọi người biết đến. Ngô Phan Lưu không phải là người hoạt ngôn nhưng... chịu khó nghe thì thấy "lão" này có duyên! Người thích những cuộc nói năng động sẽ cảm thấy trò chuyện với Ngô Phan Lưu... chán chết, bởi cái "duyên" của ông nằm trong những đối đáp rời rạc, giết cục những giàu chất học giả đống què. Đối với ông, chuyện gì cũng có... giải đáp, dù đôi khi chả "trùng trật" gì nhưng cũng đem lại điều gì đó ý vị...

BỎ RUỘNG...

KHOẢNG mười năm nay, cái tên "nhà văn nông dân" Ngô Phan Lưu thường xuất hiện trên văn đàn với giọng truyện ngắn và tạp văn "dễ đọc, khó quên". Khả năng báo chí đã liên tục đặt hàng và giới thiệu tác phẩm Ngô Phan Lưu. Bây giờ, phần nhiều thời gian ông cây... báo; chẳng biết có khá hơn so với hồi cây ruộng...

* Trên năm mươi tuổi, ông mới dứt hẳn tay cây chuyển sang "ruộng" văn. Sự muộn màng này "lợi, hại" ra sao đối với ông?

- Tôi tin vào vận mạng. Càng lớn tuổi càng tin vào vận mạng. Và, như thế không có chuyện "lợi, hại" đối với tôi. Lúc cây ruộng thì cây ruộng. Lúc hết cây thì nghỉ cây. Làm văn cũng thế...

* Có vẻ rất ít người ở tỉnh mà "sống hẳn được" bằng văn chương như ông?

- Làm sao "sống hẳn được" vào văn chương? Anh cứ áp đặt việc không tưởng ấy vào tôi. Tôi cố tập sống chung với văn chương bằng cách viết văn mà thôi. Cũng như mình tập sống chung với lũ vậy mà.

* Thời nay, muốn chen chân vào văn đàn, ai cũng phải nhờ báo "đàn". Ông nghĩ thế nào?

- Chen chân vào làng văn? Làng văn cũng như phụ nữ, sấn tới, nó trốn mất. Phải nỗ lực với chính mình, đừng có chen chân. Khi nỗ lực đúng mức sẽ có một vùng tử trường đủ chỗ để đặt chân.

* Sách ông bây giờ thuộc loại bán chạy. Vậy thuở ban đầu, tác phẩm của ông "từng phát, từng phát" gửi đăng các báo ra sao, có gian nan lắm không?

- Tôi là một người tầm thường, có chút đóng góp được văn học chấp nhận, cũng phải đa mối tóc bạc ấy chứ. Phải gian nan. Gian nan đã quen rồi.

* Cảm giác có tác phẩm đăng báo ngày "chưa ai biết" với giờ này của ông có gì khác nhau?

- Có khác nhau. Ngày chưa ai biết, tôi viết để đăng vì nghĩ có ai đọc đâu. Nay tôi viết khó khăn vì nhiều con mắt xung quanh dòm vào.

* Nhiều anh em biên tập báo chí rất ngại cánh văn chương nửa mùa "tiếp cận, tấn công bằng mọi phương diện". Ông có suy nghĩ về chuyện đó?

- Tôi không làm biên tập báo chí nên không biết việc này. Riêng tôi cũng thuộc cánh văn chương nhưng không bao giờ "tiếp cận tấn công bằng mọi phương diện" đối với anh em biên tập.

* Nhà văn các ông sướng thật, muốn "chơi" với báo nào thì chơi, không ai gò bó, miễn là đừng "chạy số trùng bài hát", "tám hai lần trên một dòng sông"...

- Nhà văn không bao giờ sướng. Anh động vào sẽ tởn. Chờ đấy, nếu anh sa vào nhà văn...

* Theo ông, "đất" dành cho văn chương trên báo chí nước ta hiện nay "rộng" hay "hẹp"?

- Trung bình.

BỎ RUỘNG...

Ngô Phan Lưu vốn là kẻ ham vui. Thế nên tôi rất ngờ khi đang "tưng bừng", ông bỗng đứng xa rời hẳn tất cả các cuộc bù khú, bù lại, ông lại viết rất khỏe. A, ông ngày lại đổi ruộng lấy văn...

* Anh em rất bất ngờ và bất mãn khi các cuộc vui chỉ thấy ông uống nước suông?

- Xin anh em thông cảm. Sau khi tôi mua một gói khám sức khỏe tổng quát ở trung tâm chẩn đoán y khoa MEDIC (Hòa Hảo) mới biết rõ sức khỏe mình có vấn đề. Thế nên, giữa sự sống dài lâu và bia rượu nhất thời, tôi buộc phải chọn sự sống. Bệnh tình phải uống thuốc và kiêng bia rượu. Vậy là hết bệnh.

* Chắc là ông tiếc dữ những ngày "hoành tráng"?

- Theo tôi, những ngày "bia rượu" bạt mạng lúc trước không phải là những ngày hoành tráng. Đó là những ngày "ma đưa lối quỷ đưa đường". Nay không dùng bia rượu mới là những ngày hoành tráng. Do đó, phải mừng chứ không tiếc.

* Hơn một năm... lùi xa, ông thấy lợi - hại của những "chiến trận ngày xưa"?

- Chuyện bia rượu uống tràn cung mây quả thật tai hại về mọi phương diện. Bây giờ thì "bia rượu" bỏ tôi và tôi cũng bỏ nó. Đồng ý "ly dị" rồi.

* Khi trước, tôi vẫn thấy ông năng đi nhậu và tập thể dục. Phải chăng ông sợ mình... xuống sức văn? Sức khỏe đối với nghệ sĩ có gì... khác người không, thưa ông?

- Sức khỏe rất quý, quý hơn kim cương. Khi tôi biết quý như thế là tôi đã đối diện với nguy cơ mất nó. Phải giữ gìn thôi. Không có cách nào khác.

* Nhiều văn nghệ sĩ cho rằng phải có men mới thăng hoa sáng tạo. Còn ông thấy chuyện này thế nào?

- "Phải có men mới thăng hoa sáng tạo" à? Đó là chuyện ngộ ngẩn đến mức khôi hài. Có "men" chỉ được mỗi một việc là viết dở mà vẫn cứ thấy hay. Ngoài ra chẳng được việc gì nữa.

* Thực tế, những ông chống hay nhậu nhẹt thì thường bị vợ kiểm soát, đôi khi "lay động" xấu đến cả chuyện hôn nhân. "Kinh nghiệm chiến trường" của ông trong những chuyện này?

- Câu hỏi của anh quá mù mịt, không rõ ràng, nhưng cũng xin trả lời những nét chính. Thời tôi sa đà nhậu nhẹt, vợ tôi không kiểm soát tôi. Và, đây chính là cách vợ tôi kiểm soát tôi. Còn tôi nghe kiểm soát kiểu ấy lại ngủ rất yên giấc.

VỚI PHỤ NỮ...

Một trong những chuyện tôi quan tâm khi tiếp xúc với bất kỳ người đàn ông nào: anh nghĩ gì về phụ nữ? Và thắc mắc này xin ấn vào tay ông "nửa ruộng, nửa văn"...

* Người đọc thường tỏ mò cuộc sống đời thường của nhà văn có gì "hấp". Vợ chống ông hiện có cả thấy bao nhiêu con, cháu?

-(bấm đốt tay, lẩm nhẩm)... Có 5 con, ba trai, hai gái. Bốn cháu ngoại và hai cháu nội. Dĩ nhiên vợ thì chỉ một. Mẹ cũng một.

* Luôn cập nhật và tìm tòi sáng tạo nhưng phải chu toàn sự vụ lễ nghĩa gia đình, dòng họ. Ngô Phan Lưu phải là người "nửa cổ, nửa kim"...

- Càng lớn tuổi, ân nghĩa càng nhiều. Điều này có nghĩa là "càng kiếm ít tiền, càng chi ra nhiều tiền". Phải cố gắng, cố gắng và cố gắng. Phải cố gắng cũng là một truyền thống tốt đẹp của tổ tiên truyền lại. Thế nên, tôi không phải "nửa cổ, nửa kim" mà là "tân cổ giao duyên".

* Không dễ dàng gì để làm một người đàn ông chu toàn. Ông "luyện công" như thế nào để đủ sức vượt qua...

- Ông bà vẫn nói "nhân vô thập toàn", vấn đề là ràng chu toàn chút nào mừng chút nấy. Nhưng tôi rất biết ơn Thiên học. Nhờ thấm nhuần Thiên học mà tôi vượt được nhiều bế tắc và ngã lòng để thanh thần vươn lên.

* Nhiều người muốn trở nên vui tính nhưng vui... không đều. Ông thì lúc nào cũng "xoa tay và cười", chất hài hước luôn được ông tung hứng thoải mái...

- Vui tính và khôi hài là hai việc khác nhau. Tôi khôi hài chứ không vui tính. Nhưng nhờ khôi hài làm tôi vui tính.

* Phụ nữ khá ưa người dĩ dõm. Ngô Phan Lưu có vẻ không phong độ lắm nhưng lại hấp dẫn phụ nữ, thời trẻ - và cả về... chiều?

- Tôi mà hấp dẫn phụ nữ cái gì! Phụ nữ

hấp dẫn tôi thì có. Hãy nghe Claude Lévis - Strauss nói: "Chúng ta (đàn ông) là vật bất ly thân của người phụ nữ". Đừng có ảo tưởng nhé.

* U70 rồi, xin một chút triết lý về phụ nữ đối với đời ông?

- Không nên cãi với họ. Cãi họ là tát cặn biển Đông.

THƯƠNG HIỆU NHÀ VĂN LÀ CON SỐ 0

Ông có vẻ khoái khi tôi đặt vấn đề: tác phẩm của nhà văn là một mặt hàng; mặt hàng đó phải có thương hiệu hấp dẫn người mua thì các báo, nhà làm sách mới nhiệt tình sử dụng và trả nhuận bút...

* Trong truyện ngắn và tạp văn, những câu chuyện sâu sắc được ông thể hiện một cách nhẹ nhàng và lời cuốn, phẳng phát triết lý khá tự nhiên. Hình như ngày xưa ông có học triết, bí quyết học và đưa vào truyện của ông?

- Ngày trước tôi có học Triết, nhưng chủ yếu là con người tôi có mâu triết. Mâu triết mách tôi rằng, đơn giản hóa được vấn đề là vấn đề được sâu sắc hơn lên. Theo tôi, không có bí quyết cho truyện ngắn hoặc nói rộng ra là sáng tác văn học. Tôi đã viết khá nhiều truyện ngắn, nhưng mỗi lần viết truyện mới tôi đều xuất phát từ con số 0. Văn mò mẫm tìm tôi. Hay "xuất phát từ con số 0" có thể là bí quyết. Tôi không biết gì cả về chuyện này.

* Là con nhà giáo-thầy thuốc Ngô Thượng Đạm nổi tiếng một vùng, ông được học hành đến nơi đến chốn. Thế nhưng sự khẳng định nghề nghiệp của ông có vẻ như không được thuận lợi. Làm nông, thầy thuốc, chụp hình, kinh doanh nhỏ,.... Cuối đời mới trụ với nghề văn. Ông thấy nghề nào khó hơn nghề nào?

- Nghề nào cũng có cái khó riêng. Không có cái khó nào giống cái khó nào. Một khi mình quen với cái khó ấy thì thành dễ thôi. Nghề nào đưa mình lên, cũng chính nghề ấy kéo mình xuống. Tôi không lạc quan lắm vào tương lai.

* Nhiều người muốn giấu cái "gốc rễ" của mình, riêng ông có vẻ tự hào?

- Ở đời có bốn thứ không thể giấu. Đó là giàu có. Đó là nghèo nàn. Đó là thông minh. Đó là ngu dốt. Nếu không thể giấu thì đem khoe là thừa. Thế nên, tôi là nông dân vậy tôi là nông dân, Nghèo nàn và thông minh. Rất gọn nhẹ.

* Làm nông dân thực thụ đã giúp cho ông nhiều nhĩ! Vì như hồi nhận giải thưởng Báo Văn nghệ năm 2007, cái mào "nhà văn nông



dân" đoạt trạng nguyên của ông đã làm cuốn hút cánh báo chí...

- Người ta muốn gọi tôi như thế, và đây cũng là sự thật. Họ gọi được một sự thật như thế, tôi rất cảm kích và trân trọng.

* Nhiều người nhận xét: nhân vật nông dân trong truyện ông nói triết, nói lý cứ như trí thức, thế nhưng đọc rất "vào". Quan niệm của ông về chuyện này và ông có sợ bị nhảm chán không?

- Dĩ nhiên tôi rất lo bị độc giả nhàm chán. Thế nên, giữ được bản sắc mình là tốt, nhưng tốt hơn nữa là phải vượt lên trên bản sắc mình để bắt gặp mẫu số chung nhân loại. Có như thế mới thắng được sự nhàm chán của người đọc. Người nông dân không nói triết học. Người nông dân nói quá đúng. Nói đúng quá nên giống triết học thế thôi.

* Muốn bán sản phẩm thì phải tiếp thị. Nhà văn Ngô Phan Lưu đã tiếp thị hình ảnh và tác phẩm của mình ra sao?

- Đó là việc của báo chí và nhà xuất bản, và cả của bạn bè, tôi không can thiệp.

* Nghề nào cũng cần có thương hiệu. Không thể chối cãi Ngô Phan Lưu là nhà văn đang có thương hiệu. Vậy thì phải có "hành trình xây và giữ thương hiệu"?

- Tôi cần có hy vọng để sống. Muốn có hy vọng, tôi phải làm việc. Làm sao làm được việc? Phải chịu khổ hết mình, mỗi ngày phải bắt đầu từ con số 0. Đó là hành trình xây và giữ thương hiệu.

* Hình như chuyện viết văn đối với ông không lấy gì làm nặng nhọc lắm?

- Viết văn thì khổ tâm, khổ trí chứ sao lại nặng nhọc. Khổ sở dĩ nhiên phải có, còn nặng nhọc thì không.

VỚI TÔI, GIAN NẠN CŨNG LÀ MỘT THỨ HẠNH PHÚC

Có thể nói giải Nhất truyện ngắn Báo Văn nghệ 2007 đã làm ông "rủ áo nông dân" và đang được yêu chuộng trên văn đàn. Thế là có... danh và gánh thêm phiền phức. Không hiểu ông thấy mình có gì khác...

* Làng văn vốn đa sự, làng văn địa phương nào cũng có "lùm bùm" riêng. Thời thường, ai đó có chút ít danh vọng thường hay bị soi xét, thậm chí bị "đánh". Tôi biết ông đã gặp cảnh ngộ từ chuyện này, ông ứng xử ra sao để vượt qua?

- Thiên học đã khuyên tôi: Coi như gió thổi mây bay. Coi như bong bóng ao đầm. Và, tôi triết để nghe lời. Dừng mà làng văn phải có chuyện này chuyện nọ, nó mới là... làng.

* Nghề văn chương luôn gắn nhiều với thị phi, ảnh hưởng đến cuộc sống đời thường của nghệ sĩ. Nhiều chuyện "tai bay vạ gió", tôi biết ông buồn nhưng rồi vẫn thấy ông thản nhiên lao vào cuộc sống và viết như chẳng hề có chuyện gì xảy ra...

- Thì phải như thế chứ biết làm sao. Chuyện chẳng đáng đứng. Với tôi, gian nạn cũng là một thứ hạnh phúc.

* Làm một người nổi tiếng ở tỉnh có khó không? Ông thấy mình có bị sức ép gì?

- Chẳng có sức ép gì. Cuộc sống cứ bình thường. Có điều hơi cô đơn.

* Có người tâm sự với tôi, vì nhiều lý do có hữu, anh ở tỉnh nhỏ thường không dám nghĩ về những điều to tát, đột phá trong sáng tạo. Có phải ông là một trong những ngoại lệ?

- Sáng tạo văn học không lệ thuộc vào tỉnh to hay tỉnh nhỏ, mà nó lệ thuộc vào trí to hay trí nhỏ và tâm to hay tâm nhỏ. Vấn đề sáng tạo văn học này không bao giờ là ngẫu nhiên cả. Thậm chí, đột phá trong sáng tạo, đó cũng là một quá trình liên tục gian nan.

* Tự do trong tư duy sáng tạo, nghệ sĩ bao giờ cũng phải đứng cảm tử cuộc sống cho đến trang viết. Ông thấy mình đã đủ dũng cảm để trình bày những ý tưởng của mình?

- Chưa dũng cảm, còn hèn nhát. Tỷ lệ hèn nhát trội hơn. ■

BIỂN, BÌNH MINH VÀ ĐÔI LỬA

Truyện ngắn của BÍCH NGÂN

1. **S**INH nhật lần thứ ba mươi tôi nhận lời cầu hôn. Ba mươi là tuổi bước đến một cái vạch có sắc màu chói mắt khiến tôi khựng lại. Tôi chùng chình rồi chợt nhận ra là mình không thể đi tiếp cuộc hành trình trong đơn độc. Tuy nhiên, đó chưa phải là lý do khiến tôi nhận lời khi anh nói cầu hôn mà là chính là anh, người đàn ông tôi sẽ lấy làm chồng. Không đẹp trai, không ga lăng, không thể thốt: "Anh chỉ yêu em!", cũng không hứa hẹn rằng anh sẽ bao bọc tôi suốt đời; nhưng tôi thấy ở anh sự vững chãi của một người có thể làm trụ cột gia đình.

Và khi một người đàn ông có thể làm một trụ cột, tức là sẽ nai lưng chống đỡ nắng mưa giông bão để bảo vệ mái ấm gia đình thì việc anh, cũng vì công việc mà không có mặt ở sân ga để cùng tôi tận hưởng chuyến du ngoạn, thật ra cũng không phải là chuyện gì quá to tát để mà nheo hay thút thít. Chỉ một thoáng hụt hẫng tôi lấy lại cân bằng. Tôi xốc lại hành lý, dù cảm giác nặng nề khi nghĩ trên lưng mình có quần áo, đồ tắm, xà phòng và dao cạo râu của anh. Tuy vậy, tôi vẫn không một lời dối hờn hay trách móc.

Khi ngồi vào chiếc giường mềm trên toa, nhìn cái giường đôi sơn đỏ bóng, tôi gọi anh tin nhắn "Em đã lên tàu. Không sao đâu, anh đừng áy náy. Đi một mình, biết đâu em lại thấy thoải mái".

Sự thoải mái đầu tiên là cửa sổ căn phòng hướng ra biển. Kéo rèm ra, tôi thấy mặt trời đỏ rực đang từ từ trôi lên khỏi mặt biển. Bãi cát chạy dọc theo bờ biển đã nhộn nhạo bóng người. Gió từ phía biển thổi đến, mát lạnh. Tám tiếng đồng hồ trên tàu tôi ngủ được hết hai phần ba thời gian đó nên tôi thấy sảng khoái, muốn nhanh chân ra bãi biển dưới kia, rồi tụt bỏ giày dép chạy chân trần trên cát trắng đang ửng hồng dưới bình minh.

Tôi quay lại, đẩy túi quần áo vào tủ, rồi lật đật vào phòng toilet. Vệ sinh xong, vừa mới trở ra, tôi nghe tiếng gõ cửa.

Mở cửa. Tôi thấy cô phục vụ mang tạp dề trắng bưng một cái khay thức ăn bốc khói bốc vào. Thấy tôi ngạc nhiên, cô nói ngay:

- Có người gọi cho chị từ lúc tối!

Liếc nhìn thức ăn nước uống và mấy mùi bưởi da xanh trên khay tôi biết người gọi là anh. Tôi bảo cô đặt khay thức ăn xuống bàn. Cô làm theo và lui ra.

Mùi cà phê và mùi hủ tiếu hải sản khiến tôi thấy đói. Tôi tắt máy lạnh, mở toang cửa sổ rồi ngồi xuống ăn bữa sáng trong gió nóng hơi biển.

Ăn xong, tôi không gọi mà nhắn cho anh: "Bữa sáng ngon lắm. Em yêu anh!". Anh trả lời ngay: "Ok, em!".

Câu trả lời cụt lùn khiến tôi nhắc cái lưng ra khỏi thành ghế. Tôi ngồi thẳng dậy và ngạc nhiên khi thấy mình không giữ được vẻ điềm tĩnh như lúc ở sân ga khi anh gọi đến cho biết là không thể đi cùng. Tôi cũng thường trả lời na ná câu anh vừa reply cho tôi, chỉ cần sau từ "Ok", thay vì "em" thì là "anh", "chị", "bạn"... Đó là sự xác nhận, là lời đáp kiêu kiêu, là lời giao đãi không tâm trạng, không tình cảm. Tôi bối rối không biết mình được người đàn ông sắp làm chồng xếp vào vị trí nào trong chuỗi giao tiếp thường nhật của anh. Khi rời khỏi phòng, tôi vẫn chưa thoát khỏi tâm trạng của kẻ lờ ngơ rồi lờ chân bước hụt.

Mà tôi bước hụt thật. Tôi đi bộ và hụt một bậc cầu thang. Không đau lắm nhưng chân tôi không thể bước bình thường, phải lạng lạng, lắc lắc, từng bước.

Khi ra tới bãi cát, tôi không đi chân trần như dự định, cũng không chạy trên bãi cát như nhiều người, mà vẫn đi đôi dép nhựa màu xanh của khách sạn. Đi thật chậm. Vừa đi, vừa ngắm biển, ngắm người.

Mặt trời đã bỏ mặt biển một khoảng khá xa, vắng hạo quang rực rỡ cũng nhạt dần. Biển rụt rề lấy lại cái màu xanh nguyên thủy của nó. Xa xa, thấp thoáng thuyền buồm. Gần hơn, bồng bênh mấy chiếc xuống cầu. Sóng từng đợt ầm ào tiến vào bờ cát. Bãi tắm, bờ cát lộ nhỏ người bơi, người giỡn sóng, người nghịch cát, người lẩn theo dấu đã trắng... Tất cả về nhộn nhạo đó sẽ không tạo được một bức tranh biển sớm nếu thiếu đi những cặp uyên ương trong trang phục ngày cưới đang ghi hình.

Đôi uyên ương bên phía tay trái tôi, bước xuống từ chiếc Audi và tiến thẳng ra bãi cát theo tốp thợ chụp hình chạy trước. Cô dâu trẻ, má phính phính, tóc nhuộm nâu, mặc áo cưới màu hồng hở vai hở lưng; cái đuôi áo lướt phượt kéo lê trên cát. Chàng rể Tây, đầu hói bóng, mũi khoằm khoằm, cravat trắng, shirt cùng màu với màu áo cô dâu. Họ chụp và quay một loạt hình ảnh theo kịch bản và

đạo diễn của mấy tay cầm máy: Cô dâu bé nhỏ lúc nào cũng e ấp dịu dàng nép bên người chồng đứng tuổi khác màu mắt, màu da.

Thoạt đầu cũng chụp theo kịch bản của mấy tay cầm máy, nhưng chỉ một lúc sau, đôi uyên ương trước mặt tôi lại biết dẫn dắt người cầm máy, chụp, quay theo hình ảnh mà họ tạo ra trong ngẫu hứng. Cô dâu tóc đen buông xõa, áo cưới trắng hở vai dài ngang gối. Chàng rể trong chiếc shirt trắng bỏ ngoài chiếc quần tây màu đen. Họ như quên đi ống kính đang chia về phía mình, quên những ánh mắt hiếu kỳ, quên cả mây trời sóng nước. Chàng trai khỏe khoắn nhấc bổng cô gái lên khỏi mặt cát, mặt nước. Cô gái ôm cổ đầu lên người chàng trai. Họ nô đùa với cát, với sóng. Và họ nô đùa, âu yếm nhau. Tôi vội rút điện thoại, mở camera, lén thu hình ảnh lứa đôi rạng ngời hạnh phúc.

2.

Hình ảnh cười đùa quần quýt của đôi uyên ương vẫn chưa dứt khỏi tâm trí khi tôi leo lên những bậc thang khá dốc để lên tháp bà Ponagar trong nắng chiều trong veo.

Khi lên tới tháp, tôi mới sực nhớ là mình vẫn mặc váy. Chiếc váy màu trắng, cũng cũn cỡn ngang gối như cô dâu trên bãi biển. Tôi khựng lại trước tấm biển cấm, không cho người khác không kín đáo vào đến thiêng. Người đàn ông đeo băng bảo vệ nhìn thấy tôi đứng lạng lạng trước cửa đến. Anh ta chỉ tay về phía những chiếc áo dài màu lam đang treo trong một cái tủ kính nằm ở dãy nhà bày bán đồ lưu niệm. Tôi đến đó, khoác chiếc áo dài phủ gót rồi quay lại bước vào đến thờ Thánh mẫu.

Nữ thần uy nghiêm ngồi xếp bằng trên bệ Yoni đặt trong chính điện. Trước nữ thần, như mọi người, tôi cũng sụp xuống, chắp tay, khấn vái. Và cũng như mọi cô gái sắp lấy chồng, tôi lẩm bẩm cầu xin nữ thần ban cho mình đức hạnh, nhan sắc, tiền bạc và để cho chồng được con gái, con trai.

Không chỉ cầu xin nữ thần, tôi còn bước vào đến thờ ông và đến thờ ông cổ, quỳ xuống trước bệ Linga ngồi bóng trong ánh sáng lung linh. Và cũng như bất kỳ cô gái nào sắp được làm vợ, tôi cúi đầu cầu xin thần linh cho cha của những đứa con tương lai của tôi có sức khỏe dẻo dai, cầu xin những nam thần phù hộ cho chúng tôi có cuộc sống lứa đôi đến tóc bạc da mồi.

Bước ra khỏi những tòa tháp huyền ảo, tôi thấy mình như được truyền sinh lực. Tôi khỏe hẳn ra. Chỗ lục lục nơi khớp gối khi tôi bước hụt bậc cầu thang lúc sáng cũng biến mất. Không vội ra về. Tôi đi mấy vòng quanh những tòa tháp.

Nhìn ngắm những linh vật, những tạo vật sừng sững cùng thời gian, tôi mỉm cười. Dường như toàn bộ đến đài uy nghiêm này đều tượng trưng cho Linga và Yoni. Cặp đôi ái ân trùng khít này đã tạo nên cái sức mạnh tái sinh vũ trụ.

Tôi chậm chậm đi theo những bậc thang trở xuống. Vừa bước ra khỏi cổng tháp, tôi chưa kịp gọi taxi thì một người đàn ông vội chạy về phía tôi, đưa chiếc nón bảo hiểm ra trước mặt tôi, rồi rút môt:

- Cô đi đâu, tôi đưa đi!

Thấy người chạy xe ôm mặt mũi sáng sủa, cử chỉ nhanh nhẹn và nhất là chiếc nón hiệu Protec trông sạch sẽ, tôi gạt đầu. Tôi thấy yên tâm khi ngồi lên yên chiếc Future còn khá mới của anh ta.

Xe chạy. Ngồi sau tấm lưng rộng của người chạy xe ôm tôi không có cái cảm giác khó chịu bởi mùi mồ hôi thường gặp ở những người suốt ngày phơi nắng.

Trời trong xanh. Gió lồng lộng. Tôi nói:

- Anh giùm chạy dọc theo bờ biển!

Bờ biển trải dài. Cát trắng phau. Bãi tắm lác đác người. Hàng dương đu đưa. Sóng vỗ rì rào. Tôi buột miệng:

- Đẹp quá!

Anh ta cho xe chạy chậm lại. Đến gần cuối hàng dương, chợt anh ta nói:

- Chỗ bãi cát gần mấy cây dương đó, tui bắt gặp con vợ nó ngoại tình.

Bất ngờ trước chuyện hết sức riêng tư mà lẽ ra anh ta không nên tiết lộ trước một người hoàn toàn xa lạ, tôi làm thinh.

Xe chạy thêm một đoạn, tôi hỏi:

- Chắc anh đi làm ăn xa và thường bỏ vợ ở nhà một mình?

Xe đang chạy êm chợt như vấp ổ gà khi anh ta nói:

- Chưa có đêm nào tui bỏ nó ngủ một mình. Sáng đi biển là chiều tối tui có mặt ở nhà.

Tôi muốn hỏi: "Vậy sao vợ anh lại đến với người đàn ông khác?" nhưng thấy tôi tội cho người đàn ông không giữ



Minh họa của TÔ CHIÊM

TẢN VĂN

NHỚ GIÓ

PHONG ĐIỆP

N ỬA đêm thì gió về. Muốn hơn so với dự báo thời tiết của nhà đài cả một ngày trời. Nền cái tâm trạng cả một ngày chờ đợi mà gió chưa về, cứ thất thỏm, bồn chồn. Hay là gió không về nữa, như những lần báo mưa mà không có mưa, báo nắng mà mưa kéo về rầm rầm? Hay là gió đã chuyển hướng? Lẽ ra thổi về Đông thì lại lệch tâm sang Tây? Hay là...?

Dọn xong cơm chiều mà vẫn chưa hết bản khoăn. Vì gió về, thì quần áo cho trẻ đến trường phải kĩ càng hơn. Việc đưa bà ra công viên tập đi cũng phải dừng lại. Gió mùa đông bắc tuyệt đối không phải là thứ gió dành cho người già và con trẻ. Cái thứ gió lạ gió lùng, đến cả người khoẻ mạnh cũng thấy bải hoải và ớn lạnh bất thường.

Trước gió về cả tuần, bà đã chong đèn ngồi tỉ mỉ xoa dầu khắp các khớp xương. Giục con cháu cứ ngủ đi, mặc bà. Căn nhà thành thử chỉ nhấp nhô bóng bà in trên tường, hơi thở khô khốc nặng nề và mùi dầu gió nồng nàn.

Thực ra thì gió có về không, hay chỉ là trò đồng dân của thời tiết lúc giao mùa?

Nhưng lần này thì gió về thật.

Đang giữa giấc ngủ say, gió rầm rập kéo về. Đàn đàn lũ lũ. Hỉ hả đuổi nhau trên những mái tôn. Quần đảo tới tấp trên những hàng cây. Rồi đàn gió hiếu động nhanh chóng phát hiện ra những dãy nhà cao chót vót như những cái ống khói khổng lồ, đen lừng lừng trong đêm. Vậy là gió mẹ, gió con, gió anh, gió em, gió chú, gió bác, rống rần, rề riết bao vây "mục tiêu" mới.

Nửa đêm.

Tiếng cửa nhà chung cư đập sầm sập. Tiếng xô chậu bị gió bốc tung lên không trung rồi ném vèo xuống nền đường xúng xoảng. Cơ man là gió. Rền xiết qua cửa kính. Quần thốc đám rèm cửa. Đón nhào đám chậu cây cảnh làm duyên làm dáng

trên những ban công. Những lưới gió mỏng như dao lam, lạnh như mũi tử khí, len lén như tên kẻ trộm, luồn lách qua những khe cửa hẹp, đột nhập vào căn phòng ấm hơi người.

Đèn trong các dãy nhà quỳnh quáng bật sáng. Cửa cài lại chốt. Quần áo cất vội vào trong nhà. Trẻ con o ơ trở giấc. Hối hả giữa đêm để chạy gió. Rồi đèn nhanh chóng tắt lịm. Những tấm chăn kéo vội ngang cổ, ngăn lại cơn rùng mình, ớn lạnh.

Đàn gió hết chỗ sức sạo, phá bình bèn quay ra đuổi nhau, chờ sáng.

Những giấc ngủ lơ đãng, cũng nôn nao chờ sáng.

Sáng ra, gió còn rít kèn kẹt ngoài cửa sổ, tiếng rao bánh mì đã vóng vót dưới đường. Bà ngồi tự tập thể dục trên giường từ lúc nào. Mùi dầu cao nồng nàn chào buổi sáng.

Ngày mới bắt đầu.

Trường Sa gọi điện về hỏi thăm gió mùa đông bắc Hà Nội. Bảo: Ngày xưa hồi còn ở quê, tụi em toàn nhóm lửa giữa đồng để sưởi. Gió tạt khói, tạt lửa tứ tung, mắt cay xè. Giờ đi xa, nhớ sao mà nhớ. Ngoài này chúng em cũng đang đón gió. Gió muối. "Linh đình" lắm. Cửa chính giữ chặt vì nếu sơ sẩy là sợ gió mang theo muối biển thốc vào phòng, làm hư hỏng quần áo, đồ dùng. Bộ đội đi tuần đêm, sáng về muối bám trắng trên tóc. Chị biết không, canh không cần cho muối cũng mặn.

Hà Nội cười rử: Làm gì có chuyện!

Trường Sa giọng chắc nịch: Thật mà. Rủ tay áo bám muối xuống là xong chứ có gì đâu. Nhưng máy tính, điện thoại phải cất thật kĩ. Không thì muối bám vào, ba bữa thành cục sắt rỉ. Sắt rỉ thì làm sao nói chuyện được với đất liền nữa. Cái ý mới là đáng sợ. Nói đoạn rồi cười khi khi trong máy. Nụ cười nghe mẫn mẫn.

Bỗng nhớ nhớ cái cười bẽn lẽn của cô bé hướng dẫn viên ở khu di tích nhà tù Côn Đảo khi kể về gió chướng. Con gái Hà Tây cũ, theo chú ra Côn Đảo lập nghiệp, lần đầu thấy gió chướng, sợ hút hồn. Đang bưng chén cơm thì bỗng đầu ba bề bốn bề trời đất ồ ồ sôi như bão. Cả rừng phi lao bên hông nhà, phất phật gió. Gió thốc ngả nghiêng. Bụi, cát tóe lên tới tận mắt mũi. Lúc gió rồ hết cơn, trả lại trời yên bể lặng thì bát cơm phù đen những cát là cát. Tóc tai quần áo là tả cát. Ràng cườm cũng lạo xạo cát. Đêm ngủ ú ớ vì mơ cát ngập đầu.

Nhưng gió muối không làm gián đoạn các cuộc điện thoại gọi về từ biển. Phong ba, bão vuông vẫn vấp vấp xanh, đón gió đón muối từ biển phả vào. Gió muối không ngăn được những chuyến tàu từ đất liền gửi quà tết ra thăm đảo. Ngồi bập bồng ghi ta bên nhau "không xa đâu Trường Sa ơi"... , mặc sóng mặc gió. Để người đất liền về rồi, câu hát vẫn còn nhói. Không thể nào quên được. Bạn quen phóng xe máy tốc độ, gió mùa về tranh thủ sưu tập khăn quàng các kiểu cho hợp tốc, hợp váy áo; nghe kể chuyện thì chê là "sến". Nhưng có những thứ phải trải qua rồi, mới hiểu và chia sẻ được, bạn ạ.

Gió chướng không làm chùn chân cô bé người Bắc, mặt tròn vành vạnh, lúc nào má cũng ửng ửng đỏ. Kì lạ, gió chướng về lại nhớ những cử gió mùa đông bắc quê nhà, sáng ra đóng, chân lội bùn tẻ tái rết.

Thế có về quê không? Ngoài đảo, khó khăn thiếu thốn, lại gió chướng nữa..

Em ở lại với đảo thôi. Em không sợ "địa ngục trần gian". Hat bàng Côn Đảo chỉ ăn có thích không để em gửi về? Sắp đến rằm, chúng em lại ra thắp hương mộ cô Sáu và các cô các chú. Người nằm xuống cũng cần một nén hương cho ấm lòng mà. Đảo cũng cần người dựng thêm

những rặng phi lao, mở thêm những con đường, xây thêm những nếp nhà. Đảo cần cả tiếng trẻ nô đùa nữa.

Thế còn gió thì sao?

Chỉ nhè nhè một hơi cười nhẹ bỗng qua sóng điện thoại.

Nhẹ như gió...

Lạ lùng là ... gió

Vì không có gió, sao thử thách được lòng người?

Còn nhớ cái đêm Đông Văn, rét đến đóng cứng cả máu trong người, vậy mà quán cháo ấu tẩu vẫn kiên nhẫn thấp đèn chờ khách. Khách ngồi đợi cháo, tranh thủ hơ tay bên bếp lửa, rí rầm trò chuyện. Người lạ thành quen. Gió chẳng còn đáng sợ nữa.

Sáng ra, còn thấy gió vun vút lao trên những tai đá lởm chởm, xám xịt đến ớn tim, đã thấy vẩy Mòng xanh đỏ xập xòe cheo leo, hải từng ngọn cải mèo. Trẻ con chân trần, chạy hớn hớn trên những con dốc biêng hiếc hoa bạc hà. Cỏ xơ xác lá. Cây cổ thụ trơ khấc mỗi thân mốc xì, đen xín hần vào nền trời lúc nào cũng mừng mừng màu sương mù giăng mờ mịt. Nhưng hết gió, hết lạnh, cỏ cây lại bật mầm, trảy lộc. Cái sức sống trên chập chùng đá núi, bất chấp gió, lạ chưa?

Có cô nhà thơ người Hà Nội, hầu như tháng nào cũng quần quật leo mấy cổng trời, quay quay dốc chín khoanh vài bận, uống rượu Hà là say lử đử, rồi đâm "mê" cái gió cao nguyên. Mà ở lại. Nụ cười lúc chia tay, chênh vênh trên dốc đá. Người về, không có men mà cũng say...

Lạ lùng là sức sống của con người.

Bất chấp gió.

Để có người tha hương cả mấy chục năm trời, đi xa cả nửa vòng trái đất, nhìn tờ lịch cuối năm, bỗng bốn chốn nhớ gió...■

được vợ. Lát sau, tôi hỏi:

- Anh tha thứ cho vợ chứ?

Anh ta vẫn chưa nguôi:

- Tui bỏ nghề đi biển để chạy xe ôm như vậy cũng vì nó.

Tui tha thứ cho nó đến chín lần nhưng tánh nào tật đó. Đứng là loại đàn bà...

Anh ta rủa xả nghe rát cả lỗ tai, may là xe đến khách sạn. Trước khi nhận lại cái nón bảo hiểm, anh ta lẹ làng dúm vào tay tôi cái cạc, nói:

- Đây là tên và điện thoại của tui, khi nào cần đi đâu có cứ gọi.

3.

Đêm. Sóng vẫn vỗ ì oăm. Nằm một mình, tôi cảm thấy có cái gì đó như bất an. Tôi ngồi dậy, tìm remote và bật ti vi. Kênh HBO đang chiếu đoạn cuối phim *Cocktail*. Tom Cruise vào vai Brian, anh chàng pha chế rượu, tài hoa, đa tình. Tôi đã xem bộ phim này nhiều lần nhưng vẫn còn muốn xem. Kéo cái gối không người nằm chống lên cái gối đang nằm rồi kể đầu vai lên cao hơn một chút, tôi dán mắt lên màn hình.

Khi biết mình sắp được làm cha của hai đứa trẻ sinh đôi, Brian sung sướng, nhảy phắt từ quầy rượu ra đám đông, nhắc bóng cô vợ đang mang cái bầu kén cang. Phim kết thúc trong tiếng hò reo chúc tụng của mọi người. Tôi tắt ti vi.

Ánh sáng dịu ảm của đèn ngủ cứ mờn nam, mờn man. Tôi kéo mền trùm kín người, kín mặt. Âm thanh ồn ã của quán rượu và gương mặt quá đổi hạnh phúc của đôi chồng vợ trong phim lại làm tôi cồn cào khó ngủ.

Ngật ngậy như sóng sánh hơi men, tôi kéo tấm đắp ra khỏi mặt. Tôi muốn gọi cho anh, thì thầm: "Em không ngủ được. Em muốn được ôm anh!" và hình dung cái ghi siết nồng bỏng của anh. Tôi gọi. Chuông không reo. Điện thoại không liên lạc được. Tôi đành gọi tin nhắn: "*Nhớ anh, em không sao ngủ được!*", mặc kệ lời âu yếm lơ lửng đầu đó hay mất hút. Tuy vậy, tôi vẫn chờ nhận được tin hiệu từ anh.

Điện thoại vẫn im lìm. Tôi loay hoay muốn tìm số điện thoại của ai đó, nói vài câu cho vui trống vắng. Nhưng trong số bạn bè, không một ai tôi có thể dựng dậy vào giữa khuya

để nói vài câu vớ vẩn. Chợt nhớ đến người đàn ông chạy xe ôm bị cấm sừng, tôi mở bóp, móc ra cái cạc của anh ta. Do dự một hồi, tôi quyết định không gọi cho người đàn ông còn ngùn ngụt căm hận đàn bà.

Mỗi một, tôi trôi vào giấc ngủ chập chờn.

Dậy trễ, tôi không đụng vào khay thức ăn mà anh đã đặt sẵn cho tôi. Nhìn nắng tràn vào phòng, tôi tiếc đã bỏ lỡ một bình minh và một buổi tắm biển.

Không đi thang bộ, tôi bước vào thang máy. Trong thang máy, tôi gặp hai đôi trai gái, có lẽ họ là một nhóm bạn, trên người mặc đồ tắm ướt át, cười nói ồn ào.

Lững thững bước dọc theo bờ cát, tôi sựng lại khi thấy đôi uyên ương hạnh phúc của ngày hôm qua.

Cũng ề kíp chụp ảnh hôm qua, cũng bờ cát, bãi tắm hôm qua. Đôi uyên ương vẫn mặc bộ quần áo của ngày hôm qua. Chiếc váy ngắn có lúc tốc bổng lên khi chàng rề nhắc bổng cô dâu và quay mấy vòng trước trời mây sóng nước đã không còn của ngày hôm qua. Duy chỉ có tình yêu của họ vẫn như ngày hôm qua. Hồn nhiên, say đắm, mỗi cười, mỗi cười. Ai đó nói, vũ trụ này, mỗi ngày chỉ có mười sáu nơi được đón bình minh trọn vẹn. Còn lứa đôi trước mặt tôi, có lẽ, mỗi ngày họ có đến mười sáu lần chìm đắm trong bình minh.

Và ề kíp cầm máy đang cần mẫn ghi lại, ghi lại tất cả niềm hân hoan mà đôi uyên ương mang lại cho nhau.

Bởi, không một ai muốn bỏ lỡ khoảnh khắc vô giá của cuộc đời.

4.

Khoảnh khắc mà tôi chưa có được.

Tôi nhận ra điều đó khi ngồi trong quán café vỉa hè cách bãi biển, mặt biển một khoảng cách vừa nghe được tiếng sóng lại vừa không bị át đi bởi tiếng sóng. Đang bưng ly café uống nốt chỗ còn lại, chợt điện thoại trong túi reo.

Tôi áp tai nghe. Giọng anh gây gọn:

- Bây giờ sáng mai anh bay ra với em!

Tôi chợt nghe mình nói:

- Còn em, mười giờ tối nay sẽ lên tàu!

- Hả, em nói gì?

- Em sẽ về trước khi anh ra đây.

- Vậy anh ra để làm gì?

- Để cũng như em, là được ở một mình.

Tôi nghe anh gào lên:

- Ở một mình? Em có điên không?

Tôi trở nên điềm tĩnh:

- Anh nghe em nói đây. Nhờ ở một mình mà em nhận ra được điều quan trọng này...

Anh chặn lời:

- Điều gì mà em cho là quan trọng?

- Là thật sai lầm nếu chúng ta cưới nhau.

- Em điên thật rồi!

Anh giận dữ cúp điện thoại.

Tôi uống hộp café còn lại và cho điện thoại vào túi.

Sao mình có thể nói ra cái điều hệ trọng đó một cách dễ dàng như vậy? Tôi tự hỏi.

Nhưng khi đã nói ra được cái điều cần phải nói, tôi như người vừa trút được gánh nặng. Cái gánh nặng tuy vô hình nhưng lúc nào cũng khiến tôi chênh vênh.

Và vì chênh vênh, mà tôi, chắc cũng giống như cô gái mặc áo cưới hồng bên cạnh người chồng cùng màu áo nhưng khác màu mắt màu da ở bãi biển sáng hôm qua, lại dựa dẫm vào một bờ vai mà không lắng nghe trái tim mình.

Và có lẽ, cũng chênh vênh trong trái tim mà vợ người xe ôm trở thành kẻ lằng lộn trước mắt chồng và trước lồng lộng biển trời.

Rồi, có lẽ cũng vì mất phương hướng và rơi vào tuyệt vọng mà Douglas, ông bạn pha chế rượu cử khôi của Brian, phải tìm đến cái chết thảm, dù ở New York, vợ anh ta sở hữu hàng chục tòa nhà.

Khi tôi rời khỏi quán café, bước dọc theo vỉa hè, đôi uyên ương hạnh phúc vẫn còn ghi hình bên bờ biển tràn nắng, gió.

Biển như rộng hơn và thăm thẳm hơn.■

Sài Gòn, 6. 12.2011

BN

TÔI không nghĩ mình là người viết nghiên cứu nhiếp ảnh, tôi chỉ hy vọng bài viết ngắn này ghi lại kỷ ức hoạt động nhiếp ảnh của tôi, coi như một bài tiểu kết nhiếp ảnh Việt Nam một thời đầy khó khăn gian khổ, nhưng có nhiều người yêu nghề tha thiết. Khép lại quá khứ, các nghệ sỹ nhiếp ảnh chúng ta giờ đây đang gắng sức tiếp cận cái mới, công nghệ mới để tiến kịp thời đại... Giới nhiếp ảnh cùng nhau nhìn lại để nhìn nhận, đánh giá lịch sử nhiếp ảnh Việt Nam đi lên cùng lịch sử đất nước. Nhớ ngày nào tay còn cầm chiếc máy ảnh đầu tiên, thế mà giờ đây chúng ta đã là những nhân vật lịch sử, đã có hàng nửa thế kỷ cầm máy. Tôi, sau khi ở hậu phương về hầu như tay trắng, kể cả tiền và nghề, không còn gì nhưng vẫn phải tìm một nghề để kiếm sống. Tôi làm nhiều nghề như vẽ truyền thần, vẽ quảng cáo, học vẽ họa sĩ Lương Xuân Nhị, sơn mài học họa sĩ Nguyễn Huyền. Sau có một người bạn rất quý tôi đã cho mượn máy ảnh TELKA II - cỡ phim 4 x 6 (1 cuộn chụp được 16 kiểu), tôi mê ngày mê đêm, có đồng nào để đổ vào phim và làm ảnh. Đã năm mươi năm trôi qua, tôi vẫn luôn cảm ơn người bạn ấy (là bác sĩ Trịnh Quý), tôi đã kiếm sống nuôi gia đình bằng nghề ảnh. Thời đó làm gì có thấy, có trường lớp dạy nghề ảnh, mà chỉ có các em độ tuổi từ 12 - 15 phụ giúp cho những hiệu ảnh gồm cả việc quét lau nhà, rửa ấm chén, kể cả thổi cơm, thậm chí các bác thợ còn sai đi mua quà hoặc thuốc lá, còn tôi tìm con đường tự học qua sách Pháp. Tôi đọc quyển *Photografie* và *Prisma*... Tôi say mê nghiên cứu tự chế biến các dụng cụ, làm nhiều thí nghiệm để bước vào thế giới nhiếp ảnh (chủ yếu là nghề ảnh), mở hiệu ảnh "Nắng vàng" từ 1950 ở số nhà 19, 20, 25, 45 Hàng Dấu, 62 Lương Văn Can - Hà Nội; hướng dẫn vợ chồng em gái mở hiệu ảnh "Nắng hồng" (ở 25 Hàng Dấu).

Năm 1953, Kemesse, một hình thức hội chợ được tổ chức tại Hà Nội, quy tụ về những hoạt động văn hóa. Khu vực hội chợ được ngăn từ nhà Thủy Tạ (Bồ hồ Hoàn Kiếm) đến đồn cảnh sát Hàng Trống (Trụ sở Công an quận Hoàn Kiếm bây giờ), hai đầu có cổng chào, vào cửa phải mất tiền. Có nhiều hình thức hoạt động, ví dụ như họa sĩ Thịnh đức bày tranh ở nhà Thủy Tạ, vẽ theo lối xu thời, như vẽ chân dung Thủ hiến Bắc Kỳ, Vua Bảo Đại... bán được nhiều; họa sĩ Tạ Tỵ bày tranh ở nhà Khai Trí Tiến Đức (bây giờ là cạnh tượng vua Lê, Đình Nam Hương), vẽ theo lối lập thể môdec, rất đẹp nhưng không bán được bức nào, sau một người bạn mua cho một tác phẩm, họa sĩ mới có tiền để chi phí thuê nhà. Có một người nhảy với thị trường đã thuê làm một cái cầu bắt từ mép hồ ở phía hiệu kem Bốn mùa đến Tháp Rùa, cầu làm bằng thùng phi rỗng, trên lát ván, về phía Tháp Rùa vẽ hai đầu rồng hai bên, thành cầu bằng gỗ dán, giữa làm lối đi, thân rồng uốn khúc bằng vải màu vàng, trên vẽ hình vẩy rồng và đuôi rồng, gọi là "Cầu Rồng Tháp Rùa". Giá vào cửa để đến Tháp Rùa là 25 đồng (một tách café hồi đó là 2 đồng), chủ cầu mời tôi cộng tác. Tôi chụp ảnh ở Tháp Rùa, hợp đồng phân chia; 1 kiểu là 25 đồng tôi 15 đồng, họ là 10 đồng. Hội chợ khai mạc là mồng 2 Tết Quý Tỵ (1953), khách đến Hội chợ rất đông nhất là Cầu Rồng Tháp Rùa, vì người Hà Nội hầu như nhiều đời chưa ai được tận nơi vào thăm Tháp Rùa và tất nhiên là ai cũng muốn chụp một kiểu ảnh kỷ niệm. Ngày khai mạc mồng 2 Tết tôi đã chụp 85 cuộn phim 6 x 6. Tôi thuê ông Tiến Mạnh, hiệu ảnh ở phố Nhà Chung

NHIẾP ẢNH, MỘT THỜI ĐỂ NHỚ!

Nhiếp ảnh gia TRẦN NGUYỆT DIỆU

LTS: Nghệ sỹ nhiếp ảnh lão thành Trần Nguyệt Diệu có nhiều sáng kiến để làm nghề trong một thời đất nước khó khăn. Ông có tài chụp chân dung. Thời công tác tại Báo Văn nghệ, các tác phẩm chụp các văn nghệ sỹ nổi tiếng của thế kỷ XX đã góp phần làm nên tên tuổi ông. Ông đã vĩnh biệt chúng ta ngày 11-9-2011. Chúng tôi đăng bài "Nhiếp ảnh một thời để nhớ" của cố nhiếp ảnh gia Trần Nguyệt Diệu như một lời tâm sự của tác giả với thế hệ những người làm nghề hôm nay.



Nhà nhiếp ảnh Trần Nguyệt Diệu trong một lần tác nghiệp

tráng phim, in ảnh. Để chụp đêm tôi mua một đèn flash ở hiệu GAM1 của ông Vũ Minh, ở phố Tràng Thi. Đèn flash thời đó rất hiếm, to cồng kềnh, nặng có tới trên 2kg.

Giờ đây, thấy anh em trẻ làm nghề ảnh có những công cụ hiện đại, gọn nhẹ, tối tân thay thế sức lao động của con người, chợt nghĩ đến thời xa xưa của chúng tôi, thấy anh em bây giờ thật hạnh phúc biết nhường nào. Tuy hẹn khách một tuần sau trả ảnh, nhưng việc quá sức mình tưởng tượng và nghề cũng đang chấp chững nên không có cách nào để ảnh vào bao, mà ảnh để vào thùng, có đến 5 - 6 thùng ảnh nên không có cách nào trả được. Tôi ra Tháp Rùa để tiếp tục chụp ảnh, khách đến cửa hàng lấy ảnh, người nhà đành hỏi: ông chụp mấy người, có đội mũ không, có mặc áo sáng hay áo sẫm, áo dài hay ngắn hoặc ảnh ở thùng ấy, các vị tìm hộ. Những người không tìm được ảnh đến nỗi cáu, xé biên lai và văng những câu tục khó nghe. Cái thứ đầu trí của tôi là như thế đấy! Chiến thắng Điện Biên Phủ làm náo nức lòng dân Thủ đô, mọi người từng giờ, từng ngày chờ tin chiến thắng. Một kỷ niệm không bao giờ quên trong tâm khảm của những người làm ảnh chúng tôi; ngày 10-10-1954 Thủ đô giải phóng. Nhớ những ngày tràn đầy mừng vui náo nức, đêm hôm trước nhiều người không ngủ được. Khi được tin đoàn quân tiến về tiếp quản giải phóng Thủ đô, nhiều anh em nhiếp ảnh rủ nhau ra chụp ở cầu Long Biên. Lúc đó, lối đi trên cầu người đông cứng để đón đoàn ô tô chở bộ đội tiến qua cầu, cờ hoa rực rỡ, cảm động nhất là cảnh mẹ con, vợ chồng anh em gặp nhau. Tôi và ông bạn đồng nghiệp không chen được để chụp ảnh đã bàn nhau về đón ở ngã năm Cửa Nam, muốn chụp được phải có chỗ cao, may nhờ có một đồng nghiệp có cái thang dựa

vào một thân cây to, chúng tôi thông cảm nhau và đều nhờ vào cái thang đó. Tôi cũng chụp được một cuộn phim 6 x 6. Hiện tôi còn giữ được một tấm ảnh 9 x 12 của ai đó đã chụp được toàn bộ những gương mặt những nhà nhiếp ảnh trong cuộc Triển lãm ảnh nghệ thuật nhiếp ảnh lần thứ nhất - những người có điều kiện chụp những bức ảnh có giá trị lúc bấy giờ thường là phóng viên các báo, các phóng viên quân đội... Dưới chế độ mới, những người làm nghề ảnh, chúng tôi yên tâm với công việc đều đặn, cuộc sống ổn định. Chế độ mới, cuộc sống mới nên cũng không tránh khỏi lơ đãng. Giá thuê cửa hàng ở Hà Nội lúc đó rất đắt khoảng 1 cây vàng / 1 tháng (vàng lúc đó rất hiếm rất giá trị). Phòng chụp nhỏ có phòng cố định, một vài phòng khác vẽ phong cảnh biển, núi, Hồ Gươm... bằng vải trên giá gỗ. Quần áo thay cho khách chỉ đơn giản là mấy cái sơ mi, bà chủ hiệu ghi hóa đơn và trả ảnh, thu tiền, khách yêu cầu chụp ảnh theo sở thích; phòng trang điểm thay quần áo thực ra chỉ là một rido nhỏ quay quanh một chiếc gương (nói là phòng thực ra chỉ rộng hơn 1m²), làm gì có người phục vụ và có phòng trưng bày các kiểu quần áo như các ảnh viện bây giờ. Khách tự trang điểm lấy và thời đó rất hiếm thuốc tẩy trang nên tường chỗ thay quần áo thường đầy các vết môi son của các bà, các cô lau đi trước khi đi ra đường (vì thời đó khi ra đường phụ nữ ít dùng son phấn). Thời đó không có ảnh màu nên muốn có ảnh màu phải dùng giấy tờ màu (cudr), dung muối đèn hoặc mực nho hòa mấy giọt mực xanh bút máy vào miếng kính, lấy bút ăm nhon đầu chấm thử ra miếng giấy ăm rồi chấm vào những vết trắng, còn vết đen thì dùng kính bẻ lấy đầu nhon cao đi; sửa phim thì dùng bút chì nhon. Sửa ảnh khó nhất là mở mắt cho người bị chớp

mắt, việc này phải thợ bậc cao mới làm được. Một người muốn học được nghề ảnh thành công phải lao tâm khổ tứ, thử thách từ việc nhỏ nhất trở đi. Chính vì vậy ảnh chụp có thể giữ được rất lâu, thậm chí vài chục năm ảnh không hỏng. Thời đó chúng tôi phải cẩn thận như vậy vì lương tâm nghề nghiệp vừa là để đảm bảo uy tín và không muốn tự mình đào thải mình. Có khó như vậy mới trân trọng nghề nghiệp! Tôi thấy một số anh em trẻ bây giờ (không phải tất cả) tiện lợi về điều kiện nhưng thiếu tính kiên trì, vừa chụp được vài tấm ảnh giành được giải thưởng là đã cho mình trở thành nghệ sỹ rồi. Có anh mang mấy ảnh đến hỏi tôi về nghề, tôi có hỏi là: "Ảnh sáng truyền như thế nào?" Anh ấy lúng túng không biết trả lời ra sao, mặc dù anh ấy nói tốt nghiệp phổ thông, tôi bèn bảo "anh hãy về xem lại chương trình quang học ở lớp 10 phổ thông đi rồi hãy cầm máy ảnh", thế là anh ấy tự ái bỏ đi luôn.

Năm 1960, theo chủ trương của Đảng, Nhà nước, các hiệu ảnh của chúng tôi góp tất cả các đồ nghề làm ảnh gia nhập hợp tác xã làm chung, hưởng chung. Ai giỏi nghề được phân công làm nhiệm vụ chính. Năm 1965 đế quốc Mỹ leo thang bắn phá miền Bắc, các hợp tác xã nhiếp ảnh cũng phải đi sơ tán. Riêng HTX Nhiếp ảnh Phương Đông - nơi tôi làm việc, sơ tán về làng Lai Xá - Hà Tây. Đây là một làng cổ, có truyền thống nghề ảnh. Không có điện HTX đã tin nhiệm giao cho tôi thiết kế và cùng anh chị em xã viên dựng một buồng tối bằng ánh sáng trời có thể bốn người thợ làm ảnh được.

Năm 1970, thời gian công tác ở báo Văn nghệ, tôi đã chụp hàng nghìn thước phim về sân khấu, rất nhiều chân dung văn nghệ sỹ, họ hầu hết là những đồng nghiệp, bậc đàn anh, là bạn của tôi như: Nhạc sỹ Văn Cao, Tạ Tẩn... họa sỹ Nam Sơn, Mai Văn Hiến, Nguyễn Thu, Trần Lưu Hậu, Trần Văn Cẩn, Thang Trần Phếnh, Văn Thơ, Thanh Ngọc, Vũ Giáng Hương... Nhà phê bình mỹ thuật Thái Bá Vân, Lê Thanh Đức... Diễn viên Đàm Liên, Đào Mộng Long, Trúc Quỳnh... học giả Đào Duy Anh... nghệ sỹ nhiếp ảnh Võ An Ninh, Đỗ Huân, Đình Ưu... Nhà thơ Tố Hữu, Xuân Diệu v.v và v.v. Đa phần họ là tác giả được trao giải thưởng cao quý là Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước.

Giờ đây nghĩ lại thời xa xưa, những sự buồn vui sướng khổ của nghề đã trở thành kỷ niệm. Thời đó có nhiều khó khăn nhưng có nhiều điều đáng nhớ... Bây giờ nghề ảnh có đầy đủ điều kiện về máy móc, kỹ thuật, sách vở, trường lớp... Nhiếp ảnh Việt Nam đã có những bước phát triển vượt bậc, bên cạnh máy ảnh dùng phim thì máy ảnh kỹ thuật số phát triển không ngừng, công nghệ đã làm "nhân hóa" lao động của con người. Tuy vậy, chúng tôi hết sức tự hào về giới nhiếp ảnh chúng ta đã góp một phần công sức của mình để làm nên lịch sử nhiếp ảnh Việt Nam, làm nên những tác phẩm ghi dấu ấn thời đại, một thời đại với những biến cố lớn không thể nào quên...■

Hà Nội, tháng 12 năm 2010

VĂN XUÔI NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

LÊ THÀNH NGHỊ

VĂN xuôi Việt Nam đang có những tin hiệu rất đáng quan tâm của một nền văn học mở, đang thay đổi, đang chuyển động, đang thể nghiệm những hướng đi, đang tìm tòi nội dung và hình thức biểu hiện, đang vượt thoát những gì trì trệ, kim hãm, và đang tiếp biến những nét mới của những dòng văn chương nước ngoài để trước hết là làm thay đổi tư duy sáng tạo, mong muốn tạo ra những khác lạ, những hiệu quả nghệ thuật mới của người viết, để đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của người đọc. Những chuyển động, thay đổi đó không dễ nắm bắt, bình luận về chúng, lại càng phải thận trọng, không thể đưa sở thích chủ quan để áp đặt, lại càng không nên kỳ thị, nhất là đối với những cái mới, cái khác lạ... thường mang tính dị biệt, lúc mới xuất hiện, thường không giống với bất cứ những gì ta đã biết.

(...)
Văn xuôi về chiến tranh vẫn đang được các nhà văn tiếp tục đào xới như một sự trả món nợ của quá khứ, các tác giả vẫn là thế hệ chống Mỹ. Chiến tranh sau hơn ba mươi năm đã hiện lên không phải chỉ là *nhìn thấy* nữa mà là một hiện thực được phản ánh sau những nghiêng ngả, cân nhắc vì vậy có thể thấy trang viết lắng đọng hơn, nhiều suy tư hơn, vấn đề đặt ra trong tác phẩm nhức buốt hơn. Vẫn tiếp tục khẳng định những đóng góp to lớn của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ anh hùng vừa qua, nhưng nhà văn đã nhìn nhận điều đó từ nhiều phía. Chẳng hạn nhà văn Xuân Đức vốn là tác giả của nhiều tiểu thuyết về chiến tranh viết về mảnh đất Quảng Trị, năm 2006 với tác phẩm *Bến đò xưa lặng* lại cho ta thấy chiến tranh không chỉ có anh hùng, có hy sinh mà tự trong lòng nó ẩn chứa biết bao những vết thương tinh thần, những bi tráng và bi kịch, những hy sinh thầm lặng, những tình huống oái ăm mà không một trí tưởng tượng nào có thể hình dung được. Những người chiến sỹ giải phóng kiên cường trước kẻ thù, không hề tiếc xương máu cho kháng chiến, trung thành với sự nghiệp giải phóng đất nước nhưng chịu những mất mát to lớn như Khảm, hoặc như Phạm Đột khi lâm vào tình huống treo ngoe không có cách gì bày tỏ lòng trung thành của mình với tổ chức, đã không hề nao núng. Chiến tranh cũng làm biến dạng tính cách con người như Lương, Ly, Linh, Cội và nhiều người khác nữa mà nhà văn Xuân Đức đặt ra trong cuốn sách như một mảng ngầm đầy ám ảnh. Cũng viết về sự hy sinh của người chiến sỹ như người Nguyễn Quang Hà trong *Vùng lồm* tập trung nêu bật hình tượng người chiến sỹ hy sinh trong một trường hợp đặc biệt bi tráng. Đó là Dư, người chiến sỹ giải phóng, quyết định hy sinh tính mạng mình, hy sinh cả tình yêu của mình, mở hãm bí mật lên *trình diện* kẻ thù để chịu chết để cứu đồng bào vô tội của làng Hiền Mai, vùng sâu của tỉnh Thừa Thiên - Huế. Có thể nói hình ảnh một chiến sỹ trẻ tuổi tự mình dẫn thân đến trước họng súng kẻ thù vì sinh mạng của đồng bào mình đã để lại những cảm xúc cao cả, mang ý nghĩa thẩm mỹ đặc sắc. Rồi Trần Văn Tuấn trong *Rừng thiêng nước trong*, Đỗ Kim Cường trong *Trận tuyến sông Bồ*, Hữu Phương trong *Chân trời mùa hạ*, Dương Hướng trong *Dưới chín tầng trời*, Từ Nguyên Tĩnh trong *Truyền thuyết sông Thu Bồn*, Bùi Bình Thi trong *Xiềng Khoảnh mù sương*, Tô Đức Chiêu trong *Đường về Thà Khộc*, Khuất Quang Thụy trong *Đối chiến*, Hoàng Đình Quang trong *Xuân Lộc*, Trầm Hương trong *Đêm Sài Gòn không ngủ*, Nguyễn Hoàng Thu trong *Đi qua bóng tối*, Trung Trung Đỉnh trong *Linh trận*, Nguyễn Chí Trung trong *Tiếng khóc của nàng Út...* và Xuân Khánh trong *Đội gạo lên chùa* (viết về kháng chiến chống Pháp), tiếp tục dòng chảy của văn học về đề tài chiến tranh trước đây trên một tầm nhận thức mới của

người viết. Đã có sự điều chỉnh cần thiết trong cách thể hiện để hiện thực đạt được tính khách quan hơn khi nhìn chiến tranh từ hai phía. Kẻ thù không còn là những hình nộm ngờ nghệch, thù tính mà là rất xảo quyệt, rất khôn ngoan, thiện chiến, thậm chí rất con người. Trong hàng ngũ ta cũng không ít những kẻ biến chất, trở thành những cản trở nặng nề cho cuộc chiến, cho nên trận đánh không hề dễ dàng ta thắng địch thua đơn giản như trong văn học ngày nào, mà là một sự đổi mới mặt khốc liệt (đối chiến), một sự hy sinh mất mát lớn lao sau những chiến công. Nguyễn Hoàng Thu dựng lại không khí một thành phố miền trung sát trước ngày 30-4-1975 và nêu bật tâm trạng của những người trẻ tuổi bên phía nguy quân, nguy quyền trước thời cuộc, làm người đọc hiểu thêm cuộc chiến tranh nhìn từ hai phía (tiểu thuyết *Đi qua bóng tối*). Văn học đang cố gắng tìm lời giải hợp lý nhất, khách quan nhất cho những sự kiện chiến tranh đang dần bị khuất lấp vì thời gian. Tính chân thực của văn học viết về chiến tranh vì vậy được nâng lên đáng kể. Nhưng ở đây cũng có một lưu ý cần thiết. Khi hiện thực đã đi qua, những biểu hiện nào là bản chất của đời sống, là bản chất của thời đại cần được lựa chọn, nhìn nhận và đánh giá trên quan điểm lịch sử, bằng cái nhìn lịch sử, làm tăng tính chân thực thẩm mỹ mà không vi phạm tính chân thực lịch sử, đánh mất bản chất của hiện thực. Đó là trách nhiệm và lương tâm của người cầm bút, đặc biệt ở dòng văn học viết về chiến tranh vì nó có sứ mệnh tham gia cất nghĩa lịch sử trên cái nhìn toàn cục. Đúng là trên thực tế có những người lính bên kia chiến tuyến ra trận với nhiều lý do, và vẫn có những người như Fred, Nguyễn Trung Hiếu, nhật được Nhật ký Đặng Thuỳ Trâm, (cũng như trường hợp người nhật được bản thảo của nhà văn Chu Cẩm Phong) đã không giấu giếm sự cảm phục đối với một nữ bác sỹ của cộng sản, một nhà văn cộng sản và đã bị cảm hoá thực sự. Đúng là trên thực tế vẫn có những kẻ phản bội như Tâm Hàn. Đúng là không ai muốn khơi lại vết thương đau của dân tộc mình, đúng là cần phải khép lại quá khứ, dẹp bỏ những tỵ hiềm, những thù hận, vì một lẽ phải lớn là hoà hiếu của thời đại và trên thực tế nhân dân ta đang thực hiện điều đó.

Nhưng như vậy không có nghĩa là không rạch ròi khi phải dựng lại bức tranh lịch sử. Trung thực với hiện thực vẫn là đòi hỏi muôn thuở của văn chương nghệ thuật!

Những đề tài khác cũng đang hấp dẫn đối với văn xuôi, đặc biệt là đề tài thế sự, đạo đức với những vấn nạn về sự xuống cấp đạo đức của đời sống hôm nay. Chưa bao giờ trong đời sống xã hội lại nhiều những tệ nạn như mấy năm qua. Hình như

cơ chế thị trường sơ khai, sự cạnh tranh quyết liệt của thương trường, lòng ham muốn làm giàu bằng mọi giá, sự quá chênh lệch giàu nghèo, có thể có cả những bất công lợi ích của cá nhân, của nhóm... đã tạo ra những tệ nạn rất quỷ quyệt, ranh ma, tàn nhẫn trong những con người ngay bên cạnh chúng ta. Không chỉ là tội tham nhũng, biến lộn của công mà là tội phạm xuất hiện dưới nhiều hình thức như chạy chức chạy quyền, triệt hạ lẫn nhau, giải quyết những mâu thuẫn nội bộ bằng luật rừng, bằng hành vi của xã hội đen, biến tổ chức thành nơi đấu đá tàn khốc của các phe nhóm vv. Nguyễn Bắc Sơn trong *Lửa đắng*, Nguyễn Đình Tú trong *Phiên bản*, Nam Ninh trong *Khoảnh khắc đời người*, Nguyễn Đức Thiện trong *Kiếp người xuống xuống lên lên*, Nguyễn Hiếu trong *Mặt nạ để đời*, Nguyễn Như Phong trong *Chạy án*, Nguyễn Đình Tú trong *Phiên bản*, Bích Ngân trong *Thế giới xô lệch*, Đỗ Thị Hiến Hoà trong *Heo may về...* đã dựng lên bên cạnh bức tranh ảm đạm với những mảng tối nhức nhối của đời sống là cuộc đấu tranh không khoan nhượng giữa thiện và ác, giữa lương tâm của những người có văn hoá thực sự, lo lắng cho cuộc sống chung thực sự và những kẻ thoái hoá ở mọi cấp độ. Nếu sự thật đáng sợ trong những tác phẩm vừa nhắc là điều không còn xa lạ, chúng ta vẫn thường gặp trong đời sống hiện thực thì ánh sáng có thật từ cuộc đấu tranh sinh tử của những con người tiến bộ với những kẻ thoái hoá biến chất cũng là điều cần ghi nhận ở các trang viết của các nhà văn. Mồ xẻ vết thương đau nhưng rồi văn học không thể không hướng bạn đọc đến những hy vọng, bởi vì cuộc sống không bao giờ hết hy vọng. Ta thấy trong những tác phẩm vừa nhắc trên đây, cuộc đấu tranh giữa cái tốt và cái xấu thật quyết liệt, nhưng những gì là tích cực, là tốt đẹp vẫn không bao giờ làm mất niềm tin ở người đọc. Thuỳ Dương trong *Thức giấc* viết về những khát vọng vươn lên khẳng định mình của những người trẻ tuổi trong lĩnh vực kinh tế, Cao Duy Sơn trong *Ngôi nhà xưa bên suối* với những vẻ đẹp của tâm hồn con người qua năm tháng, Sương Nguyệt Minh trong *Dị hướng* với những trần trố đạo đức của những người trong một nhà, những người từ quê ra tỉnh, Nguyễn Bắc Sơn trong *Lửa đắng* đã khá công phu dựng lên hình tượng những nhân vật tích cực tiêu biểu cho cuộc sống như Kiên, Bí thư quận uỷ Lâm Du, Triển, Tổng biên tập báo *Thời Luận* không hề nao núng trước cái ác, sẵn sàng chấp nhận thiệt thòi khi đối mặt với xã hội đen, đối mặt với những mưu ma chước quỷ mà những người đồng nghiệp, đang trở thành những lực cản đáng sợ trong cơn trở dạ đau đớn của thời cuộc. Chẳng hạn hình ảnh giám đốc công an tỉnh

trong tiểu thuyết *Chạy án* của Nguyễn Như Phong, và những giảng xé nội tâm khi người bạn chiến đấu của ông trong chiến tranh, giữ một chức vụ khá to hôm nay đang là đối tượng chính của một trọng án cần phanh phui. Sự lựa chọn của ông không hề dễ dàng chút nào. Nhưng rồi ông và những chiến sỹ công an đã vượt qua tình huống éo le đó.

Từ những trang viết về những vấn đề đạo đức thế sự có thể nhận thấy các tác giả tiểu thuyết đã không ngần ngại lách mũi dao nhọn của mình vào những ung nhọt của xã hội hôm nay. Nhưng có điều dù trang viết về sự thật từng nơi, từng lúc có nặng nề đến đâu, cũng không ai nghĩ hiện thực đang bị nhận thức trái với bản chất của nó, ngược lại, với những trang viết như vậy, bạn đọc luôn nhận ra tinh thần trách nhiệm, tinh thần công dân của nhà văn trước thời cuộc. Không chỉ phản ánh, cất nghĩa bản chất hiện thực, nhà văn còn hướng bạn đọc đến những quan niệm đạo đức mới, không làm mất niềm tin của họ vào cuộc sống bằng những nhân tố tích cực có sức cảm hoá hiện diện trong những trang sách. Nhưng ở đây cũng có thể đề xuất một vấn đề cần suy nghĩ. Đó là trong văn xuôi Việt Nam cho đến những năm gần đây đang thiếu hình ảnh tiêu biểu của con người mới Việt Nam trong giai đoạn cả nước đang trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá sôi động hôm nay. Những nhân vật văn học mang đậm tính cách và tâm hồn Việt, có thể đó là những công nhân, trí thức, doanh nhân, nhà khoa học... đang phát huy cao độ lòng yêu nước, yêu dân tộc, tinh thần quốc tế cao cả trong xây dựng kinh tế, bảo vệ hoà bình hôm nay. Thiết nghĩ những cuốn sách như vậy đang được bạn đọc chờ đợi, thay vì chúng ta có lúc quá nghiêng về phản ánh tiêu cực như giai đoạn văn học trước đây. Một cuốn sách có thể làm thay đổi tâm trạng có lúc khá ngột ngạt hôm nay của bạn đọc, có thể đang được chờ đợi hơn bao giờ hết.

Không ai không thừa nhận vai trò nhận thức của văn học. Bản chất đời sống hôm nay yêu cầu nhà văn không chỉ cần có lý trí sắc sảo mà còn cần có trái tim nồng ấm, có thái độ thông cảm, có trách nhiệm của người trong cuộc trước cái ngổn ngang bế bộn của thực tế, của tư tưởng, một hiện thực không hề đơn giản, một chiều giữa một bối cảnh đất nước, khu vực và quốc tế biến động từng ngày, trong đó, cuộc đấu tranh giữa cái tốt và cái xấu, giữa tích cực và tiêu cực vẫn luôn diễn ra như là biện chứng của sự phát triển. Giai đoạn nào, xã hội nào cũng chứa đựng những mâu thuẫn, và cuộc đấu tranh để tự hoàn thiện như vậy không bao giờ có điểm dừng. Điều quan trọng là con mắt nghệ thuật của người viết. Một biểu hiện tiêu cực trong đời sống dễ nhận ra nhưng những biểu hiện tích cực thường khi chậm được nhìn thấy. Không phải là cổ vũ cho sự minh hoạ, ca ngợi dễ dãi trong văn học, vấn đề là nếu cuộc đời có những con người, những sự kiện đáng ca ngợi mà tại sao văn học viết về những con người, những sự kiện đó hình như vẫn bị xem là lỗi thời? Tại sao lại cứ phải đọc *ai điếu* cho một nền văn học ca ngợi lòng yêu nước, ca ngợi những nhân tố tích cực của đời sống? Phải chăng chỉ nên loại đi thứ văn chương minh hoạ dễ dãi, dù đó là minh hoạ cho cái gì đi nữa! Chính cuộc sống đã và đang loại bỏ thứ văn chương như vậy. Một nền văn học phát triển bền vững đáp ứng nguyện vọng của số đông người đọc là một nền văn học đấu tranh không khoan nhượng với cái xấu nhưng cũng là nền văn học ca ngợi chân thực những biểu hiện tốt đẹp của đời sống!■



Các tác giả đoạt giải cuộc thi tiểu thuyết lần thứ III của Hội Nhà văn Việt Nam
Ảnh: Hữu Đỗ

TIẾN TỚI LIÊN HOAN THƠ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG NGUỒN MẠCH CỦA THƠ CA SINGAPORE VÀ MALAYSIA

RAJEEV S. PATKE (Tiến sĩ - Đại học Quốc gia Singapore)

VĂN hóa nhập cư, và đặc biệt văn hóa người Mã gốc Hoa (Baba Chinese), là thành phần sớm nhất có sự sáng tạo văn chương rộng rãi trong cộng đồng bán đảo Mã Lai. Nhưng truyền thống thơ ca thì đã chảy suốt trong nền tảng của dân cư xứ sở này, bởi những người nhập cư, nói cho đúng, thì họ cũng chỉ bị chi phối bởi những nhu cầu thực dụng trong cuộc sống hàng ngày. Những nỗ lực lạc đặc để sáng tác thơ ca tiếng Anh bắt đầu từ cuối thập kỷ 1940, nhưng nhà thơ chủ yếu sáng nhất của Singapore, Edwin Thumboo, lại xấu hổ khi nói rằng, cho đến thập kỷ 1970, hai quốc gia này đã không tạo ra được một nhà thơ nào đủ lớn, mặc dù đã có ngôn ngữ chung là tiếng Anh trong vòng hơn 150 năm rồi (Thumboo, 1970, trang 2). Trong khi văn học tiếng Hoa phản ánh để tài dân tộc, tạo ra sự liên kết sống động với tổ quốc nguồn cội, thì văn học Mã Lai chỉ chủ yếu chú tâm đến những vấn đề của cuộc sống hàng ngày, còn văn học viết bằng tiếng Anh thì chỉ loanh quanh đến những vấn đề giải phóng cá nhân. Thơ ca sớm nhất không hề được khởi phát từ ý thức dân tộc của người Mã Lai. Sau đây là một ví dụ ngắn của Vương Tông Đổ, mà sáng tác đầu tay (1950) đã gây tiếng vang trong giới trí thức nói tiếng Anh bản địa:

Những ý nghĩ khiêm nhường kiểu Camford
Là sự mãn nguyện bỏ lê bỏ cẳng
Trời ạ, có gì khác;
Chàng Orang cũng là một kiểu
Hôm qua anh trai chàng vào bảo
"Vợ cũng là của tao"...
Chàng Orang được giáo dục rằng
Chỉ có giáo dục mới hoàn chỉnh
(Chủ lô bia, trang 4, năm 1989).

Vương Tông Đổ và các nhà thơ khác cùng thế hệ, không thể hàn gắn mâu thuẫn "giữa việc tìm đến một nền thơ Malaysia, và sự chỉ cốt làm nên cho lối thơ kiểu Anh hải ngoại" (Lim, 1989, trang 540), và cuối cùng họ từ bỏ thơ. Nghiên cứu thực nghiệm để tìm một lối thơ địa phương cuối cùng giúp hình thành được thể *Engmalchin* (viết tắt

của các từ English-Malaya-Chinese, tức Anh-Mã-Hoa-ND). Kiểu duy nhất nó tồn tại là dạng tự ý thức và rất có giới hạn: "thì lực mươn... trong tâm thức thuộc địa", như tập *Thumboo* chỉ ra năm 1978, (trang 105). Nhưng nó chỉ dẫn đến một dạng thơ kiểu tiếng vọng, giàu có các chi tiết đời sống, nhưng không trực diện. **Bài ca một chàng Mã trẻ** của Ee Tiang Hong và **Hai bà mẹ trong sân thể thao** của Singlish Arthur Yap là những ví dụ điển hình nhất của thơ dạng này. Thể hệ thì sĩ tiếp theo lại định hình về phía thi ca biểu tượng và huyền thoại, như trường hợp của Vương Phái Nam. Nhà phê bình văn học Lloyd Fernando viết về thi sĩ này năm 1969 rằng, "Ông có khả năng liên tưởng đến nỗi buồn khổ phi sắc tộc, phi biên giới, một tình cảm mà hầu như chưa nhà thơ Malaysia nào trước đó đạt tới" (Fernando, 1986, trang 134).

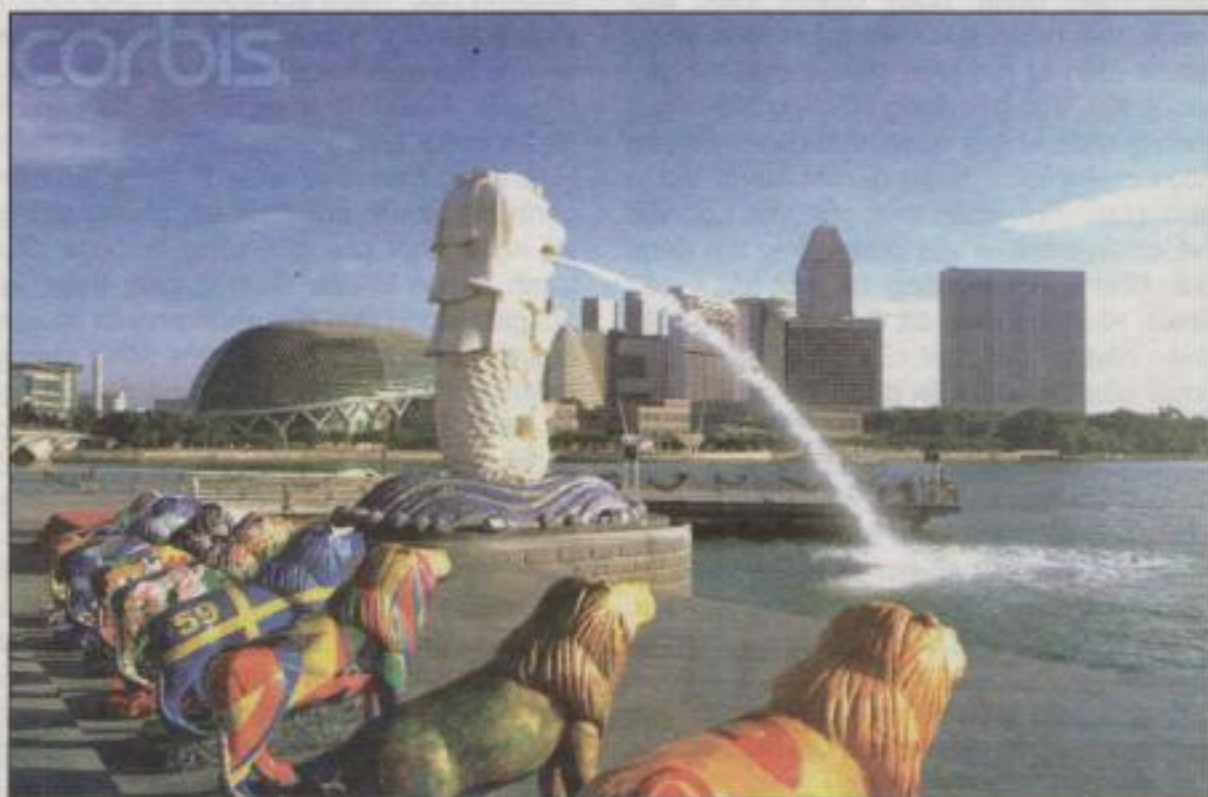
Từ cuối thập niên 1950 trở đi, thi ca Malaysia và Singapore dần tiếp cận được với các dạng thức có học vấn cao, qua các tạp chí, các khóa đào tạo, và các chuyên xuất ngoại. Trường Đại học Tổng hợp Malaya thành lập năm 1949, cho đến 1961 thì chia tách làm hai nửa: phần ở Singapore thì trở thành Đại học Quốc gia Singapore. Trường này cung cấp những nhà thơ trẻ cho đất nước. Cơ hội đầu tiên của những thi sĩ có học bài bản này là đăng bài trên các tạp chí **Chiếc Vạc** (1947-1949), **Chiếc Vạc Mới** (1949-1960), **Sinh viên Mã Lai** (1951-1957), **Nghệ Thuật** (1957-1958), và **Biên niên ký** (Tập I, 1957), **30 bài thơ** (1958), rồi các nhà thơ khác cũng lần lượt tham gia. Các tạp chí **Tenggara** (bắt đầu ấn hành năm 1967) ở Kuala Lumpur, **Người đương thời** (từ năm 1962), và **Tiểu điểm** (năm 1986) ở

Singapore tiếp tục truyền thống. Sau đó chính phủ Singapore cho thành lập tạp chí **Singa** cũng tham gia vào thi đàn.

Các tập đoàn giáo dục đại học đóng vai trò không thể coi nhẹ trong việc xuất bản và cổ súy các sáng tác thơ ở Singapore. Nhiều cá nhân đã đóng góp lớn cả tiền của lẫn tinh thần cho việc hình thành một nền thơ tươi tốt trong khu vực. Người tiêu biểu nhất là Edwin Thumboo. Đóng góp dễ thấy nhất của ông là khởi in bộ **Biên niên thơ** do chính ông tập hợp và biên tập. Đến nay đã ra được các tập **Cây nở hoa** (1970), **Bảy thi nhân** (1973), **Cải lương thứ hai** (1976), **Hợp tuyển văn học Đông Nam Á** (1985), và **Lữ hành** (1995). Đất nước Singapore cũng có một truyền thống phê bình văn học chuyên nghiệp, và hoạt động này thậm chí rất được các nhà chuyên môn ở hai quốc gia văn minh là Australia và New Zealand quan tâm, ủng hộ. Các thư mục tiểu luận tự thuật của Thumboo (có trong Tuyển nổi bộ) cũng luôn dành cho các sinh viên văn khoa những liên kết hữu ích, giúp họ ý thức được kỹ năng hình thành giọng điệu và cách dùng ngôn ngữ hầu thuộc địa một cách chuẩn xác. So sánh giữa khuynh hướng của Thumboo với trang văn **Ee và Wong**, ta có thể thấy sự khác nhau giữa các nhà thơ trước và sau ý thức nghệ nghiệp, nó sâu sắc đến mức nào. Các nhà văn dù không hiện diện ở đây cũng rất hứng thú trao đổi quan điểm và kinh nghiệm với các tác giả trẻ. Có thể kể đến nhà văn, nhà thơ, kịch tác gia Robert Yeo; nhà thơ, tiểu thuyết gia Goh Sin Tub và Kirpal Singh; dịch giả Elangovan... Ngoài ra còn có những nhà văn lớp trước giàu tâm huyết như Gene Tan (Lâm hân một thư viện năm 1994), Nữ nhà văn Singapore Leong Liew Geok (tập hợp năm 1998).

Ngoài ra, các trang mạng xã hội cũng đóng góp phần đáng kể, và ngày càng quan trọng, vào việc hình thành một nền thơ rộng lớn và phong phú của hai đất nước từng một thời nằm dưới ách đô hộ của thực dân Anh này. ■

BÁI TRÌ



NGÔN NGỮ TRONG TRUYỆN NGẮN PHILIPPINE

H.O. SANTOS

TÔI sẽ bắt đầu bằng cách khái quát lại quá trình công việc tôi đã làm để tiếp cận, học hỏi văn học Philippine. Đây cũng là cách để mọi người có thể thấy được sự hiện diện của tôi.

Tôi bắt đầu viết tiểu thuyết khoảng bốn năm về trước. Khi đó, tôi rất ít đọc truyện ngắn, nhất là truyện ngắn Philippine. Tôi đọc tiểu thuyết vì nó dễ hiểu. Trong bất cứ một thư viện hay hiệu sách nào, bạn sẽ chỉ tìm thấy một vài cuốn truyện ngắn, còn tiểu thuyết thì cả trăm. Và cũng bởi vì phần lớn thời gian của tôi là sống ở bên ngoài Philippine, tôi không quen thuộc với những văn bản Philippine, ngôn ngữ Philippine không tồn tại nơi tôi sống. Chương trình học của tôi chỉ quan tâm nghiên cứu văn học Mỹ và Anh, nó đã chẳng giúp đỡ gì cho tôi trong việc tìm hiểu văn học Philippine.

Tuy nhiên, tôi vẫn có thể thực hiện công việc bằng cách đọc vài trăm truyện ngắn Philippine trong vòng hai năm qua. Trung bình tôi đọc khoảng 120 truyện ngắn mỗi năm bắt đầu từ năm 1998. Bạn đồng nghiệp khuyên tôi cần phải đọc ít nhất hai lần trong một tuần nếu như tôi muốn viết được truyện ngắn. Họ cho rằng, đọc tiểu thuyết cũng là một cách tích lũy kinh nghiệm cho những ai muốn viết truyện ngắn.

Tôi bắt đầu đọc các truyện ngắn của Philippine đồng thời lùng sục những tin tức, thông tin về đời sống văn học Philippine trên mạng. Tôi đọc các báo và tạp chí được bạn bè gửi cho qua đường bưu điện. Tôi trao đổi email với các nhà văn để có được quan điểm của họ và ít nhất là cái nhìn của họ trong việc hình thành văn học Philippine.

Bạn có thể thấy rằng, tôi là người ngoài cuộc.

Tôi đã không tìm thấy bất cứ một đề cập nào đến các nhà văn viết ở Mỹ - những người đã không có cơ hội được thẩm thấu với phong cách viết của các nhà văn nổi tiếng người Philippine. Ví dụ như Lysley Tenorio, một trong những người Mỹ làm việc với ngôn ngữ Philippine, có công làm cho nó vượt ra khỏi phạm vi các tạp chí văn học Atlantic Monthly.

Tenorio không được biết đến tại Philippine. Tôi phải nói vậy, bởi vì những biên tập viên cũng như giám khảo các cuộc thi người Philippine có thể sẽ bác bỏ tác phẩm của nhà văn này dễ dàng, vì không phù hợp với khuôn mẫu truyện ngắn mà họ thích. Tuy nhiên, điều quan trọng mà người Philippine cần tìm hiểu là làm thế nào để hiểu các nhà văn như anh ta. Dù cách thức thể hiện có khác nhau, nhưng chúng thực sự đã làm phong phú và mở rộng phạm vi của văn học Philippine.

Các nhà văn có tầm ảnh hưởng lớn của Philippine, thường thì họ khá quảng đại và vị tha trong mong muốn

thúc đẩy văn học nước nhà. Hầu hết trong số họ sẽ không cố cô lập hay phớt lờ những nhà văn khác, họ hiểu rằng những hành vi không chuyên nghiệp chỉ gây hại cho sự nghiệp mà họ đã cống hiến cả đời mà thôi.

Một trong những điều đầu tiên mà bạn thường nghe trong việc giảng dạy tại các nhà trường, "Hãy thể hiện, chứ đừng chỉ nói". Tôi sẽ giải thích điều này bằng một ví dụ đơn giản.

Chúng ta hãy tưởng tượng rằng Jose đang rất mệt mỏi và đói khát sau khi anh đi bộ năm cây số từ bến xe buýt đến các nhà máy mới anh xin việc. Tôi có thể nói với bạn rằng: "Anh đã quá mệt mỏi và đói khát".

Hoặc tôi cũng có thể nói: "Nhà máy cách xa trạm xe buýt hơn Jose đã dự đoán. Anh đã đổ mồ hôi và tốc độ của anh đã chậm lại sau khi đi bộ năm cây số. Gắn lối vào nhà máy là những quầy hàng bán thực phẩm cho người lao động. Các khay thức ăn nhắc anh nhớ rằng anh đã không ăn sáng sáng hôm đó." Ở đây, tôi muốn nhấn mạnh rằng Jose đã quá mệt mỏi và đói khát mà không cần sử dụng đến những tính từ, tôi đã cung cấp cho bạn những hình ảnh hiển thị tình trạng của Jose.

Tương tự như vậy, nhân cách của một nhân vật có thể được cho biết trong câu chuyện thông qua việc sử dụng các tính từ. Hoặc nhân cách của họ có thể được hiển thị thông qua các hoàn cảnh có chứa hành động hay phản ứng của những người xung quanh anh ta.

Truyện ngắn Philippine có xu hướng được nói toạc ra chứ không phải là biểu thị. Có lẽ, đây là một sở thích dân tộc. Độc giả Philippine muốn có những giải thích vì nó là một bản chất văn hóa truyền thống, bẩm sinh. Tôi đã nhìn thấy các diễn viên hài người Philippine trên truyền hình, họ cũng có xu hướng là phải giải thích những câu nói đùa của mình và lập lại các hành động như thể là để chắc chắn rằng khán giả của họ có thể hiểu rõ. Người già cũng nói chuyện theo cách này, nó giống như là một nét văn hóa riêng, khác biệt của dân tộc.

Thị hiếu này cũng có thể giải thích lý do tại sao truyện ngắn Philippine có rất ít hoặc không có đối thoại. Các nhà văn Philippine ngại sử dụng đối thoại như một công cụ cho việc thể hiện những đặc tính hoặc cốt truyện. Đối thoại là một trong những điểm yếu của các nhà văn Philippine.

Như đã nói, tôi thừa nhận rằng đó là bản chất, nó không chứng minh cách nào là tốt hơn. Phương pháp "nói" sử dụng từ ít hơn và không thể không rõ ràng. Nó yêu cầu người đọc tham gia cùng, và đòi hỏi độc giả phải nỗ lực để có thể đánh giá câu chuyện. Sở thích của một dân tộc phản ánh ý thức thẩm mỹ và những bản sắc văn hóa rất riêng.

Những người sống ở Bắc Mỹ, có thể là độc giả, biên tập

viên hoặc ban giám khảo các cuộc thi, thường sử dụng cách thức hiển thị sẽ có xu hướng bác bỏ những truyện ngắn bị cho là quá đơn giản. Điều này gây khó khăn cho việc công bố trên thị trường thể loại truyện ngắn không chút phức tạp, tình xảo này.

Tuy nhiên, vấn đề lớn nhất phát sinh từ sở thích của người Philippine là độc giả đã quen với phương thức "kể", sẽ không đánh giá cao một câu chuyện bằng văn bản theo một con đường khác. Thậm chí tệ hơn, những biên tập viên Philippine không đủ kinh nghiệm và ban giám khảo các cuộc thi sẽ kết luận rằng các truyện ngắn theo cách "hiển thị" còn yếu kém trong việc miêu tả, thể hiện.

Một đặc điểm độc đáo và rõ ràng mà tôi thấy là sự giống nhau về giọng điệu trong các câu chuyện của người Philippine. Tất cả các nhân vật nói cùng một cách, và hết như kể chuyện. Có gái trẻ, phụ nữ trưởng thành, đàn ông, con trai, cảnh sát thị trấn nhỏ, các quân nhân, các giáo sư tiếng Anh. Tất cả được trình bày một cách tế nhị bởi tính đồng bộ của nó, tất cả họ đều nói chuyện y như giáo sư tiếng Anh.

Tôi không ủng hộ việc quay trở lại chọn từ và sử dụng phương ngữ phổ biến như thời kỳ của Mark Twain. Ngày nay, sự khác biệt giữa các nhân vật được thể hiện một cách tinh tế thông qua sự lựa chọn từ ngữ và sự phân vai, phong cách nói năng, hành động phải phù hợp với độ tuổi của nhân vật, giới tính, trình độ học vấn, ...

Bây giờ, là thời đại của ngữ pháp, phong cách, và nghĩa của từ.

Quan sát cuối cùng của tôi là về ý nghĩa cụ thể của từ theo cách hiểu ở Philippine. Tôi không đề cập những thuật ngữ như "cần phòng thoái mái" mà một đề giả không phải là người Philippine sẽ hiểu nghĩa nhớ ngữ cảnh. Tôi đang suy nghĩ về những từ như cây keo, hòa loạn, áo polo, T-shirt, và những thứ tương tự vậy. Những từ này gợi lên hình ảnh cụ thể khác nhau từ ý nghĩa của ngôn ngữ Philippine.

Cây keo có khoảng 200 loài, nhưng người phương Tây thường không kết hợp từ "keo" với các loài cây nhiệt đới. Tôi có thể hiểu cách sử dụng của loài cây xứ nóng này (tên tiếng Tây Ban Nha của nó là *arbol del Fuego*) thay cho ngọn lửa rực rỡ của hoàng gia Poinciana, một loại cây mọc như trái chín và bản lá to rộng. Một chiếc áo sơ mi polo polo cầu thủ mặc vào hết như một chiếc áo môn golf dệt kim, không phải là một chiếc áo sơ mi chính thức, thể thao. Và một chiếc áo T-shirt không có nghĩa là áo sơ mi, chỉ có những người mặc áo không có cổ mới được gọi là T-shirt. ■

VU THỊ HUỆ
Dịch và giới thiệu

KO UN là một trong những đại biểu xuất sắc của văn học Hàn Quốc đương đại đồng thời là một nhà hoạt động chính trị, can dự vào những sự kiện, những cuộc đấu tranh dữ dội nhất gắn bó với cuộc đấu tranh cho tự do dân chủ trong lịch sử Hàn Quốc. Cuộc đời nhà thơ 75 tuổi này đã phải trải qua những thăng trầm, những biến động to lớn ở những giai đoạn khác nhau. Ông đã kinh qua cuộc sống của một nhà sư, nhà giáo, người hoạt động chính trị, một người nghiện rượu, một tù nhân để trở thành một nhà thơ tiêu biểu của đất nước...

Ko Un sinh năm 1933 trong một gia đình nông dân ở Kunsan, tỉnh Cholla,

giới khác của cảm giác (bản dịch tiếng Anh là "Other world of sensibility"). Ko Un cũng là người có công đầu trong việc cho ra tờ báo Phật giáo đầu tiên của Hàn Quốc.

Nhiều người đã ngạc nhiên khi năm 1962, sau 10 năm tu hành, Ko Un đưa ra bản tuyên bố từ nhiệm trên tờ nhật báo *Hankook Ilbo* và hoàn tục để theo đuổi nghiệp văn chương. Ông là giáo viên và trở thành hiệu trưởng của một trường từ thiện phía nam đảo Cheju. Không bao lâu sau, sự xung đột sâu sắc giữa mơ ước về một thế giới tốt đẹp với hiện thực cuộc sống đã khiến nhà thơ bị chấn động mạnh mẽ, ông uống rượu và

và hàng trăm người khác đã bị bắt, trong đó có cả Kim Dae Jung - người trúng cử tổng thống Hàn Quốc vào năm 1991. Ông bị đưa ra xét xử tại tòa án quân sự và lệnh án tù chung thân, sau đó bị tổng giam trong một căn phòng tối và biệt lập của nhà tù quân sự. Khi bị giam cầm, Ko Un, như bị cô lập trong thế giới riêng của mình, ông nghĩ mình sẽ chết và có ý định ghi lại những cảm xúc về mọi người trong gia đình, bạn bè, thân thích, thậm chí là những nhân vật lịch sử... Kết quả là tác phẩm nổi tiếng *Vạn đời* ("Ten thousand lives") ra đời, nói lên tấm lòng của nhà thơ với những con người, những số phận đang còn sống hoặc đã ra đi mãi mãi

đó tạo cảm hứng cho tập thơ *Bài hát của ngày mai* được ra đời.

Đến nay, Ko Un đã tạo dựng được một sự nghiệp văn học đồ sộ với hơn 140 cuốn sách gồm nhiều tác phẩm thơ, tự truyện, phê bình, kịch, tiểu thuyết, truyện thiếu nhi, tiểu luận, dịch thuật... Tác phẩm của ông đã được dịch ra nhiều ngôn ngữ như: Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Italy, Czech, Bulgaria, Hà Lan, Đan Mạch, Thụy Điển, Nhật Bản, Mông Cổ, Trung Quốc, Việt Nam... trong đó số lượng sách dịch ra tiếng Anh là nhiều nhất với những tác phẩm nổi tiếng như *The Sound of My Waves* (Tiếng

THI SĨ KO UN: TÔI MUỐN LÀ MỘT BÀI THƠ

miền nam Hàn Quốc. Là con cả trong một gia đình không mấy khá giả nhưng Ko Un được bố mẹ rất khuyến khích học tập. Ngay từ khi tám tuổi Ko Un đã hiểu biết nhiều về các tác phẩm văn học nổi tiếng của Trung Hoa vốn được coi là học búa so với nhiều học sinh lớn tuổi. Cuộc hội ngộ của ông với văn chương thật tình cờ: một hôm, cậu học sinh Ko Un mới 12 đi từ trường về nhà đã nhặt lên một cuốn sách nằm trên vệ đường. Đó là tuyển tập thơ của nhà thơ bị bệnh phong Han Ha - Un nổi tiếng thời bấy giờ. Mang về nhà, Ko Un đã thức cả đêm để đọc nó, và đó cũng là lý do đầu tiên khiến vị độc giả nhỏ tuổi này ước mình sẽ trở thành một nhà thơ.

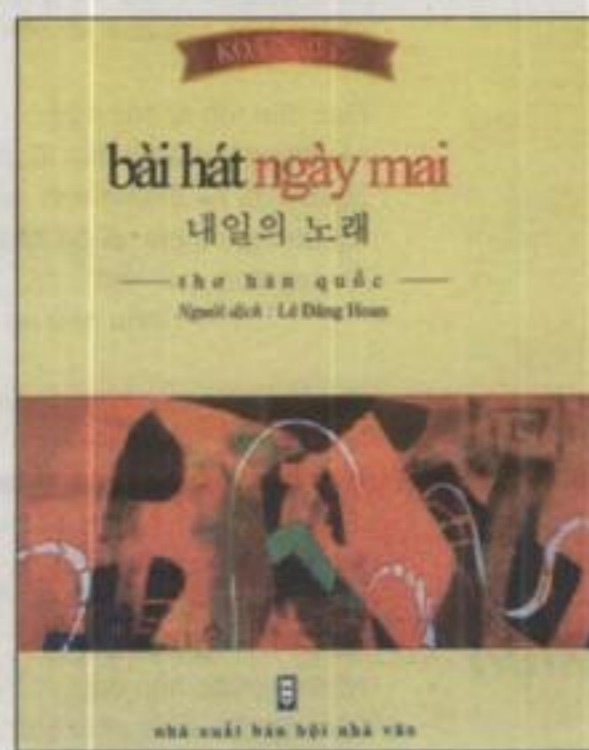
Lớn lên trong một thời đại rối ren, chứng kiến cảnh đất nước bị quân Nhật chiếm đóng, rồi nội chiến xảy ra, Ko Un tình nguyện tham gia Quân đội Quốc gia nhưng bị từ chối vì thiếu cân. Phải chứng kiến cái chết của những thân và mọi người xung quanh mà không thể làm gì để cứu họ, những kỉ ức ngày đó sẽ theo ông suốt cuộc đời: "Tôi khoảng 17-18 tuổi, thấy trong suốt cuộc chiến có quá nhiều người chết, và mọi nơi đều có những xác chết. Tôi là người đào mộ ở trên núi và mùi chết chóc cứ ám ảnh tôi trong hai tuần hoặc hơn thế, thậm chí rửa tay bằng xà bông cũng không thể hết mùi. Tôi bỏ nhà ra đi, nhưng cha tôi vẫn tìm thấy và đưa tôi trở về, cuối cùng tôi đi thật xa để cha tôi không thể tìm được. Tôi đã gặp một nhà sư đang lữ hành vòng quanh đất nước Hàn Quốc, thấy thông triết học phương Tây, Kant, Hegel cũng như triết học phương Đông. Tôi đi theo và muốn theo suốt đời, nhưng rồi thấy gặp một người phụ nữ bị nạn và gửi tôi trở lại..."

Có lẽ vì thế mà Ko Un quyết định xuất gia, quy y cửa Phật. Như để trốn tránh thực tế, năm 1952, ông trở thành một nhà sư và đem hết sức mình ra tập thiền. Không bao lâu sau, ông đã trở thành người đứng đầu môn đệ của đại sư Hyobong và trở thành một chức sắc trong hệ thống Phật giáo. Con đường khát thực của nhà sư Ko Un trải khắp đất nước Hàn Quốc, do đó ông hiểu biết nhiều vùng miền khác nhau, gặp gỡ nhiều con người với những cảnh ngộ khác nhau. Điều này tạo nên cảm xúc cho những bài thơ tiếp tục ra đời. Năm 1960, ông cho xuất bản tập đầu tay *Thế*



sau đó tìm đến cái chết. Ông được cứu sống sau 30 tiếng hôn mê. Sự tỉnh lại về thể xác như đồng hành cùng sự thức tỉnh về tinh thần. Ông đối diện với sự thật và tích cực tham gia hoạt động chính trị - xã hội. Thơ của ông cũng đổi khác, từ một không gian thơ mờ ảo của chủ nghĩa hư vô, một thế giới cô lập và thoát tục, nay đã trở thành một chất thơ dung dị, mang đậm sắc màu cuộc sống. Ông hoà nhập với thế giới để trả lời câu hỏi của chính mình: "Văn học có thể làm gì cho một đứa trẻ đói ăn? Sự tồn tại của văn học có nghĩa gì nếu nó phục vụ chế độ độc tài?... Từ suy nghĩ đó, Ko Un đem hết tâm sức và tài thơ của mình phục vụ cuộc đấu tranh dân chủ. Nhà thơ thừa nhận "đó là lần đầu tiên trong cuộc đời tôi bắt đầu tồn tại trong thế giới thực sau nhiều năm sống xa nó". Do vậy, trong những năm 1970, ông tiếp tục sáng tác và các vấn đề chính trị xã hội Hàn Quốc đã có tác động lớn đến những tác phẩm ấy.

Tích cực tham gia hoạt động chính trị - xã hội, đấu tranh cho nền tự do dân chủ và thống nhất đất nước, Ko Un được bầu làm Tổng Thư ký đầu tiên của Hội Nhà văn Vi Tự do (1974), là đại diện chính thức của Liên hiệp Quốc gia vị Phục hồi chế độ Dân chủ, là Phó Chủ tịch Hiệp hội Nhân quyền Hàn Quốc (1978)... Hòa vào trào lưu dân chủ, khi chính phủ Hàn Quốc đưa ra Hiến pháp Yusin vào cuối năm 1972 và ra tay đàn áp, Ko Un bị bắt một thời gian rồi được tha, sau đó lại tiếp tục hoạt động. Trong một ngày đảo chính tháng Năm năm 1980, Ko Un



trong thời đại hỗn loạn đó. *Vạn đời* được nhà văn người Mỹ M. Robert Haass đánh giá là "một trong những tác phẩm phi thường nhất trong nền văn học đương thời".

Năm 1982, Ko Un được trả lại tự do theo lệnh ân xá. Sau khi được tha tù, thi sĩ vẫn ở trong tình trạng bị giám sát đặc biệt cùng với những người trong danh sách thân gia trào lưu dân chủ chống lại chính phủ. Điều này giải thích tại sao khi đã ngoài 60, tên tuổi của ông mới được thế giới biết đến.

Tháng 5 năm 1983, tròn 50 tuổi, Ko Un kết hôn với Lee Sang - Wha, một nhà nghiên cứu văn học người Anh gốc Triều Tiên. Hôn nhân và gia đình đã mang lại cuộc sống mới ổn định và hạnh phúc cho ông. Và đó cũng là nguồn cảm hứng để ra đời nhiều tập thơ *Những ngôi sao quê hương* (1984), *Thơ đồng quê* (1986), *Mắt em* (1988), trường ca *Núi Paektu* (1987-1994), tiểu thuyết *Cuộc hành hương ngắn* (1991), *Đảo Tokdo, hòn đá kỷ niệm* (1997), *Núi Suối* (1999), *Núi Himalayas* (2000), *Nam và Bắc* (2000)... Trong đó, nỗi đau về sự chia cắt hai miền Nam và Bắc luôn luôn là đề tài trung tâm trong thơ Ko Un.

Sự phát triển của nền dân chủ trong nước đã đưa uy tín của nhà thơ lên cao, ông được bầu là Chủ tịch Hội Nghệ sĩ Hàn Quốc 1989-1990, Chủ tịch Hội Nhà văn Quốc gia 1992 - 1994. Vào năm 1992, trên bán đảo Triều Tiên, hai miền Bắc và Nam đã ký kết Hiệp định nối liền quan hệ và hứa hẹn sẽ nhanh chóng phát triển mối quan hệ thân thiện - điều

sống của lòng tôi - Hợp tuyển thơ 1960-1990, Comell EAS, 1991); *Little Pilgrim* (Cuộc hành hương ngắn - Parallax Press, 2005, tiểu thuyết); *A Collection of poems* 1961 - 2001 (Tuyển tập thơ 1961 -2001, Green Integer, 2007)... Ko Un đã được nhận nhiều giải thưởng văn học trong và ngoài nước như giải thưởng văn học Hàn Quốc các năm 1974 và 1987, giải thưởng văn học Thụy Điển dành cho nhà thơ Á Đông - Cikada 2006, giải thưởng Kim Vũ dành cho nhà biên dịch xuất sắc tại Mông Cổ (tháng 7/2007), đồng thời là ứng cử viên nhiều năm cho giải Nobel văn học...

Bạn đọc trên khắp thế giới biết đến Ko Un qua website bằng tiếng Anh www.koun.co.uk, được chọn trao giải là website xuất sắc nhất tại Giải thưởng Hàn Quốc dành cho web nghệ thuật cá nhân. Website này đã đăng tải những thông tin về tác, giả Ko Un, những tác phẩm đã xuất bản, những bản dịch thơ của ông ra tiếng nước ngoài, các giải thưởng, bài viết về thi sĩ Ko Un trên các báo, tạp chí và những tự sự của chính Ko Un. Với giao diện trang nhã, không rườm rà, thông tin được tổ chức khoa học, dễ tìm kiếm, nhìn chung website đã chuyển tải thành công phong thái phương Đông phảng phất màu thiền của nhà thơ Ko Un trên mạng.

Trong website, khi nói về mình, nhà thơ chia sẻ: "Tôi muốn trở thành thi sĩ. Và tôi là thi sĩ. Tôi thủy chung gắn bó tên tuổi của mình với thơ là bởi tôi đã phạm quá nhiều tội lỗi khi đã lãng phí thời gian, trong cuộc đời này, và những tiền kiếp của mình. Trở thành thi sĩ là hình phạt của bản án chung thân hơn là một lựa chọn mà tôi đã quyết... Tôi ước rằng tự mình có thể trở thành một bài thơ vào cuốn đời thi sĩ. Một bài thơ. Không phải một nhà".

Trải qua hơn 50 năm sáng tác văn chương, Ko Un vẫn tiếp tục đóng góp vào kho tàng văn học thế giới những vần thơ tâm huyết về cuộc sống bất diệt. Ông như một vị sứ giả giới thiệu đất nước Hàn Quốc với bạn bè thế giới và là người góp phần xây dựng nền móng cho nền văn học hiện đại của xứ sở Kim Chi.

LÊ THUỶ (tổng hợp)

DƯƠNG THUẦN

Sương trắng Liang Biang

Tôi chụp lấy sương đem về nhà bày lên bàn
Hành diện khoe với tất cả mọi người lớn bé
Đây là sương trắng trên đỉnh núi Liang Biang
Ở đó tôi có một người bạn K'ho làm già làng
Ở đó con gái K'ho ngực căng tròn chóp núi
Sương trắng đang bay là là trong ngực áo tôi

INRASARA

Kẻ quê hương

Những người chị Chakleng
trời lung ngồi hết ngày đời
ngồi lẫn cả đêm
những người chị lung phản
ngồi quên lấy chồng
vòm vũ teo không biết
Những bà mẹ Hamu Chrauk
đấu đội giành lu rao bán
khắp phố cùng thôn
ngày sang đêm
tiếng rao dội luôn vào giấc mơ
ai ... lu, trã, nôi, trách... khôôông...
Những chàng trai Pabblap
chân trần lang bạt
kì hồ ciet gha hardk lên vai
gánh dọc thể kỉ hai mươi
hiên ngang gánh sang hai mốt
không lẫn ngưng nghỉ
Những ông anh của tôi
những bà mẹ của tôi
những người chị của tôi.

MAI LIỄU

Chạm nguồn sông Miện

Lách qua núi dựng, qua đá dựng
Sông phi như ngựa hất tung bờm
Thế mà độ ấy lên cực bắc
Sông Miện(*) trong tôi vẫn chạm dòng.

Chạm dòng qua bản cheo leo dốc
Mùa bắp dâng cờ nghe thác reo
Lửa hang bjoóc mạ soi đầy vực
Nắng mang mang sương đục lung đèo

Chạm dòng qua bản đêm trăng sáng
Sông Miện hình như khe thở dài
Ven núi nhà ai hồng bếp lửa
Bên rào diu dặt tiếng đàn môi...

Chạm dòng qua bản ngày xuân đến
Má đào hây hẩy, nụ đào tươi
Gấu tào hội mở lung chừng núi
Ngập ngừng sông Miện đổ về xuôi...

(*) Sông Miện ở phía bắc tỉnh Hà Giang - một nhánh của sông Lô.

Y PHƯƠNG

Quả

Này bạn
Bạn đến nhà nào
Thăm ai
Nếu không mang kẹo hãy quay về

Này bạn
Hãy nhìn
Những cây những hoa
Dù cả đời chẳng đến thăm ai
Trên tay chúng lúc nào cũng có quả cho trẻ.

HƯƠNG ĐÌNH

Tháng chạp

Xe ngựa thồ hoa kìn kìn lên phố
Những chiếc bờm còn vương vất mùa đông
Đêm qua lão xà ích không ngủ
xách đèn ra vườn mai
Nghe ngai ngái hàng nong từ đất ẩm
Giờ lỏng tay cương
lão mộng du trong tiếng lục lạc khua ròn
Người trên phố qua rồi còn ngoài lại

Rác đùn lên từ các ngã
Người quét đường lăm lũi đẩy xe sương
Họ chỉ để lại những ánh mắt
Và những cụ già đi bộ nhật được
Những ánh mắt khô
nhu nhú nụ mai đào

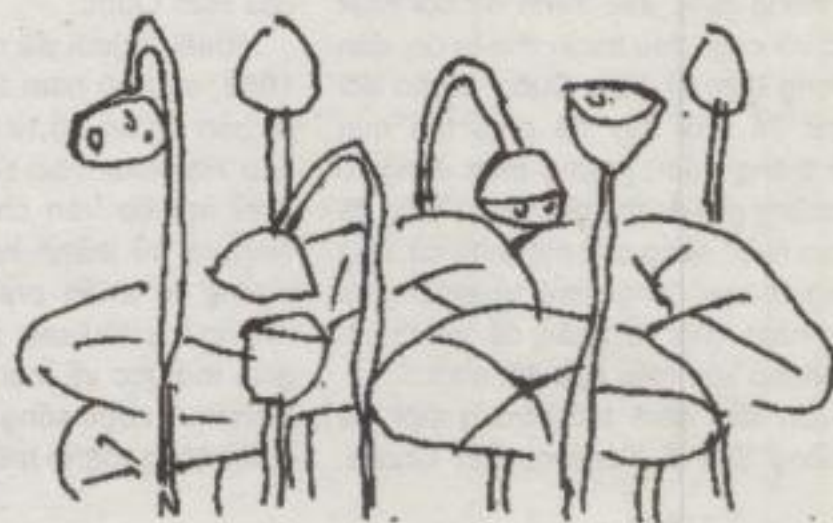
Chuông trôi lung chừng sương
Bầy dơi đập cánh
bay về phía những vạt đồi ngai ngủ
Đã lúp xúp chợ ngã ba đường
Dưới những chiếc nón
mang hình ngọn núi
đã eo sèo lời ngã giá
Những chiếc bắp cải
nằm lán lóc suốt đêm qua
Sù sì như quả bóng trẻ con tự tạo
Chùng vừa đá lên
phía rặng đồ chân trời.

HOÀNG VŨ THUẬT

Ly

Một nghìn ba trăm năm mươi mét cao ly hồng nở
đôi mắt bồ câu
vô biên im lặng
cơn mưa đông phàm
con chó thảo hiền không biết sủa dẫn tôi đi cùng

bài thơ tình ân theo mưa
ly thơm vào trưa
xấu hổ tôi cúi mặt
tôi mở cửa vào trong
nước chảy như nghìn sau vẫn chảy
cỏ xanh như nghìn sau vẫn xanh
một nghìn ba trăm năm mươi mét cao
vết thương vụng dại.



NGUYỄN TRỌNG VĂN

Hạt mẩy, hạt vàng

Những đứa trẻ Mông chơi bên ruộng bậc thang
Mắt chạm đầu lá lúa
Vời tay là chạm mùa màng.

Kèn môi rung rả khắp triền đồi
Cấu là lúa chúng ngậm cong đầu lưỡi
Có tiếng rừng, tiếng suối
Tiếng nai con khan ngực gác thung già.
Tiếng gió thổi qua.
Tiếng nắng thổi qua
"Chơi ngoan nhè, để mẹ cha lên rẫy
Chơi cho khỏe người trèo qua bảy bậc thang..."

Trèo lên thác bạc thác vàng
Trèo lên đầu mây đầu suối
Hãy trèo lên tôi tận cùng ngọn núi

Những đứa trẻ Mông chơi bên những thửa ruộng
bậc thang

Vòm trời
Lá lúa
Mắt chùng tròn căng
Hạt mẩy, hạt vàng.

MAI NAM THẮNG

Hoa gạo chùa Hương

Đã cận Giếng Hai lòng vẫn hội
Bốn chốn lối cũ mài chèo quen
Hoa gạo về giới ngang suối Yến
Hoài niệm thấm vào sắc áo em...

Này lên
Này lên...
Này đường lên!
Chạm mây
Chạm gió...
Chạm trời nghiêng!
Rừng mơ thấp thoáng hay vườn cấm?
Ta hòa vô thường giữa chốn Tiên...

Chẳng nhớ dưới kia là Bến Đục
Chẳng lo muôn bậc đá truân chuyên
Chỉ còn đầu đầu màu hoa lửa
Cháy một niềm yêu trước cửa Thiên...



"Những bức lụa huyền ảo, hãy hồi sinh!" là phim tài liệu của hãng phim truyền hình Nihon Denpa News, được đài truyền hình NHK Nhật Bản phát trên toàn nước Nhật ngày 12 tháng 7 năm 2011 về việc phục chế tranh lụa của danh họa Nguyễn Phan Chánh.

B A bức tranh cũ, bị hỏng đã được phục chế của cha tôi làm nên một cuộc triển lãm ở Nakazawa, thành phố du lịch nổi tiếng phía Tây Nhật Bản.

Bức điện kèm theo lời mời tha thiết của Viện Bảo tàng thế kỷ 21 Nghệ thuật đương đại Nhật Bản khiến tôi không thể không đi. Thật thú vị khi ở tuổi tám mươi tôi mới có dịp đến Nhật Bản lần đầu.

12 giờ đêm ngày 20 tháng 10 máy bay hãng hàng không Việt Nam Airline đưa tôi rời Hà Nội. Sáng sớm hôm sau máy bay hạ cánh xuống đảo sân bay Kansai nổi tiếng. Sân bay nằm trên biển. Từ trên nhìn xuống tôi tưởng như máy bay đang hạ cánh xuống mặt nước xanh biếc. Thời tiết mùa thu thật đẹp. Nắng ấm như tình người Nhật Bản. Giữa những ngồn ngộn bận rộn của những ngày sau thăm hoa kệp động đất, sóng thần, rò rỉ hạt nhân, các bạn Nhật Bản vẫn dành thời gian, tình cảm, tiền bạc để "cứu" những bức tranh lụa Nguyễn Phan Chánh. Ông Nakamura, giám đốc một hãng quay phim, người đã "phải lòng" tranh lụa của cha tôi, đang đợi tôi ở cửa sân bay. Ông đón tôi với cuốn sách "Hoạ sĩ và thiếu nữ" của tôi đã dịch sang tiếng Nhật. Nhà quay phim nghèo tiền nhưng rất giàu đam mê. Tất cả chỉ bắt đầu bằng sự tình cờ. Tình cờ ông đọc bài báo của một người Mỹ sau khi đi du lịch Việt Nam "Hãy cứu lấy những bức tranh lụa bị hư hỏng nặng" trên tờ New York Times phiên bản tiếng Nhật năm 2008 trong đó có tranh lụa Nguyễn Phan Chánh. Một lần sang Việt Nam cũng lại tình cờ ông nhìn thấy mấy bức tranh lụa Nguyễn Phan Chánh in trên lịch bản Vietcombank. Người nghệ sĩ quay phim sống sờ sờ: chất vẽ lụa quen mà sao phong cách lạ và đẹp thế. Sự say mê làm ông lặn lội đi tìm hiểu về họa sĩ Nguyễn Phan Chánh. Ông thu thập tất cả các bài viết về cha tôi. Trong tạp chí Mỹ thuật của Nhật, mục "sổ tay Mỹ thuật" số đặc biệt tháng 12 năm 2000 họa sĩ Nguyễn Phan Chánh đã được bình chọn là một trong những họa sĩ Châu Á hàng đầu của thế kỷ 20. Người bình chọn là ông Ushiroshioji, giáo sư đại học Kyushyu, đứng đầu Viện nghiên cứu Mỹ thuật Châu Á của Nhật.

Ông Nakamura trả lời: "Làm sao để cho những thế hệ sau còn được chiêm ngưỡng những bức lụa này, nó không phải chỉ của riêng gia đình, đất nước Việt Nam mà còn của cả nhân loại".

Bằng tiền cá nhân một ekip được ông thành lập gồm các nhà nghiên cứu, nhà văn, họa sĩ phục chế, đạo diễn quay phim... thông qua đài truyền hình NHK của Nhật và Bộ Ngoại giao Việt Nam họ tìm đến nhà tôi lần đầu tiên vào tháng 3 năm 2009. Họ rất xúc động khi được ngắm tranh nguyên gốc của họa sĩ Nguyễn Phan Chánh.

Kể từ lần đầu tiên ấy đã ba năm trôi qua. Từ sân bay Kansai chúng tôi lên tàu đi Osaka. Sáng hôm sau lại đi tiếp đến Nakazawa cách Osaka gần bốn giờ tàu. Thành phố Nakazawa nằm gần thủ đô cũ Kyoto. Tàu chạy qua Kyoto, những con phố nhỏ cổ kính hơi giống phố cổ Hà Nội. Tàu đưa chúng tôi vòng qua hồ nước ngọt tự nhiên Biwa lớn nhất Nhật Bản. Không khí mát mẻ thanh bình, hàng cây xanh bắt đầu nhuộm màu vàng của mùa thu. Những mảnh vườn, ruộng lúa xanh xán lác các ngôi nhà hai ba tầng, hầu hết đều sơn màu nâu, màu ghi nhả nhện. Nhân viên soát vé tàu cúi gập mình chào mọi người và lễ phép xin cho xem vé. Trước khi ra khỏi toa họ còn chào lần nữa và đi giật lùi để tỏ lòng kính trọng hành khách.

Tôi tới Kanazawa vào đầu giờ chiều. Vừa bước xuống tàu chưa kịp nhìn người ra đón tôi đã thấy mình nằm gọn trong vòng tay ôm của chị Iwai Kikuko, chuyên gia phục chế tranh hàng đầu Nhật Bản. Trong nụ cười có cả nước mắt cảm động: "marvellous, marvellous (tiếng Anh: Thật kỳ diệu). Chị ra đón cùng với con gái mình và cô con gái ông Nakamura. Chị Việt kiều xinh đẹp Mỹ Hạnh, người đã dịch sách của tôi ra tiếng Nhật từ từ mừng rỡ. Thiếu tiếng Nhật riu rít của chị, chúng tôi không hiểu các bạn Nhật nói gì. Lần đầu tiên gặp chị Iwai Kikuko ở Việt Nam, tôi không nghĩ người phụ nữ Nhật Bản xinh đẹp trông còn trẻ thế này lại là

NHỮNG BỨC LỤA HUYỀN ẢO, HÃY HỒI SINH

NGUYỆT TÚ



Chân dung Nguyễn Phan Chánh.



Bức tranh lụa "Chơi ô ăn quan".



Nhà văn Nguyệt Tú và chuyên gia phục chế tranh trước cổng Bảo tàng trưng bày tranh lụa Nguyễn Phan Chánh tại Nhật Bản.

chuyên gia phục chế tranh nổi tiếng của Nhật Bản. Chị đã từng phục chế thành công nhiều tranh của các danh họa nổi tiếng của Châu Âu: Picasso, VanGogh, Mone...

Dong dong cao trong bộ quần áo cánh Việt Nam, trông chị thật duyên dáng. Hai lần sang Việt Nam chị đi đến những nơi cha tôi đã từng đi vẽ: Nhật Tân, Đình Bảng, Bảo tàng Mỹ thuật... Chị đứng chờ hàng giờ ở Nhật Tân ngắm hoàng hôn Việt Nam khi phục chế tranh "Cưỡi bò qua sông". Chị về tận làng Đình Bảng quê chồng tôi, nhờ người mẫu cũ của cha tôi đóng lại cảnh tranh "rê lúa". Chị tìm gặp các họa sĩ, học trò cũ của cha tôi: chị Giáng Hương, anh Nguyễn Thụy để hỏi về kỹ thuật vẽ tranh lụa đặc biệt của họa sĩ Nguyễn Phan Chánh. Gần tám chục bức thư điện tử trao đổi, chuyển sang Việt Nam của các bạn Nhật. Mỗi lần sang Việt Nam cả ekip hơn 10 người quay phim, chụp ảnh, đạo diễn... làm việc rất chuyên nghiệp để phục vụ cho chị phục chế tranh. Ba tác phẩm được triển lãm hôm nay là kết quả lao động tâm huyết, bền bỉ của chị cùng ekip làm việc.

Sáu giờ chiều ngày 22 tháng 10, chúng tôi đến Bảo tàng Thế kỷ 21 - Nghệ thuật đương đại Nhật Bản dự Lễ khai mạc triển lãm tranh. Bảo tàng nằm cạnh khu rừng Bon sai cổ khổng lồ hàng trăm năm. Mấy nhóm truyền hình khác nhau đều muốn quay phim. Chúng tôi phải theo nhóm truyền hình "ruột" của mình đi cửa riêng. Một phòng triển lãm tranh rộng, sang trọng dành riêng cho ba bức tranh lụa Nguyễn Phan Chánh. Buổi lễ Khai mạc được tổ chức trọng thể và ấm cúng. Đến dự có nhà tài trợ: ông Mitani - chủ tịch công ty Mitani, bà Iwai Kikuko, ông Nakamura, các đại

biểu Hội Hữu nghị Việt Nhật, sinh viên hội họa thế hệ trẻ ở Nhật, lưu học sinh Việt Nam, các nhà phê bình tranh, khách mời danh dự của triển lãm...

Phòng đông chật những người yêu tranh lụa. Bước vào phòng tôi cảm nhận được những ánh mắt hồi hộp, lo lắng rồi theo... Tất cả chờ đợi sự thẩm định của tôi. Bà Iwai lo lắng nhìn tôi: Phải chăng bà có thể phục chế được tranh lụa Nguyễn Phan Chánh. Ánh sáng bố trí thật tinh tế làm nổi bật ba bức tranh đã phục chế. Bức tranh "Cưỡi bò qua sông (1967)" treo chính giữa, bên phải là bức "Hun thuyền (1938)", bên trái "Đón củi (1938)". Năm mươi bốn tuổi tôi đã xem cha tôi vẽ những bức tranh này.

Tôi đứng lặng. Không phụ công sức và tấm lòng các bạn Nhật Bản, dường như hồn tranh Nguyễn Phan Chánh đã về đây nơi cách xa Việt Nam hàng nghìn cây số. Ánh hoàng hôn cùng sóng nước gợn lăn tăn sống động dưới chân "Cô gái cưỡi bò". Làn khói mỏng manh mờ ảo rất Nguyễn Phan Chánh khi "Hun thuyền"... dường như có cha tôi ở đâu đó trong phòng. Nắm chặt tay người nghệ sĩ phục chế tranh tài năng tôi nghẹn ngào khi thấy những giọt nước mắt hạnh phúc long lanh trong mắt chị. Phải chăng số phận đã sắp đặt để chị phục chế thành công tranh cha tôi, người cả đời thích vẽ phụ nữ và rất yêu phụ nữ.

Sang đến Nhật tôi mới thấy hết nỗi vất vả, khó khăn của các bạn Nhật trong việc đi vận động tài trợ phục chế tranh của một họa sĩ sống vào đầu thế kỷ trước ở một đất nước khác. Tài sản của họ chỉ có tấm lòng đam mê nghệ thuật và trách nhiệm gìn giữ di sản chung cho nhân loại. Không một lời than thở, phàn nàn. Phải chăng đây chính là đức tính hy sinh cao thượng của người Nhật Bản. Tôi chỉ biết hết câu chuyện vất vả ấy qua chị Mỹ Hạnh, Việt kiều. Chính chị cũng vô tư vất vả giúp chúng tôi hết sức.

Trong buổi tiễn tôi về Việt Nam, tôi được làm khách mời của gia đình ông Nakamura. Lần đầu tiên tôi được thưởng thức món tôm trắng rất ngọt và món mắm mực đặc sản quê ông. Bịn rịn chia tay, ngoài nhìn ông khi xe chuyển bánh, tôi nhớ lại câu phát biểu của mình hôm khai mạc triển lãm: "Ông Nakamura ơi, kiếp trước ông có duyên nợ gì với cha tôi mà kiếp này ông vất vả vì tranh lụa của cha tôi thế..."

Về Việt Nam sau hai tuần, tôi rất vui mừng khi nhận bức thư điện tử của ban giám đốc Bảo tàng:

"Cuộc triển lãm được công chúng Nhật Bản rất hoan nghênh. Chúng tôi đã nhìn thấy nhiều người đứng rất lâu trước ba bức tranh. Chắc chắn rằng những bức tranh lụa Nguyễn Phan Chánh có sức lay động lòng người". ■

Văn ngát hương Văn - thơm trí tuệ, tâm hồn con Lạc.

Nghệ bừng sắc Nghệ - đượm tình hoa, cốt cách cháu Rồng.

PHÙNG KHẮC

HOA LÀ CÀNH HƯƠNG MÃI CÒN THƠM

Truyện ngắn của PHẠM THÁI QUỲNH

(Nghe năm giai nhân thi sĩ
Văn vương như mắc nợ nhau...)

PMVT)

NĂM Quý Sửu – 1913 tháng cuối thu, Thứ phi của vua Khải Định là Hoàng Thị Cúc đem đến cho Hoàng tộc niềm vui lớn. Ấy là việc nàng sinh hoàng tử đầu tiên. Hơn chục vị túc nho của Kinh đô Phú Xuân được vua truyền vào cung. Mỗi môn đệ Khổng gia được vinh hạnh chọn cho hoàng tử một tên dâng lên vua. Khải Định nâng lên đặt xuống hơn một chục tên dành cho giọt máu của đấng chí tôn, vừa cất tiếng khóc khảng định nhân gian đã có thêm một sinh linh. Vị vua thứ mười hai của triều Nguyễn đã chọn cho hoàng tử mỹ danh Vĩnh Thụy. Ý nghĩa sâu xa của hai chữ Vĩnh Thụy thể hiện đế nghiệp của vị hoàng tử này sẽ diễn trường, thịnh trị...

Năm Ất Sửu – 1925 khi cục phai hương, vua Khải Định lâm trọng bệnh rồi băng. Tháng giêng năm 1926, hoàng tử duy nhất của Khải Định là Vĩnh Thụy đăng quang kế vị, trở thành Hoàng đế Bảo Đại. Ngài tấn phong cho thân mẫu làm Đoan Huy Hoàng Thái hậu.

Trải qua những năm làm Khâm sứ Trung Kỳ, Charles đã nhận ra: Muốn ổn định tình hình nước Nam phải dập tắt tư tưởng chống lại "mẫu quốc" của Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân đã gieo ươm trong dân. Tất yếu, "mẫu quốc" phải nhào nặn vị vua niên thiếu thành "Ông Tây An Nam". Kế cắm quốc ấn cai trị dân Nam phải đi đúng quỹ đạo của dĩ chứng mắt xanh, mũi lõ vạch ra tại Ba Lê, Pháp quốc. Thế là Bảo Đại phải giao công việc triều đình cho Hội đồng phụ chính, khăn gói Tây du, học trường France ngay sau ngày đăng quang. Những năm Bảo Đại "bỏ dòng sữa lịch sử, chính trị, văn hóa Gôloa", người đỡ đầu cho "Ông Tây An Nam tương lai" không phải ai khác mà chính là cựu Khâm sứ Charles.

Hơn một năm sau ngày Bảo Đại du học Tây Dương, thiếu nữ Gò Công chào ánh thái dương sau Vĩnh Thụy mười hai lần trăng tròn khuyết cũng đặt chân tới Ba Lê, kiểm tẩm bằng Tây học. Thiếu nữ đó là Nguyễn Hữu Thị Lan, con gái Phước Mỹ Quận công Nguyễn Hữu Hào. Người này là đại diện chủ của lục tỉnh, giàu tới mức "phù gia địch quốc".

Vua đã được nhào nặn theo khuôn mẫu Pháp thì người nâng khăn sửa túi vua cũng phải được mở mang trí tuệ ở Tây. Đành hơi ái nữ của Phước Mỹ Quận công học trường Couventdes Oiseaux, Charles đã vi hành ngó mặt giai nhân. Viên cựu Khâm sứ cũng sở trước vẻ kiều diễm của Nguyễn Hữu Thị Lan. Ông ta bèn trình lên Toàn quyền Đông Dương, rằng không ai làm vợ Bảo Đại thích hợp hơn con gái phú hào Phước Mỹ Quận công. Toàn quyền Đông Dương khen: Ngài Khâm sứ quả là tinh mắt. Quận công Nguyễn Hữu Hào là chỗ tri giao của ta. Khi nào thích hợp, ngài khéo léo cho vua và giai nhân gặp nhau. Chỗ Quận công, ta lo liệu.

Sau sáu năm được nhen đũa bên "mẫu quốc", Bảo Đại trở về nước chính thức chấp chính vào năm 1932. Theo "lời mời" của Charles tháng 3 năm 1933, Bảo Đại lại đi Tây. Đầu mùa hè năm ấy, chiếc tàu thủy sang trong từ Pháp về Việt Nam. Nữ sinh Nguyễn Hữu Thị Lan đã có tấm bằng Tây học trở về nước trên con tàu này. Khi đã an tọa, Thị Lan mới hay Hoàng đế nước Nam cũng về nước cùng chuyến với cô. Giai nhân đầu có biết, chuyển hồi hương của Hoàng đế và người đẹp có sự dàn dựng của cựu Khâm sứ.

Từ lúc biết Hoàng đế nước Nam cũng ở trên tàu, bà mẹ Ambroise cứ chăm mắt vào cô chủ. Rồi bà thốt lên: Con đẹp lắm! Đức vua mà thấy chắc ngài sẽ chọn con làm bà hoàng. Đồi mả tiểu thư bỗng bùng nổ. Thay cho lời đáp, cô khẽ cười. Bất giác, cô nhớ tới một đồng môn tuần tù. Người ấy học giỏi, lịch lãm, rất ứng cò. Nhưng có lẽ gia thế chỉ là một tư sản thường thường bậc trung ở Sài Gòn nên chàng ngại ngỏ lời. Hình bóng người ấy cứ chập chờn trong cô.

Vì những lời của bà mẹ, Nguyễn Hữu Thị Lan kín đáo chiêm ngưỡng long nhan và thẩm

nhận xét: Rất tuần tù nhưng có vẻ trai lơ. Tuy vậy, ngài là Hoàng đế ắt sẽ biết phải kiểm chế.

Bảo Đại không hề biết có một giai nhân ngó trộm mặt rồng.

Từ ngày Vĩnh Thụy đăng quang, Đoan Huy Hoàng Thái hậu dồn hết tâm lực vào việc chọn vợ cho con. Hàng chục đại thần có ái nữ xinh tươi đã tìm cách lấy lòng Hoàng Thái hậu. Người "trúng số độc đắc" là Thượng thư Nguyễn Đình Tiến. Bởi con gái ngài được Hoàng Thái hậu chọn làm bà hoàng tương lai.

Ngày ấy Bạch Yến được coi là đệ nhất giai nhân của Kinh đô Phú Xuân. Thượng thư đã nhờ quan Thị lang bộ Lễ dạy cô Bạch Yến thi phú, nhã nhạc, đi đứng, nói cười... Những gì thuộc về nghi lễ hậu cung, tiểu thư Bạch Yến phải nuốt cho bằng hết, rồi thể hiện sao cho nhuần nhuyễn. Vẫn chưa yên lòng bởi Hoàng đế không chỉ "chì, hổ, già, dã" như các vị vua trước mà ngài còn có bằng "Tây học thứ thiệt", quan Thượng thư liền cho con gái học Pháp ngữ. Ông thấy này chính hiệu Gôloa, tùy viên tòa Khâm sứ. Cốt cách của con gái đã tạm ổn, vậy mà quan thượng thư vẫn cảm thấy phân vân. Dù ái nữ là trang giai nhân khó có nữ lưu nào hơn, nhưng ngài còn muốn Bạch Yến kiều diễm thêm nữa. Bởi thế, Nguyễn Thượng thư đã nhờ một thị nữ chuyên chăm lo dung quang Tử Cung (Thái hậu) nhuận sắc cho bà hoàng tương lai. Những thứ quý làm đẹp đàn bà dưới gầm giường chỉ Ba Tư mới có, đắt nhất trần gian, cao giá hơn vàng ngọc cũng được quan Thượng thư nhờ người mua cho ái nữ dùng. Cầu kỳ nhất là giai nhân tẩy trần thường nhật. Nước dành cho Bạch Yến tắm phải là nước mưa hòa với lá dâu non nghiền thành bột. Chưa hết, tắm nước ấy còn được hòa thêm sữa dê tươi. Tắm xong, người đẹp được lau thân ngà bằng lụa tơ tằm rất mỏng. Qua cách thức ươm sắc đẹp của thị nữ cung cấm, dung nhan Bạch Yến càng ngời lên, nhất là làn da luôn như cánh hoa đào gặp nắng xuân vừa ửng.

Dăm bảy tháng nữa, ái nữ trở thành bà hoàng. Thượng thư Nguyễn Đình Tiến mừng vui khôn xiết.

Theo chủ ý của Toàn quyền Pasquier, Đốc lý Darles phải tổ chức một bữa tiệc tại Đà Lạt. Bảo Đại mới ở Pháp về đang nghỉ mát tại thành phố cao nguyên tuyệt mỹ này. Bữa tiệc xuất phát từ lời thỉnh cầu của Charles với Chính phủ Pháp...

Khách của bữa tiệc tại Đà Lạt giữa mùa hè năm 1933 toàn là khách sộp, nổi tiếng giàu có. Quận công phu nhân và con gái là Nguyễn Hữu Thị Lan được đón tiếp như thượng khách. Giai nhân Gò Công như đóa phù dung xuất hiện khiến mọi người sững sờ. Ái nữ của đại diện chủ lục tỉnh đẹp tới mức không một ngòi bút tài hoa nào miêu tả nổi. Bảo Đại bằng hoàng trước vẻ kiều diễm của Nguyễn Hữu Thị Lan. Giai nhân đệ nhất Kinh thành Phú Xuân lập tức bị nhòa đi trong tâm thức Hoàng đế đa tình. Bị vẻ ngọc hộp hờn, Hoàng đế triệu Nguyễn đã cầu hôn Nguyễn Hữu Thị Lan. Người đẹp không biết trả lời thế nào bèn hỏi mẹ. Quận công phu nhân đáp: Ngài Toàn quyền chọn con cho vua. Ông ấy đã bàn với ba con...

Trở về Sài Gòn, người đẹp liền hỏi Quận công:

- Thưa ba, việc hôn nhân của con cái theo cách "cha mẹ đặt đầu con ngồi đấy" có được coi là hủ tục không?

Hiếu ý con gái, Nguyễn Hữu Hào đáp:
- Hủ tục hay mỹ tục, chuyện ấy bàn sau. Còn với con, ngài Toàn quyền chủ ý chọn cho vua thì ba cưỡng được chăng?

- Hôn nhân tự do là biểu hiện của văn minh... Ba thương con chắc sẽ khước từ ngài Toàn quyền chứ?

Lặng đi giây lát, Quận công đáp:
- Ngài Toàn quyền không cho con kết hôn với ai ngoài Bảo Đại.

Ý nghĩ lóe lên trong đầu giai nhân: Phải dựng vật cản khiến Bảo Đại không vượt qua được. Dựa vào "tứ bất lập"¹ trong đó có "bất lập Hoàng hậu", cô gái Gò Công đưa ra điều kiện thứ nhất: Phải được làm Hoàng hậu ngay

sau ngày cưới. Dựa vào việc triều Nguyễn từng sát Gia tô, người đẹp nêu bật điều kiện thứ hai: Phải được giữ nguyên đạo gốc. Dựa vào việc các vua Nguyễn có hàng trăm Phi Tán, Nguyễn Hữu Thị Lan chốt thêm điều kiện: Phải một vợ một chồng. Thông báo điều kiện của con gái tới Toàn quyền Đông Dương, ông Nguyễn Hữu Hào rất buồn... Nào ngờ, Hoàng đế chấp nhận cả ba điều kiện của giai nhân để xứng.

Nghe vua bầm là đã chọn Nguyễn Hữu Thị Lan làm vợ, bà Tử Cung ngỡ sét đánh ngang tai. Triều đình thâm thù Công giáo mà con trai lại kén người bên ấy làm Chính phi, thật là nhục nhã tổ tiên. Hoàng Thái hậu mất mặt với Thượng thư Nguyễn Đình Tiến. Lại còn chuyện phải phong Thị Lan làm Hoàng hậu ngay sau ngày cưới, điều này Thánh Tổ Minh Mệnh đã cấm. Các tiên vương triều Nguyễn không lập Hoàng hậu là vì lẽ đó. Vậy mà hoàng nhi nhắm mắt gặt bùa. Tử Cung không tức giận sao được! Các Hoàng đế có quyền nạp nhiều Phi để đông con nhiều cháu. Con gái trọc phú là ai mà dám bắt vua chỉ có một vợ? Vua không đeo thánh giá, cớ chi cưới vợ phải xin phép Tòa thánh? Hoàng Thái hậu nên giận khuyên vua thành hôn ngay với Bạch Yến, nhằm dập tắt ý định của Toàn quyền Đông Dương. Bảo Đại không gặt. Bà Tử Cung tuyên bố rảo hoảnh: Không bao giờ chấp nhận Thị Lan làm con dâu. Đến nước ấy, Bảo Đại cũng lật ngựa là bài: Thà không làm vua chứ không thể không cưới người đẹp Gò Công. Chính phủ Pháp cũng chỉ chấp nhận cuộc hôn nhân này. Hoàng Thái hậu giật mình! Cớ lấy lại bình tĩnh suy xét, bà chợt hiểu người Pháp muốn gì ở cuộc hôn nhân này rồi. Vậy là bà không còn quyền chọn vợ cho con. Chính phủ "mẫu quốc" đã vào cuộc, bà còn làm gì được nữa! Hoàng Thái hậu thăm thía, kiếp giây leo không bỏ ắt phải bám vào cây. Thật tủi nhục! Cùng phen yếm khăn, bà Tử Cung bỗng trào lên niềm cảm thương Bạch Yến.

Nghe tin Bảo Đại đã chọn con gái đại diện chủ lục tỉnh làm Chính phi, Thượng thư Nguyễn Đình Tiến rất buồn bực. Hôm ấy, ngài không vào triều vì không có phiên chầu. Quan Thượng thư cứ quanh quẩn trong hoa viên. Khi đầu óc căng thẳng, ngài thường tìm chút thư thái qua hoa cỏ. Chợt linh gác cổng bước tới sau ngài:

- Bẩm tướng công, con gái Phước Mỹ Quận Công từ Sài Gòn ra xin phép được vô chúc phúc ngài.

Nghe ngời giây lát, quan Thượng thư chợt hiểu, nói:

- Cho người ta vô.

Thượng thư Nguyễn Đình Tiến vừa an tọa ở phòng khách thì Nguyễn Hữu Thị Lan bước vào cúi chào. Quan Thượng thư đáp lễ, thăm khen vẻ kiều diễm của Thị Lan rồi sai gia nhân pha trà mời khách. Để quan Thượng thư không phải suy đoán, Nguyễn Hữu Thị Lan cất lời:

- Thưa quan Thượng, cháu tên là Lan giấu cha mào muội tới thăm ngài, xin ngài thứ lỗi. Nếu ngài cho phép, cháu xin được thưa đôi điều.

Thượng thư Nguyễn Đình Tiến trầm nghĩ. Người đã đẹp, nói năng lại phải phép khiến Bảo Đại mê mụ rằng có chí lạ cả. Rồi ngài ôn tồn:

- Cháu có điều chỉ muốn nói, ta sẵn sàng nghe.

- Thưa ngài, nếu cháu được phép chọn hẳn là cháu không chọn vua. Nhưng vua chọn rồi Toàn quyền ủng hộ, cháu đã từ chối bằng cách đưa ra những điều kiện khắt khe. Nào ngờ, vua chấp nhận các điều kiện ấy. Ngài có cách gì để vua nghe theo sự sắp xếp của đức Từ Hoàng Thái hậu không, thưa ngài.

- Cảm ơn cháu, nó có cách chỉ mới

- Tạ quan Thượng đã thông cảm. Nếu quan Thượng thương, ngài cho phép cháu được gặp tiểu thư.

Nhận ra con gái Quận công thành ý, Nguyễn Thượng thư gọi con gái ra, nói: Đây là ái nữ của đại diện chủ lục tỉnh giàu có. Con hãy tiếp khách thay cha.

Dứt lời, quan Thượng thư nhẹ bước ra hoa viên.

Nghe cha giới thiệu, Bạch Yến biết khách không mời mà đến chính là người mà Bảo Đại đã chọn. Vậy ý trung nhân của Bảo Đại tới với mục đích gì? Câu hỏi đang lơ lửng trong đầu Bạch Yến thì người đẹp Gò Công đã thỏ thẻ:

- Hẳn là tiểu thư đã hay tin. Tuy vậy, tôi vẫn phải nói. Người mà vua đã chọn là tôi. Dù gì thì gì, tôi cũng đã làm tiểu thư phải đau lòng. Hữu thức hay vô thức, tôi vẫn có lỗi, mong cô thứ cho.

Sự thành tâm của Nguyễn Hữu Thị Lan khiến Bạch Yến có cảm tình với "địch thủ". Là tiểu thư dòng trăm anh thông nhuần lễ giáo, Bạch Yến đáp:

- Đức Từ Cung nói cả với tôi rồi. Nếu có trách thì tôi trách vua chứ rằng lại trách o. Cùng phen yếm khăn, tôi chúc phúc cho hai người.

Phẩm hạnh cao thượng của Bạch Yến khiến Thị Lan chỉ còn biết nể trọng.

- Cảm tạ tiểu thư, lòng tôi đã có một người. Nhưng vua chen vào khiến tôi và người ấy phải chia lìa. Nếu tiểu thư cho phép, tôi mạo muội có đôi lời dành cho tiểu thư.

- Tôi vinh hạnh được đón những lời vàng ngọc.

- Không phải làm vợ vua, tiểu thư là người may mắn. Trong số bằng hữu của tôi, có người rất ngưỡng mộ tiểu thư. Đã kiêu diễm lại đức hạnh, tiểu thư sẽ có một bến neo đời xứng đáng và chắc chắn sẽ hạnh phúc hơn tôi.

Bạch Yến ôm lấy Thị Lan, rồi hai người cùng khóc.

Ông vua An Nam lấy gái nước Nam làm vợ mà phải xin phép Tòa thánh mã tặc Rôma thì thật là rắc rối và phiền toái. Nhưng Bảo Đại đâu phải bản tâm. Việc ấy "mẫu quốc" lo để như trò đùa.

Đám cưới được cử hành ngày 20 tháng 3 năm 1934. "Quân vô hí ngôn", Bảo Đại đã phong Nguyễn Hữu Thị Lan làm Nam Phương Hoàng hậu. "Hương thơm phương nam" trở thành Hoàng hậu ngay sau ngày cưới. Cô gái Gò Công là người duy nhất được hưởng vinh hạnh vô tiền khoáng hậu mà triều Nguyễn dành cho. Trước Nguyễn Hữu Thị Lan, vương phi nào có con làm vua chỉ được phong Hoàng Thái hậu khi Hoàng đế phụ quân đã băng.

Trước mấy ngày "địch thủ" trở thành Hoàng hậu, lệnh nữ của quan Thượng thư đã lên xe hoa. Người được Bạch Yến chấp nhận làm chồng là Cử nhân hóa học Phạm Đình Ái, du học bên Tây trước Nguyễn Hữu Thị Lan bốn năm. Hai người sống rất hạnh phúc. Khi họ có con với nhau, Bạch Yến mới vỡ lẽ. Thông qua một người bạn, Nguyễn Hữu Thị Lan đã tác hợp cho tiểu thư khuê các với chàng Cử nhân Tây học nên duyên. Kỳ ức trời dậy, Bạch Yến mới chợt nhớ hóm "địch thủ" tới thăm nhà hai năm trước đã nói: "Trong số bằng hữu của tôi, có người rất ngưỡng mộ tiểu thư". Từ thăm sâu tâm thức, Bạch Yến trào lên sự cảm phục và tri ân Nam Phương Hoàng hậu.

Nam Phương Hoàng hậu đang sống yên ấm bên năm đứa con bóng bảo thu nôi, xô nhào ngài vàng 143 năm. Cựu Hoàng hậu bình tĩnh suy xét. Điều tiên đoán của bà từ ngày Nhất vào Đông Dương đã xảy ra. Một triều đình tháng tháng khắc khoải chờ "mẫu quốc" phát lương, đó là triều đình gì? Những đồng tiền bố thí tới chậm, người đứng đầu triều đình phải nhờ gã được sĩ cơ hội, từng tước đoạt trình tiết của không ít thiếu nữ vay hộ tiến, thì triều đình ấy tồn tại sao được!

Nghe tin cựu Hoàng được Cựu Hồ bổ làm Cố vấn Chính phủ nước Việt Nam mới, cựu Hoàng hậu thấy nhẹ cả lòng. Ngày rời Huế ra Hà Nội, Vĩnh Thụy buồn rười rượi. Với ánh mắt tự tin, cựu Hoàng hậu nói:

- Hôm thoát vị, ngài đã nói: "Thà làm dân một nước độc lập còn hơn làm vua của một nước nô lệ". Nay chẳng những ngài là công dân của nước Việt Nam độc lập mà còn là Cố vấn đặc biệt của Chính phủ Cu Hồ. Vậy ngài phải vui chứ. Ngài ra ngoài đó, tháng tháng em sẽ gửi tiền ra cho ngài...

Bắt thần một lúc, Vĩnh Thụy mới cất được lời:

- Cảm ơn em! Ta làm vua mà em vẫn phải tiêu tiền của Quận công. Vô lý quá... Nay ta ra Hà Nội làm Cố vấn Chính phủ, em vẫn phải lo cho ta, tui cho ta lắm!

- Thôi mà! Là vợ chồng, xin chớ rạch ròi. Em nói mong ngài đứng gần. Gần hai mươi năm ngài ngự ngai rồng không bằng một thoáng trao ấn rồi ngai. Chúng dân nhớ ngài là nhờ khoảnh khắc lịch sử ấy. Em ước ao ngài giữ gìn để khoảnh khắc ấy sáng mãi trong tâm thức dân Nam.

Vĩnh Thụy nhận ra ý tứ sâu xa của cựu Hoàng hậu giấu trong mấy chữ: "ao ước ngài giữ gìn". Chuyện xảy ra thời "Nội các 5 tháng" (từ tháng 4 đến tháng 8 năm 1945). Vì áp lực của Nhật, Bảo Đại phải giải tán Hội đồng Cơ mật lập Nội các: Đại sứ rất sợ vợ. Ta xui vua đi chơi với vợ ông ta là có mục đích. Ngài phải dẹp dư luận ngay.

Tối hôm ấy, Nam Phương nói với Bảo Đại: - Ngài có ong bướm thì phải ong bướm với ả nào cao giá chứ con đầm lái thì chưa xứng lau giầy cho ngài.

Bảo Đại chưa then: - Nội các có nhiều việc tẻ quá. Ta tìm kiếm sự thảo ngộ qua ả ấy.

Bà Nam Phương thốt lên: - Lạy Chúa! Thủ tướng cùng một đồng Bộ trưởng là củi mục chẳng khiến vua phải cầu cứu con đầm lái, vợ bé của gã lùn.

Bảo Đại nuốt mận ra. Hoàng hậu mới chốt một câu:

- Xin ngài nhớ cho, ngài là Hoàng đế nước Nam.

Nhớ lại chuyện cũ, Bảo Đại thoáng buồn. Lúc chia tay vợ con lên xe ra bắc, cựu Hoàng mới tin mười ba đời vua Nguyễn đã chìm vào hoài niệm!

Sau mấy ngày mưa tầm tã, trận heo may đầu mùa quét sạch mây mưa. Vòm trời bỗng sáng lên. Ngày 17 tháng 9, các ngà đường cổ Đô người đông nườm nượp hướng quảng trường trước Ngọ Môn cất bước. Đây là sự kiện một di không trở lại diễn ra ở Huế trong chế độ dân chủ cộng hòa: "Tuần lễ vàng" khai mạc. Chính phủ lâm thời rất khó khăn về tài chính. Tổ quốc kêu gọi những công dân hữu sản hăng tâm ủng hộ vàng cho Chính phủ kiến thiết và bảo vệ đất nước.

Hôm ấy từ cung An Định đi ra, cựu Hoàng hậu Nam Phương đầy minh vàng. Nhiều người ngạc nhiên. Từ ngày đăng ngôi Hoàng hậu, ả nữ của "phủ gia dịch quốc" không hề trưng diện vàng ngọc, dù chỉ là một chiếc nhẫn. Không cần đến vàng ngọc, vẻ đẹp của bà cũng đã khiến các loài hoa phải ghen tị. Vậy sao hôm nay cựu Hoàng hậu lại khoác vào người nhiều vàng thế? Đầu đó có tiếng xì xèo; Thời buổi này trưng diện là không hợp. Giai nhân Gò Công nghe rõ những lời xì xèo ấy. Bà thần nhiên coi như không có chuyện gì, khoan thai bước tới chiếc bàn phủ vải đỏ, gỡ hết dây, xuyến, nhẫn, bông tai đặt vào cái khay khảm

trai, Cựu Hoàng hậu là công dân Huế đầu tiên hiến vàng cho Chính phủ Cụ Hồ. Người Thư ký biên nhận, ông Trưởng ban Tài chính tỉnh, trao cho bà huy hiệu có hình cờ Tổ quốc. Thay mặt Chính quyền Trung ương, ông Trần Hữu Dực mời cựu Hoàng hậu Chủ tọa "Tuần lễ vàng" ở Phú Xuân. Bà Nam Phương niềm nở nhận lời. Cựu Hoàng hậu dung nhan như hoa, đức hạnh như ngọc được thần dân kính mến làm Chủ tọa "Sự kiện đặc biệt" khiến những người dân Phú Xuân yêu nước cảm kích hiến vàng cho Chính phủ.

Kết thúc "Tuần lễ vàng", bà Chủ tọa ký biên bản bàn giao cho ông Trưởng ban Tài chính tỉnh 925 lượng vàng. Trong tiếng vỗ tay không ngớt của dân chúng, cựu Hoàng hậu đáp lại bằng một nụ cười như hoa nở.

Nước Việt Nam mới chưa tròn một tuổi như ngọn đèn ngấn bắc cạn dầu giữa bốn bể bão tố. Thừa cơ, bọn phản động trong và ngoài nước chống phá điên cuồng nhằm bóp chết Chính phủ Cụ Hồ. Chúng âm mưu thủ tiêu Vĩnh Thụy rồi vu tội cho Việt Minh... Đi guốc vào bụng chúng, Cụ Hồ cử Cố vấn Vĩnh Thụy sang Trung Khánh, xứ Tàu "công tác". Đó là cách giữ mạng cho Vĩnh Thụy. Nhóm "ái quốc bàn đèn" gồm Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh sống nhờ bên đó lôi kéo Vĩnh Thụy đi theo Tưởng. Nhưng Pháp cao tay hơn nên đã dụ được Vĩnh Thụy tới Hồng Kông o bế, dựng nên chế độ quân chủ lập hiến vào năm 1949, theo kịch bản của Pari. Điều này cựu Hoàng hậu không hề muốn. Bà đau lòng thấy bỗng dựng trở thành người không cùng đường với dân tộc.

Dù chống là "Quốc trưởng" nhưng cựu Hoàng hậu không cộng tác với Pháp. Cảm thấy ở lại Việt Nam chẳng những bất lợi mà tính mạng còn bị đe dọa, bà đành phải sang Pháp định cư. Ngài Quận công siêu phú, hiểu thời cuộc đã chuẩn bị cho con gái cơ ngơi sang trọng trên lô đất 160 mẫu Tây, tại làng Chabrinac - một vùng quê thanh bình của nước Pháp. Vĩnh Thụy là Hoàng đế lúc cũng thêm tiền. Cựu Hoàng hậu lại sở hữu một tài sản kếch sù. Ngoài vàng ngọc và ngà voi vô giá, bà còn có nhiều điền trang cao su, hồ tiêu tại Maroc và Cònggô. Nhưng của cải đối với bà không còn ý nghĩa gì nữa. Điều làm bà thất vọng và đau lòng là Vĩnh Thụy đã phản bội lời thề "một vợ một chồng"¹ trước ngày cưới, mặc dù các vua hằng nói "Quân vô hỷ ngôn". Ở Hà Nội, Vĩnh Thụy mèo chuột với Mộng Điệp. Tới Sầm Sơn, cựu Hoàng dan díu với Lý Lệ Hà. Sang Trung Khánh, Cố vấn đầu mày cuối mắt với cô gái "nỉ hão" là Hoàng Tiểu Lan, Trở về Đà Lạt, "Quốc trưởng" được bươm bướm gái Phan Văn Giảo lên lút "lặng" thiếu nữ Phi Ảnh...

Mùa thu năm 1952, Bảo Đại bay sang Pháp. Ông ta không thể không dành cho bà Nam Phương đêm bảy ngày, vì đã "nợ" giai nhân quá nhiều rồi. Cựu Hoàng hậu mới "Quốc trưởng" sang Maroc thăm đồn điền cao su.

Năm 1982, một Việt kiều tuổi ngoại lục tuần từng tri giao với cựu Hoàng hậu về thăm Hà Nội nói cho tôi hay. Chuyến đi ấy bà Nam Phương bọc bạch với Quốc trưởng: Em không thể chung canh bạc chính trị với ngài được, phiếu lưu lăm. Còn sống ngày nào, em phải lo cho tương lai của các con. Chúng trông vào

mấy đồn điền để sống, không được trông vào nguồn nào khác. Sau ngày ngài thoái vị, em muốn có thêm một con nữa để kỷ niệm. Dù trai hay gái, tên của đứa trẻ ấy sẽ là Nguyễn Phúc Tự Do. Rồi thay, ngài đi biệt biệt... Chuyến đi này nếu Chúa thượng được con trai thì em đặt là Hoài Quốc, được con gái thì em đặt là Hoài Hương.

Bảo Đại cảm động ứa nước mắt, nói:

- Ta có nhiều lỗi với Hoàng hậu. Là vợ chồng mong em thứ cho.

- Trách ngài nào có ích gì? Em chỉ tiếc cho ngài thôi.

- Hoàng hậu tiếc cho ta! Điều chi vậy?

- Ngày Cụ Hồ thăm Pháp, Chính phủ Pháp cắt tẩm séc ba mươi tỷ Fran "mua Cụ". Nhưng Cụ không gạt không lắc mà thần nhiên trở về nước. Trước khi bước xuống tàu, Cụ không quên xòe bàn tay bịt nòng đại bác.

- Khi đã trở thành "Quốc trưởng", ta mới biết chuyện này...

- Ngày Cụ Hồ kết thúc chuyến ngoại giao trở về, ngài đã bỏ Trung Khánh tới Hồng Kông. Dù chỉ tiêu cho dân nước phải dè sẻn từng đồng, Cụ vẫn lo liệu gởi cho ngài số tiền tương đương vài chục lượng vàng. Cụ ứng xử thật là cao thượng.

- Chuyện ấy mà Hoàng hậu cũng biết, lạ thật!

- Tai to mặt lớn ở Pari nhiều vị nợ tiền ba em. Thông minh như ngài chắc là sẽ hiểu vì sao em biết chuyện ấy. Lòng Cụ Hồ là lòng dân tộc. Vậy mà ngài ...

- Thôi, thôi! Ta đang đau đầu bởi tương Giáp. Hoàng hậu rằng hiểu nỗi khổ của ta.

Sau ngày ở Maroc về, cựu Hoàng hậu nhận ra là đã có tin vui. Ngay sau đó, bà phải lãnh chuyện tối tệ. Ấy là việc vài ba hoàng thân quốc thích cư trú tại "mẫu quốc" vay chẳng nợ đúp, vào hộp đêm mua vui kỳ số lâu ngày không có tiền trả. Các chủ nợ, chủ hộp đêm rủ nhau đến "ăn va" cựu Hoàng hậu. Giữ danh cho hoàng tộc, bà Nam Phương phải bỏ tiền riêng trả nợ đây. Chuyện phiền toái ả qua đi được vài ba tháng lại có hung tin từ cố quốc bay sang. Từ Cung biết năm nào cựu Hoàng hậu cũng sang châu Phi kiểm tra đồn điền. Bà ấy nói: Xa chồng mà có thai hẳn là rừng mớ. Cái thai ấy không của thằng Maroc thì cũng của gã Cònggô. Hoàng tộc mà có thêm một đứa da đen tóc xoắn, "Quốc trưởng" hẳn là phải mua mo cau.

Bà Nam Phương ngắt đi bởi những lời ác độc ấy, dẫn đến cái thai bị hỏng.

Mộng Điệp có thư ủy nhiệm của "Quốc trưởng" mang hai "bảo vật truyền quốc" là ấn và kiếm sang Pháp trao cho cựu Hoàng hậu bảo quản. Quốc ấn 12, 9 ki lô gam vàng và kiếm thiêng chuỗi ngọc, Bảo Đại đã trao cho ông Trần Huy Liệu ngày Hoàng đế thoái vị thì lấy đầu ra ấn kiểm nữa? Nhân gian điều gì cũng có thể xảy ra. Ấn kiểm triều Nguyễn mà Chính quyền mới quản lý đã rơi vào tay người Pháp hồi sáu mươi ngày đêm Hà Nội mật mù khói lửa. Năm 1950, người Pháp trả lại ấn kiểm cho Bảo Đại. Chiến tranh Việt Nam ngày càng quyết liệt, quốc bảo giấu đâu cũng không an toàn.

Biết thân phận, Mộng Điệp chấp tay cúi chào. Cựu Hoàng hậu khẽ gật, hỏi:

- "Thứ phi" vàng lệnh Từ Cung sang đây dò xét phải không? Nếu nó thành người, bà mới biết nó da đen hay da trắng. Đáng

thương, nó không được khóc chào đời.

Mộng Điệp lễ phép:

- Bẩm Hoàng hậu, em sang đây do "Quốc trưởng" ủy thác trao cho bà ấn kiểm.

Bà Nam Phương xem thư, nhận ấn kiểm thốt lên:

- Hồn triều đình cũng phải trốn sang đây thì mấy người chống sao được Cụ Hồ.

Nhìn thẳng vào cựu Hoàng hậu, Mộng Điệp chân thành tỏ bày:

- Em có lỗi với Hoàng hậu, xin người bao dung. Thế với trời đất, em biết trước sau Hoàng hậu là người đoan chính. Vì sự trong sáng và tôn nghiêm của người, em sẽ thưa với "Quốc trưởng".

Quay về nước, Mộng Điệp thưa ngay chuyện đau lòng của Hoàng hậu với "Quốc trưởng". Bảo Đại vội vàng bay từ Đà Lạt về Huế, đưa cho bà Từ Cung tấm ảnh chụp chung với bà Nam Phương trong chuyến đi thăm đồn điền cao su tại Maroc, nói:

- Nếu Hoàng Thái hậu là Nam Phương, người có nuốt trôi những lời độc địa ấy không?

Bà Từ Cung lí nhí:

- Ông Hoàng chuyển giùm lời của ta xin lỗi bà Hoàng.

Tiến của Pháp chuyển sang, Thủ tướng Nguyễn Văn Xuân ngoạn mất non một nửa. Đánh hơi Xuân sắp nhào, nguyên Trì huyện triều Nguyễn là Ngô Đình Diệm được Mỹ o bế "tình nguyện" ngồi vào ghế xối thịt đỏ. Biết Bảo Đại rất nể trọng Hoàng hậu, Diệm mời Tôn Thất Cẩn cùng bay sang Pháp xin tiếng nói của bà hoàng vào cuối tháng 5 năm 1954. Bà Nam Phương rất nể Tôn Thất Cẩn. Bởi lẽ, ông Cẩn là con trai trọng thần Phụ chính Tôn Thất Hân, thời vua Khải Định.

Diệm khẩn khoản thỉnh cầu. Bà Nam Phương tỏ ra phân vân, vì không ưa Diệm. Gián tiếp mách nước cho Diệm, Tôn Thất Cẩn cất lời:

- Thưa Hoàng hậu, ông Diệm là bốn đạo hần sẽ không làm "Quốc trưởng" và Hoàng hậu thất vọng.

Hiếu ý Tôn Thất Cẩn, Diệm bước tới trước tượng Chúa quý xuống:

- Thần là con chiến trung thành xin thế với Chúa: Trước sau một lòng phụng sự "Quốc trưởng" và hoàng tử Bảo-Long.

Bị điểm trúng "tử huyết", cựu Hoàng hậu mềm lòng đã tác động đến "Quốc trưởng". Ngày 16 tháng 6 năm 1954, Bảo Đại bổ nhiệm Diệm vào ghế Thủ tướng. Một thoáng nhẹ dạ, cựu Hoàng hậu tin lời Ngô "ngũ đoàn"² khiến "Quốc trưởng" phụ quân nuốt hận mất đời. Ấy là việc đầu năm 1955, Diệm đã lật đổ Bảo Đại, lập "triều đình" mới là "Việt Nam Cộng Hòa" theo kịch bản của Mỹ.

Biến cố chính trị này đã đánh quỵ cựu Hoàng hậu... Nhắm tin quý sa tăng, bà rất ân hận! Cú sốc quá lớn gây cho bà mắc bệnh trầm cảm. Còn cựu Hoàng, ngài lang thang khắp "mẫu quốc" tìm "thú vui" cho quên cay đắng khiến bà Nam Phương càng đau lòng.

Ngày 14 tháng 9 năm 1963, cựu Hoàng hậu bị cầm đột ngột rồi qua đời ở tuổi năm mươi, theo nguyệt lịch. Thương cảm biết bao, bà về với Chúa xung quanh chỉ có những người giúp việc, không bóng dáng người thân. Đám tang cũng vắng bóng cựu Hoàng!

Hoàng hậu đầu tiên và cuối cùng của triều đại phong kiến cuối cùng ở Việt Nam đã hòa vào vĩnh viễn cách nay gần năm mươi năm. Công đức của bà dành cho thức giả cảm nhận. Còn với người viết thiên truyện này, Nam Phương Hoàng hậu dù Tây học nhưng bà vẫn là một phụ nữ ngời ngời công dung ngôn hạnh, rất truyền thống và yêu nước. Sau ngày 23 tháng 9 năm 1945 Pháp gây hấn ở Nam Bộ, bà là người đầu tiên thay mặt mười ba triệu phụ nữ Việt Nam gửi Thông điệp tới bè bạn năm châu, kêu gọi những người đã từng là nạn nhân của chiến tranh hãy khẩn cấp hành động để bệnh vực và bảo vệ hoà bình, tự do của mảnh đất mà bà gọi là Tổ quốc. Ngàn sau ai đó đọc Thông điệp ấy chắc cũng như tôi, tâm tưởng hẳn sẽ dâng lên niềm cảm thương, tự hào và tôn kính Hoàng hậu.

Nam Phương Hoàng hậu không chỉ là hương thơm phương nam. Hương thơm ấy là hương của loài hoa quý. Bất giác tôi cảm thấy: Hoa lia cành hương mãi còn thơm...■

1. "Tứ bất lập" nghĩa là không lập Thái tử, không lập Hoàng hậu, không chức Tế tướng, không tuyền Trang nguyên.

2. Trước khi cưới, Bảo Đại hứa với Nguyễn Hữu Thị Lan chỉ "một vợ một chồng". Kết cục, Bảo Đại có tới 7 Thứ phi bất hợp pháp (có 3 người Tây). Hai Thứ phi Việt Nam và một Thứ phi Trung Hoa đã sinh cho Bảo Đại 7 con.

3. "Ngũ đoàn," nghĩa là năm ngón: thân ngắn, hai tay ngắn, hai chân ngắn. Ngũ đoàn ở đây hiểu theo nghĩa tiểu nhân, phản chủ.



Minh họa của KHÁNH TOÀN

CHÙM TẢN VĂN CỦA NGUYỄN HIỆP

GÀ GÁY TRÊN ĐẦU NGỌN TRE

MAY cho tôi là vẫn đang sống ở miền quê, mà có ra phố, có áo xống nai nịt, lên xe xuống ngựa gì đi nữa thì cái tính "nha què" của tôi cũng không thay đổi, đã thành máu thịt, nhờ vậy mà tôi vẫn thói quen tính thời gian: Gà gáy, đứng bóng, chạng vạng... và yêu những bài hát làng quê mộc mạc. Trong làng bây giờ tìm không ra ngọn tre nào nhưng chỉ cần nghe tiếng gà gáy thôi là người cứ như bị ai bắt mất hồn.

"Bà bà mẹ què !

Gà gáy trên đầu ngọn tre

Bà bà mẹ què !

Chợ sớm đi chưa thấy về"

Ở chỗ tôi có bà bán hàng rong cứ độ gà gáy là đến gõ cửa từng nhà, đến đặng mỗi ngày. Thoạt đầu hơi phiền, sau thành quen, mà đã quen thì dễ chịu. Mỗi khi thấy dáng bà già người Quảng quang gánh gỗ cửa là tôi chợt nhớ câu hát xưa. Tôi lẩm nhẩm hát một mình mà trong lòng da diết nỗi nhớ. Má tôi dáng cao ráo hơn bà, lưng chưa cong như lưng bà nhưng sao ánh mắt của các bà mẹ quê lại giống nhau đến lạ. Dường như cùng một hoàn cảnh, cùng một nỗi lo, cùng một tâm thế sống ở đời thì ánh mắt con người ta sẽ giống nhau. Bà đặt gánh xuống trước sân nhà tôi, hàng bán thay đổi khi thì mấy nải chuối khi thì chục trứng gà so, nhưng ánh mắt ấy thì chỉ một, ánh mắt cam phận, chịu đựng, ánh mắt của đức hy sinh.



"Bà bà mẹ què !

Gà gáy trên đầu ngọn tre"

Mỗi khi hồi tưởng về má, kí ức tôi bao giờ cũng gắn cái dáng tần tảo, liến tay, liến chân ấy nhiều nhất trong thời khắc gà gáy. Từ khi tôi biết quan sát cuộc sống và có được trí nhớ nhất định thì tôi đã biết má tôi luôn thức

dậy khi "gà gáy trên đầu ngọn tre". Và phải chăng tất cả các bà mẹ quê đều như thế. Gà gáy, thức dậy nhóm bếp nấu ấm nước, vói cái nôi đồng vo gạo bắt lên ông Táo kê bằng ba cục gạch, khi mọi người trong nhà thức dậy thì nôi cơm đã "ghế", đầy nôi vui trong tro ấm, mấy cục than hồng trên nắp nôi cũng vừa riu riu se se, hương thơm cơm lúa mới đã ngào ngạt trong nhà ... Tôi vẫn còn giữ cái nôi đồng ấy của má trên chiếc kệ sách như một báu vật. Mấy chiếc nôi đồng của má tôi không đủ bộ, ngoại tôi đầy đủ hơn, kể cả các loại nôi chỉ dành cho giỗ chạp hoặc lễ hội lớn, ngoại kiên quyết không dùng cái gì khác để nấu nướng ngoài nôi đồng, trên giàn hong củi của gian bếp nhà ngoại đầy các loại nôi đồng lớn nhỏ đủ cỡ, từ nôi một đến nôi bốn quai. Mỗi sáng sớm, tôi thường bị cái tật xấu đói, "con mắt to hơn cái bụng", hay cầu nhàu "Má nấu ít cơm quá!" thì má lại xoa đầu: Đừng lo, nôi Thạch Sanh đó. Và quả thật, lần nào tôi cũng kénh cang cái bụng mà nôi vẫn chưa hết cơm. Cơm nôi đồng giữ được hương thơm và hạt cơm ráo đều, màu của lớp cơm cháy vàng cũng vô cùng hấp dẫn. Chiếc nôi đồng không chỉ là một công cụ đun nấu mà nó còn là một phần văn hoá vật chất trong cuộc sống ở làng quê. Tiếng gà gáy, chiếc nôi đồng và hình dáng quá thương của má tôi luôn là một phần quan trọng trong kí ức tôi, chỉ cần nghe tiếng gà gáy là tất cả lại tràn về, đậm thấm.■

MÙI ĐỒNG QUÊ

Muốn sang thì lên Đà Lạt
Muốn hốt bạc thì về Bình Tuy
Bình Tuy có cá Lagi
Phong Điền có gạo
Củ Mì có gừng...

Chiều nay, tự dưng từ miền kí ức xa ngái trong tôi bỗng vang lên tiếng hát của mấy thợ gạt ngày xưa ở Phong Điền. Hồi ấy tôi còn chút tạo lon ton theo má, má đi cấy đi gặt ở đâu thì theo đó. Mùa cấy thì cầm cây cần tre cong cong với lon trùn lang thang thả câu dọc mương nước hoặc các lỗ bông vào ruộng. Mùa gặt thì hì hụi sinh lầy, bươn bươn theo chân má để mót những gié lúa sớt, có khi má thương nhả lơi tay cho đám chục gié lúa vàng vậy là mừng quỳnh mừng quui tay chân dính đá vào nhau, vừa thoăn thoắt bắt lúa vừa cười tít mắt. Tuổi thơ tôi ơi! Sao mà thương quá!

Trong miền man hồi ức tôi vẫn chưa hiểu tại sao câu hát của đoàn thợ cấy lại trào về đột ngột làm rung rung cõi lòng như vậy. Mới đó mà má tôi đã đi xa hai mươi ba năm rồi, tôi là con út trong nhà nên lẽ dĩ nhiên bám chân má nhiều nhất. "Nhiều út ăn, ít út chịu", là má hay xoa đầu tôi an ủi. Những lúc như vậy tôi thấy má thường quay mặt đi đưa tay áo chùi cái gì trên mắt, làm sao lúc ấy tôi hiểu được hai từ "cảm cảnh", làm sao một thằng nhóc đen trùi trụi, chân không bén đất như tôi lại có thể hiểu được điều gì sâu kín trong lòng người mẹ. Cho tới giờ này, tôi vẫn là người chậm hiểu, phản xạ chậm chạp, không có khả năng thức thời so với cuộc đời, so với những bạn bè quanh tôi. Má dạy tôi ngưng ngưng những tiếng nói đầu tiên, những góc ruộng vắng dạy tôi líu lo những câu hát bằng qư, (mới đầu cho đỡ sợ giữa đồng không mòng quạnh, lúc đoàn thợ cấy của má từ đằng bờ kia, sau thành thói quen, hát câu nọ xọ câu kia, miễn sao được hát), rồi gần năm mươi năm qua cuộc đời ra sức dạy cho tôi bài học im lặng. Tôi vẫn học rất chậm cho tới giờ này.

Tôi dùng xe bên lề đường phần sửa lại giỏ mây quay phim nặng trĩu, cần câu cơm của tôi, trếch sang một bên, phần để lắng xuống những rung rung

ám ảnh vừa quay về. Có lẽ bất chợt đến tuổi nào đó, ta phát hiện mình thường quay vào trong như chiếc lá sau thời phất phơ xanh ngọc đã dậm mắt dò tìm bóng dáng xù xì cội rễ. Cưỡng là tôi bắt đầu chuyển vàng rồi sao? Tuổi tôi đã qua bên kia núi rồi sao? Trượt xuống, lao xuống bao giờ cũng nhanh hơn bội phần so với công lưng leo lên... Trời ơi, mới bốn mấy đã... Tôi tìm cách xua đuổi cái triết lý lên núi xuống núi u ám kia ra khỏi đầu óc. Lại hát bằng qư. Lại rổ ga.

...Phong Điền có gạo... Lại vẫn câu hát ấy nhưng lần này hình ảnh má tôi áo bà ba bạc màu, nón lá gần thành mề, lưng cong trên ruộng, thấp thoáng, thấp thoáng... cùng lúc hiện lên. Từ ngày lớn lên thành một chàng trai, rồi thấy giáo, lão về thuê, tay xe ôm, gã bán vé số, rồi thợ chụp hình quay phim... tôi ít khi mùi lòng. Vậy mà chiều nay, mắt tôi chợt nong nong, cay cay...

Cho đến lúc này thì tôi phải dừng xe lại. Tôi hiểu ra rồi: Cái mùi đồng quê. Nãy giờ xe tôi đang đi qua cánh đồng, mà chính là cánh đồng Phong Điền ngày ấy, mắt tôi tập trung để lái xe, nhưng cái mùi đồng quê đã nồng ngập trong người. Hèn nào! Một chút hương hăng nồng nồng gốc rạ, chút hương lúa dầy thì thơm thanh, chút mùi lúa trở đồng giòn ngọt mát lành... Pha trộn mà vẫn rạch ròi như những âm thanh của các loại nhạc cụ trong dàn nhạc khổng lồ, vừa biểu hiện mình vừa cùng tạo sức mạnh du dương của bản giao hưởng. Cái mùi đồng quê như khúc giao hưởng ngày mùa vậy. Hồi đến mức ấy sao má kí ức không sống dậy, không lay động con người!? Tôi đưa tay mở chiếc cúc áo... để cho mùi hương đồng cỏ nội nhớ thương này len lỏi vào cả những vùng da thịt chưa được thấm đẫm cái ngọt, cái nồng, cái thơm cái tho. Tất cả đang tạo ra từ trường mùi hương trên con đường xuyên qua cánh đồng này. Tôi hít căng lồng ngực rồi lên xe. Lòng thấm biết ơn cái mùi kí ức, cái mùi mà mỗi khi chìm ngập trong nó ta sẽ thích hát bằng qư, sẽ yêu quý cuộc sống cực nhọc của mình hơn, sẽ vị tha hơn và sẽ người hơn rất nhiều.■

T HẾ giới quá rộng lớn và đầy màu sắc, thế nhưng cái hình ảnh rộn ràng của bấy én quanh tháp đèn biển Kê Gà mỗi lần đồng luôn là một phần kí ức lạ lùng nhất trong tôi. Chưa hẳn vì nó tạo thành một thời khắc, cái thời khắc đặc biệt mà mọi người gọi là lập xuân của đất trời. Dập dìm và rộn ràng. Riu rít và rộn ràng. Cả hình ảnh, cả âm thanh đều mê hoặc con người, nó như một bức họa của sự sống thanh sạch miên viễn, lại vừa như một bản giao hưởng của sự sinh sôi nảy nở bất tận. Sự hòa trộn giữa hai điều tưởng chừng tương phản ấy, kì thực lại diễn đạt được cái ý nghĩa nhất thể tạo nên và thăng bằng cho thế giới này. Không biết bao nhiêu lần tôi đã ngược nhìn, lắng nghe nổi bồi hồi xúc động bên trong mình. Cho tới giờ này, tôi nghĩ rằng mình thật may mắn khi đã

cảnh én chao quanh tháp đèn, cái âm thanh én chao quanh tháp đèn. Tôi hình dung đến một thân cây già cổ xù xì nhất lúc này cũng xé da xé thịt cho những mầm ngọc nhú ra.

Còn một nguyên nhân khác khiến tôi rụng động mỗi khi ngắm nghe cái rộn ràng mùa én bay ở mũi đất Kê Gà này. Đó là bãi biển, đó là thủy triều lên xuống rất rõ rệt theo dòng nước sâu chia đảo Kê Dữ (nơi có tháp đèn) với bãi cát, với làng cát. Khi thủy triều rút là khi đường bãi hiện ra, cát chưa kịp khô, bước chân đỡ lún, quang gánh đỡ nặng. Từ khi mới sinh được mười ngày, tôi đã nằm trong chiếc thúng, một đầu đôi quang gánh của má tôi trong những ngày bươn bả áo cơm trên bãi mặn rất thân thuộc này. Má tôi đã kể với tôi về những tháng ngày cực nhọc ấy như một vết thương không

RỘN RÀNG MÙA ÉN BAY

có sự giao cảm thật sớm, thật ấn tượng với Cái Đẹp ngay tại quê nhà.

Năm 2010, đi với một chuyên gia về én, mới biết anh ta có tất cả những lời gọi tình, gọi bấy trong chiếc usb của mình. Đặt máy phát ở điểm cao nhất có thể, một ngọn cây, một mòm đá, cắm usb vào và chọn lựa các file âm thanh, thế là chúng tôi có thể nắm bắt vùng này có bao nhiêu chim mái, chim cổ và cả bao nhiêu chú chim choai choai. Cái phút giây mà dòng âm thanh ấy vang lên rồi những chấm sáng chao liệng hội tụ dần trên bầu trời cũng gây sự hứng thú và ngạc nhiên, một chút rung động trong lòng nhưng là niềm rung động bé mọn tưng tưng. Nó mang ý nghĩa nhất thời như loại công việc thực dụng này vậy, chưa đủ sức hình thành nên Cái Đẹp đến ngất ngây lòng người như bấy én quanh tháp đèn biển Kê Gà. Tiếng riu rít của bấy én ở cung bậc cao chói, dường như chúng nghĩ chúng đang mang sứ mệnh rót vào tai con người những âm thanh tinh tế nhất, da diết nhất có thể mà Mẹ Thiên Nhiên muốn tạo ra, có khả năng đánh thức những gì đang tiềm ẩn trong mỗi con người. Những ý tưởng nhằm đạt đến sự thăng hoa bỗng chốc nổ xòe, thôi thúc, kêu đòi, một cơn khát từ tiềm thức đang được thỏa mãn, được giải khát. Quả thực là đang có sự lập xuân từ chính bên trong, từ tâm hồn con người nếu như ai đó dù vô tình hay hữu ý ngắm được, nghe được cái khung

bao giờ khép miệng trong đời. Mấy mươi năm sau má còn rơi nước mắt, má còn sụt sùi mỗi khi kể lại, tôi ngắm hiểu có những nỗi đau sâu kín ẩn giấu sau sự cực nhọc thân xác mà má đã nói được thành lời. Có lẽ vì vậy mà vùng bãi bờ này đã trở thành vùng từ trường tình thương đối với riêng tôi, mỗi khi về với nó, tôi như một con người vốn bám đập với đời, vốn chai sạn với đời, chợt bắn loạn, chợt nhạy cảm, chợt chìm sâu, chợt rung lên, những gì trước mắt đã hòa trộn với kí ức để tạo ra một hiện thực khác, hiện thực của riêng tôi.

Bây giờ, hàng quán đã tràn ra sát mép con đường bãi ngày xưa. Bây giờ, làng chài đã thành làng du lịch náo nhiệt chào mời. Bây giờ, những người bà con của tôi ở đây, cũng những thế hệ nối tiếp của người dân quê ấy nhưng không còn chân chất mộc mạc. Dường như sự phát triển nơi đây không đồng bộ, thái độ tôn sùng vật chất đã dắt con người đi theo một nẻo khác, xa lạ...

Lòng người phố chợ lúc nào cũng suy tư, lo lắng. Nhưng về lại Kê Gà lần này, khi ngược nhìn tháp để lắng nghe rộn ràng mùa én, lòng tôi đã lại lắng lòng tâm thế hồi xuân. Khi con người muốn thu lại bằng mọi giá, làm con chim én nào đã bình an. Nhưng tôi vẫn ước sao mình được một lần hóa thân thành cánh én hướng thượng kia, để cho đời một nốt nhạc trong bản giao hưởng bất tận trên cao.■

CHUYÊN VĂN CHUYÊN ĐỜI

MƯỜI NĂM XA, NHỚ BẠN!

NGUYỄN VĂN THỌ

MÙA hè 2002, thời gian cuối cùng tôi bên Bế Kiến Quốc. Không phải ở tòa soạn Văn nghệ, cũng không phải những đêm trắng rong chơi đường phố Tết cùng Thành Chương. Gần một tháng, đó là những ngày cuối cùng bên Quốc ở bệnh viện Việt Xô.

Anh bị ung thư phổi, bệnh đã nhiễm vào gan. Nhưng Bế Kiến Quốc không biết điều đó, chỉ biết bị đau phổi. Thi thoảng vắng Mai, thêm thuốc quá, anh xin tôi một hơi thuốc và cười: Bác sĩ đồng ý, khi nào thêm quá, có thể hút một điếu. Bác sĩ nói vậy à? Tôi thương bạn! Tôi hiểu, đây là những ngày cuối cùng bên nhau.

Tôi quen rồi thân với Bế Kiến Quốc từ 1984. Bấy giờ anh trực văn xuôi dưới quyền anh Ngô Ngọc Bội. Tôi viết truyện ngắn đầu tay, muốn thử sức mình, liền đem tới báo Văn nghệ. Vài ngày sau, tôi nhận được cú điện thoại, mời tới tòa soạn. Quốc đón tôi ở phòng khách, với cái bắt tay chặt, bàn tay dầm dấp mồ hôi, đôi mắt ân cần và cười rất tươi. Chúng tôi chuyện gần hai tiếng. Anh nhận xét truyện ngắn và hỏi tôi kĩ về giai đoạn tham gia cuộc chiến, ở hiện tại, cả việc vì sao tôi viết. Sự cỗi mồi bạn đầu làm tôi rất vui. Hai tuần sau, thật bất ngờ, anh hện: "Tôi thứ năm, tôi nhà in Nhân Dân xem cái truyện của ông ra đời thế nào." Quốc đưa tôi vào phòng có tiếng máy ầm ầm, có băng chuyển lướt nhanh, ừn ừn trang báo chạy. Một công nhân tay lấm lem đen xì, đưa tôi trang báo còn thơm mực. Tôi đón lấy, nhìn truyện ngắn đầu tay và bật khóc! Quốc đứng bên cạnh, cười tươi, như chính anh hạnh phúc. Anh đặt bàn tay lên vai tôi, tay kia nắm lấy một bàn tay tôi lắc lắc.

Một con người nổi tiếng từ khi còn là sinh viên với bài thơ *Những dòng sông*, lại cả đời làm báo, quan tâm tới bạn mới viết, từ chi tiết tâm lí tinh tế vậy và vài điều tương tự sau này khích lệ tôi rất nhiều. Quan trọng hơn, Quốc luôn đòi hỏi bạn mình lao động nghệ thuật phải hết sức nghiêm túc, tìm tới cái đích cao hơn cái đã có. Ngày tôi viết *Muối mặn*, sau chuyến đi đồng muối với anh và các nhà báo như Nguyễn Hoàng Sơn, Xuân Ba, Hoàng Linh và Bùi Đức Khiêm. Đọc xong bản thảo, anh đập xuống bàn và nói: Nhà văn phải dựng lại hiện thực, cố gắng giãi bày sự kiện và nhân vật. Truyện này ông viết giải! Tôi ức lắm, về nhà đọc lại và tìm ra tại sao Quốc lại chê là giả. Tin bạn, tôi mạnh dạn hủy bản thảo ấy, đánh vật một tháng sống với niềm đau xót của diêm dân, cấu trúc lại và *Muối mặn* được chọn in đúng Đại hội Đảng. *Muối mặn* có tiếng vang thời ấy, không chỉ bởi tính thân phận, mà nó còn đá phá căn bệnh thành tích trong công tác Đảng. Lưu Quang Vũ chuyển thành kịch chèo *Muối mặn đời em*, giât giải Nhất liên hoan sân khấu năm ấy. Sau chuyện này, một tối bên nhau, Quốc nói: *Kinh thánh viết, chúng ta là muối của đất. Thọ có mỗi đồng cảm sâu sắc với người lao khổ. Ông cũng là muối của đất. Mình gọi ông là Thọ Muối, để phân biệt với ba nhà văn khác cũng tên là Thọ. Từ đó tôi có biệt danh trong làng văn là Thọ Muối.*

Cho tới hôm nay, sau biết bao thăng trầm của cuộc đời, tôi đã trở thành một cây bút văn xuôi có ít nhiều kinh nghiệm, nhất là ở truyện ngắn. Tôi vẫn giữ trong lòng sự biết ơn anh và nhà văn Ngô Ngọc Bội, ở năm tháng đầu chập chững ấy đã bồi dưỡng những kiến thức cơ bản của nghề viết nhọc nhằn và tinh tế. Trường hợp của tôi cũng y như anh ứng xử với Nguyễn Huy Thiệp, Phùng Gia Lộc, Nguyễn Việt Chiến v.v..., hay với cả bạn thân Thành Chương, hoặc thế hệ

trẻ sau này như Di Li. Với Nguyễn Huy Thiệp, anh là người đầu tiên phát hiện ra tố chất đặc biệt ở văn tài này. 1985, tôi đã in ba truyện ngắn, Quốc gọi, muốn tôi quen với anh Thiệp. Tôi đến. Quốc chỉ một người, tôi xin tài liệu về làm sách cho Bộ Giáo dục, đi dép nhựa, ăn mặc tuyền toàng, gầy gò, đen đui, "mắt hổ" to, cái nhìn thẳng, trân trọng nói: hai ông quen nhau đi. Đây là Nguyễn Huy Thiệp. Trước đổi mới, Thiệp in truyện đầu tay *Vết trượt* không có tiếng vang lắm, tiếp sau đổi mới anh đi *Những ngọn gió Hua Tát*, đặc biệt đến *Tướng về hưu*, thì trở thành hiện tượng chấn động văn đàn. Ngay từ tết ấy, Quốc đã nói với tôi: *Thiệp là một văn tài!* Cái nhìn đó trước cả *sự giết mình của Nguyễn Khải* phát biểu sau khi đọc *Tướng về hưu*. Bởi khi đó trong tay Quốc đã có *Tướng về hưu*, *Chạy đi sống đi* và dăm truyện ngắn mà Nguyễn Huy Thiệp đã viết trước đó khá lâu. Thực chất, Quốc chỉ là cán bộ trực văn xuôi dưới quyền Ngô Ngọc Bội, song tất cả các truyện của Nguyễn Huy Thiệp thời ấy in ở Văn nghệ đều do tay Bế Kiến Quốc trực tiếp biên tập rồi thông qua Ngô Ngọc Bội. Khi biên tập *Tướng về hưu*, Quốc đã cắt đi một câu, đoạn mô phỏng rất cận cảnh vài bộ phận của hải nhi trong chậu cá cho lợn. Điều này khiến Nguyễn Huy Thiệp giận. Quốc, tận tối năm 1996, khi tôi ở Đức về, Thiệp mới nói ra với tôi. Tôi bảo Thiệp, hai ông giận nhau làm tôi rất buồn. Song Thiệp không biết rằng, kể cả khi anh giận, Bế Kiến Quốc vẫn bảo vệ anh, phát biểu thẳng với Chủ tịch Hội: *Chúng ta còn nợ Nguyễn Huy Thiệp một giải thưởng*. - Khi năm ấy Hội Nhà văn không trao giải thưởng hàng năm cho tập truyện ngắn đầu tiên của Nguyễn Huy Thiệp.

Những ứng xử như thế, không chỉ dọi chiếu quá khứ, hàn gắn những hiểu lầm ở các nhà văn, mà nó còn có tác động tới sự sáng tạo của bạn nghệ thuật. Quốc chơi với Thành Chương rất thân. Thân tới độ Chương khi không tán thành Quốc điều gì, sẵn sàng mắng bạn rất gay gắt mà không lo Quốc giận. Nhưng sự đồng cảm về quan niệm thẩm mỹ ở Quốc với Chương cũng tạo nên nhưng cú hích rất mạnh ở sự nghiệp sáng tạo hội họa của họa sĩ Thành Chương. Điều đó cũng diễn ra với thi sĩ Nguyễn Việt Chiến. Quốc luôn là người chia sẻ gần nhất với Chiến, ở một giai đoạn thơ, tạo cho Chiến các cú hích ngôn ngữ trong con người *Tâm hồn thi sĩ thường trực Nguyễn Việt Chiến* (chữ Thành Chương).

Đây là con người Bế Kiến Quốc. Với văn chương phải công bằng, sòng phẳng và cũng ngang như một tình yêu! Tôi nhớ Tết cuối cùng với anh, khi bàn về phê bình, tôi nói, người làm phê bình khi dọi chiếu một tác phẩm nào đó, không chỉ là cái hay dở của tác phẩm ấy, mà phải đưa ra một khuynh hướng nghệ thuật mang chính Cái Tôi của tác giả. Đỗ Bạch Mai phản ứng tôi gay gắt. Tôi cứ đinh ninh Quốc về phía Mai, song sự thật trái lại, không nệ Mai là vợ, Quốc đã ủng hộ ý kiến tôi trong buổi tranh luận ấy.

Nói về đặc tính này, tôi phải nhắc lại việc in truyện ngắn *Vườn Maria* của tôi năm 1996. Số Tết năm ấy Quốc làm thư kí đã gần hoàn tất. *Vườn Maria* đưa muộn nên anh chưa kịp đọc. Truyện để trên bàn Quốc ở cái phòng nhỏ xíu. Bạn thân anh, nhà thơ Ngô Thế Oanh cầm lên đọc khen hay. Quốc đọc kể ngay và vui lắm, quyết định đi số Tết. Song lẽ Vườn Maria khá dài, hơn 4500 từ, báo lại chật đất rồi. Tiếc cái truyện hay của bạn, anh bảo tự tay tôi phải cắt đi 500 từ. Tôi không chịu. Thời gian lại cận,



anh cầu bảo: Ông đừng nghĩ một truyện in ở báo Tết làm nên một thương hiệu. Tôi nóng tính, cho là Quốc xúc phạm, bèn to tiếng: Tôi đ chơi với ông nữa! Thành Chương lập tức dẫn tôi về nhà anh cho tôi hạ hỏa. Khi ấy đã 1 giờ đêm, Chương khuyên: "Ông nên quay lại báo. Quốc nó yêu ông đấy. Ông giận, nói vậy, nó buồn lắm. Không bỏ nhau được đâu!" Tôi quay lại báo. Trong cái phòng nhỏ, Quốc ngồi chìm lặng trong mù mịt khói thuốc, khuôn mặt buồn rười rượi. Cái gạt tàn ú hụ tàn thuốc. Tôi ân hận quá! Nhao lại bạn và chúng tôi ôm xiết chặt nhau, đi qua nỗi sợ, chút xiú mất đi một người bạn tốt đều vì công việc chung cho tờ báo mà cả ba chúng tôi yêu mến. Ngoài cửa sổ đêm đông áp Tết năm ấy, Hà Nội cứ mưa lút xút và Chương tùm tùm cười...

Quốc cũng không bảo thủ, không tự huyễn hoặc cái danh hão của một thi sĩ có giải thưởng từ rất sớm hay người có trọng trách ở tờ báo văn lớn nhất nước. Chơi với Thành Chương, Chiến và tôi, Bế Kiến Quốc rất chịu khó lắng nghe khi tại tôi bàn về những bài thơ anh vừa viết. Đặc biệt anh quý tài Thành Chương nhất sắn rất tinh và sửa chữa ngay khi bạn nhật sắn trúng. Một lần đi Hòa Bình về, anh khoe viết bài tùy bút về *Thủy điện Hòa Bình*. Tôi đề nghị cho tôi biên tập lại. Anh đồng ý. Tôi không sửa một từ nào, vì ngôn ngữ ở bài ấy kĩ, chỉ thay đổi cách chấm phẩy, cố ý tạo ra tốc độ khác nhau ở từng đoạn, đòi hỏi cách chạy câu khác nhau, nhằm tạo ra không khí sôi động cần thiết từng cảnh chuyện. Quốc xem, đồng ý ngay. Anh không hề tự ái, lấy nể với bạn, dù khi đó Quốc đã ngồi ghế biên tập văn xuôi cả chục năm.

Quốc chính là người đôn đáo nhất khi tôi 10 năm bỏ bút, quay lại với văn chương. Anh chọn từng bài thơ, biên tập in ba tập thơ. Anh thẩm kĩ từng truyện ngắn mới nhất. Ngày anh nằm trên giường bệnh, mệt mỏi thở, vẫn đọc hết chùm bảy truyện ngắn tôi dự thi bên Văn nghệ Quân đội và dặn: Lần này Thọ nhất định có giải cao! Ông đã chuyển động sau thời gian nghỉ dài. Ông đang sung lực, phải viết nữa! Nhưng nhớ, nhận giải bên quân đội xong, phải tránh xa các nhà báo, thì ông sẽ viết ào ạt và hay nữa. Sau này, anh Đỗ Chu cũng ân tình dặn như vậy, khi tôi đoạt giải Nhì tiểu thuyết *Quyển*. Đây là cách các nhà văn dùng *màn mé* thành tích để viết nữa! Từ viện Việt - Xô ra thẳng sân bay đi Đức, tôi ôm Quốc. Nước mắt ứa ra! Đây là vòng ôm lần cuối cùng của hai đứa. Và nhờ vậy, sau khi nhận giải ở Văn nghệ Quân đội, từ Đức tôi liên tục

viết thêm gửi về Tạp chí Văn nghệ Quân đội và Văn nghệ v.v...

Không phải chỉ có tôi được ứng xử như vậy. Với bạn văn như Đặng Ất, sau khi tốt nghiệp Nguyễn Du, chưa xin được việc để kiếm sống. Quốc đôn đáo khắp nơi, tìm cho Ất một ghé ở báo Nội thương sinh nhai. Trường hợp nhà văn Phùng Gia Lộc đặc biệt hơn. Biên tập và đi trên Văn nghệ bút kí: *Cái đêm hôm ấy đêm gì*, chấn động lương tâm xã hội, Bế Kiến Quốc còn hết lòng cứu mang Lộc sau đó. Nhà cửa chật, hơn chục mét vuông với 4 mạng người. Tài chính eo hẹp, Mai sinh cháu thứ hai, vợ chồng anh vẫn đỡ bữa Phùng Gia Lộc, lại vận động chúng tôi ủng hộ Lộc qua hạn họa bấy giờ. Kể cả 1992, khi anh Lộc qua đời, gia cảnh khó khăn, Quốc lại là trung tâm là lãnh đùm là rách.

Những ân tình của con người Bế Kiến Quốc được anh lí giải giản đơn: "Thọ ạ, văn chương là con đường khổ nhọc. Mình xưa được các anh như Xuân Diệu, Huy Cận giúp đỡ rất nhiều. Nên mình cũng phải quan tâm tới các bạn viết!"

Con người Bế Kiến Quốc ở sinh hoạt đời khi tuấn toàng, có thể do hệ lụy của cả quá trình khó khăn bao cấp, mọi thứ tạm bợ. Song với nghệ thuật ngôn ngữ thì Quốc rất khó tính, diết đóng. Có thể chính vì thế mà ở thơ Quốc, nhất là ở tập thơ *Cuối rẽ đầu cành*, không chỉ có sự tài hoa ở chữ nghĩa, giời giang nắm vững mẹo luật, âm áp tính nhạc điệu, mà còn có cái sâu thẳm về văn hóa ở thi pháp, ít ai yêu nghề, say nghề, nghiêm túc với nghề có được.

Bế Kiến Quốc là con người trong sáng, sống rất có lí tưởng, mặc dù qua nhiều phong ba, anh vẫn luôn hy vọng về cái thiện, về cái tử tế của cuộc đời. Sự công bằng thẳng thắn của anh không từ ai cả, kể cả với lãnh đạo, với bạn thân. Có phải chăng vì thế với ba bốn đời Tổng biên tập báo Văn nghệ, anh luôn được chọn là người của công việc, song không ai cất nhắc một vị trí xứng với khả năng của anh! Hai mươi năm làm công tác ở báo Văn nghệ, rồi sang làm Tổng biên tập Người Hà Nội, anh để lại biết bao ân tình cho bạn văn. Tôi xin mượn lời Thi sĩ Hữu Thịnh, một thời trực tiếp là thủ trưởng của anh: *Bế Kiến Quốc là một con người trung thực, nhất quán, đòi hỏi rất cao ở mình và bạn bè, đồng nghiệp.* (trích Nguyễn Việt Chiến)

Mười năm tôi bên Đức, xa anh, cộng với mười năm Quốc đã đi xa...thế mà trong tôi chưa khi nào quên được người bạn văn luôn *hường cả đời, lẫn thơ về những vùng sáng của cuộc đời*. Thế hệ của chúng tôi, thi sĩ và người lính vẫn ngân nga

Chúng ta không thể không thuộc về đầu cả:

...Không chọn lựa, nhưng không chối bỏ

Mảnh đất nơi mình cất rốn chôn nhau...

Bấy giờ Quốc đi khá xa rồi. Anh ở nơi đâu? Tôi vẫn tin anh ở bên chúng tôi. Thi thoảng lên thăm mộ cha tôi ở Thanh Tú, tôi vẫn ghé bên anh và đốt một điếu thuốc đặt bên di ảnh người bạn thi sĩ có lọn tóc trắng xóa như những vẩn thơ bay theo tôi suốt cả những tháng năm li hương, như mây trắng ở thi đàn Việt Nam, bắt đầu: *Từ nguồn nào, sông cũng nặng phù sa*. Tôi cũng đặt bên mộ anh cuốn tiểu thuyết *Quyển* hay tập *Vàng Xưa* có công sức anh vun trồng, mà anh không được đọc và thẩm gọi: Quốc ơi... bạn tôi đi!...■

TRANG DÀNH CHO THIẾU NHI

EM BÉ VÀ BÔNG HỒNG

TRẦN HOÀI DƯƠNG (1943-2011)

N GÀY chủ nhật, mẹ dẫn con đi chơi vườn hoa. Sao vườn hoa đẹp thế mẹ nhỉ! Bao nhiêu là hoa. Con nhìn đâu cũng thấy những bông hoa đủ màu sắc. Mẹ ơi, mẹ trông kìa, trước mặt mẹ con ta là một bông hoa đỏ thắm. Sao lại có bông hoa đẹp thế hở mẹ? Con đoán rằng bông hoa mẹ kể cho con nghe trong câu chuyện cổ tích hôm nọ cũng chỉ đẹp như thế là cùng.

Giữa vòm lá um tùm, xanh mướt, còn ướt đẫm sương đêm, lấp lánh dưới ánh mặt trời buổi sớm, bông hoa dập dờn trước gió khi ẩn khi hiện. Màu hoa đỏ thắm, mùi hoa thơm mát dịu dịu, cánh hoa mịn màng, khum khum úp sát vào nhau như còn ngập ngừng chưa nở hết.

Lại gần, con mới biết đó là một bông hồng. Nghe mẹ nói, con biết thêm: đó là một bông hồng nhung.

Bông hoa toả hương thơm thoang thoang, khẽ rung rinh như mới mọc: "Lại đây cô bé, lại đây chơi với tôi đi!"

Con với tay định ngắt. Mẹ trông thấy liền chỉ về phía tấm biển màu xanh gần đấy, bảo con: "Lan kìa, đó con đánh vần được chữ gì để trên biển kia?" Con đánh vần đến nửa chừng, tự nhiên cảm thấy mặt nóng



Em bé bán diêm (dựa theo truyện của An-đéc-xen).

Tranh LÊ MINH HIẾU (8 Tuổi)

bùng và thôi không đọc to lên nữa. Con đoán ra rồi! Mẹ muốn bảo con đừng hái hoa phải không mẹ?

Mẹ nói thế nhưng con lại muốn ngắt quả

chúng. Con muốn gài bông hoa lên mái tóc hoặc giấu kín đi, đến khi gặp các bạn, con sẽ đem ra khoe với chúng. Chắc lúc ấy các bạn con sẽ sung sướng lắm. "Mẹ ơi, mẹ hãy giả

vờ quay đi chỗ khác một tí, chỉ một tí thôi, để cho con ngắt bông hoa đi mẹ!" – Con nhủ thầm như thế và nhân lúc mẹ không để ý, con đã quên lời mẹ khuyên, tự ý ngắt bông hoa đẹp kia. Con giấu kín bông hoa dưới một lùm cây. Đến gần trưa, các bạn con vui vẻ chạy lại. Con khoe với các bạn về bông hoa. Nghe con nói, bạn nào cũng náo nức muốn được xem ngay tức khắc. Con dẫn các bạn đến nơi bông hồng đang ngủ. Con vạch lá tìm bông hồng, còn các bạn đều chăm chú như nín thở chờ bông hồng thức dậy...

Nhưng lạ quá, bông hồng ban sáng xinh đẹp là thế mà nay lại héo, con vừa động đến, cánh đã rời ra, rơi lá tã, trông mới chán làm sao! Các bạn đều mở to mắt ngạc nhiên nhìn con và cho là con nói dối. Con biết trả lời ra sao?

Mẹ ơi, mẹ hãy nói với các bạn hộ con đi, vì chỉ có mẹ mới hiểu là con không có ý muốn lừa dối các bạn. Bây giờ thì con biết lỗi rồi. Mẹ ơi, mẹ đừng giận con lâu mẹ nhé! Từ nay con sẽ luôn nghe lời mẹ khuyên. Nếu con nghe lời mẹ ngay từ đầu, có phải bây giờ các bạn con, ai cũng được trông thấy bông hồng đỏ thắm ấy rồi không?■

BÀ NGOẠI

LÊ VÂN

B À Thu đi làm về, thấy mẹ ở quê ra, nói to:

- Ôi, Nam, Bắc đâu! Bà ngoại lên, mau ra đón bà! Giữa lúc ấy thì con rẽ đi làm về. Ông vào chào mẹ vợ, chuyện trò tíu tít, hỏi hết chuyện nọ đến chuyện kia. Từ ngày về làm về, ông đã thấy hoàn cảnh bên ngoại. Chồng đi bộ đội, hy sinh. Nhà chẳng còn ai ngoài một bà già với người con út tàn tật. Được cái vẫn còn vài sào vườn, xoay xở tạm đủ sống. Vợ chồng bàn nhau đưa cụ và đi lên Hà Nội để tiện chăm sóc nhưng cụ nhất quyết không.

Bà Thu nói:
- Kỳ này thì bà lên chơi với chúng con lâu lâu.
Chợt bà Thu hỏi con gái:
- Thế ở nhà đã nấu cơm rồi chứ? Có vo thêm gạo không đấy?

- Mẹ yên tâm đi. Vẫn thôi như mọi ngày, nhưng hôm nay con với anh Nam đã chén vài ngang dạ rồi, phải không anh?

Nghe em nói vậy, Nam lừ mắt nhìn lại. May bố mẹ không nói gì, còn bà lại dễ dãi:

- Quả ở quê mang lên, các cháu giành nhau ăn thế là bà mừng rồi. Các cháu biết không, sớm nay thấy bà ra vườn hái vài để mang lên Hà Nội làm quà, đi cũng tập tễnh theo ra làm nữa đấy!

- Người Hà Nội mê vài thiếu lắm bà ạ. Ai ăn cũng khen, ăn rồi lại muốn ăn nữa, chẳng bao giờ chán. Thế nào chúng cháu cũng về quê thăm bà và đi.

- Thôi đừng có nói tràng! Mấy lần cả nhà bàn chuyện về quê, lần nào anh mày cũng kêu bận. Nghỉ hè rồi, lên lớp 10 rồi thì có về không?

Bà theo con gái đi rửa mặt, khi ra thì cơm nước đã sẵn sàng. Ngoài những món ăn thường ngày, bữa nay lại có thêm một đĩa thịt lợn quay và bánh dày.

Bà Thu xới cơm, gạt phần trên, ngoáy xới cho mẹ một bát cơm trắng nõn rồi gấp một miếng thịt to đưa cho mẹ:

- Mẹ ăn đi. Thịt quay con mua ở Hàng Buồm, người mua tới tới. Còn bánh dày là bánh dày Quán Gánh, có tiếng đấy mẹ ạ.

Bà mẹ gấp miếng thịt đưa lên miệng nhưng nghĩ thế nào bà cụ lại bỏ vào bát của đứa cháu trai. Nam ngừng nhai, gấp trả vào bát bà:

- Thịt lợn quay ăn ròn lắm. Nhà cháu ở Hà Nội được chén luôn.

Bà cười móm mém, đặt bát cơm xuống:
- Trông đã biết là ngon rồi, nhưng răng bà yếu. Cứ kẹ bà, thích gì thì bà gắp.

Bà Thu nhìn chồng, nhìn con ăn ngon miệng mà chả biết nói gì! Lát sau bà bảo mẹ:

- Thế thì mẹ ăn cơm với canh đảm cá vậy. Con trầm này con mua ở chợ Đồng Xuân tươi lắm.

Bà cụ chan canh nhưng vẫn nhai trệu trạo. Thấy vậy, Nam nhanh nhẩu:

- Chắc là cơm hôm nay cái Bắc nấu khó quá, vậy bà ăn bánh đi.

Nói xong, Nam nhón một cặp bánh rồi kẹp vào giữa một

miếng chả. Chẳng ngờ bà vẫn lắc đầu:

- Món này thì ngon lắm nhưng bà chịu thôi. Bà mà nhai thì có khi nó lòi cả hàm ra thì khốn. Thôi, cả nhà cứ ăn đi, tôi chỉ làm miếng chả là xong.

Chao ôi! Cả Nam và Bắc bỗng cười suýt nữa thì sặc. Cơm gạo tám dẻo thế mà bà còn chẳng ăn được lại đòi ăn chả!

Tối hôm đó, cái Bắc đòi nằm ngủ với bà ngoại. Nói chính xác là nó được nằm giữa bà và mẹ và được nghe đủ chuyện giữa hai mẹ con đã lâu không có dịp gần gũi thế này. Sớm hôm sau ngủ dậy thì mẹ đã nấu xong nồi cháo cho cả nhà ăn lót dạ. Cái món cháo nấu với đỗ xanh này đâu có phải cao sang gì nhưng ai cũng thích. Mùa hè ăn mát ruột, bà ngoại húp chỉ một lúc cũng hết hai bát. Cũng dễ hiểu thôi, vì chiều qua bà cũng chỉ ăn qua loa vài miếng cháo. Cả nhà ăn xong, bà Thu thưa với mẹ:

- Quả là bữa qua chúng con có lỗi với mẹ, cơm nước chả ra làm sao. Con đã bảo nhà con tranh thủ về sớm mua thêm cái gì mẹ ưa.

Mới nghe nói thế, bà cụ lại gật phất:
- Thôi, đừng có vè! Mua thứ gì mà bọn trẻ nó thích. Còn tôi thì chốc nữa đã ra tàu rồi.

Bà Thu ngạc nhiên:
- Ô, sao mẹ lại thế? Không ra thì thôi, chứ đã ra thì cũng ở chơi với chúng con vài ngày, về quê lúc này thì có việc gì?

- Ôi dào, công việc đồng áng thì mẹ với đi có sức đâu mà làm. Chỉ có vài sào vườn tạp với chân nuôi mấy con gà, con vịt, thế mà vẫn phải bận bịu suốt ngày. Mẹ không về, nó ở nhà một mình lại mong. Đến giờ đi làm thì hai con cứ đi, mẹ ở nhà chơi với các cháu, khoảng chín giờ là ra ga chứ có sao đâu.

Nam đang hy hoáy làm gì đó ở ngoài chạy vào:
- Mẹ cứ yên tâm đi, chốc nữa con sẽ đưa bà ra ga. Thế nào con cũng về quê thăm bà một chuyến.

Chiếc xe taxi hiệu Daewoo còn mới toanh màu xanh lá me lao bon bon trên quốc lộ 5 tới huyện lỵ Thanh Hà rồi rẽ vào làng. Đến trước ngôi nhà đại khoa, rêu phong, bác tài bóp cò toe toe. Di út, miệng đang "pặc, pặc", tay vãi thóc cho lũ gà ăn, giật mình kêu to:

- Trời ơi, bác Thu, à mà cả nhà trên Hà Nội về chơi!
- Mẹ đâu em?

Bà Thu bước nhanh đến:
- Mẹ! Mẹ! Mẹ mệt hay sao?
Bà cụ vội gượng dậy vẫn lại tóc.

- Mẹ hơi mệt nhưng giờ thì đỡ rồi.
Chợt nghe có tiếng gà kêu quang quác ngoài sân.
- Bắt con mái ghẹ hay con sống thiên ấy!

Bà Thu bảo:
- Thôi, đừng mẹ ạ. Gà vịt... vẫn đang còn dịch, mẹ đừng bày vẽ làm gì.

Có tiếng cười của di út vọng vào. Bà ngoại bảo di:

- Thế con ra ao xem có kiếm được con cá nào...
Mới nghe nói vậy, mặc dù chưa hiểu mô tê, Nam đã háng hái:

- Di cho cháu đi với!

Để bố và mẹ chuyện trò với bà ngoại, Nam theo đi ra vườn đằng sau nhà. Ở một góc ao, nghe có tiếng nước chảy. Trận mưa đêm qua, nước trong vườn chảy dồn xuống rãnh. Bà và di đào một cái hố, be bờ, đặt một cái ống để nước chảy qua xuống ao. Thế là những chú rô tưởng phía trên có nhiều nước thì nhau nhảy lên. Và thế là rơi tòm ngay xuống hố cạn.

Anh chàng quen sống ở thị thành chỉ cần nghe di út giải thích đôi câu đã hiểu ra:

- Ôi, bà và di tài quá! Chỉ nhàn hạ mà kiếm được cái ăn, chẳng phải đi chợ. Ở nhà, cháu chỉ thích món canh cá rô nấu với rau cải.

Vừa lúc ấy thì bà từ trong nhà đi ra.

- Thế nào, có con nào không? – Nhìn vào cái rô di đang cầm – Chỉ có ba con à? Nhưng thôi, cũng được. Ba chú rô nhưng con nào con ấy đều to xụ. Thôi hai di cháu mang cả về đi kéo nạng, còn bà ra ngoài đồng xem.

Nhưng Nam không muốn vào với di mà đi theo bà.

Cánh đồng ở ngay sát bụi tre nhà. Lúa mùa đang thì con gái lên xanh tốt. Bà đến một cái hố nước dưới bóng tre bảo cháu:

- Về bảo di mang rô à thau ra đây!

Nam trở mắt ngạc nhiên:
- Rô với thau làm gì hở bà?

- Đùng là công tử bột thành phố! Ngoài kia nắng chang chang, nước nóng dữ, cá nhất định dồn vào cái hố bà đào sẵn dưới bóng tre này!

Nam chưa hiểu gì nhưng nghe bà, cứ vục thau xuống tát lấy tát để.

- Cháu tát thế thì cá thoát đi hết.

"Công tử" làm theo lời bà, càng về sau càng thận trọng. Cuối cùng hố nước cạn đến đáy, lộ ra một đám rô hạt mít.

- Cá này thì ăn gì được hở bà?

- Ăn tốt, cá rô ròn rần ròn, ăn cả con...

Thật không ngờ cả nhà quây quần ăn một bữa cơm ngon chưa từng thấy! Người ta thường bảo: đến vua mà nhìn cho đến đôi là ra thì cho ăn mắm đã cũng thấy ngon, huống chi đây là thứ gạo trắng mới giã, nấu chín tới ăn với canh cá rô rau cải, điểm một chút gừng và một vài giọt cà cuống thơm nức mũi. Cơm với canh đều do bà và di nấu dẻo thơm từng hạt. Món cá rô rần ròn cũng chính tay bà làm nhưng lại không thấy bà ở ề tới.

Mãi đến tối mịt, mọi người mới về tới Hà Nội. Ai nấy đều mệt nhọc nhưng lòng rất vui. Xe vừa kịp đỗ thì trong nhà có tiếng chuông điện thoại đổ hồi. Bà Thu chạy vào chộp lấy ống nghe:

- Di út đấy à?

- Mẹ mệt suốt từ lúc anh chị và các cháu về đến giờ, mẹ cứ nằm mê mê, sốt li bì...

- Di bảo mẹ làm sao, làm sao?

- Me... - Di muốn nói một câu gì nhưng không nói được, chỉ khóc nức lên.

Như một tiếng sét đánh. Cả nhà kinh hoàng, nhưng rồi mọi người đã linh cảm nhận ra tất cả, nhất là Nam.■

HOÀI KHÁNH

Hoa Xuyên Chi

Chẳng đánh phấn, thoa kem
Hồn nhiên cười vời nắng
Mặt trời ngó xuống xem
Tưởng nhăm đàn bướm trắng.

Sống một đời ngay thẳng
Mặc gió giáp mưa vui
Cánh mỏng manh thắm lặng
Vẫn vươn cao lên trời.

Không màu mè rực rỡ
Hoa trắng trắng nhu mì
Bạn nào ngang qua đó
Cũng bần thần bước đi.

THÁI VĨNH LINH

Bóng cây

Hòn đảo không có cây
Trắng một màu đất, cát
Cầm súng gác đêm ngày
Bố là cây bóng mát.

Mênh mông bên bờ biển
Trời xanh không gợn mây
Giữa trưa hè đổ bóng
Mẹ cũng là bóng cây...

THANH THÂN

Hạ Long núi tắm

Kìa hàng nghìn ngọn núi
Ùa cả xuống biển khơi
Cùng nhau vui tắm mát
Giữa mênh mông biển trời.

Chột vót đỉnh núi cao
Vất ngang làn mây trắng
Núi xuống biển vui sao
Cũng quàng theo khăn tắm?

Biển xô từng đợt sóng
Lung linh bóng mây trời
Dâng núi nhào ra biển
Lại như cùng thi bơi...

NGUYỄN CÔNG DƯƠNG

Chị kiểng

Chị kiểng có ba chân
Mà vững vàng đến thế
Bác ghế những bốn chân
Cớ sao mà lại đổ?

PHẠM ĐÔNG HƯNG

Nàng tiên

Than đen, da trắng
Nắng vàng biển xanh
Con gái thợ mỏ
Nàng tiên tắm trăng.

PHẠM MINH DŨNG

Trạng Việt

Mười ngón tay nhúng mực
Nghệch ngoạc vẽ bầy Rồng
Trạng Quỳnh giành giải Nhất
Sử thần ứng xử nhanh.

Quan "thiên triều" ăm ừc
Nhưng cũng đành cần rằng
Phục tâu người nước Việt
Mưu lược giỏi hơn thần.

Dấu gươm kẻ sát cổ
Dấu kiếm di thùng lưng
Sử Quỳnh nào có sợ
Thế thái cử ung dung.

Biên cương ngàn vó ngựa
Đã lẫm lẫm lui binh
Khi sử Việt thì giỏi
Thắng hết cả mọi lần...

Trạng Quỳnh ơi! Cháu hỏi
Nghệch ngoạc cũng hoá Rồng
Phải ông đã nghĩ tới
Non nước mình Thăng Long?

HÀ NỘI TRONG TRÁI TIM TÔI

MAI ANH THƯ

(Lớp 11D3, Trường PTTH Chu Văn An, Hà Nội)

HÀ NỘI nào nhiệt và ồn ào... Hà Nội cổ kính, trầm lặng ẩn giấu suy tư... Nhưng dường như với một ai đó, mảnh đất ngàn năm ấy đâu chỉ đơn thuần có vậy?...

Hà Nội với Trịnh Công Sơn "thơm từng con phố" mỗi độ thu về; Hà Nội với Trương Quý Hải lại là "Quán cóc liêu xiêu một câu thơ". Còn Hà Nội, với nó, chỉ giản đơn là nơi nó sinh ra, là nơi nó lớn lên... Mảnh đất yêu dấu ấy là nơi chan chứa biết bao kỷ niệm của thời thơ ấu, là nơi ra rả tiếng ve kêu suốt đêm hè, là nơi vàng vang tiếng bánh mì rao mỗi sáng mùa đông...

Hà Nội vào hè bằng cách rất riêng của mình. Hà Nội rực rỡ trong sắc đỏ của những cánh phượng vĩ, Hà Nội mộng mơ trong màu tím của những cánh bằng lăng, Hà Nội dịu êm trong màu xanh muốt của những tán cây ven đường... Đêm mùa hè đầy sao. Trong ánh đèn

đêm, hoa phượng không còn đỏ rực, chói gắt mà trở nên dịu dàng, thảnh thơi hơn. Hình như phượng vĩ cũng buồn bã khi phải chia tay với những cô cậu học trò nhỏ. Tiếng ve râm ran trong vòm cây trên cao. Lá sấu rụng, từng chiếc chao nghiêng trong gió. Gió cũng chỉ hây hây, nhẹ nhàng như thấm thì, như dỗ dành người đi đường.

Thu sang không còn cái nóng ngọt ngào của mùa hè. Đi dạo trên các phố Nguyễn Du, Quán Sứ, ta sẽ không thể quên được hương hoa sữa nồng nàn như chính nét dịu dàng, thanh tao của người Hà Nội. Hương hoa sữa ngập tràn không gian, hương thơm ấy làm cho con người ta muốn được dừng lại, muốn dành một giây phút thanh thoi hiếm có mà thỏa sức lười biếng, mà trẻ nài để hít cho kỹ được cái hương vị kia. Hương thơm ấy làm cho lòng người cảm thấy bình yên. Nó như cơn gió thu dịu nhẹ thổi những kỷ ức xưa

ùa về, nguyên vẹn, lấp đầy khoảng trống vắng... Mùa thu khiến cho người ta say mê vì vẻ đẹp lạ lùng. Ngày thu lao xao nắng, đêm thu lao xao gió. Có ai lại không xao xuyến trước ánh nắng vàng óng ả hoà với những cơn gió mát lành. Ai từng biết mùa thu Hà Nội, sao có thể quên hương cốm làng Vòng, dịu dàng, phảng phất hương vị ngàn hoa cổ... Mùa thu lá vàng, xào xạc rơi khắp các con phố. Có người bảo mỗi chiếc lá rơi mang theo một điều ước. Tuy vu vơ thật đấy, nhưng mà thích! Nhặt một chiếc lá rơi, nắm chặt nó trong lòng bàn tay, rồi mộng mơ, rồi ước, rồi lại thả cho chiếc lá ấy bay đi... Buổi sáng mùa thu mang một cảm giác bình yên đến lạ kỳ. Bình yên là khi thấy cô bé bán chong chóng nhỏ lúc nào cũng mỉm cười hạnh phúc; bình yên khi thấy một bà cụ móm mém vẫn đều đặn vẩy tay chào cô bé ấy mỗi khi chiếu tàn; bình yên là khi thấy ông già cần mẫn, ngày ngày đẩy xe lăn cho đứa cháu đi khắp công viên... Và bình yên là khi trong lòng ta cảm thấy nhẹ nhõm, cảm thấy hạnh phúc và yêu đời biết mấy.

Khi những cơn gió cuối thu bắt đầu trở nên se lạnh, ta biết mùa đông đang đến thật gần. Hà Nội trầm lặng, suy tư, gợi nhớ về ngàn năm văn hiến. Mùa đông Hà Nội lạnh, lạnh đến tê buốt chân tay, lạnh đến mức thở cả ra khói. Ấy vậy mà nó vẫn thích ra đường để cho những cơn gió lạnh quất vào mặt, tấp vào người... bởi dường như khi ấy, nó mới có cái cảm giác gì đó rất riêng của mùa đông Hà Nội. Mùa đông Hà Nội là vậy, không ồn ào như mùa hè, không man mác như mùa thu, mà cũng chẳng ướt át như mùa xuân. Mùa đông đến mang theo cái nắng hanh hao, mang theo cái rét đến tê tái, mang theo chút mưa muộn màng, hiếm hoi. Cái lạnh của mùa đông làm cho người ta muốn sà vào một quán

ven đường mà xuýt xoa, mà hít hà cái thơm thơm, nóng nóng của bắp ngô nếp nướng, của ấm trà xanh... Mùa đông tới cũng làm ta thoáng buồn. Buồn vì một năm sắp trôi đi, buồn vì chợt nhận ra sao thời gian đi nhanh tới vậy...? Mọi người thường hỏi sao nó thích mùa đông? Ừ thì thích thật đấy! Nhưng nó thích nào có phải vì được nằm nhiều hơn trong chiếc chăn bông ấm áp, cũng nào phải vì được bố đón đưa đi học cả ngày... Nó thích mùa đông, đơn giản chỉ bởi đông về có áo mẹ đan, thân thuộc mà sao ấm áp đến lạ kỳ... Chiếc áo mẹ đan sưởi ấm con bằng chính tình yêu của mẹ. Chiếc áo ấy sẽ theo con mãi mãi, sẽ theo con với kỷ niệm của những mùa đông ấm áp, và che chắn cho con trước cái giá buốt của cuộc đời...

Đông qua xuân tới. Những cơn mưa bụi bay lất phất như gửi ngàn chiếc hôn âu yếm đến những nụ đào còn e ấp. Các dãy phố bừng lên một màu xanh biếc của chồi non trong nắng xuân ấm áp. Hơi thở mùa xuân mang không khí tết tràn ngập phố phường, tràn ngập không gian... Đó là mùa xuân với cánh én dập dềnh, là mùa xuân với những cô bé, cậu bé hớn hớn đi chơi Tết, là mùa xuân với "Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ, cây nêu tràng pháo bánh trưng xanh"...

Nhưng nếu mùa xuân chỉ có bấy nhiêu thôi thì không còn là mùa xuân Hà Nội nữa. Mùa xuân Hà Nội đẹp nhất, thơ mộng nhất là khi tháng ba tới, từng cây hoa sữa trắng muốt nằm len lỏi giữa những con phố tấp nập. Nhìn từng chùm hoa sữa rung rinh trong gió, bất chợt... một cánh hoa rơi, lòng ta ngẩn ngơ một chữ "buồn".

...Thấp thoáng hình ảnh một cô bé đạp xe lang thang trên phố khẽ hát vu vơ. Vươn vai một cái, hít căng lồng ngực, cô bé ấy mỉm cười rồi chợt nhận ra "Sao nó yêu Hà Nội nhiều đến thế?".



Chủ linh chỉ dừng cảm (dựa theo truyện của An-đec-xen). Tranh của TRƯƠNG HỒNG KHÁNH (11 tuổi).

ĐẶNG THỊ THANH HƯƠNG

Bài ca chim yến

Những cánh chim Thuy Yến đã bay về
Ngôi nhà em chiếu nay tràn tiếng hát
Hoa đang héo cửa mình bật dậy
Những thân cây khô bỗng chốc lại đâm chồi...
Thế là trắng sáng, thế là sao rơi
Em ngỡ như đang bay trên con tàu về miền mơ ước
Hạnh phúc quá giản đơn sao em nào biết được
Ngày có anh em đâu biết mình giàu
Nếu biết không anh em sẽ trắng tay
Em chẳng bao giờ ngốc nữa
Ta sẽ nâng niu ngày bình yên đang có
Em sẽ chắt trái tim em thành bài hát cho người
Anh !
Em chưa biết ngày mai bấy Yến có vận mình làm tổ nữa
hay thôi?

Dù hôm nay vườn nhà em đầy tiếng hót
Dù hôm nay hoa thơm và trái ngọt
Đủ ru bấy chim kia đừng vội vã quay về
Xin những con chim đang hót trong vườn kia
Đừng bỏ em về phương Nam nơi nắng vàng ngự trị...
Rồi anh có đời đi?
Để quay về nơi không em đầy ấp vông tay
Em đã mượn vay người đàn bà khác đêm nay
Ru tình mình bằng bài ca chim yến
Tình yêu em chắt thành huyết yến!

ĐOÀN THỊ KÝ

Xuân Mùng Nhé

Không một bếp mà trăm ngàn bếp
Củi chụm vào, vòng xoắn Thái miến man
Khên Mông ẩm, sáo Hà Nhi réo rất...
Mùa xuân lên sẵn dây đàn,

Khẽ chạm hơi thở người khẽ chạm
Vang ngân muôn nhịp sống giao hòa,
Trắng hoa ban, vàng hoa núc nác
Theo dòng Nậm Nhé đi xa.

Tiếng gà gáy ngả ba biên giới
Chiến sỹ biên phòng gửi thông điệp bình yên,
Trên ve áo ánh sao mai lưu luyến
Tôi sống sờ sờ ngôi sao mình rất quen.

PHAN THỊ THANH NHÀN

Động Hoa Lư

Quê anh miền núi cũ
Hơn một ngàn năm xưa
Vua Đinh ta dựng nước
Ngân hoa lau phất cờ

Động Hoa Lư còn đó
Đỉnh Mã Yên còn đây
Nơi vua Đinh yên ngủ
Ái thấp mà hương bay...

Lòng em sao bối rối
Trước cảnh cũ bình yên
Đường Văn Nga xinh đẹp
Nhìn em cười trang nghiêm

Về đây không thể dời
Về đây không thể đùa
Trước thiêng liêng sông nước
Lòng ai như say mơ

Chiều Hoa Lư yên ả
Khói xanh mờ núi xa
Một lần thăm đất cũ
Lòng bất ngờ thiết tha.

HOÀNG VIỆT HẰNG

Khên

Ngập ngừng trước bờ rào đá
bỗng nhiên ta rất nhớ nhà
thấy trời vào người khên lá
lời tỏ tình- hơi thở rất đơn côi
có người con gái tuổi trắng rằm
đã đợi con cùng hoa mận trắng
núi đá cũng cong theo vắng trắng
tiếng khên lá mà ngực ta nặng
có những mối tình trăm năm
không chung sống trong nhà đất tho
nhưng ngọn lửa tình thì luôn ủ tro
khên lá hòa theo gió đông day dứt
mối tình cầm mà hoa văn đá ười
dọc ngang ở Lũng Cầm Trên
có những tượng đài khác biệt
chỉ đơn phương yêu anh
mời nghe nổi tiếng khên.

P.N.THƯỜNG ĐOAN

Rồi như gió vu vơ

Bất chợt nhớ anh
như mùa đông nhớ nắng
như mùa xuân nhớ tiếng chim hót khuyến

bất chợt nhớ anh trong đêm biển lạnh
trắng vỗ vụn giữa cồn đá mênh mang
nhớ anh đêm ồm đàn ngói hát
tiếng đàn rơi từ trái tim khắc khoải
tiếng đàn đau kỷ niệm tưởng người
tiếng đàn ồm gột chân xa khuất
biển đêm loang ánh bạc
ngân sông xô thấm thì
em lặng lẽ nhất từng tiếng gió
đêm lặng lẽ cuộn tròn nhớ nhung
trần mảnh sò vỡ
giấu dưới cát cái sao lòng hụt hẫng
thời
có yêu cũng chỉ ngần này
như cơn gió rong chơi
một lần qua thêm nát
rồi cũng sẽ quên
đôi tay em vụng về luôn không giữ được
những vì sao băng ngang đời mình.

NGUYỆT VŨ

Đời không hò hẹn

Lâu lắm rồi đời không hò hẹn
Ta chợt quên thấp thỏm, đợi chờ
Tìm chợt quên ngày xao động
Mỏi chợt quên màu hoàng hôn

Lâu lắm rồi lòng dạ chẳng rối tung
bình thân gỗ tờ vỏ ngày cũ
đêm màu cà phê
không ngủ
không buồn.

Lá vương
Gợn màu xanh những con đường nhỏ
Liu liu nói cười, dịu mềm hơi thở
Thế gian này ai hò hẹn cùng ai?

Câu hỏi mỗi ban mai
Ta còn sống sao cổ cây chợt khóc?
kim đồng hồ tích tắc
đôi lặng cảm nghe lá nghiêng xoay



NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

Đồng chiếu

Cánh cô khoát nắng thàng sáu
Rẽ bão thàng bảy
Cho con trở về những ngày còn mẹ

Con gặp lại con
Tung tăng thơ bé
Thênh thang chân sáo chạy mỗi đồng chiếu
Mẹ khỏa sóng lúa
Lúa vờn gió reo
Ủ òa trước con một mùa cốm mới
Thàng mười rồi rọi
Trong ánh mắt mẹ cười
Trong con non tươi ngọt hương cổ mặt

Bây giờ
Vẫn ruộng thấp ruộng cao
Con nghiêng hết màu xanh vào nỗi nhớ

Đồng chiếu
Lặng giò
Sao mẹ chẳng về.

NGUYỄN THỊ MAI

Đêm qua phà sông Hậu

Quá giang còn một chuyến phà
Đã tàu về trễ lại xa lộ trình
Lại mưa khuya bất thình lình
Lại đêm mất điện, lại mình... guốc rơi
Chân không gót lạnh mưa trời
Tự nhiên lại ước gặp người Bạc Liêu
Mỹ nhân nghiêng nước Ninh Kiều
Người không tiếc bạc mà chiếu hồng nhan
Hò thầu tát cạn Hậu Giang
Mơ được guốc, giúp em sang Cái Vồn
Mộng mơ cho nhẹ cõi hồn
Để qua nước thăm, sông cồn mà đi.

LÊ THANH MY

Ngày xa biển

Biển của em đâu?
Người đi rồi, ngoài kia thăm sâu
Bọt nước loang màu cổ ủa
Trăng đêm ghen ngào...
Từ anh, khát núi lưng trời
Xuôi ngược như phong ba đời đời
Từ em, quấn quanh sương khói
Thả buồn trôi mông mênh sông Ba
Một ngày biển xa
Niệm khúc ẫn vào cổ hoa trầm mặc
Đôi tay gầy áp vào từng viên gạch rêu phong sấm uất
Núi lạnh, tứ khí ta mất nhau.

DỪNG từ "bắt mạch" trong trường hợp này có vẻ hơi vô đoán và quá tự tin chăng? Cũng có thể, nhưng tác giả bài này vẫn "ngao cổ" sử dụng từ đó vì cho rằng nó đặc ý hơn cả sau mọi sự cân nhắc, chọn lựa.

Trong cuộc đời làm phim của một đạo diễn điện ảnh, chỉ cần được một vài phim thành công, gây ấn tượng cho người xem, được công chúng tâm đắc, ghi nhận đã là quý lắm rồi; đằng này Đặng Nhật Minh ra phim nào là ngay lập tức trở thành hiện tượng điện ảnh cả nước. Phim truyện đầu tay của ông gây được ấn tượng mạnh: *Thị xã trong tầm tay* (1982), giải Bông sen vàng liên hoan phim Việt Nam lần thứ VI; *Bao giờ cho đến tháng mười* (1984), giải Bông sen vàng liên hoan phim Việt Nam lần thứ VII; *Cô gái trên sông* (1987), giải Bông sen bạc liên hoan phim Việt Nam lần thứ VIII; *Thương nhớ đồng quê* (1996), Bông sen vàng giải đạo diễn xuất sắc liên hoan phim Việt Nam lần thứ XI; *Mùa đi* (2000), giải Bông sen vàng liên hoan phim Việt Nam lần thứ XIII; và gần đây nhất là phim *Đừng đốt* được giải cao ở trong nước và quốc tế. Năm 2010, Đặng Nhật Minh được Viện hàn lâm Khoa học và Nghệ thuật điện ảnh Mỹ (AMPAS) tôn vinh vì những cống hiến với điện ảnh Việt

cùng nhân vật. Tác giả kịch bản, đạo diễn "đi guốc trong ốc" người xem, tấn công cân não họ bằng lời thoại, hình ảnh, âm thanh, tình tiết... làm họ rung lên cảm xúc, gây một ấn tượng mạnh mẽ về thông điệp mình kín đáo gửi gắm. Đó là sự "đánh lừa đáng yêu". Đặng Nhật Minh đã chinh phục được khán giả, kéo họ về với phim nội.

Con người thích tỉ tê tâm sự hơn là nghe diễn thuyết. Vì mục đích chính trị, nhà nước bỏ tiền đầu tư làm một phim gì đó theo chủ đề đặt trước là đúng. Nhưng xuất phát từ đó, coi là một cái tứ để tìm cách minh họa bằng nhân vật này nhân vật kia thì thành mô phỏng, phó diễn sơ lược. Người xem không thích toàn cảnh đám đông, họ thích đặc tả. Nói nhỏ thì nghe, nói to thì bịt tai lại. Thuốc đắng phải bọc đường, lộ ý đồ thì thông điệp hay mấy cũng dễ ngoài tai. Dụ người xem bằng những cái nhỏ nhất nhất, để rồi sau khi xem phim người ta tự ngộ ra vấn đề lớn thì thành công. Đặng Nhật Minh đi theo hướng này và đã lay động được hàng triệu con tim. Không chạy theo thị hiếu tầm thường làm phim thương mại mà vẫn cứ hấp dẫn.

"Âm mưu" của người gửi thông điệp phải bắt đầu từ kịch bản. Đặng Nhật Minh tự viết kịch bản cho mình là một yếu tố thành công. Kịch bản phải hay đã. Kịch bản không hay

thời gian mà là những bước đi sâu hơn vào nội tâm với thủ pháp đồng hiện điều luyện. Ý tưởng nghệ thuật được gói ghém rất kỹ trong *Mùa đi*, bao nhiêu bí kịch suy cho cùng là pháp luật không rõ ràng hoặc không được tôn trọng.

Tuy không trong quân ngũ, song Đặng Nhật Minh lớn lên và làm việc trong chiến tranh. Cảm xúc về chiến tranh của ông không phải là khái niệm, và sự hy sinh của người thân cũng là sự hy sinh của mình. Chính tư tay viết kịch bản và đạo diễn luôn đã giúp ông chuyển tải hết cảm xúc sáng tạo. Phim chiến tranh của ông không đơn thuần miêu tả trận chiến. Ông bắt đầu từ số phận con người trong chiến tranh và đặc biệt nhạy cảm với sự mất mát, ẩn ức của họ. Cuộc chiến như hoàn cảnh để bộc lộ ý đồ tác giả, và sự kiện là cơ để tạo ra nét nhân tâm trạng, qua đó tính cách nhân vật thể hiện. Để ý sẽ thấy, ông có thể thiếu chi tiết không quan trọng, chứ không bao giờ thừa chi tiết hoặc lời thoại vu vơ. Điều này nâng nghệ thuật lên đẳng cấp hàn lâm. Lòng vị tha bao trùm, ứ tràn trong tất cả các phim của ông, không sót ở phim nào. Số phận nhân vật gắn chặt với số phận đất nước. Cái buồn vui của Đặng Nhật Minh là cái buồn vui của hoàn cảnh lịch sử nên người xem rất thích, ai đã trải nghiệm đều thấy như được nhắc lại kỷ niệm một thời

“BẮT MẠCH” ĐẠO DIỄN ĐIỆN ẢNH ĐẶNG NHẬT MINH

CHU BÁ NAM

Nam! Liên tục đoạt giải cao không phải các ban giám khảo nể ông - Tổng thư ký Hội Điện ảnh Việt Nam 10 năm liền (1989 - 2000); nghệ sĩ nhân dân; giải thưởng Hồ Chí Minh...; hay cảm tình với một nghệ sĩ đẹp trai, dôn hậu, có nếp sống chuẩn mực, tài cao mà hiếm tât này.

Trả lời phỏng vấn của phóng viên báo chí, truyền hình ông hay nhấn mạnh hai chữ "may mắn", song tôi nghĩ cái may này đâu phải hù họa vớ được, mà là sự nảy mầm kết trái của những hạt giống tốt giữa thời tiết mưa thuận gió hòa.

Ông thừa hưởng đức tính vị tha của các đấng sinh thành. Tôi không được biết về thân mẫu ông vì bà mất từ những năm kháng chiến chống Pháp ở chiến khu Việt Bắc. Nhưng, một người giàu sang, quyền quý lận lợi cùng chống đi làm cách mạng thì ắt phải có những hy sinh không thể kể vại dòng. Còn thân phụ ông, giáo sư bác sĩ Đặng Văn Ngữ, xung phong ra tiền tuyến trong kháng chiến chống Mỹ và hy sinh ngoài mặt trận, đã trở thành danh nhân thì mọi người đều biết. Nói đến giáo sư Đặng Văn Ngữ, thầy trò trường Đại học Y Dược Hà Nội đều dành cho ông những lời cảm động. Tôi vinh dự được học ông hai tiết nhập môn Kỹ sinh trùng. Hưởng ứng lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Cụ Hồ, Đặng Văn Ngữ rời Nhật Bản về nước mang theo giống nấm penicilin mà ông phân lập được và cả cái kính hiển vi cho con Đặng Nhật Minh chơi, nhen nhóm lòng say mê, hướng con vào khoa học. Nhưng người tính không bằng trời tính, Đặng Nhật Minh lại đi Liên Xô học tiếng Nga và trở thành phiên dịch.

Sau kháng chiến chống Pháp, hòa bình lập lại ở miền Bắc, Đặng Nhật Minh làm phiên dịch cho chuyên gia điện ảnh Liên Xô, lúc ấy mới 19 tuổi, đi quay phim cùng các đạo diễn nổi tiếng, dịch tài liệu và lời thoại phim Liên Xô. Về sau ông được bồi dưỡng tiếng Pháp, tiếng Anh. Vốn ngoại ngữ đã cho phép ông mở rộng quan hệ với những đạo diễn nổi tiếng trên thế giới. Ở xưởng phim truyện Việt Nam, ông trực tiếp đóng phim và làm phó đạo diễn rồi làm đạo diễn. Ông nhận mình tự học, thực ra là tự học có bài bản.

Một thời gian dài và ngay cả bây giờ công chúng Việt Nam vẫn quan tâm, dành cảm tình cho phim ngoại nhiều hơn. Họ say mê theo dõi những cuộc tình éo le trong phim Hàn Quốc, hồi hộp xem xung đột, bạo lực ở phim Mỹ để giải trí bằng cảm giác mạnh. Phải chăng họ thờ ơ với những vấn đề xã hội, nhân bản? Người xem không có lỗi, chính người làm phim phải nhìn lại mình. Đặng Nhật Minh hiểu người xem. Một trận động đất ở đâu đó làm chết hàng ngàn sinh mạng chưa chắc gây xúc động bằng một người tốt bị hiểu lầm, bạc đãi, thậm chí một cô gái đẹp nhân nhò vì một cái răng đau. Nói chung một tác phẩm nghệ thuật không đi sâu được vào ngõ ngách tâm hồn người thường thức là thất bại. Cứ cho rằng người xem là vô cảm, rất khó rung động, cuộc sống mưu sinh thường nhật khiến họ lơ lửng rồi. Đặng Nhật Minh coi đó là một thách thức. Tôi buộc anh phải quan tâm, bắt anh phải theo dõi rồi sống cùng nhân vật, buồn vui



Đạo diễn Đặng Nhật Minh

thì đạo diễn, diễn viên giỏi mấy cũng chịu. Bài hát dở ca sĩ không thể hiện được tài năng. Người ta nói Đặng Nhật Minh khéo chọn diễn viên, dù chưa đóng phim bao giờ, sau khi cộng tác với ông trở thành nổi tiếng. Điều này rất đúng. Không phủ nhận vai trò đạo diễn và tài năng bẩm sinh của diễn viên, nhưng ở đây tôi muốn nhấn mạnh chất lượng kịch bản. Có những tình tiết, chi tiết, hình ảnh đắt, lời thoại tự nhiên sâu sắc rồi mới nói đến tài năng diễn xuất. Lời thoại chưa tới, chưa làm người ta khóc được mà bắt diễn viên phải khóc thì hóa ra giả dối. Đặng Nhật Minh là nhà văn khi ông viết kịch bản. Ông thường tự chuyển thể những truyện ngắn của mình đã được đăng trên báo Văn nghệ thành kịch bản phim. Nắm vững tâm lý nhân vật trong từng cảnh trạng nên lời thoại rất trúng, không thừa, thường ngắn và sâu sắc. Đằng sau lời thoại ta thấy nhân vật nghĩ gì. Ông thương yêu, chăm chút nhân vật của mình. Dẫn dắt nhân vật qua những trạng huống khác nhau, mỗi trạng huống người xem lại dần thêm một bước sâu hơn vào nội tâm nhân vật, để rồi nhìn cái gì cũng bằng con mắt của nhân vật. Sau bao dồn nén chất chứa hi sinh lặng thầm, ta cùng cô Duyên (*Bao giờ cho đến tháng mười*) bật khóc khi nhìn lá cờ đỏ sao vàng bay trên sân trường trong ngày khai giảng. Đến đây kết được rồi, người xem lặng đi, mừng cho tác giả! Vẫn trong phim đó, Duyên gặp lại người yêu đã hi sinh giữa chợ Âm Phủ, chuyện trò với thần hoàng làng là một sự sáng tạo đắt giá. Trong *Thương nhớ đồng quê*, đêm mưa chị Ngữ chờ chồng, tiếng ếch nhái gọi bạn tình mang mang dội vào lòng cả óc. Làm chủ ngôn ngữ điện ảnh, Đặng Nhật Minh khai thác cùng kiệt một chi tiết đắt nhất, không tàn mạn dài lời, sự việc không dẫn dắt theo trình tự

của mình. Gộp tất cả các phim truyện của ông, ta có chân dung xã hội Việt Nam qua từng giai đoạn lịch sử. Cái quyết định thành công nội dung mà đứng góc độ nào phân xét cũng phải đồng tình.

Với cái nhìn vị tha, nhân bản ông bênh vực những thân phận kém may mắn bằng sự sẻ chia, khách quan rộng lượng phê phán cái xấu, không bao giờ tỏ ra hậm hực. Đặng Nhật Minh nâng cái thật của đời sống lên cái đẹp nghệ thuật, man mác một nỗi buồn đầy chất thơ. Song, đôi khi tận cùng của cái bi lại đến với cái hài, cười ra nước mắt thì chưa thấy. Ông đã "nhúng" nhân vật vào nước nóng, rồi lại "nhúng" nhân vật vào nước lạnh, nhưng chưa phải là nước đá, nước sôi... Liệu có nề thực quá không? Lẽ ra ông có quyền tung tẩy hơn nữa khi cầm bút viết kịch bản. Đặng Nhật Minh thành công khi ông làm người xem thương cảm với đời, với người bởi phong vị trữ tình, vì ông muốn bù đắp, sẻ chia với kẻ thua thiệt. Nếu ông đứng ở góc độ khác, với những loại nhân vật khác có thể còn mang lại không khí anh hùng ca. Nghĩa là cũng cần thay đổi cái "tạng" của mình. Cuộc sống đa dạng, đòi hỏi cái gì ta nên có cái đó, thì món ăn tinh thần mới đủ món, đủ vị.

Còn nghệ thuật điện ảnh?

Mỗi loại hình nghệ thuật có đòi hỏi riêng, tác giả muốn gửi thông điệp đến công chúng phải nắm được cái chìa khóa ngôn ngữ của nó. Nếu tôi không nhầm, thời gian sáu tháng tu nghiệp ở Bulgaria, kết quả trao đổi với các đồng nghiệp ông mới ngộ ra điều này một cách viên mãn. Và ngộ ra tức là có chìa khóa trong tay. Tự tin, làm chủ được ngôn ngữ điện ảnh thì chạm vào cái gì cũng cinema hóa! Thử hình dung những đoạn phim nhân vật ăng lại, không thoại nữa, chỉ dành cho âm nhạc các bạn sẽ rõ.

Cuối cùng: nghệ thuật thứ bảy là tổng hợp của nhiều ngành nghệ thuật (văn học, hội họa, âm nhạc...). Tuy không chuyên nhưng ông đã từng hoạt động trong các lĩnh vực này. Sự hiểu biết, lòng say mê, ý thức trách nhiệm nghệ nghiệp, cùng với đức khiêm tốn, tôn trọng, sẵn sàng chấp nhận cộng sự đã biến Đặng Nhật Minh thành người chỉ huy tài ba, gắn kết nhịp nhàng cả ê kíp những người làm phim ở những lĩnh vực khác nhau một cách hào hứng. Nghĩa là ông còn tài tổ chức nữa.

Một khi nghệ sĩ đã tràn tình, làm chủ phương pháp thể hiện, lại khéo tổ chức thì gạt hái được thành quả đâu phải là may mắn? Có chăng, đúng với luật nhân quả, "may mắn" theo nghĩa ở hiền gặp lành. Nhấn nhục bằng lòng với công việc không vừa ý đâu đời lại có những năm tháng làm quen, biến nạp kiến thức điện ảnh, cho dù không "danh môn chính phái". Khiêm tốn học hỏi, cặm cụi làm việc, bỏ từng bước vượt lên chính mình, cộng với ân đức bố mẹ, luôn được quý nhân phù trợ, nhất định Đặng Nhật Minh còn gạt hái nhiều hơn nữa trong sự nghiệp điện ảnh.

Đặng Nhật Minh đã đem được tâm tư tình cảm của người Việt Nam, người châu Á ra với thế giới, thì cũng sẽ đem được tâm tư tình cảm của con người đương đại đến với thế hệ mai sau.■

Đem tài năng hội nhập toàn cầu, lấy trí tuệ giao lưu bè bạn

Đổi tiềm lực dựng xây đất nước, dùng lược thao bảo vệ non sông

HIẾU NGHĨA

THÀNH PHỐ VÀ NHỮNG BUỒN VUI Ở LẠI

Truyện ngắn của NGUYỄN LỆ BA

CUỐI năm, những bệnh nhân nằm điều trị trong khu giải phẫu chỉnh hình đã lần lượt được cho về đón Tết. Tôi nôn nao mong ngóng người thân từ miền Tây lên. Vài chục bệnh nhân còn ở lại vì nhà xa, vì một lý do nào đó. Những chiếc xe lăn, những cây nạng gỗ vẫn lóc cộc tới lui trên con đường rải sỏi bằng ngang dọc trong khoảng sân rộng trồng nhiều hoa. Mùa xuân đã rơi đầy trên phố. Bên trong bức tường ngăn tiếng xe cộ ồn ào qua lại, là những dãy phòng bệnh tường vôi trắng xóa, là khu phẫu thuật đóng cửa im ỉm, là phòng vật lý trị liệu vắng người. Và trên khoảng sân với những hàng sao nháy nở hoa rực rỡ, là những bước chân khắp khênh, là tiếng bánh xe lăn lướt rào rào trên sỏi: âm thanh của cô đơn, khác khoải và của ngàn vạn nỗi niềm...

Từ đồng bằng tôi theo mẹ lên thành phố, nắm niu hy vọng mong manh là được bước đi trên chính đôi chân của mình. Hai lần lên bàn mổ và gần ba tháng điều trị, da tôi xanh mướt như quả bầu non. Tôi gầy gò ốm yếu ngồi hàng giờ trên xe lăn trong vườn hoa bệnh viện ngắm nhìn hàng trăm người lính cụt tay, cụt chân từ mặt trận đổ về... Họ học nghề, họ làm chân tay giả và chuẩn bị những thứ cần thiết trước khi bước qua cánh cổng sắt cao ngang mái nhà, bước vào cuộc đời bất trắc, trên những đôi chân khắp khênh hay những chiếc xe lăn mệt mỏi... Tôi lần xe thơ thẩn trong khu hướng nghiệp, nhìn những người đã bỏ một phần thân thể ở chiến trường; họ chơi vui, huy hăng trong sự khởi đầu khó khăn quá sức chịu đựng. Tôi cười với những người không quen. Dầu gì điều đó cũng làm tôi ấm lòng, bởi tôi và những người ấy đều có cái giống nhau ở trước mặt: nỗi đau thân phận và một tương lai mù mờ, vô định. Khoảng thời gian còn lại trong ngày, tôi ngồi nhiều giờ dưới giàn hoa giấy che ngang một khoảng sân, bên này dành cho bệnh nhân nam, bên kia cho nữ. Đó là không gian phía trước một phòng mổ, kính mờ nhiều ô, đêm ngày ri rầm tiếng máy lạnh. Che kín bên trên những băng đá kê xen trong những luống hoa vàng, là tán cây bồ đề cao vợi, xòe rộng cành lá phủ rợp con đường và một khoảng cỏ xanh non...

Lần đầu tôi gặp chị là lúc chị đứng chờ đợi ở khu chỉnh hình. Chị xoay người về phía khác nên tôi không nhận ra cánh tay trái của chị rũ dọc theo thân thể, bất động. Mấy ngày sau, tôi lại gặp chị trong khu dành cho bệnh nhân nữ; vẫn lặng lẽ, buồn buồn và thăm thẳm nỗi đau trong ánh mắt... Đa phần bệnh nhân vào đây đều bị tật ở chân. Chị liệt một tay; cánh tay còn lại vẫn đủ sức đẩy cô bạn cùng phòng trên chiếc xe lăn, thơ thẩn dạo chơi trong khuôn viên bệnh viện hay cầm cây lược nhỏ nghiêng đầu chải tóc dưới giàn hoa giấy. Hình ảnh đó làm tôi xao xuyến. Tôi gặp chị gần như mỗi chiều. Chị đi chậm chậm trên đường Bà Huyện Thanh Quan, mắt ngược nhìn những tàng cây cao vút... Đôi khi ánh mắt tôi, chị chạm nhau, chị cười ảm ảm. "Chị tìm gì trên ngọn cây cao đó?" - Tôi hỏi. "Nhớ thông, nhớ phố quá chúng tôi". Vẫn giọng Huế nhẹ nhàng, những thanh sắc gần như thanh nặng: dịu dàng, ấm ả. Tôi tò mò: "Chị ở Huế à?" "Không, Pleiku. Quê mẹ mới ở Huế". Tôi bất chợt bắt được niềm vui. "Lúc trước tôi từng ở Hội Thương, trên đường 14 rẽ vào thành phố Pleiku". Mắt chị sáng lên: "A, chị ở đường Hoàng Diệu, gần cine Diệp Kính!". Chị vẫn xưng "chị" với người thứ hai bỏ trống lúc nói chuyện cùng tôi, mắt chị long lanh hạnh phúc, bàn tay phải đưa ra chọc đặt lên tay tôi rồi rút về thu lại. Tóc chị

LTS: Khi truyện ngắn Thành phố và những buồn vui ở lại của Nguyễn Lệ Ba được chọn in vào số Tết của báo Văn nghệ, chúng tôi đã liên hệ với tác giả để thống báo. Không ngờ đây hoàn toàn không phải là một câu chuyện chỉ có hư cấu, mà đằng sau nó còn ẩn chứa rất nhiều những nỗi niềm của người trong cuộc. Và đây là lá thư mà tác giả Nguyễn Lệ Ba gửi đến cho chúng tôi kể thêm về điều này (trích)

Đống Tháp, ngày 16/12/2011

... Tôi đến với văn chương chỉ với mục đích duy nhất là tìm niềm vui, tìm hạnh phúc nơi những trang viết của những nhà văn, nhà thơ cả nước. Bây giờ, sống những năm tháng cuối đời, tôi muốn kể lại những câu chuyện của chính mình qua những truyện ngắn, những bài viết...

Nhân vật "tôi" trong Ngôi lại với trăm năm (một truyện ngắn đã được giới thiệu trên báo Văn nghệ - VN) hay Thành phố những buồn vui ở lại... chính là tôi ngoài đời - "thật" đến ngáy thơ. Ở tuổi 62, tôi vẫn ngồi cả ngày trên chiếc xe lăn, chờ báo về để đọc. Thù thật, chỉ cần tiền nhuận bút đủ để trang trải tiền mua báo, tiền nổi mạng... như thế đã quý lắm rồi!

Xin quay lại chuyện cần nói.

Tên nhân vật "chị", cũng là tên người tôi muốn tìm, là Công tăng Tôn nữ Kim Thoa, sinh năm 1951, người quê Hương Thủy (Huế), khoảng thời gian từ 1960 đến 1967 sống gần rạp chiếu phim Diệp Kính, đường Hoàng Diệu cũ, thị xã Pleiku.

Tôi cũng đã sống ở đó 3 năm và tình cờ gặp được chị ở Sài Gòn năm 1967. Qua thăm hỏi mới biết cả hai đã từng là láng giềng của nhau trên phố núi. Truyện bắt đầu và kết thúc trong sự gặp gỡ tình cờ ấy...

Tôi đang làm một tìm kiếm vô vọng nhưng vẫn chờ đợi một điều kỳ diệu nào đó. 44 năm qua, tôi không biết gì thêm về con người ấy. Những thông tin ít ỏi về "chị" chỉ có thế.

Về phần tôi, sau lần điều trị suốt nửa năm ở Sài Gòn, tôi vẫn không thể đứng lên trên đôi chân của chính mình. Già nua, bệnh tật và những thứ không vui khác tiếp tục đổ lên vai, thế nên bây giờ, viết là cách để tôi tạm quên mà bước tiếp.

Cảm ơn Văn nghệ đã cho tôi cơ hội để thấy mình còn đồng hành giữa cuộc đời, dù trên chiếc xe lăn.

NGUYỄN LỆ BA

Một lá thư vô cùng chân thành và cảm động. Tất nhiên đây không phải là lý do để Thành phố và những buồn vui ở lại xuất hiện trên Văn nghệ. Song khi nó đã xuất hiện thì không thể không hy vọng, rằng một ngày nào đó, "Chị" của Nguyễn Lệ Ba, hoặc ai đó biết rõ về "Chị" sẽ đọc được câu chuyện này, để sự tìm kiếm của tác giả không còn là vô vọng.

Mọi thông tin có thể gửi trực tiếp về cho tác giả: Nguyễn Quang Ba, Số nhà 113, ấp Tân Hòa, Xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Hoặc thông qua tòa soạn báo Văn nghệ, 17 Trần Quốc Toản, Hà Nội.

VĂN NGHỆ

thoang thoang mùi nhựa thông: "Ở gần nhau mà, thích thật!". Và chị hỏi, chị nói, lúi lo như con chim lạc bấy vừa tìm lại được tổ. Tôi nói về quê tôi, một vùng quê ở đồng bằng sông Cửu Long, chị lắc đầu không biết. Phải, làm sao chị biết được quê tôi khi chưa một lần đến, cũng như tôi làm sao biết được Hương Thủy quê chị. Chúng tôi chỉ có hai cái chung, đó là nỗi đau tật nguyền và một thành phố cao nguyên với những buồn vui còn sót lại trong ký ức.

Chiều Sài Gòn rất hạt nắng cuối cùng vội vã. Tôi chợt tỉnh khi giọng chị lay nhẹ: "Mình về hỉ?". Đó là lần đầu tiên tìm tôi thốt thức. Đó là lúc mặt hồ phẳng lặng trong tôi lao xao gợn sóng. Thằng bé con tuổi mười bảy trong tôi lớn phồng lên khi sau lưng là hương tóc thiếu nữ thoang thoang mùi nhựa thông phố núi và những bước chân nhẹ như sương khói của chị.

Chị vẫn thường ra ngồi một mình trên băng đá dưới giàn hoa giấy khi chiều tắt nắng. Lúc ấy, bọn con trai con gái nói cười vui vẻ trong những phòng bệnh, những hành lang đông người qua lại. Chỉ khi ở đây, những người như tôi và chị mới sống thật với mình, mới hạnh phúc và thoát ra khỏi lớp vỏ mặc cảm. Tôi tự hỏi còn bao nhiêu người như tôi đang giấu mình trong những ngôi nhà, đang tự tách mình ra khỏi dòng chảy cuộc đời, nhất là những cô gái tật nguyền như chị? Họ đợi ngày tháng trôi qua, đợi bệnh tật, cô đơn và đau khổ giảm

xé, dầy vò đến cùng kiệt và họ sẽ kết thúc một kiếp người lặng lẽ như thế thế gian này chưa từng có mặt họ. Bệnh viện bỗng biến thành một góc thiên đường, nơi những con người bất hạnh tìm thấy một khoảng thời gian hạnh phúc ngắn ngủi, bỏ lại phía sau và quên đi phía trước chuỗi ngày đằng đẵng cô đơn, trống vắng...

Chị chờ tôi? Có thể. Trong mắt chị ánh lên cái nhìn hạnh phúc, bàn tay còn lại lúng túng vờ vẽ trên bia cuốn tiểu thuyết đọc dở khi tôi bất ngờ lăn xe đến bên chị. Tôi bỏ đám bạn trai và tiếng đàn guitar bập bùng trong phòng bệnh, ra ngoài hành lang tối rồi lần theo con đường rải sỏi đến khoảng sân có giàn hoa giấy. Chị ngồi một mình ở đó với quyển sách, ly nước và hình như chị chẳng nhìn vào những trang chữ. Chị nắm tay tôi, lay lay:

- Ừ này, lúc ra ngoài nó, đường Hoàng

Diệu vẫn còn nhiều thông, phải không?

- Phải, cả phượng nữa. Phượng đỏ rực trên phố trong gió tây nam đầu mùa.

Chị mơ màng:

- Răng mình lại không biết nhau hỉ?

Tôi để yên bàn tay dưới những ngón tay thon dài xanh mướt:

- Sao mà biết nhau được!

Tôi nói chỉ đủ mình nghe. Bốn năm ở Pleiku, tôi lăm lăm sống, âm thầm quần quanh trong căn nhà gỗ nằm lưng chừng đồi ở phía Nam thành phố. Tôi đu bám hai tay trên lan can trước nhà, nhìn những quả đồi xanh biếc cỏ tranh khi mùa mưa về,

nhìn núi Hàm Rồng nhô lên mờ mờ đơn độc giữa điệp trùng đồi trọc. Quê tôi xa tít phía trời Nam, về theo quốc lộ 14 với những chuyến xe lẻ loi bỏ chậm chạp cùng làn bụi đỏ tung mù phía sau. Tôi chưa được đi hết các nơi của thị xã vùng cao. Pleiku với tôi chỉ là vài trục đường chính sườn mình trên nhiều quả đồi với những hàng thông cao vút, là những con đường đất nhỏ xẻ dọc ngang từ trên đỉnh đồi xuống thung lũng, đổ quạch bụi đường hay nhào nhọt bùn đất. Pleiku là tiếng những chiếc xe Jeep tải thương hồi hải rú còi thể thiết giữa phố trưa yên tĩnh, là tiếng máy bay phản lực cắt cánh từ phi trường Củ Hanh, gầm rú xé nát bầu trời thị xã, là hàng ngàn người lính từ khắp nơi đổ về, trong đó có ba tôi, ba chị cùng bao nhiêu con người mà chiến tranh và số phận đã mang họ đến với nhau, cùng chia nhau những khổ đau và hạnh phúc trong một thị xã đi chưa mỗi chân đã qua hết phố. Chính trong không gian vừa ngọt ngào vừa ảm ảm ấy, có mặt tôi và chị, sống rất gần nhau nhưng không ai biết ai, để rồi tình cờ gặp gỡ ở một nơi cách đó rất xa mỗi nhận ra mình đã từng là láng giềng của nhau.

Chị ngắn gọn lắm lắm:

- Sao mình lại không biết nhau hỉ?

Tôi cười buồn và lặp lại câu chị nói.

Ngày đó chị ở đâu trong những căn nhà ngăn cách bởi hàng rào đã quây của ngoại ô thành phố? Ước gì tôi biết chị để cùng ngồi trốn nắng dưới giàn su su, nghe gió Lào quật xơ xác trên những mái nhà nhuộm đầy bụi đỏ. Ước gì tôi biết chị để cùng ngồi co ro nghe gió mùa đông bắc tràn về, lạnh cắt da thịt; nhìn mưa bụi bay lên vào cả bàn học và giảng mù thung lũng phía dưới xa. Ước gì tôi biết chị để được nhìn thấy chị áo dài trắng học trò, đi về trên đường Hoàng Diệu cũ, băng đô tím cài trên tóc và tà áo bay lộng lộng trong nắng gió cao nguyên... Tôi nói với chị về những cái "ước gì" và bất chợt, chị rút những ngón tay vô tình đang đặt ảm ảm và bình yên trên bàn tay tôi... Chị đỏ mặt nhìn những chiếc lá bồ đề rơi rơi rơi trên cỏ...

Tôi và chị thường trốn bệnh viện vào những buổi trưa, cả hai đi dọc theo những con đường rợp bóng cây. Những tà áo trắng nữ sinh Sài Gòn loảng thoảng bay trên phố làm tôi thấy nhớ trường. Tôi bỏ dở năm học khi mới tựu trường vài tháng. Học hành khi được khi mất nên mười bảy tuổi tôi mới vào Đề Tứ, chị học hơn tôi hai lớp. Có phải vì thế mà chị xưng "chị" với tôi tự nhiên quá đời? Bằng tuổi nhau, tôi to xác, ngu ngơ; còn chị lại đậm thâm, dịu dàng. Tôi chưa bước qua khỏi ranh giới của trẻ con và người lớn, còn chị lúc nào cũng là bóng râm phủ rợp trên đầu tôi. Chúng tôi đi suốt con đường xanh rợn bóng cây; đi mãi, đi miết đến một ngã tư mà không hay biết. Chị giật mình chữa thẹn bằng câu nói chẳng ăn nhập vào đâu: "Nhớ trường, nhớ bạn quá chúng tôi!"

Ghé vào quán bên đường, chị mời tôi ly nước. Chị mời tôi cùng nhớ Pleiku mùa nẩy lộc lấy trong sắc đã quý vàng. Tôi lơ đãng cắn chiếc miếng nhâm nhâm trong miệng, nhìn cái miệng xinh xinh của chị và tự hỏi, nước chanh đường hay môi chị ngọt?

Trên đường về bệnh viện, chị đi sát phía sau xe lăn, tựa một phần ngực ảm ảm lên yên dựa để đẩy xe về phía trước. Tôi cứ để những vòng quay bánh xe reo vui lao xao trên đường nhựa. Nắng đỏ vàng lấp lánh và trời Sài Gòn đã bao giờ xanh hơn thế!

Buổi sáng trời trở lạnh. Thêm một đợt gió tràn về từ phương Bắc, lửa sao xác

những chiếc lá bã đậu trên cao. Bên dưới tán cây ấy, chị ngồi một mình với quyển sách đặt hờ trên tay. Tôi ngồi nhìn chị từ thật xa, cứ sợ làm vỡ chị như làm vỡ chiếc bình pha lê mỏng manh. Hôm qua, tôi đã lỡ lời:

- Chị cho tôi xin chiếc băng đô đang cài, nghe chị?
- Để chi? – Chị nghiêng đầu thắc mắc.
- Thì thích nên xin, vậy thôi.
Không hiểu sao chị bỗng hốt hoảng. Lát sau, chị bảo:
- Không được. Không được mồi
- Sao vậy?

Chị lúng túng quay đi giấu câu trả lời. Mãi sau này tôi mới hiểu phong tục quê chị chỉ cho con gái phép trao khăn áo, đồ dùng riêng cho người mình muốn trao thân.

Chị lặng lẽ rời khỏi chỗ ngồi khi thấy tôi quanh quẩn đầu đó. Tôi lên xe một mình trên con đường vắng ngoài bệnh viện. Đêm đẫm sương. Mai tôi về Sa Đéc, chị có biết không? Thôi cũng đành. Chắc tôi và chị đến với nhau chỉ là chúng ấy – chỉ là những hoài niệm về một thành phố qua kỷ ức lãng đãng trong nhau. Ước gì chị biết ngày mai tôi về quê, để tôi ngồi với chị trọn đêm nay dưới giàn hoa giấy tím rồi nhớ về một thành phố không phải là quê tôi, cũng không là quê chị. Đó chỉ là nơi đã gắn một phần đời tôi và có thể là cả đời chị bằng những kỷ niệm lộng lẫy thời niên thiếu và những gặp gỡ tình cờ tưởng như chỉ có trong cổ tích.

Tôi đi qua một ngã tư, thêm vài ngã tư nữa. Đến lúc trước mắt tôi là phố xá rực rỡ đèn màu, ồn ào tiếng xe cộ, tôi mới giật mình quay lại. Và, chị đã đứng sẵn sau lưng tôi từ lúc nào! Chúng tôi đi suốt một đoạn đường dài mà không nói với nhau lời nào. Đêm Sài Gòn se lạnh. Thỉnh thoảng một chiếc xe ngược chiều chiếu đèn sáng lóa lướt qua mặt tôi rồi mất hút đằng xa, bỏ lại trên đường những khoảng lặng tã tơi. Chị vẫn đẩy sau xe bằng cánh tay còn lại. Tôi mơ hồ cảm nhận được hơi ấm của chị vượt nhẹ sau lưng. Đến một khoảng sáng đèn, chị quay mặt đi giấu cái gì đó khi tôi bất chợt nhìn lên. "Mai tôi về Sa Đéc, chị biết không?". Chị bặm môi, gật đầu. "Chị không có gì nói với tôi sao?". Chị lắc đầu, răng cắn chặt lấy môi để cố giữ những giọt nước long lanh không trào ra khỏi hai mắt đỏ hoe....Gần đến cổng bệnh viện, chị vẫn áp sát người vào sau lưng tôi và không bước nữa. Tôi ngược lên. Một cơn gió lạnh bất chợt ào qua, cuốn lăn lóc những chiếc lá

vàng dưới đường. Gió lùa tóc chị từ sau lưng bay ngược ra phía trước, lòa xòa và vương vius trên mặt tôi... Tôi bám hai tay vào vành lăn bánh xe, cố bám thật chặt để hai cánh tay ấy không đưa lên... quãng ngang cổ chị mà kéo xuống!

Đêm ngủ về sáng. Chị ngồi thu mình tránh rét nhưng vẫn để mặc sương rơi xuống tóc. Tôi và chị vẫn im lặng ngồi đối diện dưới ánh đèn xuyên qua giàn hoa giấy. Những ngón tay gầy và xanh vẫn nằm chết sững trên góì quả chị định gởi cho tôi. Tôi muốn nắm bàn tay ấy - bàn tay côi cút tội nghiệp - để truyền thêm chút hơi ấm, nhưng tôi không thể. Cuối cùng, tôi lên tiếng để tôi và chị khỏi chết chìm:

- Chị nhớ chú Tuấn gù bán bánh mì không?
Suýt nữa chị đứng bật dậy ôm chầm lấy tôi:
- Răng mà không nhớ! Người chi mà khổ!

Bỗng chốc trước mặt tôi, chị hóa thân thành một người khác. Mắt chị long lanh, nụ cười thắm lại trên bờ môi nhợt nhạt cùng hơi thở ấm áp và giọng nói như reo. Chị huyền thuyên kể về chú Tuấn, người đàn ông tật nguyện với bao bánh mì trên vai đi lên đi xuống trong những ngõ ngách ngoại ô, mặc nắng hè cháy da hay gió đông cắt thịt. Chị lan man kể về những người đàn ông Ba Na da đen mốc, ở trần đóng khố, đi theo sau là những người đàn bà và trẻ con... Họ đi lên lối trong những vạt cỏ tranh, những nương ngô bên kia đồi. Họ đi thành hàng, lúc ẩn, lúc hiện; mắt hút dưới khe suối rồi bất ngờ hiện ra trên con đường bằng qua trước nhà chị. Niềm vui trong chị vỡ òa. Họ mang theo củi và măng, cả chuỗi lẫn mít về thị xã để đổi áo, đổi muối... Họ đi từng nhóm, mỗi chân thì ngồi bệt trên vệ cỏ, nhồi thuốc lá vào tẩu, châm lửa hút say sưa và thả khói mịt mù... "Thích không?" - chị hỏi. Tôi trả lời hào hứng: "Thích chứ! Những người ấy đi qua nhà chị rồi sẽ đi qua nhà tôi. Chắc vậy. Khu ấy chỉ có một con đường, nhà chị cách nhà tôi hơn trăm mét chứ mấy!" "Ừ hỉ?". Chị lại rơi xuống vực, lại thần thờ lắm bầm: "Sao ngày đó mình lại không quen biết nhau?". Tôi muốn hỏi, nếu quen biết nhau thì đã sao? Có thể chị im lặng tiếc nuối, nhưng tôi tin chắc trong tôi và trong chị đang rộn ràng một thứ tình cảm ngọt ngào, một thứ gì đó không phải là hạnh phúc nhưng êm ái như một buổi sớm mai mở cửa

nhìn xuống đồi, hoa dã quỳ bông nở vàng cả thung lũng...

- Chú Tuấn hỉ? Chú mất mấy ngày sau người ta mới biết. Sống một mình khổ lắm!
- Sau đó chị ăn bánh mì của ai?
- Không ăn nữa!
Và chị cười, nụ cười ngây thơ, trong suốt như trẻ nhỏ. Bất chợt bàn tay chị nhẹ nhàng đặt lên tay tôi:
- Chị hỏi nì, có thích thả diều không?
- Thích lắm, nhưng...
- ...

Tôi và chị lặng im. Nỗi đau lại cồn lên âm ỉ. Có những buổi chiều trên cao nguyên, tôi ngồi hững hờ trước hiên nhà nhìn xuống đồi, mắt dõi theo những cánh diều chao liệng trong nắng với bao nhiêu khát khao và mơ ước. Tôi muốn được như lũ trẻ cùng tuổi, lội qua con suối nhỏ dưới thung lũng, đến bên kia đồi chơi trốn tìm hay lên đồi trong những bụi cây thấp ngang đầu hải về những quả nhỏ ngọt chua tím đen mọng nước. Tôi đã ngồi hàng giờ đợi những cơn gió qua, chờ thả con diều tự mình làm và cuối cùng là buồn bã xé vụn nó trong tay... Tôi nhìn một cách thêm thương lũ trẻ con cời trống tắm mưa và nghịch bùn trên con đường trước nhà. Chúng chạy đuổi, la hét, lăn lộn trong những vũng nước khi trên đầu là những hạt mưa to nặng tuôn xối xả xoáy rất đa thịt. Chúng nó hưởng được tất cả niềm vui tuổi thơ vì chúng có được đôi chân lành lặn... Tôi xấu hổ nói với chị, ngày đó... tôi đã khóc! Chị lại cắn môi, gật đầu thông cảm...

Lần đầu kể từ ngày quen biết chị, tôi nhận thấy ở chị sự yếu đuối và dịu dàng đến nao lòng. Bàn tay chị nắm lấy tay tôi, run run, chới vói... Chị chìm ngấm, ngập lặn rồi tự ngoi lên trong chính những hồi ức của chị. Chị bỗng xa xăm như một người đến từ thế giới khác rồi bất chợt lao về thực tại với giọng nói reo vui và hơi thở ấm áp lạ lẫm khi nhắc về thành phố cao nguyên nơi chị ở.

- Đàng nớ có nghe tiếng chuông chùa bên đồi không hỉ?
- Có, nghe gần lắm. Chị thường qua bên đó à?

Chị gật đầu. Từ nhà, chị men theo con đường nhỏ quanh co, qua những căn nhà tranh vách đất cất rải rác lưng chừng đồi rồi ngược lên một quãng để đến ngôi chùa cách đó khá xa. Chị vào trong khoảng sân gạch đầy rêu ẩm, ngồi khuất dưới bóng hoàng lan và... khóc một mình! Tôi cũng đã

nghe tiếng chuông chùa vang âm u từ nơi ấy, âm thanh lan xuống thung lũng, khóa đầy con suối nhỏ rồi ngân nga vọng lên bên phía đồi đối diện, nơi có nhà tôi và nhà chị. Tôi không bao giờ quên được cảm giác yên bình và ấm áp khi nghe tiếng chuông chùa ấy mỗi chiều hay mỗi sáng khi mặt trời chưa nhô lên phía đông, nhất là những đêm trăng phố núi.

- Chị có muốn về sống ở chùa không?
- Có, định học xong trung học sẽ xin mạ vào chùa. Ở đó vui!

Tôi biết chị nói dối. Làm sao vui khi chị đến chùa chỉ để ngồi một mình và khóc? Những ngón tay gầy xanh của chị vẫn vô tư đùa nghịch trên bàn tay tôi. Bỗng chốc những ngón tay ấy sững lại khi vô tình tôi buột miệng:

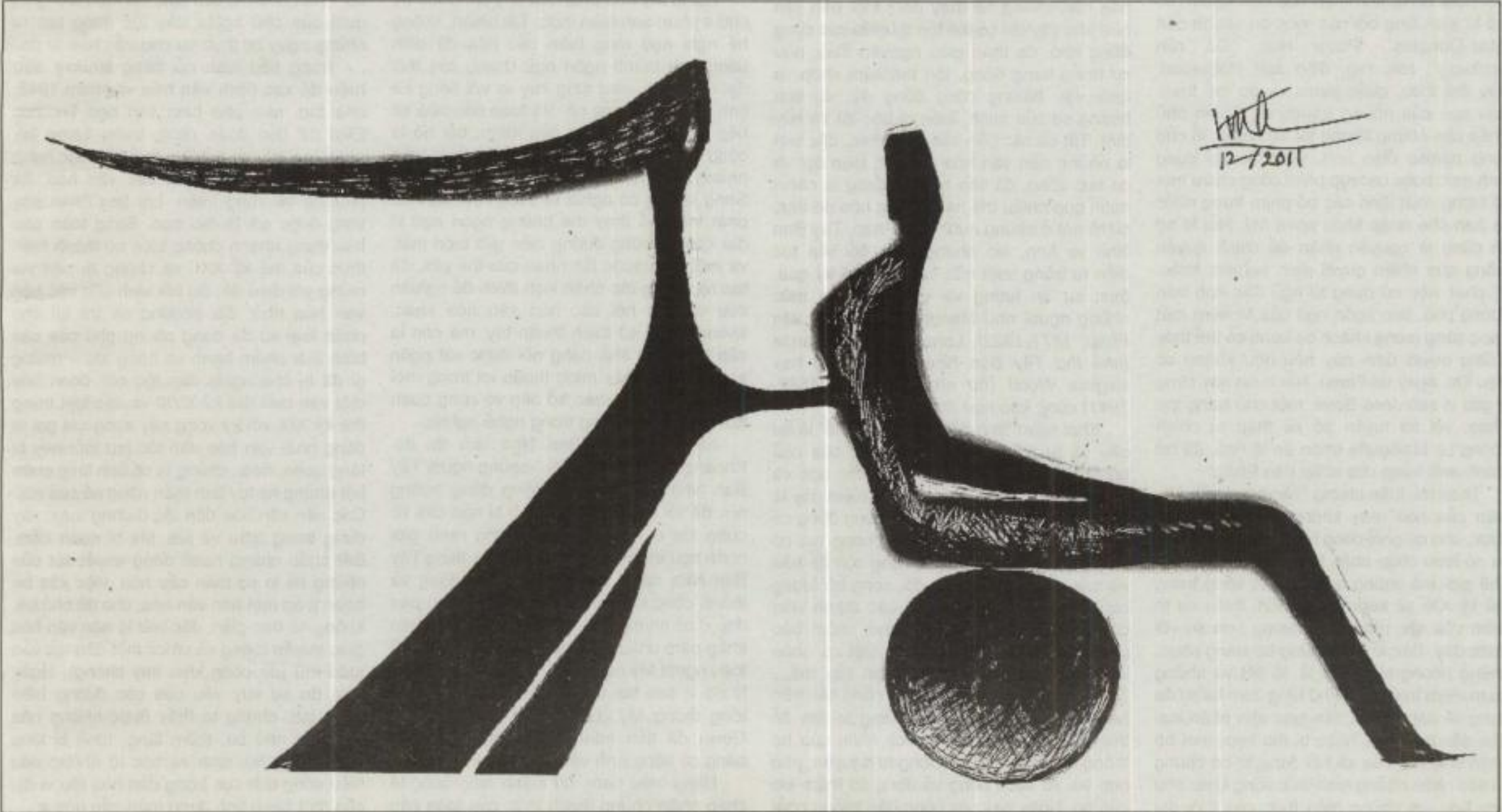
- Chị không định lấy chồng sao?
Chị nhìn tôi hờn trách. Bão giông và mưa lũ dậy lên trong mắt chị. Tôi bối rối cúi đầu nhìn bóng chị đổ dài dưới đất với đôi vai gầy guộc run run. Những ngón tay chị bấu càng lúc càng đau vào tay tôi. Và khi tôi có đủ can đảm nhìn lên, vài giọt nước mắt nóng ẩm của chị đã rơi xuống tay tôi. Chị lắc đầu và đứng bật dậy, bước nhanh qua mặt tôi như chạy trốn. Tôi ngơ ngác nhìn theo, không hiểu điều gì đã xảy ra trong chị...

Buổi sáng khi lên taxi ra bến xe miền Tây, trong đám trai gái vẫy tay tiễn đưa, tôi không thấy chị. Lúc xe đến ngã tư đầu tiên, tôi nhắc thấy đáng ai mảnh mai như đáng chị trong màu áo trắng, tóc dài xòa ra hai bên ngực, đứng nép mình sau một gốc me già...

Qua phà Mỹ Thuận, tôi mới mở gói quà của chị. Đó là một ít mè xừng, đặc sản quê mẹ chị, là chiếc băng đô màu tím ép trong quyển nhật ký chỉ có mấy chữ ghi ở trang đầu:

Sài Gòn 1967.
"Đừng quên chị !".
Tôi đã không viết gì thêm vào những trang sau đó, bởi những gì đã có giữa tôi với chị chỉ là những trang giấy trắng.

Pleiku mùa nẩy sứt sùi mưa. Nếu chị còn sống, còn ở trong căn nhà nhỏ bên đồi và tình cờ đọc được những dòng nầy, chị sẽ biết bao năm qua rồi, tôi đã quên hay tôi vẫn nhớ...■



Minh họa của PHẠM QUANG VINH



TOÀN CẦU HÓA VÀ ĐỒNG NHẤT VĂN HÓA

J.V.LLOSA (PERU)

NHỮNG lời chỉ trích hiệu quả nhất đối với toàn cầu hóa thường không liên quan tới khía cạnh kinh tế, mà chủ yếu xuất phát từ khía cạnh xã hội, đạo đức, đặc biệt là văn hóa.

Theo những người ủng hộ lập luận này, các đường biên giới quốc gia biến mất và việc thế giới được liên kết bằng các thị trường, đang giáng đòn chí mạng vào các nền văn hóa khu vực và dân tộc, vào các truyền thống, phong tục, huyền thoại và vào tất cả những gì được coi là bản sắc văn hóa của bất cứ đất nước nào, ở bất cứ khu vực nào. Phần lớn thế giới không thể kháng cự nổi sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa từ các nước phát triển, đặc biệt là đối với những sản phẩm văn hóa của siêu cường như Mỹ. Sau sự xâm nhập gần liền với sự bành trướng của những nghiệp đoàn xuyên quốc gia hùng mạnh, nền văn hóa Bắc Mỹ rút cuộc sẽ áp đặt chuẩn mực cho toàn thế giới và hủy diệt hệ đa dạng văn hóa. Như vậy, mọi dân tộc khác, cho dù không hề nhỏ bé và yếu ớt, sẽ mất đi tính đồng nhất của mình, linh hồn của mình, và sẽ trở thành những thuộc địa kiểu mới ở thế kỷ XXI.

Nỗi lo mất văn hóa và ngôn ngữ, bị biến thành phần phụ văn hóa Mỹ, không chỉ được các chính khách cực đoan mô tả, mà còn tạo nên thái độ hận thù căm giận đối với gã khổng lồ Bắc Mỹ ngay trong các quốc gia phát triển và trong các dân tộc có nền văn hóa cao, và nó được các chính khách phải tả, phải hữu và phải trung chia sẻ.

Pháp là một ví dụ điển hình. Đồng đảo các trí thức và chính khách lo ngại về khả năng đất nước từng sinh ra Michel de Montaigne (*Nhà văn, triết gia, 1533-1592*), René Descartes (*triết gia, 1596-1650*), Jean-Baptiste Racine (*nhà soạn kịch, 1639-1699*) và Charles Pierre Baudelaire (*nhà thơ, 1821-1867*), đất nước suốt một thời gian dài từng có uy tín trong lĩnh vực thời trang, ẩm thực, nghệ thuật, tư duy và trong mọi hoạt động tinh thần của con người, có thể bị xâm lăng bởi các món ăn nhanh của "Mac-Donalds", Pizza Hut, "Gà rán Kentucky", rok, rap, điện ảnh Hollywood, giày thể thao, quần jeans và áo thể thao. Hậu quả của nỗi sợ hãi đó là: Chính phủ Pháp cấp những khoản tài trợ khổng lồ cho công nghiệp điện ảnh, yêu cầu áp dụng định mức buộc các rạp phim công chiếu một số lượng nhất định các bộ phim trong nước và hạn chế nhập khẩu phim Mỹ. Nỗi lo sợ đó cũng là nguyên nhân để chính quyền thông qua nhiều quyết định nghiêm khắc, xử phạt việc sử dụng từ ngữ đặc Anh trên đường phố, làm ngôn ngữ của Molière mất trong sáng (song khách bộ hành có thể thấy những quyết định này hầu như không có hiệu lực, ngay tại Paris). Nỗi lo sợ này cũng lý giải vì sao José Bové, một chủ trang trại Pháp, với lời tuyên bố sẽ thách thức chính chống La Malbouffe (món ăn tệ hại), đã trở thành anh hùng của nhân dân Pháp.

Theo tôi, luận chứng "văn hóa chống lại toàn cầu hóa" này không thể chấp nhận được, cho dù phải công nhận rằng trong sâu xa nó hàm chứa chân lý không thể bác bỏ. Thế giới mà chúng ta cần phải sống trong thế kỷ XXI sẽ kém rực rỡ hơn, thiếu sự to điểm của sắc màu địa phương hơn so với trước đây. Các lễ hội, những bộ trang phục, những phong tục, nghi lễ, lễ tiết và những quan niệm trong quá khứ từng đem lại sự đa dạng về dân tộc và dân gian cho nhân loại dần dần biến mất hoặc bị thu hẹp, một bộ phận chủ yếu của xã hội đang từ bỏ chúng và tiếp nhận những hình thức sống khác phù hợp hơn với những hiện thực của thời đại chúng ta. Quá trình đó đang diễn ra ở tất cả các nước trên thế giới và ở một số nước nó

Jorge Mario Pedro Vargas Llosa, (28/3/1936) nhà văn, nhà viết kịch, nhà báo, Viện sĩ Viện Hàn lâm khoa học Hoàng gia Tây Ban Nha, Giáo sư danh dự của nhiều trường đại học ở châu Âu và châu Mỹ. Giải Nobel văn học (2010), Huân chương quốc gia Pháp *Ordre national de la Légion d'honneur* (1985); Giải *Premio Rómulo Gallegos*; Giải văn học quốc tế *Premio Internacional de Novela Rómulo Gallegos* dành cho tiểu thuyết tiếng Tây Ban Nha (1967). Giải văn học quốc tế *Premio Príncipe de Asturias de las Letras* (1986); Giải *Premio Miguel de Cervantes* (1994); Giải văn học Jerusalem của Hội chợ sách quốc tế (1995). Giải thưởng quốc tế *Der Friedenspreis des Deutschen Buchhandels* của Đức (1996); Giải văn học quốc tế Pháp *Prix mondial Cino Del Duca* (2008).

Xin giới thiệu tiểu luận của ông về toàn cầu hóa, đồng nhất văn hóa, giảng tại Ngân hàng Phát triển Liên Mỹ.

diễn ra nhanh chóng hơn. Song điều này không liên quan tới toàn cầu hóa. Quá trình này chủ yếu là kết quả của hiện đại hóa. Toàn cầu hóa chỉ là kết quả chứ không phải là nguyên nhân của quá trình đó. Tất nhiên, có thể nuối tiếc. Song quá trình này là tất yếu. Các chế độ độc tài, do lo sợ bị hủy diệt, đã khép kín với thế giới bên ngoài và áp đặt đủ loại cấm đoán. Song ngay cả điều đó cũng không thể ngăn chặn cái mới từng bước thâm nhập, cái hiện đại dần dần phá hủy cái gọi là tính đồng nhất văn hóa vô bổ. Về lý luận, bất cứ nước nào cũng có thể bảo toàn tính đồng nhất của mình, song chỉ trong trường hợp như một số bộ lạc hẻo lánh châu Phi và sông Amazonas, hoàn toàn biệt lập, xa lánh mọi dân tộc khác, sống hoàn toàn tự cung tự cấp. Kiểu bảo toàn ấy sẽ đưa xã hội về thời tiền sử.

Hiện đại hóa đang thực sự làm biến mất nhiều hình thái sinh hoạt truyền thống. Song đồng thời nó cũng mở ra những cơ hội và là bước tiến quan trọng đối với xã hội nói chung. Đó cũng là lý do để các dân tộc, khi có thể lựa chọn tự do, đã không một chút do dự, ưu tiên cho hiện đại hóa, đôi khi bất chấp ý nguyện của các thủ lĩnh hay những truyền thống tinh thần của họ.

Những phát biểu vô căn cứ nhằm chống toàn cầu hóa và bảo vệ tính đồng nhất văn hóa là bằng chứng về quan niệm tĩnh trong văn hóa, thiếu cơ sở lịch sử. Có nền văn hóa nào không hề thay đổi? Một nền văn hóa như vậy chỉ có thể tồn tại giữa các cộng đồng nhỏ, đa thần giáo nguyên thủy, ngụ cư trong hang động, tôn thờ sấm chớp và quái vật. Những cộng đồng đó, do tính hoang sơ của mình, luôn bị bóc lột và hủy diệt. Tất cả các nền văn hóa khác, đặc biệt là những nền văn hóa đủ mức hiện đại và có sức sống, đã tiến hóa và đang là chính mình qua nhiều thế hệ. Sự tiến hóa đó thực sự rõ nét ở những nước như Pháp, Tây Ban Nha và Anh, nơi những thay đổi liên tục diễn ra trong suốt nửa sau của thế kỷ qua, thực sự ấn tượng và sâu sắc đến mức những người như Marcel Proust (*nhà văn Pháp, 1871-1922*), Lorca Federico Garcia (*nhà thơ Tây Ban Nha, 1898-1936*) hay Virginia Woolf (*nữ nhà văn Anh, 1882-1941*) cũng khó ngờ được.

Khái niệm "tính đồng nhất tập thể" là hư cấu về tư tưởng và là nền tảng của chủ nghĩa dân tộc. Nhiều nhà dân tộc học và nhân chủng học không coi khái niệm này là khả dụng, ngay cả với những cộng đồng cổ xưa nhất. Thực tế thì những phong tục có thể có ý nghĩa quan trọng sống còn để bảo vệ một nhóm người nào đó, song trữ lượng chủ động và sáng tạo của các thành viên cần thiết để giải phóng họ khỏi nhóm bao giờ cũng to lớn. Những khác biệt cá nhân luôn vượt khỏi những giới hạn tập thể... Toàn cầu hóa đem lại cho mọi công dân trên hành tinh này những khả năng to lớn để thiết lập bản thể văn hóa cá nhân của họ thông qua những hành động tự nguyện, phù hợp với sở thích riêng và động cơ thẩm mỹ của họ. Ngày nay các công dân không phải lúc nào cũng có bốn phận (như trong quá khứ và hiện văn tồn tại ở một vài nơi trên thế



giới) tôn trọng sự đồng nhất từng cường bức họ vào trại tập trung, đẩy họ vào bế tắc, trói buộc họ bằng ngôn ngữ mà họ sử dụng, bằng thuộc tính dân tộc, tín ngưỡng, cũng như bằng những phong tục ở nơi họ được sinh ra. Với ý nghĩa này, toàn cầu hóa đáng được chào đón bởi nó thực sự mở ra những chân trời mới cho tự do cá nhân.

Nỗi lo Mỹ hóa phần lớn là ý chí chính trị, chứ ít phần ảnh hưởng thực. Tất nhiên, không hề nghi ngờ rằng toàn cầu hóa đã biến tiếng Anh thành ngôn ngữ chung của thời đại chúng ta, như từng xảy ra với tiếng La tinh vào thời Trung cổ. Và toàn cầu hóa sẽ tiếp tục sự vận động của mình, bởi nó là công cụ không thể thay thế để thực hiện những bản hợp đồng quốc tế và giao tiếp. Song không có nghĩa là tiếng Anh liên tục phát triển để thay thế những ngôn ngữ ví đại khác. Những đường biên giới biến mất, và mỗi ràng buộc lẫn nhau của thế giới, đã tạo ra những tác nhân kích thích để nghiên cứu và lĩnh hội các nền văn hóa khác, không chỉ vì sở thích thuần túy, mà còn là cần thiết, bởi khả năng nói được vài ngôn ngữ và cảm thấy mình thuận lợi trong môi trường văn hóa khác trở nên vô cùng quan trọng để thành công trong nghề nghiệp.

Lấy tiếng Tây Ban Nha làm thí dụ. Khoảng nửa thế kỷ trước, những người Tây Ban Nha thiết lập một cộng đồng hướng nội, để rồi họ cảm thấy mình bị hạn chế vô cùng khi ở ngoài những đường ranh giới ngôn ngữ truyền thống. Ngày nay, tiếng Tây Ban Nha đang trở nên rất năng động và thành công khi chiếm lĩnh được những bản đệp ở cả những vùng lãnh thổ rộng lớn trên khắp năm châu lục. Đang có khoảng 25-30 triệu người Mỹ nói tiếng Tây Ban Nha. Đó là lý do vì sao hai ứng cử viên vào cương vị tổng thống Mỹ (George W. Bush và Al Gore) đã tiến hành chiến dịch tranh cử bằng cả tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha.

Hàng triệu nam, nữ thanh niên quốc tế chấp nhận những thách thức của toàn cầu hóa – họ nghiên cứu tiếng Nhật, tiếng Đức, tiếng Quan hòa và Quan thoại của Trung

Hoa, tiếng Nga hay tiếng Pháp. Khuyênh hưởng này trong những năm gần đây đang gia tăng. Họ phần đầu trong toàn bộ không gian của thế giới này, chứ không ngoan cố với kỳ vọng ngây thơ chống lại tiếng Anh trào lưu. Đó là cách bảo vệ tốt nhất các nền văn hóa và những ngôn ngữ riêng. Nhiều người ngoan cố hay nói về văn hóa, nhưng chỉ là những kẻ ngu dốt muốn che đậy bản chất thực sự của mình – chủ nghĩa dân tộc. Bài học tốt nhất do các nền văn hóa đem lại là chúng không cần sự bảo vệ của những kẻ giáo điều, quan liêu; không cần che chắn bằng màn sắt; hay ngăn cách bằng thiết chế hải quan. Ngược lại, những nỗ lực như thế chỉ làm khô héo, thậm chí tẩm thương hóa văn hóa. Các nền văn hóa cần được sống tự do, thường xuyên đua tranh nhau. Nhờ đó chúng đổi mới và khắc phục được những tổn tại của mình, có cơ hội tiến hóa và thích nghi. Trong thời Cổ đại, văn hóa La tinh không bóp chết văn hóa Hy Lạp. Ngược lại, tính độc đáo và sâu sắc của tinh thần Hy Lạp cổ (Hellenism) đã nuôi dưỡng nền văn minh La Mã, qua đó các trường ca của Homer, triết học của Platon và Aristotle đã được quảng bá khắp thế giới. Toàn cầu hóa không làm các nền văn hóa khu vực biến mất. Tất cả những gì giá trị, xứng đáng được bảo tồn đều sẽ tìm thấy mảnh đất phi nhiều để phát triển thịnh vượng.

Điều này diễn ra khắp nơi. Ở Tây Ban Nha, các văn hóa vùng miền một lần nữa hồi sinh năng động, xứng đáng được quan tâm đặc biệt. Trong giai đoạn độc tài của Tướng Franco, chúng bị trấn áp và phải tồn tại bất hợp pháp. Song, với sự hồi sinh của nền dân chủ, sự đa dạng phong phú của văn hóa Tây Ban Nha lại nảy nở và có cơ hội phát triển tự do. Trong hệ thống chính trị tự trị, văn hóa các vùng miền đã nhận được xung năng để thăng hoa vượt bậc, đặc biệt ở Catalunya, Galicia và ở vùng đất của dân Bask (Euskaldunak). Tất nhiên, ta không thể lẫn lộn sự hồi sinh văn hóa vùng miền đó – một nhân tố tích cực, với hiện tượng kỳ quái của chủ nghĩa dân tộc đang tạo ra những nguy cơ thực sự cho văn hóa tự do.

Trong tiểu luận nổi tiếng **Những dấu hiệu để xác định văn hóa** vào năm 1948, nhà thơ, nhà phê bình văn học Thomas Eliot đã tiên đoán rằng, trong tương lai, nhân loại sẽ trải nghiệm thời kỳ Phục hưng (Renaissance) mới của các văn hóa địa phương và vùng miền. Lời tiên đoán này từng được coi là táo bạo. Song toàn cầu hóa đang nhanh chóng biến nó thành hiện thực của thế kỷ XXI, và chúng ta nên vui mừng với điều đó. Sự hồi sinh của các nền văn hóa nhỏ, địa phương sẽ trả lại cho nhân loại sự đa dạng phong phú của các hình thái phẩm hạnh và năng lực – những gì đã bị chủ nghĩa dân tộc cực đoan hủy diệt vào cuối thế kỷ XVIII và đặc biệt trong thế kỷ XIX với kỳ vọng xây dựng cái gọi là đồng nhất văn hóa dân tộc (sự thật này bị lãng quên, hoặc chúng ta cố tình lãng quên bởi những hệ lụy tinh thần nặng nề của nó). Các nền văn hóa dân tộc thường được xây dựng trong máu và lửa, khi bị ngăn cấm. Bất chấp những hành động quyết liệt của những kẻ lo sợ toàn cầu hóa, việc xóa bỏ hoàn toàn một nền văn hóa, cho dù nhỏ bé, không hề đơn giản, đặc biệt là nền văn hóa giàu truyền thống và có cả một dân tộc vẫn tuân thủ (dù công khai hay không). Ngày nay, do sự suy yếu của các đường biên quốc gia, chúng ta thấy được những nền văn hóa nhỏ bé, thẳm lạng, từng bị lãng quên đang hồi sinh và bộc lộ những dấu hiệu sống tích cực trong dàn hòa tấu vĩ đại của một hành tinh đang toàn cầu hóa. ■

LÊ MY

Theo Foreign Policy và Nobilit 2010

GIẢI THƯỞNG NOBEL NHÌN TỪ NGÀ

THEO Sách các kỷ lục Guinness thì giải Nobel là giải thưởng lớn nhất trong số tất cả các giải thưởng bằng tiền được trao tặng hằng năm trên thế giới. Hiện nay giải thưởng này trị giá khoảng 6,5 triệu coron Thụy Điển (năm 2011 tương đương gần 1,5 triệu USD). Việc trao giải Nobel hằng năm vào tháng 12 được coi là một sự kiện lớn ở Thụy Điển.

Chung quanh giải thưởng Nobel đã tồn tại không ít những chuyện ly kỳ, thú vị.

Lễ trao giải Nobel diễn ra vào ngày 10/12 – ngày mất của người sáng lập ra giải này - ở Stockholm. Thoạt tiên được dự kiến vào năm 1900. Nhưng thật bất ngờ với ban giám khảo, những người được lọt vào danh sách năm ấy đã khước từ nhận danh hiệu cao quý cùng tấm huy chương vàng và số tiền khổng lồ. Chẳng hạn, đại văn hào Nga Lev Tolstoi đã kiên quyết không nhận giải thưởng này mà, theo lời đồn đại, dường như do chính Alfred Nobel tiền chủ. Cũng theo nguồn tin ấy, Lev Tolstoi đã hai lần từ chối. Và từ đấy, điều này đã trở thành truyền thống đối với nước Nga. Do đó, việc trao giải đành chuyển sang năm 1901. Và một trong số những người nhận giải thưởng Nobel đầu tiên là nhà thơ Pháp René Sully Prudhomme.

Theo quy chế thì không được trao giải hai lần cho một người và cũng không được trao giải cho những người đã mất. Thế mà nữ bác học Marie Curie đã điểm nhiên "ấm" hai giải Nobel – một giải năm 1903 về vật lý và một giải năm 1911 về các thí nghiệm hóa học. Hơn thế nữa, Tổ chức Hội Chữ Thập Đỏ quốc tế đã ba lần đoạt giải này vào năm 1917, năm 1944 và năm 1963. Còn nhà thơ Thụy Điển Erichs Carlfieldt tuy đã mất nửa năm trước khi được đề cử, vẫn trúng giải Nobel về văn học năm 1931.

Có một điều mà cho đến nay vẫn nhiều người thắc mắc là tại sao không có giải Nobel trong lĩnh vực toán học vốn được thừa nhận là "nữ hoàng của các khoa học"? Tương truyền, người đẹp mà Nobel ngỏ lời cầu hôn đã coi trọng nhà toán học Thụy Điển nổi tiếng Mittag Leffler hơn nhà phát minh ra thuốc nổ dynamit. Còn có một cách giải thích nữa có phần đáng tin cậy hơn: Nobel không nhìn thấy ở những tìm tòi toán học lợi ích thực tiễn đặc biệt đối với loài người. Ngoài ra, khi Nobel định thiết lập giải thưởng của mình thì đã tồn tại giải thưởng Scandivame cho các nhà toán học rồi.

Năm 1969, Ủy ban Nobel đã "đi quá trớn": bất chấp lời chỉ dẫn trực tiếp của Nobel, để lập ra một giải mới về kinh tế học. Giải này được gọi là "Tưởng niệm Nobel", nhưng nó được trao cùng với những giải khác và về số tiền thưởng, về nghi thức bề ngoài, nó không khác gì so với các giải khác. Mặc dầu khi Nobel còn sống, kinh tế học đã là một khoa học, nhưng ông không muốn trao giải thưởng cho nó cũng như cho các nhà địa chất và luật học, các nhà báo và các nhà triết học, thậm chí cho các nhà toán học như chúng ta đã biết.

Nhìn chung, xét về số lượng người được giải Nobel, thì Mỹ là nước dẫn đầu với hơn 250 người. Thật ra trong số đó có không ít người mang hai quốc tịch và xuất thân từ các nước khác và có cả những người không được lãnh trọn giải thưởng mà phải chia giải cùng các đồng nghiệp khác.

Việc thảo luận về những ứng cử viên được giới thiệu trong tất cả 6 Ủy ban Nobel được tiến hành trong bầu không khí tuyệt mật. Những ý kiến bất đồng về các ứng cử viên không được ghi vào biên bản. Trên báo chí chỉ được công bố quyết định cuối cùng với lý do vắn tắt. Những quyết định đã được thông qua không có chuyện thảo luận lại và càng không được hủy bỏ.

Trong số tất cả các giải Nobel, gây tranh cãi nhiều hơn cả là các giải về hòa bình và văn học. Các Ủy ban Nobel, nhất là Viện Hàn lâm Thụy Điển vốn "chịu trách nhiệm" về văn học đã hơn một lần bị buộc tội là có định kiến và sử dụng giải thưởng này vào mục đích chính trị.

Việc lý giải di chúc cũng đóng một vai trò quan trọng: Nobel đã viết rằng giải thưởng về văn học được trao tặng cho người đã viết ra được tác phẩm có giá trị nhất "theo chiều hướng lý tưởng". Khi bản di chúc được bóc ra thì lập tức nảy sự rắc rối về mặt pháp lý. Bởi lẽ có thể giải thích những lời của

Nobel như "tác phẩm chứa đựng những lý tưởng" (mà có lẽ ông muốn nói thế). Những nghiên cứu gần đây nhất cũng khẳng định ý kiến đó. Song Viện Hàn lâm Thụy Điển lại thiên về cách lý giải theo "chiều hướng lý tưởng". Như thế thì Lev Tolstoi, Strindberg lẫn Ibsen dường như bị gạt ra khỏi giải một cách tự động. Kết quả là người trúng giải thưởng Nobel đầu tiên về văn học là nhà thơ Pháp Sully Prudhomme mà chúng ta đã biết và đến nay ít người nhắc tới.

Trong việc lựa chọn các ứng cử viên cho giải Nobel về văn học, người ta có vẻ càng ngày càng chú ý tới sự đa dạng văn hóa trên bình diện quốc gia. Giải thưởng văn học là giải thưởng duy nhất, nơi những người xuất thân từ Hoa Kỳ không chiếm được ưu thế.

Cũng cần phải nói thêm rằng giải Nobel trong lĩnh vực văn học mang lại cho người đoạt giải một món lợi lớn hơn cả về mặt tài chính. Không phải chỉ vì nó thường được trao trọn vẹn cho một tác giả - mà năm nay (2011) là nhà thơ Thụy Điển Tomas Transtromer, 80 tuổi - ông là người Thụy Điển thứ 8 được nhận giải này. Điều không kém phần quan trọng là sau khi công bố, số lượng bản in sách của nhà văn trúng thưởng tăng vọt gấp nhiều lần và khối lượng tác phẩm bán ra trên toàn thế giới cũng gia tăng đáng kể, và điều này đã mang lại khoản thu nhập khổng lồ một cách tương ứng cho cả tác giả lẫn các nhà xuất bản.

Riêng nước Nga trong tổng số 22 giải Nobel (kể từ năm 1906 đến nay) có 5 nhà văn: Ivan Bunin (1933), Boris Pasternak (1958), Mikhail Sholokhov (1965), Aleksandr Solzhenitsyn (1970), Iosif Brodski (1978).■

LÊ SƠN giới thiệu
(Qua báo Nga)

CHUYỆN KHÔNG CHỈ CỦA ĐỘC GIẢ

KEVIN NANCE* (Mỹ)

VÀI tháng trước, các nhà văn, các nhà phê bình văn học và giới xuất bản đã bắt đầu phải dùng đến những tính từ mạnh khi thảo luận về bản báo cáo **Độc hay Không Đọc** (do Quỹ Nghệ thuật Quốc gia Mỹ - NEA - công bố gần đây). Đó là những tính từ "Đáng sợ", "Buồn", và "Tâm tối". Nhưng quan trọng hơn, dư luận đánh giá là họ không hề lên gân hay làm phách. Sự "Độc" ở Mỹ quả đã suy giảm đến mức tệ hại, theo NEA, đặc biệt trong giới trẻ. Chưa đến một phần ba lũ trẻ lứa tuổi mười ba có hứng thú đọc sách hằng ngày, tức là kém đi 14% so với hai thập kỷ trước. Trong khi đó, số trẻ mười bảy tuổi không muốn đọc sách đã tăng gấp đôi cũng sau khoảng thời gian đó. Dân số Mỹ trong khoảng 15-24 tuổi xem tivi khoảng hai giờ mỗi ngày, các nhà điều tra nhận thấy, vậy mà chỉ đọc có không quá... bảy phút!

Những điều này (và cả nhiều điều đáng sợ khác nữa) tiếp tục khẳng định và mở rộng thêm nhận định đã từng xuất hiện trong bản báo cáo có tên **Liều lĩnh đọc** cũng của NEA: Người Mỹ ngày càng ít đọc các thể loại hư cấu, thơ, và kịch, những lĩnh vực vốn được quy cho trách nhiệm của các nhà văn. Sự suy giảm này diễn ra trên cả hai bình diện: độc giả (nghe và đọc) và thị trường sách. Nó ảnh hưởng đến các nhà văn, đã đành, và còn ảnh hưởng cả đến sự duy trì ảnh hưởng của chính văn học đối với văn hóa Mỹ.

Trong khi báo cáo **Liều lĩnh đọc** chỉ tập trung điều tra các khuynh hướng đọc sách văn học qua 17.000 thanh niên từ 18 tuổi trở lên, biểu hiện qua việc tiêu thụ tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ, và kịch, thì **Độc hay Không Đọc** lại mở rộng ra mọi lĩnh vực, qua hơn bốn mươi cuộc điều tra trên quy mô cả nước, từ thói quen đọc của trẻ em, thanh thiếu niên, đến người lớn, và mọi kiểu đọc từ sách, báo, tạp chí, sách chuyên môn, internet...

Tất cả các cuộc điều tra đó, buồn thay, đều dẫn đến một chân đoán nghiệt ngã: từ trẻ em đến người lớn Mỹ, đầu đầu cũng thấy việc đọc đang bị coi nhẹ.

"Mía mai ở chỗ, nước Mỹ không hề thiếu nhà văn". Biên tập viên Donna Seaman của tạp chí **Danh mục sách**, một ấn bản chuyên nghiệp của Hội Thư viện Mỹ, phát biểu. "Tôi chứng kiến sự ra đời của hàng trăm cuốn sách mỗi tuần, hình thức cực đẹp, nội dung từ thơ ca đến văn xuôi đều vô cùng sâu sắc. Thế nhưng người dân vẫn cứ mỗi ngày một đọc ít. Ai cũng xống ra viết, nhưng chẳng ai muốn đọc. Sự phân cách đã diễn ra thật đáng ngạc nhiên. Đây là một câu đố thực sự



Cô gái đọc sách bên cửa

học bừa, và là một thách thức thực sự khó vượt qua đối với những người sáng tạo. Tôi nghĩ chúng ta đang đứng trước miệng vực của một nghệ thuật chết, một thế giới chết, nếu chúng ta không đánh thức được niềm say mê đọc nơi những người trẻ tuổi".

Tiểu thuyết gia Audrey Niffenegger, tác giả cuốn **Bà vợ của Nhà Du hành Thời gian** (Nxb MacAdam/Cage, 2003) cũng đồng tình: "Khi bạn nghe thấy một điều gì đó tương tự như thế này, bao từ bạn như sắp bị thủng. Và bạn nghĩ: Chúng ta đang lao đến ngày tận thế rồi".

"Hiện thực làm tôi lo lắng khôn xiết. Tôi có cảm tưởng sự đọc nghiêm túc giống như một nỗ lực đặc biệt, nhưng đã bị tách hoàn toàn khỏi nền văn hóa. Nghĩa là chúng ta đang chẳng giống ai". Biên tập viên Christian Wiman của Tạp chí Thơ, bày tỏ. Cuối năm ngoái, ông này xuất bản tập tiểu luận **Hoài vọng và Sự cứu vớt: Trở thành Nhà thơ**, ấn hành bởi Hãng Copper Canyon. Nhưng Wiman nhận thấy rằng, không quan trọng sự đọc lan tràn được đến đâu, và cả sự kêu than lẫn lạng lẽ chịu trận thì đều không phải là cách ứng xử thích hợp. "Tôi không nghĩ cuộc sống cứ phải luôn luôn diễn biến theo một chiều cố định", ông diễn giải. "Tôi nghĩ ngờ những kết luận chắc như đinh đồng cột. Tôi vẫn thường nghe mọi người nói: Thời cuộc rồi, bạn chẳng thể làm được gì đâu. Nhưng chúng ta có thể kháng cự, nếu thời cuộc diễn biến theo chiều hướng tiêu cực. Sự đọc suy giảm là điều có thật, và chúng ta đừng nên ngồi đó mà kêu rên. Hãy làm điều gì đó".

Nhưng làm gì? Các thầy cô giáo thì đã bỏ tay trước gánh nặng cải thiện kỹ năng đọc cho học sinh. Vì vậy NEA đề nghị rằng, các bậc làm cha mẹ có thể đóng vai trò tích cực hơn, bằng cách chịu khó đọc sách cho con em mình, và quan trọng hơn, hãy làm gương cho lũ trẻ, hãy đọc nhiều sách hơn, để tạo thói quen tốt cho cả mình lẫn chúng. Một số biện pháp khác cũng có thể giúp ích, khi chúng ta hiểu được vì sao lũ trẻ ít chịu đọc sách. Một trong những lý do thường gặp, đó là: Lũ trẻ xem TV quá nhiều, đương nhiên cả lướt mạng nữa. Theo Timothy Shanahan, Giáo sư Đại học Illinois, bang Chicago, cựu chủ tịch Hội Đọc sách Quốc tế, thì nhiều đứa trẻ không chịu đọc sách vì chúng bảo hình thức ấy quá cổ độn.

"Trẻ con thích gì, và những thông điệp bằng chữ kia phải hấp dẫn, phải tươi đáng để, phải cổ vũ thể nào thì mới trôi chảy được chúng chữ", Shanahan bày tỏ. "Bộ sách Harry Potter số 7 được hâm mộ, là bởi chúng chứa đầy những câu chuyện hấp dẫn, và ngôn ngữ rất gần gũi với con trẻ. Tôi không nghĩ chúng quá uyên bác, nhưng vì chúng bao quát được cho phép bọn trẻ tham gia vào cõi tưởng tượng của nhà văn. Thật thú vị làm sao khi đọc được những điều mà lũ bạn cùng đọc, rồi thì thảo luận với nhau nữa chứ. Tổng quát hơn, con người luôn có khát vọng được chia sẻ những mối quan tâm với cộng đồng".

NEA xem ra cũng đồng ý với nhận định này, khi chỉ ra một kế hoạch quốc gia, lấy tên là **Độc Lớn**, trong đó mời người dân khắp nước Mỹ cùng đọc các tiểu thuyết Mỹ như **Tuổi thơ bé** của Edith Wharton, **Câu lạc bộ may mắn** mà vui của Amy Tan. Tương tự, một năm sau khi **Liều lĩnh đọc** xuất hiện, Hội Thơ đã cùng với NEA còn tổ chức chương trình **Thơ đọc to**, trong đó các sinh viên nhớ và đọc diễn cảm thơ tại nơi đồng nghiệp để kết nối thi ca với công chúng. Và các câu lạc bộ sách, từ hội kín của Oprah Winfrey đến các nhóm nhỏ láng giềng, đều tiếp tục đạt được những thành tựu.

Nhưng một số người lại nói đến một yếu tố nền tảng khác, tạo nên sự suy giảm sức đọc, đó là do chính các nhà văn đương đại. Phải, chính các nhà sáng tạo phải đóng vai trò cốt lõi nếu muốn người đọc quay trở lại với trang sách. "Tôi nghĩ mãi, và thấy hình như chính các nhà văn cũng quay lại với độc giả", Wiman nói. "Tất nhiên chúng ta khó quay lại được thời hoàng kim, nhưng các nhà văn phải luôn tràn trề hướng đến một cộng đồng biến đổi". Niffenegger đặc biệt nhấn mạnh sự hiện

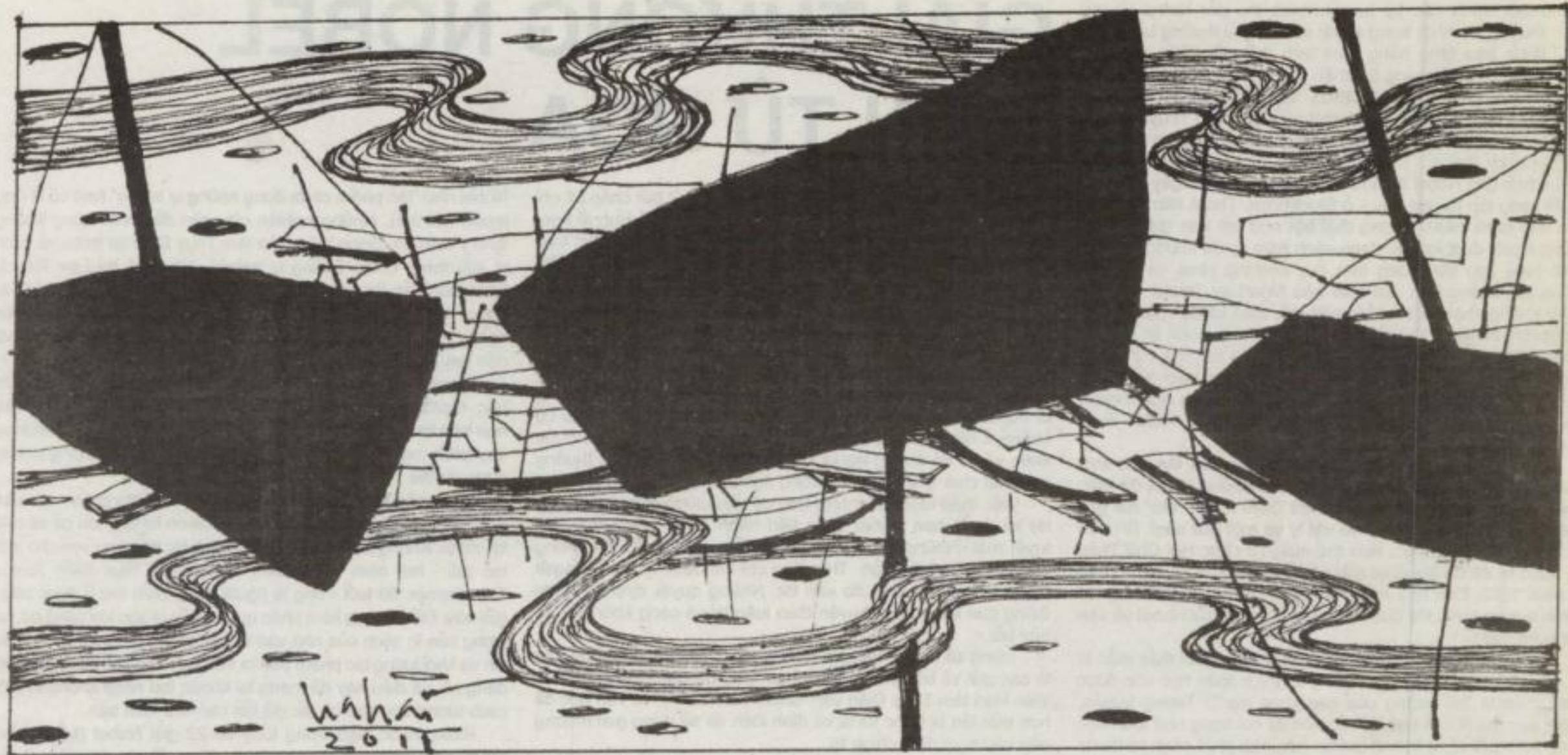
đại hóa văn học như là cái nếm lên chặt khoảng cách giữa văn giới và công chúng: "Có một phương cách, khác với cách tường thuật truyền thống, tức là nhà văn sẽ nói với bạn ngày một ít hơn, để cho bạn phải làm việc ngày càng nhiều hơn. Bởi ngày nay, người ta không còn muốn ai giảng giải cho họ nữa, mà người ta muốn tự kích thích, tự tưởng tượng. Nếu không thì họ sẽ đi xem phim".

Tuy vậy, không phải tất cả đều tin vào những phép màu. Tree Swenson, nữ Giám đốc điều hành Viện Nghiên cứu Thơ Mỹ, khẳng định rằng, mọi dấu hiệu khả quan để người Mỹ thích thơ, thì đều chỉ đang nằm ở... trên mạng. "Internet là một môi trường đặc biệt đáng kể cho thi ca, bởi nó không đòi hỏi độc giả phải mua cả những cuốn thơ. Bạn và tôi, chúng ta chỉ có thể thích được một vài bài thơ nhỏ, thậm chí vài câu thơ ngắn, đơn giản nhưng có khả năng gây choáng váng", bà nói. "Chính các trang web và các mạng xã hội đang tạo điều kiện cho mọi người gửi thơ cho nhau. Vâng, khuynh hướng lớn thì cũng chẳng khả quan cho lắm, nhưng nếu tôi có thể trở về với thơ ca, tôi sẽ tìm lại được tiếng hát lạc quan trong lòng tôi".

Độc hay Không Đọc rõ ràng đã thấp lènh trong lòng mọi người niềm cảm khái để ra tay hành động. "Thoạt nhìn, cuộc điều tra này có vẻ chỉ mang lại những tin xấu, làm nản lòng những nhà văn vốn đã sẵn mỗi ưu tư. Cơ khổ, họ có cảm tưởng mình đang bị độc giả bỏ rơi", đó là lời của Sunil Iyengar, Giám đốc mảng nghiên cứu và phân tích tình hình của NEA. "Nhưng mặt khác, để ý kỹ chúng ta sẽ thấy có rất nhiều cơ hội để khởi động những chương trình đầy ý nghĩa. Các ông chủ kinh doanh sách, các nhà xuất bản, các thầy cô giáo, rồi giới thủ thư... tất cả đều rất quan tâm đến việc nâng cao khả năng đọc cho công chúng, bởi đích thị công việc của họ là như thế. Và chính nhờ vậy, họ ủng hộ các nhà văn bằng cả hai tay. Nếu các nhà văn viết hay hơn, họ chẳng những làm rộn ràng thị trường, mà còn hơn thế, nâng cao được toàn bộ mặt bằng văn hóa tinh thần của xã hội, chứ không để cái rào cản thấp tít như bấy giờ mãi cản đường. Vâng, các nhà văn sẽ được cả xã hội quan tâm, nếu công chúng chú ý đến kết quả các cuộc điều tra của NEA".■

ĐÀM NGỌC XUYẾN
dịch từ P&W.com

* Kevin Nance là nhà phê bình văn học chuyên nghiệp của Tuần báo *Chicago Sun-Times*.



Minh họa của PHẠM HÀ HẢI

MIÊN MAN ĐẤT MŨI

Bút ký của VŨ PHẠM CHÁNH

THẾ là lần này tôi quyết định đi Đất Mũi sau chuyến trước những bấy năm. Tôi định ninh mình sẽ phát hiện ra những cái mới, cái khác của những lần đi trước. Đường xuống Đất Mũi sao mà khó khăn. Xe đồ từ bến xe miền Tây chỉ có vài chuyến chạy đến thành phố Cà Mau, còn đi xuống Năm Căn rồi ra đất mũi phải đi tổng cộng gần một trăm ba mươi cây số nữa, bằng phương tiện phối hợp, xe đồ, xuống đò và xe ôm. Tôi nghĩ đến tìm xem có công ty du lịch nào đi thẳng đất Mũi. Tìm mãi mới thấy có một công ty con con sẽ tổ chức chuyến đi vào tháng 12 nếu có đủ khách. Đăng ký với họ vậy. Đăng ký với Công ty du lịch từ trước hàng tháng, nên cũng hồi hộp, nôn nóng đôi chút. Miền đất cực Nam hoang sơ và nghèo nàn ấy vẫn có một cái gì đó rất hấp dẫn, như là sự hấp dẫn của đất Mẹ với người con ruột của mình, chứ đừng nghĩ nó hấp dẫn gọi mời gì du khách nước ngoài. Nhưng muốn để tự mình tìm biết, tự mình nhìn ra, nên nhất định trước khi đi tôi không ngó qua bất cứ cuốn sách nào nói về Cà Mau và cả những tập truyện ngắn, những cuốn tản văn của nhà văn đất Cà Mau – Nguyễn Ngọc Tư, mà mấy năm nay các nhà xuất bản thì nhau in đều đều. Càng gần đến ngày đi thì hình ảnh Cà Mau – Đất Mũi trước đây cứ hiện hiện về: những cái tên kênh tên đất tên sông Hộ Phòng, Quản Lộ, Thới Bình, U Minh, Năm Căn, Ngọc Hiển, Bảy Háp, Ghềnh Hào, Cửa Lớn, Ông Trang..., rồi hình ảnh sông nước, kênh rạch, ghe xuồng, rau chối, mật ong, cây mắm, cây đước, cây dừa nước, cây tràm... và những con người cần cù, kham, khổ, chân chất, ân tình. Thế rồi trong lòng cứ rộn những mơ ước mơ hồ sẽ được thấy người dân đất cực Nam này xanh xang hơn, giàu có hơn, bớt đi những nét lo âu, khắc khổ... đã hằn sâu bao đời trên nét mặt.

Con lộ 1 – không hiểu sao vào đến trong này rồi thì cứ thích đổi chỗ nói theo kiểu nói của người miền Nam, chẳng hạn như không thích gọi là "đường quốc lộ" mà chỉ đơn giản là "con lộ". Con lộ 1 nối tiếp sau đường cao tốc Sài Gòn – Trung Lương, chạy về cầu Mỹ Thuận, chạy qua Vĩnh Long, vượt sông Hậu bằng cây cầu Cần Thơ khỏe khoắn nhịp dây văng không gian màu đỏ, chạy né thành phố Cần Thơ xuống Cái Răng, Phụng Hiệp, rồi bỏ qua thành phố Sóc Trăng với các địa danh nổi tiếng như chùa Dơi, chùa Khơ Me Khleang, chùa Đất Sét và các đặc sản bánh pía bánh in và lạp xưởng Mai Quế Lộ, chạy qua hết

địa phận thành phố Bạc Liêu, bỏ lại đằng sau di tích nhà "công tử Bạc Liêu" chính quyền thành phố đã biến thành "khách sạn Công tử Bạc Liêu" đang tu sửa, bỏ qua cả nơi lưu niệm cố nhạc sĩ Cao Văn Lầu, tác giả của bản "Dạ cổ hoài lang" đã thành di sản, rồi vượt qua huyện lỵ Giá Rai, huyện lỵ Hộ Phòng, bám lấy ven con kênh lớn hồi nào gây sứt lở cho con đường chưa nâng cấp. Nay thì đường tốt, xe chạy bon bon 60, 70 km/g vào thẳng thành phố Cà Mau, đến ngã ba đường Lý Thường Kiệt – Phan Ngọc Hiển xe chạy chậm lại đôi chút rồi tấp vào khuôn viên của khách sạn ba sao Ánh Nguyệt. Trời chập chiếu, cất đồ đặc lên phòng, tôi tranh thủ giờ đợi cơm tối dạo quanh khu khách sạn ngó nghiêng đường phố. Đường Phan Ngọc Hiển dài chừng ngàn mét, có thể coi như một đại lộ (boulevard) có giải phân cách giữa rộng 1,5m trồng cỏ trồng hoa, có vỉa hè rộng chừng 8 đến 10m, mặt đường lộ rộng 4 làn xe (mỗi chiều). Nhà san sát ken nhau, biển hiệu, đèn mầu, nhưng nhiều nhất là các quán cà phê và quán nhậu! Thử đếm một khúc chừng hai trăm mét, đã được đến 17 cái quán cà phê như thế, khách khứa thưa thớt, dăm cô tiếp viên quán ăn mặc màu mè, đợi khách. Phố có hai khách sạn 3 sao đối nhau, bên này là KS Ánh Nguyệt, bên kia là KS Quốc Tế. Khách vắng hoe, đường vắng hoe, dăm chiếc xe máy tẩu và vài chiếc xe hơi xe tải nhỏ, tắc xi thỉnh thoảng thấy một chiếc. Đường phố này là đường phố mới, hồi bấy năm trước, thành phố chỉ ven ven chỗ tượng đài Cà Mau, sang đến bùng binh nhà thiếu nhi nhà khách Minh Hải, một nhánh về đường Lý Thường Kiệt, một nhánh đi xuống phía tây nam vượt qua cầu Ghềnh Hào. Hai nhánh này chính là khúc trùng với đường quốc lộ số 1 xuống Năm Căn. Chả cứ những con đường nội thành Cà Mau vắng vẻ xe cộ, mà ngay trên con lộ 1 từ Tiền Giang về Cần Thơ cũng vắng vẻ hơn xưa rất nhiều. Trước đây đi trên con lộ 1 về Miền Tây thấy ngộp vì xe chạy đông đúc trên đường, nay thấy vắng tự dưng tâm trạng không yên ổn. Thế mà con số thống kê của nhà chức trách trên đường cao tốc vẫn có đến sáu mươi ngàn xe ngày đêm, hay xe chỉ chạy về đêm? Cà Mau-thành phố nghèo. Cái nghèo toát ra ngay trên mặt phố sầm uất nhất. Sản phẩm nhiều nhất mà xuất xứ từ Cà Mau vẫn chỉ có hai thứ: thủy hải sản tươi khô loại nhỏ như tôm cá dùng trong bữa ăn hàng ngày và mật ong. Hình như năm nay có thêm mặt

hàng đồ dùng làm bằng gỗ đước, gỗ già, gỗ tràm như đĩa ăn, hộp bao bì và đồ mỹ nghệ không tính xảo. Hàng họ bán trong chợ, trong cửa hiệu, trong siêu thị vẫn toàn là hàng sản xuất từ nơi khác, nước khác, buôn về. Cái ý nghĩ hồi bấy năm trước ở Cà Mau lại hiện về: Hình như chính quyền tỉnh lúng túng trong định hướng chiến lược phát triển kinh tế: khai thác mặt nước sông kênh, khai thác rừng ngập mặn, khai thác biển, gầy và trồng rừng sinh quyển... hay gì đây để nuôi sống hơn một triệu dân và còn dư để đóng góp cho quốc gia? Chính phủ trung ương được các chuyên gia kinh tế mách nước đã đồng ý đầu tư nhà máy Khí – Điện – Đạm ở đây, hàng chục năm rồi vẫn chưa hoàn thành, nhưng sản phẩm của nhà máy này ngoài điện dân dụng ra thì lại phải mang đi tiêu thụ ở nơi khác. Rừng U Minh Thượng, U Minh Hạ sẽ đóng vai trò như thế nào trong kinh tế tỉnh và trong kinh tế quốc gia? Người dân sống bằng gì ngoài mấy con cá con tôm đánh bắt hàng ngày trong kênh rạch? Đường ô tô về đến tỉnh đã được nâng cấp hai lần, một lần vào cuối những năm 80 thế kỷ trước bằng vốn ngân sách nghèo nàn, một lần vào đầu những năm 2000 bằng vốn vay ODA của ngân hàng Thế Giới. Bây giờ trên bản đồ giao thông, trên đường đi xuống cực nam, cây cầu Năm Căn đã xong, còn cây cầu Đầm Cù sẽ hợp long vào đầu năm sau, cũng coi như gần xong. Đường quốc lộ 1 sẽ thông đến thị trấn huyện lỵ Năm Căn, vẫn còn cách điểm cực nam đất nước gần sáu mươi cây số nữa. Nhưng làm xong đường ô tô để làm gì? Lần trước đến thăm anh em ở huyện U Minh và Thới Bình cũng chưa có đường ô tô, phải đi bằng xuồng. Ủy ban Huyện chưa có xe hơi, chỉ có vài người có chiếc honda 67 cũ. Các anh hẹn khi nào có đường ô tô sẽ thông báo để mời về chơi. Chờ mãi, chẳng thấy tin tức gì. Chắc cũng tại những người dân ở đây không mặn mà gì nhiều với đường ô tô, nghe nói làm đường ô tô ở đây đất lắm, giá thành một km bằng đến năm sáu lần giá thành làm đường ở ngoài miền đông nam bộ. Người dân đất mũi đi lại bằng xuồng (các loại xuồng từ nhỏ đến to, có cái gọi là "đuôi tôm" có cánh quạt – élise, nhỏ xíu, đường kính chỉ hơn 10 cm, máy nổ nhẹ như máy xe cup Chaly 82 – 50cc, len lỏi vào đến tận các lạch nhỏ bé ngang mặt cát chỉ 70, 80 phân; có cái to dùng đoàn chạy trên sông Ghềnh Hào, sông Cửa Lớn lừng lững chở hàng chục tấn hàng, cũng vào được đến các kênh cấp I, cấp II, cấp III, cấp IV...). Người dân không cần đường ô tô đã hàng trăm năm nay rồi, họ cần là cần cái chính sách trợ giá xăng dầu, để tồn tại, đi lại, sản xuất, đánh bắt kiếm sống và giao lưu... như từ cách nay ba bốn chục năm vẫn thế. Có anh cán bộ tỉnh người quen cũ, nay đã nghỉ hưu, chiều chiều đi bộ vào vườn chim thư giãn và suy ngẫm. Gặp tôi, anh tâm sự: "Anh ở ngoài chắc anh biết, dựa trên luận chứng như thế nào mà các anh ở Bộ giao thông trình dự án đường Hồ Chí Minh khúc trong này đến tận Rạch Giá rồi lại còn kéo dài tuốt về tỉnh tôi, lại còn định kéo xuống tận Đất Mũi nữa chứ? Nói nhỏ với anh, tôi chưa hình dung nổi đoạn đường đó khai thác như thế nào, phát huy tác dụng ra sao, chứ nghe nói tiền đầu tư cao như núi. Tính tôi, nối với các tỉnh phía bắc đã có con lộ 1, nối với Kiên Giang đã có con lộ 63, lại mới được mở lại cái

sân bay Cà Mau mỗi tuần đôi chuyến máy bay ATR mà cũng chưa đầy khách, còn cái sân bay nhỏ cũ chưa khôi phục ở Năm Căn đó. Dân Cà Mau đâu cần đường ô tô, họ đi bằng sông rạch, họ lái xuồng siêu như lái xe đua. Mà tôi nghĩ khách du lịch nếu có về Cà Mau cũng thích ngồi xuồng đi theo các kênh rạch, vào rừng U Minh, vào khu sinh thái Năm Căn, Ngọc Hiển, Đất Mũi, Cột Mốc Quốc Gia, điểm cực nam đất nước, cũng như điểm Lũng Cù cực bắc chỉ có ý nghĩa thiêng liêng với người Việt Nam mình. (Tôi đổ anh tìm được một ông tây bà đầm nào về du lịch Đất Mũi?) Mà dân mình xuống đó, chạy xuống từ thành phố Cà Mau này cũng chỉ hơn hai giờ đồng hồ, mai anh đi đất Mũi, anh ngồi xuống anh sẽ thấy thích, vì anh còn thấy phong cảnh sông nước, biển trời, kênh rạch, rừng đước, rừng dừa nước, rừng tràm, lại thấy được những căn chòi ven kênh rệu rã nghèo nàn, đâu có phát triển rực rỡ như người ta nói. Mà này, anh thử tính xem hơn một triệu người dân Cà Mau này sống bằng gì đây? Hình như mấy năm nay GDP của tỉnh tính vẫn có tăng những trên 10%, bình quân đầu người đầu như được trên 17 triệu đồng một năm, chủ yếu nhờ vào món hải sản xuất khẩu, đâu được chừng hơn 700 triệu đô la mỗi năm? Nhảm nhảm gì với hơn một triệu dân? Tôi nghi ngờ cách tính GDP lắm, hình như họ cộng cả những khoản đầu tư của trung ương, những khoản ODA cho nông thôn, cái nhìn thấy rõ nhất là chỉ thấy dân mình vẫn nghèo, sản xuất sút kém, nhiều hộ đứng trước nguy cơ thiếu đói, biểu hiện cái GDP ấy tăng theo đầu âm hay sao? Tỉnh vẫn phải sống bằng trợ cấp của trung ương?...". Tạm biệt người bạn cũ, lòng băng khuâng tôi về khách sạn ăn tối rồi đi ngủ. Không ngủ được một giấc ngon sau những trăn trở, sớm hôm sau tôi bật dậy sớm ra bến tàu đi Đất Mũi.

Cái thú của người lữ hành đi bằng xuồng du lịch cao tốc loại nhỏ, loại chỉ đi chừng 18, 20 người gọn nhẹ, không đồ đoàn cồng kềnh, rõ là hơn đi bằng xe đò. Xuồng cũng chỉ chạy với tốc độ khoảng 50-60km/giờ. Ngồi trong ghế đệm, bên cửa sổ sát mặt nước, xuống lướt nhẹ trên sông kênh, ngồi ngắm các căn "nhà sàn" ven sông. Những nhà sàn này thực ra chỉ như một chiếc lều vài tấm ván dựng trên mười chiếc cọc cừ (cừ tràm hoặc cừ xi măng cốt sắt) mái lợp tôn hay lá dừa nước. Vài chiếc xuống máy nhỏ hết dầu, gác bên vạt bùn cạnh gốc đước hoặc dưới gầm nhà. Dám người đàn ông đàn bà, trẻ nhỏ ngồi ngó nghiêng ra mặt kênh, không hiểu họ nghĩ gì khi nhìn thấy lũ người thành thị xa lạ đi trên chiếc xuồng du lịch cao tốc chạy ra "Đất Mũi"? Xuồng chạy vài mươi phút ra khỏi vùng ngoại thị đi vào dòng kênh Bảy Háp hai bờ mênh mông cây đước, tràm non, nhà cửa thưa thớt, xuống của bà con đi lại làm ăn cũng thưa thớt. Chạy chừng nửa tiếng thì dòng kênh cắt ngang con đường quốc lộ 1 ở bắc (phà) Đầm Cù, nơi đang xây dựng chiếc cầu lớn đầm hộp bê tông đúc hẫng, chiếc cầu lớn cuối cùng trên quốc lộ 1 xuyên Việt dẫn đến huyện lỵ cuối cùng tỉnh Cà Mau, huyện lỵ Năm Căn. Hai cánh đầm của nhịp chính đang vươn ra giữa sông chờ ngày hợp long. Đã có thể nghĩ đến ngôi xe đò suốt từ Hà Nội mà đến thẳng Năm Căn. Đầm Cù chỉ còn cách huyện lỵ Năm Căn chừng hơn mười ki lô mét. Xuồng chạy hơn một giờ đồng hồ, ghé chợ Năm Căn cho du khách lên nghỉ và để nhà tàu đi tiếp dầu. Một khu chợ huyện mà lèo tèo vài cửa hàng tạp hoá, quà vật, trái cây. Bến thuyền chỉ là một cái "ke-cầu cảng" dài chừng hai chục mét (phải nói lại một chút, cái công trình cầu cảng Năm Căn gần chỗ tượng đài, dự kiến là một cảng

LỜI NHẮN DÃ QUỲ

VĂN CÔNG HÙNG

MẤY hôm nay đã xoe xoe gió. Nắng rười rượi vàng trên thảo nguyên. Trời cao và xanh chứ không xám xỉ ung như trước đó. Ấy là một báo hiệu tốt lành của mùa khô, cái mùa đẹp nhất của cao nguyên.

Hôm qua một người bạn làm ở một hãng lữ hành gọi điện nhờ xem hộ dã quỳ nở chưa để thiết kế một tua (tour) ngắm dã quỳ.

Thì đây, dã quỳ nở.

Lâu rồi, dã quỳ không còn nhói trong tâm thức mỗi khi chuyển mùa nữa, có lẽ tại đã quá quen, lại hay chứng kiến cảnh quỳ bị phá, bị hất hủi khi bị lùi mãi về vùng sâu vùng xa, vào các hẻm, các ngõ nhỏ...

Nhưng thực ra trong hoàn cảnh nào, dã quỳ vẫn đẹp đến ngất ngây, đến bàng hoàng tâm thức.

Hôm qua tôi cùng mấy người bạn ở Buôn Ma Thuật ra Chư Pah, và trên xe chúng tôi nói chuyện về dã quỳ. Ai cũng thừa nhận, dã quỳ đẹp nhất là ở Đà Lạt và Pleiku. Đà Lạt thì không nói làm gì, đây là đất hoa nổi tiếng, còn Pleiku, tại sao nhỉ?

Ấy là cái màu vàng đến hết cỡ, vàng như chỉ còn lần này là lần cuối, vàng đến mê dại, đến hết mình. Mười bông như một, tạo thành thảm, thành lớp, thành những vô hồi bất tận, thành những miền man không ngưng nghỉ trên cái nền bazan tạo thành những mảng màu mà những họa sĩ thiên tài cũng phải nghiêng mình thán phục.

Đây là những bông to, bụ bẫm, viên mãn, xoe bung những cánh hoa điệu đà trước gió, trước nắng, trước cả những ánh mắt đắm say của du khách. Nó mang vẻ đẹp của rợn ngợp, của miền man, của tầng tầng lớp lớp, của những khối kết dính, mạnh khỏe và vững vàng chứ không mỏng manh cô độc.

Dã quỳ nơi khác cánh nhỏ hơn, màu vàng cũng thưa vắng hơn, xác xơ hơn, có vẻ như yếu đuối và man mác.

Có lẽ cái chất của nham thạch triệu năm làm nên Biển Hồ, làm nên Hàm Rồng đã tích, đã tụ, đã lặn vào, đã hóa thân làm nên cái khác lạ của dã quỳ nơi này. Tôi nói và các bạn trên xe đều cho là đúng. Như thế nó không chỉ là hiện thân của cái đẹp, của màu vàng tự nhiên bất tử, mà nó còn về đẹp của sự kết gắn, của sự khỏe khoắn gợi cảm, như một ân vật của tự nhiên trao tặng con người.

Phàm ở đời, cái gì nhiều thì không quý. Rất nhiều người ở Cao nguyên đã thờ ơ với dã quỳ, cho đến một ngày, mở mắt ra, ơ quỳ đâu mất. Lúc ấy một đốm quỳ, một cô độc quỳ, một thẳng hoặc quỳ nhồi lên từ đâu đó trở nên của hiếm.

Thì nó vốn dĩ là hoang dại, là "của giời", thậm chí là đối tượng cướp đất của con người, cho đến một ngày nào đó, một người nào đó, sớm mai thức dậy, tỉnh khiết trước bình minh, trước nổi vô ngôn của đất trời và của chính mình, chợt thẳng

thốt mà tự thân: Thì ra là quỳ đẹp. Nhưng mà rồi do mưu sinh, do cái tâm lý "của nhà" nên mỗi ngày dã quỳ mỗi thưa vắng, mỗi ngày quỳ mỗi lùi xa, để đến giờ muốn ngắm quỳ, muốn thả mình vào cái màu vàng tưởng như vô ngôn kia ta phải kiếm tìm. Mà quả thật cái thành quả của kiếm tìm bao giờ cũng giá trị hơn những gì tự có.

Dẫu vậy vẫn ao ước, nếu nhà mình giàu, có điều kiện, sẽ có một cái vườn với hàng rào là dã quỳ. Mùa mưa nó cứ xanh um thế, xanh cũng là một ẩn sắc của đẹp, cũng là một trạng huống của cảm xúc, rồi đến mùa khô, nó bung sắc trải mình ra ngay sát tầm mắt con người, thân thiện và gần gũi mà vẫn giữ được cái vẻ với xa ẩn dụ. Tôi đã gặp một ngôi nhà như thế ở một ngõ nhỏ nào đó trong thành phố Pleiku. Cái bờ rào đã rất đẹp bày ra các ô trống như những cửa sổ, bên trong ấy là dã quỳ. Những bông quỳ thấp thoáng bên những ô cửa sổ đã ấy khiến khách bộ hành đang đi phía ngoài hàng rào, đang xuống xuống lên lên với cái ngoắt nghèo rất đặc trưng Pleiku chợt dừng lại. Cái đẹp vừa hun hút vừa kiêu kiêu, vừa mừng mở tròn đầy vừa khiến bất giác kiêu kiêu chân nuôi tiếc. Ơ, thế chả là một đặc trưng Pleiku ư?

Lại cứ ước ao, ở các bùng binh thành phố, người ta thả vào đấy một góc quỳ. Đà Lạt đã chọn dã quỳ làm loài hoa đặc trưng của thành phố mình, họ đầu tư nghiên cứu để có một giống quỳ lùn, có thể trồng trong thành phố. Nó chỉ khác dã quỳ thông thường là nó lùn hơn để không che khuất tầm mắt người đi đường, để khi đặt ở các bùng binh, các ô cò, các công viên trong thành phố, thậm chí là trong chậu, nó hòa hợp với xung quanh mà vẫn giữ cho riêng mình cái màu vàng bất tận như khi nó ngạo nghễ giữa nắng giữa gió giữa thảo nguyên, vẫn bí ẩn cao sang mà lại gần gũi và thân thiện. Chỉ có điều khi ấy cái tên dã quỳ có vẻ không còn nghĩa gốc của nó nữa. Có hề chi, dã quỳ, vẫn cái tên ấy, vang lên như một khắc khoải cao nguyên, vừa kiêu hãnh vừa bình dị, ẩn sâu một cốt cách nửa thân nhiên nửa níu kéo chào mời...

Và, tôi đã gõ những dòng này trong một tình sương giữa những rực vàng như thế, chỉ mong chạm được vào, một chút thôi, cái bí ẩn truyền đời của dã quỳ, để ai đó, ở xa, có đọc những dòng này, biết rằng, đời quỳ như ngắn như dài, sắc quỳ như mơ như thực, dáng quỳ như lơ lửng như đoan nghiêm, và như một lời nhắn rằng: vẫn còn đó những rạo rực đam mê của cái thuở lần đầu gặp quỳ, thấy quỳ, ngẩn ngơ trước nó để rồi bàng hoàng mê đắm, rằng là quỳ hay nắng, gió và cao nguyên này sinh ra những đuôi mắt buồn và mệnh mang làm vậy, cứ muốn về lên đấy những mềm mại ngón út, những mê hoặc đôi môi, và cái nỗi nhớ khắc khoải ngày đêm như bắt nguồn từ đấy...■

sông hoành tráng thu hút cả tàu buôn của mấy nước láng giềng, dài một trăm hai chục mét mới xây dựng xong, mấy năm trước đã biến mất xuống lòng sông chỉ trong một đêm, chưa kịp khai thác. Chuyện đó rộ lên một thời gian, rồi cũng chìm xuống luôn cùng với hàng nghìn khối bê tông sắt thép, và "địa phương" đến nay vẫn chưa dám nghĩ đến việc xây dựng một cảng sông cỡ lớn cho mình) Trở lại cái bến tàu con con nơi chợ, lại vẫn là sự thổ lộ cái nghèo nàn của vùng nước mênh mông. Nhộn nhịp vây quanh gần hai chục du khách là đám con gái bán vé số. Hình như người dân ở đây sống trông vào sự may rủi của những vòng quay vé số? Đám thanh niên xe ôm thì rụt rè hơn để nghị du khách bỏ xuồng để họ chở thẳng đến đất Mũi. Thử hỏi giá tiền ngồi xe ôm chừng 50 km, họ bảo cộng cả giá tiền trả cho cỡ 5 chỗ đồ ngang, một lượt là 200 ngàn, đường chạy xe là đường đất đen, chưa tráng nhựa, trời mùa này nắng không có mưa thì chạy "vô tư" tốc độ 4, 5 chục ki lô mét một giờ! Thực ra thì giá đó chấp nhận được, nhưng thời gian mất nhiều hơn so với thời gian ngồi

xuồng cao tốc. Thế là biết thêm một cách kiếm sống của dân ở huyện lỵ này. Có lẽ cái chặng xuống chạy trên sông Cửa Lớn khoảng 10 km bám theo địa giới tự nhiên giữa huyện Năm Căn và huyện Ngọc Hiển (huyện Đất Mũi) trước khi rẽ vào kênh Ông Trang, là thư giãn nhất. Sông lớn vắng hoe ghe xuồng, những rặng-đặng ngang sông cũng thưa thớt xuống vớt cá. Nắng Miến Tây không dữ dội như ở mạn Cấn Thơ Vĩnh Long. Sông loá nắng và sóng nước phù sa đậm đặc hoà quyện vào nhau như gợi mở những mơ ước trù phú cho đất Mũi. Kênh Ông Trang, rạch Vàm Tàu và Xóm Đất Mũi, những cái tên gợi sự ổn định khó thay đổi, vì xung quanh đây chỉ đang phát triển vùng rừng ngập mặn quy hoạch. Xuồng rẽ vào một dòng kênh nhỏ, phía trước hiện ra một tấm bảng trắng rất lớn có chữ màu xanh "Welcom to Camau cape", không phải của Công ty du lịch, mà là bảng quảng cáo của VNPT (Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam). Đã đến Đất Mũi. Đúng là vẫn tâm trạng như những lần trước đến đây. Một cái gì đó xúc động trào lên trong lồng ngực, muốn hít thở thật sâu,

ngập ngừng đi ra mũi xuồng và bước nhẹ một bước chạm chân vào Đất Mũi! Đất Mẹ vẫn muôn vàn yêu thương dù đã qua bao nhiêu gian truân đói khổ, dù đã qua ngàn năm đương đầu sóng gió, vẫn mềm ấm đón nhận cái chạm đầu tiên của bước chân những người con từ xa lác đến thăm. Xúc động, rút điện thoại di động gọi cho một người bạn già ở Hà Nội: "Ông Chính à, bây giờ là mười giờ sáng, mình đang đứng trên Đất Mũi đây, ở nơi cực Nam của Tổ Quốc, gọi cho ông để chia sẻ một chút rung động mà chẳng rõ vì sao? Có lẽ cái sự đến được Đất Mũi, đến được mảnh đất tận cùng phía nam của Tổ Quốc là một niềm mong ước thầm kín của tất cả những con dân đất Việt, nhưng không phải người nào cũng thực hiện được. Mình đến được đây, đi qua nhiều chỗ vui buồn, nhưng đã đến được đây là thỏa mãn rồi. Vài giờ nữa sẽ lại từ biệt nơi đây để trở về, nhưng không hiểu sao lại nghĩ rằng, nhất định mình sẽ trở lại nữa, Đất Mũi có cái gì đó thu hút lắm. Thực tâm trạng lúc này là như thế. Miền man Đất Mũi, tràm mỗi tơ vò, yêu mà thương vì cái nghèo của Đất Mẹ..."■

ĐỖ MINH DƯƠNG

Giữa ngày xuân

Bao điều ta chưa hề biết
đang ở mùa xuân phía trước đời ta
Vạn điều ta đã trải qua
bỗng mới lạ như chưa từng được biết...

Lòng rạo rức giữa ngày xuân tháng tết
tóc bạc rối hỗn vẩn trẻ thơ...

LÊ MINH QUỐC

Vô tư

Những trưa không một chỗ nghỉ chân
anh phóng xe lang thang
nắng chói chang
mơ về mùa vàng
bụng đói
chỉ thêm mong một tiếng ai mời gọi
một hạt dẻ thơm một chỗ để ngồi
chẳng có ai chỉ có mỗi ông trời
trời xanh quá khiến anh lại đòi
đời sống từng ngày mệt mỏi
sống?
đôi khi chẳng biết sống là gì
mở mắt dậy lại lao vào trang viết
dấu thời tiết
đang xuân
dầu lạnh lẽo mùa đông
anh ngồi yên mười ngón tay gõ phím
chữ hải ra tiền và anh lại đếm
con chữ hư hao con chữ hồng hào
anh đếm tiền qua chữ
cuộc đời nhọc nhằn sao
như con ngựa leo lên núi cao
như ngọn gió lại rơi vào vực thẳm
mê đắm trời ơi mê đắm
thơ
em là thơ hay chỉ đến bất ngờ
trong chốc lát?
chỉ có tôi ngu ngốc
cứ hồn nhiên reo lên tiếng hát
vô tư...

NGUYỄN VŨ TIỀM

Những bản nháp tình yêu

Ngôn ngữ mới của loài người đang được sơ khai
Trong những lùm cây, trên ghế đá.
Hiện hiện tiền sử, hồng hoang
Mà không cần khảo cổ...
Nhưng nhiều nhất là tương lai đang phác thảo
Những bản nháp tình yêu
Chỉ hai người nhỏ to bàn luận.
Vây mà bất ngờ
Các cặp tình nhân đầu biết
Bản nháp tình yêu cùng những phác thảo kia
Đều đã bị cây vườn sao chép
Lưu giữ tươi xanh
Giống như chúng ta số hòa
Chờ xuân về, chúng mới tung ra
Bằng một cách rất riêng và kỳ diệu
Trong màu sắc và hương thơm!



TRƯƠNG NAM HƯƠNG

Ngẫu hứng Huế

Anh về Huế gặp mùa sen
Tiếng ve vừa lặn. Trăng lên Ngự Bình
Sông nằm cho Huế nghiêng xinh
Núi ngồi cho Huế quên mình rêu phong

Trăng Tiến nường Huế mà cong
Nắng xoay viên nón cầu vồng qua mưa
Áo người hai vạt dạ thưa
Mắt nắng ngon gió mát lửa ngang eo

Sông thon thắt cả mái chèo
Anh xanh với Huế suốt chiều ngó sen.

CAO QUẢNG VĂN

Đừng bao giờ chia xa

Bước thắm gieo lạng lẽ
Chiều xa xôi về đâu
Ơi người em áo trắng
Mơ gì, đôi mắt nâu?
Chút thương cùng chút nhớ
Chút hiu buồn phố xưa
Sông rồi ra với biển
Em về đâu, ta chờ
Nghe chuông Xuân đang tới
Chiều nay hay chiều qua
Dù mai đời lắm nỗi
Em, đừng bao giờ xa...



THAI SẮC

Mùa xuân gọi tóc cho xanh

Mùa xuân gọi tóc cho xanh
Gọi mây cho trắng gọi cánh cho tươi
Gọi người xích lại với người
Gọi hoa nở dưới mặt trời lung linh
Mùa xuân gọi gió nguyên trinh
Về giăng trên vạn nẻo tình yêu xa
Gọi mưa khuất bóng trời xa
Gọi ngày khắp khối nắng òa phiêu du
Mùa xuân gọi tiếng sông ru
Sông xanh bờ bãi mật mù thuyền đi
Gọi con đường bước phân kì
Ai qua ai lại mấy khi đồng tàn
Mùa xuân gọi kí ức khan
Hồn nhiên lay động sau làn sương mơ
Em xa từ bấy đến giờ
Cò không một sát na hồ ngoảnh trông
Mùa xuân gọi lửa đơm đồng
Gọi cây đơm lá gọi lòng đơm hương
Gọi đời rộn những yêu thương
Gọi tay biết hải vỏ thường tặng nhau.



HỒ KIÊN GIANG

Thương hổ

Về thôi! Hỡi khách thương hổ
Mùa mưa nước lũ, mùa khô nghen dòng
Biết rằng số kiếp long đong
Một đời may rủi để mong cơm đầy
Nắng mưa chai sạn bàn tay
Đã quen với phận thàng ngày nước sông
Mái dầm khuya buổi hừng đông
Chèo khuya khuấy nước buốt lòng áo tơi
Dòng đời thì cứ mãi trôi
Con xuống thay lái. Năm rồi lại năm
Thương hổ lắm nẻo xa xăm
Gặp nhau nên chợ, xuống nằm nên quê
Ngày mưa giăng kín đường về
Tiếng hổ ai thả tràn trề mặt sông

LÊ CHÍ

Đất xưa

Bạn tôi thăm ngày Tết
suốt đêm
chuyện cũ nhắc hoài
vùng đất xa
thật xa

Vây mà
chập chờn giấc ngủ
như mới hôm qua.

TRỊNH BỬU HOÀI

Tự tình

Mỗi lần qua sông rộng
Lòng thêm chút men mộng
Ta như thuyền xuôi sông
Trôi về phía hư không
Mỗi lần qua vườn cũ
Hồn thêm chút nhớ thương
Em như hoa nhãn nở
Rung rúc một mùi hương
Mỗi lần qua đỉnh núi
Đời thêm chút bình minh
Dấu chốn chân dốc cuối
Vẫn tin dưới chân mình
Mỗi lần qua bến mộng
Tình thêm chút xa xăm
Kiếp người như sương mỏng
Hẹn thế đến trăm năm
Mỗi lần qua đêm tối
Thèm thêm chút trăng sao
Đường đời chưa tỏ lối
Đã hoá thành chiêm bao
Mỗi lần qua năm tháng
Là thêm chút tuổi đời
Ta con thuyền lãng mạn
Hư ảo một dòng trôi...



ĐA TẦNG NGŨ NGHĨA CỦA PHÉP GIẢI PHẪU

(Đọc "Chân trời sau Chân trời", thơ Vũ Quần Phương, Nxb Văn học, 2011)

TẤN PHONG

KHÔNG ồn ào, có phần bình tĩnh và kiểm chế. Kể từ *Cổ mùa Xuân* (1969) với những ấn tượng đẹp mắt cách trong sáng, nguyên khiết một thời, 42 năm qua, Vũ Quần Phương (VQP) đã lần lượt cho xuất bản 10 tập thơ, với vận tốc những năm 1996 đến nay nhanh hơn, bình quân khoảng 4 năm/1 tập. Cũng phải coi là khá dày dặn, đều đặn và dĩ nhiên, đã định hình về bút pháp, phong cách. Song, từ tập trước đó (*Chỗ ấy Sông*, 2007), tôi thấy ở anh đã có những biến cải. Có lẽ là về tư duy và hình như, cả cái lập lý. Có những bức bối, băn khoăn, day dứt nào đó và không dễ theo dõi, nếu không đọc vài lần, - như tập này. VQP là một bác sĩ (cũng như Trần Quán Anh). Dấu vết nghề nghiệp có mặt một cách sống động, trong tác phẩm của họ. Trộm nghĩ, VQP không phải là một ngoại lệ. Phải chăng đó là một chất keo, một tiêu chí để giải mã thơ anh. Tôi cố gắng đi theo hướng này. Chỉ ít cũng đã đạt được một điều gì đó...

Bất luận thế nào, khoa học vẫn dạy ta bắt đầu và bám chắc văn bản. Ngay từ bài mở đầu tập (*Trà đạo*), giữa cái thực và cái hàm ngụ đã có một tầng nghĩa. Trải qua hai lần phải hy sinh (chết). Thứ nhất, khi người ta sao và đánh mốc (trắng), để rồi, "nước thật sôi/ trà chết một lần nữa" (tr7). Cái chết của trà giống như một sự hóa thân ở kiếp khác qua cái búp non đã hiện hữu "bơi trong đặc chất" (tr7). Tầng nghĩa thứ nhất này được đẩy thành một tầng nữa, cái này xa hơn, rộng hơn, từ số phận của trà để ngụ ý "nghe cơn khát của mình/mà đo hương trời đất/nghe trên lưỡi/vì mưa nắng xa với ngọt chất" (tr8). Cứ như thế để hiểu "biển xa, núi biếc/ chén trà nâng/ nghe.../ biết...(tr9). Từ việc nói chuyện đi khoan giếng, đối lập với chuyện uống trà, nhà thơ nhìn ra "nước trong thì không đục/nhưng trong mà có khi vẫn đục" và "lưỡi người cũng chưa tin được đầu/nếu không ra vị đục" (*Phân trà đạo*, tr10-11). Từ việc bàn khoăn về một bài thơ không thành, mà đầy tới, nghĩ đến việc "Bà mẹ ghim cơn run/đội tờ đơn.../ta từng nghe được xào xạc gió/... bình minh mây/những nỗi lặng im này/lại chưa nghe được" (tr13). Từ một bài thơ không thành, để biết mình không hoàn hảo, là một lẽ, - để "nghe mà chẳng rõ"



"tiếng thì thầm của cỏ/nổi ngập ngừng của hương/... cả âm ấm bao tử" (tr13). Lẽ khác, đã được đẩy đến điểm đỉnh, đến cao trào, đã thoát ly khỏi một lý do thường, một suy luận thường, để dẫn đến "SUY NGHĨEM. Vì "Bài thơ không thành/Có lẽ chỗ gọi thơ/thơ lại điếc" (tr14, Bài thơ không thành, chúng tôi nhấn mạnh). Cách lập lý này quả là một liên tưởng xa, khó quanh co. Bất ngờ, đau đớn. Cái ý tại ngôn ngữ rành rành ra đó, nhưng phải qua một cuộc tự GIẢI PHẪU cam go. Không lịch duyệt, khó viết được như vậy!

Ở bài "Con sâu đo", VQP cũng khiến ta bị bất ngờ. Cứ như không phải anh viết, vì nó bức bối, khách quan đến lạnh lùng, nhưng cũng hết sức CHỦ QUAN (nên hiểu là CHÍNH KIẾN). Ở đây, khác với thông lệ, thường các tầng nghĩa bắt đầu từ ví dụ về một khách thể, một hình tượng giản dị trong đời sống, nhà thơ lập đề trước. Để thấy các bất ngờ của lập đề này, cần phải rõ lý do mà VQP đưa ra "Lịch sử cần ví nhân/ có ông tưởng nhìn cần/... rồi bay như bụi/có ông chìm tận mấy trùng sâu/... rồi sáng chói" (tr15). Song, nhận định này lại được đẩy tới một lập luận bất ngờ, gắt gao, chang chói, khiến ta phải giật mình. Đó là phản đề

"Nhưng đến lúc cũng cần cân cân lịch sử/làm thứ mơ hồ/nhiều điều nông nổi" (tr16). Nói ngay vào luận điểm có vẻ còn một nửa hai phải, chứng mực này là một đôn trời giáng, quá quắt "lịch sử như anh mù/anh điếc/anh cảm lại hay thích nói" (tr16 - chúng tôi nhấn mạnh). Có phải chăng lịch sử như tám đoạn luận của Nguyễn Trãi "Lam Sơn - Bình Ngô đại cáo - Lê Chi Viên" mà "be bét văn bia/lược nước trắng nghiêm và bổ lão" (tr16). Đến đây, đến cái cao trào này, coi ông đầu hàng nhận định "lịch sử lẽ mề" nên mới chậm rãi, mới từ từ coi nhà thơ là con sâu đo, với sự mạng lấy thân mình mà đo lịch sử. Kích thước vĩ nhân, có châu chấu, cào cào, gió trắng, vui khổ, tham vọng đo "những rộng dài nặng nhẹ sâu nông" (tr17) lấy "trái tim làm quả cân" (tr17). Đây là cái kết trọn, lộn nghĩa hợp thức KHÔNG THỂ KHÁC với con sâu đo - nhà thơ ấy! Bài thơ có bố cục chặt chẽ, giống một tác phẩm khí nhạc có cao trào bật nhanh, hết sức bất ngờ; đề trào và kết là một lập đề không thể bắt bẻ, mà tự nhiên, khiến nhà thơ phải tức ngực, vì tham vọng thật sự của anh ta! "Con sâu đo" là một cái đỉnh của tập này, và chắc cũng là một trong những bài thơ hay nhất của VQP.

Vấn với bút pháp nhiều tầng, đa nghĩa này, có lúc nhà thơ rút vào mình, thủng thủng tự sự ("Chữ"), có lúc tiếp tục quá trình tự mổ xẻ, tự phê phán, với tư cách người trong cuộc, với giọng điệu hết sức quyết liệt. Tỉ dụ, "Đừng tưởng nhà thơ không có lỗi/trắc bằng lăm lăm/không đưa ai qua sông/mà người chết đuối" (*Thơ Tặng bạn thơ* - tr22). Những "Tiếng nói câm", mà chủ thể nói bằng ánh mắt, nói bằng ý nghĩ, bằng hai bàn tay và vầng trán đậm chiêu. Nhưng quan trọng là "Người nói câm, toàn thân là tiếng/Từ chân đi, lưng vác, vai mang/Tiếng nặng chác nhọc nhân như đá/Tiếng thăm sâu, chân thật, bằng hoàng" (tr24).

Thơ ở tập này là của một người đã ở hai phần ba cuộc đời, suy tư, trần trụi vì còn nặng lụy với đời mà khó bình tâm, thơ của "một nỗi mình nghìn nỗi người ta" (tr32). Đó là thứ thơ tự thức, nhiều chất bạch thoại, dù có đề cập ai, có nói với ai, có viện lẽ gì. Ấu cũng là cách thác triển tư duy hợp lẽ, hợp luật, "bình thân" vì niềm xác tín lẽ đời phải thế, như thế, tự nhiên, không thể đảo ngược.

Đó cũng là lợi thế cạnh tranh của VQP mà bất cứ một sự vội vã, buông thả, tắc trách nào cũng chỉ là thảm họa. Một phần ba tập (ít nhất) là những bài như vậy. Dù là nói về Bùi Xuân Phái với "bàn chân trần vương vức cần lao" (tr26, - tôi nghĩ là một phác họa đẹp có tính phát hiện), hay với Hàn Mặc Tử "Lấy thơ vẽ mặt người tình.../lấy mình vẽ mặt cho thơ" (tr29), hay nói với một sư ông "miệng trao việc cho tai/tai thì thay bằng mắt" (tr32). Hay dù "Thôi và kệ. Kệ rồi thôi. Thôi kệ!" (tr33) Nhưng nhà thơ vẫn tỉnh táo "Sống đã là thời kỳ trăm năm" (tr33). Đến Thất Hiên muốn vào rừng trúc, trốn đời, để đêm gối trắng, ngày đốt lửa uống trà mai, cũng không Kệ được đời. Vì "ta (vẫn) thở vào/(rồi lại) thở ra" (tr34). Điều này thì nhà thơ quá rõ, là trước hết, nói với mình, cho mình, tự bạch dưới cái vỏ tự sự!

Ở một khía cạnh khác, với cách nhìn có tính phê phán lịch sử, VQP thẳng thừng lên án Gia Long, chẳng cần nhắc chuyện "cồng rắn cần gà nhà", mà tiếng thét những nạn nhân của ông vua này "Còn rợn rùng nếp rêu" (tr38). Hay khi "Cờ Xí ngợp trời/Đứng quên đất lờ" (tr41). Và, nghĩ về Thăng Long đang hướng đến 1000 tuổi, nhà thơ viết "Lịch sử - cái ông già lẩm cẩm/Hỏi suốt nghìn năm, vẫn ậm ừ" (tr42). Tưởng không có gì phải bình luận. Dù có nói đến "hương mưa" trong cái nguyên khiết tĩnh lặng của tâm hồn, VQP vẫn nghe "nhịp tay mưa/âm thầm xé rách/tiếng rách khe/nhưng không lành lại được" (tr64). Cũng có lúc tĩnh tâm, hưởng "Hơi mát đêm qua" nhưng âm hình chủ đạo vẫn là "Sóng Thái Bình Dương nó thế nào" (tr91).

Những diễn từ của VQP cũng đồng thời là bút pháp của anh. Viện lẽ, ẩn dụ, siêu nghiệm. Chữ nghĩa chỉ là cách thức để tư duy, để ngữ nghĩa đa tầng phát lộ, để triết lý không hăng sức căng bề mặt, để làm những cuộc giải phẫu, từ tiểu phẫu đến đại phẫu. Có thể nói, chữ anh dùng thường rõ ràng, giản dị, không chuộng hình thức vì lẽ nó chỉ là công cụ tải nghĩa.

Vì vậy, mà tôi hy vọng Vũ Quần Phương chưa chịu dừng ở tập thứ 10, mà giống như một cuộc chạy tiếp sức: cái đích vẫn ở phía trước. Và còn xa lắm!

NHỮNG CÂU CHUYỆN THỜI HẬU CHIẾN

(Đọc *Chân dung vô hình*, tập truyện ngắn của Nguyễn Hồ, NXB Hội Nhà văn, 2011.)

HUỲNH NHƯ PHƯƠNG

HẦU hết 20 truyện ngắn trong tập sách này của Nguyễn Hồ đều có nhan đề giản dị, thậm chí đơn giản nữa (*Cậu Ba*, *Chị tôi*, *Chú Năm tôi*, *Tài Em Sún*, *Bạn già*, *Hẻm sâu*...), nhưng câu chuyện và tình ý thì không hề đơn giản. Nếu lấy ngày 30-4-1975 làm mốc, phần lớn chất liệu của các câu chuyện diễn ra ở thời hậu chiến, nhưng vẫn giữ được dây liên lạc và được soi sáng, cắt nghĩa qua những tầm gương hy sinh trong thời chiến. *Bông hồng nhung* là sự đến bù cho mất mát của một gia đình, tuy muộn màng nhưng kỳ diệu như trong một giấc mơ. *Mùa mầm công*, *Chú Năm tôi*, *Giai điệu nhờ kết nối* các thế hệ, kết nối quá khứ và tương lai bằng tình yêu và sự cảm thông. *Chân dung vô hình*, truyện ngắn được chọn làm nhan đề chung cho cả tập, thấm đậm chất lý tưởng mà trong sáng, chân thật như những khung hình Nguyễn Chiến để lại. Người phóng viên ngược ống kính về phía chân dung mình." (tr. 269). Bức chân dung tinh thần mà người nghệ sĩ đó để lại chỉ có thể nhận ra ở giữa những người thân yêu và

đồng đội bằng một trực cảm gần như linh giác của cô con gái.

Viết về đời sống hoà bình, Nguyễn Hồ không hướng ngòi bút đến những sự kiện ở "mặt tiền" hay những con người chói chang, rực rỡ. Nhà văn dành những tình cảm thương yêu, trân trọng nhất cho những con người ở dưới đáy xã hội. Kể từ truyện thống nhân đạo, với *Chim phồng sinh*, *Hẻm sâu*, *Con muỗi*, *Nàng Đưa Chang Kim*..., ngòi bút Nguyễn Hồ luôn giữ lòng tin vào con người, dù phải quấy đạp trên những dòng kinh nước đen hay rơi vào cạm bẫy người, vẫn giữ được lương tri và phẩm giá. Thật ra, viết về chủ đề này mà thuyết phục được bạn đọc thời nay không phải dễ. Nguyễn Hồ không rơi vào bánh xe đổ của những tác phẩm minh họa và dạy đời vì ông không tỏ vẻ cho sự thật và thi vị hoá cuộc sống. Nhà văn đau đớn với cô út Mười Một đã bán tuổi trẻ lấy chiếc nhẫn và những đồng tiền nhàu nát từ trong áo ngực để chuộc lại hai công đất cho mẹ (*Chị tôi*). Nhà văn rộng lượng với khát vọng đổi đời của cô công nhân thu dọn rác muốn cởi bỏ chiếc áo bà ba cũ nát để trở thành người mẫu thời trang (*Quần Nai Vàng*). Bao cảnh đời đau thương trong xã hội hiện nay, mà nhiều nhà văn dường như lảng tránh, bạn đọc sẽ gặp qua những số phận đa dạng trong cuốn sách này.



Tuy nhiên, có lẽ những truyện ngắn hay nhất của Nguyễn Hồ gắn liền với chủ đề thế sự và những nhân vật thuộc "mẫu người xưa mà không cũ". Đó là Thời và Luân, hai người bạn học do hoàn cảnh đẩy xa nhau, người vào bưng biển tham gia kháng chiến, người ở lại nội thành làm nhà nghiên cứu. Đất nước hoà bình, họ

gặp lại nhau trong một cuộc đối chứng giữa cách mạng và khoa học, giữa nhiệt tình và sự hiểu biết, giữa ý chí và quy luật (*Bạn già*). Đó là ông Tư, một thủ trưởng lịch lãm, bất ngờ với "bài học phá khủng" mà một giảng viên trẻ gợi ra cho những "dân chỉ phụ mẫu thời nay" (*Tám chữ o tròn*). Đó là ông Năm hàng hải cải tạo thế giới bằng những biện pháp bạo liệt, không hiểu tại sao lòng tốt của mình đã không được người nghèo đón nhận (*Ông Năm cải tạo*). Đó là ông Ba bất bình trước thế sự, lòng ngao ngán, "hết ý kiến", nên đành cầm khẩu cho đến ngày nhắm mắt (*Cậu Ba*). Đó là lão Thạm tứ cổ vô thân, ước mơ làm "người chủ tập thể", đã nhắm mắt xuôi tay không kịp hưởng bảy lượng vàng đến bù cho những tháng năm tận tụy giữ gìn chung cư (*Chung cư*). Những con người đó nhìn thời hậu chiến này với những tâm trạng khác nhau: hồ hởi có, thanh thản có, dân vật có, nặng nề có, ảo tưởng cũng có. Có lẽ đó là những nhân vật sở trường của Nguyễn Hồ. Nhà văn miêu tả họ với sự thấu hiểu, đôi khi pha vị cay đắng lẫn chút *humour* thâm trầm, mà không nhằm phê phán ai, phê phán điều gì. Tất cả chỉ để nói lên rằng cuộc đời vốn phức tạp như thế, sống là chấp nhận nghịch cảnh, thay đổi được gì cũng là điều không dễ trong một sớm một chiều.



MỘT TÔI KHÁC

Truyện ngắn của JORGE LUIS BORGES (Argentine)

Jorge Luis Borges (1899-1986) là nhà văn, nhà thơ, nhà tư tưởng lớn người Argentine. Ông được xem là kinh điển của văn chương thế giới thế kỷ 20. Borges có lối viết siêu thực, tưởng tượng và mơ mộng. Mặc dù tên ông nhiều lần được đề cập để xét đến một giải Nobel văn chương, tuy nhiên Borges chẳng bao giờ trở thành nhà văn đoạt giải. Ông qua đời năm 1986 tại Geneva, Thụy Sĩ.

Các tác phẩm chính: "El Jardin de Senderos que se Bifurcan" (tập truyện ngắn - 1941); "Ficciones" (1944); "El Informe de Brodie" (1970); "El Libro de Arena" (1975)...

CHUYỆN xảy ra vào tháng 2 năm 1969 ở thành phố Kembrid. Sở dĩ tôi không ghi lại là bởi lúc ấy tôi chỉ muốn quên nó đi. Bây giờ là năm 1972, nếu kể lại, có thể độc giả sẽ cho là tôi bịa, còn không, e rằng năm tháng qua đi sẽ làm tôi không còn cơ hội tiếp cận với nó nữa.

Hôm đó vào khoảng mười giờ sáng. Tôi ngồi dựa lưng vào cái ghế đá cạnh dòng sông Trarliz. Cách đó khoảng trăm bước về bên phải là một ngọn tháp cao - đến giờ tôi cũng không biết người ta gọi ngọn tháp đó là gì. Dưới sông, dòng nước màu xám tro mang theo trong nó biết bao các tảng băng nhiều góc cạnh đã gọi lên trong tôi một ý nghĩ về thời gian. Hình tượng ngàn năm được Heraklit sáng tạo nên. Đêm qua tôi ngủ rất ngon, bởi bài giảng buổi chiều của tôi dường như đã thu phục được đám sinh viên.

Quanh tôi vắng ngắt.

Bỗng nhiên tôi có cảm giác một người nào đó đang ngồi xuống cạnh tôi. Tôi muốn yên tĩnh một mình, nhưng không tiện bỏ đi, sợ làm vậy có vẻ bất nhã. Người đó bắt đầu huýt sáo một điệu nhạc. Tôi đã trải qua chấn động đầu tiên từ những chấn động của buổi sáng hôm ấy: người đó huýt sáo hoặc cố gắng huýt sáo (tôi tôi nghe không rõ) một nhạc phẩm Argentina, bài "Túp lều xưa" của

Elias Regules. Giai điệu này đưa tôi về lại cái nơi mà hầu như nó không còn tồn tại và gọi lên trong ký ức tôi hình ảnh của Alvaro Melian Lafunur, người đã mất lâu rồi. Mặc dù cái giọng huýt sáo bên cạnh tôi không giống lắm với giọng của Alvaro, nhưng người thực hiện nó cố mô phỏng theo giọng của Alvaro. Tôi chợt rùng mình.

Quay sang người ngồi bên cạnh, tôi nói:

- Xin lỗi, anh là người Uruguay hay người Argentine?

- Tôi là người Argentine, nhưng từ năm mười bốn tuổi tôi đã sang sống ở Geneva - Anh ta trả lời.

Im lặng một lúc lâu rồi tôi lại hỏi:

- Ở đường Malanio, nhà số 17, đối diện với đền thờ kiểu Nga La Tư?

Anh ta gật đầu đồng ý.

- Vậy thì, - tôi tuyên bố - họ tên của anh là Jorge Luis Borger (*). Chúng ta đang có mặt tại thành phố Kembrid, năm 1969.

- Không, - anh ta trả lời bằng chính cái giọng của tôi, nhưng nghe có vẻ xa xôi.

Sau khi im lặng chừng hai, ba phút, anh ta nói thêm một cách dứt khoát:

- Không, đây là Geneva, tôi đang ngồi trên cái ghế đá cách sông Rona chỉ vài mét. Điều lạ lùng là chúng ta quá giống nhau, mặc dù trông ông già hơn tôi nhiều với mái tóc bạc...

Tôi trả lời:

- Tôi có thể chứng minh với anh rằng tôi không nói xạo. Tôi sẽ đi qua mấy thứ đồ vật mà chỉ những người trong nhà mình mới biết: đó là chiếc bình bằng bạc với cái đế hình tròn ốc mà ông nội mình đem về từ Peru; một cái yên ngựa cũng bằng bạc. Trên kệ trong phòng của anh, sách được xếp hai hàng, ở đó có ba tập "Ngàn lẻ một đêm" của Leina với các bức tranh khắc và lời chú giải kiểu chữ nhỏ sau mỗi chương; rồi cuốn từ điển La tinh của Kisepe; cuốn "Nước Đức" của Taxit qua bản dịch của Gordon; cuốn "Don Kihote" của nhà xuất bản Garna; cuốn

"Đấu trường đẫm máu" của Rivera Indarte với lời đề tặng của tác giả; rồi cuốn tiểu sử của Amelia và một cuốn về nghi thức cưới hỏi của các dân tộc vùng Bancan đã sứt rách nằm khuất phía sau. Tôi không quên được những buổi hoàng hôn trên ban công căn nhà ở Plac Diubur.

- Diufur, - anh ta cãi chính.

- Ừ, cứ cho là Diufur. Nhưng anh có chắc không?

- Không, - anh ta trả lời - bởi tất cả những điều đó không đủ làm bằng chứng. Và nếu như tôi gặp ông trong mơ thì dĩ nhiên ông cũng phải biết tôi.

Lời nhận xét trên xem ra có lý. Tôi trả lời:

- Nếu buổi sáng này và cuộc gặp gỡ này chỉ là giấc mơ thì mỗi người trong chúng ta có quyền nghĩ rằng, chính người kia đang ngủ và đang mơ. Có thể chúng ta sẽ tỉnh giấc, mà cũng có thể không. Nhưng tôi biết rõ một điều: chúng ta cần tiếp nhận giấc mơ này một cách hiện thực như tiếp nhận vũ trụ nơi chúng ta đang sống, đang nhìn, đang thở...

- Nhưng nếu bỗng nhiên giấc mơ kéo dài? - Anh ta thốt lên vẻ lo lắng.

Để trấn an anh ta và cả mình nữa, tôi trả lời khá tự tin:

- Thì có sao đâu? Giấc mơ của tôi kéo dài đã bảy mươi năm. Rốt cuộc, nếu ta chịu nghiệm ra, chẳng ai không gặp lại chính mình. Và điều đó đang xảy ra với chúng ta hiện tại, trừ phi ở đây chúng ta có hai người. Có thể anh muốn biết điều gì đó từ quá khứ của tôi mà đối với anh nó là tương lai?

Anh ta im lặng. Và tôi bắt đầu nói hết những gì vừa nghĩ ra:

- Mà mình vẫn khỏe mạnh và luôn bận bịu trong ngôi nhà ở gần đường Trarkas, Buenoc Airec. Ba đã mất ba mươi năm trước vì bệnh tim. Nhưng trước đó ông đã bị liệt nửa người bên trái, nên bàn tay trái teo lại, so với bàn tay phải nó giống như bàn tay đứa bé con với bàn tay người khổng lồ. Ba chết thanh thản, không rên la. Bà nội mình cũng mất

trong ngôi nhà ấy. Trước khi mất vài ngày, bà gọi tôi mình lại rồi nói: "Bà là mẹ đàn bà quá già và chết quá chậm. Nhưng các con đừng bận tâm, đó là chuyện thường tình". Nora, đứa em gái của anh đã lấy chồng, có hai con trai. Nhân tiện xin hỏi, họ sống thế nào?

- Tuyệt lắm. Cha, như ông đã biết, vẫn luôn luôn nhạo báng tôn giáo. Chiều hôm qua ông nói rằng, Chúa Giêsu không thích lắm vào tình thế khó xử, vì vậy ông ta, tức Giêsu, chỉ toàn nói bóng gió...

Lưỡng lự một chút anh ta lại hỏi tôi:

- Còn ông sống như thế nào?

Tôi không trả lời mà nói tiếp ý của mình:

- Tôi không biết số lượng những cuốn sách mà anh sẽ viết, chỉ biết rằng chúng nhiều lắm. Anh sẽ làm thơ, thơ sẽ mang đến cho anh niềm vui. Anh cũng sẽ viết cả truyện viễn tưởng. Sau đó anh đi dạy học như cha mình và nhiều người trong họ hàng...

Tôi lấy làm hài lòng vì anh ta không hỏi những cuốn sách của tôi có thành công hay không. Rồi lại tiếp tục với một giọng khác:

- Nếu để ý đến sự kiện lịch sử thì có thêm một cuộc chiến tranh với sự tham gia của gần như tất cả những kẻ đối kháng. Pháp nhanh chóng đầu hàng. Anh và Mỹ đánh nhau với nhà độc tài người Đức Hitler; sau đó là sự lặp lại của trận Waterloo. Năm 1955 tỉnh Kordoba đã cứu chúng ta như trước kia Entre Rios đã cứu chúng ta vậy. Giờ đây tình hình lại càng phức tạp. Nước Nga tăng cường sự ảnh hưởng của mình trên khắp hành tinh, Mỹ không muốn trở thành đế quốc, họ sợ bị coi là kẻ thù của dân chủ. Đất nước mình ngày càng lún sâu vào chủ nghĩa cực bộ địa phương. Chủ nghĩa cực bộ này cộng thêm sự tự ti đích thị là tấm chắn che ngang tầm mắt. Tôi không lấy gì làm ngạc nhiên nếu một hôm việc giảng dạy trong nhà trường được đổi từ tiếng La Tinh sang tiếng Guaranhi...

Anh ta hầu như không hề nghe tôi nói. Nỗi sợ hãi trước cái điều không thể giải thích hơn là những điều hiển nhiên rõ ràng đã làm anh ta tê liệt. Tôi chưa bao giờ làm cha, nhưng trong tôi dâng lên niềm thương cảm đối với anh chàng tội nghiệp này, thương như thương đứa con ruột. Tôi để ý thấy anh ta cầm trong tay quyển sách, tôi hỏi sách gì.

- "Những người bị ám ảnh", hay nói cách khác "Lũ người quỷ ám" của



Minh họa của HOÀNG

Dostoevski, - anh ta trả lời không giấu vẻ tự hào.

- Phải khó khăn lắm tôi mới hiểu nổi ông nhà văn này. Còn anh, anh thích ông ta chứ?

- Không ai có thể đi sâu vào những bí mật của tâm hồn dân Slavơ được như ông nhà văn cổ điển này - Anh ta gần giọng.

Dưới sông, tiếng sóng vỗ nhịp nhàng dường như đã làm cho anh ta bình tĩnh trở lại. Tôi hỏi những tác phẩm nào của nhà văn cổ điển Nga này mà anh ta đã kịp đọc. Anh nêu tên vài cuốn, trong số đó có cuốn "Sinh đôi". Tôi hỏi anh ta đang viết gì, anh ta nói đang chuẩn bị cho in tuyển tập thơ mang tên "Những bài thánh ca đỏ".

- Mà tại sao lại không thử? - Tôi nói - Anh có thể dựa vào những bậc tiền bối rạng ngời tên tuổi! Hãy nhớ lấy những vần thơ sâu sắc của Ruben Dario, Berlen...

Bỏ ngoài tai mọi lời nói của tôi, anh ta giải thích rằng, cuốn sách của anh ta sẽ ca ngợi tình anh em của các dân tộc trên thế giới; rằng thi sĩ ngày nay không thể quay lưng với thời đại của mình.

Tôi ngồi nghĩ ngợi, sau đó hỏi có thật anh ta coi tất cả mọi người là anh em? Chẳng hạn các gã phu đào huyết, các ông ngồi bàn giấy, các tay đầu đường xó chợ, ngay cả những người mất quyền công dân v.v...? Anh ta nói rằng cuốn sách của anh ta giành tặng cho quần chúng bị áp bức nói chung.

- Quần chúng bị áp bức của anh, - tôi nói - đó không hơn gì một khái niệm trừu tượng. Chỉ có những cá thể riêng lẻ là tồn tại. "Anh là hiện nay chứ không phải là anh của hôm qua". Chúng ta hai người trên cái ghế đá này còn không rõ đang ở Geneva hay Kembrid. Trường hợp của chúng ta đã đủ chứng minh điều đó.

... Cuộc gặp gỡ của chúng tôi, xét trên phương diện nào đó, là cuộc gặp gỡ duy nhất; và nói thật là chúng tôi không chuẩn bị. Chẳng may, những gì chúng tôi đã bàn luận về văn chương, chữ nghĩa, tôi e là tôi không nói được điều gì mới so với những gì tôi đã nói với giới báo chí. "Cái tôi khác" của tôi tin vào sự cần thiết hình thành hoặc mở ra những ẩn dụ mới. Tôi thì chỉ tin vào sự tương ứng chính xác của từ ngữ được hình thành bằng trí tưởng tượng của chúng tôi, bằng hình ảnh của chính mình hoặc bằng những khái niệm mà ai cũng biết. Sự già cỗi của con người, sự sa sút của cuộc sống, sự qua nhanh của thời gian... Tôi giải bày cho anh ta những ý nghĩ của mình, những ý nghĩ mà tôi đã thể hiện trong một cuốn sách viết vài năm sau đó.

Anh ta dường như chẳng thèm nghe tôi. Bỗng nhiên anh ta nói:

- Nếu ông nói ông là tôi thì ông giải thích thế nào về một cuộc gặp gỡ giữa ông với một ngài đứng tuổi vào năm 1918, cái ngài đã nói với ông rằng, ông ta cũng chính là Borges?

Tôi không nghĩ đến cái điều nguy hiểm này, nên trả lời thiếu tự tin:

- Rõ ràng, trường hợp ấy chỉ làm cho tôi rất ngạc nhiên, và tôi cố gắng quên nó.

Anh ta hỏi một cách rụt rè:

- Mà tôi hỏi thật, trí nhớ của ông còn tốt chứ?

Tôi biết, đối với một anh chàng chưa tròn hai mươi tuổi, thì người đàn ông bảy mươi đã là gần phân nửa cái thầy ma. Tôi trả lời anh ta:

- Nói chung, nó không được tốt lắm, nhưng còn đủ sức nhớ cái gì cần nhớ. Tôi đang học thối kèn Xacxôphôn kiểu Anh và không cho rằng mình thuộc loại dở nhất trong nhóm.

Cuộc trò chuyện của chúng tôi kéo dài khá lâu. Bỗng trong tôi nảy ra ý nghĩ:

- Tôi có thể chứng minh với anh rằng anh đang nhìn thấy tôi trong thực tại. Anh thử nghe câu thơ này, câu thơ mà anh chưa bao giờ đọc nhưng tôi có thể nhớ:

TẢN VĂN

LÀM SAO YÊU CUỘC ĐỜI

ĐỖ BÍCH THÚY

MỘT bà lão tóc bạc phơ, răng mọc mém, lưng cong gập, bảy mươi tuổi bắt đầu cảm cợ về và hàng ngàn bức tranh đã ra đời khi bà bước vào tuổi tám mươi. Bà nói: Tôi rất thích câu hát của Trịnh Công Sơn: Tôi là ai mà yêu quá cuộc đời này. Tự hỏi: chẳng lẽ con người ta có thể yêu quá cuộc đời khi mà không còn biết thưởng thức những món ngon, không thể mặc những bộ trang phục đẹp, không còn trái tim nóng bỏng và khao khát yêu đương? Chẳng lẽ có thể như thế sao?

Bà lão kể: Tự dưng năm bà bảy mươi lại nảy sinh khao khát được vẽ, phần nhiều là tranh phong cảnh. Và bà vẽ miệt mài cho đến nay, khi bà đã ngoài tám mươi. Trong gia đình không có ai theo đuổi văn chương nghệ thuật nên chẳng có ai chia sẻ với bà niềm yêu thích này, cũng chẳng ai có cảm xúc gì lắm trước những bức tranh của bà, và chúng lặng lẽ nằm dưới gầm giường, gác bếp, đầu hồi như mỗi thứ đồ vật cũ không ai quan tâm nữa.

Mình thường ngày vẫn nghĩ: Chắc mình không qua nổi tuổi sáu mươi. Có nhiều lý do để nghĩ như vậy: Bà ngoại mình mất khi mới hơn bốn mươi tuổi, sau khi sinh di út (Bà đi này về sau, bắt đầu từ 3 tuổi, ở với mẹ mình vì không chịu nổi đòn roi của di ghê), theo mẹ mình thì bà mất vì ốm, thiếu ăn, thiếu thuốc, nên đành phải để lại đàn con toàn vệt giới cho chống, một mình ra đi. Về ngoại hình, mình rất giống bà ngoại. Bà nội mình cũng mất sớm. Nhưng cái gien đoản thọ không sợ mấy bằng việc mình mới ngoài ba mươi mà đã đủ thứ tật bệnh. Luôn tự nhủ, sống chung với nó, sống chung với nó, đừng có đến bệnh viện làm gì, tự dưng lại mất một đồng tiền với cả có khi hàng tháng trời không được đi lại làm lụng gì. Bệnh tật thế, lại ít vận động, lại hay suy nghĩ, thì thọ thế quái nào được. Mình hay nói với bạn bè, chắc gì tao qua nổi sáu mươi. Mà tao cũng không ham gì cái tuổi già. Không gì kinh khiếp bằng tuổi già. Đầu tiên là xấu xí (dương nhiên rồi), sau nữa là có món ngon cũng không ăn được (vì răng rụng, vì tiêu hóa kém, vì mất dần vị giác...),

sau nữa (cái này cũng quan trọng lắm đây), là nhìn thấy các bộ sưu tập thời trang chỉ có một phản ứng duy nhất là quay mặt đi; sau cùng (cái này quan trọng nhất), nhìn thấy ông già ở bên cạnh mình chỉ muốn phát khùng lên vì ông ta lắm cạm, dận trước quên sau, ăn ít nói nhiều, đi lại chậm chạp, đứng đầu ngã đấy, mà ngã thì chỉ có cách nằm một chỗ vì xương hết khả năng liến. Ôi trời, như vậy thì làm sao mà có thể thốt lên: Tôi là ai mà yêu quá cuộc đời này???

Vậy mà kì lạ thật, ngoài niềm yêu cuộc đời quá đỗi (trong phóng sự trên ti vi người ta không nói kĩ về cuộc sống hiện tại của bà lão, con cái ra sao, cuộc sống ra sao, có mi mẫn không, có trọn vẹn không), bà lão tóc bạc trắng này còn miệt mài sáng tạo nữa. Phải chăng nghệ thuật là không có chừng mực? Lâu nay mình vẫn hoài nghi điều này lắm. Hà có gì mà đến tận bảy mươi tình hoa mới phát tiết? Bảy mươi năm trời nó ẩn giấu ở đâu trong người đàn bà bé nhỏ hiển hậu ấy? Chẳng lẽ người ta có thể cồng trên vai một khát khao mãnh liệt suốt bảy mươi năm trời, nếu thế thì mấy cây viết còi như mình có là cái quái gì so với cuộc đời mà cứ chốc chốc lại rên lên não nuột, rằng bao nhiêu đề tài lớn, tư tưởng vĩ đại đang từng giờ đốt cháy tôi mà tôi không có thời gian, chưa đủ cảm xúc để thực hiện nó?

Hơn ba mươi năm nay cuộc đời này toàn mang lại cho mình gánh nặng. Thế nên mình mới đúc kết lại: Rằng con người chỉ sung sướng 5 năm đầu đời, muốn gì được nấy, thích ăn thì ăn, thích ngủ thì ngủ, thích chơi thì chơi. Cho nên mình áp dụng ngay cho con cái, cứ chơi đi, thoải mái đi, đừng có học hành làm gì sớm cho mệt, chơi cho đã đời. Bao giờ thì mình mới thốt lên được: Tôi là ai mà yêu quá cuộc đời này? Bảy mươi chẳng? Bảy mươi thì mình thành đất rồi còn đâu mà yêu. Quần áo thành đất, dạ dày thành đất, quả tim cũng thành đất, yêu làm sao đây?

Mình đã nghĩ mãi, có lẽ phải đi tìm bà lão để hỏi rằng: Phải làm thế nào để nuôi được tình yêu cuộc đời lâu bền và say đắm đến thế? ■

- L'hydre - unives tordant son corps écaillé d'astres (**).

Tôi nhận thấy anh ta sững sốt, gần như sợ hãi. Anh ta khẽ lặp lại, như thể để thưởng thức.

- Quả thực, - anh ta lẩm bẩm - tôi chưa bao giờ làm một điều gì tương tự như thế.

Victor Hugo đã hợp nhất chúng tôi.

Trước tình huống trên, anh ta bèn đọc thuộc lòng một trích đoạn thơ, và tôi nhớ đó là trích đoạn từ một bài thơ của Yolt Witman, đoạn nhà thơ hồi tưởng lại một đêm trên bãi biển chỉ có hai người...

- Nếu Witman ca ngợi cái đêm ấy, - tôi nói khi đến lượt mình - có nghĩa ông ta muốn cái đêm ấy, nhưng than ôi, cái đêm ấy thì lại không có. Thơ ca gây ấn tượng khi chúng ta nhận thức trong nó niềm khát vọng thiết tha chứ không phải niềm vui từ cảm xúc đã trải qua.

Anh ta im lặng nhìn tôi, sau đó kêu lên:

- Ông không hiểu ông ấy. Witman không có khả năng nói dối.

Nửa thế kỷ không phải là quà tặng. Trong thời gian chúng tôi trò chuyện - cuộc trò chuyện của hai người có kiến thức khác nhau và quan điểm khác nhau - tôi nhận thức được rằng, chúng tôi không hiểu nhau, và điều đó luôn luôn làm phức tạp thêm cuộc đối thoại. Mỗi người trong chúng tôi chỉ nhại lại văn chương của người kia. Tình huống hoàn toàn giả tạo hầu chiếm nhiều thời gian. Cuộc tranh luận không có ý nghĩa, và đó là điều không thể tránh khỏi.

Tôi chợt nhớ một câu chuyện viễn tưởng của Colrid, một người thấy mình đang dạo chơi trên thiên đường, ở đó người ta tặng cho anh ta bó hoa. Khi tình

giác, anh nhìn thấy bó hoa ấy ngay bên cạnh mình. Và tôi muốn làm một điều gì đó tương tự như câu chuyện trên.

- Nghe này, - tôi nói với anh ta - anh có tiền trong túi không?

- Có, - anh ta đáp - hai mươi Franc. Hôm nay tôi có mời Ximông Giklinski đi ăn tối ở quán "Cá sấu".

- Nào, đưa cho tôi một đồng xu lẻ của anh đi.

Anh ta móc ra ba Franc tiến cắc và phân vân đưa cho tôi một đồng. Tôi đưa cho anh ta một trong những tờ đô la Mỹ có giá trị khác nhau nhưng hình thức thì hoàn toàn giống nhau. Anh ta chăm chú quan sát tờ giấy bạc với sự tò mò thích thú.

- Ủa, không lẽ? - Anh ta la lên - ở đây người ta để năm phát hành của tờ giấy bạc là năm 1964!

(Vài tháng sau có ai đó nói với tôi rằng trên tờ đô la không bao giờ có ghi năm tháng phát hành!)

- Lại thường chưa! - Anh ta lại thốt lên - Mà những điều lạ thường nó làm cho tôi sợ. Ai đã chứng kiến cảnh Lagiria hồi sinh đều phải kinh hoàng!

Chúng tôi ngồi im như tượng.

Anh ta xé nát tờ giấy bạc ra thành từng mảnh. Tôi vẫn còn giữ đồng bạc cắc 1 Franc.

Rồi tôi quyết định quăng nó xuống sông. Đồng bạc, khi bay xuống nước, cần phải thể hiện tính chân thực trong câu chuyện này của tôi. Nhưng số phận lại trở trêu...

Tôi trả lời rằng, hiện tượng siêu nhiên nếu nó lặp lại thì nó không còn làm ta kinh sợ. Rồi tôi đề nghị anh ta gặp nhau vào ngày mai trên chính cái ghế đá này, cái ghế đá nằm ở hai thời kỳ khác nhau

và ở hai địa điểm khác nhau.

Anh ta đồng ý và nói đã đến lúc phải đi mặc dù không nhìn vào đồng hồ. Cả hai chúng tôi đều nói dối và ai cũng biết kẻ đang trò chuyện với mình nói dối. Tôi cũng nói thêm với anh ta rằng, vì tôi mà mọi người cũng sẽ tới.

- Tới vì ông? - Anh ta ngạc nhiên.

- Phải. Khi anh ở vào cái tuổi xế chiều của tôi, anh sẽ gần như lú lẫn. Có thể anh còn nhận thức được màu sắc, bóng tối, ánh sáng. Nhưng đừng có lo lắng. Cái bệnh mù một khi nó đến từ từ thì đó chưa phải là thảm họa. Điều đó giống như bóng tối chậm chạp đến trong những buổi hoàng hôn mùa hè.

Chúng tôi không bắt tay nhau. Ngày hôm sau tôi không đến điểm hẹn. Anh ta, tôi nghĩ, chắc cũng không đến.

Tôi đã trần trổ rất nhiều về cuộc hẹn hò này, cuộc hẹn hò mà tôi chưa kể cho ai nghe. Tôi nghĩ, giờ đây cuối cùng tôi đã đạt đến chân lý. Cuộc gặp gỡ là có thật, nhưng anh ta đã trò chuyện với tôi trong mơ và vì vậy anh ta có thể quên tôi. Tôi trò chuyện với anh ta trên thực tế và những hồi ức ấy làm khổ tôi đến bây giờ.

Anh ta gặp tôi trong mơ nên không nhớ rõ tôi bằng tôi nhớ rõ anh ta. Và bây giờ thì tôi cũng biết, trên tờ đô la Mỹ người ta không hề ghi năm tháng phát hành.■

NGUYỄN TRỌNG NGHĨA

(Dịch từ bản tiếng Nga)

(*) Chính là tên tác giả của truyện ngắn này

(**) Nguyên văn trong bản thảo, rất có thể là một câu thơ của Victo Hugo, bởi vì sau đó tác giả viết "Victor Hugo đã hợp nhất chúng tôi".

CHUYỆN LÀNG VĂN NGHỆ

BÊN CHÉN RƯỢU VUI NGÀY XUÂN

KIM CHUÔNG

TRONG cái vui của Tết, của "tháng Giêng ngày rộng tháng dài", rất nhiều cuộc "tửu phùng tri kỷ" thường diễn ra bên chén rượu ngày xuân.

Ở giữa cuộc vui này, thời thì "tửu nhập ngôn xuất" nhiều câu chuyện cổ kim đồng tày, trên trời dưới biển, thật phong phú, hấp dẫn.

Chuyện vui là, ngày ấy, cơ quan báo Văn nghệ ở một tỉnh nọ có mười người là nam, nhưng chỉ được cửa hàng phân phối cho một bộ com-lê. Đã thế, dường như, không ai muốn nhường ai. Để bảo đảm công bằng trong chia chác, lãnh đạo Công đoàn cơ quan phải tổ chức "bốc thăm". Lễ dĩ nhiên, chỉ hai người được mua. (Một ai đó được quần. Và, một ai đó được áo). Từ "sự kiện" này, khi cuộc chia chác vừa xong, nhà thơ Tường Lan lập tức ứng tác bốn câu thơ vui:

Hai người một bộ com-lê

Kim Chuông cái áo, Trọng Khuê cái quần

Hai nam hội diễn một lần

Trọng Khuê có mỗi chiếc quần đi thi

Trọng Khuê vốn là nhà viết kịch, chuyên đi dàn dựng vở diễn cho các đội văn nghệ tham dự hội diễn sân khấu hàng năm. Nghe Tường Lan xuống lên câu thơ vui, "trào lộng", nhà thơ Kim Chuông liền hạ tiếp hai câu thơ có ý đùa, "xò" nhà viết kịch Trọng Khuê:

Áo quần chuyện ấy hề chi

Ở nhà, ông "Trọng" mấy khi mặc quần.

Nghe câu thơ này, nhà viết kịch Trọng Khuê lên tiếng. Thơ ông cũng hóm hỉnh và "hài":

Bình thơ mỗi tháng một lần

Kim Chuông lại phải mượn quần Trọng Khuê.

Vẫn là chuyện nhỏ về manh quần, tấm áo như thế. Cũng dịp ấy, một nhà báo đã nghèo lại bỗng dưng bị kẻ trộm "thường" mất cái quần vào giữa trưa khi đang quá giấc say. Vốn dĩ dóm, nhà báo, Xuân Đàm liền đùa bạn mình bằng mấy câu thơ "nói lái hoặc mất dấu" để cùng

cười cho bỏ cơn tức giận.

Thơ rằng:

Nghe đồn nhà báo mất "trôm"

Buổi trưa bay mất một hòm quần "ao"

Quần thủ thật quả là "lao"

Đam vào bể khóa nhà "bao" cực kỳ

Quần thì tuột cúc, sờn "chỉ"

Một năm vài lượt hội "nghĩ" mới dùng

Bên mọi thấy bồi về "cung"

Đoàn rằng chỉ bọn quần "chùng" chữ ai

Có điều thật đáng ai "ngại"

Mất quần nhà báo để "đai" ra đường

Đúng là, "cơm áo không đùa với khách thơ". Cái nghèo khổ rơi vào hoàn cảnh nhiều gia đình ngày ấy chẳng khác cảnh "chị Dậu". Một anh bạn là giáo viên mặc tội nghiệp rượu, lại còn ốm vợ đau, chiều ba mươi tết vẫn dón dáo chạy vay tiền vì bị vợ rầy la. Cảm cảnh bạn, cho vay tiền rồi, Xuân Đàm, ông "bạn thơ chăm" này còn tặng luôn bạn mình bài thơ. Buồn, nhưng nhà giáo nghèo kia "vẫn phải nhe răng cười" mà ruột thì đau thắt.

Thơ viết:

Giữa chiều ba mươi Tết

Vợ mới hội tiền đâu?

Chống lưng bưng lặc đầu

Như chó ăn vụng bột

Mặt vợ phình như thót

Nhưng không thể nào bắm

Hai đứa nhìn đăm đăm

Như hai thằng đầu võ

Pháo quanh làng đã nổ

Như tiếng chửi xuân về

Nước mắt bạn tràn trề

Trong câu thơ tôi viết...

Xuân Đàm là tác giả của nhiều bài thơ trữ tình. Cuối những năm của thập kỷ bảy mươi (1975 - 1976), khi đang

là "học trò" theo lớp chuyên tu của một trường Cao đẳng ở giáp một huyện biển. Trường nghèo. Sáu người phải ngồi học trên một chiếc ghế băng. Đời sống ăn ở, sinh hoạt gặp trăm bề gian khó. Vậy mà, nhiều người văn học giỏi, đạt tiêu chuẩn tiên tiến, xuất sắc. Một buổi họp lớp, bạn bè cử Xuân Đàm đại diện phát biểu cảm tưởng. Xuân Đàm đứng dậy đọc mấy câu thơ vui làm mọi người được trận cười tràn trề nước mắt:

Tôi còn biết nói làm sao

Khi lòng em cứ cựa vào lòng tôi

Ghế băng những sáu người ngồi

Lúc nào lòng cũng hơi hơi buồn buồn

Cũng xung quanh chuyện nghèo khó thời ấy, vào năm Dân gì đó, cơ quan báo nọ được ban lãnh đạo một xã đưa vào danh sách, hứa sẽ bán cho con lợn "già bao cấp", rẻ để anh em ăn tết. Hẹn hò như đình đóng cột rồi, nhưng giáp tết, về bắt lợn lại bị "vố" trắng tay. Nhà văn Đỗ Vĩnh Bảo, vốn khá sành chữ nghĩa, ông liền ra về đối, thách đối mọi người: "Cuối năm Trâu, được bữa thịt Lửa, mấy chú nhà văn trơ mắt ếch". Câu đối thật hay và hóc ở tên các con vật được đưa ra để thách. Nhưng, ngay lúc đó, nhà viết kịch Trọng Khuê vốn con cháu cụ "Tú Xương, Tú Mỡ", câu đối được đối lại của Trọng Khuê cũng khá chỉnh và hay: "Đầu năm Hồ Bưởi lời hứa Hoàng, một tháng xã toét lộ tim Hươu".

Đôi câu đối hay này đã được đăng trên nhiều góc của vài tờ báo xuân một thuở.

Nhân ngày tết, trong lúc tề tựu bên nhau cùng nâng chén rượu nồng, câu chuyện vui kể lại để nhớ về một thời đã xa với những gian khổ, khó khăn của xã hội ngày nào mà thêm vui, thêm tự hào ở chặng đường đổi mới của quê hương, đất nước... Sớm xuân này, bóng dáng một thời xa kia chỉ còn nằm vào khoảng lạng mờ trong những câu chuyện kể.

"ĐI THEO ÁNH LỬA TỪ TRÁI TIM MÌNH"...

TẠ XUYẾN

ĐOÀN xe quân sự chờ qua sông Long Đại đang ùn lại bên bờ Bắc mỗi lúc một dài. Đã hai đêm nay, khi bóng đêm trùm xuống, chiếc xe tải quân sự chờ đợi xung kích Đoàn Kịch nói Tổng cục Chính trị, lại từ điểm trú quân cách bên phải hơn 2km, hối hả phóng vào con đường đầy đặc ổ gà với những hố bom dẫn ra bên phải, hy vọng một cuộc vượt sông để kịp vào tới chiến trường mang món quà tinh thần - nghệ thuật Kịch nói - phục vụ các chiến sỹ thuộc mặt trận B4 - Bắc Quảng Trị. Ngày hôm sau đã là mùng Một Tết Mậu Thân 1968. Cái mùa xuân bất tử trong cuộc chiến, mà từ đó sản sinh ra những huyền thoại để sau này bao áng thơ văn, cũng chưa thể khai thác hết những kỳ tích của nó... Nhưng rồi, đã qua hai đêm, chiếc xe với 16 cán bộ, nghệ sỹ đã phải quay trở lại địa điểm trú quân; vì máy bay Mỹ thay nhau quần thảo tới bởi cái bên phải huyết mạch vào chiến trường...

Đêm thứ nhất, sau khi bị đoàn xe kéo pháo đứng án ngữ phía trước chặn mọi hy vọng qua phá, Đại úy Đào Ngo - Đoàn trưởng Đoàn Kịch nói TCCT và là đội trưởng đội xung kích đánh ra lệnh quay xe trở lại nơi trú quân. Hai diễn viên nữ có tuổi là Thuý Nga, Xuân Thúc cùng những diễn viên trẻ là Thanh Thuý, Mai Hoa, Hoài Chung, Tuyệt Chanh lại nhẩn nài mắc võng trong một nền nhà sâu dưới mặt đất. Các chị em tranh thủ ngủ để lấy lại sức sau một cuộc giành giật tốc độ và những pha "cua" gấp khuỷu tay của chiếc xe. Những chiếc võng của họ thỉnh thoảng lại chao đảo vì tiếng F4 xé màn đêm và mặt đất rung chuyển bởi những tràng bom ở đầu đó không xa...

Đêm thứ hai. Tình hình không có gì khả quan hơn! Pháo sáng và bom Mỹ không ngừng con phá vẫn nhẩn nài công những đoàn xe qua sông. Nhưng sức những chuyến phá cũng không sao kham nổi đoàn xe bên bờ Bắc mỗi lúc một dài thêm. Đội xung kích lại hăm hở ra bến rồi lại thất vọng quay về...

Sáng 30 tết. Những tiếng bom hầu như không dứt từ phía bên phải vọng lại, như càng nung nấu ý chí quyết tâm vượt sông của toàn đội. Bóng tối thiêu liêng của đêm giao thừa đã phủ xuống các xóm làng. Mọi người hồi hộp chờ đợi lệnh hành quân, mọi trang bị cá nhân và đồ nghề biểu diễn đã được sẵn sàng trên vai các nghệ sỹ, trên chiếc xe tuần mã phủ kín lá ngụy trang. Đã gần 11 giờ đêm, tài ngoại giao của Đoàn trưởng Đào Ngo cùng với sự có mặt của mấy cô văn công quân đội đã khiến cho



người điều hành bên phải không còn đủ lý do khước từ khát vọng đến với chiến trường của các nghệ sỹ áo lính. Chiếc xe của đội được phép lách qua nhiều xe phía trước tiến về phía bên phải. Và khi chúng tôi vừa rời bờ Bắc Long Đại, thì cũng đúng vào thời khắc giao thừa. Tiếng nhạc, tiếng pháo nổ phát ra từ cái loa ô - ri - ông - tống của Đoàn trưởng Đào Ngo khiến mọi người lặng đi trong giây lát. Đó là giao thừa của Tết Mậu Thân năm 1968. Tiếng Bác Hồ chúc Tết đồng bào và chiến sỹ cả nước vang lên khi con phà ra đến giữa sông. Sau lời chúc Tết là bài ca, phổ thơ chúc Tết của Bác vang lên rộn ràng nào nức. Cả Đội đứng tùm một chỗ vây quanh chiếc đài bán dẫn. Họ ngây ngất vì sung sướng, vì niềm vinh hạnh khi những giây phút đầu tiên của năm mới Mậu Thân, đã đặt chân tới chiến trường, ở đó có bao chiến sỹ mong chờ họ đem tới món ăn tinh thần - đó là những tác phẩm sân khấu ngắn gọn nhưng súc tích nói về những người lính, người mẹ, về những cô gái cống hiến cả tuổi xuân cho cuộc chiến đấu như Em bé giao liên (Nguyễn Vượng), Chuyện gia đình tôi (Nguyễn Vượng), Qua làng (Chu Nghi), Mùa xuân (Nguyễn Vũ)...

Sáng mùng 1 Tết Mậu Thân.

Mười sáu chiếc võng mắc đan xen nhau trong một cánh rừng cao su còn đang im lìm trong giấc ngủ thì bỗng vang lên tiết tét

lớn - Chết! Chết! ... Các bố liểu thế? Chỗ này là điểm tọa độ của máy bay Mỹ đấy! Muốn giữ gạo thì đi ngay. Chúng tôi nhào nhào thu dọn tang vồng và đồ đạc cá nhân cũng như đạo cụ phòng màn của sân khấu dã chiến. Quãng thời gian qua khi bước vào cánh rừng cao su này, chúng tôi thật sung sướng khi dưới chân mình là cả một bầu trời sao đêm toả ánh sáng lung linh. Đó là chất lân tinh từ những lá rừng mục sau mấy ngày mưa. Ánh sáng huyền ảo của ánh lân tinh khiến không ai bảo ai đều lập tức dờ dàng võng, rồi mắc, rồi buộc, chằng chịt 16 chiếc lều ngủ cơ động đã được đưa trên bầu trời sao lân tinh ấy. Thử ánh sáng huyền ảo trong đêm giao thừa khiến không ít chúng tôi thao thức mãi. Nằm trên võng đung đưa nhắm nháp cái hương vị mùa xuân ở mặt trận. Và rồi giấc ngủ trong ánh sáng lân tinh cũng êm ả đến tự lúc nào...

Sáng hôm sau, khi nhận ra chúng tôi là Đoàn văn công đi phục vụ chiến trường, những chiến sỹ lần đầu tiên đặt chân lên vùng đất mặt trận, mấy chiến sỹ (hình như là lính thông tin thì phải) hướng dẫn chúng tôi ra khỏi vùng nguy hiểm và không quên hỏi đêm diễn đầu tiên là ở đơn vị nào với cái nháy mắt rất điệu nghệ của một cậu lính Hà Nội. Chúng tôi tiếp tục hành quân theo

con đường mòn về phía Tây. Hình như Tết ở mặt trận ít có khái niệm giới hạn về thời gian. Đã là mùng 6 hay mùng 7 Tết gì đó, cả đội vẫn mài miết cùng một chiến sỹ giao liên. Tiếng pháo từ Cồn Tiên, Dốc Miếu của địch bay qua đầu chúng tôi, cùng lúc với giọng đọc một kỷ sự về pháo binh của một nhà văn quân đội vang lên từ chiếc đài của Đoàn trưởng Đoàn Ngo.

Cuối cùng, thi buổi diễn đầu tiên của Đoàn Kịch nói TCCT ở mặt trận được diễn ra tại một đơn vị pháo mặt đất, đang chuẩn bị những việc cuối cùng cho một trận đánh. Ở đây, tôi được gặp lại một chiến sỹ trẻ cùng họ, cùng quê ở miền Bắc. Vào mặt trận, tình cảm đồng hương thật quyến luyến. Buổi diễn vừa kết thúc, người lính đồng hương chạy đến hỗn hỗn nói- Chắc chắn anh sẽ ra ngoài đây trước em. Có điều kiện anh gắng đến mẹ em và nói để mẹ đừng buồn, em sẽ trở về. Tên tuổi địa chỉ em đã ghi sẵn vào đây. Anh gắng đến nhà em nhé... Và cậu ấy dúi vào tay tôi mẫu giấy. Khoảng mười ngày sau, khi Đoàn trở lại địa bàn trên, gặp một cán bộ tác chiến, tôi hỏi thăm về đơn vị pháo binh hôm trước. Đồng chí cán bộ tác chiến trả lời mà không nhìn tôi- Họ trúng tọa độ. Hy sinh hết rồi. Không còn một ai... Tôi bàng hoàng. Sau ít phút trấn tĩnh, tôi lục tìm mảnh giấy ghi tên tuổi địa chỉ của cậu lính đồng hương thì... ôi thôi, nó chỉ còn là một đum bột giấy trong túi áo sau mấy lần giặt ở suối. Cái tình cầu thủ, vô tâm của tuổi trẻ đã khiến tôi ân hận mãi về sau này. Tôi có lỗi lớn với người lính trẻ ấy, với bà mẹ ở hậu phương mòn mỏi mong đợi tin tức về đứa con độc nhất của mình...

Mùa xuân đem đến cho đời sự sinh sôi. Nhưng chiến trường thì bao giờ cũng mang theo sự mất mát. Không khí xuân Mậu Thân năm 1968 ấy với bao nhiêu hân hoan, tự hào quyền lực sự bi tráng, đau thương đã làm nên một chuyến đi biểu diễn lịch sử tại chiến trường của 16 nghệ sỹ Đoàn Kịch nói quân đội. Những cảm thụ, tiếp nhận trong thời gian tiếp cận với bom đạn đã làm nên những vốn liếng quý báu cho suốt cuộc đời sáng tạo sau này của những người nghệ sỹ - chiến sỹ. Cho đến ngày hôm nay, 43 mùa xuân đã trôi qua. Một nửa trong 16 chiến nghệ sỹ năm xưa đã qua đời (Vị tuổi tác, bệnh tật). Nhưng mỗi khi gặp nhau mỗi độ xuân về, chúng tôi lại như cùng nhau sống lại những giây phút thiêu liêng và tự hào năm xưa. Trong trái tim mỗi người như vẫn vang lên khúc hát - Ta đi theo ánh lửa từ trái tim mình...■

XUÂN DIỆU VÀ QUÊ MẸ

NGUYỄN THẾ KHOA

XUÂN Diệu rất tự hào vì cái gốc "Cha đáng ngoài, mẹ ở đáng trong / Ông đồ nhỏ lấy cô làm nước mắt" của mình và tình cảm đó làm nên một trong những bài thơ mộc nhất, thương nhất, xúc động nhất của ông:

*Làng xóm cười giọng ông đồ tro trẻ
Nhưng quý ông đồ vẫn về giò giang
Bà ngoại nói: tôi trọng người chữ nghĩa
Nên dám gả con cách tỉnh xa làng*

*Tiếng đàn ngoài tiếng đàn trong quán quít
Vào giữa mái tranh, giường chông cột nhà
Rửa mồ chữ? Cha hỏi điều muốn biết
Ngạc nhiên gì mẹ thốt ối chu cha!...*

*Mẹ thành thốt: qua thương em nhớ bậu
Cha hát bài phụ tử tình thâm*

Năm 18 tuổi, Xuân Diệu bắt đầu xa quê để đi học rồi đi làm ở Huế, Hà Nội, Mỹ Tho, và chỉ vài năm sau, giữa tuổi 20, trong tình cảnh "nổi đời cơ cực giờ nanh vuốt / còm áo không đùa với khách thơ", ông trở thành một trong những chủ soái của phong trào thơ Mới, làm bằng hoàng làng thơ Việt Nam thời ấy bằng "một y phục tối tân...lẫn với chút hương xưa của đất nước" như phát hiện của nhà phê bình Hoài Thanh. Cái "y phục tối tân" thì có lẽ Xuân Diệu học từ các nhà thơ hiện đại Pháp, còn "chút hương xưa của đất nước", tiếng cây me riu rít, mùi hương hoa buổi báo đêm khuya, cái ánh trăng sáng, xa, rộng vô chừng kia thì chắc chắn Xuân Diệu đã mang theo từ đất trời quê mẹ.

Tham gia tổng khởi nghĩa ở Hà Nội, lên Việt Bắc kháng chiến rồi về thủ đô khi đất nước bị chia cắt cho đến 1975, Xuân Diệu đã phải xa quê đang gần 30 năm. May mắn cho ông, "nhớ, tìm con, má đi tập kết / đem miền Nam ra ở với con", người mẹ của vạ Gò Bồi, làng Tùng Giản đã lặn lội đi tập kết, đem con cá, con tôm, mắm muối, tiếng hò gĩa gạo, tiếng chày nện cối suốt đêm sao của quê hương ra sống cùng ông ở thủ đô. Tuy vậy, nhà thơ vẫn không nguôi thương nhớ quê hương "Quê má, quê má yêu / ta mang theo sớm chiều / mang theo trong giọng nói / pha Bắc vẫn Nam nhiều" và tha thiết mơ một ngày trở lại "Ôi bao giờ, bao giờ. Ta tắm vào da thịt. Con sông nhỏ Gò Bồi. Quy Nhơn về ngập biển. Muối đọng ở vịnh tai".

Niềm thương nhớ quê hương trong những năm xa cách đó, ngoài thổ lộ trong thơ, đã được Xuân Diệu dẫn vào bài phê bình nghiên cứu tuyệt hay "Sống với ca dao dân ca miền Nam Trung bộ", năm 1963. Cho đến nay, đây vẫn là bài viết công phu nhất, toàn diện nhất, sâu sắc và giàu cảm xúc nhất về ca dao dân ca miền Nam Trung bộ và Bình Định, với Xuân Diệu, là "một thử máu của tổ quốc".

Ở bài viết dài gần trăm trang in này, nhà thơ bồi hồi kể chuyện "tôi với em tôi chen chúc nghe hò bài chòi ngày tết ở chợ làng Văn Quang. Làng nhỏ, chợ nhỏ, đồng bào rất hiền lành, anh hò bài chòi cũng hiền, chuyện đêm nằm đó đọc từ Vạ Gò Bồi xuống Giã (Quy Nhơn)?, nghe "giò nhẹ huu huu phần phật trên buồm" và "sóng nhỏ nghìn gợn đập cạnh cách dưới thân thuyền", chuyện tục hát gĩa gạo ở Vạ Gò Bồi, với những đợt hát kéo dài suốt mấy tháng liền.

Trong ký ức Xuân Diệu, dường như mỗi người Bình Định, nhất là phụ nữ, ai cũng có một "pho" ca dao dân ca riêng. Hồi nhỏ là các dì các mẹ, bà vú già giữ em ruột ông, bà ngoại ông. Chính nhờ bà ngoại mà ông biết được bài ca dao rất nghịch mà cũng rất buồn này:

*Sớm mai em xách cái thúng ra đồng
Em bắt con cua, em bỏ vỏ trong cái thúng*



Từ trái sang: Xuân Diệu, Ngô Thị Xuân Như, Huy Cận tại chiến khu Việt Bắc.

*Nó kêu cái rỗng
Nó kêu cái rảnh
Nó kêu chàng ơi!
Chàng giờ an phận tốt đời
Em đây lỡ lưa mớ côi một mình*

Và cái ông "Tóc xi măng" ở Quy Nhơn. Cái con người dở khờ, dở dại, đôi mắt lạc đã tay đập nhịp lên đùi, miệng hát cho Xuân Diệu nghe cả một bản trường ca ca dao Huế tình rất dài và thật hay. Rồi đến má nhà thơ. Xuân Diệu đi học, ghi chép ca dao dân ca khắp nơi, mà mấy chục năm trời chẳng ngờ má mình cũng là một cái "mỏ" lớn. Mãi đến khi má tập kết ra với ông được 5 năm, tình cờ nói chuyện, ông mới biết má thuộc vô khối ca dao dân ca hay quê mình. Không những thế, bà còn là tác giả của nhiều câu rất đáo để. Ví như câu "Trống trâu thì phải xề mường / làm trai hai vợ phải thương cho đồng", bà làm là để nhắc khéo chồng phạm "lệ mơn" của mình.

Xuân Diệu viết "ca dao dân ca Nam Trung bộ, Bình

Định đã ru tôi ngủ và đánh thức tôi dậy với những thương mến bao la của quê hương thứ nhất, nơi mà đẻ ra mình". Bởi vậy, bài viết này là một cách đấu tranh thống nhất đất nước của ông năm ấy.

Nhớ quê, yêu quê, nặng tình quê như thế, nên năm 1976, khi được về thăm quê, niềm vui, hạnh phúc rộn lên trong thơ Xuân Diệu "Ba chục năm dư được trở về / quê mừng mình lại đón mừng quê... / Nước không mất nữa, trời xanh thế / Đất hết chia rồi lòng bốn phương". Đặc biệt cảm động là chuyến trở về với Tuy Phước, với Gò Bồi được Xuân Diệu ghi lại trong bài thơ "Đêm ngủ ở Tuy Phước":

Ngủ không được bởi gió nổi từ biển lên

cứ nhắc:

*- Trọn mình anh đã nằm giữa lòng tôi
Khi mà anh sinh ra
Anh đã thở hơi nước mắm ngon của vạ*

Gò Bồi

Nên tôi già thơ anh còn đậm đà thấm thía

Nhà thơ Huy Cận, bạn thân nhất của Xuân Diệu, có nhận xét: càng về cuối đời, tình yêu quê mẹ của Xuân Diệu càng thiết tha, da diết, ông luôn muốn làm nhiều việc để đến đáp nơi sinh thành. Có lẽ vì thế mà công trình nghiên cứu văn học lớn cuối cùng của Xuân Diệu là về danh nhân Đào Tấn, đồng hương Tuy Phước của ông.

Còn nhớ đó là khi giới nghiên cứu về Đào Tấn tuy đều đánh giá cao các sáng tạo tưởng bất hủ của cụ nhưng về con người, cuộc đời cụ, thì còn không ít nghi ngại, một số người còn đặt vấn đề về việc làm quan to của triều Nguyễn như một bằng chứng phản bội đất nước. Xuân Diệu nghe được, rất bất bình và quyết định xung trận. Trong hội thảo lần thứ hai về Đào Tấn tại Quy Nhơn năm 1979, Xuân Diệu đã dâng đàn tới hơn hai giờ đồng hồ với tham luận "Đọc thơ và từ của Đào Tấn". Kiến thức uyên bác, tư liệu phong phú, phân tích tinh tế, lý lẽ sắc sảo, Xuân Diệu đã khắc họa chân dung Đào Tấn không chỉ như một "nhân tài nghệ thuật đặc biệt" mà còn là một nhân cách lớn, một đại quan hết mực yêu nước thương dân. Bằng một linh cảm thiên tài, chỉ qua lời của Tiết Cương, nhân vật tâm đắc của Đào Tấn, "Thế sự đoàn ư xuân mộng / nhân tình bạc tợ thu vân / nghiên rằng cười cười cũng khó khăn / om lòng chịu chịu càng vui sướng", Xuân Diệu đã nhận ra việc làm quan của Đào Tấn thực ra là một "chủ động lớn lao của người chấp nhận sự hy sinh và cảm thấy trong việc nằm gai nếm mật của mình niềm vui sướng của sự tự giác tự nguyện". Những phát hiện lịch sử sau này đã chứng minh linh cảm của Xuân Diệu là hoàn toàn đúng.

Tham luận đầy thuyết phục của Xuân Diệu đã là một "chiêu tuyết" tuyệt vời cho những oan ức mà cụ Đào phải gánh chịu, là đòn quyết định làm cảm bật mọi ý đồ bôi nhọ cụ Đào Tấn. Sau này, Xuân Diệu đã dày công phát triển tham luận trên thành một công trình nghiên cứu lớn và những dòng cuối cùng của công trình này được Xuân Diệu viết vào ngày 7-11-1985, chỉ trước khi ông trút hơi thở cuối cùng 11 ngày (18-12-1985)... ■

TRẦN HỮU THUNG TIẾP KHÁCH

THẠCH QUỲ

NĂM 1982, chuyện tiểu lâm via hè râm rần khắp các quán xá. Ông Trình làm nghề chụp ảnh via hè nên hóng hớt được rất nhiều chuyện. Một hôm nhà ông Biệt có giỗ, ông Biệt mời ông Trình đến chụp ảnh. Cơm rượu xong, cả nhà ngồi quây quần râm rần trò chuyện. Ông Trình giở gói ra mua vui bà con toàn những chuyện tiểu lâm hạng nặng. Có một chuyện kể, tôi không rõ là chuyện gì, nghe nói chuyện có liên quan đến uy danh một vị lãnh đạo cao cấp. Trong chiếu rượu có ông Biểng, trước đây làm việc ở sở công an nay về hưu. Ông Biểng lặng lẽ rút lui khỏi chiếu rượu, đến báo cáo với công an phường Quang Trung thành phố Vinh. Công an lập tức cử người xuống triệu ông Trình về đồn để xét hỏi.

Thuở ấy công an có biện pháp đối phó với chuyện tiểu lâm bằng cách tóm một người đang kể chuyện đưa về đồn rồi truy cỏi đường dây anh nghe ai kể...tiếp tục như thế cho đến người cuối cùng.

Ông Trình phải đối diện với câu hỏi "Anh nghe ai kể", không nhớ rõ là ai, cuối cùng bị quạ ông khai bừa "Tôi nghe ông Trần Hữu Thung kể". Ông Trình được tha, xe công an lập tức đi Diễn Minh, cách thành phố Vinh 40km để xét hỏi Trần Hữu Thung.

Thấy khách sang trọng đánh xe vào tận nhà thăm viếng, Trần Hữu Thung mừng lắm. Các chú công an có yêu thơ yêu văn văn cất công lặn lội đến thăm mình chứ! Quý hoá quá! Trần Hữu Thung ra tận thêm cái ghế người bắt tay, vồn vắn đón khách vào nhà. Nhà mới cất rượu. Bà Phương vợ ông Thung là người nấu rượu nếp tài hoa chính hạng. Ông Thung chọn chai rượu nước nhất, trình trọng rót 4 chén rượu đưa mời tận tay để đãi khách văn chương. Tuy vậy, đồng chí trưởng

đoàn công an vẫn đặt cách chén rượu xuống mặt bàn nói rất nghiêm túc: Báo cáo! Chúng tôi không uống rượu khi đang làm nhiệm vụ! Trần Hữu Thung tuy đã ngỡ ngàng có chuyện gì song ông vẫn nói theo thói quen: "Đã là khách văn chương thì các bạn cứ cầm chén rượu, người xưa nói thì đi với tầu mà! Trong 3 anh công an cũng có một anh nể lời ông cầm lấy chén rượu nhưng không uống. Thấy khách cầm chén Trần Hữu Thung vội nâng chén của mình lên chạm đánh cách vào chén của anh công an rồi một hơi uống cạn. Trần Hữu Thung khoe: Tôi đang soạn cuốn sách *Truyện kể dân gian xứ Nghệ* hay lắm, cha ông ta xưa hóm hỉnh lắm! Họ đá kích những thói hư tật xấu bất kể kẻ đó là Vua hay Quan, hay làm, giá trị lắm...

Anh công an trưởng đoàn sợ Trần Hữu Thung nói huyền thuyên làm sao nhãng mục đích công vụ, bèn ngắt lời ông.

- Báo cáo! Chúng tôi đến đây là thay mặt cho ban điều tra có việc cần làm sáng tỏ. Đồng chí An sẽ trình bày sự việc, sau đó tôi sẽ hỏi ý kiến ông. Trần Hữu Thung ngỡ người ra chẳng hiểu chuyện gì, ông lại nói theo thói quen:

- Thôi được! Nếu các bạn không uống rượu thì ta bàn công việc! Trần Hữu Thung vẫn còn nghĩ là bên công an làm Tập san đến liên hệ với ông để xin bài vở. Sau khi anh công an tên là An trình bày sự việc, anh trưởng đoàn công an nghiêm khắc hỏi:

- Truyện tiểu lâm mang mục đích đả kích lãnh đạo đó, ông nghe ai kể?

Trần Hữu Thung vội như chưa nghe rõ nên ầm ừ hỏi lại:

- Chuyện dân gian kể ngoài quán xá ấy à? Anh thợ ảnh hàng rong nói là do tôi kể à? Tôi cũng hay kể chuyện tiểu lâm. Chuyện tiểu lâm đời xưa ý nghĩa lắm! Để tôi nhớ xem có lúc nào gặp anh thợ ảnh nào không? Ông Thung thăm

ngẫm, tuy mình không gặp tay thợ ảnh nào và cũng chẳng kể chuyện tiểu lâm ở chỗ quán xá, cũng chẳng biết cái chuyện tiểu lâm mấy anh công an nói đó ra làm sao nhưng nếu cái chuyện đó bị buộc vào cho tay thợ ảnh thấp cổ bé miệng có thể anh ta phải mang lấy cái va lớn. Trần Hữu Thung suy nghĩ tìm cách để cứu anh thợ ảnh. Ông nói: "Chuyện dân gian là do dân sáng tạo ra. Bây giờ nói con người là từ con Vượn mà ra. Lại hỏi con chi sinh ra con vượn, rồi con chi lại sinh ra con chi đó... Hỏi ra rứa biết khi mô thì cùng? Anh thợ ảnh nói tôi nói, tôi lại nói ai đó nói, các anh ăn lương rồi làm việc mấy đời để tìm được gốc gác của văn nghệ dân gian? Và lại anh thợ ảnh vu oan cho tôi thì sao? Tôi lại vu oan cho người khác thì sao? Các anh làm việc mấy đời nữa để phân biệt cho được trắng đen thật giả? Tôi nói phải không nào? Bây giờ thế này: Nếu các anh cứ cố tình theo đuổi đường dây đó thì tôi nhận cho anh thợ ảnh, các anh hỏi tiếp tôi đi! Mấy chú công an im lặng. Ông Thung làm một chén rượu rồi cười khà khà: Nếu các anh hỏi thì tôi chỉ Bà Phương vợ tôi. Các anh hỏi bà Phương, bà Phương chỉ vào o Quyết bên hàng xóm. Các anh sang hỏi o Quyết thì o Quyết chỉ vào cu Minh...Dân Diễn Minh này họ cho các anh lộn từ đầu xóm đến cuối xóm, bỏ hơi tại ra đây!

Mấy chú công an thấy quá nản. Trần Hữu Thung lại rót rượu.

- Nào bây giờ đã là giờ ngoài công vụ, ta nâng chén mừng buổi gặp gỡ và chia tay nhau nhé!

Họ uống rượu và chia tay.

Hôm sau, Trần Hữu Thung gặp tôi ở Vinh cười cười rồi nói:

- Mày sang chỗ Công an, hỏi giúp tao cái chuyện thằng thợ ảnh đó kể là chuyện gì, tao muốn ghi chép để làm tài liệu....

Tôi hiểu ông muốn nói thật với công an là ông không hề biết chuyện đó là chuyện gì, chứ có xử lý lơ mơ đối với ông, còn anh thợ ảnh thì ông đã chính thức báo kê cho rồi đấy!■

TRẦN ĐĂNG KHOA

Trên đỉnh Phansipan

Tặng Hoàng Nghĩa Sướng

Nằm khểnh trong mây nổi
Chạnh lòng thương cõi người
Thành Thần, hay Tiên Phật
Cũng chỉ bằng ta thôi...

NGUYỄN HOÀNG SƠN

Đường hoè

Đàn vịt no mỡ đứng rĩa lông
Nước sa âm ập toả trên đồng
Mây gần, mưa thoảng màu tranh lụa
Đường hoè xanh thắm sắc Thiên tông.

ĐIỀN NGỌC PHÁCH

Giọt

Giọt thơm giọt đắng nâng kỳ càn
Thơ rớt say trên tuổi mấy mươi
Mãi xanh trao lại đàn con trẻ
Đầu bạc trông theo nhận cuối trời...



MAI PHƯƠNG

Xuôi Phú Thọ

Ở với Hà Giang nửa tháng trời
Chưa vào Lũng Cú(*) ngắm mây trôi
Đành xuôi Phú Thọ xem đối cạ
Là ngựa lên cao đón nắng trời.

(*) Một địa danh của tỉnh Hà Giang - Điểm cao địa đầu đất nước ở phía Bắc.

TRẦN NHUẬN MINH

Khi không còn trẻ

Xuân trước ta dĩ hoa vẫn nở
Tết này ta đến lại không hoa
Chùa Cây đầu nhĩ cho ta hỏi
Sao lại sai hoa tránh gặp ta?

LƯU SƠN TỰ

Xa

Em ở rừng xanh, anh phía biển
Cách mấy đèo cao, mấy nhịp cầu
Cánh bướm lẻ bóng, hàng dương vắng
Anh ngẩn ngơ trông sông bạc đầu.

NGUYỄN HỒNG VINH

Vô đề

Sáng bên Đại Tây Dương
Chiều bay sang biển Ấn (*)
Anh vô vô đường trường
Em chìm trời, cá lặn.

(*) Ấn Độ Dương

NGUYỄN VĂN HIẾU

Người xưa có về

Đông còn run rẩy trên cành
Cây đang nhũ những lộc xanh giao mùa
Đất trời lất phất cơn mưa
Đào đá tìm lối, người xưa có về?

LÊ HUY HOÀ

Nhớ Nguyễn Bính

Mưa xuân phơi phới bay trên mộ
Thơ Người lãng đãng chốn vườn xưa
Thương giậu mồng tơi thương bướm cũ
Xuân rồi đã kịp môi hay chưa?

VŨ XUÂN HOÁT

Áo giao thừa

Khuya lay gió kết vì kèo
Vận cánh đất trở gieo neo phận người
Nhớ quê hương buổi thiếu thời
Áo giao thừa và mảnh trời phong phanh.

VŨ XUÂN HÀM

Tự hỏi

Bao đồ vật quanh ta
Cũ mới đều tri kỷ
Tháng ngày rồi sẽ qua
Còn ai là cố tri?

ĐÀM KHÁNH PHƯƠNG

Khẩn ở Đền Trình

Nhớ em, dốc đá mở sương
Cò đôi ta giữa hai đường mơ xuân
Núi lùi sau mỗi dấu chân
Càng xa bến Đức, càng gần chùa Hương.

NGUYỄN THANH KIM

Bóng em ngợp nắng

Xa nhau từ độ vào xuân
Búp bâng nhen lửa tấn ngăn nắng se
Bây giờ liễu rủ mảnh che
Bóng em ngợp nắng lại về chiêm bao...

TRẦN TRƯƠNG

Đi

Có người đi bằng chân, người đi bằng mắt
Mắt đi theo chữ, chân đi theo đường
Đi theo đường thì tới bờ, tới bến
Nhưng mắt kia theo chữ khuất mù sương.

PHAN XUÂN HẠT

Tiến biệt này...

Tưởng nhớ C.T.B.H

Em đã về bên kia thế giới
Chân gối bằng khuôn lạnh nửa giường
Bơ vơ anh dài đêm trống trải
Tiến biệt này nặng mãi tiếc thương!

ĐỖ TRUNG LAI

Không để

Anh thức nhìn em trong trí nhớ
Đường xa vắng đặc, biết làm sao?
Đánh biến đường xa thành tấm lụa
Đợi bọc em vào trong chiêm bao.

VŨ TỬ TRANG

Chiều

Con đường ngày một lùi xa
Bước chân chồm mỗi, con đò ngẩn ngơ
Phận người tỉnh tỉnh mơ mơ
Nhẹ tênh cái thuở mình chưa là mình.

LÊ DUY HẠNH

Đợi người

Cuối năm. Chiều cuối năm rồi
Thời gian mê mải giữa đời mênh mông.
Đêm ngày. Mẹ mỗi mòn trông,
Giao thừa. Bếp lửa. Chong chong đợi người...

ĐẶNG HIỂN

Hương buổi

Xuân xưa trên đường vào xóm nhỏ
Tôi với người đi vai sánh vai
Xuân nay cũng trên đường xưa cũ
Hương buổi xa đưa gọi nhớ người.

HÀ PHẠM PHÚ

Mai muộn

Tết qua hoa rụng nhường lá biếc
Công phu phải đợi đến mùa sau
Mai thầu rằng anh không đợi được
Nở dăm bông trắng để tặng nhau.

LÊ DUY PHƯƠNG

Xuân

Để cho mùa đông rét buốt
Lụi tàn ngay dưới chân em
Và từ làn môi ấm nồng
Xuân sang mỏng cánh hoa mềm.

ĐOÀN VŨ

Đêm bên đền Bến Dược

Râm trăng vàng vạc hồn thiêng
Nghe văng vẳng tiếng ba miền gọi nhau
Nén nhang cong đến nghẹn ngào
Các anh chị... có khí nào hồi hương?



CHUYỆN LÝ THÚ VỀ NHỮNG SIÊU ĐỐI

NGUYỄN XUÂN LẠC

1. CHỮ THẬP VÀ VÒNG TRÒN

Trạng nguyên Nguyễn Nghiênn Tư (tức Trạng Lợn) được vua Lê Nhân Tông cử đi sứ sang Trung Hoa. Khi đến ải Nam Quan, sứ nhà Minh ngạo mạn quen ý thể nước lớn không chịu mở cửa nghênh tiếp, mà đưa ra về đối là một chữ thập (+) bằng gỗ, nếu đối được mới chịu mở cửa. Hiểu rõ thâm nghĩa ẩn chứa trong chữ Thập của sứ nhà Minh, với lòng tự tôn dân tộc mãnh liệt, Trạng sai người làm một cái vòng tròn đặt chữ "Thập" gỗ vào trong đó. Hai về xuất và đối được hiểu như sau:

Chữ Thập (+): Tung hoành vũ trụ.

Vòng tròn (O): Bao quát căn khôn.

Đoán ý về ra đã tài, đối lại càng giỏi. Và kết quả là sứ nhà Minh phải mở cửa nghênh tiếp Trạng Việt Nam.

2. CÔ HÀNG NƯỚC VÀ ANH LÁI ĐỎ

Năm Long Đức thứ ba (1734), đời vua Lê Thuần Tông, có đoàn sứ bộ Trung Quốc sang nước ta. Nhà vua đã vời bà Điểm ra làm cô gái bán nước, đón tiếp sứ nơi bến đò và Trạng Quỳnh làm anh lái đò chở khách qua sông. Thấy cô hàng nước xinh đẹp, sứ Tàu ra câu đối, tỏ ý têu ghẹo, chế giễu nữ giới nước ta:

An Nam nhất thôn thổ bất tri kỉ nhân canh (Một tấc đất An Nam không biết đã mấy người cấy?)

Không ngờ cô hàng nước thủy mị ấy đã đáp lại bằng về đối thật sắc sảo:

Bắc quốc đại trượng phu giai do thử đồ xuất (Bắc đại trượng phu Bắc quốc đều ở nơi ấy mà ra cả!)

Đến lúc xuống thuyền qua sông, một vị trong đoàn sứ bộ lễ "trung tiên" một cái. Y đã ngạo mạn đọc lên một về đối chứa ngụ ý:

Sấm động Nam bang.

(Sấm động ở nước Nam)

Ngay lập tức, anh lái đò bước ra mũi thuyền, vén quần "tê" xuống sông và đồng đặc trả lời bằng về đối sát sạt từng chữ:

Vũ qua Bắc hải.

(Mưa qua biển Bắc)

Sứ Tàu thấy một cô gái bán nước và một anh lái đò mà ứng đối sắc bén đến vậy, thì nể nước Nam ắt còn nhiều người rất tài giỏi, nên không dám tỏ ra kiêu ngạo nữa.

3. CỎ ĐỐI ĐƯỢC MỚI CHO SANG ĐỒ

Chuyến đò ngang chở người đi chợ Tết năm ấy, khách rất đông nhưng con đò lại nhỏ, chẳng ai chịu nhường ai. Chủ lái đò đành phải ra câu đối, ai đối được sẽ sang đò. Câu đối như sau:

Chật đường, chật bến, chật đò. Đường, bến, đò, ba chật khó đương.

Về đối khá hiếm, có đến 3 chữ chật, rồi lấy lại ba chật ở cuối về.

Trước tiên, một vị sư chấp tay "Mô Phật" rồi ứng đối:

Bồ đề, bồ tát, bồ đa. Đề, tát, đa, tam bồ cứu khổ.

- Hay lắm! Thỉnh nhà sư xuống đò.

Tiếp đến, một ông quan hắng giọng đọc về đối của mình:

Đế Nghiêu, Đế Thuấn, Đế Vũ. Nghiêu, Thuấn, Vũ, tam đế truyền hiền.

Có người lên tiếng: "Câu đối của quan lạc lõng quá. Đang nói chuyện đò giang đồng đúc, sao lại đưa đế vương ra? Và lại, câu đối ra bằng chữ Nôm, sao lại đối chữ Hán? Nhưng thôi, nể mặt quan có ít chữ nghĩa, mới quan xuống đò".

Đến lượt một chàng thư sinh đối:

Vương Thành, Vương Khải, Vương Khang. Thành, Khải, Khang, tam vương kế trị.

Tuy là chuyện ở đâu đâu, nhưng cũng cho là được.

Rồi một ông hành khất bước ra đọc:

Cơm nguội, cơm sôi, cơm thiêu. Ngươi, sôi, thiêu, tam cơm nhập bị.

Đúng cảnh ăn xin khổ sở, ông hành khất được xuống đò.

Liền sau đó, một cô hàng rau vung vẩy cất gành, lên tiếng:

Rau cần, rau diếp, rau răm. Cần, diếp, răm, ba rau lẫn lộn.

Đọc xong, cô kiêu hành xuống đò.

Cuối cùng, hai vợ chồng bác xẩm dắt díu nhau ra, xin đối:

Mục trông, mục nhãn, mục mi. Trông, nhãn, mi, ba gi cũng mị.

Hay lắm! Vợ chồng bác được dắt xuống đò.

(Theo Đối đáp ngày xuân)

4. CÔ THÔN NỮ VỚI VỊ HOÀNG TỬ TRIỀU LÊ

Khi còn là một chàng trai, một hôm Lê Thánh Tông đi dạo trên bờ một con sông đào ở vùng Thanh Hóa, tình cờ gặp một cô gái

Ngày xuân, nhâm nhi chén rượu, đọc đối câu đối, cũng là một cái thú của người Việt Nam ta. Trong cả một rừng câu đối bạt ngàn, mệnh mông của dân tộc từ hàng chục thế kỉ nay, xin được góp một vài câu chuyện lý thú về những siêu đối để giới thiệu cùng bạn đọc.

đang vo gạo dưới sông. Mến cảnh, mến người và cảm hứng chợt đến, vị hoàng tử trẻ tuổi liền đọc về đối:

Gạo trắng, nước trong, mến cảnh lại càng thêm mến cả...

Nhưng cô gái vẫn thản nhiên vo gạo cho đến khi xong đầu đầy mới ngoài lại và đọc về đối của mình:

Cát lấm, gió bụi, lo đời đầu đầy hãy lo cho...

Bấy giờ đang thời buổi loạn li, lời đối rất chuẩn xác của cô gái như có ý nhắc nhở thân nam tử hãy lo việc lớn, đem sức trai mà cứu dân giúp nước... Không biết lời đối đó của cô gái có tác dụng đến đâu nhưng sau này dưới sự trị vì của vua Lê Thánh Tông, đất nước đã trải qua những năm tháng thái bình thịnh trị nhất trong lịch sử các triều đại phong kiến Việt Nam. ý vị và cái hay của cả về ra lẫn về đối như còn đọng lại trong ba đầu chấm lửng ở cuối câu, tạo nên dư vị ngọt ngào, sâu lắng, gợi nhiều liên tưởng thú vị, cũng là điều ít thấy trong câu đối xưa nay.

(Theo Giai thoại văn học)

Trường trường, tràng tràng,

tràng trường trường

Tràng tràng, trường trường,

trường tràng tràng

(Nghĩa là: Lớn lớn, dài dài, dài lớn lớn)

Dài dài, lớn lớn, lớn dài dài)

Câu đối dân chuồng lợn là để cầu cho lợn chóng lớn, thiết tưởng không còn câu nào hay hơn thế nữa, nhưng đã cho anh trường tràng một vỏ thật sâu cay, nhớ đời.

7. CẦU ĐỐI CỤC NGẮN

Ngày xuân, hai ông đồ cùng nhấm rượu, đối vãn. Ông đồ thôn Đông gấp một miếng chả nhai tộp tộp rồi tung ra một về đối:

- Chả ngon!

Ông đồ thôn Đoài đang bí vì cái từ "chả" hai nghĩa ấy thì may quá từ gầm giường một con cóc nhảy ra, miếng cũng nhai tộp tộp. Ông liền đối ngay:

- Cóc sường!

Ông thôn Đông chịu là giỏi, vợ cần phải lười và kêu lên:



- Ấi! (vừa là tiếng kêu, lại có nghĩa là yếu)

Tiếng kêu làm ông thôn Đoài giật mình, đánh rơi miếng thịt hoen bẩn chiếc quần sộp. Sau đó ông đối lại ngay:

- Ối! (vừa có nghĩa là hoen ố, lại có nghĩa là ghét)

Thế là hòa cả làng. Người ra đã hóm, người đối cũng hay.

8. CẦU ĐỐI DÙNG TOÀN MỘT ÂM ĐẤU TIẾNG

Nguyễn Khuyến lên thăm chùa Đọi (Duy Tiên, Hà Nam) thấy sư móm, tiểu ngọng, lại muốn xin đôi câu đối kỉ niệm, cụ mới đùa nhà chùa, làm cho hai về đối:

Phất phất phong phong phan, phấp phấp phi phù, phù phụng phật

Càng càng canh cổ kệ, ca cao kỳ cừu, cừu cùng kinh.

(Nghĩa là: Phất phất cờ phướn bay trước gió, đạo pháp làm phép đốt bùa, bùa thờ phật Oang oang hòa giọng đọc kệ cổ, cất cao tiếng nghiêng ngả kinh, nghiêng ngả đến cùng).

Văn là khẩu khí nhà chùa, song đọc lên nghe phập phập phào phào, ngọng ngọng ngoẻo ngoẻo, hết tiếng người móm, người ngọng.

Cũng tương tự câu đối nói trên, Thi sĩ Hoàng Cầm có một câu đối toàn vần "d" nói về thân phận mình mà lâu rồi chưa có ai đối cho đúng với ý ông:

Đứng đỉnh đường đèo đi đến đỉnh

Đã đành đơn độc đá đùng đèo.

Mãi đến giao thừa Tết Nhâm Ngọ (2002), khi "ông hoàng thơ tình" bước vào tuổi bát tuần, nhà thơ Nguyễn Thụy Kha mới gọi đây nói đối câu đối trên để mừng thọ ông, và thi sĩ xứ Kinh Bắc đã cười vang trong mây:

Bằng bằng biển biếc bước bên bằng

Bì bôm bọt bèo bìm bậm biu.

(Theo Chuyện vui)

9. CẦU ĐỐI... TOÁN HỌC

Chuyện xảy ra giữa bố vợ và chàng rể. Bố vợ là cụ đồ sống vào buổi giao thời nên hiểu cả Tây học, cụ quý chàng rể đến làm thịt, nấu nướng rồi cùng nhau nhâm nhi. Nhưng thấy con rể vẫn cầm đầu vào quyển sách, cụ lại thôi. Nấu nướng xong xuôi, cụ mới gọi chàng rể sang:

- Ham đọc sách là tốt. Nhưng đọc sách thì phải biết vận dụng kiến thức vào cuộc sống. Ta ra cho anh một về đối. Nếu đối được thì đánh chén. Không đối được ắt bị "ăn đòn".

- Dạ. Xin thấy ra về đối.

- Được. Hám ba ba đã chín.

Câu đối quả là hóc búa, vì "ba ba" là con ba ba, nhưng cũng là ba lần ba (3x3). Chín vừa là tính từ (đã được hám chín) lại vừa là số từ (9). Về đối lại phải mang hai nghĩa và cũng có phép nhân với tích số như về ra.

Chàng rể đang bí, bỗng có chiếc xe bò chở cát đi qua. Anh ta mừng quá:

- Dạ. Con xin đối là: Chở cát cát đầy xe

Cụ đồ nghe xong, vỗ đùi khen: "Giỏi!"

"Cát cát" là hạt cát, nhưng tiếng Pháp, "cát" (quatre) là số 4, "cát cát" là 4x4. Còn 16 (seize), đọc là xe; nên "xe" ở đây vừa là cái xe, vừa là số 16, tích số của phép nhân. Thật tài tình! Về ra chơi chữ tiếng Việt, về đối lại chơi chữ cả Việt-Pháp, và cả hai về đều đối nhau bằng phép tính nhân rất chính...

10. DÙNG CẦU ĐỐI ĐỂ PHÁ ÁN

Trong lịch sử Trung Quốc, Bao Công được xem như là vị quan tượng trưng cho Công Lý, lại có tài phá án. Và chính ông đã dùng... câu đối để phá án. Câu chuyện như sau:

Vợ chồng nhà họ Từ chỉ sinh được một mụn con trai, lo cưới vợ cho con. Đêm động phòng, cô dâu ra cho chú rể một về đối, nói nếu không đối được, thì không được phép nhập phòng. Nói xong liền đọc ngay về đối:

Điểm đăng, đăng các, các công thư

(Đốt đèn, lên gác, đọc các sách)

Về ra quả là hóc búa vì có các chữ đăng, các nối tiếp nhau trong câu đối. Chú rể nghĩ mãi vẫn không sao đối được, đành phải ra trường ngủ.

Hôm sau, cô dâu thấy chú rể buồn rười rượi, liền hỏi: "Chàng làm sao mà buồn bã vậy?". Chú rể đáp: "Vi vẫn không sao đối được về đối của nàng!". Cô dâu ngạc nhiên: "Đêm qua, chàng đã đối được rồi đấy thôi!". Chú rể lập tức đáp: "Đêm qua, tôi về nhà lúc nào, mà bảo đối câu đối?"...

Cô dâu nghe nói vậy, biết rằng mình đã bị người khác lừa hiệp đảm, xấu hổ, nhục nhã quá, bèn treo cổ tự tử. Cô dâu chết, chủ rể liền bị bắt giam vào ngục và bị xử tử hình, sau mùa thu sẽ đem chém.

Nghe được vụ án kì lạ, Bao Công rất nghi ngờ, âm thầm nghĩ ngợi để tìm cách phá án. Muốn phá án này, trước hết phải đối được về thách đối của cô dâu kia. Đêm khuya tĩnh lặng, ông gọi người hầu vác ra sân một chiếc ghế bành rồi ngồi ngắm trăng suy nghĩ. Bỗng trong đầu ông lóe lên về đối lại...

Đối được thì cách thức phá án cũng đã có. Trời sáng, Bao Công tới huyện nha hạ lệnh dân bố cáo tuyển chọn một số nhân sĩ có tài trong bản địa đưa về kinh làm quan. Song chỉ tuyển chọn những người đối được về thách đối

Điểm đăng, đăng các, các công thư...

Bảng treo chưa được bao lâu, đã có một thư sinh tìm đến xin đối. Về đối của anh ta như sau:

Di ý, ý đồng, đồng thường nguyệt.

(Vác ghế, ngồi ghế tựa cây ngô đồng, cùng ngắm trăng)

Đúng như về đối mà Bao Công đã nghĩ ra.

Vừa đọc xong khỏi miệng, Bao Công đã hạ lệnh bắt người thư sinh nọ trở lại. Trước uy nghiêm và tài trí của vị quan tượng trưng cho Công Lý, anh ta đã phải quan tại tất cả hành động gian dâm đen tối của mình và bị tống giam vào ngục tử hình. Vụ án được phá nhanh chóng chỉ bằng một câu đối.■

(Theo Tế tướng Lưu Gù)

TẢN MẠN VỚI... SAO

TÔ HOÀNG

NÓI tới những "Ngôi sao Màn bạc", thông thường người ta hay nghĩ tới phải đẹp, tới những gương mặt nhìn một lần găm mãi trong tâm tưởng, những vóc dáng "chuẩn" cả ba vòng đo. Nói tới những ngôi sao màn bạc, cũng thông thường, người ta chỉ tính tới tài sắc của các nữ diễn viên thể hiện vai trong phim điện ảnh, tức phim nhựa 35 ly; chứ không thấy ai bình "Sao" cho các diễn viên trong phim truyện truyền hình!

Phim nhựa vốn liếng xôm tụ hơn nhiều, bởi thế được đầu tư về thời gian, công sức, chất xám hơn nhiều lần phim truyện truyền hình. Để làm phim nhựa, người ta chọn lọc kịch bản kỹ càng hơn, vì thế trong phim nhựa chuyện ra chuyện, mâu thuẫn ra mâu thuẫn, nhân vật có tính cách chứ không qua loa, chớt chát như trong phim truyện truyền hình. Việc chọn diễn viên để giao vai cũng công phu, công sức hơn. Ra tới trường quay, phim nhựa cũng hành tị diễn viên "lên bờ xuống ruộng hơn"... Bởi tất cả những lý do đó, "Sao" điện ảnh mới thực là "Sao".

Đã nhất trí với nhau như vậy, sẽ có những điều lý thú đây...

Tính từ ngày phim truyện nhựa Việt Nam thừa thốt dần, thiên hạ quen với trò "không có cá lấy rau má làm trọng", nên chỉ còn biết tung hô phim truyện truyền hình, đầu đó từ cuối những năm 1990 trở đi, hầu như phía Bắc không cung cấp được các "Sao" cho điện ảnh phim nhựa. Sử sách rồi sẽ ghi lại rằng, hầu như các nữ diễn viên Như Quỳnh, Thanh Quý, Minh Châu, Diệu Thuần... là lớp nữ diễn viên cuối cùng mà phía Bắc cung cấp cho phim nhựa. Những gương mặt nữ sáng giá trong các bộ phim nhựa, sau này phần lớn đều xuất hiện ở phía Nam.

Chiếm kỷ lục số vai diễn trong các bộ phim truyện nhựa Việt Nam xuất xưởng trong vòng hơn chục năm nay là nữ diễn viên Hồng Ánh. Sau thành công của phim *Đời cát* (đạo diễn Nguyễn Thanh Vân), gương mặt khá ái này xuất hiện ngay trong các phim *Thung lũng hoang vắng* (đạo diễn Phạm Huệ Giang), *Người đàn bà mộng du* (đạo diễn Nguyễn Thanh Vân), *Trái tim bé bỏng* (đạo diễn Nguyễn Thanh Vân), *Trăng nơi đáy giếng* (đạo diễn Vinh Sơn). Trong thời buổi "thóc cao gạo kém", nền điện ảnh cả nước làmدام ba phim truyện mỗi năm, có được từng ấy vai trong phim nhựa-phải ghi nhận đấy là một chiến tích của

Hồng Ánh. Cũng có ý kiến xì xèo, hình như với từng ấy phim, Hồng Ánh vẫn chỉ sắm... một vai. Ấy vậy, nhưng có ai để ý tới điều này không: giữa người đàn bà trong *Đời cát* và người đàn bà trong *Trăng nơi đáy giếng* tồn tại một sự khác biệt khá xa trong tâm lý, tính cách; trong hành xử của nhân vật. Đây nữa, khoảng cách thời gian để nữ diễn viên sắm hai vai này cũng không cần tới quá nhiều năm tháng.

Ở phía Nam, có một trường hợp khác bước vào phim điện ảnh cũng khá đặc biệt. Đó là nữ diễn viên Kiều Trinh. Mới trong vòng 5, 6 năm nay, Kiều Trinh đã được giao vai liến trong 3 phim truyện nhựa: *Mùa len trâu* (đạo diễn Nguyễn Võ Nghiêm Minh), *Rừng đen* (đạo diễn Vương Đức), *Bi đi, đừng sợ* (đạo diễn Phan Đăng Di). Từ một cô thợ may phố huyện tí tắp trên Tây Ninh, sự run rủ nào đưa Kiều Trinh đến *Mùa len trâu* để tạo nên hình tượng khá truyền cảm về một người phụ nữ miền Tây giữa sự thử thách nghiệt ngã của thiên nhiên, của sự tồn tại mà vẫn giữ được vẻ hồn hậu, tươi tắn trong tình yêu, trong khu xử. Đành rằng, Kiều Trinh đã may mắn gặp được một kịch bản hay, một ê kíp làm phim giỏi, nhưng không thể phủ nhận, với lần đầu xuất hiện trước ống kính, Kiều Trinh đã biểu hiện sự chững chạc, độ "chín" trong diễn xuất. Và cũng chính *Mùa len trâu* đã phát hiện ra một gương mặt rất "xi-nê-ma" cho điện ảnh nước nhà. Sau phim này, đạo diễn Vương Đức đã không nhầm khi trao vai cô gái bán quán nơi cửa rừng trong phim *Rừng đen* cho Kiều Trinh. Một nhân vật hoàn toàn khác, một sự dữ dội, quyết liệt hơn nhân vật trong *Mùa len trâu*, nhưng Kiều Trinh cũng rất thành công với vai diễn này. Và đến lượt đạo diễn trẻ Phan Đăng Di đã có "đôi mắt xanh" khi mời Kiều Trinh thủ vai người vợ, người mẹ, người con dâu Hà Nội trong phim *Bi đi, đừng sợ*. Kiều Trinh đã thể hiện trọn vẹn vai diễn của mình. Sau vai diễn trong phim này, có nhiều lời xì xầm, nữ diễn viên "sexy" quá. Thiết nghĩ, lời chê ấy là cố chấp, là tầm thường. Khi chuyện phim, khi tính cách nhân vật yêu cầu tới những cảnh quay như vậy, nữ diễn viên đâu có lỗi. Và lại, mỗi diễn viên đều có riêng con đường của mình đến với màn ảnh mà không ai giống ai! Cái lỗi thuộc về chúng ta, khi qua các nhân vật của cả ba bộ phim nhựa kể trên, Kiều Trinh chưa hề nhận được một giải thưởng nào tại các kỳ Liên hoan phim vừa qua (!?)

Một nữ diễn viên khác cũng để lại ấn tượng khó quên khi xuất hiện lần đầu trên màn ảnh lớn. Đó là Ngô Thanh Vân với vai diễn trong phim *Dòng máu anh hùng* (đạo diễn Jonny Nguyễn). Xin được nói ngay, nếu coi bộ phim này thuộc dạng phim giải trí, kiếm doanh thu thì đây là một mẫu chuẩn, phim Việt Nam chưa từng có, về sự trù liệu, tính toán kỹ lưỡng; về tính nghệ thuật-thẩm mỹ; về thái độ tôn trọng người xem của những người làm phim. Ngô Thanh Vân trong phim này đã thể hiện thành công một vai diễn nội tâm nhiều giằng xé, nhiều đột biến. Đặc biệt, đáng ghi nhận là công phu lao động nghệ thuật đáng nể trọng mà nữ diễn viên trẻ này đã dành cho vai đầu tay. Đáng tiếc, sau *Dòng máu anh hùng*, Ngô Thanh Vân xuất hiện trong 2,3 bộ phim nhựa nữa - nhưng vì là những phim chạy theo mục đích thương mại thuần túy, nên những vai diễn của Ngô Thanh Vân không để lại ấn tượng gì.

Với bộ phim *Sống trong sợ hãi*, đạo diễn Bùi Thạc Chuyên là người đã mang tới vinh quang điện ảnh đầu tiên cho nữ diễn viên Hạnh Thúy. Trong vai "bà vợ lớn" vừa hài, vừa bi, nhưng biểu hiện đầy đủ tính nhân chịu, sự đa đoan và lòng bao dung, nhân hậu của người phụ nữ miền Trung, Hạnh Thúy không chỉ khắc họa khá thành công nhân vật được giao mà hứa hẹn có thể đảm nhận nhiều vai diễn phức tạp khác. Hạnh Thúy âm thầm chờ đợi và không nhận được thêm một lời mời nào. Đơn giản, vì phim nhựa quá thừa vắng, chỉ dành vui lòng với phim truyền hình và các vở kịch hài.

Trường hợp Lan Ngọc - cô sinh viên năm thứ hai Trường Sân khấu - Điện ảnh Tp Hồ Chí Minh bỗng nhiên được người mê phim cả nước biết tới qua vai Nương trong bộ phim *Cánh đồng bất tận*, cũng là điều đáng kể trong việc hình thành các "Sao" ở chân trời phía Nam. Không thể phủ nhận, truyện vừa *Cánh đồng bất tận* của nhà văn trẻ tài năng Nguyễn Ngọc Tư đã dọn "bãi đậu" trước cho sự tỏa sáng của Lan Ngọc. Nhưng cũng sẽ không công bằng nếu không thấy, chính đạo diễn Nguyễn Phan Quang Bình đã "nhìn ra" Nương ở Lan Ngọc; đã đứng phía sau ống kính để chụp bắt một cách rất tinh tế, rất hiệu quả ánh mắt vui, buồn và cả vẻ tươi tắn, trong sáng của một cô gái bị cuộc đời phủ phàng vùi dập mà Lan Ngọc đã dành cho vai Nương.

Tết đến, xuân về, tản mạn đôi ba câu chuyện về đời sống điện ảnh Tp Hồ Chí Minh; mong các bạn yêu phim, yêu điện ảnh hãy quay lại với vạch xuất phát ban đầu: Khi trò chuyện về tài năng diễn xuất trước ống kính, khi có ý định bình chọn "Sao", bạn hãy trở về với phim điện ảnh, tức phim nhựa 35 ly.■



THƠ CHÂM

Mùa xuân đi tìm hoa

(Gửi một số vị Đại biểu Nhân dân)

Đường xuân

Đại biểu Nhân dân

Đi đâu

Tìm hoa

Đi đâu

Tìm dân

Ở gần, không xa

Dân không xa

Gần dân không khó

Xin đừng đừng từ xa

Mà ngó

Về dân

Đừng ngựa xe rầm rầm

Thành đám rước

Xa hòa gần, có thể được

Nếu bình dân cả tự trái tim

Lặn lội mà tìm

Sẽ thấy

Lòng dân

Gần

Lắm.

LÃ VỌNG

Tết buồn

Xuân này buồn lắm với nhà nông

Xoay xở sao đây để kiếm đồng

Bánh kẹo lấy đâu khi bạc hết

Lợn gà chỉ nữa lúc tiến không

Đất thành nhà máy thôi thu hoạch

Ruộng hòa sân gôn hết cấy trồng

Đã trắng tay rồi sao có tết

Thôi đành bếp lạnh tiễn ông Công!

ĐÀO NGUYỄN LỊCH

Lời cửa trước

Cửa trước vạch trần tội cửa sau

Là thường thì thật nhận phong bao

Rất ưa liên kết quần gian trá

Và thích giao du lũ khoét đào

Đẩy kẻ bất tài lên cờ sếp

Đưa hàng vô lại tới tầm sao

Cửa sau là cửa hay gây hại

Để trị được mày chỉ cửa tao!

HOÀNG HIỆP

Vẽ rống

Xin đừng ăn cuốn như Rống

Trông nổi trong hương ăn không vội vàng

Nói năng cũng phải dịu dàng

Nói ba hoa, nói leo càng tránh xa

Việc làm chậm chỉ mới là...

Đừng như mèo mửa, người ta chê cười

Vẽ rống cho đẹp cho tươi

Vẽ nên giun rắn... eo ôi, thật buồn!

NGHI HUỖN



Tranh của CẬN



Tranh của LÊ VIỆT TRÍ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ



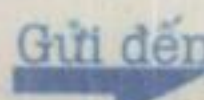
SỬ DỤNG DỊCH VỤ CỦA CÔNG TY XSKT THỦ ĐỨC

XEM KẾT QUẢ XỔ SỐ CHÍNH XÁC NHẤT

KẾT NỐI TRỰC TIẾP VỚI BIÊN BẢN CỦA HỘI ĐỒNG GIÁM SÁT QUAY SỐ

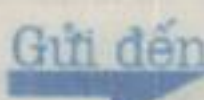


Để lấy kết quả xổ số truyền thống mới nhất

Soạn tin: **XSTD**  **8197**

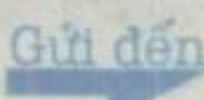


Để lấy 3 kết quả: xổ số truyền thống
- xổ số điện toán và lô tô cặp số

Soạn tin: **XSTD**  **8297**

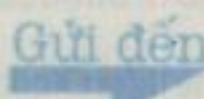


Để nhận kết quả xổ số trực tiếp từ trường quay

Soạn tin: **XSTD**  **8597**



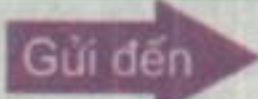
Để lấy kết quả xổ số truyền thống - xổ số
điện toán và lô tô cặp số 20 ngày liên tục.

Soạn tin: **XSTD**  **8797**

3 6 9 12 14 16

1 5 7 10 12 15

Để nhận kết quả xổ số 3 tỉnh Miền Nam

Soạn tin **XSMN**  **8297**

Để nhận kết quả xổ số Miền Trung

Soạn tin **XSMT**  **8297**

Được đảm bảo bằng thương hiệu xổ số kiến thiết Thủ Đức



EVN CPC
PC KHANH HOA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA KHANH HOA POWER JOINT STOCK COMPANY

Vốn điều lệ: 415.512.960.000 đ

(Bốn trăm mười lăm tỷ năm trăm mười hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng)



Tổng Giám đốc: Ông Nguyễn Thanh Lâm

Các đơn vị thành viên của Công ty gồm:

8 Điện lực, 3 Xí nghiệp: Xí nghiệp lưới điện 110KV; Xí nghiệp Cơ điện - Thí nghiệm;
Xí nghiệp Xây lắp công nghiệp, Trung tâm Viễn thông Điện lực Khánh Hòa,
và 01 Trung tâm Xây dựng điện.



Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa
Đón nhận Huân chương Độc lập hạng nhì,
ngày 11/12/2009.



*Chúc Mừng Năm Mới
Xuân Mậu Thìn 2012*

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

- ✦ Sản xuất và kinh doanh điện năng. Quản lý, vận hành lưới điện phân phối có cấp điện áp tới 110KV.
- ✦ Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án nhà máy nhiệt điện nhỏ, đường dây và trạm điện biến áp có cấp điện áp đến 110KV và các công trình viễn thông.
- ✦ Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm.
- ✦ Kinh doanh, xuất khẩu vật tư, thiết bị điện.
- ✦ Kinh doanh thương mại, thiết bị và phần mềm máy tính.
- ✦ Kinh doanh bất động sản. Cho thuê văn phòng.
- ✦ Đại lý các dịch vụ viễn thông công cộng. Kinh doanh dịch vụ viễn thông công cộng và internet.
- ✦ Đại lý bảo hiểm.
- ✦ Xây dựng, lắp đặt, quản lý, vận hành và sửa chữa các nhà máy thủy điện, nhiệt điện nhỏ, các nhà máy điện diesel, máy phát điện diesel. Xây lắp các công trình viễn thông công cộng, công trình công nghiệp và dân dụng.
- ✦ Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp cấp điện áp dưới 110KV cấp 2, nhà máy điện cấp 4. Thí nghiệm thiết bị điện đến cấp điện áp 110KV. Kiểm định công tơ điện.
- ✦ Kinh doanh dịch vụ quảng cáo.
- ✦ Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí (trừ máy móc, thiết bị).
- ✦ Dịch vụ khách sạn.
- ✦ Kinh doanh thiết bị viễn thông.
- ✦ Vận chuyển hàng hóa.
- ✦ Đại lý bán hàng vật tư, thiết bị điện.

Trụ sở: 11 Lý Thánh Tôn - Nha Trang - Khánh Hòa * Điện thoại: (058) 2.220.220
Fax: (058) 3.823.828 * Email: info@khpc.com.vn * Website: http://www.khpc.com.vn



BỆNH VIỆN 87

ĐỊA CHỈ: 78 TỈNH LỘ - NHA TRANG - KHÁNH HÒA
ĐIỆN THOẠI: 069.753740



Bệnh viện 87 trong những năm gần đây không ngừng được đầu tư về cơ sở hạ tầng, về trang thiết bị y tế ngày càng hiện đại và đồng bộ. Đây là nơi cung cấp các dịch vụ y tế có uy tín, nơi giàu lòng nhân ái, tinh thần trách nhiệm cao phục vụ tận tình, chu đáo, là địa chỉ tin cậy khám, chữa bệnh cho bệnh nhân là Quân nhân và nhân dân trong khu vực. Với đội ngũ chuyên môn có nhiều kinh nghiệm, có trình độ Tiến sĩ, chuyên khoa II, Thạc sĩ, chuyên khoa I, được hỗ trợ các trang bị hiện đại, áp dụng các kỹ thuật y học tiên tiến trong khám, chẩn đoán và điều trị bệnh.

KHÁM BỆNH: Được quản lý, đăng ký bằng hệ thống mạng LAN, bệnh nhân đến khám thông qua hệ thống lấy số tự động.

HỒI SỨC CẤP CỨU: Được trang bị hệ thống theo dõi trung tâm với các giường bệnh. Ngoài ra còn có các máy thở có nhiều chức năng hiện đại, máy sốc điện...

PHẪU THUẬT - GÂY MÊ HỒI SỨC: Được đầu tư phòng mổ, máy mổ nội soi, bàn mổ đa năng, hệ thống máy gây mê hiện đại, dao mổ điện có chức năng hàn mạch máu.

CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH: Với hệ thống Xquang kỹ thuật số cho kết quả nhanh chóng, chính xác, hình ảnh film chất lượng tốt. Máy CT Scanner đa lát cắt: chụp đầu, ngực, bụng. Máy Xquang cánh tay C (C-ARM) giúp kiểm tra sau nắn chỉnh và kết hợp xương ngay trên bàn mổ. Ngoài ra các kỹ thuật chụp thận thuốc, chụp thận ngược dòng, chụp bao rốn thần kinh, chụp dạ dày cản quang kép... vẫn thường xuyên được thực hiện. Máy siêu âm 4D đã giúp cho Lâm sàng chẩn đoán chính xác các bệnh tim, mạch máu, đặc biệt là siêu âm thai và siêu âm đầu dò.

XÉT NGHIỆM: Với hệ thống máy huyết học và sinh hóa tự động đã giải quyết cơ bản các yêu cầu cho lâm sàng để phục vụ chẩn đoán và điều trị. Trung tâm An toàn Truyền máu có trang thiết bị hiện đại, có ngân hàng dự trữ máu, thường xuyên cung cấp đầy đủ nhu cầu cho cấp cứu, điều trị và phòng tư vấn sức khỏe cộng đồng được PEPFAR Hoa Kỳ tài trợ.

NGOẠI KHOA: Đã thực hiện các kỹ thuật phẫu thuật nội soi, cắt túi mật, khâu lỗ thủng dạ dày, viêm ruột thừa, cắt chỏm nang gan, thận, u phì đại lành tính tuyến tiền liệt, u bàng quang nông, nội soi lấy sỏi niệu quản, bàng quang, nội soi tán sỏi niệu quản ngược dòng. Thay khớp háng bán phần, toàn phần, phẫu thuật nội soi khớp gối, phẫu thuật sọ não, cột sống, lấy máu tụ giảm áp, lấy nhân nhầy đĩa đệm làm vững cột sống.

CHUYÊN KHOA: Phẫu thuật viêm tai xương chũm và nhĩ 1 thì, nội soi chẩn đoán bệnh lý tai mũi họng; có hệ thống ghế răng gắn Camera quan sát..., phẫu thuật đục thủy tinh thể bằng phương pháp Phaco...

NỘI SOI TIÊU HÓA: Ông mềm ứng dụng trong chẩn đoán bệnh tiêu hóa, tầm soát các bệnh ung thư ống tiêu hóa sớm và điều trị các bệnh Polyp dạ dày, thắt tĩnh mạch thực quản ở bệnh nhân xơ gan.

Y HỌC CỔ TRUYỀN - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG: Với trang bị hệ thống máy kéo dẫn Autotrac, kéo dẫn cột sống cổ, phòng tập phục hồi đa chức năng, xoa bóp lý liệu, điện châm đã điều trị các bệnh về suy tĩnh mạch chi, hạn chế vận động khớp...

SẢN PHỤ KHOA: Nội soi cắt u nang buồng trứng, chữa ngoài dạ con vỡ, triệt sản nữ...

Thành tích khen thưởng: Huân chương Quân công hạng ba, Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng nhì và nhiều bằng, giấy khen....

TẮM BÙN THÁP BÀ NHA TRANG CHĂM SÓC SỨC KHOẺ VÀ LÀN DA TỪ THIÊN NHIÊN

Khác với những liệu pháp Spa thông thường, việc ngâm nước khoáng và bùn khoáng thiên nhiên là một trị liệu spa lý tưởng chăm sóc sức khỏe và vẻ đẹp cho làn da của Bạn.

Bằng nguồn nước khoáng nóng và bùn khoáng thiên nhiên, Suối Khoáng Nóng Tháp Bà Nha Trang đã tạo ra những sản phẩm dịch vụ chăm sóc sức khỏe được nhiều du khách yêu thích. Ở đây, du khách sẽ được tận hưởng không gian nghỉ dưỡng trong lành và hồi phục sức khỏe nhờ các liệu pháp massage, ngâm bùn khoáng, ngâm nước khoáng nóng....

Gói dịch vụ với tên gọi V.I.P Spa và Tắm Bùn Khoáng Tiên Sa được nhiều du khách ưa chuộng hơn bởi liệu trình chăm sóc sức khỏe được thực hiện trong không gian mang tính giao hòa giữa tiện nghi và thiên nhiên.

V.I.P Spa với khuôn viên 2000m² có 14 phòng được trang trí lạ mắt và tiện nghi. Tại mỗi phòng, du khách sẽ được tận hưởng cảm giác thật thú vị với phương pháp trị liệu chăm sóc sức khỏe từ thiên nhiên: ngâm bùn khoáng nóng và nước khoáng nóng, massage với tinh dầu gừng ấm áp, ấn huyết bằng thảo dược thiên nhiên... và bên ngoài là một

hồ bơi nước khoáng nóng thật hấp dẫn. V.I.P Spa mang một màu sắc riêng với cách bài trí tinh tế đến cả từng góc ánh sáng, cách phối màu đơn giản hài hòa, cách bố trí cửa sổ đón ánh nắng mặt trời và cho ánh mắt của du khách thỏa sức khám phá cảnh sắc thiên nhiên yên ả....

Khác với V.I.P Spa, liệu trình chăm sóc sức khỏe của dịch vụ Tắm Bùn Khoáng Tiên Sa được thực hiện tại một khoáng không gian ngoài trời, với khung cảnh thiên nhiên thơ mộng, riêng tư. Liệu pháp ngâm bùn khoáng, nước khoáng với thảo dược, kết hợp với liệu pháp massage chân giúp xua tan mệt mỏi, giảm stress. Nhiều du khách khi đến khu vực Tiên Sa đã ví nơi đây là thiên đường.

Liệu pháp ngâm bùn khoáng được ưa chuộng từ thời xa xưa bởi Bùn khoáng không chỉ giúp loại bỏ các tế bào chết trên da, giúp da mịn màng, tươi trẻ mà còn có tác dụng giảm đau nhức đối với xương, khớp, giúp cơ thể thoải mái, nhẹ nhàng và đầy hưng phấn. Hãy đến để thưởng thức và cảm nhận cảm giác thú vị này...



Chúc mừng năm mới 2012
HAPPY NEW YEAR



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT TRUNG (CÔNG TY VIỆT TRUNG)

Đơn vị 2 lần Anh hùng - Top 500 thương hiệu Việt

DANH HIỆU, PHÂN THƯỞNG NHÀ NƯỚC:

- Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, năm 1999.
- Đơn vị Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới, năm 2005.
- Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2004; hạng Nhì năm 2010.
- 15 Huân chương Lao động các hạng (3 nhất, 4 nhì, 8 ba) qua các thời kỳ.
- Cúp vàng "Chất lượng Việt Nam", năm 2003.
- Cúp vàng "Vi sự nghiệp phát triển cộng đồng" lần 1 năm 2004, lần 2 năm 2006.

- Cúp vàng "Thương hiệu và nhân hiệu", các năm 2005, 2007.
- Cúp "Thương hiệu mạnh", năm 2006.
- Cúp vàng ISO năm 2007.
- Cúp vàng WTO năm 2008.
- Siêu cúp "Thương hiệu mạnh và phát triển bền vững".
- Cúp vàng "Vi sự nghiệp An toàn lao động" năm 2009.
- Áp dụng tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001-2000 trên tất cả các loại sản phẩm.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- >> Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ mùn cao su.
- >> Sản xuất giống cây cao su, cây lâm nghiệp, cây hồ tiêu.
- >> Chế biến gỗ nguyên liệu, gỗ thành phẩm từ nguyên liệu rừng trồng.
- >> Kinh doanh khách sạn, du lịch.
- >> Sản xuất gạch, ngói tuynel.
- >> Sản xuất phân bón phục vụ ngành cao su.
- >> Kinh doanh các loại vật tư phục vụ ngành cao su, chế biến gỗ, gạch ngói...

Địa chỉ: Thị trấn Nông trường Việt Trung, Bồ Trạch, Quảng Bình.
Điện thoại: 052 3796 105; Fax: 052 3796 060 Website: www.viettrung.qb.vn
Email: Viettrung.qb@gmail.com Chủ tịch kiêm Giám đốc: PHẠM TIỀN CẨM

*Chúc Mừng Năm Mới
Nhâm Thìn 2012*



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG I CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12

Đơn vị đã 3 lần được phong tặng Danh hiệu Anh hùng

Địa chỉ: 463 Nguyễn Văn Linh - Phường Phúc Đồng - Quận Long Biên - TP. Hà Nội
Điện thoại: (84 - 04) 8.3759.413; Fax (84 - 04) 8.3759.419 Email: congtycpcau12@hn.vnn.vn; Website: www.congtycpcau12.vn

Giám đốc: Kỹ sư Phạm Xuân Thủy

Công ty Cổ phần Cầu 12- CIENCO1 (BJSC12- CIENCO1) trước đây là Công ty Cầu 12 thuộc Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Bộ Giao thông vận tải. BJSC12- Cienco1 được thành lập ngày 17 - 8 - 1952, là đơn vị xây dựng cầu đầu tiên của Việt Nam.

Trải qua hai cuộc kháng chiến và quá trình tái thiết đất nước, (BJSC12-Cienco1) đã sửa chữa, khôi phục và xây dựng mới hàng trăm cây cầu, góp phần quan trọng vào việc giữ liên mạch máu giao thông và phục hồi kinh tế đất nước. Bước vào thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay, BJSC12- Cienco1 luôn luôn là đơn vị tiên phong đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, trang thiết bị tiên tiến, hiện đại, thắng thầu và xây dựng nhiều công trình giao thông có quy mô lớn, kỹ thuật cao trong phạm vi cả nước và ở nước ngoài. Tiến độ và chất lượng công trình luôn được BJSC12- Cienco1 đặt lên thành tiêu chí hàng đầu. Nhiều công trình do BJSC12- Cienco1 thi công đã được đánh giá là công trình có chất lượng cao, mỹ thuật đẹp. Hệ thống quản lý chất lượng được xây dựng và vận hành theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 20%/năm. BJSC12-Cienco1 là doanh nghiệp Nhà nước hạng 1.

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, BJSC12- Cienco1 đã chuyển đổi thành Công ty cổ phần, không ngừng nâng cao hiệu quả quản lý và sức cạnh tranh của doanh nghiệp, tiếp tục giữ vững và phát huy truyền thống là một đơn vị đã 3 lần được Đảng và Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Các công trình mà BJSC12- Cienco1 thi công là những công trình lớn, mang tầm cỡ chiến lược, là huyết mạch giao thương trong sự phát triển và hội nhập, được Đảng, Nhà nước, các cơ quan ban ngành quan tâm đến tận chân công trình để kiểm tra và động viên cán bộ công nhân trên công trường.



BJSC12- Cienco1 cam kết xây dựng và bảo vệ thương hiệu, phấn đấu trở thành công ty hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng giao thông, dân dụng và công nghiệp.



Chúc Mừng Năm Mới Nhâm Thìn 2012



Cầu Thanh Trì - cầu bê tông lớn nhất Đông Nam Á do BJSC12- Cienco1 thi công.



TẬP ĐOÀN SÔNG ĐÀ 50 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

GIẢI ĐOẠN TỪ KHI THÀNH LẬP (1961) ĐẾN NĂM 1975

TRONG giai đoạn này, đất nước đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam. Trước yêu cầu đòi hỏi ấy và để xây dựng cơ sở vật chất cho Chủ nghĩa xã hội thì điện phải đi trước một bước. Thủy điện Thác Bà (CS 110MW), công trình thủy điện lớn nhất miền Bắc khi đó là một trong những công trình điện mở đầu cho công cuộc phát triển điện khí hóa của đất nước. Đây cũng là công trình thủy điện đầu tiên, cánh chim đầu đàn của ngành thủy điện Việt Nam. Để triển khai thi công xây dựng công trình, ngày 01/6/1961 Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 214 TTg về việc thành lập Ban chỉ huy công trường thủy điện Thác Bà, sau được đổi thành Công ty Xây dựng thủy điện Thác Bà. Quyết định này đã trở thành quyết định lịch sử khai sinh ra ngành xây dựng thủy điện Việt Nam. Bắt đầu từ đây, lịch sử phát triển của Sông Đà gắn liền với những công trình thủy điện của đất nước. Sau 3 năm rưỡi thi công, công trình đã phải tạm ngừng vào giữa năm 1966 vì đế quốc Mỹ điên cuồng đánh phá miền Bắc, ngay lập tức công trường chuyển sang tư thế vừa xây dựng, vừa sẵn sàng chiến đấu bảo vệ công trình. Sau khi đế quốc Mỹ tạm ngừng ném bom miền Bắc, công trường được khôi phục trở lại từ tháng 8/1968 và đến 22/2/1970 đã tiến hành ngăn sông. Sau 8 năm xây dựng (không kể 2 năm tạm ngừng thi công) dưới sự giúp đỡ về kỹ thuật của các chuyên gia Liên Xô, TM1 đã khởi động vào đúng dịp lễ Quốc khánh, ngày 2/9/1971 và TM3 khởi động vào ngày sinh nhật Bác 19/5/1972. Thủy điện Thác Bà mãi mãi xứng đáng được lưu danh như một biểu tượng của lòng yêu nước, ý chí kiên cường, tinh thần quả cảm của những người thợ xây dựng thủy điện đầu tiên ở Việt Nam. Việc hoàn thành thi công xây dựng công trình thủy điện Thác Bà cũng là hoàn thành khóa học đầu tiên của một thế hệ cán bộ quản lý và những người thợ về xây dựng thủy điện cho tương lai.

GIẢI ĐOẠN TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 1995:

Năm 1975 khi đất nước thống nhất, cả nước bắt tay vào công cuộc khôi phục kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất cho Chủ nghĩa xã hội. Công ty Xây dựng thủy điện Thác Bà được Đảng và Nhà nước tin tưởng giao cho nhiệm vụ rất nặng nề nhưng vô cùng vinh quang, đó là: Chinh phục Sông Đà, xây dựng nhà máy thủy điện lớn nhất Đông Nam Á (thời kỳ đó) - thủy điện Hoà Bình, công suất 1.920MW với 8 tổ máy. Chính trong thời gian này, tên của dòng sông Đà đã trở thành tên gọi mới của Công ty: Công ty Xây dựng thủy điện Sông Đà và năm 1979 được nâng lên thành Tổng công ty Xây dựng thủy điện Sông Đà. Một trang sử mới của Tổng công ty được mở ra ngay trên vùng đất từng được coi là "ma thiêng, nước độc" này.

Tại công trình thế kỷ này, Hội đồng Bộ trưởng đã quyết định công trường được mang tên "Công trường Thanh niên Cộng sản", với tinh thần: "Sông Đà vì cả nước, cả nước chi viện cho Sông Đà". Hàng vạn CBCNV, đặc biệt là những kỹ sư, những người thợ trẻ trên khắp mọi miền của đất nước về đây, đã không quản ngày đêm, gian khổ, thời tiết khắc nghiệt, bất chấp mọi hiểm nguy để làm việc với tinh thần "Tất cả vì dòng điện ngày mai cho Tổ quốc". Những ngày đầu của thời kỳ đổi mới biết bao khó khăn bỡ ngỡ bởi chuyển đổi cả một cơ chế với nếp nghĩ cũ sang cơ chế mới, với cách nghĩ cách làm mới. Đây có thể coi là giai đoạn khó khăn, tổn thất về lực lượng của Tổng công ty XD TĐ Sông Đà. Chính vì vậy, Tổng công ty đã thực hiện nhiều phương án phát triển SXKD theo hướng đa dạng hóa các loại hình kinh doanh nhưng vẫn giữ thế mạnh chủ lực là xây dựng các công trình thủy điện.

GIẢI ĐOẠN TỪ NĂM 1995 ĐẾN NĂM 2010:

Đây là giai đoạn đất nước tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường theo định hướng xã hội Chủ nghĩa, thực hiện mở cửa để hội nhập với nền kinh tế thế giới. Năm 1995, Tổng công ty Xây dựng Sông Đà chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Tổng công ty nhà nước, được Bộ Xây dựng quyết định chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Năm 2001, lực lượng xây dựng thủy điện của Tổng công ty đã phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng, với 18 đơn vị chuyên ngành, cùng với lực



Kể từ ngày thành lập, Tập đoàn Sông Đà đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển, với 5 lần đổi tên: Tiền thân là Ban chỉ huy Công trường thủy điện Thác Bà, sau đổi thành Công ty Xây dựng thủy điện Thác Bà, Tổng công ty Xây dựng thủy điện Sông Đà, Tổng công ty Xây dựng Sông Đà, rồi Tổng công ty Sông Đà. Và ngày 12/01/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ký phê duyệt Đề án thí điểm thành lập Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam do Tổng công ty Sông Đà làm nòng cốt, với sự tham gia của các Tổng công ty: LILAMA, LICOI, COMA, Sông Hồng, DIC... Đồng thời Thủ tướng Chính phủ cũng ký Quyết định thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà. Trải qua bao thăng trầm, các thế hệ cán bộ, công nhân viên của Tổng công ty Xây dựng thủy điện Sông Đà đã đóng góp một phần sức lực, trí tuệ của mình cho sự lớn mạnh của Tập đoàn ngày nay.

lượng lao động bình quân trên 20 ngàn người, đội ngũ cán bộ quản lý giàu kinh nghiệm. Tổng công ty tiếp tục được Đảng, Chính phủ giao cho làm Tổng thầu EPC các công trình thủy điện: Sê San 3 (273MW), Tuyên Quang (342MW) và Tổng thầu xây lắp hầu hết dự án thủy điện lớn như: Huội Quảng (520MW), Bản Vẽ (320MW), Sê San 4 (360MW), Pleikrông (100MW), Sơn La (2.400MW), Lai Châu (1.200MW)... Từ đơn vị chuyên về thi công xây lắp, Tổng công ty đã tích lũy kinh nghiệm, làm chủ công nghệ, để vươn lên làm Chủ đầu tư và tự thực hiện (từ công tác tư vấn, đến thi công xây lắp) nhiều dự án trong các lĩnh vực, nhằm mở rộng quy mô SXKD của TCT: Thủy điện, Sản xuất VLXD, Hạ tầng giao thông, Nhà và đô thị.

GIẢI ĐOẠN TỪ NĂM 2010 ĐẾN NAY:

Ngày 12/01/2010 Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 52/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án thí điểm thành lập Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam do Tổng công ty Sông Đà làm nòng cốt, với sự tham gia của các Tổng công ty: LILAMA, DIC, LICOI, COMA, Sông Hồng và Quyết định số 53 /QĐ-TTg thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà. Đây được coi là sự kiện vô cùng quan trọng, đánh dấu bước phát triển mới của Tổng công ty Sông Đà cùng với tiến trình đổi mới, hội nhập kinh tế thế giới của đất nước.

Hiện nay, Tập đoàn đang triển khai xây dựng chiến lược phát triển Tập đoàn đến năm 2015 tầm nhìn đến năm 2020 có hướng tới năm 2030 và chiến lược kinh doanh của các Tổng công ty, công ty con thuộc Tập đoàn; Thực hiện tái cơ cấu lại các công ty con thành các đơn vị chuyên ngành để tạo nên sức mạnh tổng hợp đủ sức cạnh tranh với các Tập đoàn kinh tế lớn trong khu vực và thế giới, góp phần quan trọng vào thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong suốt những năm qua, Công tác chính trị tư tưởng của Đảng bộ Tập đoàn Sông Đà luôn được quan tâm, không ngừng

đổi mới và bám sát yêu cầu, nhiệm vụ phát triển của Tập đoàn. Đời sống vật chất, tinh thần của CBCNV không ngừng nâng lên, công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị của Tập đoàn trong sạch, vững mạnh. Đáp ứng ngày càng cao nhiệm vụ của Tập đoàn trong giai đoạn phát triển mới.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Tập đoàn Sông Đà luôn đặc biệt quan tâm đến đảm bảo việc làm và thu nhập cho CBCNV, cũng như quan tâm tổ chức nơi ăn, ở cho người lao động tại các công trường, nhà máy, trang bị các phương tiện truyền thông, thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống vật chất, tinh thần ngày càng cao của CBCNV, đặc biệt là tại các công trường vùng sâu, vùng xa. Tập đoàn Sông Đà là một trong những doanh nghiệp đi đầu trong việc thực hiện Nghị quyết 30a của Chính phủ về chương trình hỗ trợ các huyện nghèo. Hiện nay, Tập đoàn Sông Đà đã và đang thực hiện hỗ trợ 02 huyện nghèo: Mường La và Phù Yên của Tỉnh Sơn La với giá trị là 40,695 tỷ đồng. Tất cả để tiến tới xây dựng Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam thành Tập đoàn kinh tế mạnh ở trong nước và khu vực, có quy mô lớn, hiện đại, đa sở hữu, sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao trên 6 lĩnh vực: Xây dựng và lắp đặt thiết bị; Sản xuất công nghiệp xi măng - sắt thép; Sản xuất và kinh doanh điện; Chế tạo cơ khí; Khu công nghiệp; Phát triển đô thị - nhà ở và Bất động sản.

Để ghi nhận những nỗ lực của CBCNV và những thành tích to lớn mà TCT Sông Đà đã đạt được, Đảng và Nhà nước tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lao động cho 05 tập thể và 14 cá nhân, trong đó TCT Sông Đà là doanh nghiệp XD đầu tiên vinh dự được nhận danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới và 02 Huân chương Hồ Chí Minh; 15 Huân chương Độc lập hạng Nhất, Nhì, Ba cho các tập thể, cá nhân và nhiều danh hiệu cao quý khác.

Có thể nói, lịch sử phát triển của Tập đoàn Sông Đà luôn gắn liền với các công trình trọng điểm, góp phần không nhỏ vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước. 50 năm đã qua là một chặng đường vinh quang và rất đỗi tự hào của mỗi người con Sông Đà hôm qua, hôm nay và mai sau. ■



NCTS NOI BAI CARGO
TERMINAL SERVICES JSC.



Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài (NCTS) được đánh giá là công ty phục vụ hàng hóa hàng không hàng đầu tại Việt Nam. Hiện tại, công ty NCTS phục vụ trên 95 % sản lượng hàng hóa hàng không nội địa và quốc tế qua sân bay quốc tế Nội Bài và là đối tác cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hóa cho hơn 25 hãng hàng không.

Là thành viên Hội đồng Phục vụ Mặt đất của IATA - IGHC: năm 2006

Nhận Chứng chỉ Tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2008: năm 2008

Mục tiêu chất lượng:

An toàn, chính xác, đúng giờ, phong cách phục vụ chuyên nghiệp.

Các dịch vụ chính:

- Phục vụ hàng quốc tế
- Phục vụ hàng nội địa
- Phục vụ hàng mau hỏng
- Phục vụ hàng giá trị cao
- Phục vụ hàng động vật sống
- Phục vụ hàng nguy hiểm
- Phục vụ hàng chuyển phát nhanh
- Dịch vụ phát hàng lẻ
- Phục vụ hàng hóa tại kho hàng ngoài sân bay

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI - NCTS

Sân bay quốc tế Nội Bài, Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam

ĐT/Tel: (84-4) 35840905 | Fax: (84-4) 35840906 | SITA: HANFOXH | Website: www.noibaicargo.com.vn



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

Thư Chúc mừng Năm mới

Nhân dịp đón mừng Năm mới 2012 và Tết Nguyên đán Nhâm Thìn, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (VINACOMIN) xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội, các Bộ, Ban ngành, các đoàn thể Trung ương; Đảng bộ, chính quyền, các đoàn thể, các lực lượng vũ trang và nhân dân các địa phương trong cả nước; các Đoàn ngoại giao và Tổ chức quốc tế; các bạn hàng, đối tác trong nước và nước ngoài; các cơ quan truyền thông của Trung ương, địa phương và các ngành... về sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ, hợp tác có hiệu quả đối với Tập đoàn trong năm qua và mong tiếp tục nhận được sự quan tâm giúp đỡ, hợp tác của các Đồng chí, các Quý vị trong năm 2012.

Xin trân trọng biết ơn các thể hệ cán bộ, công nhân viên chức và Người lao động Ngành Than - Khoáng sản Việt Nam về thành quả lao động và đóng góp của các Đồng chí trong thời gian qua và mong rằng các đồng chí tiếp tục đóng góp sức lực và trí tuệ để xây dựng Tập đoàn Vinacomin tiếp tục phát triển bền vững;

Kính chúc các Đồng chí, các Quý vị và Gia đình Năm mới Mạnh khỏe - Hạnh phúc và Thành công.

TM. LÃNH ĐẠO TẬP ĐOÀN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Minh Chuẩn

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Trần Xuân Hòa

HAPPY NEW
YEAR
2012





TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI (DOFICO) HÀNH TRÌNH VƯƠN RA BIỂN LỚN



Năm 2005, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thành lập Tổng Công ty công nghiệp thực phẩm Đồng Nai (Dofico- Trụ sở chính tại số 21 đường 2A KCN Biên Hòa 2-Đồng Nai), hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con đầu tiên tại Đồng Nai. Đó là cả một gánh nặng khi rất nhiều kỳ vọng đặt ra cho vai trò của công ty mẹ - lúc bấy giờ là Công ty TNHH MTV thuốc lá Đồng Nai

Thách thức đầu tiên là năng lực tài chính của công ty mẹ bởi, công ty mẹ vừa là đại diện chủ sở hữu Nhà nước để quản lý phần vốn, nhưng cũng phải đủ vốn để theo đuổi "cuộc chơi" nhất là tại các công ty cổ phần. Và đối với các cổ đông chiến lược, cổ đông bên ngoài quan hệ đối vốn là quan hệ đứng hàng đầu trong mô hình của các công ty cổ phần.

Thách thức thứ hai, đó là năng lực lãnh đạo, vì quá trình chuyển từ mô hình quản lý công ty hoạt động đơn ngành sang mô hình Tổng Công ty đa ngành hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con có những đòi hỏi và yêu cầu cao hơn rất nhiều.

Thử thách cuối, tại thời điểm thành lập các quy định, quy chế hoạt động đối với các Tổng Công ty còn nhiều bất cập.

Xác định cụ thể nhiệm vụ, mục tiêu nên ngay từ đầu nhiệm kỳ, Dofico đã triển khai đồng bộ, có hiệu quả hàng loạt các giải pháp để phát triển sản xuất kinh doanh như: Đẩy mạnh chương trình nghiên cứu thị trường, phát triển sản phẩm, dịch vụ mới theo hướng đa dạng hóa phù hợp với từng thị trường và đối tượng khách hàng; không ngừng nâng cao chất lượng, hàng hóa, dịch vụ thông qua thực hiện nghiêm các quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000 và ISO 9001: 2008...

Trong những năm qua, Dofico chủ động tìm kiếm, thương lượng, ký kết các thỏa thuận hợp tác với các tập đoàn kinh tế của các nước như Pháp, Nhật, Malaysia, Singapore để triển khai các dự án, chương trình trọng điểm.

Điển hình, năm 2010, Dofico đã đồng tổ chức dự án Khu liên hợp công nông nghiệp Agropark trên diện tích 2.187ha, với tổng vốn đầu tư khoảng 1.960 tỷ đồng và được thực hiện trong giai đoạn từ nay

Chúc Mừng Năm Mới Nhâm Thìn 2012

đến năm 2015. Đây là một dự án chưa có tiền lệ nên phải giải quyết mô hình tổ chức và cấu trúc của Khu liên hợp để đảm bảo tính liên hợp giữa công nghiệp và nông nghiệp, mà thực chất là kết nối 3 loại hình: sản xuất nguyên liệu - công nghiệp chế biến và dịch vụ để ba thành phần này tạo sự hỗ trợ lẫn nhau một cách có hiệu quả, giúp các nhà đầu tư và sản phẩm có sức cạnh tranh tốt nhất. Hiện dự án đã tạo được sức hút đối với nhiều nhà đầu tư, nhất là các nhà đầu tư Nhật Bản, Pháp, Hà Lan...

Bên cạnh đó, việc nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KHKT trong sản xuất và kinh doanh luôn được Dofico đặc biệt quan tâm bằng việc thường xuyên phát động các phong trào thi đua, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, cải tạo quy trình sản xuất, chọn tạo, phục tráng, nhập khẩu giống mới... Điển hình như Nhà máy Chế biến thực phẩm Đồng Nai (công ty con của Dofico) đã trang bị một hệ thống trang thiết bị, công nghệ và quy trình giết mổ hiện đại nhất Đồng Nam Á với dây chuyền chế biến gà công suất 2.000 con/giờ của Linco Food Systems (Đan Mạch) và dây chuyền chế biến heo công suất 100con/giờ của Banss Meat Technology (Đức) để đưa thực phẩm sạch đến với người tiêu dùng...

Với nỗ lực vượt qua khó khăn, giai đoạn 5 năm từ 2005-2010 Dofico mang lại nhiều thay đổi to lớn về quy mô, hiệu quả kinh tế. Sau 5 năm Tổng Công ty có tổng vốn điều lệ từ 842 tỷ đồng đã tăng lên 4.500 tỷ đồng, tăng 534%. Dofico được xếp hạng 101 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam theo bảng xếp hạng của VNR500 và là đối tác của các Tập đoàn lớn như Toyota, Marubeni (Nhật Bản), Imperial Tobacco (Anh), Alain Glon Holdings (Pháp)... Năm 2011, tiếp tục là năm thành công của Dofico, với doanh thu đạt 8.250 tỷ đồng, nộp ngân sách 1.300 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận đạt trên 20%.





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

DONG TIEN JOINT STOCK COMPANY – DOVITEC
ISO 9001:2000; SA 8000:2001 & WRAP

Địa chỉ : Số 10, đường Phan Trung, P.Tân Tiến, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
 Điện thoại : 061.3822248; 3822030- Fax : 061.3823441. Email : dovitec@hcm.vnn.vn
 Website : www.dovitec.com.vn



ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

- Huân chương Độc lập hạng Ba.
- Huân chương LĐ các hạng Nhất, Nhì, Ba.
- Huân chương Lao động hạng Ba cho tổ chức Công đoàn.
- 4 Cờ thi đua xuất sắc của Thủ tướng Chính phủ.
- Doanh nghiệp tiêu biểu ngành Dệt May VN từ năm 2005-2010.
- Giải Sao vàng Đất Việt năm 2008-2009-2010.
- Giải thưởng Trách nhiệm xã hội năm 2007-2009
- Giải thưởng Nhân ái Việt Nam năm 2009.
- Doanh nghiệp xuất sắc khối doanh nghiệp tỉnh ĐN nhiều năm liền & nhiều giải thưởng, khen thưởng có giá trị khác...

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH: Sản xuất - Kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại sản phẩm may mặc cao cấp, các mặt hàng thời trang phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng nội địa. Mua bán máy móc thiết bị, nguyên phụ liệu ngành dệt may và một số dịch vụ khác...

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Thành lập năm 1990. (Trước 01-04-2007 là công ty TNHH May Đồng Tiến). Lực lượng ban đầu : 165 CB.CNV. Năm 2011, đã phát triển lên hơn 2.700 người. Đi lên từ lực lượng và nguồn vốn ít ỏi, đến nay công ty đã trải qua 21 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm từ 10 - 25%. Đặc biệt, năm 2011, công ty đạt kết quả SX-KD vượt trội, trong đó các chỉ tiêu quan trọng như : Tổng doanh thu, Lợi nhuận, nộp ngân sách, năng suất lao động bình quân, thu nhập bình quân của người lao động đều tăng hơn năm 2010 từ 15 - 35%. Công ty luôn thực hiện đầy đủ mọi chế độ chính sách Nhà nước đối với người lao động, áp dụng nhiều giải pháp tăng thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CB-CNV...

Công ty còn là một trong những đơn vị đi đầu thực hành tiết kiệm, tích cực tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, các chương trình nhân đạo xã hội với tổng số tiền hơn 17,5 tỷ đồng.

Một góc xưởng sản xuất áo Jacket xuất khẩu tại công ty



TGD Vũ Ngọc Thuận, thăm và tặng quà cho các cháu tại Trung tâm nuôi dạy trẻ em khuyết tật tỉnh Đồng Nai

Chúc Mừng Năm Mới 2012



ISO 9001:2008

QUÂN KHU 7 CÔNG TY DỆT MAY 7

TEXTILE AND GARMENT COMPANY No 7

Số 109 A Trần Văn Dư, phường 13, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
 ĐT: 08. 38425 372 * Fax: 08. 38100 489

Ngành nghề:

- Công nghiệp dệt – nhuộm – in – may.
- Sản xuất vải bạt chống thấm và nhà bạt các loại phục vụ quốc phòng và dân dụng.
- Xuất nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, sản phẩm ngành dệt, may.
- Sản xuất, gia công các sản phẩm cơ khí phục vụ quốc phòng và dân dụng.
- Kinh doanh các loại nguyên vật liệu, phụ tùng, hóa chất, sản phẩm của ngành dệt – nhuộm – in – may.



Văn phòng Công ty



Xưởng Dệt kim Xã nghiệp Dệt



Sản xuất vải in loang tại Xã nghiệp Nhuộm.



Xí nghiệp May

D2D

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2 (CÔNG TY D2D)

Địa Chỉ : H22 Võ Thị Sáu , P.Thống Nhất, BH-ĐN
Đường 7B, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Trạch - ĐN

ĐT: (061)3817742 - 3817771

Website : www.d2d.com.vn

Fax : (061)3817768

Email : d2d@d2d.com.vn

CÔNG TRÌNH : TOPAZ TWINS
CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH BERJAYA - D2D
Địa Chỉ : P.Thống Nhất - Biên Hòa - Đồng Nai



VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT • Tổng biên tập : NGUYỄN TRÍ HUẤN • Phó tổng biên tập : THÀNH ĐỨC TRINH BẢO
• Tòa soạn, Trị sự : 17 Trần Quốc Toàn - Hoàn Kiếm - Hà Nội. • Điện thoại: Ban biên tập (04) 62702634; Trị sự (04) 62702629; Kế toán (04) 62702640
• Email: thuybvn@gmail.com; banthovn@gmail.com; banvanvn@gmail.com; lyuanphebinhvn@gmail.com; vanhocnuocngoai.vn@gmail.com; bannghehvatvn@gmail.com.
• Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam: 43 Đồng Khởi, T.P Hồ Chí Minh - Điện thoại : (08) 38298802 • Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung: Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa - Điện thoại : (037) 3851752 - 3853522; 292 Đường Hai Tháng Tư, TP. Nha Trang - Điện thoại/ Fax : (058) 3825867. • In tại Công ty in Báo Nhân dân Hà Nội
• ISSN 0866 - 0815 • MST: 0100784855; Tài khoản: 102010000018171 - Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng - Hà Nội • Trình bày: PHẠM MINH HẢI
• Bìa in tại Công ty Cổ phần In Công Đoàn • Kèm Phụ bản Truyện ngắn dự thi chọn lọc

• Giá: 55.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH

SAO SÁNG

Địa chỉ trụ sở chính: Khu Tổng hợp,
xã Bình Phú, huyện Thạch Thất, Hà Nội.
Điện thoại: 04 33673956

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- Chuyên xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ và đường thủy nội địa.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, máy móc xây dựng
- Sản xuất đồ gỗ cao cấp.

Hân hạnh được hợp tác với các Công ty xây dựng để thực hiện một số dự án lớn.

Giám đốc Công ty
NGUYỄN KHẮC CẦN



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG

BÔNG SEN TRẮNG

Địa chỉ: 2A/27 phố Hoàng Quý, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
Điện thoại: Phòng Thị trường: 0934.201.772

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- Chuyên xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp và công trình giao thông thủy lợi.
- Chuyên thi công nạo vét cảng biển, cảng sông và san lấp bằng phun cát.

Rất mong được hợp tác với các Công ty Xây dựng hạ tầng và có năng lực nạo vét cảng biển, cảng sông.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY
PHẠM HẢI NINH





Chúc mừng năm...rột...rột...rột...

Đón mừng Tết đến với những âm thanh rộn vang cùng vị ngon sánh mịn của Fami sẽ khởi đầu một năm mới sức khỏe tràn đầy và niềm vui phúc lộc an khang.

Ngon sánh mịn uống không ngừng.

VinaSoy®